

DIANA GABALDON



Tiểu thuyết lãng mạn về du hành xuyên thời gian
hấp dẫn bậc nhất do Goodreads bình chọn.

AMUN  NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Outlander

Vòng Tròn Đá Thiêng 1



Tác giả: Diana Gabaldon

Người dịch: Khánh Vân

Phát hành: AMun

Nhà xuất bản Thanh Niên 2017

ebook©vctvegroup

*Dành để tưởng niệm mẹ tôi - Jacqueline Sykes Gabaldon,
người đã dạy tôi tập đọc.*

Lúc nào chẳng có người biến mất. Bạn cứ thử hỏi bất kì viên cảnh sát nào xem. Hoặc tốt hơn là hỏi một tay nhà báo ấy. Những vụ mất tích vốn là chuyện cơm bữa đối với cánh nhà báo mà.

Những cô gái trẻ bỏ nhà ra đi. Những đứa bé bị lạc cha mẹ và không bao giờ còn được nhìn thấy nữa. Những bà nội trợ đã chịu đựng hết nỗi, cầm theo số tiền chợ và bắt một chiếc taxi đến nhà ga. Các nhà tư bản tài chính quốc tế thay tên đổi họ và biến mất trong làn khói của những điều xì gà nhập khẩu.

Nhiều người mất tích cuối cùng vẫn sẽ được tìm thấy, hoặc còn sống, hoặc đã chết. Suy cho cùng, những vụ biến mất đều có lời giải thích.

Thường là vậy.

PHẦN MỘT



INVERNESS, NĂM 1945^[1]

1

Một sự khởi đầu mới

Đây không phải là nơi có thể xảy ra những vụ mất tích, ít nhất khi mới thoát nhìn. Căn nhà nghỉ của bà Baird cũng giống hết cả ngàn căn nhà nghỉ khác trên vùng cao nguyên Scotland vào năm 1945: sạch sẽ, yên tĩnh, giấy dán tường có họa tiết hoa cỏ bàng bạc, sàn nhà sáng bóng như gương và trong phòng tắm có một cái thùng đun nước nóng tự động được vận hành bằng tiền xu. Bà Baird có dáng người mập lùn, tính tình thoải mái, bà chẳng cất một lời phản đối khi Frank bày la liệt khắp căn phòng khách nhỏ xíu dán giấy hình hoa hồng của bà hàng tá sách báo mà anh vẫn luôn mang theo trong những chuyến du hành.

Đang đi ra ngoài thì tôi gặp bà Baird ở tiền sảnh. Bà giơ bàn tay múp míp níu cánh tay tôi và vỗ vỗ vào tóc tôi.

“Trời ơi, chị Randall, chị không thể ra đường trong bộ dạng thế này! Đây, để tôi đém chỗ này lại giúp chị. Đó! Khá hơn rồi đó. Chị biết không, cô em họ của tôi vừa khoe với tôi kiểu tóc uốn mới, rất đẹp và giữ nếp; có lẽ lần sau chị nên thử kiểu đó.”

Tôi không nỡ nói với bà rằng những lọn tóc xoắn màu nâu nhạt bất trị của tôi hoàn toàn là sản phẩm của tạo hóa chứ không phải là sai sót của công nghệ uốn tóc. Những lọn tóc dợn sóng sét sao của bà may mắn không bướng bỉnh như vậy

“Vâng, tôi sẽ thử, bà Baird,” tôi nói dối. “Tôi đang định xuống làng để gặp Frank. Chúng tôi sẽ trở về để dùng bữa trà.” Tôi linh ra ngoài cửa và đi xuôi theo con đường nhỏ trước khi bà có thể phát hiện thêm bất cứ khuyết điểm nào khác ở ngoại hình “vô kỷ luật” của tôi. Sau bốn năm làm y tá cho Quân đội Hoàng gia, tôi đang tận hưởng khoảng thời gian được giải thoát

khỏi những bộ đồng phục và chế độ phân phối bằng cách tự cho phép mình thoải mái mặc những chiếc váy cotton in hoa rực rỡ, dù chúng hoàn toàn không phù hợp để đi bộ qua những bãi thạch nam.

Ban đầu tôi cũng không có ý định đi lại nhiều, chỉ mơ tưởng đến những buổi sáng được ngủ nướng và các buổi chiều dài nằm lười trên giường với Frank. Tuy nhiên, ai mà giữ được tâm trạng lãng mạn khi bà Baird cứ cần mẫn hút bụi ngay bên ngoài cửa phòng cơ chứ!

“Đó hẳn là tấm thảm bẩn thỉu nhất vùng cao nguyên Scotland,” Frank đã nhận xét vào một buổi sáng khi chúng tôi nằm trên giường, nghe tiếng máy hút bụi ro ro âm ỉ ngoài hành lang.

“Gần bẩn thỉu bằng đầu óc bà chủ nhà nghỉ của chúng ta,” tôi đồng tình. “Đáng lẽ chúng ta nên tới Brighton.” Chúng tôi đã chọn (nghỉ ngơi ở vùng cao nguyên này trước khi Frank nhậm chức giáo sư lịch sử tại Đại học Oxford, với lý do là Scotland phần nào ít bị bàn tay kinh hoàng của chiến tranh chạm đến hơn so với những vùng còn lại của Anh, và không mấy bị ảnh hưởng bởi những trò vui điên cuồng thời hậu chiến đã tiêm nhiễm các địa điểm du lịch nổi tiếng.

Và dù không ai bảo ai nhưng tôi nghĩ cả hai chúng tôi đều cảm thấy đây là nơi rất có ý nghĩa để vun đắp cho cuộc hôn nhân của chúng tôi; chúng tôi đã kết hôn và có một chuyến trăng mật hai ngày ở vùng cao nguyên này ngay trước khi chiến tranh nổ ra bảy năm trước. Chúng tôi nghĩ đây là một nơi ẩn náu yên bình để khám phá lại nhau mà không nhận ra rằng, trong khi golf và câu cá là những môn thể thao ngoài trời phổ biến nhất ở Scotland thì ngồi lê đôi mách chính là trò tiêu khiển trong nhà phổ biến nhất. Và ở cái xứ sở lăm mưa nhiều gió như thế này, người ta dành rất nhiều thời gian ở trong nhà.

“Anh định đi đâu vậy?” Tôi hỏi, khi Frank hất chân xuống giường.

“Anh không muốn bà lão đáng mến đó thất vọng,” anh trả lời.

Sau đó, ngồi trên mép chiếc giường cũ kỹ, anh nhẹ nhàng nhún lên nhún xuống, phát ra tiếng cọt cọt kẹt đều đặn chói tai. Tiếng máy hút bụi

ngoài hành lang đột ngột dừng lại. Sau một hai phút nhún lên nhún xuống, anh rên to một tiếng khoa trương và ngã ngửa ra sau khiến những chiếc lò xo kêu từng từng phản đối. Tôi úp mặt vào gối cười khúc khích để không làm ảnh hưởng tới sự im lặng đến nghẹt thở ở bên ngoài.

Frank nhượng lòng mày với tôi. “Em phải rên rỉ kích động chứ không phải cười khúc khích như vậy,” anh thì thầm nhắc nhở. “Bà ấy sẽ nghĩ anh không phải là một người tình giỏi mất.”

“Anh sẽ phải làm thế lâu hơn, nếu anh trông chờ những tiếng rên rỉ cuồng dại,” tôi đáp. “Hai phút thì chỉ xứng đáng nhận được một tiếng cười khúc khích thôi.”

“Cô nàng vô tâm này. Anh đến đây để nghỉ ngơi, em nhớ chứ?”

“Đồ lừa nhác. Anh sẽ không bao giờ tạo được nhánh tiếp theo cho cái cây gia phả trừ phi anh tỏ ra siêng năng hơn chút.”

Niềm đam mê của Frank đối với gia phả cũng là một lý do khiến chúng tôi chọn vùng cao nguyên này. Dựa vào một trong những mảnh giấy cũ kỹ dơ dáy mà anh mang đi hết chỗ này đến chỗ nọ, một vị tổ tiên phiền phức của anh có liên quan đến một chuyện gì đó ở vùng này vào giữa thế kỷ mười tám - hay mười bảy thì phải?

“Nếu anh trở thành một cái gốc cụt ngùn trên cây gia phả thì chắc chắn lỗi là ở bà chủ nhà nghỉ không biết mặt mũi của chúng ta ngoài kia. Suy cho cùng, chúng ta cưới nhau đã gần tám năm rồi. Nhóc Frank Con sẽ là đứa con hợp pháp mà không cần phải hoài thai trước mặt một nhân chứng.”

“Nếu nó được hoài thai,” tôi bi quan nói. Chúng tôi đã lại thất vọng về chuyện này vào tuần lễ trước khi đi nghỉ.

“Với bầu không khí trong lành khiến người ta khỏe khoắn và chế độ ăn lành mạnh này ư? Làm sao chúng ta có thể không làm được chứ?” Bữa tối hôm qua là cá trích rán. Bữa trưa là cá trích giấm. Và mùi hăng nồng đang lùa lên cầu thang báo cho chúng tôi biết rõ rằng bữa sáng hôm nay sẽ là cá trích muối hun khói.

“Trừ phi anh muốn biểu diễn lại để khai sáng cho bà Baird,” tôi đề nghị, “anh nên mặc quần áo vào đi! Chẳng phải anh có cuộc hẹn với mục sư vào lúc mười giờ sao?” Tiến sĩ thần học Reginald Wakefield, mục sư của giáo xứ địa phương, định cho Frank xem một vài cuốn sổ rửa tội cực kỳ thú vị, chưa kể cái viễn cảnh rục rờ là ông có thể đã khai quật được vài bản báo cáo mục nát liên quan đến quân đội hoặc thứ gì đó có nhắc đến vị tổ tiên khét tiếng này.

“Mà ông cụ cố cố cố cố đó của anh tên là gì nhỉ?” Tôi hỏi. “Người đã quanh quẩn ở đây vào thời điểm xảy ra một trong các cuộc nổi dậy ấy? Em không tài nào nhớ nổi tên cụ là Willy hay Walter.”

“Thực ra, cụ tên là Jonathan.” Frank tỏ ra bình thản trước sự thờ ơ của tôi với lịch sử gia đình anh, nhưng vẫn luôn canh chừng, sẵn sàng nắm bắt biểu lộ nhỏ nhất của lòng hiếu kỳ trong tôi để lấy cớ kể cho tôi nghe mọi sự kiện được biết đến từ trước tới nay về các vị tổ tiên của dòng họ Randall và những mối quan hệ của họ. Khi anh cài cúc áo, đôi mắt anh ánh lên vẻ nhiệt thành của một giảng viên đầy tâm huyết.

“Jonathan Wolverton Randall - Wolverton là tên người chú của mẹ cụ, một hiệp sĩ nhỏ ở Sussex. Tuy nhiên, cụ được biết đến với cái biệt danh khá bảnh là Jack Hắc Ám mà cụ có được trong quân đội, có lẽ trong thời gian cụ đóng quân ở đây.” Tôi nằm úp mặt xuống giường và giả bộ ngáy. Lờ tôi đi, Frank tiếp tục bài giảng uyên thâm của mình.

“Cụ mua được bằng phong cấp sĩ quan vào giữa thập kỷ 30 - tức thập niên 1730 - và trở thành một đại úy kỵ binh. Căn cứ vào những lá thư cũ mà chị họ May gửi cho anh, con đường binh nghiệp của cụ khá hanh thông. Đó là sự lựa chọn tốt cho người con trai thứ hai trong gia đình; em trai cụ cũng theo truyền thông, trở thành một cha phó, nhưng anh chưa tìm hiểu được nhiều về cụ ấy. Dù sao đi nữa, Jack Randall được Công tước Sandringham đánh giá rất cao vì những hoạt động của cụ trước và trong năm 45 - năm xảy ra cuộc nổi dậy Jacobite^[2] lần thứ hai,” anh nhấn mạnh để

giải thích cho khán giả ngu dốt của anh, tức là tôi. “Em biết Hoàng tử Charlie Xinh đẹp^[3] và đồng bọn của ông ta chứ?”

“Em hoàn toàn không chắc là người Scot nhận thức được họ đã thua trong cuộc nổi dậy đó,” tôi ngắt lời, ngồi dậy và cố gắng “khuất phục” mái tóc. “Em đã nghe rõ mồn một tay phục vụ quây ở quán rượu tối qua gọi chúng ta là Sassenach.”

“Ồ, thì có làm sao chứ?” Frank điềm tĩnh nói. “Suy cho cùng, nó chỉ có nghĩa là “người Anh” thôi mà, hoặc tệ lắm thì, “kẻ ngoại tộc”, và chúng ta đúng là thế còn gì.”

“Em hiểu nó có nghĩa là gì. Em chỉ cảm thấy khó chịu vì giọng điệu của hắn.”

Frank lục tìm thắt lưng trong ngăn kéo tủ com-mốt. “Hắn bực mình vì anh đã nói với hắn là bia ở quán hắn nhẹ quá. Anh nói bia cao nguyên đích thực khi ử phải bỏ thêm một cái giày cũ vào và sản phẩm cuối cùng phải được lọc qua một chiếc quần lót sờn rách.”

“À, đó là lý do khiến số tiền trên hóa đơn lại cao như vậy.”

“Chà, anh đã nói một cách tế nhị hơn thế, nhưng trong tiếng Gaelic^[4] không có từ riêng để gọi “quần lót”.”

Tôi thò tay lấy một cái quần lót của mình, tò mò. “Tại sao lại không có? Người Gael cổ không mặc quần lót à?”

Frank liếc nhìn tôi với ánh mắt ranh mãnh. “Em chưa bao giờ nghe bài hát cổ nói về việc đàn ông Scot mặc gì dưới váy của họ sao?”

“Chắc không phải là loại váy lót dài đến gối dành cho đàn ông,” tôi đùa bỡn. “Có lẽ em sẽ đi ra ngoài để kiếm một người đàn ông bản xứ mặc váy và hỏi anh ta trong lúc anh nhảy căng lên vì vui sướng với các mục sư.”

“Chà, cố gắng đừng để bị bắt nhé, Claire. Hiệu trưởng trường St. Giles sẽ không thích điều đó chút nào đâu.”

...

Tuy nhiên, chẳng có người nào mặc váy truyền thống lảng vảng quanh quảng trường thị trấn hay lui tới những cửa hàng xung quanh. Nhưng ở đó có một cơ sở người khác đang đi mua sắm, chủ yếu là các bà nội trợ kiểu như bà Baird. Họ là những kẻ nhiều chuyện, thích ngồi lê đôi mách, và sự hiện diện của những thân hình chắc nịch, mặc váy áo hoa hòe hoa sói của họ khiến các cửa hàng trở nên ấm cúng; một điểm tựa để chống lại màn sương giá lạnh lẽo của không khí ngoài trời buổi sáng.

Vì không có nhà riêng nên tôi chẳng cần phải mua gì mấy, nhưng tôi thích xem lướt qua những giá đồ mới được bổ sung, thuận tiện vì niềm vui nhìn thấy vô số thứ được bày bán trở lại. Cái chế độ phân phối đã kéo dài quá lâu, thời ấy, những thứ căn bản như xà phòng và trứng còn thiếu thốn, nói gì đến những món xa xỉ phẩm như nước hoa cologne L'Heure Bleu.

Ánh mắt tôi nán lại trên một ô kính bày những món đồ dùng trong gia đình - khăn thô dùng để trải bàn trà, ấm ủ nóng trà, bình nước, ly cốc, một chồng khay nướng bánh bằng thiếc có kiểu dáng khá giản dị và một bộ gồm ba chiếc bình hoa.

Trong đời tôi chưa bao giờ có một chiếc bình hoa. Hồi chiến tranh, đương nhiên tôi sống trong những khu dành cho y tá, đầu tiên là ở bệnh viện Pembroke, sau đó là bệnh viện dã chiến ở Pháp. Nhưng kể cả trước đó, chúng tôi chẳng sống ở nơi nào đủ lâu để có cơ mua một vật như thế. Nếu tôi có một cái bình hoa, tôi nghĩ bác Lamb sẽ nhét vào trong đó những mảnh gốm trước cả khi tôi có thể mang một bó hoa cúc lại gần nó.

Tên bác là Quentin Lambert Beauchamp. Đối với sinh viên khảo cổ và bạn bè của bác, bác chỉ đơn giản là "Q". Đối với giới học giả mà bác là một phần trong đó, bác được gọi là "Tiến sĩ Beauchamp". Còn với tôi, bác luôn luôn là bác Lamb.

Bác là anh trai duy nhất của cha tôi và là người thân duy nhất còn sống của tôi lúc bấy giờ, vậy nên tôi đã được giao cho bác nuôi nấng khi cha mẹ tôi mất trong một vụ tai nạn xe hơi hồi tôi lên năm tuổi. Lúc đó, bác đang

sửa soạn đến Trung Đông nhưng đã hoãn lại để lo liệu tang ma, xử lý tài sản của cha mẹ tôi và đăng ký cho tôi vào học ở một trường nội trú dành cho nữ sinh. Nhưng tôi đã dứt khoát từ chối.

Vốn ghét các cuộc xung đột cá nhân dù thuộc bất kỳ dạng nào nên khi đối mặt với viễn cảnh phải cạy những ngón tay mũm mĩm của tôi ra khỏi tay cầm ở cửa xe và lôi tôi lên những bậc thang của trường học, bác đã thờ dài bực bội, rồi cuối cùng nhún vai và ném lý trí của mình ra ngoài cửa sổ cùng với cái mũ rơm hình tròn mới mua của tôi.

“Thứ chết tiệt,” bác lẩm bẩm, nhìn nó vui vẻ lăn tròn qua gương chiếu hậu khi chúng tôi phóng xe đi. “Dù sao đi nữa, ta luôn ghét phụ nữ đội mũ.” Bác liếc nhìn tôi, ánh mắt dữ tợn.

“Có một điều này,” bác nói bằng giọng đáng sợ. “Cháu *không* được lấy những bức tượng tùy táng xứ Ba Tư của ta để chơi búp bê. Cháu có thể đụng vào bất cứ thứ gì khác, trừ chúng. Rõ chưa?”

Tôi gật đầu bằng lòng. Từ đó tôi đã đi với bác đến Trung Đông, Nam Mỹ và hàng tá địa điểm nghiên cứu trên khắp thế giới, học đọc và viết từ những bản nháp của các bài báo, đào nhà xí, đun nước và làm vô số việc khác không phù hợp với một quý cô danh giá - cho đến khi tôi gặp sử gia điển trai có mái tóc sẫm màu tới hỏi bác Lamb về một vấn đề của triết học Pháp vì nó liên quan đến tôn giáo Ai Cập.

Ngay cả khi đã kết hôn, Frank và tôi vẫn sống cuộc sống nay đây mai đó của một giảng viên trẻ, tham dự hết hội thảo này đến hội thảo khác tại lục địa^[5] và ở trong những căn hộ tạm thời, cho đến khi chiến tranh nổ ra đẩy anh vào quân ngũ và đến đơn vị tình báo ở MI6^[6], còn tôi thì được đào tạo làm y tá. Dù chúng tôi đã kết hôn gần tám năm nhưng căn nhà mới ở Oxford mà chúng tôi sắp dọn đến mới là tổ ấm thực sự đầu tiên của chúng tôi.

Kẹp chặt chiếc túi xách dưới cánh tay, tôi bước vào cửa hàng và mua bộ bình hoa đó.

...

Tôi gặp Frank ở điểm giao nhau giữa phố High và đường Gereside, rồi chúng tôi cùng nhau đi về. Anh nhướn mày trước những món đồ tôi mua.

“Bình hoa à?” Anh mỉm cười. “Tuyệt đấy! Có lẽ từ giờ em sẽ ngừng kẹp hoa vào trong những cuốn sách của anh.”

“Chúng không phải hoa, chúng là các mẫu vật. Chính anh khuyên em nghiên cứu về thực vật cho đỡ buồn vì bây giờ em không còn làm y tá nữa rồi còn gì,” tôi nhắc anh.

“Đúng vậy.” Anh gật đầu, cười. “Nhưng lúc ấy anh chưa nhận ra là mình sẽ bị những mẫu hoa cỏ rơi vào lòng mỗi lần mở một cuốn sách tham khảo. Cái thứ màu nâu khô giòn giòn giòn mà em nhét vào sách của Tuscum và Banks là gì vậy?”

“Cỏ giám mục^[1]. Chữa bệnh trĩ rất hiệu quả.”

“Em đang chuẩn bị trước cho tuổi già sắp tới của anh đấy à? Chà, em thật chu đáo, Claire ạ!”

Chúng tôi vừa cười vừa đẩy cổng vào sân và Frank đứng lại để nhường tôi bước lên những bậc thềm hẹp trước cửa nhà.

Thình lình anh nắm lấy cánh tay tôi. “Cẩn thận! Em không muốn giẫm lên nó đâu.”

Tôi rón rén nhón chân bước qua một vết màu nâu đỏ lớn ở bậc thềm trên cùng.

“Lạ quá,” tôi nói. “Sáng nào em cũng thấy bà Baird kỳ cọ các bậc thềm mà. Anh nghĩ đó có thể là gì?”

Frank cúi xuống bậc thềm, hít người kĩ càng.

“Anh có thể nói ngay rằng đó là máu.”

“Máu ư?” Tôi lùi lại một bước. “Của ai?” Tôi căng thẳng liếc nhìn vào trong nhà. “Anh có nghĩ bà Baird bị tai nạn gì đó không?” Tôi không thể tưởng tượng nổi bà chủ nhà nghỉ ưa sạch sẽ của chúng tôi lại để mặc những

vết máu khô in dấu trên bậc thềm nhà trừ phi đã có một tai họa nào đó xảy ra, và trong một thoáng tôi tự hỏi liệu có tên sát nhân điên rồ nào đang cầm rìu ẩn náu trong phòng khách, thậm chí đang sắp sửa nháy bổ vào chúng tôi với một tiếng hét inh tai buốt lạnh sống lưng không?

Frank lắc đầu. Anh kiễng chân nhòm qua hàng rào để nhìn sang khu vườn bên cạnh.

“Anh không nghĩ vậy. Trên thềm nhà Collins cũng có một vết tương tự như thế.”

“Thật sao?” Tôi tiến lại gần Frank hơn, vừa để ngó qua hàng rào vừa để có chỗ dựa tinh thần. Ở vùng cao nguyên khó có thể xuất hiện một gã giết người hàng loạt, nhưng nghĩ lại thì mấy kẻ điên rồ đó có bao giờ dựa theo tiêu chí logic nào để lựa chọn địa điểm gây án đâu chứ. “Ghê quá,” tôi nhận xét. Chẳng có dấu hiệu gì của sự sống ở nhà bên cạnh. “Theo anh thì đã xảy ra chuyện gì?”

Frank nhú mày ngẫm nghĩ rồi vỗ tay đánh bốp vào ống quần khi chợt nghĩ ra điều gì đó.

“Anh nghĩ là anh biết rồi! Đợi ở đây một lát nhé!” Anh lao như tên bắn ra khỏi cổng và bước hối hả trên đường, để mặc tôi đứng chết trân như bị mắc cạn trên rìa bậc thềm.

Chẳng mấy chốc anh quay lại, tươi cười rạng rỡ vì đã chứng thực được suy đoán của mình.

“Đúng như vậy, hần thế! Mọi ngôi nhà trong dãy này đều có thứ đó.”

“Có cái gì cơ? Dấu hiệu có một kẻ tâm thần giết người vừa ghé qua à?” Tôi nói hơi xẵng vì vẫn còn căng thẳng về chuyện đột ngột bị bỏ lại làm bạn với một vết máu lớn.

Frank bật cười. “Không, đó là một nghi lễ hiến tế. Thú vị thật!” Anh quỳ xuống, chống hai tay trên cỏ, chăm chú sẫm soi vết máu.

Chuyện này nghe cũng chẳng khá hơn một tên sát nhân tâm thần. Tôi ngồi xồm xuống bên cạnh anh, chun mũi trước thứ mùi tanh tươi bốc lên.

Vẫn chưa đến giờ hoạt động của lũ ruồi, nhưng đã có một vài con ruồi nhue mập mạp của vùng cao nguyên lờ đờ bay vòng quanh vết máu.

“Nghĩ lễ hiến tế là thế nào?” Tôi hỏi. “Bà Baird là người chăm đi lễ nhà thờ, và tất cả những người xung quanh đây cũng thế. Đây không phải là ngọn đồi của các tín đồ Druid^[9] hay thứ gì đó tương tự, anh biết đấy.”

Anh đứng dậy, phúi phúi những mẩu cỏ vương trên quần. “Em chỉ biết một mà không biết hai, cưng ạ,” anh nói. “Chẳng có nơi nào trên trái đất mà sự mê tín và ma thuật lại hòa quyện với cuộc sống đời thường hơn là vùng cao nguyên Scotland này đâu. Dù có chăm đi lễ nhà thờ thì bà Baird vẫn tin vào cha ông mình, và tất cả những người xung quanh đây cũng vậy.” Anh chĩa ngón chân cái được cắt tĩa gọn gàng vào vết máu. “Đây là máu của một con gà trống đen,” anh giải thích, vẻ mặt hài lòng. “Em thấy đấy, những ngôi nhà ở đây đều còn mới. Chúng là nhà tiền chế.”

Tôi lạnh lùng nhìn anh. “Nếu anh tưởng rằng chỉ cần nói như thế là đã giải thích được mọi chuyện thì mong anh hãy nghĩ lại. Những ngôi nhà này mới hay cũ thì có gì khác biệt chứ? Và mọi người đang ở nơi quái quỷ nào vậy?”

“Chắc là ở quán rượu. Chúng ta thử tới đó xem sao nhé?” Anh nắm lấy cánh tay tôi, đẩy tôi ra khỏi cổng và chúng tôi đi xuôi theo đường Gereside.

“Vào thời xưa,” anh vừa đi vừa giải thích, “và ngay cả thời điểm cách đây không lâu lắm, khi xây một căn nhà, người ta có tục lệ giết một con vật và chôn dưới móng nhà, để xoa dịu những linh hồn đất. Em biết đấy: *“Kẻ nào đào móng dựng nền thì con đầu lòng của nó phải chết; kẻ nào dựng cổng xây tường thì con út của nó phải mạng vong^[9].”* Xa xưa như những ngọn đồi này vậy.”

Tôi rùng mình trước lời trích dẫn ấy. “Vậy thì em cho rằng họ khá hiện đại và sáng trí khi sử dụng máu gà để thay thế. Ý anh là, vì các ngôi nhà được xây dựng trong thời gian gần đây nên chẳng có gì được chôn bên dưới chúng và các cư dân ở đây đang sửa chữa thiếu sót đó?”

“Chính xác.” Frank vỗ vỗ vào lưng tôi, có vẻ hài lòng với sự tiến bộ này. “Theo lời mục sư thì nhiều người dân địa phương nghĩ rằng chiến tranh nổ ra một phần là do người ta quay lưng với cội nguồn và lơ là sự phòng ngừa, chẳng hạn như chôn một vật hiến tế dưới móng nhà hay đốt xương cá trên nền lò sưởi - dĩ nhiên là trừ cá tuyết chấm đen,” anh nói thêm, vui vẻ chuyển chủ đề. “Em không bao giờ được đốt xương cá tuyết chấm đen, em biết chứ? Nếu không, em sẽ không bao giờ bắt được một con cá tuyết chấm đen nào khác nữa. Thay vào đó, em phải chôn xương của nó.”

“Em sẽ ghi nhớ điều này,” tôi nói. “Giờ thì hãy cho em biết phải làm gì để không bao giờ còn nhìn thấy một con cá trích nào khác nữa, em sẽ làm theo ngay tức khắc.”

Anh lắc đầu, chìm vào một ô trí nhớ. Đây là khoảng thời gian xuất thần ngắn ngủi khi anh hoàn toàn cắt đứt với thế giới xung quanh, mãi miết khơi lên kiến thức từ tất cả các nguồn của nó.

“Về cá trích thì anh không biết,” anh lơ đãng nói. “Nhưng đối với lũ chuột thì em treo những bó cỏ rung xung quanh - *“Treo cỏ rung trong nhà/ Lũ chuột sẽ tránh xa”*. Còn về những cái xác dưới móng nhà - đó là nguyên nhân xuất hiện nhiều hồn ma ở trong vùng. Em có biết Mountgerald, ngôi nhà lớn ở cuối phố High không? Ở đó có một hồn ma, một người thợ xây bị giết làm vật hiến tế chôn dưới móng. Chuyện xảy ra vào một thời điểm nào đó ở thế kỷ mười tám; cũng mới đây thôi,” anh trầm ngâm nói thêm.

“Chuyện kể rằng, theo lệnh của chủ nhà, người ta xây một bức tường lên trước, rồi từ trên đỉnh tường thả một tảng đá xuống một người thợ xây ở bên dưới - có lẽ là một kẻ đáng ghét được nhắm sẵn làm vật hiến tế - sau đó chôn hẩn dưới hầm và xây tiếp phần còn lại của ngôi nhà trên thi thể hẩn. Hẩn đã ám cái hầm nơi hẩn bị giết, ngoại trừ vào ngày giỗ của hẩn và bốn ngày lễ cổ.”

“Ngày lễ cổ?”

“Những ngày lễ từ xa xưa,” anh giải thích, vẫn còn chìm đắm vào những ghi chép trong đầu. “Đêm Giao thừa Hogmanay, ngày Hạ chí, lễ Beltane^[10] và ngày lễ các thánh. Theo những gì chúng ta biết thì người Druid, người Beaker^[11] và người Pict cổ^[12] đều tổ chức những lễ hội mặt trời và lễ hội lửa. Các hồn ma được tự do trong những ngày thiêng liêng đó và có thể đi lang thang để làm điều tốt hay xấu tùy ý.” Anh xoa xoa cằm về trầm tư. “Sắp đến lễ Beltane rồi, gần ngày Xuân phân. Lần sau, khi đi qua nghĩa địa của nhà thờ, em nhớ cẩn thận trông chừng nhé!” Anh nháy mắt, và tôi nhận ra trạng thái xuất thần đã chấm dứt.

Tôi cười. “Ở vùng này có nhiều hồn ma nổi tiếng lắm à?”

Anh nhún vai. “Không biết nữa. Khi nào gặp mục sư chúng ta sẽ hỏi ông ấy, được không?”

Thật ra, chỉ một lát sau chúng tôi đã gặp mục sư. Ông cũng có mặt ở quán rượu cùng với hầu hết dân làng, đang uống mừng lễ hiến tế cho những ngôi nhà.

Ông có vẻ khá bối rối khi bị bắt gặp đang dung túng cho những hành động ngoại giáo, nhưng rồi lập tức giải thích rằng đó chỉ là sự tuân thủ màu sắc lịch sử của địa phương, giống như việc đeo cỏ ba lá lên người^[13] vậy.

“Thực sự thú vị, anh chị biết đấy,” ông giải bày và tôi thầm thở dài khi nhận ra “tiếng gọi bầy” của giới học giả, một âm thanh dễ nhận biết như tiếng kêu tu-huyết của con chim hét. Nghe thấy tiếng gọi của người bạn tri âm, Frank lập tức ngồi xuống, tham gia vào “điệu vũ sóng đôi của học thuật”, và họ mau chóng chìm đắm vào việc so sánh nguyên mẫu và sự tương đồng giữa những điều mê tín cổ xưa với những tôn giáo hiện đại. Tôi nhún vai, luồn lách qua đám đông tới quầy bar rồi mang về hai ly brandy pha soda lớn.

Kinh nghiệm cho tôi biết khó mà làm Frank phân tâm trong những cuộc thảo luận kiểu này, do đó tôi chỉ đơn giản cầm tay anh lên, chụm những ngón tay anh quanh chân ly rượu rồi để mặc anh.

Tôi tìm thấy bà Baird trên một cái ghế băng gần cửa sổ, bà đang vui vẻ uống bia đắng với một ông lão mà bà giới thiệu với tôi là ông Crook.

“Đây là người mà tôi đã kể với chị đây, chị Randall,” bà nói, đôi mắt ngời sáng vì sự kích thích của chất cồn và bầu không khí náo nhiệt. “Ông ấy hiểu biết về mọi loài thực vật.”

“Chị Randall đây rất quan tâm đến cây cỏ,” bà tiết lộ với người bạn, ông ta nghiêng đầu nửa như lịch sự, nửa như nghe ngãng. “Chị ấy thường ép chúng trong những cuốn sách.”

“Chị làm thế thật sao?” Ông Crook hỏi, một bên lông mày chỗi xế bạc trắng nhướng lên hứng thú. “Tôi có vài cái khuôn ép hoa cỏ thực thụ. Thằng cháu tôi đã mang cho tôi khi nó về đây nghỉ hè. Tôi không nỡ nói với nó rằng tôi không bao giờ dùng mấy thứ ấy. Thường thì cây cỏ được treo lên hoặc phơi khô trên một cái phên rồi bỏ vào túi vải sa hoặc một cái lọ, tôi không thể nghĩ ra lý do tại sao chị lại ép dẹt chúng.”

“Chà, có thể là để ngắm nhìn thôi,” bà Baird tử tế xen vào. “Chị Randall đã làm được vài mẫu ép rất xinh xắn từ những bông cẩm quỳ và violet mà ông có thể đóng khung và treo lên tường.”

“Ừmmmmm.” Khuôn mặt nhăn nheo của ông Crook tuy vẫn còn chút ngờ vực nhưng có vẻ chấp nhận lời gợi ý này. “Chà, chị có thể lấy mấy cái khuôn ép hoa cỏ đó nếu chúng có tí hữu ích nào với chị. Tôi không muốn vứt chúng đi, nhưng quả thực tôi chẳng cần đến chúng làm gì cả.”

Tôi khẳng định với ông Crook rằng tôi rất vui lòng được sử dụng những cái khuôn ép hoa cỏ đó, và còn vui lòng hơn nếu ông chỉ cho tôi chỗ có thể tìm thấy vài loài thực vật hiếm có ở vùng này. Ông nhìn tôi trong một thoáng với ánh mắt sắc bén, đầu nghiêng sang một bên giống như một con chim cắt già, nhưng cuối cùng ông cũng có vẻ tin rằng tôi thật sự hứng thú và chúng tôi hẹn nhau sáng hôm sau sẽ đi tham quan các loài cây bụi trong vùng. Tôi biết ngày mai Frank định tới tòa thị chính của Inverness để tra cứu vài tư liệu, và tôi lấy làm mừng vì có một cái cớ để không phải đi

cùng anh. Theo như những gì tôi biết thì tư liệu nào cũng giống tư liệu nào mà thôi.

Một lát sau, Frank tách khỏi mục sư và chúng tôi cùng bà Baird đi về nhà. Tôi ngần ngại không dám nhắc đến vết máu gà trên bậc thềm, nhưng Frank thì không dè dặt như thế, anh háo hức hỏi bà về phong tục đó.

“Chắc là nó khá lâu đời rồi nhỉ?” Anh hỏi, cầm một cái que quét dọc theo những vạt cỏ dại ven đường. Đám rau muối và ý lãng đã trở bông, những nụ đậu chổi cũng đang căng phồng; chỉ một tuần nữa thôi là chúng sẽ bung nở.

“Ồ, đúng vậy.” Bà Baird núng nính bước nhanh, chẳng hề thua kém những đôi chân trẻ trung hơn của chúng tôi. “Lâu đến nỗi chẳng ai biết là có từ lúc nào nữa, anh Randall ạ. Thậm chí còn trước cả thời của những người khổng lồ.”

“Người khổng lồ?” Tôi hỏi.

“Đúng vậy. Fionn và tộc người Feinn^[14].”

“Đó là những câu chuyện dân gian của người Gael^[15],” Frank say sưa nói. “Họ là những vị anh hùng. Có lẽ có nguồn gốc từ Bắc Âu. Từ đây đến vùng duyên hải phía tây chịu rất nhiều ảnh hưởng của người Bắc Âu. Em biết không, vài địa danh được đặt tên bằng tiếng Bắc Âu chứ hoàn toàn không phải là tiếng Gaelic.”

Tôi đảo mắt khi cảm nhận được rằng anh lại sắp sửa bộc phát, nhưng bà Baird mỉm cười đôn hậu và khuyến khích anh, nói rằng đúng vậy, bà đã tới miền Bắc và thấy hai tảng đá Anh Em, và nó thuộc về người Bắc Âu, không phải sao?

“Người Bắc Âu đã xuống vùng duyên hải đó hàng trăm lần trong khoảng thời gian từ năm 500 đến năm 1300,” Frank nói, ánh mắt mơ màng nhìn về phía chân trời, như thể đang nhìn những con thuyền rồng trong đám mây băng qua. “Đó là người Viking^[16], em biết đấy. Và họ mang theo rất nhiều chuyện thần thoại của dân tộc mình. Đây là một xứ sở phù hợp với

những câu chuyện thần thoại. Mọi thứ dường như đều nảy mầm bén rễ ở đây.”

Tôi có thể tin được điều này. Ánh chiều chạng vạng đã bắt đầu buông phủ và một cơn bão cũng sắp nổi lên. Trong ánh sáng huyền ảo bên dưới những đám mây, ngay cả những ngôi nhà hoàn toàn hiện đại dọc đường cũng có vẻ cổ xưa và đáng sợ như phiến đá Pictish^[17] đã bị mưa gió bào mòn nằm cách đây khoảng ba mét, canh gác cho ngã tư mà nó đã đánh dấu cả ngàn năm. Có vẻ đêm nay nên ở trong nhà với những cánh cửa chớp được cài chặt.

Tuy nhiên, thay vì ngồi trong căn phòng khách ấm cúng của bà Baird để giải trí bằng những hình ảnh của cảng Perth trên máy chiếu, Frank lại giữ lời hẹn uống rượu sherry với ông Bainbridge, một luật sư hứng thú với những tư liệu lịch sử địa phương, vẫn còn nhớ cuộc gặp gỡ gần đây nhất với ông Bainbridge, tôi lựa chọn ở nhà với cảng Perth.

“Cố về trước khi bão nổi nhé,” tôi nói, hôn tạm biệt Frank. “Và gửi lời hỏi thăm ông Bainbridge giúp em.”

“Ừm. Dĩ nhiên rồi.” Lẩn tránh ánh mắt tôi, Frank mặc áo khoác, lấy cái ô treo trên giá cạnh cửa và rời đi.

Sau khi Frank đã đi khỏi, tôi đóng cửa nhưng không cài chốt để lát lúc về anh có thể tự mở cửa vào. Tôi thơ thẩn quay lại phòng khách, chắc chắn Frank sẽ vờ như mình không có vợ - và hẳn là ông Bainbridge sẽ vui vẻ hòa theo. Nhưng tôi không thể trách anh vì điều đó.

Ban đầu, chuyến viếng thăm ông Bainbridge của chúng tôi vào buổi chiều hôm qua diễn ra khá suôn sẻ. Tôi đã nghiêm trang, quý phái, thông minh, khiêm tốn, chỉnh tề và kín đáo - tất cả những gì mà người vợ hoàn hảo của một giáo sư đại học nên có. Cho đến khi ông Bainbridge mời chúng tôi uống trà.

Tôi lật bàn tay phải lại, rầu rĩ ngắm soi vết phỏng rộp to tướng là chạy dọc bên dưới bốn ngón tay. Suy cho cùng, tôi nào có lỗi gì khi ông Bainbridge - một người góa vợ - dùng một cái ấm trà bằng thiếc rẻ tiền thay

vì một cái ấm sành sứ đúng điệu cơ chứ. Đã thế để tỏ ra lịch sự, ông ta còn nhờ tôi rót trà. Mà miếng giẻ lót ông ta đưa cho tôi lại có một chỗ bị sòn đến mức mỏng tang khiến cho cái tay cầm nóng bỏng của ấm trà truyền thẳng nhiệt lượng vào tay tôi khi tôi nhắc nó lên.

Không, tôi quyết định rằng tôi chẳng có lỗi gì cả. Trong hoàn cảnh ấy thì đánh rơi ấm trà là một phản ứng hoàn toàn bình thường. Đánh rơi nó vào lòng ông Bainbridge cũng chỉ là một rủi ro ngoài ý muốn; cái ấm phải có chỗ mà rơi xuống chứ! Chính cái từ “Quý sứ chết tiệt!” buột ra khỏi miệng tôi với âm lượng át cả tiếng hét chói tai của ông Bainbridge mới là thứ khiến Frank trừng mắt nhìn tôi qua những chiếc bánh nướng thơm phức.

Khi đã hoàn hồn sau cú sốc, ông Bainbridge tỏ ra khá lịch sự. Ông cố gắng quýt cả lên vì bàn tay tôi và lời đi những nỗ lực xin lỗi của Frank về lời ăn tiếng nói không được nhã nhặn của tôi với lời giải thích là tôi đã làm việc ở một bệnh viện dã chiến hơn hai năm. “Tôi e là vợ tôi đã nhạt nhẽo một vài... ờ... từ ngữ “màu mè” từ lính Mỹ,” Frank nói, với một nụ cười căng thẳng.

“Đúng thế,” tôi nghiêng răng nói khi quấn một cái khăn sũng nước quanh bàn tay. “Đàn ông có xu hướng rất “màu mè” khi ta gặp mảnh đạn ra khỏi người họ.”

Ông Bainbridge khéo léo lái cuộc trò chuyện sang chủ đề lịch sử vô hại bằng cách nói rằng ông đã luôn hứng thú với biến thể qua các thời kỳ của thứ được coi là những lời cảm thán báng bổ. Như từ “Gorblimey^[18]”, chẳng hạn, là một biến thể gần đây của “God blind me^[19].”

“Vâng, dĩ nhiên rồi,” Frank nói, đón nhận sự chuyển hướng đó với lòng biết ơn. “Anh không dùng đường đâu, cảm ơn em, Claire. Còn từ “Gadzooks^[20]” thì sao nhỉ? Đương nhiên “gad” thì rõ quá rồi, nhưng “zook” thì...”

“Chà, anh biết đấy,” ông luật sư xen ngang, “đôi lúc tôi nghĩ nó có thể là sự biến đổi của một từ cổ của người Scot là “yeuk”, có nghĩa là: “gây

ngừa ngứa”. Nghe cũng có lý, đúng không?”

Frank gật đầu, khiến cho phần tóc mái trông chẳng hợp với một học giả rơi xuống trán. Anh vô thức hất nó lên. “Sự tiến hóa của những lời cảm thán báng bổ thật thú vị,” anh nói.

“Vâng, và nó vẫn còn tiếp diễn,” tôi nói, cẩn thận dùng kẹp gấp một viên đường lên.

“Ồ?” Ông Bainbridge lịch sự nói. “Phải chăng cô đã gặp vài biến thể thú vị trong... ờ... trải nghiệm thời chiến của cô?”

“Ồ vâng,” tôi nói. “Tôi học được từ một người Mỹ một từ mà tôi rất thích. Anh ta tên là Williamson, người New York, tôi tin là vậy. Anh ta nói từ đó mỗi lần tôi thay băng cho anh ta.”

“Nó là gì?”

“Jesus H. Roosevelt Christ,” tôi nói và thả tọt viên đường vào tách cà phê của Frank.

...

Sau cuộc trò chuyện yên bình và không phải là không thú vị với bà Baird, tôi leo lên gác để sửa soạn một chút trước khi Frank về. Tôi biết anh chỉ có thể uống tối đa hai cốc sherry, vì vậy chắc hẳn anh sẽ về sớm. Gió đang nổi lên, không khí trong phòng ngủ đầy tĩnh điện. Khi tôi chải đầu, những lọn tóc xoắn kêu lách tách và xoắn thành những mớ rối nùi. Tôi quyết định tối nay chẳng việc gì phải hành hạ mái tóc mình bằng hàng trăm nhát lược. Thay vào đó, tôi chuyển sang đánh răng. Những lọn tóc vô tổ chức dính chặt vào má tôi, bướng bỉnh bám chắc khi tôi cố vén chúng lên.

Trong bình chẳng còn tí nước nào; Frank đã dùng hết lúc sửa soạn chỉnh tề để tới gặp ông Bainbridge, và tôi đã chẳng buồn hứng lại từ vòi nước trong nhà tắm. Tôi cầm lọ L’Heure Bleu lên và dốc một lượng lớn vào lòng bàn tay. Xoa mạnh hai bàn tay vào nhau trước khi mùi của nó bay mất,

tôi nhanh chóng vuốt nó lên tóc. Tiếp đó, tôi dốc một ít nữa lên cái lược và chải những lọn tóc xoắn ra sau tai.

Chà. Khá hơn rồi đấy, tôi nghĩ, quay đầu sang bên này bên kia để kiểm tra thành quả qua cái gương lồi đốm. Hơi ẩm đã xua tan điện tích trong tóc tôi, khiến nó bông lên thành những lọn sóng nặng nề, sáng bóng quanh mặt tôi. Và chất cồn đang bốc hơi để lại một mùi rất dễ chịu. Hẳn là Frank sẽ thích. Anh vốn chuộng L'Heure Bleu mà.

Bỗng một tia chớp lóe lên, kèm theo tiếng sấm nổ, và tất cả những ngọn đèn vụt tắt. Tôi lăm lăm chửi thề, mò mẫm trong các ngăn kéo.

Tôi đã nhìn thấy nến và diêm ở đâu đó. Trên vùng cao nguyên này rất hay mất điện nên nến là một vật trang bị cần thiết cho tất cả các phòng của nhà nghỉ và khách sạn. Tôi đã thấy chúng ở cả những khách sạn sang trọng nhất, nơi chúng được tắm mùi hương kim ngân và được đặt trong những giá nến bằng kính mờ với những miếng thủy tinh trang trí đẹp lung linh.

Nến ở nhà bà Baird thì thiết thực hơn - chúng là loại nến trơn màu trắng - nhưng rất nhiều, kèm theo ba bao diêm. Tôi cũng không có ý định kén cá chọn canh vào một thời điểm như thế này.

Tôi cắm một ngọn nến vào cái giá bằng gỗ màu xanh trên bàn trang điểm nhờ ánh sáng lóe lên của tia chớp tiếp theo, rồi đi quanh phòng, thắp sáng những ngọn nến khác cho đến khi cả căn phòng ngập tràn ánh sáng dịu dịu, lung linh. Lãng mạn quá, tôi nghĩ, và nhanh trí tắt công tắc đèn, để nếu có điện đột ngột trở lại vào một khoảnh khắc không thích hợp thì cũng sẽ không hủy hoại tâm trạng của tôi.

Những ngọn nến cháy chưa quá một phân thì cánh cửa bật mở và Frank ủa vào. Nói là anh “ủa vào” cũng không ngoa, vì luồng gió theo anh lên gác đã làm tắt ba ngọn nến.

Cánh cửa sau lưng anh đóng sầm lại khiến hai ngọn nến nữa bị tắt, và anh nhìn chăm chăm vào bóng tối âm đạm bất chợt ập đến, lùa bàn tay vào mái tóc rối bời. Tôi đứng dậy để thắp lại nến, khẽ trách anh vì cái lỗi vào phòng đột ngột vừa rồi. Chỉ đến khi đã thắp nến xong và quay lại để hỏi

anh có muốn uống một ly rượu không, tôi mới thấy mặt anh trắng bệch, đầy vẻ hoang mang.

“Có chuyện gì thế?” Tôi hỏi. “Anh vừa nhìn thấy ma à?”

“Chà,” anh chậm rãi nói, “anh hoàn toàn không chắc đó có phải là ma không nữa.” Anh lơ đãng nhắc cái lược của tôi lên để chải tóc. Khi mùi L’Heure Bleu bất ngờ xộc vào mũi, anh chun mũi và đặt nó xuống, thay thế nó bằng cái lược bỏ túi của mình.

Tôi liếc ra ngoài cửa sổ, nơi những cảnh du đang oằn mình quất qua quất lại như những thanh đập lúa. Một cánh cửa chớp lỏng lẻo đang đập uỳnh uỳnh ở đâu đó phía bên kia ngôi nhà, và tôi chợt nghĩ có lẽ chúng tôi nên đóng cửa sổ lại, mặc dù cảnh huyên náo bên ngoài khá thú vị.

“Đông gió thế này sao gặp ma được chứ,” tôi nói. “Chẳng phải chúng thích những buổi tối yên tĩnh, mù sương trong nghĩa địa sao?”

Frank cười, có chút ngại ngùng. “Chà, chắc là vì những câu chuyện của Bainbridge, cộng thêm việc anh uống hơi quá chén. Có vẻ như chẳng có chuyện gì cả.”

Giờ thì tôi đâm ra tò mò. “Chính xác thì anh đã nhìn thấy gì vậy?” Tôi hỏi, ngồi xuống chiếc ghế trước bàn trang điểm, nhướn mày về hướng chai whisky, và Frank lập tức đi tới rót hai ly.

“Ờ, thực ra chỉ là một người đàn ông thôi,” anh bắt đầu kể, rót cho mình một jigger^[21] và rót cho tôi hai jigger. “Anh ta đứng ngay trên con đường bên ngoài ngôi nhà này.”

“Cái gì cơ, ngay bên ngoài ngôi nhà này á?” Tôi cười phá lên. “Vậy thì đó hẳn là một hồn ma rồi; em chẳng thể tưởng tượng nổi có người sống nào lại đứng đó vào một đêm mưa gió như thế này.”

Frank nghiêng bình nước định rót vào ly của anh, rồi nhìn tôi với ánh mắt trách móc khi không thấy giọt nào chảy ra.

“Đừng có nhìn em như vậy,” tôi nói. “Anh đã dùng hết nước còn gì. Nhưng em không ngại uống rượu nguyên chất đâu.” Tôi nhấp một ngụm để

minh họa.

Trông Frank như muốn chạy ào xuống phòng tắm để lấy nước nhưng anh đành từ bỏ ý định đó và tiếp tục câu chuyện của mình, cẩn trọng nhấp rượu như thể ly của anh chứa acid sulfuric chứ không phải là loại whisky mạch nha đơn cất Glenfiddich ngon nhất vậy.

“Anh ta đứng bên cạnh hàng rào ở mép vườn phía bên này. Anh nghĩ là,” - anh ngập ngừng, nhìn xuống ly rượu trong tay mình. - “Anh nghĩ anh ta đang nhìn lên cửa sổ phòng em.”

“Cửa sổ phòng em á? Kỳ thế!” Tôi không nén nổi khẽ rùng mình, và đi chốt cánh cửa chớp lại, mặc dù có làm thế thì cũng đã muộn. Frank vừa nói vừa dỗi theo tôi:

“Phải đấy, chính anh cũng có thể nhìn thấy em khi đứng ở dưới đó. Lúc ấy, em đang chải đầu và chửi thề vì tóc em cứ dựng đứng lên.”

“Thế thì có lẽ hẳn ta cười to lắm nhỉ,” tôi ngoa ngoắt nói. Frank lắc đầu, mỉm cười và vuốt tóc tôi.

“Không, anh ta không cười. Trái lại, anh ta có vẻ cực kỳ buồn bã. Thực ra, anh cũng không nhìn rõ mặt anh ta; chỉ là dáng đứng của anh ta toát lên điều đó. Anh tiến lại sau lưng anh ta, và khi anh ta không cử động, anh đã lịch sự hỏi rằng liệu anh có thể giúp gì không. Ban đầu, anh ta làm như không nghe thấy lời anh, và anh nghĩ có lẽ anh ta không nghe thấy thật vì tiếng gió rít, vì vậy anh bèn hỏi lại và vươn tay ra vỗ vai anh ta. Nhưng anh còn chưa chạm được vào người anh ta thì anh ta đột nhiên quay ngoắt lại, lướt qua anh rồi vội vàng rời đi.”

“Nghe qua thì anh ta có vẻ hơi bất lịch sự, nhưng không có gì là giống ma cả,” tôi nhận xét, uống cạn ly rượu. “Trông anh ta thế nào?”

“Một gã to con,” Frank nói, cau mày hồi tưởng lại. “Và là người Scot, mặc nguyên bộ y phục truyền thống, từ chiếc túi da to đeo trước váy đến chiếc ghim cài hình hươu chạy trên áo choàng len. Anh định hỏi anh ta kiếm được nó từ đâu nhưng anh ta đã đi mất trước khi anh kịp mở miệng.”

Tôi đi tới tủ com-mốt và rót một ly rượu nữa. “Chà, vẻ ngoài của anh ta không phải là quá bất thường ở vùng này, đúng không nào? Thi thoảng em vẫn nhìn thấy những người đàn ông trong làng ăn mặc như thế.”

“Khôông...” Giọng Frank đầy vẻ nghi ngại. “Không, điều kỳ quặc không nằm ở y phục của anh ta. Khi anh ta lướt qua anh, anh tin chắc là anh ta ở gần anh đến mức anh phải cảm nhận được anh ta sượt qua tay áo anh - nhưng anh lại không cảm thấy gì cả. Anh kinh ngạc đến nỗi quay người lại và dõi theo anh ta. Anh ta đi dọc theo đường Gereside, nhưng khi gần tới góc đường thì anh ta... biến mất. Đó là lúc anh bắt đầu cảm thấy lạnh toát sống lưng.”

“Có lẽ anh đã lơ đãng trong một thoáng, và anh ta chỉ bước vào trong bóng tối mà thôi,” tôi gợi ý. “Gần góc đường đó có rất nhiều cây mà.”

“Anh có thể thề là anh không rời mắt khỏi anh ta một giây nào,” Frank lầm bầm. Rồi anh thình lình ngẩng lên. “Anh biết rồi! Giờ thì anh nhớ ra tại sao mình lại nghĩ anh ta kỳ quặc rồi, dù lúc đó anh không nhận ra.”

“Anh ta kỳ quặc ở điểm gì?” Tôi đang bắt đầu thấy ngán ngẫm với hồn ma này và muốn chuyển sang những vấn đề thú vị hơn, như lên giường chẳng hạn.

“Lúc ấy gió đang thổi dữ dội nhưng y phục của anh ta - váy và áo choàng len, em biết đấy - không lay động chút nào, chỉ khẽ đung đưa theo nhịp bước của anh ta lúc anh ta rời đi.”

Chúng tôi nhìn nhau. “Chà,” cuối cùng tôi nói, “rợn cả người.”

Frank nhún vai và chột mím cười, gạt chuyện này đi. “Ít ra trong lần tới gặp mục sư, anh cũng có chuyện để kể với ông ấy. Có thể đó là một hồn ma nổi tiếng trong vùng và mục sư sẽ kể cho anh nghe về lai lịch hãi hùng của nó.” Anh liếc nhìn đồng hồ đeo tay. “Giờ thì đã đến lúc đi ngủ rồi.”

“Đúng vậy,” tôi lầm bầm.

Qua gương, tôi nhìn anh vừa cười áo sơ mi vừa với lấy một cái mắc áo. Rồi anh đột nhiên ngừng lại khi đang cởi cái nút ở giữa.

“Em có nhiều bệnh nhân người Scot không, Claire?” Anh đột ngột hỏi. “Ở bệnh viện dã chiến hoặc ở Pembroke ấy?”

“Đương nhiên rồi,” tôi đáp, hơi khó hiểu. “Có vài người thuộc trung đoàn Seaforth và Cameron ở bệnh viện dã chiến tại Amiens, và sau đó một chút sau trận chiến ở Caen, bọn em có rất nhiều bệnh nhân thuộc trung đoàn Gordon. Hầu hết bọn họ đều đáng mến. Bình thường thì thật rảnh rỗi, nhưng lại nhát như cáy trước mũi tiêm.” Tôi mỉm cười, nhớ lại một trường hợp đặc biệt.

“Có một người - một ông lão cọc cằn, là người thổi kèn túi của trung đoàn Seaforth số 3 - ông ta rất sợ tiêm, đặc biệt là ở hông. Ông ta sẽ cau có hàng tiếng đồng hồ trước khi để cho ai đó cầm kim tiêm tới gần mình, thậm chí khi đó ông ta còn cố nài xin bọn em tiêm cho ông ta vào cánh tay, mặc dù như thế có nghĩa là phải tiêm bắp.” Tôi cười phá lên khi nhớ về Hạ sĩ Chisholm. “Ông ta nói với em rằng: “Nếu tôi phải giơ mông úp mặt thì tôi muốn có một cô ả nằm bên *dưới* tôi, chứ không phải là ở đằng sau, tay lăm lăm cái *ghim cài mũ!*”.

Frank mỉm cười, nhưng trông anh có vẻ không mấy thoải mái, như thường thấy mỗi lần anh nghe những câu chuyện chiến tranh kém tế nhị của tôi. “Đừng lo,” tôi trấn an anh khi nhìn thấy vẻ mặt ấy. “Em sẽ không kể câu chuyện đó vào bữa tiệc trà của các giảng viên đâu.”

Anh cười tươi hơn. Khi tôi ngồi xuống bàn trang điểm, anh tới đứng đằng sau tôi, hôn lên đỉnh đầu tôi.

“Đừng lo,” anh nói. “Các giảng viên khác sẽ mến em, bất luận em kể chuyện gì. Ừm. Tóc em thơm quá!”

“Anh thích không?”

Thay vì trả lời, hai tay anh trườn xuống từ trên vai tôi, ôm trọn bầu ngực tôi trong chiếc váy ngủ mỏng manh. Qua tấm gương, tôi có thể nhìn thấy cằm anh đang tựa trên đỉnh đầu tôi.

“Anh thích mọi thứ ở em,” anh khàn khàn nói. “Trông em thật tuyệt dưới ánh nến. Đôi mắt em giống như rượu sherry trong bình pha lê, và làn

da em ánh lên như ngà vậy. Em đúng là một phù thủy ánh nến. Có lẽ anh nên gỡ hết đèn đi.”

“Thế thì làm sao mà đọc sách trên giường được,” tôi nói, tim bắt đầu đập thình thịch.

“Anh có thể nghĩ ra khỏi việc thú vị hơn để làm trên giường thay vì đọc sách,” anh thì thầm.

“Thật ư?” Tôi nói, đứng dậy và xoay người lại để vòng hai cánh tay quanh cổ anh. “Chẳng hạn như việc gì nào?”

...

Một lúc sau, đang nằm âu yếm ôm nhau đằng sau cánh cửa chớp đã cài then, tôi ngẩng đầu lên khỏi bờ vai anh và nói: “Sao lúc này anh lại hỏi em chuyện đó? Chuyện em có bệnh nhân người Scot nào không ấy? Ý em là, hẳn anh phải biết là có chứ, ở những bệnh viện như thế có đủ hạng người mà.”

Anh trở mình, nhẹ nhàng vuốt ve sống lưng tôi.

“Ừm. Không có gì đâu. Chỉ là, khi anh nhìn thấy gã đàn ông ở ngoài kia, anh chợt nghĩ hẳn có thể là... - anh ngáp ngừng, siết chặt vòng ôm hơn một chút - “Ờ, em biết đây, hẳn có thể là bệnh nhân cũ của em, có thể... có thể hẳn nghe nói em đang ở đây nên tới thăm... đại loại thế.”

“Nếu vậy thì,” tôi lý luận, “tại sao anh ta không vào nhà để gặp em?”

“Chà,” Giọng Frank rất thản nhiên, “có lẽ hẳn không muốn chạm trán anh.”

Tôi chống một bên khuỷu tay, nhìn anh chăm chăm. Chúng tôi đã chừa lại một ngọn nến sáng nên tôi có thể nhìn rõ anh. Anh đã ngoảnh đầu đi và giả tảng nhìn về phía bức tranh bằng đá màu của Hoàng tử Charlie Xinh đẹp mà bà Baird cảm thấy là phù hợp để trang trí cho bức tường trong phòng chúng tôi.

Tôi nắm lấy cằm anh và xoay đầu anh đối diện với tôi. Anh mở to mắt, giả vờ kinh ngạc.

“Có phải anh đang ám chỉ rằng,” tôi hỏi, “người đàn ông mà anh nhìn thấy ở ngoài kia là một dạng, dạng...” tôi ngập ngừng, tìm từ ngữ thích hợp.

“Quan hệ bất chính?” Anh gợi ý giúp tôi.

“Đối tượng say nắng của em?” Tôi kết thúc câu.

“Không, không, chắc chắn là không,” anh nói mà chẳng có sức thuyết phục. Anh nhấc tay tôi ra khỏi mặt anh và cố gắng hôn tôi, nhưng giờ thì đến lượt tôi ngoảnh mặt đi. Anh đành phải ấn tôi nằm xuống bên cạnh anh.

“Chỉ là...” Anh bắt đầu. “Chà, em biết đấy, Claire, trong sáu năm trời. Chúng ta chỉ gặp nhau có ba lần, và lần cuối cùng thì gặp nhau đúng một ngày. Sẽ chẳng có gì lạ nếu... ý anh là, ai cũng biết là các bác sĩ và y tá đều phải chịu áp lực khủng khiếp trong những ca cấp cứu, và... chà, anh... chỉ là... chà, anh sẽ thông cảm, em biết đấy, nếu có xảy ra bất cứ chuyện gì, ờ, vì nhất thời...”

Tôi vùng ra khỏi vòng tay anh và dùng dùng xuống giường, ngắt ngang những lời nói rời rạc của anh.

“Anh nghĩ em đã phản bội anh sao?” Tôi hỏi. “Đúng không? Bởi vì nếu anh nghĩ như vậy, anh có thể rời khỏi căn phòng này ngay lập tức. Rời khỏi ngôi nhà này luôn! Làm sao anh dám ám chỉ một điều như thế?” Tôi giận sôi máu, còn Frank thì ngồi dậy, vươn tay ra để cố xoa dịu tôi.

“Đừng có chạm vào em!” Tôi gắt gỏng. “Anh nói đi, chỉ vì có một người đàn ông lạ mặt tình cờ nhìn lên cửa sổ phòng em mà anh nghĩ em có một mối tình ngoài luồng nóng bỏng với một trong những bệnh nhân của em, đúng không?”

Frank xuống giường và choàng tay quanh người tôi. Tôi đứng đờ ra như khúc gỗ^[22], nhưng anh vẫn kiên trì vuốt tóc tôi và xoa vai tôi theo cái kiểu mà anh biết là tôi thích.

“Không phải, anh đâu có nghĩ như vậy,” anh quả quyết, rồi kéo tôi lại gần. Tôi hơi thả lỏng, nhưng chưa đủ để choàng tay ôm anh.

Một lúc lâu sau, anh thì thầm vào tóc tôi: “Không, anh biết em sẽ không bao giờ làm một chuyện như thế. Anh chỉ muốn nói rằng cho dù em có làm... Claire, thì với anh cũng sẽ chẳng có gì khác biệt. Anh rất yêu em. Cho dù em có làm gì thì cũng không thể khiến anh ngừng yêu em.” Anh ôm trọn mặt tôi trong hai bàn tay, nhìn thẳng vào mắt tôi - vì chỉ hơn tôi có chục phân nên anh có thể làm thế không khó khăn gì - và khẽ khàng nói: “Tha thứ cho anh nhé?” Hơi thở anh thoang thoang mùi Glenfiddich, ấm áp phả vào mặt tôi; đôi môi đầy đặn và môi gọi kè sát đến mức khiến tôi nao lòng.

Một ánh chớp nửa lóe lên báo hiệu cơn bão đã kéo đến, mưa rơi như trút xuống mái nhà lợp ngói đen.

Tôi chậm chậm choàng hai tay quanh eo anh.

“*Lòng khoan dung không thể gượng ép mà có,*” tôi trích dẫn. “*Nó rơi xuống như giọt sương trên thiên đường*^[23]...”

Frank cười phá lên và ngược nhìn trần nhà; những vết ố chồng chất nhau trên đó báo trước điềm gở rằng chúng tôi sẽ không được ngủ khô ráo suốt đêm.

“Nếu đó là ví dụ tiêu biểu cho lòng khoan dung của em,” anh nói, “anh sẽ không muốn nhìn thấy sự báo thù của em đâu.” Tiếng sấm rền vang tựa tiếng súng cối như thể đáp lại lời anh, cả hai chúng tôi cùng bật cười, cảm thấy thoải mái trở lại.

Mãi đến lúc nghe tiếng thở sâu của anh vang lên đều đều bên tai, tôi mới bắt đầu bản thảo. Như tôi đã nói, về phần tôi, chẳng có bằng cứ gì cho thấy tôi không chung thủy. Đó là về phần tôi. Nhưng, như anh đã nói đấy, sáu năm quả là một quãng thời gian dài đằng đằng.

2

Những cột đá

Sáng hôm sau, ông Crook đến đón tôi vào đúng bảy giờ như đã hẹn.

“Đi sớm thế này thì mới bắt gặp những giọt sương mai đọng trên những cây mao lương hoa vàng, đúng không?” Ông nói, nháy mắt vẻ ga lăng. Ông chở tôi trên cái xe mô tô cũ kỹ gần bằng tuổi đời của ông trong chuyến ngao du nhàn nhã về vùng đồng quê tĩnh mịch. Hai bên sườn cỗ xe đồ sộ cột chặt những cái khuôn ép hoa cỏ, trông như mấy thanh hãm xung trên một con tàu kéo. Sự tĩnh mịch càng trở nên nổi bật khi tiếng gầm như sấm rền của động cơ xe đột ngột tắt lịm. Tôi phát hiện ra ông lão quả thực rất rành về các loài hoa cỏ trong vùng. Ông không những biết tìm được chúng ở đâu mà còn nắm được được tính và cách sơ chế chúng. Nuối tiếc vì không mang theo một cuốn sổ để ghi chép hết những điều ấy, tôi chỉ còn cách lắng nghe chăm chú giọng nói già nua khàn khàn của ông và cố gắng hết sức để ghi nhớ thông tin khi tôi xếp gọn ghẽ các mẫu vật vào những cái khuôn ép hoa cỏ nặng nề.

Chúng tôi dừng lại gần chân một ngọn đồi bằng phẳng đến kỳ lạ để ăn bữa trưa mà chúng tôi gói mang theo. Nơi này cũng xanh mướt với những vách đá và mỏm đá lởm chởm như hầu hết các ngọn đồi kế cận, nhưng nó cũng có một điểm khác biệt: có một con đường mòn dẫn lên sườn đồi và biến mất đột ngột đằng sau một mỏm đá hoa cương trôi lên.

“Trên kia có gì vậy?” Tôi hỏi, chỉ về phía ấy bằng bàn tay đang cầm cái bánh sandwich kẹp thịt xông khói. “Có vẻ khó mà picnic trên đó.”

“À.” Ông Crook liếc nhìn ngọn đồi. “Đó là Craigh na Dun. Tôi cũng định dẫn chị lên đó sau khi chúng ta ăn xong.”

“VẬY Ơ? Nó có gì đặc biệt à?”

“Ồ, đúng vậy,” ông trả lời, nhưng từ chối mô tả chi tiết hơn, chỉ nói rằng khi nào thấy nó thì tôi sẽ hiểu.

Tôi có chút lo lắng ông lão không thể leo lên một con đường dốc như thế, nhưng những nỗi e ngại ấy đã bốc hơi khi tôi thấy mình thở hỗn hển đằng sau ông. Cuối cùng, ông Crook giơ bàn tay xương xẩu ra kéo tôi lên đỉnh đồi.

“Đây này.” Ông phẩy tay với vẻ sở hữu.

“Ồ, một vòng tròn đá!” Tôi thích thú reo lên. “Một vòng tròn đá thu nhỏ!”

Vì chiến tranh, đã vài năm rồi tôi chưa tới bình nguyên Salisbury, nhưng Frank và tôi đã từng đến tham quan Stonehenge^[24] ngay sau khi chúng tôi kết hôn. Giống như những du khách đi lang thang giữa những cột đá khổng lồ, trầm trồ kính sợ, chúng tôi đã há hốc miệng sửng sốt trước hòn đá Bệ Thờ (“nơi các tín đồ Druid ngày xưa thực hiện những nghi lễ hiến tế người đáng sợ,” hướng dẫn viên người Cockney^[25] có giọng nói oang oang đã giới thiệu như vậy với một đoàn du khách người Ý, và tất cả bọn họ đều chụp ảnh khối đá trông có vẻ khá bình thường ấy một cách nghiêm túc).

Vì Frank vốn mê mẩn sự chính xác - anh thường chỉnh lại những chiếc cà vạt trên mắc sao cho hai đầu của nó dài bằng nhau - nên chúng tôi đã đi bộ quanh vòng tròn, bước từng bước để đo khoảng cách giữa các hố Z và hố Y, và đếm các lanh-tô^[26] trong vòng tròn Sa Thạch, vòng ngoài cùng của những cột đá khổng lồ.

Ba tiếng đồng hồ sau, chúng tôi đã biết có bao nhiêu hố Y và hố Z (nếu bạn quan tâm thì đó là năm mươi chín, nhưng tôi thì không), nhưng chẳng có được manh mối nào hơn về mục đích của kiến trúc này so với hàng tá nhà khảo cổ chuyên nghiệp và nghiệp dư đã bò lê bò toài khắp nơi đó trong suốt năm trăm năm qua.

Dĩ nhiên là không thiếu các giả thuyết. Cuộc sống giữa các học giả đã dạy tôi rằng một giả thuyết được trình bày tốt thường có sức thuyết phục hơn một sự thật được trình bày tồi.

Đền thờ. Nghĩa địa. Đài quan sát thiên văn. Nơi hành quyết (do đó mới có hòn đá có cái tên ghê rợn là “đá Sát Sinh” nằm về một phía, bị chìm một nửa trong cái hố của nó). Chợ trời. Tôi thích giả thuyết cuối cùng này, hình dung ra các bà nội trợ thời kỳ Cự Thạch đi đi lại lại giữa các lanh-tô, tay đeo giỏ, soi xét tỉ mỉ lớp men trên lô hàng cốc chén bằng đất sét đỏ nung mới nhất và ngờ vức lắng nghe những lời quảng cáo hùng hồn của đám thợ bánh cùng những tay bán dạo xẻng xương hươu và hạt hồ phách.

Điều duy nhất chống lại giả thuyết này là sự hiện diện của những thi thể bên dưới hòn đá Bệ Thờ và dấu tích của tro cốt trong các hố Z. Trừ phi đây là di thể bất hạnh của những lái buôn bị buộc tội cân điều, chứ chôn người ở chợ thì có vẻ hơi mất vệ sinh.

Không có dấu vết gì của việc chôn cất trong vòng tròn đá mi ni trên đỉnh đồi này. Tôi gọi nó là “mi ni” chỉ vì nó nhỏ hơn Stonehenge, chứ mỗi cột đá vẫn cao gấp đôi người tôi, và đồ sộ tương xứng.

Tôi đã nghe một hướng dẫn viên khác ở Stonehenge nói rằng những vòng tròn đá này có ở khắp nơi trên nước Anh và châu Âu - một vài cái vẫn còn trong tình trạng tốt, những cái khác thì hư hỏng hơn, một vài cái lại hơi khác biệt về phương hướng hay hình dáng, nhưng tất cả đều không rõ mục đích và nguồn gốc.

Ông Crook mỉm cười hiền từ khi tôi đi thơ thẩn giữa những cột đá, thi thoảng dừng lại để nhẹ nhàng chạm vào một khối đá, như thể sợ để lại dấu vết trên những tảng đá mòn to lớn.

Vài cột đá có những vết văn lờ mờ. Các cột khác lại lốm đốm những hạt mica óng ánh vui mắt dưới vầng mặt trời buổi sáng. Tất cả bọn chúng đều khác biệt rõ rệt so với những hòn đá tự nhiên nhô lên giữa đám dương xỉ xung quanh. Bất kể là ai đã dựng lên những vòng tròn đá này, và với mục đích gì, thì họ cũng cho rằng nó quan trọng đến mức đáng để cất công

khai thác, tạo hình và chuyên chở những khối đá đặc biệt tới đây. Tạo hình - bằng cách nào? Chuyên chở - ra sao, và từ khoảng cách xa xôi đến mức nào?

“Chồng tôi sẽ thích mê cho xem,” tôi nói với ông Crook, cảm ơn ông vì đã chỉ cho tôi nơi này và những loài hoa cỏ. “Tôi nhất định sẽ đưa anh ấy lên đây xem nó.” Tới đầu con đường mòn, ông lão xương xẩu lịch thiệp khuynh cánh tay ra. Tôi bám vào tay ông sau khi nhìn xuống con dốc dựng đứng và quyết định rằng dù tuổi đã cao, ông vẫn có đôi chân vững vàng hơn tôi.

•••

Chiều hôm đó, tôi nhún nhảy dọc theo con đường dẫn vào làng để tới nhà mục sư gọi Frank về. Tôi khoan khoái hít thở mùi hương hỗn hợp của vùng cao nguyên khắc nghiệt gồm thạch nam, xô thơm và đậu chổi, thi thoảng còn quyện cả mùi khói và mùi cá trích rán khi tôi đi ngang qua những ngôi nhà lợp mái tranh nằm rải rác. Ngôi làng nằm nép mình bên một con dốc nhỏ dưới chân một trong những ngọn núi đá cao vút nhô lên từ các bãi hoang của vùng cao nguyên. Những túp nhà gần đường cái rất xinh đẹp. Sự phồn thịnh rực rỡ thời hậu chiến đã lan tỏa đến mức các ngôi nhà đều khoác một lớp sơn mới, ngay cả ngôi nhà lớn ít nhất cũng một trăm năm tuổi của mục sư cũng trưng lớp viền màu vàng tươi quanh những khung cửa sổ vông xuống.

Ra mở cửa là bà quản gia của mục sư, một phụ nữ cao ráo, mảnh khảnh với ba chuỗi ngọc trai nhân tạo đeo trên cổ. Sau khi nghe tôi tự giới thiệu, bà mời tôi vào nhà và dẫn tôi đi dọc theo một hành lang tối, dài và hẹp, hai bên là những bức vẽ bằng mực nâu đỏ khắc họa những người có thể là những nhân vật nổi tiếng vào thời kỳ của họ, hoặc những người họ hàng thân thích yêu quý của mục sư hiện tại, nhưng cũng có thể là thành viên của hoàng gia, từ những gì tôi thấy ở các đặc điểm của họ trong ánh sáng lò mờ.

Trái ngược với khung cảnh tối tăm ấy, thư phòng của mục sư chói lòa ánh sáng từ các ô cửa sổ đồ sộ trở từ trần xuống sàn trên cả một bức tường. Một giá vẽ gần lò sưởi, trên đó là một bức sơn dầu dang dở vẽ vách đá đen dưới bầu trời đêm, chỉ ra lý do vì sao lại có những ô cửa sổ mà hẳn là mãi sau này mới được thêm vào ấy.

Frank và một người đàn ông mập lùn mặc áo cổ đứng của mục sư đang mải mê nghiên cứu một đồng giấy rách nát trên bàn làm việc ở đầu đằng kia của căn phòng. Frank chỉ hơi ngược mắt nhìn tôi, còn mục sư thì lịch sự ngắt ngang những lời giải thích và vồn vã đi tới bắt tay tôi, khuôn mặt tròn trĩnh rạng ngời vui vẻ.

“Chị Randall!” Ông nói, nồng nhiệt lắc lắc tay tôi. “Rất vui được gặp lại chị. Chị đến vừa kịp lúc để nghe tin mới đây!”

“Tin mới ạ?” Ném ánh mắt về đồng giấy má bắn thiu ở trên bàn và kiểu chữ in của chúng, tôi đoán chừng cái tin này có từ khoảng năm 1750. Vậy thì không phải là tin sốt dẻo rồi.

“Phải. Chúng tôi đang lần theo dấu vết tổ tiên của chồng chị, Jack Randall, qua các báo cáo hỏa tốc của quân đội vào thời kỳ đó.” Mục sư ghé lại gần, nhếch miệng nói thầm như một tên gangster trong phim Mỹ. “Tôi đã, ờ, “mượn” những bức thư gốc từ tủ hồ sơ của Hiệp Hội Lịch Sử trong vùng. Chị sẽ không nói với ai chứ?”

Tôi buồn cười, đồng ý sẽ không tiết lộ bí mật chết người này của ông, rồi nhìn quanh tìm một cái ghế thoải mái để ngồi và đón nhận những tiết lộ mới nhất từ thế kỷ mười tám. Chiếc ghế bành có lưng tựa cao ở gần cửa sổ nhất trông có vẻ thích hợp, nhưng khi tôi tới để xoay nó về phía chiếc bàn, tôi phát hiện ra nó đã bị chiếm giữ. Một cậu bé với mái tóc đen bóng bù xù đang nằm cuộn tròn trong lòng ghế, ngủ ngon lành.

“Roger!” Mục sư cũng ngạc nhiên như tôi khi ông tới giúp tôi. Cậu bé giật mình choàng tỉnh, ngồi phắt dậy, đôi mắt màu rêu mở to.

“Con đang làm gì ở đây vậy hả, thằng quý nhỏ này?” Mục sư trù mếu quở trách. “Ồ, lại đọc họa báo rồi ngủ gật hả?” Ông nhặt những trang báo

màu sắc sắc sỡ lên và đưa cho cậu bé. “Đi chỗ khác chơi ngay, Roger, cha có chuyện cần bàn với cô chú Randall. Ồ, đợi đã, cha quên chưa giới thiệu con - chị Randall, đây là con trai tôi, Roger.”

Tôi hơi kinh ngạc vì vẫn luôn nghĩ mục sư Wakefield chính là mẫu người độc thân “kinh niên” điển hình. Tuy nhiên, tôi vẫn cầm lấy bàn tay đang lịch sự chìa ra và lắc nó nồng nhiệt, kiềm chế thôi thúc chùi tay vào váy vì sự nhớp nháp dính phải từ tay cậu bé.

Mục sư Wakefield âu yếm nhìn theo sau khi cậu bé linh về phía nhà bếp.

“Thực ra nó là con trai của cô cháu gái tôi,” ông tiết lộ. “Cha nó bị bắn chết trên eo biển Anh^[27], còn mẹ nó thì bị giết ở Blitz, vì vậy tôi đã nhận nuôi nó.”

“Ngài thật tốt bụng,” tôi lẩm bẩm, nghĩ về bác Lamb. Bác cũng đã mất ở Blitz khi thính phòng trong Viện bảo tàng Anh nơi bác đang diễn thuyết bị trúng bom. Hiểu rõ bác nên tôi nghĩ cảm giác của bác lúc đó hẳn là thấy biết ơn vì khu trưng bày các món cổ vật Ba Tư ở ngay bên cạnh đã thoát nạn.

“Có gì đâu, có gì đâu.” Mục sư ngại ngùng xua tay. “Có con trẻ trong nhà cũng thích mà. Nào, chị ngồi đi!”

Frank cất tiếng trước cả khi tôi đặt túi xách xuống. “Đây quả là may mắn tuyệt vời nhất, Claire ạ,” anh tán tụng, lật giở đồng giấy má quần queo. “Mục sư đã tìm được một loạt báo cáo hỏa tốc của quân đội có nhắc đến cụ Jonathan Randall.”

“Chà, phần lớn trong số đó là nói đến những việc làm của Đại úy Randall,” mục sư nhận xét, lấy vài tờ giấy từ tay Frank. “Ông ấy là chỉ huy của đơn vị đồn trú ở pháo đài William trong khoảng bốn năm, nhưng ông ấy có vẻ dành khá nhiều thời gian để quấy rối liên miên vùng đồng quê Scotland phía bên kia biên giới nhân danh nhà vua. Chỗ này” - ông cẩn thận tách ra một xấp giấy và đặt lên bàn - “là báo cáo về những vụ kiện Đại úy của các gia đình và địa chủ, bao gồm đủ thứ chuyện, từ việc binh lính

của quân đồn trú cưỡng bức các cô hầu gái tới việc ăn cắp ngựa trắng trốn, chưa kể vô số vụ “lãng nhục” không được kể rõ chi tiết.”

Tôi lấy làm thích thú. “Hóa ra trong gia tộc của anh có một kẻ trộm ngựa nổi tiếng?” Tôi nói với Frank.

Anh thản nhiên nhún vai. “Cụ ấy có là người thế nào thì anh cũng chẳng thể làm được gì để thay đổi điều đó. Anh chỉ muốn tìm hiểu thôi. Những vụ kiện này cũng không phải là chuyện gì lạ lùng vào thời kỳ đó; bấy giờ chẳng mấy ai ở vùng cao nguyên ưa người Anh nói chung và quân đội Anh nói riêng. Điều kỳ quặc nằm ở chỗ dường như những vụ kiện ấy chẳng đi đến đâu, kể cả những vụ nghiêm trọng.”

Mục sư nói xen vào vì không thể giữ im lặng lâu hơn: “Đúng vậy. Mặc dù các sĩ quan thời đó không bị ràng buộc bởi những chuẩn mực giống như thời hiện đại; họ có thể làm bất cứ điều gì họ muốn trong những vấn đề nhỏ nhặt, nhưng điều này thì thật kỳ lạ. Những vụ kiện ấy không phải bị bác đi sau khi đã điều tra; mà là chúng không bao giờ được nhắc đến nữa. Anh biết tôi đang nghi ngờ điều gì, đúng không Randall? Cụ cố của anh hẳn phải có một người đỡ đầu. Một người có thể che chở, bảo vệ ông ấy thoát khỏi sự khiển trách của các thượng cấp.”

Frank gãi gãi đầu, nheo mắt nhìn những bức thư. “Có thể lắm. Đó phải là một người khá quyền lực. Có vị trí cao trong quân đội, hoặc thuộc giới quý tộc.”

“Đúng vậy, hoặc có thể...” Những giả thuyết của mục sư bị ngắt ngang khi bà quản gia Graham đột ngột xuất hiện.

“Tôi mang cho các vị ít đồ giải khát,” bà nói, và mục sư kịp thời cúi lấy những giấy tờ quý giá ngay trước khi bà đặt mạnh khay trà vào giữa bàn. Đôi mắt sắc sảo của bà liếc nhìn tôi, đánh giá tay chân bứt rứt và đôi mắt đờ đẫn của tôi.

“Tôi chỉ mang hai tách vì tôi nghĩ có lẽ chị Randall sẽ muốn vào bếp với tôi. Tôi có một chút...” Không đợi bà dứt lời, tôi đã sốt sắng đứng bật

dậy. Lúc đi qua cánh cửa lò xo^[28] để vào phòng bếp, tôi lại tiếp tục nghe thấy những giả thuyết bùng nổ ở đằng sau.

Nước trà xanh ngắt, nóng hổi và thơm phức, với những mẫu lá trà xoay tròn trên mặt nước.

“Ừm,” tôi nói, đặt tách trà xuống. “Lâu lắm rồi tôi mới được thưởng thức trà Ô long đây.”

Bà Graham gật đầu, cười tươi khi thấy tôi bày tỏ lòng yêu thích đối với món đồ giải khát của bà. Nhìn những chiếc bánh nướng phủ lớp kem bọc sữa dày và những miếng vải lót bằng giấy ten tự làm bên dưới những cái tách hình vỏ trứng, tôi biết bà đã chuẩn bị rất kỳ công.

“Vâng, hồi chiến tranh tôi không thể nào kiếm được nó. Nó là thứ thích hợp nhất để bói lá trà. Khoảng thời gian phải dùng trà Bá tước để thay thế thật khủng khiếp. Các lá trà rã quá nhanh, khiến tôi khó mà kết luận được gì.”

“Ồ, bà biết bói lá trà ư?” Tôi hỏi, cảm thấy tức cười. Với mái tóc ngắn gọn sóng màu xám sắt và ba chuỗi ngọc trai trên cổ, trông bà Graham chẳng giống chút nào với hình ảnh quen thuộc của một bà thầy bói Di gan. Ngụm trà bà nuốt chạy dọc theo cái cổ dài mảnh và biến mất bên dưới những hạt trai sáng bóng.

“Đương nhiên rồi, cưng ạ. Bà tôi đã dạy tôi, còn bà thì học từ bà của bà. Uống hết tách trà của chị đi, rồi tôi sẽ xem cho chị.”

Bà im lặng một lúc lâu, thi thoảng lại nghiêng cái tách về phía ánh sáng hoặc chậm chậm lăn nó giữa hai lòng bàn tay gầy để có một góc nhìn khác.

Bà cẩn thận đặt cái tách xuống như thể sợ nó sẽ nổ tung trước mặt. Những nếp nhăn hai bên khóe miệng lõm sâu hơn, và lông mày bà nhíu chặt lại vẻ bối rối.

“Chà,” cuối cùng bà nói. “Đây là một trong những trường hợp lạ lùng nhất mà tôi từng thấy.”

“Ồ?” Tôi vẫn còn buồn cười nhưng bắt đầu cảm thấy tò mò. “Tôi sẽ gặp một người lạ cao ráo ngăm đen, hay sắp có một chuyến đi qua biển?”

“Có thể thế.” Bà Graham đã nghe ra giọng điệu đùa bỡn của tôi và khẽ mỉm cười, bắt chước theo. “Cũng có thể không. Đó là điều kỳ quặc ở tách trà của chị đấy, cưng ạ. Tất cả mọi thứ đều mâu thuẫn. Có một lá trà cuộn lại tượng trưng cho một cuộc hành trình, nhưng nó lại bị một chiếc lá rách nằm chồng lên tượng trưng cho việc ở yên. Và chắc chắn là có những người lạ, đến vài người lận. Một trong số đó là chồng của chị, nếu tôi xem đúng.”

Cảm giác tức cười của tôi tiêu tan phần nào. Sau sáu năm xa cách và sáu tháng bên nhau, chồng tôi vẫn còn có chút gì đó giống như một người lạ. Nhưng tôi không hiểu làm thế nào mà một lá trà có thể biết được điều đó.

Trán bà Graham vẫn nhăn lại. “Cho tôi xem tay chị nào, cô bé,” bà nói.

Bàn tay cầm lấy tay tôi thật xương xẩu, nhưng ấm áp đến kỳ lạ. Mái đầu hoa râm gọn gàng cúi xuống xem xét lòng bàn tay tôi phảng phất mùi oải hương. Bà nhìn chăm chăm một lúc lâu, thi thoảng lén ngón tay theo một đường chỉ tay, như thể đang dò một tấm bản đồ mà các nẻo đường đều biến mất trong những con suối cạn đầy cát hay những hoang mạc vắng lặng.

“Tình hình thế nào, bà Graham?” Tôi hỏi, cố duy trì bầu không khí nhẹ nhàng. “Hay là số mệnh của tôi kinh khủng đến nỗi không thể tiết lộ?”

Bà Graham ngược đôi mắt nghi ngại lên nhìn tôi vẻ đăm chiêu, nhưng vẫn cầm tay tôi. Bà lắc đầu, mím môi.

“Ồ, không, cưng à. Vận mệnh của chị không nằm trong tay chị. Chỉ có mầm mống của nó thôi.” Đầu bà nghiêng sang một bên như một chú chim, tính toán cân nhắc. “Chị biết đấy, các đường chỉ tay thường biến đổi. Vào một thời điểm nào đó trong cuộc đời, chúng có thể rất khác so với bây giờ.”

“Tôi không biết điều đó. Tôi cứ nghĩ ta sinh ra đã có chúng, và chúng sẽ mãi như vậy.” Tôi tìm lại thôi thúc muốn giật tay ra. “Vậy thì việc xem chỉ tay có ý nghĩa gì?” Tôi không muốn tỏ ra vô lễ, nhưng sự soi xét này khiến tôi cảm thấy hơi bất an, đặc biệt là sau vụ bói lá trà. Bà Graham chột mím cười và gấp các ngón tay tôi lại.

“Chà, các đường chỉ tay của chị cho thấy chị là người thế nào, cứng ạ. Đó là lý do chúng biến đổi - hoặc nên biến đổi. Ở một vài người thì chúng không biến đổi chút nào; những người đó bất hạnh đến nỗi không bao giờ thay đổi chính bản thân họ, nhưng ít người như vậy lắm.” Bà siết chặt nắm tay tôi và vỗ vỗ nó. “Tôi nghĩ chị không thuộc số đó. Dầu còn rất trẻ nhưng bàn tay chị đã có khá nhiều sự biến đổi. Hẳn là do chiến tranh,” bà nói, như thể tự nhủ với chính mình.

Tôi lại tò mò và vô thức mở lòng bàn tay ra.

“Vậy nhìn vào bàn tay tôi, bà thấy tôi là người thế nào?”

Bà Graham cau mày, nhưng không cầm tay tôi nữa.

“Tôi không thể nói rõ được. Điều đó thật kỳ lạ, vì hầu hết các bàn tay đều có sự tương đồng. Tôi không nói bàn tay nào cũng giống bàn tay nào, mà thường thì có những khuôn mẫu.” Bà chột mím cười, nụ cười cuốn hút kỳ lạ, phô bày hàm răng giả trắng bóc.

“Các thầy bói làm việc như thế đấy. Hồi trước chiến tranh, tôi thường hành nghề xem bói vào dịp lễ của nhà thờ hằng năm; có lẽ từ giờ tôi sẽ lại tiếp tục làm việc đó. Có lần, có một cô gái đi vào trong lều. Lúc đó, tôi đội một chiếc khăn xếp đính lông công mượn của ông Donaldson và mặc “chiếc áo choàng phương Đông lộng lẫy” - chính là chiếc áo choàng ngủ của mục sư có hoa văn hình con công và vàng rực như mặt trời. Trong lúc vờ xem bàn tay của cô ta, tôi lén nhìn và thấy cổ áo cô ta trễ đến tận rốn. Cộng thêm mùi nước hoa rẻ tiền và đôi hoa tai dài đến tận vai, chẳng cần đến quả cầu thủy tinh tôi cũng có thể nói ngay rằng cô ta sẽ có con trước dịp lễ năm sau.” Bà Graham ngừng lại, đôi mắt xám ánh lên vẻ hóm hỉnh.

“Nhưng nếu bàn tay mà chị đang cầm không đeo nhẫn, cần khéo léo tiên đoán rằng cô ta sẽ sớm kết hôn trước đã.”

Cả tôi và bà cùng cười phá lên. “VẬY là bà không hề nhìn vào bàn tay của họ à?” Tôi hỏi. “Trừ việc kiểm tra xem họ có đeo nhẫn không?”

Bà tỏ vẻ kinh ngạc. “Ồ, dĩ nhiên là có chứ. Ta quan sát họ chỉ để biết trước được những gì ta sẽ nhìn thấy ở bàn tay của họ thôi. Thường là vậy.” Bà hất đầu về phía bàn tay đang xò ra của tôi. “Nhưng tôi chưa từng nhìn thấy khuôn mẫu nào như vậy. Ngón tay cái lớn” - bà cúi xuống và nhẹ nhàng chạm vào nó - “không thay đổi gì nhiều. Có nghĩa chị là người cứng cỏi và có một ý chí không dễ dàng bị khuất phục.” Bà nháy mắt với tôi. “Hẳn là chồng chị đã nói với chị như thế. Chỗ đó cũng vậy.” Bà chỉ vào gò thịt ở dưới ngón tay cái.

“Nó là gì vậy?”

“Nó được gọi là gò Kim Tinh.” Bà mím làn môi mỏng để tỏ vẻ nghiêm túc, nhưng khóe miệng vẫn không kìm được khẽ nhếch lên. “Với đàn ông, như thế có nghĩa là anh ta thích gái gú. Còn với phụ nữ, nó lại có ý nghĩa hơi khác. Nói một cách lịch sự, chồng chị không thích phải xa cái giường của chị.” Bà cất lên một tiếng cười khiếm nhã đáng kinh ngạc, khiến tôi hơi đỏ mặt.

Bà quản gia đứng tuổi lại chăm chú sẫm soi bàn tay tôi, ngón tay trở nhọn hoắt chỉ hết chỗ này đến chỗ nọ để nhấn mạnh lời mình.

“Đường sinh mệnh rõ nét; chứng tỏ chị có sức khỏe tốt, và có thể sau này vẫn vậy. Nó bị đứt đoạn, nghĩa là cuộc đời chị có sự thay đổi lớn - chà, tất cả chúng ta đều như vậy, phải không nào? Nhưng đường sinh mệnh của chị bị chia nhỏ hơn tôi thường thấy; đến mức nát vụn cả ra. Còn đường hôn nhân của chị thì” - bà lại lắc đầu - “nó bị tách làm đôi; điều đó không có gì bất thường, có nghĩa là có hai cuộc hôn nhân...”

Phản ứng của tôi rất khẽ và được kìm lại ngay nhưng bà vẫn cảm nhận được và lập tức ngừng đầu lên. Bà quả là một thầy bói tinh tường. Mái đầu hoa râm lắc lắc trấn an tôi.

“Không, không, đừng à. Không phải là sẽ có chuyện gì xảy ra với người đàn ông tuyệt vời của chị đâu. Chỉ là nếu có,” bà nhấn mạnh từ “nếu”, khế siết tay tôi, “chị sẽ không phải là người héo hon và lãng phí quãng đời còn lại của mình trong nỗi tiếc thương. Có nghĩa là, chị có thể yêu lại lần nữa nếu mất đi tình yêu đầu tiên.”

Bà nheo mắt nhìn sát vào lòng bàn tay tôi, nhẹ nhàng lướt móng tay nổi gờ, ngăn ngùn dọc theo đường hôn nhân sâu hoắm. “Nhưng phần lớn các đường bị tách đôi như thế đều là đường đứt đoạn - của chị thì lại phân nhánh.” Bà ngẩng lên với nụ cười hóm hỉnh. “Chị không phải là người phạm tội trùng hôn đấy chứ?”

Tôi lắc đầu và cười. “Không. Tôi làm gì có thời gian chứ?” Rồi tôi lật tay lại, giơ cạnh bàn tay ra.

“Tôi nghe nói những vết lằn nhỏ ở cạnh bàn tay sẽ cho ta biết ta có bao nhiêu đứa con, đúng không?” Tôi hy vọng giọng mình vẫn điềm tĩnh. Cạnh bàn tay tôi phẳng nhẵn đến mức đáng thất vọng.

Bà Graham thấy tay gạt quan niệm này đi.

“Hừ! Sau khi chị có một, hai đứa con, những vết lằn đó có thể hiện ra. Giống như những nếp nhăn trên mặt vậy. Chúng chẳng chứng minh được điều gì cả.”

“Vậy ư?” Tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn đôi chút. Đúng lúc tôi đang định hỏi liệu những đường hằn sâu chạy ngang qua cổ tay tôi có ý nghĩa gì không (khuynh hướng tự tử chẳng hạn?) thì mục sư Wakefield bước vào, mang theo những tách trà rỗng. Ông đặt chúng xuống giá úp và bắt đầu lóng ngóng lục lọi tủ bát đĩa âm ỉ cả lên, rõ ràng là muốn được giúp đỡ.

Bà Graham đứng bật dậy để bảo vệ căn bếp thiêng liêng của mình, khéo léo đẩy mục sư qua một bên rồi xếp bộ đồ uống trà vào một cái khay để mang lên thư phòng. Mục sư kéo tôi tránh đường.

“Sao chị không tới thư phòng để uống một tách trà nữa với tôi và chồng chị nhỉ, chị Randall? Chúng tôi vừa tìm ra một thứ rất đáng phấn khởi.”

Tôi có thể thấy rằng mặc dù ngoài mặt điềm tĩnh nhưng ông đang vỡ òa vì vui sướng bởi thứ gì đó mà họ đã phát hiện ra, giống như một cậu bé có một con cóc nhét trong túi áo vậy. Rõ ràng tôi sẽ phải tới thư phòng để đọc hóa đơn giặt là hoặc hóa đơn sửa giày của Đại úy Jonathan Randall hoặc bất cứ tài liệu nào hấp dẫn tương tự.

Frank đang mài miết với những tài liệu rách nát đến nỗi anh chẳng hề ngẩng lên khi tôi bước vào phòng. Anh miễn cưỡng trao chúng vào bàn tay mập mạp của mục sư Wakefield và tới đứng đằng sau ông, nhòm qua vai ông, tựa hồ không thể rời mắt khỏi chúng dù chỉ một giây.

“Xem nào.” Tôi lịch sự nói, lật giở những tờ giấy lem luốc. “Ừm, vâng, rất thú vị.” Thật ra, nét chữ này quá rườm rà, bay bướm và mờ đến nỗi rất khó để luận ra nó viết gì. Có một tờ giấy được bảo quản tốt hơn phần còn lại mang một biểu tượng gia huy ở trên đầu.

“Công tước xứ... Sandringham, đúng không?” Tôi hỏi, sẫm soi cái gia huy hình con báo ngẩng đầu đã bạc màu và phần chữ in bên dưới dễ đọc hơn phần chữ viết tay.

“Đúng vậy,” mục sư nói, cười tươi hơn. “Một tước hiệu giờ đã không còn nữa, chị biết đấy.”

Tôi nào có biết, nhưng vẫn gật đầu ra vẻ thông hiểu, bởi tôi vốn chẳng lạ gì các sử gia lúc họ đang trong cơn phấn khích vì có một phát hiện mới. Ta hiếm khi phải làm gì khác ngoài việc gật đầu đều đặn và nói “Ồ, thật ư?” hoặc “Thú vị làm sao!” vào những lúc thích hợp.

Sau một hồi nhường qua nhường lại giữa Frank và mục sư, cuối cùng mục sư cũng giành được vinh dự kể cho tôi nghe về khám phá của họ. Dựa vào toàn bộ đồng rác rưởi này, họ đã phát hiện ra cụ cố của Frank, Jack Randall Hắc Ám khét tiếng, không chỉ là một chiến binh dũng cảm của hoàng gia mà còn là một gián điệp bí mật và đáng tin cậy của Công tước Sandringham.

“Gần như là một kẻ gây kích động, đúng không Tiến sĩ Randall?” Mục sư lịch thiệp nhường lời cho Frank, anh liền chộp lấy cơ hội.

“Vâng, đúng vậy. Đương nhiên là ngôn từ trong các lá thư được lựa chọn và sử dụng rất cẩn thận...” Anh nhẹ nhàng lật giở các trang bằng ngón trỏ đã được lau chùi sạch sẽ.

“Ồ, thật ư?” Tôi nói.

“Nhưng có thể thấy cụ Jonathan Randall đã được giao phó nhiệm vụ kích động tư tưởng ủng hộ phái Jacobite, nếu có, giữa các gia đình người Scot có tiếng tăm trong vùng. Mục đích của cụ là đưa ra ánh sáng bất cứ tông nam tước hay thủ lĩnh thị tộc nào bí mật nung nấu cảm tình với phái Jacobite. Nhưng thật lạ lùng! Chẳng phải chính Sandringham bị nghi ngờ là một Jacobite đó sao?” Frank quay sang mục sư, cau mày thắc mắc. Cái trán hói nhẵn thín của mục sư cũng nhăn lại y hệt như thế.

“Chà, đúng vậy. Nhưng đợi đã, để tôi kiểm tra trong sách của Cameron xem sao” - ông đâm bổ tới giá sách chật kín những cuốn sách bọc da dê - “chắc chắn là ông ấy có nhắc tới Sandringham.”

“Thú vị làm sao,” tôi lẩm bẩm, chuyển sự chú ý sang tấm gỗ xếp khổng lồ che phủ cả một bức tường của thư phòng.

Nó kín đặc các loại giấy tờ như hóa đơn tiền gas, thư từ, thông báo từ Hội đồng Mục sư, các trang tiểu thuyết bị xé rời, các ghi chú viết tay của chính mục sư, ngoài ra còn có những vật nhỏ như chìa khóa, nắp chai và phụ tùng ô tô. Tất cả bọn chúng đều được đính bằng đinh ghim hoặc treo bằng dây.

Tôi vẫn lơ đãng xem lướt qua mớ hỗn độn đó, chỉ nghe câu được câu chẳng cuộc tranh luận đang diễn ra sau lưng mình. (Họ đã quyết định rằng Công tước Sandringham có thể là một Jacobite.) Ánh mắt tôi dừng lại ở một bảng phá hệ được đính hết sức cẩn thận bằng bốn cái đinh ghim ở bốn góc. Trên đầu bảng là những cái tên từ đầu thế kỷ mười bảy. Nhưng thứ thu hút sự chú ý của tôi chính là cái tên ở cuối bảng: Roger W. (Mackenzie) Wakefield.

“Xin lỗi,” tôi nói, ngắt ngang cuộc tranh luận về việc con báo trong gia huy của công tước đang cầm một bông huệ tây hay một bông nghệ tây.

“Đây có phải là bảng phả hệ của con trai ngài không?”

“Hử? Ồ, phải, phải đấy.” Mục sư vội vã đi tới, nở nụ cười rạng rỡ. Ông nhẹ nhàng gỡ bảng phả hệ xuống và đặt nó lên bàn, trước mặt tôi.

“Tôi không muốn nó quên mất gia tộc của mình,” ông giải thích. “Đó là một dòng họ khá lâu đời, từ những năm 1600.” Ngón trở mập mạp của ông gần như cung kính lần theo các nhánh của bảng phả hệ.

“Vì nó sống ở đây nên tôi cho nó mang họ của tôi, nhưng tôi không muốn nó quên mất gốc gác của mình.” Ông nhăn mặt ra chiều tiếc nuối. “Tôi e là dòng tộc tôi chẳng có gì đáng để khoe khoang. Chỉ toàn là mục sư với cha phó, thi thoảng có một người bán sách cho thêm đa dạng, và chỉ có thể truy nguyên đến năm 1762. Các ghi chép quá ít ỏi, chị biết đấy,” ông nói, lắc đầu trước sự thờ ơ của tổ tiên mình.

Chúng tôi rời khỏi nhà mục sư vào lúc sẩm tối. Ông hứa hẹn sáng sớm mai sẽ mang những lá thư này vào thị trấn để sao lại. Suốt chặng đường về nhà bà Baird, Frank cứ vui vẻ thao thao bất tuyệt về các gián điệp và Jacobite. Tuy nhiên, cuối cùng anh cũng nhận thấy sự yên lặng ở tôi.

“Có chuyện gì thế, cưng?” Anh hỏi, lo lắng nắm lấy cánh tay tôi. “Em cảm thấy không khỏe à?” Giọng anh vừa lo lắng vừa hy vọng.

“Không, em vẫn ổn. Em chỉ đang nghĩ...” Tôi ngập ngừng, bởi vì trước đây chúng tôi đã từng bàn về vấn đề này. “Em đang nghĩ về Roger...”

“Roger nào nhỉ?”

Tôi cất tiếng thở dài bực tức. “Frank, thật là! Anh... đang trí thế! Roger, con trai của mục sư Wakefield ấy.”

“Ồ. Ừ, đúng rồi,” anh nói, vẫn còn có vẻ mơ hồ. “Thằng bé đáng yêu lắm. Nó làm sao?”

“Chà... chỉ là có nhiều đứa trẻ như thế. Những đứa trẻ mồ côi.”

Anh nhìn tôi với ánh mắt sắc lẹm và lắc đầu.

“Không, Claire. Thật sự thì, anh cũng muốn, nhưng anh đã nói với em suy nghĩ của anh về chuyện nhận con nuôi rồi còn gì. Anh không thể có

tình cảm với một đứa trẻ không phải... ờ, không phải máu mủ của mình. Anh biết như thế thật lố bịch và ích kỷ, nhưng anh thực sự có cảm giác như vậy. Có thể dần dà anh sẽ đổi ý, nhưng bây giờ thì..." Chúng tôi bước vài bước trong sự im lặng ngọt ngào. Chợt anh dừng lại và quay sang nắm lấy tay tôi.

"Claire," anh khàn khàn nói, "anh muốn có đứa con *của chúng ta*. Em là điều quan trọng nhất với anh trên đời này. Hơn tất cả, anh muốn em được hạnh phúc, nhưng anh muốn... anh muốn giữ em cho riêng mình. Anh sợ một đứa trẻ từ bên ngoài đến, không có quan hệ ruột thịt gì với chúng ta sẽ giống như một kẻ phá đám, xâm nhập và làm đảo lộn tất cả, và anh không thích điều đó. Nhưng nếu anh có thể cho em một đứa con, nhìn thấy nó lớn lên trong em, nhìn thấy nó chào đời... vậy thì anh sẽ cảm thấy nó giống như... một phần cơ thể của em, có lẽ vậy. Và cả anh nữa. Một thành viên thực sự của gia đình." Đôi mắt anh mở to, ánh lên vẻ van nài.

"Vâng, thôi được. Em hiểu." Tôi muốn bỏ qua chủ đề này - vào lúc này. Nhưng khi tôi quay người định tiếp tục cất bước, anh liền ôm lấy tôi.

"Claire. Anh yêu em." Giọng anh đầy dịu dàng, và tôi ngả đầu vào chiếc áo khoác của anh, cảm nhận hơi ấm và sức mạnh của vòng tay anh.

"Em cũng yêu anh." Chúng tôi đứng ôm nhau một lúc, khẽ đu đưa trong cơn gió đang quét dọc con đường. Đột nhiên Frank khẽ nhích người ra, mỉm cười với tôi.

"Hơn nữa," anh nhẹ nhàng nói, gạt mớ tóc lòa xòa trên mặt tôi, "chúng ta còn chưa bỏ cuộc, đúng không nào?"

Tôi mỉm cười đáp lại. "Đúng vậy."

Anh cầm tay tôi khoác lên cánh tay anh, và chúng tôi hướng về phía ngôi nhà nghỉ của mình.

"Em sẵn sàng thử lại lần nữa chứ?"

"Vâng. Tại sao lại không nhỉ?" Chúng tôi lững thững trở lại đường Gereside. Mãi đến khi nhìn thấy Baragh Mhor, hòn đá Pictish ở góc đường,

tôi mới nhớ tới những thứ cổ xưa.

“Em quên bég mất!” Tôi thốt lên. “Em muốn cho anh xem thứ này hay lắm.” Frank nhìn tôi, kéo tôi lại gần hơn và siết chặt tay tôi.

“Anh cũng có thứ muốn cho em xem,” anh nói, cười toe. “Thứ đó của em để dành đến ngày mai đi!”

•••

Tuy nhiên, sáng hôm sau, chúng tôi còn bận làm chuyện khác. Tôi quên khuấy mất rằng chúng tôi đã lên kế hoạch dành một ngày để tới dạo chơi ở hồ Ness nằm trong thung lũng lớn.

Quãng đường khá dài nên chúng tôi phải đi từ sáng sớm, trước cả lúc bình minh ló dạng. Sau khi vội vội vàng vàng chạy tới chỗ chiếc xe đang đợi trong bầu không khí lạnh đến tê tái, cảm giác thật dễ chịu khi được nằm thư giãn bên dưới tấm chăn và cảm nhận sự ấm áp len trở lại chân tay mình. Cùng với nó là cơn buồn ngủ ập đến, và tôi thoài mái thiếp đi trên vai Frank. Hình ảnh cuối cùng mà tôi nhìn thấy là cái đầu của tài xế in bóng trên nền trời đỏ ửng.

Lúc chúng tôi tới nơi thì đã hơn chín giờ, và hướng dẫn viên mà Frank thuê đang đợi chúng tôi ở mép hồ với một cái xuồng nhỏ.

“Thưa ngài, tôi nghĩ chúng ta nên đi thuyền xuôi theo bờ hồ để tới lâu đài Urquhart. Có lẽ chúng ta sẽ ăn trưa ở đó một lúc rồi tiếp tục lên đường.” Hướng dẫn viên của chúng tôi là một người đàn ông nhỏ thó có vẻ mặt nghiêm nghị, mặc áo sơ mi cotton bạc phếch và quần vải chéo. Sau khi xếp gọn cái giỏ đựng đồ picnic dưới ghế ngồi, anh ta đưa bàn tay chai sần ra đỡ tôi bước xuống thuyền.

Hôm ấy trời đẹp tuyệt, những rặng cây đang đâm chồi nảy lộc hai bên bờ dốc lờ mờ in bóng trên mặt hồ lăn tăn sóng gợn. Mặc dù có vẻ ngoài nghiêm nghị nhưng hướng dẫn viên của chúng tôi lại là người giàu kiến thức và nói nhiều, vừa đi anh ta vừa chỉ cho chúng tôi xem những hòn đảo, lâu đài và các phế tích nằm ven cái hồ dài và hẹp.

“Đằng kia chính là lâu đài Urquhart.” Anh ta chỉ một bức tường đá phẳng nhẵn lấp ló sau những rặng cây. “Hay đúng hơn là những gì còn lại của nó. Nó đã bị các phù thủy ở thung lũng lớn nguyên rửa và phải chứng kiến hết bất hạnh này đến bất hạnh khác.”

Anh ta kể cho chúng tôi nghe câu chuyện về Mary Grant, con gái của vị lãnh chúa ngự tại lâu đài Urquhart, và người tình của nàng, Donald Donn, cậu con trai thi sĩ của MacDonald xứ Bohuntin. Mặc dù họ bị ngăn cấm bởi cha nàng không chấp nhận thói quen của chàng là “nặng” bất cứ con gia súc nào mà chàng bắt gặp (hướng dẫn viên quả quyết với chúng tôi đó là một “nghề” danh giá và lâu đời của vùng cao nguyên), nhưng họ vẫn lén lút gặp nhau. Nghe phong thanh được chuyện đó, cha nàng bèn như Donald tới một điểm hẹn giả và bắt giữ chàng. Bị xử tội chết, chàng đã cầu xin để mình bị chặt đầu như một quý ông thay vì bị treo cổ như một tên tội phạm xấu xa tàn ác. Yêu cầu ấy được chấp thuận, và chàng trai trẻ được dẫn đến chỗ hành hình, miệng lặp đi lặp lại: “Quý sứ sẽ đến bắt Lãnh chúa Grant, bởi Donald Donn không bị treo cổ.”^[29] Và truyền thuyết kể rằng khi cái đầu đã lìa khỏi cổ của chàng lăn khỏi tấm gỗ kê, nó nói: “Mary, hãy nhặt đầu anh lên.”

Tôi rùng mình, và Frank choàng cánh tay ôm lấy tôi. “Có một mẫu thơ của Donald Donn vẫn còn lưu lại đến ngày nay,” anh khẽ nói. “Nó là thế này:

Ngài mai tôi sẽ ở trên một ngọn đồi, không còn đầu nữa.

Người có xót thương cho nàng trinh nữ u sầu của tôi không,

Mary của tôi, có nước da trắng và cặp mắt dịu dàng?”

Tôi nắm lấy tay anh và khẽ siết nó.

Sau khi nghe hết câu chuyện này đến câu chuyện khác về sự phản bội, giết người và bạo lực, cái hồ bỗng trở nên đáng sợ như danh tiếng của nó.

“Còn con quái vật thì sao?” Tôi hỏi, ngoảnh nhìn lòng hồ u ám. Nó có vẻ là nơi trú ẩn hoàn toàn lý tưởng cho con quái vật.

Hướng dẫn viên của chúng tôi nhún vai và khạc nhổ xuống mặt nước.

“Chà, rõ ràng cái hồ này rất kỳ quái. Có những câu chuyện kể rằng từng có một sinh vật già đời và độc ác sống trong lòng hồ. Người ta đã dâng các vật hiến tế cho nó - bò cái, thậm chí đôi khi là trẻ nhỏ, được bỏ trong những cái giỏ liễu gai và ném xuống nước.” Anh ta lại khạc nhổ. “Và một số người nói cái hồ này không có đáy - ở giữa lòng hồ có một cái hố sâu hơn bất cứ thứ gì khác ở Scotland. Tuy nhiên,” - đôi mắt đầy vết chân chim của hướng dẫn viên nheo lại - “mấy năm trước, có một gia đình từ Lancashire chuyển đến đây hớt hơ hớt hải chạy vào đồn cảnh sát ở Invermoriston, kêu lên thất thanh rằng họ đã nhìn thấy con quái vật rời khỏi mặt nước và trốn trong bãi dương xỉ điều hâu. Họ nói đó là một sinh vật gớm ghiếc, có bộ lông màu đỏ và những cái sừng đáng sợ. Nó đang nhai một thứ gì đó, máu từ miệng nhỏ xuống tong tong.” Anh ta giơ tay lên, ngăn chặn tiếng hét kinh hãi của tôi.

“Viên cảnh sát được cử đi xem xét tình hình khi quay lại đã nói, trừ việc máu nhỏ tong tong, họ đã miêu tả rất chính xác” - anh ta ngừng lại để gây kịch tính - “một con bò cao nguyên xinh đẹp đang nhai lại thức ăn trong bụi dương xỉ điều hâu!”

Chúng tôi đi được một nửa chiều dài của hồ thì lên bờ để ăn bữa trưa muộn. Xe ô tô đón chúng tôi ở đó và chở chúng tôi về qua thung lũng lớn. Trên đường đi chẳng thấy có gì đáng sợ, chỉ có một con cáo đỏ ngậm một sinh vật nhỏ mềm nhũn ở trong mồm. Nó giật mình ngẩng lên khi chúng tôi quẹo xe ở một khúc quanh, rồi nhảy vọt vào lề đường và trèo lên bờ đê, nhanh như một cái bóng.

Trời đã tối mịt lúc chúng tôi lảo đảo bước trên con đường dẫn về căn nhà nghỉ của bà Baird, nhưng chúng tôi vẫn bám dính vào nhau trên bậc thềm và cười vui vẻ trước các sự kiện trong ngày khi Frank mò mẫm tìm chìa khóa.

Mãi đến lúc cởi đồ để đi ngủ, tôi mới nhớ ra và nhắc đến vòng tròn đá mi ni ở Craigh na Dun với Frank. Về mặt mỗi của anh biến mất ngay lập

tức.

“Thật à? Và em biết nó ở đâu ư? Tuyệt quá, Claire!” Anh cười rạng rỡ và bắt đầu lục lọi va li.

“Anh tìm gì thế?”

“Đồng hồ báo thức,” anh đáp, lôi nó ra.

“Để làm gì?” Tôi ngạc nhiên hỏi.

“Anh muốn dậy kịp lúc để được nhìn thấy họ.”

“Ai cơ?”

“Các phù thủy.”

“Phù thủy á? Ai nói với anh là có phù thủy chứ?”

“Mục sư,” Frank trả lời, rõ ràng thích thú với lời nói đùa này. “Bà quản gia của ông ấy là một trong số đó.”

Tôi nghĩ về bà Graham đáng kính và cười khẩy. “Đừng có lỗ bịch thế!”

“Chà, thực ra thì không phải phù thủy. Đã từng có phù thủy trên khắp vùng Scotland trong hàng mấy trăm năm, nhưng đến thế kỷ mười tám họ đã bị thiêu sống hết rồi. Đám người này là tín đồ Druid, hoặc đại loại thế. Anh không nghĩ đó là một giáo phái tà đạo thờ ma quỷ. Nhưng mục sư nói rằng trong vùng vẫn có một nhóm người thực hiện các nghi lễ thờ cúng vào những ngày lễ mừng mặt trời. Ông ấy không thể quan tâm quá nhiều đến chuyện này vì địa vị của mình, em biết đấy, nhưng lòng hiếu kỳ khiến ông ấy không thể lờ nó đi hoàn toàn. Ông ấy không biết các nghi lễ được thực hiện ở đâu nhưng nếu có một vòng tròn đá ở gần đây thì hẳn là nơi đó.” Anh xoa xoa hai tay vào nhau vẻ háo hức. “May mắn làm sao!”

...

Thức dậy khi trời còn tối mò để đi khám phá thì cũng vui đấy, nhưng làm thế trong hai ngày liên tiếp thì chẳng khác nào tự hành xác.

Lần này cũng không có chiếc ô tô ấm áp với chăn và bình nước nóng. Tôi loạng choạng đi theo sau Frank lên đồi trong tình trạng ngái ngủ, thi thoảng lại vấp vào một hòn đá hoặc rễ cây. Trời lạnh căm căm và dày đặc sương mù, khiến tôi phải thọc sâu hai tay vào túi áo khoác len.

Dẫn bước cuối cùng lên đỉnh đồi, vòng tròn đá lập tức lờ mờ hiện ra trước mắt chúng tôi trong cảnh tranh tối tranh sáng. Frank đứng im như tượng, say mê ngắm nghía nó, trong khi tôi ngồi phịch xuống một tảng đá, thở hổn hển.

“Đẹp quá,” anh lẩm bẩm, rón rén tiến tới mép ngoài của vòng tròn, thân hình như một cái bóng của anh biến mất giữa những cái bóng lớn hơn của những tảng đá. Chúng thật đẹp nhưng cũng kỳ quái ghê gớm. Tôi rùng mình, không chỉ vì lạnh. Nếu người nào đó tạo ra vòng tròn này có ý định dọa dẫm kẻ khác thì họ đã làm được rồi đấy.

Một thoáng sau, Frank quay lại. “Chưa có ai ở đây cả,” anh chột thì thầm từ phía sau, khiến tôi giật nảy mình. “Đi nào, anh đã tìm ra một chỗ để chúng ta có thể núp vào mà quan sát.”

Lúc này, ánh sáng bắt đầu hiện lên ở đằng đông, nó mới chỉ là một vệt màu xám nhạt nơi chân trời, nhưng cũng đủ giúp tôi khỏi vấp ngã khi Frank dẫn tôi chui qua một khe hở mà anh tìm thấy giữa những bụi tổng quán sủi gần đầu con đường mòn. Bên trong những lùm cây có một khoảng trống nhỏ xíu, hai chúng tôi phải nép sát vào nhau mới đủ chỗ, nhưng từ đây có thể nhìn rõ con đường mòn và phía trong của vòng tròn đá nằm cách chúng tôi không quá sáu mét. Tôi lại một lần nữa tự hỏi trong chiến tranh Frank đã làm loại công việc gì? Anh có vẻ rất rành việc di chuyển lạng lẽ trong bóng tối.

Vì đang ngái ngủ nên tôi chỉ muốn nằm cuộn mình dưới một bụi cây ấm áp và đánh một giấc, nhưng vì chẳng có chỗ để làm việc đó nên tôi đành tiếp tục đứng nhìn chăm chú con đường dốc để ngóng các tín đồ Druid đang trên đường đến. Lưng và chân tôi bắt đầu nhức mỏi, nhưng

chắc cũng không còn lâu nữa; vệt sáng đằng đông đã chuyển sang màu hồng nhạt, chắc chỉ chưa đầy nửa tiếng nữa là bình minh sẽ lên.

Người đầu tiên đến một cách lặng lẽ gần như Frank. Chỉ có tiếng lạch cạch rất khẽ khi chân bà ta đá phải một viên sỏi gần đỉnh đồi, rồi mái đầu màu xám gọn gàng đột ngột nhô lên. Bà Graham. Vậy là đúng rồi! Bà quản gia của mục sư đang mặc váy vải tuyết và áo khoác len, tay kẹp một cái bọc màu trắng. Bà biến mất sau một cột đá, âm thầm như một bóng ma.

Chẳng mấy chốc những người còn lại cũng tới, đi một mình hoặc theo nhóm hai, ba người, cười khúc khích và thì thầm với nhau. Thế rồi con đường nhanh chóng trở lại im ắng sau khi họ đi vào vòng tròn.

Tôi nhận ra một vài người. Kia là bà Buchanan, giám đốc bưu điện của làng, mùi hương Evening in Paris đang nồng nàn tỏa ra từ mái tóc vàng hoe mới uốn của bà. Tôi nén cười. Vậy ra đây chính là một tín đồ Druid thời hiện đại!

Cả thảy có mười lăm người, toàn là phụ nữ, trong độ tuổi từ bà Graham hơn sáu mươi đến một thiếu phụ trẻ chừng ngoài hai mươi mà hai hôm trước tôi đã nhìn thấy đẩy một cái xe nôli quanh các cửa hàng. Tất cả bọn họ đều ăn mặc phù hợp với việc đi bộ, dưới cánh tay ai nấy đều kẹp một bọc đồ. Họ chào hỏi nhau đôi ba câu rồi biến mất đằng sau những tảng đá hay những bụi cây, rồi quay trở lại với hai bàn tay không, trên người là bộ đồ màu trắng và cánh tay để trần. Khi một người đi lướt qua bụi cây chúng tôi đang nấp, tôi ngửi thấy mùi xà phòng giặt và nhận ra y phục của họ giống như những tấm chăn mỏng quấn quanh cơ thể và thắt lại ở vai.

Họ tụ lại bên ngoài vòng tròn đá, theo một hàng từ già đến trẻ, và đứng im lặng, chờ đợi. Ánh sáng từ đằng đông trở nên mạnh hơn.

Khi vầng dương nhú lên trên đường chân trời, hàng người bắt đầu di chuyển chậm rãi giữa hai cột đá. Người đứng đầu dẫn họ đi thẳng vào tâm vòng tròn, rồi cứ thế đi vòng quanh, chậm rãi và nghiêm trang như những con thiên nga đang diễu hành.

Người đứng đầu đột ngột dừng lại, giơ hai tay lên và bước vào tâm vòng tròn. Ngẩng mặt về phía hai cột đá ở rìa phía đông, bà ta cất tiếng kêu gọi bằng giọng cao vút, tiếng nói không lớn lắm nhưng đủ rõ để khắp vòng tròn nghe thấy được. Trong màn sương mù tĩnh lặng, tiếng nói ấy trở nên vang vọng như thể nó phát ra từ khắp nơi, thậm chí từ chính bản thân những cột đá.

Các vũ công lặp lại lời bà. Bây giờ họ đã trở thành những vũ công. Họ không chạm vào nhau, mà chỉ giơ tay về phía nhau, nhún nhảy và đi vòng quanh. Đột nhiên vòng tròn tách làm đôi. Bảy vũ công di chuyển theo chiều kim đồng hồ. Những người khác di chuyển theo hướng ngược lại. Hai nửa vòng tròn đi qua nhau với tốc độ ngày càng tăng, thi thoảng hợp thành một vòng tròn trọn vẹn, thi thoảng lại tạo nên một hàng đôi. Và ở giữa, người dẫn đầu đứng im phăng phắc, vẫn tiếp tục cất giọng thê lương với âm vực cao vút bằng một thứ ngôn ngữ đã mất từ lâu.

Đáng lẽ tôi phải cảm thấy buồn cười vì trông họ thật ngớ ngẩn. Và có lẽ họ ngớ ngẩn thật. Một nhóm phụ nữ, trong đó có nhiều người to béo và chẳng hề nhanh nhẹn, quần chần và diễu hành theo vòng tròn trên đỉnh một ngọn đồi. Nhưng tóc gáy tôi dựng đứng cả lên khi nghe thấy tiếng kêu của họ.

Họ dừng lại cùng một lúc, quay mặt về phía mặt trời mọc, đứng thành hai nửa vòng tròn, tạo ra một lối đi ở giữa. Khi mặt trời nhô hẳn lên khỏi đường chân trời, ánh sáng tràn qua khoảng trống giữa hai cột đá ở đằng đông, theo lối đi giữa hai nửa vòng tròn chiếu vào cột đá nứt đồ sộ ở phía đối diện.

Trong một thoáng, các vũ công đứng sững như hóa đá trong bóng tối hai bên luồng sáng. Thế rồi bà Graham nói gì đó bằng thứ ngôn ngữ kỳ lạ lúc này, nhưng lần này với giọng bình thường. Bà xoay người và bước đi dọc theo con đường ánh sáng, lưng ưỡn thẳng, những dợn tóc màu xám sắt lấp lánh dưới ánh mặt trời. Các vũ công lục tục bước theo bà, không ai nói một lời. Từng người một đi qua khe nứt trên tảng đá chính và lặng lẽ biến mất.

Chúng tôi lom khom ẩn nấp trong bụi tổng quán sủi cho đến khi những người phụ nữ, giờ đã cười nói bình thường, thay lại y phục cũ và đi thành nhóm xuống đồi, hướng về phía nhà mục sư để uống cà phê.

“Chúa ơi!” Tôi duỗi tay duỗi chân, cố gắng xoa tan cơn tê mỏi ở chân và lưng. “Quả là một cảnh tượng đặc biệt, đúng không?”

“Tuyệt vời!” Frank tán tụng. “Anh sẽ không đánh đổi khoảnh khắc được chứng kiến cảnh tượng ấy vì bất cứ thứ gì trên đời này.” Anh trườn ra khỏi lùm cây như một con rắn, để mặc tôi tự gỡ mình ra trong khi anh bò quanh phía bên trong của vòng tròn, gí sát mũi xuống đất như một con chó săn.

“Anh đang tìm cái gì vậy?” Tôi hỏi, ngập ngừng bước vào vòng tròn đá, nhưng trời đang sáng rõ, và những cột đá, dù vẫn oai vệ, đã mất đi dáng vẻ hăm dọa đầy nguy hiểm như trong lúc bình minh.

“Các dấu vết,” anh đáp, bò loanh quanh, mắt dán chặt vào lớp đất cỏ mọc lún phún. “Làm sao họ biết phải bắt đầu và dừng lại ở đâu nhỉ?”

“Câu hỏi hay đấy. Em chẳng thấy gì cả.” Nhưng khi quét ánh mắt trên mặt đất, tôi trông thấy một loài cây thú vị mọc gần chân một trong những cột đá cao. Cỏ lưu ly chẳng? Không, có lẽ không phải; hoa của loài cây này có nhị màu cam và cánh màu xanh sẫm. Trí tò mò bị khơi gợi, tôi dậm bước về phía nó. Vốn thính tai hơn tôi, Frank bỗng nhảy dựng lên và túm lấy cánh tay tôi, kéo tôi ra khỏi vòng tròn ngay trước khi một trong những vũ công buổi sáng bước vào từ phía bên kia.

Đó là cô Grant, người phụ nữ mập lùn, chủ cửa hàng bánh kẹo ở phố High của thị trấn, một nghề có vẻ phù hợp với thân hình của cô ta. Cô ta nheo mắt sẫm soi khắp xung quanh, rồi mò mẫm tìm kính trong túi. Ấn kính lên mũi, cô ta lững thững đi quanh vòng tròn, cuối cùng chộp lấy cái kẹp tóc bị rơi, thứ đã khiến cô ta phải quay lại. Sau khi kẹp nó vào những lọn tóc dày dặn bóng mượt, cô ta có vẻ không vội quay về với công việc mà lại ngồi xuống một tảng đá, tựa vào một trong những cột đá khổng lồ với vẻ thoải mái và nhàn nhã châm một điếu thuốc.

Frank khẽ thở dài bực tức bên cạnh tôi. “Hừ,” anh nói, vẻ nhẵn nhụi, “chúng ta nên đi thôi. Cô ta có thể ngồi đó cả buổi sáng mất, cứ nhìn cái dáng vẻ kia thì biết. Dù sao đi nữa, anh cũng không thấy dấu vết rõ rệt nào.”

“Có lẽ chúng ta nên quay lại đây sau,” tôi gợi ý, vẫn còn tò mò về loài cây leo có hoa màu xanh.

“Ừ.” Nhưng rõ ràng anh đã mất hết hứng thú với vòng tròn đá mà chỉ đắm chìm vào những chi tiết của nghi lễ vừa rồi. Trên đường xuống đồi, anh hỏi tôi không ngừng, giục tôi nhớ lại càng chính xác càng tốt từng lời mà những người phụ nữ kia đã nói, và thời điểm diễn ra điệu nhảy.

“Bắc Âu,” cuối cùng anh nói với vẻ thỏa mãn. “Những từ cơ bản là ngôn ngữ Bắc Âu cổ, anh gần như chắc chắn đấy. Nhưng điệu nhảy,” anh lắc đầu, ngẫm nghĩ. “Không, điệu nhảy còn cổ xưa hơn nhiều. Không phải là người Viking không có những điệu nhảy vòng tròn,” anh nói, nhượng mảy vẻ nghiêm nghị, như thể chính tôi đã nói là không có. “Nhưng cái kiểu di chuyển theo hai hàng đó, nó... hừm, nó giống như... chà, một vài mẫu hoa văn trên những món đồ gốm tráng men của người Beaker, khá giống như thế, nhưng mà... hừm.”

Anh lại rơi vào trạng thái xuất thần của một học giả, thi thoảng lăm lăm một mình. Trạng thái ấy chỉ bị phá vỡ khi anh bất ngờ vấp phải một thứ gì đó gần chân đồi. Anh giật mình hét to, khua loạn hai tay khi bị trượt chân và lăn lông lốc xuống khoảng một mét cuối cùng của con đường, ngã vào một lùm nga sâm.

Tôi lao như bay xuống đồi theo anh, nhưng lúc tôi tới chân đồi thì đã thấy anh ngồi dậy giữa những thân cây rung rinh.

“Anh không sao chứ?” Tôi hỏi, dù có thể thấy là anh vẫn ổn.

“Chắc vậy.” Anh choáng váng đưa tay lên trán, vuốt lại tóc. “Anh bị vấp vào cái gì thế?”

Cái này.” Tôi giơ lên một hộp cá mòi bị một vị khách của buổi sớm vứt ở đó. “Một trong những mối đe dọa của nền văn minh.”

“A.” Anh đón lấy nó từ tay tôi, nhòm vào bên trong, rồi ném nó qua vai. “Tiếc là nó rỗng không. Anh thấy hơi đói. Chúng ta về xem bà Baird có gì cho bữa sáng muộn nhé?”

“Vâng,” tôi nói, vén nốt những sợi tóc còn lòa xòa trên trán anh. “Nhưng chúng ta cũng có thể biến nó thành bữa trưa sớm.” Ánh mắt tôi giao với mắt anh.

“À,” anh lại nói với tông giọng khác hẳn. Bàn tay anh chậm chậm lướt lên cánh tay và cần cổ tôi, ngón cái nhẹ nhàng mơn trớn thùy tai tôi. “Đúng là chúng ta có thể.”

“Nếu anh không quá đói,” tôi nói. Bàn tay kia của anh lần lên sau lưng tôi. Lòng bàn tay mở ra, nhẹ nhàng ấn tôi vào người anh, các ngón tay nhích xuống thấp dần, thấp dần. Miệng anh hé mở và hơi thở ấm áp của anh khẽ phả dọc theo cổ váy tôi.

Anh nhẹ nhàng đặt tôi xuống cỏ, những bông nga sâm mướt tựa lông tơ như đang bông bênh quanh đầu anh. Anh cúi xuống, dịu dàng hôn tôi, vừa hôn vừa cời từng chiếc cúc váy với vẻ khiêu khích.

Bàn tay đang vuốt ve lưng tôi cứ trượt xuống thấp dần, thấp dần, rồi đột ngột dừng lại trong nỗi kinh ngạc. Nó lại lần mò một hồi nữa, rồi Frank ngẩng đầu lên và nhìn tôi, cười toe.

“Cái gì thế này?” Anh hỏi, nhái giọng một viên cảnh sát làng. “Hay đúng hơn là, sao lại không có gì?”

“Chỉ là chuẩn bị sẵn sàng thôi mà,” tôi nghiêm trang nói. “Các y tá được dạy rằng phải phòng trước những chuyện bất ngờ.”

“Thực tình, Claire,” anh lẩm bẫm. “Em là người có đầu óc thực tế khủng khiếp nhất mà anh từng biết.”

•••

Vào buổi tối hôm đó, tôi đang ngồi trong phòng khách với một quyển sách lớn trải ra trên lòng thì Frank đi tới sau lưng.

Em đang làm gì đấy?” Anh hỏi, nhẹ nhàng đặt tay lên vai tôi.

“Tìm kiếm loài cây đó,” tôi đáp, kẹp ngón tay vào giữa các trang sách để đánh dấu. “Loài cây mà em nhìn thấy chỗ vòng tròn đá. Nhìn này...” Tôi mở cuốn sách ra. “Nó có thể thuộc họ hoa chuông hoặc long đờm, lá thang, mờ hôi - em nghĩ có khả năng nhất là lưu ly - nhưng nó cũng có thể thuộc loài này, *Anemone patens*.” Tôi chỉ vào hình minh họa đầy màu sắc của một cây ngân liên hoa. “Em không nghĩ nó thuộc họ long đờm; cánh của nó không thực sự tròn, nhưng...”

“Chà, sao em không trở lại đó và hái nó nhỉ?” Anh gợi ý. “Có lẽ ông Crook sẽ cho em mượn ‘cỗ pháo nổ’ cũ kỹ của ông ấy hoặc - không, anh có một ý hay hơn. Hãy mượn xe của bà Baird, như thế an toàn hơn. Từ đường cái tới chân đồi chỉ phải đi bộ một đoạn ngắn thôi mà.”

“Và rồi sau đó phải leo thêm một nghìn thước nữa,” tôi nói. “Tại sao anh lại hứng thú với loài cây đó như thế?” Tôi xoay người lại để ngược nhìn anh. Ánh đèn phòng khách viền quanh đầu anh một vành mỏng màu vàng kim, khiến anh trông giống như một vị thánh trong một bản in khắc thời Trung cổ.

“Thứ anh quan tâm không phải là loài cây đó. Nếu em định quay lại nơi ấy, anh muốn em xem qua một lượt bên ngoài vòng tròn đá luôn.”

“Được thôi,” tôi đồng ý. “Để tìm cái gì vậy?”

“Dấu vết của lửa,” anh nói. “Tất cả các tài liệu anh đã đọc về lễ Beltane đều nhắc đến lửa trong các nghi lễ, nhưng những người phụ nữ chúng ta nhìn thấy sáng nay không hề dùng đến nó. Phải chăng họ đã đốt lửa vào đêm hôm trước, rồi sáng hôm sau mới quay lại để nhảy múa? Mặc dù theo lịch sử thì những người chăn bò mới có nhiệm vụ nhóm lửa. Chẳng hề có dấu vết của lửa bên trong vòng tròn đá.” Anh nói thêm. “Nhưng anh chưa kịp kiểm tra ở bên ngoài.”

“Được thôi,” tôi lặp lại và ngáp. Đây chính là tác hại của việc dậy sớm hai hôm liên tiếp. Tôi gấp sách lại và đứng dậy. “Miễn là em không phải dậy trước chín giờ.”

Thực tế thì gần mười một giờ tôi mới tới vòng tròn đá. Trời mưa lún phún khiến tôi ướt hết cả người vì không nghĩ tới chuyện mang theo áo mưa. Tôi kiểm tra nhanh bên ngoài vòng tròn, nhưng nếu ở đó từng có một ngọn lửa, hẳn là đã có người bỏ công bỏ sức xóa sạch mọi dấu vết rồi.

Loài cây tôi quan tâm thì dễ tìm hơn. Nó vẫn ở đúng chỗ tôi nhớ, gần chân cột đá cao nhất. Tôi cắt lấy vài cây và gói tạm vào chiếc khăn tay, định bụng sẽ cất nó cẩn thận hơn khi nào tôi về chỗ chiếc xe nhỏ xíu của bà Baird, vì tôi đã để lại những cái khuôn ép hoa cỏ nặng nề ở đó.

Cột đá cao nhất của vòng tròn bị nứt một đường thẳng đứng, chia cột đá thành hai nửa đều sộ. Lạ một điều là hai nửa khối đá như bị kéo doãng ra. Mặc dù bề mặt của chúng khớp với nhau, nhưng chúng cách nhau một khoảng chừng hơn nửa mét.

Quanh quần đầu đây có tiếng vo vo trầm thấp. Tôi đoán trong khe nứt có thể có một tổ ong, nên chống tay lên cột đá để ngó vào.

Cột đá rít lên.

Tôi lùi phắt lại, nhanh đến nỗi vấp phải một búi cỏ và ngã phịch xuống. Tôi nhìn chăm chăm vào cột đá, toát mồ hôi hột.

Tôi chưa bao giờ nghe thấy âm thanh nào như thế từ bất kỳ sinh vật sống nào. Chẳng có cách nào để miêu tả nó, chỉ biết nói rằng đó là tiếng rít có thể phát ra từ một tảng đá. Nó thật khủng khiếp.

Những cột đá khác bắt đầu rít lên. Có tiếng chiến trận cùng tiếng kêu rên của những người đàn ông đang hấp hối và những con ngựa bị kiệt sức.

Tôi lắc đầu thật mạnh để xua tan âm thanh ấy, nhưng nó vẫn vang vọng. Tôi lảo đảo đứng dậy và loạng choạng đi về phía mép của vòng tròn. Những tiếng động vang lên khắp nơi, khiến răng tôi đau buốt và đầu tôi quay cuồng. Mắt tôi bắt đầu nhòe đi.

Tôi không biết liệu tôi chủ đích đi về phía khe nứt của cột đá chính hay màn âm thanh hỗn loạn đã đẩy tôi về phía đó.

Một lần, khi đang đi xe vào ban đêm, tôi đã ngủ thiếp đi vì bị tiếng động cơ rừ rừ và sự chuyển động êm ái ru vào một ảo giác lâng lâng đầy yên bình. Thế rồi người tài xế phóng xe lên một cây cầu quá nhanh nên bị mất lái, khiến tôi giật mình tỉnh dậy từ giấc mơ bỗng bênh, đối mặt với ánh đèn pha sáng lóa và cảm giác nôn nao kinh hoàng khi bị rơi xuống với tốc độ cao. Sự chuyển biến đột ngột đó gần giống như cảm giác mà tôi đang trải qua lúc này, dù vẫn chưa thể mô tả trọn vẹn được.

Có thể nói tầm nhìn của tôi co cụm lại thành một chấm đen duy nhất rồi biến mất, để lại một khoảng trống chói lòa. Có thể nói tôi cảm thấy mình như đang xoay tròn, hoặc bị lộn từ trong ra ngoài. Nhưng như thế vẫn chưa lột tả được hết cảm giác của tôi về sự vỡ vụn hoàn toàn, về việc bị ném rất mạnh vào một thứ gì đấy vô hình.

Thật ra thì chẳng có gì chuyển động, chẳng có gì thay đổi, chẳng có gì xảy ra, nhưng cảm giác sợ hãi quá mãnh liệt đến nỗi tôi chẳng còn biết mình là ai, là cái gì, hay đang ở đâu. Tôi đang ở trong tâm của sự hỗn loạn, cả sức mạnh trí óc lẫn sức mạnh cơ thể đều trở nên vô tác dụng.

Không phải là tôi bị mất ý thức, nhưng chắc chắn là tôi không nhận thức được về bản thân mình suốt một lúc lâu. Tôi “tĩnh lại” - nếu nói một cách chính xác - khi vấp phải một hòn đá gần chân đồi, rồi gần như trượt xuống cả mét dốc còn lại và ngã vào một bụi cỏ dày.

Buồn nôn và chóng mặt, tôi bò tới một rặng sỏi non và tựa vào một thân cây. Có tiếng la hét văng vẳng đâu đây, nhắc tôi nhớ đến những tiếng rít mà tôi đã nghe thấy và cảm thấy trong vòng tròn đá. Nhưng đây chỉ là âm thanh bình thường của một cuộc xung đột giữa người với người, và tôi quay về phía đó.

3

Người đàn ông trong rừng

Tôi trông thấy ở phía xa xa có hai, ba người mặc váy kẻ ô đang chạy trốn chết qua một khoảng đất trống nhỏ. Có tiếng “bùm bùm” vang lên mà tôi sững sốt nhận ra là tiếng súng nổ.

Ngay sau đó là sự xuất hiện của năm, sáu người đàn ông mặc áo khoác đỏ và quần ống túm, tay vung vẩy những khẩu súng hỏa mai, khiến tôi chắc chắn mình vẫn đang bị ảo giác. Tôi chớp chớp mắt và nhìn chăm chăm, rồi giơ hai ngón tay lên trước mặt. Tôi vẫn nhìn thấy đúng hai ngón tay, rõ ràng và chuẩn xác, vậy là tôi không bị hoa mắt. Tôi dè dặt hít người không khí, cảm nhận mùi hăng hăng của cây cối mùa xuân và mùi cỏ ba lá nhàn nhạt tỏa ra từ một bụi cây gần chân tôi. Như vậy khứu giác của tôi không có vấn đề gì.

Tôi sờ lên đầu. Chẳng bị đau ở đâu cả. Vậy là đầu tôi không bị chấn động. Mạch đập hơi nhanh nhưng ổn định.

Tiếng hét phía xa đột ngột thay đổi. Có tiếng móng guốc nện rầm rầm trên mặt đất rồi vài con ngựa phi như bay về phía tôi, trên lưng là những người Scot mặc váy kẻ ô, đang hát kiểu yodel^[30] bằng tiếng Gaelic. Tôi lập tức tránh sang một bên, phản ứng nhanh nhẹn ấy chứng minh rằng thân thể tôi không bị tổn hại gì.

Và rồi tôi chợt nghĩ ra, khi một gã áo đỏ bị một người Scot hạ đo ván đứng dậy dứ dứ năm đấm về phía lũ ngựa. Đương nhiên rồi. Một bộ phim! Tôi lắc đầu trước sự chậm hiểu của mình. Họ đang quay một bộ phim cổ trang nào đó, vậy thôi. Dạng phim nói về Hoàng tử Xinh đẹp^[31] trong bãi thạch nam, hẳn rồi!

Chà. Với một bộ phim có giá trị nghệ thuật như thế này, đoàn làm phim chắc chắn sẽ oán trách tôi vì đã đem một “hạt sạn” vào trong những cảnh quay của họ. Tôi quay trở vào rừng, định đi vòng quanh khoảng đất trống để ra đường cái nơi tôi đậu xe. Nhưng việc đi lại khó khăn hơn tôi tưởng. Khu rừng còn non, những bụi cây thấp ken dày cào rách váy áo tôi. Tôi phải hết sức cẩn thận khi đi qua những cây non khẳng khiu, vừa đi vừa gỡ các lớp váy bị mắc vào những bụi gai.

Nếu hăn là một con rắn, hăn là tôi đã giẫm lên hăn. Hăn đứng im lìm giữa những cái cây non khiến bản thân hăn gần giống như một thân cây, và tôi không để ý cho đến khi hăn vươn tay tóm lấy cánh tay tôi.

Bàn tay còn lại bịt miệng tôi, lôi tôi về phía lùm sồi, khiến tôi hoảng loạn quấy đạp loạn xạ. Kẻ bắt giữ tôi, dù hăn là ai, có vẻ không cao hơn tôi là mấy nhưng có cánh tay khỏe ghê gớm. Tôi ngửi thấy mùi hoa thoang thoang, như là mùi nước hoa oải hương, và thứ gì đó nồng hơn, quyến lẫn với mùi mồ hôi đàn ông gần gất. Nhưng khi những chiếc lá bật trở lại vị trí cũ khi chúng tôi đi qua, tôi nhận thấy nét quen thuộc ở bàn tay và cánh tay đang siết chặt eo tôi.

Tôi lắc đầu nguầy nguậy để giật ra khỏi bàn tay đang bịt miệng mình.

“Frank!” Tôi hét to. “Anh đang làm trò quái quỷ gì vậy?” Tôi vừa nhẹ nhõm khi phát hiện ra anh ở đây vừa giận dữ trước trò đùa này. Vốn đang bối rối vì những gì vừa trải qua ở chỗ vòng tròn đá, tôi không có tâm trạng để chơi những trò cảm giác mạnh.

Hai bàn tay buông tôi ra, nhưng khi quay mặt lại, tôi lập tức cảm thấy có gì đó không đúng. Không chỉ là mùi nước hoa xa lạ, mà còn là thứ gì đó mơ hồ hơn. Tôi đứng im như tượng, tóc gáy dựng đứng.

“Anh không phải là Frank,” tôi lầm bầm.

“Đúng vậy,” hăn đồng ý, sẫm soi tôi với sự thích thú rõ rệt. “Một người bà con của tôi có tên như thế, nhưng tôi không nghĩ cô nhầm tôi với cậu ta, thưa cô. Chúng tôi không giống nhau lắm.”

Chẳng cần biết người bà con đó của hắn trông như thế nào, nhưng gã đàn ông này thì giống hệt Frank, như thể hắn là anh em ruột của Frank vậy. Hắn cũng có vóc dáng mảnh khảnh, khung xương nhỏ, khuôn mặt với những đường nét như được tạc, lông mày ngang, đôi mắt to màu hạt dẻ và mái tóc sẫm màu, uốn cong trước trán.

Nhưng tóc hắn để dài, được cột lại đằng sau bằng dây da, và làn da nâu sạm vì dải dầu nắng gió suốt hàng tháng, mà không, phải đến hàng năm trời, chứ không phải là màu nâu vàng mà Frank có được trong chuyến đi nghỉ ở Scotland của chúng tôi.

“Vậy anh là ai?” Tôi hỏi, cảm thấy bất an. Mặc dù Frank có rất nhiều họ hàng và người quen, nhưng tôi nghĩ tôi biết tất cả bà con người Anh của anh. Trong số họ chẳng có ai trông giống người đàn ông này. Và nếu có bất cứ người họ hàng gần nào sống ở vùng cao nguyên thì Frank phải kể với tôi chứ? Không những thế, anh còn khăng khăng đến thăm họ, mang theo bảng phả hệ và những cuốn sổ tay, háo hức tìm hiểu bất cứ mẫu tin tức nhỏ nhoi nào về lịch sử gia đình có liên quan đến Jack Randall Hắc Ám nổi tiếng nửa kia.

Người lạ nhướng mày trước câu hỏi của tôi.

“Tôi là ai ấy hả? Chính tôi mới là người nên hỏi câu đó, thưa cô, bởi tôi có nhiều lý do để hỏi hơn.” Đôi mắt hắn chậm chậm sẫm soi tôi từ đầu đến chân, sỗ sàng đánh giá chiếc váy cotton mỏng thêu hoa mẫu đơn mà tôi đang mặc, và nấn ná ở đôi chân tôi với vẻ thích thú kỳ quái. Tôi hoàn toàn chẳng hiểu nổi ánh mắt đó, nhưng nó khiến tôi vô cùng lo lắng, và tôi lùi lại một, hai bước, cho đến khi đột ngột khựng lại vì va vào một thân cây.

Cuối cùng gã đàn ông đó cũng dời mắt khỏi người tôi và quay sang bên cạnh. Như thể vừa thoát khỏi bàn tay kìm kẹp của hắn, tôi thở phào nhẹ nhõm, tới lúc đó mới nhận ra này giờ mình đã nín thở.

Hắn quay người để nhặt cái áo khoác vắt trên cành thấp nhất của một cây sồi non, phúi phúi mấy chiếc lá vương trên áo rồi mặc vào.

Hắn là tôi đã xuýt xoa kinh ngạc, bởi vì hắn lại ngược nhìn lên. Chiếc áo khoác có màu đỏ sẫm, đuôi dài và không có ve áo, dọc mặt trước là một hàng khuy khuyết thùa. Cổ tay áo lật ngược lên đúng mười lăm phân, để lộ lớp vải lót màu nâu sẫm, và một chùm tua rua màu vàng ánh lên từ một bên ngù vai. Đó là áo khoác của một kỵ binh châu Âu thế kỷ mười bảy, mười tám, dành cho sĩ quan. Rồi tôi chợt nghĩ ra - đương nhiên rồi, hắn là một diễn viên, cùng hội với đám người mà tôi đã nhìn thấy ở phía bên kia cánh rừng. Mặc dù thanh kiếm ngắn mà hắn bắt đầu cột lại trên người có vẻ thật hơn bất cứ đạo cụ nào mà tôi từng nhìn thấy.

Tôi ép mình vào thân cây đằng sau, sự rắn chắc của nó khiến tôi thấy vững tâm hơn. Tôi khoanh tay trước ngực vẻ phòng thủ.

“Anh là kẻ quái quỷ nào thế?” Tôi hỏi lại. Lần này thì đến chính tôi cũng phải sửng sốt vì giọng điệu gay gắt đáng sợ của mình.

Hắn làm như không nghe thấy, cứ nhấn nha cài khuy áo. Chỉ khi đã xong việc, hắn mới lại nhìn tôi. Rồi hắn cúi đầu vẻ nhạo báng, tay đặt lên ngực chỗ trái tim.

“Thưa quý cô, tôi là Quý ngài Jonathan Randall, Đại úy của Đội Kỵ binh Hoàng gia Số tám. Sẵn sàng phục vụ quý cô.”

Tôi lập tức bỏ chạy, thở hồng hộc khi đâm bổ qua màn cây sồi và tổng quán sủi, chẳng màng đến những bụi mâm xôi, tầm ma, đá sỏi, thân cây đổ, tất cả những gì trên đường đi. Tôi nghe thấy tiếng quát tháo đằng sau mình, nhưng quá kinh hoàng đến nỗi không xác định được nó phát ra từ đâu.

Tôi cứ cắm đầu cắm cổ mà chạy, mặc kệ những cành cây chìa ra chắn lối cào xước mặt và hai cánh tay, mắt cá chân thì bị treo khi tôi giẫm vào những cái hố và vấp phải những hòn đá. Trong đầu tôi chẳng còn chỗ để chứa đựng bất cứ ý nghĩ sáng suốt nào; tôi chỉ muốn chạy thoát khỏi hắn.

Một vật nặng đập mạnh vào phần lưng dưới của tôi khiến tôi chúi về phía trước và ngã phịch xuống đất, đau đến nghẹt thở. Một đôi bàn tay xù xì lật ngửa tôi lại, và tôi thấy Đại úy Jonathan Randall đang quỳ bên cạnh

tôi. Hãn thở hỗn hển và đã làm mất thanh kiếm trong cuộc rượt đuổi. Trông hãn xộc xệch, bẩn thỉu và vô cùng bực bội.

“Cô bỏ chạy như thế là có ý gì?” Hãn hỏi. Một lọn tóc dày màu nâu sẫm rủ xuống cong cong trên trán, khiến hãn trông càng giống Frank hơn.

Hãn cúi xuống, túm lấy hai cánh tay tôi. Vẫn còn thở hỗn hển, tôi vùng vẫy giằng ra, nhưng lại làm hãn ngã chúi về phía tôi.

Hãn mất thăng bằng và nằm đè lên người tôi, khiến tôi nằm bẹp gí dưới đất. Đáng ngạc nhiên là điều này có vẻ khiến hãn hết bực bội.

“Ồ, là như thế phải không?” Hãn nói, cười khùng khục. “Chà, ta rất sẵn lòng thỏa mãn cứng, nhưng không may là cứng lựa chọn thời điểm chẳng thích hợp chút nào.” Hãn ép chặt hông tôi xuống đất, và một viên đá nhỏ cắm sâu vào thắt lưng tôi đau điếng. Tôi vịn vẹo người để hẩy nó ra. Hông hãn đè nghiêng hông tôi, và tay hãn ghim chặt vai tôi xuống đất. Tôi phần nộ mở miệng.

“Anh làm cái...” Tôi vừa cất tiếng thì hãn đã cúi đầu hôn tôi, ngắt ngang lời tôi. Lưỡi hãn thọc sâu vào miệng tôi sục sạo với sự suồng sã trơ trẽn. Thế rồi hãn đột ngột rời ra hết như lúc bắt đầu.

Hãn vỗ vỗ má tôi. “Khá lắm, cứng. Có lẽ để lần sau nhé, khi nào có thời gian rồi, ta sẽ phục vụ cứng đàng hoàng hơn.”

Lúc này thì tôi đã lấy lại hơi sức. Tôi hét thẳng vào lỗ tai hãn, khiến hãn giật bản mình như thể bị đâm một sợi dây kim loại nóng rực vào tai. Tôi lợi dụng thời cơ thúc mạnh đầu gối vào mạng sườn sơ hở của hãn, khiến hãn ngã sòng soài trên đồng lá mủn.

Tôi lồm cồm bò dậy. Hãn lăn người lại một cách điệu nghệ và xông tới bên cạnh tôi. Tôi cuống cuống liếc quanh, tìm một lối thoát, nhưng chúng tôi đang bị chặn lại ở chân một vách đá hoa cương cao chót vót nhô lên đột ngột từ mặt đất. Hãn bắt kịp tôi ở chỗ mặt đá lồm vào trong, tạo nên một cái hốc nông. Hãn chặn đứng lối vào, hai cánh tay dang rộng chống vào hai bên vách đá, khuôn mặt đen sạm điển trai mang vẻ giận dữ pha lẫn tò mò.

“Cô đang ở với ai vậy?” Hấn hỏi. “Frank, hấn là ai? Trong đám lính của tôi không có người nào tên như vậy. Hay đó là một người sống ở gần đây?” Hấn cười giễu cợt. “Trên người cô không có mùi phân, chứng tỏ cô không ở với một gã tá điền. Với lại, trông cô đắt đỏ hơn mức các nông dân trong vùng có thể chi trả.”

Tôi siết chặt nắm tay và nghiến răng. Chẳng hiểu thằng cha này đang nghĩ gì trong đầu nữa.

“Tôi không hiểu anh đang nói gì, vui lòng để tôi đi ngay lập tức!” Tôi nói, đổi sang tông giọng của một nữ y tá trưởng. Điều này thường có hiệu quả đối với những hộ lý cứng đầu và những thực tập sinh trẻ, nhưng có vẻ chỉ làm cho Đại úy Randall thêm thích thú. Tôi quyết tâm nén lại cảm giác sợ hãi và hoang mang đang nhộn nhạo trong lồng ngực như một đàn gà mái hoảng hốt.

Hấn chậm rãi lắc đầu, tỉ mỉ sẫm soi tôi lần nữa.

“Không phải bây giờ, cưng ạ. Tôi đang tự hỏi,” hấn nói, như đang chuyện trò, “tại sao một con điếm mặc váy lót ra đường lại đi giày? Và còn là một đôi giày khá tốt nữa chứ,” hấn nói thêm, liếc nhìn đôi giày lười màu nâu trơn của tôi.

“Một cái gì cơ?” Tôi hét lên.

Hấn hoàn toàn lờ tôi đi. Ánh mắt hấn đã trở lại mặt tôi. Hấn đột nhiên bước lên phía trước và nắm lấy cằm tôi. Tôi tóm lấy cổ tay hấn và giật ra.

“Bỏ tay ra!” Nhưng những ngón tay hấn cứng như thép vậy. Chẳng thèm đếm xỉa đến nỗ lực tự giải thoát của tôi, hấn xoay mặt tôi sang bên này bên kia, để ánh chiều tà nhàn nhạt chiếu lên nó.

“Làn da của một quý cô,” hấn lẩm bẩm, ghé lại gần hít ngửi. “Và tóc cô có mùi nước hoa Pháp.” Rồi hấn thả tôi ra. Tôi phần nộ xoa xoa cằm, như để xóa đi sự đụng chạm mà tôi vẫn còn cảm thấy trên da mình.

“Những thứ khác cô có thể có được nhờ tiền của người bảo trợ,” hấn suy ngẫm, “nhưng cô cũng có lối nói năng của một quý cô.”

“Cảm ơn nhiều!” Tôi gật gồng. “Tránh đường cho tôi. Chồng tôi đang đợi; nếu trong vòng mười phút nữa mà tôi không quay lại, anh ấy sẽ đi tìm đây.”

“Ồ, chồng của cô á?” Về ngưỡng mộ nhạo báng giảm đi phần nào, nhưng không hoàn toàn biến mất. “Và mong cô vui lòng cho biết chồng cô tên là gì vậy? Anh ta ở đâu? Và tại sao anh ta lại cho phép vợ mình đi lang thang một mình qua cánh rừng hoang vắng trong tình trạng hờ hênh như thế này?”

Tôi đang sắp phát điên vì cố gắng lý giải toàn bộ các sự kiện của buổi chiều nay, nhưng vẫn còn đủ lý trí để tự nhủ rằng nếu cho gã này biết Frank cùng họ với hắn thì chỉ tổ chuốc thêm nhiều rắc rối. Do đó, tôi không thèm trả lời mà cố gắng lách qua hắn. Hắn giơ cánh tay rắn chắc chắn đường và vươn bàn tay còn lại để chạm vào tôi.

Bỗng vù một tiếng, một cái bóng lao bổ xuống khiến Đại úy Randall ngã huych. Hắn nằm ngay dưới chân tôi, bị cả một khối đồ sộ trông như bọc giẻ rách bằng vải len kẻ ô đè lên. Từ cái khối đó, một nắm tay sạm nâu cứng như đá vung ra nện mạnh xuống. Nghe tiếng rắc vang lên là đủ biết cú đấm đã trúng vào xương. Đôi chân đi giày cao cổ màu nâu bóng loáng của Đại úy đang vùng vẫy đột nhiên khựng lại.

Tôi nhận thấy mình đang nhìn chòng chọc vào một cặp mắt đen sắc bén. Bàn tay gân guốc vừa tạm thời làm gã Đại úy bất tỉnh lập tức bám dính vào cánh tay tôi như một con sam.

“Ông là kẻ quái quỷ nào thế?” Tôi kinh ngạc hỏi. Người giải cứu tôi, nếu tôi có thể gọi như vậy, thấp hơn tôi khoảng chục phân và có vóc dáng gầy gò, nhưng đôi cánh tay trần lộ ra qua chiếc áo sơ mi tả tơi lại cuộn cuộn cơ bắp và thân hình ông ta có vẻ dẻo dai như lò xo đệm. Ông ta cũng chẳng đẹp trai chút nào, với khuôn mặt rỗ, cái trán thấp và cái hàm hẹp.

“Lỗi này.” Ông ta giật cánh tay tôi, và tôi ngoan ngoãn tuân theo vì vẫn còn đang ngỡ ngàng trước một loạt sự kiện vừa mới xảy ra.

Người bạn đồng hành mới của tôi nhanh nhẹn len qua màn cây tổng quán sủi, đột ngột rẽ ngoặt quanh một tảng đá lớn, và một con đường mòn hình vành khuyên xuất hiện. Bị đám kim tước và thạch nam che kín, lại ngoằn ngoèo uốn lượn nên chẳng bao giờ nhìn thấy được quá hai mét đường trước mặt, nhưng rõ ràng nó là một đường mòn dẫn lên đỉnh của một ngọn đồi.

Mãi đến khi chúng tôi thận trọng đi xuống phía bên kia của ngọn đồi, tôi mới lấy lại được hơi sức và can đảm để hỏi chúng tôi đang đi đâu. Chẳng nhận được câu trả lời nào từ người bạn đồng hành, tôi hỏi lại lớn hơn: “Chúng ta đang đi tới nơi khi họ còn gáy nào vậy?”

Ông ta đột ngột quay lại, khuôn mặt nhăn nhó và đẩy tôi ra khỏi đường. Khi tôi mở miệng phản đối, ông ta liền bịt miệng tôi và kéo tôi xuống đất, rồi nằm đè lên người tôi.

Không phải là thế chứ! Tôi nghĩ, đang vùng vẫy dữ dội để thoát ra thì nghe thấy thứ mà ông ta đã nghe thấy nên lập tức nằm im phăng phắc. Những tiếng gọi nhau, kèm theo tiếng giậm chân và tiếng nước bắn tóe lên. Rõ ràng là giọng Anh. Tôi quấy đạp dữ dội để giở miệng ra, cảm phập hàm răng vào tay ông ta, và chỉ kịp cảm nhận rằng ông ta đã ăn bốc món cá trích dầm giấm trước khi thứ gì đó đập vào sau đầu tôi, rồi mọi thứ trước mắt trở nên tối sầm.

...

Ngôi nhà bằng đá lờ mờ hiện ra qua màn sương đêm mù mịt. Những cánh cửa chớp được đóng chặt, chỉ để lọt ra một tia sáng. Vì không biết mình đã bất tỉnh bao lâu nên tôi không thể đoán được nơi này cách ngọn đồi Craigh na Dun hay thị trấn Inverness bao xa. Chúng tôi đang ở trên lưng ngựa, tôi ngồi phía trước kẻ bắt giữ tôi, hai tay bị trói vào núm yên ngựa^[32], nhưng vì chẳng có con đường lớn nào nên việc di chuyển vẫn khá chậm chạp.

Tôi nghĩ mình ngất đi không lâu; tôi không thấy có biểu hiện nào của sự chấn động não hay những hậu quả nghiêm trọng khác từ cú đánh kia,

ngoại trừ một mảng đau ở sau gáy. Kẻ bắt giữ tôi, một người đàn ông kiệm lời, đã trả lời những câu hỏi, những yêu cầu và những lời chửi rủa gay gắt của tôi bằng duy nhất một âm thanh đặc trưng của người Scot mà nghe giống nhất với từ “Ừmmmmm.” Nếu tôi có chút nghi ngờ nào về quốc tịch của ông ta thì chỉ riêng âm thanh đó thôi cũng đủ để xóa tan nó.

Đôi mắt tôi dần thích nghi với ánh sáng lờ mờ ở bên ngoài khi con ngựa loạng choạng giẫm lên những hòn đá và những bụi kim tước, vì vậy tôi đã bị lóa mắt khi bước từ chỗ gần như là bóng tối vào nơi có ánh sáng chói lòa ở bên trong. Khi mắt đã bớt chói, tôi nhận thấy thực ra căn phòng chỉ được thắp sáng bởi một ngọn lửa trong lò sưởi, vài cây nến và một ngọn đèn dầu trông có vẻ cũ kĩ đến mức nguy hiểm.

“Anh mang theo thứ gì vậy, Murtagh?”

Gã đàn ông có bộ mặt giống như một con chồn tóm lấy cánh tay tôi và đẩy tôi tới chỗ ánh lửa.

“Nghe lối nói chuyện thì là một cô ả Sassenach, Dougal.” Trong phòng có mấy người đàn ông, tất cả đều nhìn tôi chăm chăm, vài kẻ tò mò, vài kẻ lộ vẻ dâm dăng thấy rõ. Váy của tôi bị rách lỗ chỗ từ lúc chiều, và tôi vội vàng đánh giá sự tổn hại. Nhìn xuống, tôi có thể thấy rõ đường cong của một bên ngực qua một vết rách, và tôi tin chắc mấy gã đàn ông đang tụ tập ở đây cũng có thể nhìn thấy nó. Nhận thấy rằng nếu cố gắng kéo các mép rách lại với nhau thì sẽ càng thu hút sự chú ý; tôi quyết định lựa chọn một khuôn mặt bất kỳ và táo bạo nhìn chăm chăm vào hăn, hy vọng làm hăn hoặc chính tôi sao nhãng.

“Ê, dù có là Sassenach hay không thì cũng là một người đẹp đấy,” gã đàn ông đó đang ngồi bên lò sưởi, trông có vẻ mỡ màng, béo tốt. Hăn đứng dậy, tiến về phía tôi mà không buồn đặt khoanh bánh mì đang cầm trên tay xuống. Hăn nâng cằm tôi lên bằng mu bàn tay, gạt tóc ra khỏi mặt tôi. Vài mẩu vụn bánh mì rơi xuống cổ váy tôi. Những kẻ khác xúm lại, trông như một khối áo choàng len kẻ ô râu ria xồm xoàm, sức nức mùi mồ hôi và rượu. Chỉ đến khi đó tôi mới nhận thấy chúng đều mặc váy - thật kỳ cục,

cho dù là ở vùng này của cao nguyên. Phải chăng tôi đã lạc vào cuộc họp mặt của một thị tộc hoặc một trung đoàn nào đó của Scotland?

“Lại đây, cô gái!” Một gã đàn ông to lớn có bộ râu sẫm màu này giờ vẫn ngồi ở cái bàn bên cửa sổ vẫy tay ra hiệu cho tôi. Nhìn dáng chỉ huy của ông ta, có vẻ như ông ta là người đứng đầu nhóm người này. Đám đàn ông miễn cưỡng tách ra khi Murtagh kéo tôi về phía trước, rõ ràng chúng tôi trọng quyền của kẻ bắt giữ tôi.

Gã đàn ông râu sẫm sẫm soi tôi kĩ càng, gương mặt chẳng lộ chút biểu cảm. Trông ông ta cũng ưa nhìn đấy, và không phải là không thân thiện, nhưng giữa hai lông mày ông ta hiện lên những nếp hằn căng thẳng, đó không phải là gương mặt mà người ta muốn chạm trán.

“Tên cô là gì, cô gái?” Giọng ông ta thật nhẹ nhàng trái ngược với vóc dáng đồ sộ, không phải là chất giọng trầm đục mà tôi nghĩ sẽ phát ra từ bộ ngực vạm vỡ kia.

“Claire... Claire Beauchamp,” tôi nói, quyết định dùng tên từ thời con gái không chút đắn đo. Nếu đám người này định bắt cóc tổng tiền, tôi không muốn giúp chúng bằng cách nêu ra cái tên có liên quan đến Frank. Và tôi cũng không muốn những gã đàn ông có vẻ dữ tợn này biết tôi là ai trước khi tôi tìm hiểu được chúng là ai. “Ông nghĩ ông đang...” Gã đàn ông râu sẫm chẳng thèm đoái hoài đến lời tôi, hết người này đến người khác đều tỏ thái độ như vậy khiến tôi bắt đầu thấy mệt mỏi.

“Beauchamp?” Đôi lông mày rậm nhướng lên, cả nhóm người xôn xao vì kinh ngạc. “Một cái họ của Pháp, đúng không?” Ông ta phát âm tên tôi bằng thứ tiếng Pháp chuẩn xác, dù tôi phát âm nó theo thứ tiếng Anh thông dụng là “Beecham.”

“Vâng, đúng thế,” tôi trả lời, có chút ngạc nhiên.

“Anh tìm thấy cô ả này ở đâu vậy?” Dougal quay sang hỏi Murtagh, người đang nốc rượu ừng ực từ một cái chai bẹt bằng da để tự làm mình tươi tỉnh lại.

Gã đàn ông nhỏ thó ngăm đen ấy nhún vai. “Ở chân đồi Craigh na Dun. Cô ta đang lờ đi qua tiếng lại với một gã đại úy kỵ binh mà tôi tình cờ quen biết,” ông ta nói thêm, nhướn mày đầy ẩn ý. “Dường như họ đang tranh cãi xem liệu quý cô này có phải là một con điếm hay không.”

Dougal lại tỉ mỉ quan sát tôi, soi kỹ mọi chi tiết của chiếc váy cotton in hoa và đôi giày dã ngoại.

“Ta hiểu. Váy quý cô đây nói thế nào”? Ông ta hỏi, nhấn mạnh từ “quý cô” với vẻ châm biếm khiến tôi chẳng thích thú gì. Tôi nhận thấy mặc dù giọng ông ta không nặng bằng giọng của gã đàn ông có tên Murtagh, nhưng ông ta phát âm từ “quý cô” nghe cứ như là “wí cô” vậy.

Murtagh có vẻ tức cười lắm; chỉ ít thì một bên khóe miệng mỏng tang của ông ta cũng vén lên. “À nói à không phải. Viên đại úy có vẻ phân vân, nhưng vẫn muốn kiểm tra thử.”

“Chúng ta cũng có thể kiểm tra.” Gã béo có bộ râu đen cười nhe nhớn, bước về phía tôi, hai tay kéo mạnh thắt lưng. Tôi vội lùi xa hết mức có thể, nhưng cũng chẳng được là bao vì không gian hạn hẹp của ngôi nhà.

“Đủ rồi, Rupert!” Dougal vẫn đang cau mày với tôi, nhưng giọng nói đầy uy lực của ông ta khiến Rupert lập tức dừng bước và tỏ vẻ thất vọng một cách khoa trương trông đến là khôi hài.

“Ta không tán thành việc cưỡng hiếp. Dù sao đi nữa, chúng ta cũng không có đủ thời gian để làm chuyện đó.” Tôi vui mừng khi nghe thấy chính sách này, nhưng vẫn hơi căng thẳng trước những ánh mắt dâm dăng hiện rõ trên một số gương mặt khác. Có cảm giác như tôi đang mặc đồ lót mà xuất hiện ở chốn công cộng vậy. Và dù tôi không biết băng cướp cao nguyên này là ai hay chúng đang mưu mô gì nhưng chúng có vẻ nguy hiểm khủng khiếp. Tôi cắn răng nín lại những câu nói ít nhiều thiếu suy nghĩ đang dâng lên trong lòng.

“Anh nghĩ sao, Murtagh?” Dougal hỏi kẻ bắt giữ tôi. “Ít nhất thì cô ta cũng tỏ ra không thích Rupert.”

“Điều đó chẳng chứng tỏ được gì,” một gã hói lùn tịt phản đối. “Anh ta không ngờ ý cho cô ả tiền. Ngài không thể mong đợi một người phụ nữ chấp nhận một gã như Rupert khi mà anh ta không trả trước một khoản tiền lớn,” hăn nói thêm, khiến đám bạn cười hô hố. Nhưng Dougal đột nhiên ra hiệu cho mọi người im lặng và hất đầu về phía cửa. Gã hói vừa cười vừa ngoan ngoãn lướt ra ngoài bóng tối.

Murtagh không cười hùa theo đám người kia mà cau mày soi xét tôi. Rồi ông ta lắc lắc đầu, khiến cho phần tóc mái xoa trên trán lay động.

“Không,” ông ta nói chắc nịch. “Tôi không biết cô ta có thể là gì - hay là ai - nhưng tôi đánh cược cái áo sơ mi tốt nhất của tôi rằng cô ta không phải một con điếm.” (Tôi hy vọng chiếc áo đẹp nhất của ông ta không phải là cái áo ông ta đang mặc, vì trông nó chẳng đáng một xu.)

“Chà, anh thì biết rõ rồi, Murtagh, anh đã thấy quá nhiều ả điếm mà,” Rupert chế giễu, nhưng bị Dougal chặn lại.

“Chúng ta sẽ giải quyết chuyện này sau,” Dougal cộc cằn nói. “Tối nay chúng ta còn phải đi một chặng đường dài, trước hết phải làm gì đó cho Jamie đã; nó không thể cười ngửa trong tình trạng thế kia.”

Tôi lúi vào bóng tối gần lò sưởi, hy vọng tránh được sự chú ý. Gã đàn ông tên Murtagh đã cời trói cho tôi trước khi dẫn tôi vào đây. Có lẽ tôi sẽ lén được ra ngoài trong lúc họ bận tâm đến chuyện khác. Đám đàn ông đã quay sang một chàng trai trẻ đang ngồi khom người trên một cái ghế đẩu ở góc nhà. Anh ta chẳng hề ngẩng lên suốt từ lúc tôi xuất hiện và bị tra hỏi, đầu cứ gục xuống, tay ôm lấy bờ vai bên kia, khẽ đu đưa qua lại vì đau đớn.

Dougal nhẹ nhàng gạt bàn tay đó ra. Một gã kéo cái áo choàng len của chàng trai xuống, để lộ cái áo sơ mi vải lanh lấm lem bùn đất loang lổ máu. Một gã nhỏ thó có bộ ria dày cầm dao tiến tới đằng sau chàng trai, túm lấy cổ áo sơ mi, rạch một đường chéo qua ngực và dọc theo tay áo, khiến mảnh vải rơi xuống khỏi vai.

Tôi cất tiếng xuýt xoa kinh ngạc giống như vài gã khác. Vai anh ta có một vết thương nham nhở sâu hoắm, và máu đang chảy ròng ròng xuống

ngực. Nhưng điều đáng kinh hãi hơn là cái khớp vai. Nó gồ lên đáng sợ và cánh tay bị lệch đến mức không thể tưởng tượng nổi.

Dougal càu nhàu. “Hừm. Trật khớp rồi, thằng quý tội nghiệp.” Chàng trai trẻ ngẩng lên lần đầu tiên. Mặc dù đang nhăn nhó vì đau và mang bộ râu đỏ lởm chởm, khuôn mặt anh ta vẫn răn rỏi và vui vẻ.

“Một viên đạn hỏa mai hất chấu khỏi lưng ngựa, chấu giơ tay chống nên trọng lượng cả cơ thể mới dồn vào đấy, vậy là *khục*, nó thành ra thế này.”

“Đúng là nó đã bị trật khớp.” Gã đàn ông có ria mép - nghe giọng nói thì có vẻ là một người Scot có học - đang sờ nắn vai chàng trai, khiến anh ta nhăn mặt vì đau. “Vết thương không vấn đề gì, viên đạn đã xuyên thẳng ra ngoài. Chỉ cần cầm máu thôi.” Ông ta nhắc một mảnh vải cáu bẩn trên bàn lên để thấm máu. “Nhưng tôi không biết phải làm gì với cánh tay bị trật khớp. Chúng ta sẽ cần một thầy thuốc để nắn lại nó. Cậu không thể cưỡi ngựa trong tình trạng đó, đúng không, Jamie?”

Đạn hỏa mai? Tôi ngây người nghĩ. Thầy thuốc?

Chàng trai trẻ lắc đầu, khuôn mặt trắng bệch. “Đến ngồi yên một chỗ còn đau nữa là. Tôi không thể cưỡi ngựa được.” Anh ta nhắm mắt lại và cắn chặt môi dưới.

Murtagh sốt ruột nói. “Chà, chúng ta không thể để cậu ấy ở lại, đúng không? Bọn lưng tôm^[3] không giỏi lần theo dấu vết trong bóng tối, nhưng chúng sẽ tìm ra nơi này không sớm thì muộn, dù có đóng chặt cửa. Và với cái lỗ thủng to tướng trên người kia, Jamie khó có thể được coi là một nông dân vô tội.”

“Đừng lo hã,” Dougal nói ngắn gọn. “Ta không định để nó ở lại.”

Gã đàn ông có ria thở dài. “Vậy thì chẳng còn cách nào. Chúng ta sẽ phải cố gắng nắn lại khớp. Murtagh, anh và Rupert giữ lấy cậu ta; tôi sẽ nắn thử.”

Tôi nhìn ông ta cầm cổ tay và khuỷu tay của chàng trai trẻ rồi vặn ngược nó lên mà thấy tội nghiệp. Góc độ không đúng; hẳn là chàng trai đau đến lắm. Mồ hôi vã ra như tắm trên mặt nhưng anh ta chẳng kêu tiếng nào, chỉ khẽ rên rỉ. Rồi đột nhiên anh ta đổ nhào về đằng trước, nhờ những cánh tay đang giữ mới không bị ngã xuống sàn.

Một người mở nắp bình rượu và ấn vào môi anh ta. Mùi rượu mạnh nguyên chất nồng nặc phả tới chỗ tôi đứng. Chàng trai trẻ ho sặc sụa và bị nghẹn nhưng vẫn cố nuốt, những giọt chất lỏng màu hổ phách từ khe miệng nhỏ xuống phần còn lại của cái áo sơ mi.

“Cậu đủ sức để thử một lần nữa chứ?” Gã để ria mép hỏi. “Có lẽ lần này nên để Rupert làm,” ông ta đề nghị, quay sang gã vô lại béo ú có bộ râu đen.

Rupert hào hứng bẻ khớp các ngón tay như thể sắp sửa ném một ngọn lao, rồi nhắc cổ tay chàng trai trẻ lên, rõ ràng định dùng sức để nắn lại khớp; cánh tay chàng trai trẻ sẽ bị bẻ gãy như một cái cán chổi mất.

“Đừng có làm liều như vậy!” Toàn bộ ý nghĩ bỏ trốn bị nhấn chìm trong nỗi phần nộ của một y tá nhà nghề, tôi bước về phía trước, chẳng thèm đoái hoài đến vẻ mặt sừng sốt của đám đàn ông quanh tôi.

“Cô có ý gì?” Gã để ria mép quát, rõ ràng bức tức vì sự can thiệp của tôi.

“Ý tôi là các ông sẽ bẻ gãy tay anh ta nếu làm như thế,” tôi gắt gỏng đáp lại. “Làm ơn tránh sang một bên.” Tôi huých Rupert lùi lại và cầm lấy cổ tay của bệnh nhân. Bệnh nhân cũng có vẻ ngạc nhiên như những người còn lại, nhưng không chống cự. Da anh ta rất ấm, nhưng không phải bị sốt.

“Phải đặt xương cánh tay vào đúng góc độ thì mới nắn được khớp,” tôi càu nhàu khi kéo cổ tay lên và xoay khuỷu tay vào trong. Chàng trai này khá đô con; cánh tay anh ta nặng như chì vậy.

“Đây là phần tệ nhất đây,” tôi cảnh báo bệnh nhân, cầm lấy khuỷu tay, sẵn sàng vặn nó về vị trí.

Miệng anh ta nhếch lên, không hẳn là một nụ cười. “Cũng chẳng thể đau hơn nhiều nữa. Cô cứ làm đi!” Lúc này thì đến lượt tôi toát mồ hôi. Bẻ lại khớp vai là việc khó khăn ngay cả trong điều kiện thuận lợi nhất. Huống hồ trước mặt tôi bây giờ lại là một người đàn ông to lớn đã di chuyển hàng tiếng đồng hồ kể từ lúc gặp nạn, các thớ cơ hiện sừng phồng chèn hết lên khớp. Vì vậy tôi thực sự phải dốc hết sức lực. Lò sưởi ở gần đến mức nguy hiểm; tôi hy vọng cả hai chúng tôi sẽ không ngã nhào vào đó.

Bỗng “*cách!*” một tiếng, cái khớp trở về đúng vị trí. Bệnh nhân có vẻ kinh ngạc. Anh ta ngờ vực giơ tay lên để kiểm tra.

“Nó không còn đau nữa!” Anh ta cười toe toét vì nhẹ nhõm và vui sướng, đám đàn ông xung quanh ồ lên tán thưởng.

“Rồi nó sẽ đau.” Tôi toát hết mồ hôi vì nỗ lực vừa rồi, nhưng rất tự đắc với kết quả này. “Trong mấy ngày tới, nó sẽ rất dễ bị tổn thương. Anh không được duỗi căng khớp trong ít nhất là hai, ba ngày; khi nào có thể cử động trở lại, trước hết anh phải giơ tay lên thật từ từ, nếu thấy đau thì dừng ngay, và phải chườm gạc ấm mỗi ngày.”

Trong lúc khuyên nhủ, tôi nhận ra rằng mặc dù bệnh nhân của tôi kính cẩn lắng nghe nhưng những người khác thì lại nhìn tôi với ánh mắt từ ngạc nhiên đến nghi ngờ.

“Tôi là một y tá,” tôi giải thích, vẻ phòng thủ.

Cả Dougal và Rupert đều hướng ánh mắt xuống ngực tôi với vẻ thích thú đáng ghê tởm. Họ đưa mắt nhìn nhau rồi Dougal nhìn lên mặt tôi.

“Tuy là một vú nuôi^[34],” ông ta nhướn mày, nói, “cô cũng có tài trị thương đây. Cô có thể cầm máu vết thương của thằng bé để nó có thể ngồi trên lưng ngựa không?”

“Miễn là các ông có thứ gì đó để băng bó. Nhưng ông nói “vú nuôi” là có ý gì vậy? Và tại sao ông lại cho rằng tôi sẽ muốn giúp các ông nhỉ?”

Dougal lờ tôi đi và quay sang nói với một người phụ nữ ngồi co ro trong góc nhà bằng thứ tiếng mà tôi lờ mờ nhận ra là tiếng Gaelic. Bị cả

đồng đàn ông vây quanh, ban này tôi đã không nhìn thấy cô ta. Cô ta mặc một cái váy dài tả tơi và áo vai bông dài tay, bên ngoài còn khoác thêm một cái áo chên hay áo gi lê gì đó, trông đến là kỳ quặc. Cả mặt mũi lẫn người ngòm cô ta đều hết sức dơ dáy. Liếc nhìn quanh, tôi nhận thấy căn nhà không chỉ thiếu hệ thống điện mà còn thiếu cả hệ thống ống nước; có lẽ đó chính là nguyên nhân của sự dơ bẩn này.

Người phụ nữ khẽ nhún gối rồi sấp sấp giữa giữa đi vụt qua Rupert và Murtagh để tới chỗ cái rương gỗ được sơn màu mè bên cạnh lò sưởi. Sau một hồi đào bới lục lọi, cuối cùng cô ta cũng quay trở lại với một đồng vải nhàu nát.

“Không, cái này không được đâu,” tôi nói, rón rén sờ vào chúng. “Vết thương cần được khử trùng rồi băng lại bằng vải sạch, nếu không có băng vô trùng.”

Những hàng lông mày xung quanh tôi đều nhướng lên. “Khử trùng ư?” Người đàn ông nhỏ thó dè dặt hỏi lại.

“Đúng vậy,” tôi khẳng định, nghĩ bụng giọng nói của ông ta nghe có vẻ có học mà sao ông ta lại ngờ nghệch thế. “Phải rửa sạch bụi đất và bôi lên vết thương một dung dịch có tác dụng ngăn chặn vi trùng và thúc đẩy vết thương mau lành.”

“Chẳng hạn như?”

“Chẳng hạn như iốt,” tôi nói. Thấy những khuôn mặt xung quanh vẫn còn ngờ ngác, tôi thử lại lần nữa. “Merthiolate? Acid carbolic loãng?” Tôi gợi ý. “Hoặc thậm chí là cồn ^{B51}?” Những gương mặt tỏ vẻ nhẹ nhõm. Cuối cùng thì tôi cũng tìm ra một từ mà họ có vẻ hiểu được. Murtagh dú cái bình dẹt vào tay tôi. Tôi thử dài bực tức. Ai chả biết vùng cao nguyên còn hoang sơ lắm, nhưng đến mức này thì thật không thể tin nổi.

“Nghe này,” tôi nói, kiên nhẫn hết mức có thể. “Tại sao các ông không đưa anh ta vào thị trấn? Nó hẳn không ở xa đây lắm, ở đó chắc chắn sẽ có bác sĩ chăm sóc vết thương cho anh ta.”

Người phụ nữ trở mắt nhìn tôi. “Thị trấn nào cơ?”

Gã đàn ông to lớn tên Dougal chẳng thèm đếm xỉa đến cuộc bàn cãi này, ông ta thận trọng quan sát bóng tối bên ngoài qua mép tấm rèm cửa sổ, rồi buông rèm và lặng lẽ bước tới cửa ra vào. Cánh đàn ông trở nên im lặng khi ông ta biến mất vào màn đêm.

Lát sau, ông ta quay lại, mang theo gã hói và mùi thông hăng hắc lạnh lẽo, lắc đầu trước những ánh mắt dò hỏi của đám đàn ông.

“Không có gì nguy hiểm. Chúng ta sẽ đi ngay trong lúc vẫn còn an toàn.”

Nhìn thấy tôi, ông ta dừng lại, ngẫm nghĩ trong một thoáng. Đột nhiên ông ta hất đầu về phía tôi, đưa ra quyết định.

“Cô ta sẽ đi với chúng ta,” ông ta nói, lục lọi đồng vải trên bàn và nhấc lên một miếng vải tả tơi, trông như một cái khăn quàng cổ đã từng rất đẹp.

Gã để ria có vẻ không muốn mang tôi theo.

“Tại sao ngài không để cô ta ở lại đây?”

Dougal nhìn ông ta với ánh mắt mất kiên nhẫn, nhưng để mặc cho Murtagh giải thích. “Cho dù lúc này lũ Áo đỏ^[36] đang ở đâu, đến tảng sáng là chúng sẽ tới được đây, mà từ giờ tới lúc đó chẳng còn xa nữa đâu. Nếu người phụ nữ này là một gián điệp của quân Anh thì chúng ta không thể mạo hiểm để cô ta ở lại đây để nói cho chúng biết chúng ta đã đi hướng nào. Còn nếu cô ta không có mối liên hệ gì với chúng” - ông ta nhìn tôi với vẻ ngờ vực - “chúng ta không thể bỏ mặc một người phụ nữ mặc váy lót ở lại nơi này một mình.” Mặt ông ta ngời lên, vôn vôn lớp vải trên váy tôi. “Hơn nữa, có thể giữ cô ta để đòi tiền chuộc; tuy cô ta ăn mặc thiếu vải nhưng váy của cô ta là hàng tốt đấy.”

“Vả lại,” Dougal ngắt ngang lời Murtagh, “với chút hiểu biết về y thuật, cô ta có thể có ích trên đường đi. Bây giờ chúng ta không có thời gian để chữa trị hãn hoai cho Jamie. Ta e là cháu sẽ phải lên đường mà không được *khử trùng*,” ông ta vỗ vỗ vào lưng chàng trai trẻ. “Cháu có thể cưỡi ngựa bằng một tay không?”

“Được.”

“Tốt lắm. Đây,” ông ta nói, ném miếng vải nhòn bần cho tôi. “Mau băng bó vết thương cho nó. Chúng ta sẽ lên đường ngay bây giờ. Hai anh đi lấy ngựa đi,” ông ta quay sang nói với gã mặt chồn và gã béo Rupert.

Tôi nhăn mặt ghê tởm khi lật miếng vải lại.

“Tôi không thể dùng thứ này,” tôi phàn nàn. “Nó bần quá!”

Rõ ràng không hề thấy ông ta di chuyển, vậy mà chỉ trong nháy mắt, gã đàn ông to lớn đã nắm lấy vai tôi, đôi mắt sẫm màu của ông ta gí sát mắt tôi. “Làm đi,” ông ta nói.

Rồi ông ta đẩy tôi ra và sỏi bước tới cửa, biến mất sau hai gã tay sai. Tôi run rẩy bắt tay vào việc, nhưng lương tâm nghề nghiệp không cho phép tôi dùng chiếc khăn quàng cổ bần thiu này để băng bó vết thương cho chàng trai trẻ. Tôi cố gắng chôn giấu nỗi bối rối và sợ hãi, cố gắng tìm kiếm thứ gì đó thích hợp hơn, và sau một hồi phí công lục lọi trong đồng vải, cuối cùng tôi quyết định xé một mảnh vải bằng tơ nhân tạo từ váy lót của mình. Mặc dù không hẳn vô trùng nhưng nó vẫn là mảnh vải sạch sẽ nhất trong tầm tay tôi.

Chiếc áo sơ mi vải lanh mà bệnh nhân của tôi đang mặc đã cũ và rách bươm, nhưng nó vẫn dai đến đáng kinh ngạc. Đánh vật với nó một lúc, tôi mới xé được phần tay áo còn lại và biến nó thành một cái băng đeo. Tôi lùi lại để kiểm tra kết quả việc băng bó ngẫu hứng của mình và va phải gã đàn ông to lớn đã lặng lẽ bước vào từ lúc nào để theo dõi tình hình.

Ông ta tỏ vẻ tán thưởng “tác phẩm” của tôi. “Làm tốt lắm, cô gái. Đi nào, tất cả đã sẵn sàng rồi.”

Dougal đưa cho người phụ nữ kia một đồng tiền và lừa tôi ra khỏi nhà. Jamie lê bước theo sau, mặt vẫn còn hơi tái. Khi đứng dậy khỏi chiếc ghế đầu thấp lè tè, hóa ra bệnh nhân của tôi rất cao; anh ta phải cao hơn Dougal đến vài phân dù Dougal vốn đã rất cao to rồi.

Gã Rupert râu đen và Murtagh đang giữ sáu con ngựa ở bên ngoài, thì thầm âu yếm với chúng bằng tiếng Gaelic trong bóng tối. Đêm nay không có trăng, nhưng những mảnh kim loại của bộ yên cương vẫn lấp lánh như thủy ngân dưới ánh sao. Tôi ngược lên và gần như há hốc miệng vì kinh ngạc; chưa bao giờ tôi được thấy bầu trời đêm nào rực rỡ như thế này. Liếc nhìn khu rừng xung quanh, tôi đã hiểu ra lý do. Vì không có ánh đèn điện của chốn thị thành che lấp bầu trời nên những vì sao ở đây mới giữ được quyền thống trị tuyệt đối trong đêm đen.

Và rồi tôi sửng lại, cảm thấy lạnh toát. Chẳng có ánh đèn điện nào cả. “Thị trấn nào cơ?” Người phụ nữ ở trong nhà đã hỏi như vậy. Đã quen với việc cắt điện tạm thời và những cuộc không kích trong chiến tranh nên lúc đầu tôi cũng chẳng để ý lắm đến điều này. Nhưng đây là thời bình cơ mà, ánh đèn điện của Inverness phải lan tỏa đến hàng dặm mới phải chứ!

Đám đàn ông chỉ là những khối không rõ hình dạng trong bóng tối. Tôi định cố gắng lén vào trong những rặng cây, nhưng Dougal, rõ ràng đoán được suy nghĩ của tôi, tóm lấy khuỷu tay tôi và kéo tôi về phía lũ ngựa.

“Jamie, lên ngựa đi,” ông ta gọi. “Cô gái này sẽ cưỡi chung ngựa với cháu.” Ông ta siết chặt khuỷu tay tôi. “Cô có thể giữ dây cương nếu Jamie không thể điều khiển bằng một tay, nhưng nhớ bám sát những người còn lại. Nếu cô cố gắng làm gì khác, ta sẽ cắt cổ cô. Rõ chứ?”

Tôi gật đầu, cổ họng khô đến mức không thể trả lời được. Giọng ông ta nghe không đáng sợ lắm nhưng tôi tin vào từng lời ông ta nói. Tôi chẳng còn muốn “cố gắng làm gì khác” nữa rồi, vì thực ra tôi cũng chẳng biết phải làm gì. Tôi không biết mình đang ở đâu, những người bạn đồng hành của tôi là ai, tại sao bọn tôi lại rời đi gấp gáp như thế và chúng tôi đang đi đâu, nhưng tôi không có bất cứ sự lựa chọn nào khác hợp lý hơn ngoài việc đi với họ. Tôi thấy lo cho Frank, hẳn là anh đã đi tìm tôi từ lâu rồi, nhưng bây giờ có vẻ không phải là lúc để nhắc đến anh.

Chắc là Dougal đã cảm nhận được cú gạt đầu của tôi nên mới buông tay tôi ra và khom người bên cạnh tôi. Tôi cứ đứng ngẩn ra nhìn cho đến khi ông ta rít lên: “Chân của cô, cô gái! Đặt chân của cô lên đây! Chân *trái* ấy,” ông ta bực tức nói thêm. Tôi vội vàng bỏ bàn chân phải đặt nhằm chỗ của mình ra khỏi bàn tay ông ta và bước lên đó bằng chân trái. Ông ta vừa khẽ càu nhàu vừa đẩy tôi lên ngòi trước mặt Jamie trên yên ngựa. Anh ta liền kéo sát tôi vào người bằng cánh tay lạnh lặn.

Dù ngại ngùng nhưng tôi thấy biết ơn vì hơi ấm tỏa ra từ chàng trai người Scot. Anh ta sức mùi khói gỗ, mùi máu và mùi đàn ông chưa tắm giặt, nhưng hơi lạnh ban đêm đang xuyên qua làn váy mỏng của tôi nên tôi rất sẵn lòng dựa vào người anh ta.

Trong không gian khẽ vang lên tiếng dây cương loảng xoảng, thế rồi chúng tôi khởi hành vào màn đêm đầy ánh sao. Đám đàn ông không trò chuyện gì, bầu không khí tràn ngập sự cảnh giác. Lũ ngựa phi nước kiệu ngay khi chúng tôi ra đến đường cái. Sự xóc nảy khiến tôi khó chịu đến mức chẳng buồn nói năng, kể cả có ai đó sẵn sàng lắng nghe.

Dù không thể sử dụng bàn tay phải nhưng người bạn đồng hành của tôi có vẻ chẳng lấy gì làm bất tiện. Đùi anh ta kề sát đùi tôi, thi thoảng lại nhúc nhích và ép chặt để điều khiển con ngựa. Tôi bám chắc mép cái yên ngấn để ngòi vững; trước đây tôi từng cưỡi ngựa rồi nhưng dù thế nào tôi cũng không phải là một kỵ sĩ chuyên nghiệp như anh chàng Jamie này.

Đi được một lúc, chúng tôi tới một giao lộ và dừng lại trong thoáng chốc để chờ gã hói và người chỉ huy thì thầm hội ý với nhau. Jamie thả cương con ngựa và mặc nó tha thân đi tới ven đường gặm cỏ, còn anh ta thì bắt đầu vặn vẹo đằng sau tôi.

“Cẩn thận!” Tôi nói. “Đừng vặn vẹo như thế, nếu không lớp băng quần của anh sẽ bị tuột ra đấy! Anh đang làm cái gì vậy?”

“Cởi áo choàng lên để phủ lên người cô,” anh ta đáp. “Cô đang run lấy bầy kìa. Nhưng tôi không thể làm thế bằng một tay. Cô có thể cởi cái ghim cài giúp tôi không?”

Sau một hồi loay hoay, cuối cùng chúng tôi cũng cởi được chiếc áo choàng. Với một cú xoay khéo léo, anh ta biến nó thành một chiếc khăn lớn và choàng lên người cả hai chúng tôi, rồi dóm hai đầu của nó xuống dưới mép yên ngựa, do đó chúng tôi đều được bao bọc trong lớp áo choàng ấm áp.

“Đó!” Anh ta nói. “Chúng tôi không muốn cô chết cồng trước khi tới nơi.”

“Cảm ơn anh,” tôi nói, biết ơn vì sự che chở ấy. “Nhưng chúng ta đang đi đâu vậy?”

Tôi không thể nhìn thấy mặt anh ta, chỉ thấy anh ta ngấp ngừng một lúc.

Cuối cùng, anh ta cười khì. “Thú thực với cô, tôi cũng không rõ. Nhưng tôi nghĩ chúng ta sẽ biết được điều đó khi nào tới nơi, đúng không?”

...

Vùng đồng quê mà chúng tôi đang băng qua có nét gì đó hơi quen thuộc. Chắc chắn là tôi biết khối đá lớn trông giống cái đuôi của một con gà trống kia!

“Khối đá Cocknammon!” Tôi thốt lên.

“Ừ, tôi cho là vậy,” người bạn đồng hành của tôi hoàn toàn đứng đờng trước sự phát hiện này.

“Chẳng phải người Anh dùng nó làm nơi để mai phục sao?” Tôi hỏi, cố gắng nhớ lại những chi tiết buồn thảm của lịch sử vùng này mà Frank đã dành hàng giờ để giải khuây cho tôi trong tuần qua. “Nếu có một toán quân Anh ở quanh đây...” Tôi ngấp ngừng. Nếu có một toán quân Anh ở quanh đây, có lẽ tôi đã sai khi khơi lên sự chú ý về phía khối đá ấy. Tuy nhiên, nếu có quân mai phục thật, lính Anh sẽ khó mà phân biệt được tôi và người bạn đồng hành, vì cả hai chúng tôi đều được bao phủ chung trong một chiếc áo choàng len. Chợt nghĩ đến Đại úy Jonathan Randall, tôi bất giác rùng mình.

Tất cả mọi thứ tôi đã thấy kể từ lúc bước qua khe nứt của cột đá trên đồi Craig na Dun đều dẫn đến cái kết luận hoàn toàn phi lý rằng người đàn ông mà tôi gặp trong rừng quả thực là cụ cố sáu đời của Frank. Tôi ngoan cố phủ nhận điều này, nhưng không thể nghĩ ra bất cứ kết luận nào khác khớp với các sự kiện đã xảy ra.

Ban đầu, tôi tưởng mình chỉ đang mơ một giấc mơ sống động hơn bình thường, nhưng nụ hôn suồng sã và thô bạo của Randall đã xóa tan ấn tượng đó. Tôi cũng không nghĩ mình đã mơ bị Murtagh đánh vào đầu; chỗ đau trên đầu tôi cũng như vết phỏng rộp ở mặt trong của đùi do cọ vào yên ngựa hoàn toàn là thật. Và máu nữa chứ; phải, tôi đã quen với máu đến nỗi từng mơ về nó. Nhưng tôi chưa bao giờ mơ thấy mùi máu; thứ mùi ấm áp giống như mùi đồng mà tôi vẫn đang ngửi thấy trên cơ thể người đàn ông ở đằng sau.

“*Tặc.*” Anh ta chặc lưỡi với con ngựa chúng tôi đang cưỡi và thúc nó đi lên bên cạnh con ngựa của người chỉ huy, khẽ nói mấy lời với cái bóng lực lưỡng đó bằng tiếng Gaelic. Lũ ngựa giảm tốc độ, chỉ còn rong ruổi từng bước.

Nhận được tín hiệu từ người chỉ huy, Jamie, Murtagh và gã hói nhỏ thó tụt lại đằng sau, trong khi hai người còn lại thúc ngựa phi nước đại về phía khối đá nằm chếch về phía bên phải ở đằng trước, cách chỗ chúng tôi một phần tư dặm. Vầng trăng bán nguyệt đã nhô lên, ánh trăng soi tỏ từng chiếc lá của những cây cẩm quỳ mọc ven đường, nhưng bóng tối trong những khe đá có thể che giấu bất cứ thứ gì.

Ngay khi hai bóng hình phi nước đại băng qua khối đá, một tia lửa lóe lên nơi họng súng hỏa mai chĩa ra từ một cái hốc. Một tiếng hét ghê rợn vang lên ngay đằng sau tôi, và con ngựa nhảy chồm về phía trước như thể bị đâm bằng một que nhọn sắc bén. Chúng tôi lao như bay qua bãi thạch nam hướng tới khối đá, Murtagh và người còn lại phóng bên cạnh, những tiếng hét dựng tóc gáy và những tiếng gầm xé toạc màn đêm.

Tôi cố sống cố chết bám chặt núm yên ngựa. Jamie đột nhiên ghi cương cạnh một bụi kim tước lớn, choàng tay quanh eo tôi và thô lỗ ném tôi xuống đó. Con ngựa quay ngoắt đi và tiếp tục phi hết tốc lực, vòng qua khối đá để tới mặt phía nam. Tôi có thể thấy Jamie cúi rạp người trên yên khi con ngựa biến mất đằng sau khối đá. Khi nó xuất hiện trở lại, vẫn đang phi nước đại, cái yên trống trơn.

Bề mặt của khối đá loang lỗ bóng tối; tôi có thể nghe thấy những tiếng la hét và thi thoảng là tiếng súng hỏa mai, nhưng không thể nhận ra liệu những chuyển động mà tôi nhìn thấy là của con người hay chỉ là bóng của những cây sồi còi cọc nhô lên từ các kẽ đá.

Tôi chặt vật gỡ mình ra khỏi bụi cây, nhặt những mẩu kim tước đầy gai bám trên váy và tóc. Liếm một vết xước trên bàn tay, tôi tự hỏi bây giờ mình nên làm gì. Đợi trận chiến kết thúc chẳng? Nếu người Scot thắng, hoặc ít nhất là sống sót, họ chắc chắn sẽ quay lại tìm tôi. Nếu họ mất mạng, tôi có thể tiếp cận đám lính Anh, nhưng họ nhất định sẽ cho rằng vì tôi đi cùng những người Scot nên tôi ắt hẳn là đồng bọn của đám người đó. Dựa vào thái độ của cánh đàn ông trong ngôi nhà đá, rõ ràng mấy người họ đang mưu đồ một chuyện mà người Anh hoàn toàn không cho phép.

Tốt hơn hết là nên tránh cả đôi bên. Dù gì bây giờ cũng biết mình đang ở đâu, tôi có thể quay lại một thị trấn hay một ngôi làng mà tôi biết, cho dù có phải đi bộ hết cả quãng đường. Tôi quả quyết đi về phía đường cái, vấp vào vô số những tảng đá hoa cương, đám con cháu chết tiệt của khối đá Cocknammon.

Ánh trăng khiến tôi dễ lầm lẫn trong lúc đi bộ; mặc dù có thể thấy mọi chi tiết trên mặt đất nhưng tôi không thể phân biệt được độ nông sâu cao thấp của chúng; những loài cây mọc sát đất và những hòn đá lờm chờm trông cao như nhau, khiến tôi vụng về nhắc chân qua những chướng ngại vật không tồn tại và vấp vào những hòn đá nhô lên trên đường. Tôi bước đi nhanh hết mức có thể, lắng nghe xem có ai đuổi theo không.

Lúc tôi tới đường cái thì những âm thanh của trận chiến đã tắt. Tôi nhận ra đi trên đường thế này thì lộ liễu quá nhưng tôi cần phải bám theo nó nếu muốn tới được một thị trấn. Tôi không có khả năng xác định phương hướng trong bóng tối, và chưa bao giờ học được từ Frank ngôn ngữ định hướng nhờ những ngôi sao. Nghĩ về Frank khiến tôi muốn òa khóc, vì vậy tôi cố gắng làm mình sao nhãng bằng cách suy nghĩ rõ ràng về các sự kiện của buổi chiều nay.

Điều này có vẻ phi lý, nhưng mọi biểu hiện bên ngoài đều chỉ ra rằng tôi đang ở một nơi mà các phong tục và nền chính trị cuối thế kỷ mười tám vẫn ngự trị. Tôi sẽ nghĩ toàn bộ chuyện này chỉ là một cuộc trình diễn hóa trang nếu không có những vết thương của chàng trai trẻ mà họ gọi là Jamie. Đó quả thực là một vết thương do đạn của súng hỏa mai gây ra. Hành vi của đám đàn ông trong ngôi nhà đá cũng không giống như đang diễn kịch. Họ rất nghiêm túc, dao găm và kiếm của họ đều là đồ thật.

Lẽ nào đây là một khu vực biệt lập, hẻo lánh, nơi dân làng định kỳ tổ chức diễn lại một phần lịch sử của họ? Tôi đã nghe nói đến những câu chuyện như vậy ở Đức, dù ở Scotland thì chưa bao giờ. *Ta cũng chưa bao giờ nghe nói các diễn viên bắn đạn thật vào nhau, đúng không?* Phần trí óc sáng suốt đến mức khó chịu của tôi cười nhạo.

Tôi ngoảnh nhìn khối đá để kiểm tra vị trí của mình, rồi nhìn thẳng về đường chân trời phía trước, và máu tôi như đông cứng lại. Ở đó chẳng có gì ngoài chóp nhọn của những cây thông đen sì dưới bức màn sao. Những ánh đèn điện của Inverness đâu cả rồi? Nếu đằng sau tôi là khối đá Cocknammon, vậy thì Inverness phải ở cách đây chưa đầy ba dặm về phía tây nam. Ở khoảng cách này, tôi phải nhìn thấy ánh sáng rực rỡ của thị trấn tỏa lên nền trời chứ! Nếu nó có ở đó.

Tôi cúi kính lắc lắc đầu, ôm chặt hai khuỷu tay trước cơn ớn lạnh. Ngay cả khi thoáng thừa nhận cái ý niệm hoàn toàn phi lý là tôi đang ở một thời đại khác thì Inverness cũng đã tồn tại khoảng sáu trăm năm rồi. Nó đang ở đó. Nhưng rõ ràng không có ánh đèn, chứng tỏ rằng ở đó không có

đèn điện. Lại thêm một bằng chứng nữa, nếu tôi cần phải có. Nhưng bằng chứng cho cái gì cơ chứ?

Một hình dáng bất chợt bước ra từ trong bóng tối khiến tôi suýt nữa đâm sầm vào. Nén lại tiếng hét, tôi quay đầu định bỏ chạy, nhưng một bàn tay to lớn đã tóm chặt lấy cánh tay tôi.

“Đừng sợ. Là tôi đây mà.”

“Là anh nên tôi mới sợ đấy,” tôi cấm cẩu, mặc dù thực tế thì tôi thấy nhẹ nhõm khi đó là Jamie. Tôi không sợ anh ta bằng mấy người khác, dù trông anh ta cũng nguy hiểm chẳng kém gì bọn họ. Tuy nhiên, anh ta còn trẻ, thậm chí trẻ hơn cả tôi. Và tôi khó có thể sợ một người mà tôi vừa mới coi là bệnh nhân của mình.

“Tôi hy vọng anh đã không ngược đãi cái vai đó,” tôi khiển trách bằng giọng của một nữ y tá trưởng. Nếu giọng tôi đủ uy lực, có lẽ tôi sẽ thuyết phục được anh ta thả tôi đi.

“Cuộc náo loạn vừa rồi đã ảnh hưởng đến nó,” anh ta thừa nhận, xoa bóp bờ vai bằng bàn tay lành lặn.

Lúc đó, anh ta bước vào một vệt ánh trăng, và tôi thấy ngực áo anh ta ướt sũng máu. Chảy máu động mạch, tôi lập tức nghĩ; nhưng tại sao anh ta vẫn đứng được?

“Anh bị thương rồi kìa!” Tôi thốt lên. “Anh đã làm toác vết thương ở vai hay đó là vết thương mới vậy? Ngồi xuống cho tôi kiểm tra nào!” Tôi đẩy anh ta tới một đồng đá mòn, nhanh chóng ôn lại các quy trình cấp cứu dã chiến. Chẳng có miếng vải nào trong tay ngoại trừ bộ đồ tôi đang mặc. Tôi đang sờ vào cái váy lót đã bị xé rách lúc nãy, định xé thêm một mảnh nữa để cầm máu thì anh ta bật cười to.

“Không, đừng bận tâm. Đó không phải là máu của tôi. Dầu có cũng không nhiều lắm đâu,” anh ta nói thêm, rón rén nhón lớp vải ướt sũng.

Tôi nuốt khan, cảm thấy hơi nôn nao. “Ồ,” tôi yếu ớt nói.

“Dougal và những người khác đang đợi bên đường. Đi thôi!” Anh ta nắm lấy cánh tay tôi, không phải vì lịch thiệp mà là để ép buộc tôi đi theo. Tôi đánh liều chùn chân lại.

“Không! Tôi không đi với anh đâu!”

Anh ta dừng bước, tỏ vẻ ngạc nhiên trước sự kháng cự của tôi. “Cô phải đi.” Anh ta chẳng hề tức giận mà có vẻ hơi thích thú khi thấy tôi phản đối việc bị bắt cóc lần nữa.

“Nếu tôi không đi thì sao? Anh sẽ cắt cổ tôi ư?” Tôi hỏi dồn. Anh ta cân nhắc các lựa chọn và điềm tĩnh trả lời:

“Ồ, không. Trông cô không nặng gì. Nếu cô không đi, tôi sẽ vác cô trên vai. Cô có muốn tôi làm thế không?” Anh ta bước một bước về phía tôi, tôi vội vàng lùi lại. Tôi không nghi ngờ chút nào lời nói của anh ta, dù anh ta có bị thương hay không.

“Không! Anh không thể làm thế; anh sẽ lại làm tổn thương vai mình đấy.”

Những đường nét trên mặt anh ta không rõ ràng, nhưng hàm răng anh ta ánh lên dưới bóng trăng khi anh ta nhoẻn miệng cười.

“Vậy thì, vì cô không muốn tôi làm tổn thương chính mình, tôi cho là cô sẽ đi với tôi?” Tôi cố gắng tìm một câu trả lời nhưng không được. Anh ta lại nắm cánh tay tôi và dẫn tôi về phía đường cái.

Jamie giữ chặt cánh tay tôi, kéo tôi dậy mỗi lần tôi vấp vào những hòn đá và bụi cây. Anh ta bước đi như thể bãi đất hoang lờm chờm là một con đường lát gạch trong ánh sáng ban ngày rực rỡ. Hẳn là anh ta mang dòng máu của loài mèo, tôi chua chát nghĩ, thế nên anh ta mới có thể lén bám theo tôi trong bóng tối.

Đúng như anh ta nói, những người còn lại cùng với lũ ngựa đang đợi chúng tôi ở một chỗ không xa lắm; chẳng có người nào bị chết hay bị thương, vì họ đều có mặt đầy đủ. Vụng về trườn lên lưng ngựa, tôi ngồi

bịch xuống cái yên. Đầu tôi chẳng may đập vào cái vai bị thương của Jamie, khiến anh ta xuýt xoa.

Tôi cố tình mắng mỏ anh ta để che giấu nỗi căm phẫn khi bị bắt lại và sự áy náy vì đã làm anh ta bị đau.

“Đáng đời anh vì cái tội đánh đấm hùng hục và rượt đuổi nhau khắp vùng đất đá gồ ghề này. Tôi đã dặn anh không được cử động cái khớp đó rồi mà; bây giờ có lẽ bắp cơ của anh đã bị rách và bầm tím cũng chưa biết chừng.”

Anh ta có vẻ thích thú trước lời quở trách của tôi. “Ày, tôi làm gì có nhiều lựa chọn. Nếu tôi không cử động cái vai này, tôi sẽ chẳng còn cử động được thứ gì khác nữa. Chỉ cần một tay tôi cũng có thể xử lý một tên Áo đỏ - thậm chí là hai tên,” anh ta nói, hơi khoác lác, “nhưng ba tên thì không thể.”

“Hơn nữa,” anh ta nói, kéo tôi sát vào cái áo sơ mi bê bết máu, “cô có thể chữa cho tôi khi chúng ta đến cái đích mà chúng ta đang hướng tới.”

“Tự anh nghĩ vậy thôi,” tôi lạnh lùng nói, vắn vẹo người để tránh xa lớp vải nhơ nhớp. Anh ta chắc lưỡi giục ngựa, và chúng tôi lại lên đường. Đám đàn ông cực kỳ hưng phấn sau cuộc chiến, họ cứ cười đùa không ngớt. Đóng góp nhỏ nhoi của tôi trong việc phá vỡ trận mai phục được khen ngợi rất nhiều, và họ cụng bình rượu với nhau để uống mừng tôi.

Tôi được mời uống nhưng từ chối ngay với cái cố là trong trạng thái tinh táo tôi còn thấy khó mà ngồi vững trên lưng ngựa nữa là bị say. Từ cuộc bàn luận của đám đàn ông, tôi biết được toán phục kích vừa rồi là một đội tuần tra nhỏ khoảng mười người lính Anh, được trang bị súng hỏa mai và kiếm lưỡi cong.

Ai đó chuyển một cái bình dẹt cho Jamie, và tôi có thể ngửi thấy mùi rượu nóng hổi khi anh ta uống. Tôi chẳng khát chút nào, nhưng mùi mật ong phảng phất nhắc tôi nhớ rằng bụng tôi đang đói meo. Dạ dày tôi phát ra một tiếng ùng ục to tướng đáng xấu hổ, phản đối sự lơ là của tôi với nó.

“Ê, này, Jamie! Đói rồi hử? Hay cậu mang theo cả một bộ kèn túi thế?” Rupert hét gọi, hiểu nhầm nơi phát ra âm thanh ấy.

“Cháu đói đến nỗi có thể ăn cả một bộ kèn túi ấy chứ,” Jamie gọi với lại, lịch thiệp nhận lời khiển trách. Lát sau, một bàn tay cầm chiếc bình dẹt vòng đến trước mặt tôi.

“Tốt hơn là cô nên uống một ngụm,” anh ta thì thầm. “Nó không giúp cô no bụng nhưng đủ khiến cô quên đi cơn đói.”

Và hy vọng là quên được nhiều điều khác nữa. Tôi nghiêng cái bình để uống.

...

Người bạn đồng hành của tôi đã đúng; rượu whisky nhen lên một ngọn lửa nhỏ ấm áp dễ chịu trong dạ dày, lấp đi sự cồn cào của cơn đói. Chúng tôi đã đi được vài dặm mà không có gì bất trắc xảy ra, cứ thay phiên nhau cầm cương và uống whisky. Tuy nhiên, khi đến gần một túp nhà tranh đổ nát, hơi thở của Jamie dần biến thành tiếng thở hỗn hển đứt quãng. Anh ta đột nhiên nghiêng hẳn người đi. Tôi bối rối; nếu *tôi* không say thì *anh ta* cũng không thể say được.

“Dừng lại! Giúp với!” Tôi la lên. “Anh ta sắp ngã rồi!” Tôi nhớ lại “cú hạ cánh” bất ngờ mới đây và không muốn lặp lại nó.

Những thân hình tối đen quay lại và vây quanh chúng tôi, những tiếng thì thầm rớt rít lẫn vào nhau. Jamie ngã chúi xuống như một bao tải đựng đá, may mà có người giơ tay đỡ kịp. Lúc tôi lồm cồm bò xuống, những người còn lại đã xuống ngựa và đặt anh ta nằm xuống một cánh đồng.

“Cậu ấy đang thở,” một người nói.

“Chà, thông tin hữu ích quá nhỉ,” tôi cấm cử, cuống cuồng bắt mạch cho anh ta trong bóng tối. Mạch anh ta đập nhanh nhưng khá mạnh. Đặt tay lên ngực và ghé tai vào miệng anh ta, tôi có thể cảm thấy ngực anh ta nhô lên hạ xuống đều đặn, tiếng thở cũng đã bớt hỗn hển. Tôi ngồi thẳng dậy.

“Tôi nghĩ anh ta chỉ bị ngắt thôi,” tôi nói. “Hãy kê một cái túi yên ngựa^[37] dưới chân anh ta và nếu có nước, hãy mang tới cho tôi một ít.” Tôi ngạc nhiên khi thấy mệnh lệnh của mình được tuân theo ngay lập tức. Có vẻ như chàng trai trẻ này là người quan trọng với họ. Anh ta rên rỉ và mở đôi mắt trông như hai cái hố đen ngòm dưới ánh sao. Trong ánh sáng mờ mờ, khuôn mặt anh ta trông như một cái đầu lâu, làn da trắng bệch ôm sát những gò xương góc cạnh quanh hai hốc mắt.

“Tôi không sao,” anh ta nói, cố gắng ngồi dậy. “Chỉ chóng mặt chút xíu.” Tôi đặt tay lên ngực anh ta và đẩy anh ta nằm xuống.

“Năm yên nào,” tôi ra lệnh, nhanh chóng sờ nắn chỗ bị thương để kiểm tra rồi quỳ dậy và quay sang một thân hình to lù lù mà tôi đoán là người chỉ huy, Dougal.

“Vết thương do bị đạn bắn lại chảy máu rồi, và gã gốc này mới bị đâm thêm một nhát dao nữa. Tôi nghĩ nó không nghiêm trọng, nhưng anh ta đã mất khá nhiều máu. Cái áo sơ mi của anh ta ướt sũng, nhưng tôi không biết bao nhiêu trong số đó là máu của anh ta. Anh ta cần được nghỉ ngơi yên tĩnh; chúng ta nên nghỉ lại ở đây ít nhất cho đến sáng mai.” Thân hình kia phác một cử chỉ bác bỏ.

“Không. Tuy chúng ta đã ở cách xa chỗ quân đồn trú dám bén mảng đến, nhưng vẫn còn phải dè chừng bọn tuần phòng. Chúng ta phải đi đúng mười lăm dặm nữa.” Cái đầu trông không rõ đường nét ngửa lên, quan sát sự di chuyển của các vì sao.

“Ít nhất cũng mất năm, bảy tiếng. Chúng ta chỉ có thể nán lại một lúc để cô cầm máu và băng bó lại vết thương cho Jamie; không thể lâu hơn được.”

Tôi vừa bắt tay vào việc vừa lẩm bầm bầm, trong khi Dougal khẽ cắt cử một trong những cái bóng còn lại tới đứng canh gác cạnh lũ ngựa bên đường. Những người khác thì tạm thời nghỉ ngơi thư giãn, uống rượu và thì thầm tán gẫu. Gã Murtagh mặt chồn giúp tôi xé những dải vải lanh,

lấy thêm nước và nâng bệnh nhân lên để băng bó. Jamie bị cấm cử động dù anh ta cứ càu nhàu rằng mình ổn cả.

“Ai cũng biết là anh chẳng ổn chút nào,” tôi cấm cẩu, trút hết nỗi sợ hãi và giận dữ lên đầu anh ta. “Có gã ngốc nào bị dao đâm mà không thèm dừng lại để chăm sóc vết thương không? Anh không nhận ra là mình đang chảy máu trầm trọng à? May cho cái thân anh là anh không chết đây nhé, ai đời lại chạy lồng lên khắp nơi suốt cả đêm, gào thét, đánh đấm và nhảy xuống khỏi lưng ngựa... Yên nào, đồ ngốc chết tiệt!” Trong bóng tối, những mảnh vải lạnh và tơ nhân tạo cứ trượt đi như những con cá có cái bụng trắng hếu ngoe nguẩy lặn xuống lòng sông. Dù trời lạnh nhưng mồ hôi vẫn ướt đẫm cổ tôi. Cuối cùng tôi cũng cột xong một đầu băng vải và với lấy đầu kia, nó cứ tuột đi sau lưng bệnh nhân. “Yên nào... Ồ, đồ khốn quái quỷ chết tiệt!” Jamie đã cử động và nút thắt vừa mới cột xong lại bị tuột ra.

Tất cả mọi người đều im lặng vì sốc. “Chúa ơi,” gã béo Rupert nói. “Trong đời tôi chưa bao giờ nghe thấy một người phụ nữ ăn nói lỗ măng như thế.”

“Vậy là anh chưa bao giờ gặp dì Grisel của tôi rồi,” một giọng khác vang lên khiến mọi người cười ồ.

“Chồng cô nên dạy cho cô một bài học, cô gái,” một giọng nói hà khắc vọng tới từ dưới một bóng cây. “Thánh Paul nói: *Phụ nữ phải im lặng, và...*”

“Ông đi mà lo chuyện của mình,” tôi hăm hè, mồ hôi nhỏ giọt sau tai, “và Thánh Paul cũng vậy.” Tôi giơ tay áo lên quệt trán. “Lật anh ta sang trái. Và nếu anh,” tôi nói với bệnh nhân của mình, “nhúc nhích một chút thôi trong lúc tôi buộc cái băng này, tôi sẽ bóp cổ anh đấy.”

“Ồi, vâng,” anh ta ngoan ngoãn trả lời.

Tôi kéo lớp băng quấn cuối cùng quá mạnh nên toàn bộ miếng vải tuột mất.

“Quý tha ma bắt!” Tôi gầm lên, giận dữ dẫm xuống đất. Đám người xung quanh lại im lặng vì sốc, và rồi, khi tôi mò mẫm trong bóng tối tìm những đầu bị tuột của dải băng, lại có thêm những lời bình phẩm về ngôn từ không thích hợp của tôi.

“Có lẽ chúng ta nên gửi cô ấy đến tu viện Ste. Anne, Dougal,” một trong những dáng hình có khuôn mặt tối đen ngồi chồm hổm bên đường đề nghị. “Từ lúc chúng ta rời khỏi bờ biển, tôi chưa từng nghe thấy Jamie chửi thề lần nào, trong khi trước đó cái miệng của cậu ấy có thể khiến cho một thủy thủ phải xấu hổ. Bốn tháng trong tu viện hẳn đã có chút tác dụng. Cậu thậm chí đã không còn gọi tên Chúa một cách bừa bãi nữa, đúng không, chàng trai?”

“Ngay cả ông cũng sẽ không làm thế nếu bị bắt nằm trên sàn đá nhà nguyện ba tiếng đồng hồ vào giữa đêm tháng Hai khi trên người chỉ mặc độc cái áo sơ mi để sám hối cho việc đó,” bệnh nhân của tôi trả lời.

Đám đàn ông cười ồ khi anh ta tiếp tục. “Thực ra chỉ phải sám hối có hai tiếng thôi, nhưng mất một tiếng tôi mới ngồi dậy được; tôi nghĩ cái... ờ, tôi nghĩ tôi đã bị đóng băng dưới sàn luôn rồi, nhưng hóa ra chỉ bị tê cứng thôi.”

Rõ ràng anh ta đã đỡ hơn. Tôi không nhin được cười, nhưng vẫn cứng rắn nói. “Yên nào,” tôi nói, “nếu không tôi sẽ làm anh đau đấy.” Anh ta rón rén chạm vào chỗ băng bó, và tôi tét vào tay anh ta.

“Ồ, cô đe dọa tôi đấy hả?” Anh ta trâng tráo hỏi. “Sau khi tôi đã chia sẻ bình rượu với cô!”

Cái bình dẹt đã đi hết một vòng. Dougal quỳ xuống bên cạnh tôi, cẩn thận nghiêng nó cho bệnh nhân của tôi uống. Mùi cay nồng của whisky nguyên chất xộc lên, và tôi đặt tay lên cái bình dẹt để cản lại.

“Không được uống rượu mạnh nữa,” tôi nói. “Anh ta cần trà, hoặc tệ nhất là nước. Không phải đồ uống có cồn.”

Dougal giật cái bình ra khỏi tay tôi, chẳng thèm đếm xỉa đến lời tôi nói, và đổ một lượng lớn thứ chất lỏng nóng bỏng đó vào họng bệnh nhân

của tôi, khiến anh ta ho sặc sụa. Vừa thấy hơi thở Jamie ổn định trở lại, ông ta đã lại kê cái bình vào miệng anh ta.

“Ngừng lại!” Tôi lại chặn bình whisky. “Ông muốn anh ta say đến mức không đứng dậy được à?”

Ông ta thô lỗ dùng khuỷu tay huých tôi sang một bên.

“Cô ả này nhiều chuyện thật đấy!” Bệnh nhân của tôi có vẻ thích thú.

“Lo việc của cô đi, cô gái,” Dougal ra lệnh. “Tối nay chúng ta còn phải đi một chặng đường dài, thằng bé cần loại rượu này tiếp thêm sức mạnh.”

Ngay khi được băng bó xong, bệnh nhân của tôi liền cố gắng ngồi dậy. Tôi đẩy anh ta nằm xuống và chẹn đầu gối lên ngực anh ta để giữ anh ta ở yên đó. “*Không* được cử động,” tôi gay gắt nói, rồi tóm lấy gấu váy của Dougal và thô bạo giật nó, khiến ông ta quỳ xuống bên cạnh tôi.

“Nhìn thứ này đi,” tôi gắng hết sức để có thể ra lệnh bằng giọng của một nữ y tá trưởng, ném cái áo sơ mi ướt sũng vào tay ông ta. Ông ta kêu lên ghê tởm và hất nó ra ngay.

Tôi cầm lấy tay ông ta, đặt lên vai bệnh nhân. “Và nhìn chỗ này nữa. Anh ta bị thứ gì đó đâm xuyên qua cơ thang.”

“Một cái lưỡi lê,” bệnh nhân xen vào.

“Lưỡi lê á!” Tôi thốt lên. “VẬY TẠI SAO ANH KHÔNG NÓI VỚI TÔI?”

Anh ta nhún vai rồi dừng khựng lại, khẽ rên rỉ. “Tôi cảm thấy nó đâm vào người nhưng không biết vết thương nghiêm trọng ra sao; nó không đau lắm.”

“Bây giờ nó có đau không?”

“Có,” anh ta nói cộc lốc.

“Tốt,” tôi châm chọc. “Đáng đời anh. Có lẽ anh sẽ học được một bài học là đừng có chạy loạn lên quanh vùng đồng quê để bắt cóc phụ nữ và g-

giết người, và...” Cảm thấy mình sắp khóc, tôi bèn ngừng lại, cố gắng kìm nén.

Dougal bắt đầu mất kiên nhẫn với cuộc đối thoại này. “Cháu có thể ngồi giàng chân trên lưng ngựa không?”

“Anh ta không thể đi đâu cả!” Tôi phản nộ phản đối. “Anh ta nên ở bệnh viện! Chắc chắn là anh ta không thể...”

Những lời phản đối của tôi, như thường lệ, hoàn toàn bị phớt lờ.

“Cháu có cưỡi ngựa được không?” Dougal hỏi lại.

“Được, nếu cậu lôi cô ả này ra khỏi ngực cháu và mang tới cho cháu một cái áo sạch sẽ.”

4

Đi tới lâu đài

Đoạn còn lại của cuộc hành trình khá yên ổn, nếu việc cưỡi ngựa chung với một người đàn ông bị thương suốt mười lăm dặm đường gồ ghề vào ban đêm và đi kèm là cả đám đàn ông mặc váy kẻ ô trang bị vũ khí đến tận răng được coi là yên ổn. Ít nhất thì chúng tôi không bị lũ cướp đường tấn công, không chạm trán dã thú và không gặp mưa. Dựa theo cái tiêu chuẩn mà tôi đang trở nên quen thuộc, nó khá là nhàm chán.

Những vệt sáng dần lan tỏa trên bãi hoang mù sương báo hiệu bình minh đang lên. Đích đến của chúng tôi lơ mờ hiện ra ở đằng trước, đó là một khối đá sẫm màu đồ sộ được viền quanh bởi thứ ánh sáng xám xám.

Khung cảnh xung quanh không còn yên tĩnh và hoang vắng. Có một dòng người ăn mặc thô sơ tiến về phía lâu đài. Họ dẹp vào bên lề con đường hẹp để nhường đường cho lũ ngựa chạy nước kiệu qua, trở mắt nhìn bộ đồ của tôi. Rõ ràng họ nghĩ nó rất kỳ dị.

Trời đang dày đặc sương mù nhưng vẫn có thể nhìn thấy một cây cầu đá uốn cong trên dòng suối nhỏ chảy qua trước mặt tòa lâu đài và đổ vào một cái hồ sáng lơ mờ cách đó một phần tư dặm.

Tòa lâu đài bằng phẳng và vững chãi, chẳng hề có những chiếc tháp canh kỳ quái hay những bức tường có gờ hình răng. Với tường đá dày cùng những ô cửa sổ cao và hẹp, trông nó giống một tòa nhà lớn được gia cố hơn. Khói tỏa ra từ các ống khói trên mái ngói trơn bóng càng góp phần làm cho khung cảnh nơi đây thêm xám xịt.

Cổng lâu đài vừa đủ rộng cho hai cỗ xe đi song song. Tôi đã tận mắt chứng kiến cảnh tượng ấy khi chúng tôi băng qua cây cầu. Một cỗ xe bò

chất đầy thùng rượu, cổ kia thì đầy cỏ khô. Đoàn người nhỏ bé chúng tôi túm tụm với nhau trên cầu, sốt ruột chờ hai cỗ xe lặc lè đi qua cống.

Tôi đánh bạo hỏi một câu khi lũ ngựa rón rén bước trên những viên đá trơn trượt của cái sân ướt nhẹp. Kể từ lúc vội vã băng bó lại cho cái vai của người bạn đồng hành ở bên đường, tôi vẫn chưa hề nói gì với anh ta. Anh ta cũng im lặng, chỉ thi thoảng làu bàu khó chịu khi con ngựa sẩy chân làm anh ta bị xóc nảy.

“Chúng ta đang ở đâu vậy?” Giọng tôi khàn khàn vì lạnh và vì đã lâu không lên tiếng.

“Pháo đài của Leoch,” anh ta trả lời cộc lốc.

Lâu đài Leoch. Chà, ít nhất thì bây giờ tôi đã biết mình đang ở đâu. Tôi nhớ lâu đài Leoch là một phế tích đẹp như tranh vẽ, nằm cách Bargrennan khoảng ba mươi dặm về phía bắc. Lúc này, với những con lợn đang dũi đất dưới chân tường và mùi nước thải lan tỏa khắp nơi, trông nó sinh động hơn rất nhiều. Tôi bắt đầu chấp nhận cái ý niệm phi lý là tôi có thể đang ở thế kỷ mười tám.

Cho dù có thể lỗ chỗ những hố bom nhưng chắc chắn không một nơi nào trên khắp vùng Scotland vào năm 1945 mang vẻ nhếch nhác và lộn xộn như thế này. Mà nghe giọng nói của những người trong sân thì rõ ràng chúng tôi đang ở Scotland.

“Ày, Dougal?” Một người coi chuồng ngựa ăn mặc tả tơi reo lên, chạy tới tóm lấy dây cương của con ngựa dẫn đầu. “Ngài về sớm thế; chúng tôi không nghĩ là sẽ gặp ngài trước lễ tụ hội!”

Người chỉ huy của nhóm chúng tôi nhảy xuống ngựa, trao dây cương cho chàng trai trẻ lôi thôi lếch thếch.

“Ừ, chúng ta vừa gặp vận may vừa gặp vận rủi. Ta đi gặp anh trai ta đây. Cậu đi gọi bà Fitz chuẩn bị đồ ăn thức uống cho những người này nhé? Họ sẽ cần ăn sáng và nghỉ ngơi.”

Ông ta vẫy tay ra hiệu cho Murtagh và Rupert đi theo mình, rồi họ cùng nhau biến mất dưới một cái cửa vòm nhọn.

Những người còn lại trong chúng tôi xuống ngựa và đứng ở cái sân ẩm ướt mất mười phút, miệng thở ra khói, mà bà Fitz nào đó vẫn chưa xuất hiện. Một bầy trẻ con tò mò tụ lại, suy đoán về lai lịch và vai trò của tôi. Những đứa bạo dạn hơn bắt đầu cả gan kéo váy tôi thì một bà to béo mặc bộ đồ bằng vải sợi thô và vải lanh màu nâu sẫm hối hả chạy ra xua chúng đi.

“Willy yêu quý!” Bà ta reo lên. “Gặp lại anh mừng quá! Cả Neddie nữa!” Bà ta dành cho gã hói nhỏ thó một cái hôn chào đón thật nồng nhiệt khiến ông ta suýt ngã nhào. “Hắn là mấy người đói rồi. Trong bếp ê hề thức ăn; cứ tự nhiên tới đó thưởng thức nhé!” Quay sang tôi và Jamie, bà ta bật lùi lại như bị rần cấn, miệng há hốc nhìn tôi, rồi quay sang Jamie để đợi một lời giải thích.

“Claire,” anh ta nói, hất đầu về phía tôi. “Và bác FitzGibbons,” anh ta nói thêm, hất đầu về phía người kia. “Murtagh bắt được cô ấy vào hôm qua, và cậu Dougal nói chúng cháu phải mang cô ấy theo,” anh ta nói thêm, giải thích rõ rằng *anh ta* không chịu trách nhiệm với chuyện này.

Bà FitzGibbons khép miệng và nhìn tôi từ đầu đến chân với con mắt đánh giá sắc sảo. Rõ ràng bà ta quyết định rằng dù có vẻ ngoài kỳ quặc và chướng mắt nhưng tôi là người vô hại, vì bà ta mỉm cười - một nụ cười dễ thương, dấu thiếu mất vài cái răng - và nắm lấy cánh tay tôi.

“Ái chà, Claire. Hoan nghênh cô. Đi với tôi nào, chúng tôi sẽ tìm cho cô một thứ gì đó hơi... hừm.” Bà ta nhìn cái váy ngắn và đôi giày không phù hợp của tôi, lắc lắc đầu.

Bà ta đang phăm phăm dẫn tôi đi thì tôi chợt nhớ ra bệnh nhân của mình.

“Ồ, xin bà chờ một chút! Tôi quên mất Jamie rồi!”

Bà FitzGibbons ngạc nhiên. “Sao vậy, Jamie có thể tự chăm sóc mình. Cậu ấy biết phải lấy thức ăn ở đâu và ai đó sẽ sắp xếp cho cậu ấy một cái

giường.”

“Nhưng anh ta đang bị thương. Hôm qua anh ta bị bắn rồi đến đêm lại bị đâm. Tôi đã băng bó tạm vết thương để anh ta có thể cưỡi ngựa, nhưng chưa có thời gian để rửa hay băng bó đúng quy cách. Bây giờ tôi phải làm việc đó ngay trước khi vết thương bị nhiễm trùng.”

“Nhiễm trùng?”

“Vâng, ý tôi là bị viêm nhiễm ấy, vết thương sẽ mưng mủ, sưng tấy và gây sốt.”

“Ồ, vâng, tôi hiểu ý cô là gì. Cô nói là cô biết cách xử lý nó? Ra cô là thầy pháp à? Một người Beaton?”

“Đại loại thế.” Tôi chẳng biết Beaton là cái gì, cũng không muốn nói sâu hơn về trình độ y khoa của tôi, khi phải đứng trong màn mưa phùn lạnh lẽo vừa mới bắt đầu rơi. Có vẻ bà FitzGibbons cũng nghĩ vậy nên quay lại gọi Jamie đúng lúc anh ta đang định đi về hướng ngược lại. Bà ta tóm lấy cánh tay anh ta, kéo cả hai chúng tôi vào trong lâu đài.

Sau một hồi đi qua những hành lang hẹp lạnh lẽo được chiếu sáng lờ mờ bởi những ô cửa sổ hẹp, chúng tôi bước vào một căn phòng khá lớn, trong đó có một cái giường, hai cái ghế đẩu, và quan trọng nhất, một lò sưởi.

Tôi tạm thời bỏ băng bệnh nhân của mình để tới sưởi ấm hai bàn tay. Bà FitzGibbons, có lẽ đã miễn nhiễm trước cái lạnh, ấn Jamie ngồi xuống một cái ghế đẩu bên lò sưởi và nhẹ nhàng cởi nốt phần còn lại của cái áo sơ mi tơ tằm trên người anh ta, rồi choàng cho anh ta một cái chăn ấm áp mà bà lấy từ trên giường xuống. Bà chặc lưỡi trước bờ vai thâm tím và sưng tấy của Jamie, rồi chọc chọc vào lớp vải băng bó sơ sài.

Tôi quay lại từ chỗ lò sưởi. “Tôi nghĩ trước hết cần phải rửa sạch vết thương, sau đó bôi một loại dung dịch nào đó để... để ngăn ngừa các cơn sốt.”

Bà FitzGibbons sẽ là một y tá tuyệt vời. “Cô cần những gì?” Bà chỉ đơn giản hỏi.

Tôi vắt óc suy nghĩ. Chúa ơi, trước khi phát minh ra thuốc kháng sinh thì người ta dùng cái gì để ngăn ngừa nhiễm trùng nhỉ? Thứ đó còn phải có sẵn trong một tòa lâu đài Scotland cổ xưa vào lúc sáng sớm nữa chứ!

“Tỏi!” Tôi đặc ý nói. “Tỏi, và cả cây phi nữa, nếu bà có sẵn. Ngoài ra, tôi còn cần vài chiếc khăn sạch và một cái ấm để đun nước.”

“Vâng, tôi nghĩ chúng tôi có thể kiếm được những thứ đó; có lẽ cả một ít liên mộc nữa. Còn trà mần tươi hay cúc La Mã thì sao? Có vẻ như cậu chàng này đã trải qua một đêm dài mệt mỏi.”

Chàng trai trẻ đang lao đảo vì kiệt sức nên chẳng cất nổi một lời phản đối khi chúng tôi bàn luận về anh ta như thể anh ta là một vật vô tri vô giác.

Bà FitzGibbons mau chóng quay lại với một cái tạp dề đầy những củ tỏi, những túi sa mỏng đựng thảo dược khô và những mảnh vải lanh cũ. Một cái ấm sắt nhỏ màu đen treo trên cánh tay núng nính, và bà cầm cái bình nước cổ hẹp nhẹ nhàng như cầm một sợi lông ngỗng.

“Giờ thì cô muốn tôi làm gì hả cưng?” Bà vui vẻ hỏi. Tôi nhờ bà đun nước và bóc tỏi trong lúc tôi kiểm tra mấy túi thảo dược. Trong số đó có cây phi mà tôi đã yêu cầu, cây mần tươi và liên mộc để pha trà, và thứ gì đó mà tôi đoán phỏng là vỏ cây anh đào.

“Thuốc giảm đau,” tôi hân hoan lẩm bẩm, nhớ lại những lời giải thích của ông Crook về tác dụng của những loại vỏ cây và thảo mộc mà chúng tôi tìm thấy. Tốt lắm, chúng tôi sẽ cần thứ đó.

Tôi ném vài nhánh tỏi đã bóc vỏ cùng với vài nhánh phi vào nước sôi, rồi bỏ những mảnh vải vào hỗn hợp đó. Mần tươi, liên mộc và vỏ cây anh đào thì được trút vào một nồi nước nóng nhỏ đặt bên lò sưởi. Sự chuẩn bị này làm tôi vững tâm đôi chút. Nếu tôi không biết chắc mình đang ở đâu, hay tại sao tôi lại ở đây, thì ít nhất tôi cũng biết mình phải làm gì trong mười lăm phút tới.

“Cảm ơn... ờ, bà FitzGibbons,” tôi kính cẩn nói. “Giờ tôi có thể tự xoay xử được rồi, nếu bà có việc gì khác phải làm.” Bà lão to béo cười lớn, bộ ngực đồ sộ rung lên.

“À! Đúng là tôi còn nhiều việc phải làm! Tôi sẽ bảo người mang cho cô một ít xúp lơ. Nếu cần thêm thứ gì thì cứ gọi tôi nhé!” Bà lạch bạch đi về phía cửa với tốc độ đáng kinh ngạc và biến mất ngoài hành lang.

...

Tôi tháo những dải băng hết sức cẩn thận. Tuy vậy, miếng vải băng tơ nhân tạo bị dính chặt vào thịt nên khế kêu lách tách khi được gỡ ra. Máu tươi rỉ ra quanh mép vết thương, và tôi xin lỗi vì đã làm anh ta bị đau, dù anh ta không hề động đậy hay kêu rên tiếng nào.

Anh ta khế cười, vẻ nhỉnh đăm. “Đừng lo. Tôi từng bị đau đớn hơn thế này nhiều, mà những kẻ gây thương tích cho tôi còn chẳng được xinh đẹp như cô.” Anh ta cúi về đằng trước để tôi rửa vết thương cho anh ta bằng nước sắc tỏi đun sôi, khiến cái chăn tuột khỏi vai.

Tôi lập tức nhận thấy, cho dù câu nói vừa rồi của anh ta có phải là một lời khen hay không thì nó cũng nêu lên một sự thật: anh ta từng bị thương nặng hơn thế này nhiều. Phần lưng trên của anh ta chẳng chịt những vết trắng mờ, chứng tỏ anh ta từng bị quất roi một cách tàn bạo. Mà không chỉ một lần. Ngoài những lằn sẹo nhỏ bằng bạc ở một vài chỗ, còn có những mảng sẹo lớn tạo thành do những vết roi mới quất chồng lên những vết roi cũ.

Vì từng là y tá trong chiến tranh nên dĩ nhiên tôi đã trông thấy vô số vết thương, nhưng những vết sẹo này thật khủng khiếp. Hẳn là tôi đã hít mạnh vào khi nhìn thấy cảnh tượng ấy, vì anh ta quay đầu và bắt gặp tôi đang nhìn chăm chăm. Anh ta nhún bên vai lạnh.

“Bọn lưng tôm gây ra đấy! Chúng tra tấn tôi hai lần trong vòng một tuần. Nếu không sợ sẽ làm tôi chết thì có lẽ chúng đã làm thế trong vòng một ngày rồi. Tra tấn một kẻ đã chết thì đâu còn gì thú vị nữa.”

Tôi cố giữ giọng điềm tĩnh khi lau rửa vết thương. “Tôi không nghĩ có người lại coi việc tra tấn là một trò vui.”

“Vậy à? Vậy thì cô nên gặp hẳn.”

“Ai cơ?”

“Gã Đại úy Áo đỏ đã lột da lưng tôi. Nếu hẳn không vui sướng thì ít nhất cũng rất thỏa mãn. Hơn tôi,” anh ta mĩa mai nói thêm. “Tên hẳn là Randall.”

“Randall!” Tôi không giấu nổi nỗi sửng sốt trong giọng nói. Đôi mắt xanh lạnh lùng gắn chặt vào mắt tôi.

“Cô quen gã đó à?” Giọng nói đột nhiên trở nên nghi ngờ.

“Không, không! Tôi từng biết một gia đình có tên như vậy, lâu rồi, ờ, lâu lắm rồi.” Trong cơn căng thẳng, tôi đánh rơi miếng vải lau rửa vết thương.

“Chết tiệt, phải luộc lại nó rồi.” Tôi nhặt nó lên và vội vàng tới lò sưởi, cố gắng che giấu nỗi bối rối bằng sự bận rộn. Gã Đại úy Randall này chính là cụ cố của Frank, người lính có thành tích tốt, dũng cảm trên chiến trường, nhận được nhiều lời khen ngợi của các công tước ư? Làm thế nào mà một người có máu mủ với Frank lịch thiệp, ngọt ngào của tôi lại có thể gây ra những dấu vết kinh hoàng trên lưng chàng trai này chứ?

Tôi cầm cúi bên lò sưởi, thả thêm vài nắm phỉ và tỏi vào ấm, chuẩn bị thêm khăn để luộc. Khi tôi nghĩ mình đã điều chỉnh lại được giọng nói và nét mặt, tôi quay lại bên Jamie, tay cầm mảnh vải đã được luộc lại.

“Tại sao anh bị đánh vậy?” Tôi đột ngột hỏi.

Câu hỏi chẳng tế nhị chút nào, nhưng tôi đang rất muốn biết, mà lúc này tôi đã quá mệt mỏi nên không thể diễn đạt cho lịch thiệp hơn.

Anh ta thở dài, bờ vai bứt rứt dưới sự chăm sóc của tôi. Anh ta cũng mệt mỏi, và hẳn là tôi đang làm anh ta đau, dù tôi đã cố gắng gượng nhẹ.

“Lần đầu là do bỏ trốn, còn lần thứ hai là ăn trộm - hay đúng hơn là họ ghi tội danh của tôi như vậy.”

“Anh bỏ trốn khỏi cái gì vậy?”

“Người Anh,” anh ta nói, nhướng mày mĩa mai. “Nếu ý cô là từ đâu thì là pháo đài William.”

“Tôi đã đoán được là do người Anh,” tôi nói, bắt chước vẻ mĩa mai trong giọng anh ta. “Anh đã làm gì ở pháo đài William?”

Anh ta dùng bàn tay lạnh lặn xoa xoa trán. “Ồi, việc đó ấy à? Tôi nghĩ là phá rồi.”

“Phá rồi, bỏ trốn và ăn trộm. Anh có vẻ là một nhân vật nguy hiểm đấy.” Tôi bông đùa, hy vọng khiến anh ta sao nhãng khỏi việc tôi đang làm.

Chí ít nó cũng có chút tác dụng; một bên khóe miệng rộng của anh ta cong lên và con mắt màu xanh sẫm liếc nhìn tôi qua vai.

“Ồ, tôi nguy hiểm thật mà,” anh ta nói. “Chẳng hiểu sao cô lại nghĩ mình an toàn khi ở chung phòng với tôi, mà cô còn là một cô nàng người Anh chứ.”

“Chà, vào lúc này trông anh hoàn toàn vô hại.” Không đúng. Cởi trần, người đầy sẹo và bê bết máu, hai bên má lõm chồm râu và mí mắt sưng đỏ vì cười ngựa cả đêm, trông anh ta chẳng vô hại chút nào. Dù có mệt mỏi hay không, anh ta hoàn toàn có thể làm hại người khác, nếu nhu cầu đó trỗi dậy.

Anh ta bật cười, tiếng cười dễ lây lan và trầm ấm lạ lùng.

“Vô hại như một con bồ câu cảnh,” anh ta đồng ý. “Tôi đói đến nỗi chỉ có thể trở thành mối đe dọa với bữa sáng thôi. Cứ thử để một khay bánh mì bắp nướng vỉ gần tầm với của tôi xem, tôi sẽ không chịu trách nhiệm cho những hậu quả đâu. Ối!”

“Xin lỗi,” tôi lẩm bẩm. “Vết đâm sâu quá, lại còn bẩn nữa.”

“Không sao.” Nhưng mặt anh ta đã tái nhợt đi bên dưới bộ râu màu đồng lõm chồm. Tôi cố gắng dẫn dắt anh ta quay lại cuộc trò chuyện.

“Tội phá rồi là thế nào vậy?” Tôi bình thản hỏi. “Nó có vẻ không phải tội gì nghiêm trọng.”

Anh ta hít sâu một hơi, quyết tâm gắn chặt mắt vào cái cốc giường được chạm trổ trong lúc tôi lau vết thương sâu hơn.

“À. Tôi cho là người Anh nói thế nào thì nó là thế ấy. Còn với tôi, nó có nghĩa là bảo vệ gia đình và điền sản của tôi, việc đó khiến tôi suýt nữa thì bị giết.” Anh ta mím môi, có vẻ sẽ không nói thêm gì nữa, nhưng một thoáng sau, anh ta lại tiếp tục, như thể đang tìm cách dồn sự chú ý vào bất cứ thứ gì ngoài cái vai của mình.

“Chuyện xảy ra gần bốn năm trước. Các trang viên gần pháo đài William phải gánh một loại thuế - thức ăn cho quân đồn trú, ngựa để đi lại và những thứ tương tự. Chẳng mấy ai thích điều đó, nhưng hầu hết mọi người đều miễn cưỡng nộp thứ mà họ phải nộp. Những toán lính nhỏ sẽ đi xung quanh vùng với một viên sĩ quan chỉ huy và một, hai cỗ xe kéo, thu thập thức ăn và mọi thứ. Một ngày tháng Mười, gã Đại úy Randall đó tới L...” Anh ta bỗng im bật, liếc mắt về phía tôi, “tới nhà chúng tôi.”

Tôi gật đầu khịch lệ, mắt vẫn chăm chú vào công việc.

“Chúng tôi cứ nghĩ chúng sẽ không đi xa đến vậy; nhà tôi cách pháo đài một chặng đường khá dài, và không dễ dàng để mò đến. Nhưng chúng đã tới.”

Anh ta vội nhắm mắt. “Lúc ấy, cha tôi đi viếng đám tang ở trang trại kế bên nên không có nhà. Còn tôi thì ra đồng với hầu hết cánh đàn ông, bây giờ sắp đến mùa gặt nên có nhiều việc phải làm. Vì vậy chỉ có chị gái tôi ở nhà với hai, ba người hầu nữ, và tất cả bọn họ đều chạy trốn chết lên gác để vùi đầu dưới những tấm ga trải giường khi nhìn thấy lũ Áo đỏ. Họ nghĩ đám lính đó do quý dữ phải đến - và họ nghĩ vậy cũng không phải là sai.”

Tôi đặt chiếc khăn xuống. Phần khó khăn nhất đã xong; bây giờ tất cả những gì chúng tôi cần là một loại thuốc đắp nào đó - vì thiếu iốt hay penicillin nên đó là điều tốt nhất tôi có thể làm để sát trùng - và băng bó lại thật chặt. Chàng trai trẻ vẫn nhắm mắt, có vẻ không để ý.

“Tôi về nhà qua cổng sau, định tới chuồng gia súc để lấy một bộ yên cương thì nghe thấy tiếng quát tháo và tiếng chị tôi hét lên ở trong nhà.”

“Ồ?” Tôi cố gắng nói thật khẽ để không ảnh hưởng đến mạch kể chuyện của anh ta. Tôi rất muốn biết về gã Đại úy Randall; và câu chuyện này chẳng giúp xóa được ấn tượng ban đầu của tôi về hắn.

“Tôi đi vào bếp và thấy hai tên lính đang vơ vét chạn thức ăn, nhét vào bao tải nào bột, nào thịt xông khói. Tôi đâm vào đầu một tên và ném tên còn lại qua cửa sổ cùng những cái bao tải. Rồi tôi lao xộc vào phòng khách, thấy hai tên Áo đỏ đang ở đó với chị gái tôi, Jenny. Váy của chị ấy đã bị rách một ít, còn một trong hai gã kia thì bị cào xước mặt.”

Anh ta mở mắt và mỉm cười, trông hơi dữ tợn. “Tôi không hỏi han gì mà xông vào chúng luôn. Dù chúng có hai tên nhưng tôi vẫn không bị lép vế. Chúng tôi đang vờn nhau thì Randall bước vào.”

Chi bằng một thủ đoạn đơn giản là chìa súng vào đầu Jenny, Randall đã dừng được cuộc chiến. Jamie buộc phải đầu hàng và lập tức bị hai tên lính kia trói lại. Randall mỉm cười duyên dáng, nói: “Chà chà. Hai con mèo ghẻ này hung dữ nhỉ? Ta nghĩ một chút mùi vị khổ sai sẽ trị được thái độ nóng nảy của cậu, nếu không, chà, cậu cần gặp một con mèo khác, có tên là mèo chín đuôi^[38]. Nhưng lũ mèo còn lại thì có những cách trừng trị khác, đúng không, con mèo con ngọt ngào của ta?”

Jamie thoáng dừng lại, nghiến răng. “Hắn đang giữ cánh tay bị bẻ quặt ra sau của Jenny, nhưng khi nói đến đó, hắn liền thả chị ấy ra để vòng tay tới đằng trước, thọc vào ngực chị ấy.” Nhớ lại cảnh tượng đó, anh ta bất giác mỉm cười. “Vậy là,” anh ta tiếp tục, “Jenny giẫm lên chân hắn và huých cùi trở vào bụng hắn. Khi hắn cúi xuống vì nghệt thờ, chị ấy xoay người lại và thúc mạnh đầu gối vào hạ bộ của hắn.” Anh ta phì cười.

“Hắn đánh rơi khẩu súng, chị ấy vội cúi xuống nhặt, nhưng một trong hai tên lính đang giữ tôi đã nhanh tay hơn.”

Tôi đã băng bó xong và đứng lặng lẽ đằng sau Jamie, đặt tay lên bờ vai lạnh lặn của anh ta. Có vẻ như anh ta cần kể hết câu chuyện cho tôi nghe, nhưng tôi e rằng anh ta sẽ dừng lại nếu nhớ đến sự hiện diện của tôi.

“Khi đã lấy lại đủ hơi sức để cất tiếng, Randall ra lệnh cho người của mình lôi cả hai chúng tôi ra ngoài. Chúng lột áo tôi, trói tôi vào còng xe kéo, và Randall đánh vào lưng tôi bằng mặt thanh kiếm lưỡi cong. Hẳn đang điên tiết nhưng cũng hơi rệu rã. Trận đòn khá đau nhưng không kéo dài lâu.”

Sự thích thú thoáng bộc phát giờ đã biến mất, và bờ vai bên dưới bàn tay tôi căng cứng. “Khi dừng tay, hẳn quay sang Jenny, - đang bị một gã kỵ binh giữ lấy - và hỏi chị ấy muốn tiếp tục chứng kiến cảnh tượng vừa rồi hay sẽ đi vào nhà với hẳn và dâng cho hẳn trò tiêu khiển hay ho hơn?” Bờ vai anh ta co giật, bứt rứt.

“Tôi không cử động được nhiều, nhưng đã hét lên với chị ấy rằng tôi không đau - đúng là tôi không đau lắm - và chị ấy đừng đi với hẳn, cho dù chúng có cắt cổ tôi ngay trước mắt chị ấy.

Chị ấy đang ở đằng sau tôi, vì vậy tôi không thể nhìn thấy nhưng nghe thấy chị ấy nhổ vào mặt hẳn. Hẳn là chị ấy đã làm vậy, vì ngay sau đó hẳn liền tóm lấy tóc tôi, giật ngửa và kề dao vào cổ tôi.”

“Tao sẽ lấy mạng mày như mày muốn,” Randall nghiêng răng rít lên và ấn mũi dao nhọn vào cổ Jamie khiến anh ta bị chảy máu.

“Tôi có thể nhìn thấy con dao lù lù ngay sát mặt tôi,” Jamie nói, “và những giọt máu nhỏ xuống lớp bụi đất bên dưới cổ xe.” Giọng anh ta gần như mơ màng, và tôi nhận ra anh ta đã rơi vào trạng thái giống như bị thôi miên vì quá mệt mỏi và đau đớn. Anh ta thậm chí có thể không nhớ ra tôi đang có mặt ở đó.

“Tôi định hét lên rằng tôi thà chết còn hơn để chị ấy bị một kẻ cặn bã làm nhục. Nhưng Randall đã nhắc con dao ra khỏi cổ tôi và nhét lưỡi dao vào giữa hai hàm răng tôi, vì vậy tôi không thể nói gì được.” Anh ta quệt miệng, như thể vị thép đang ngất vẫn còn đọng trên đầu lưỡi, nhìn chằm chằm về phía trước.

“Nhưng chuyện gì xảy ra tiếp theo?” Đáng lẽ tôi không nên hỏi, nhưng tôi cần biết.

Anh ta lắc lắc đầu như vừa mới tỉnh ngủ, mệt mỏi đưa bàn tay to lớn lên xoa gáy.

“Chị ấy đã đi với hẳn,” anh ta đột ngột nói. “Chị ấy nghĩ hẳn sẽ giết tôi. Có lẽ chị ấy nghĩ cũng đúng. Sau đó, tôi không biết gì nữa. Một gã kỵ binh đã đập báng súng vào đầu tôi. Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang bị trói gô vào cỗ xe cùng với lũ gà, lóc xóc đi tới pháo đài William.”

“Tôi hiểu,” tôi khẽ nói. “Tôi rất lấy làm tiếc. Chuyện đó hẳn rất khủng khiếp.”

Anh ta đột nhiên mỉm cười, vẻ mệt mỏi đã tan biến. “Ồ, vâng. Gà là bạn đồng hành rất tệ, đặc biệt là trên một hành trình dài.” Nhận ra mình đã được băng bó xong, anh ta thử khom vai và lập tức nhăn nhó.

“Đừng làm thế!” Tôi cảnh báo. “Anh không được cử động nó. Thật ra,” tôi liếc nhìn cái bàn, để chắc chắn là ở đó vẫn còn vài mảnh vải khô ráo. “Tôi sẽ buộc cánh tay đó lại. Ngồi yên nhé!”

Anh ta không nói gì thêm, nhưng cơ thể thả lỏng hơn một chút khi nhận ra việc đó không hề đau. Tôi có cảm giác thân thuộc đến kỳ quặc với anh chàng người Scot trẻ tuổi xa lạ này, một phần là do câu chuyện đau lòng anh ta vừa kể, một phần là do cả hai đã gà gật nép sát bên nhau cả đêm trên lưng ngựa. Không phải là tôi từng ngủ với nhiều người ngoài chồng tôi, nhưng từ lâu tôi đã nhận ra rằng việc ngủ cùng ai đó *theo đúng nghĩa đen* quả thực tạo ra cảm giác thân mật, như thể những giấc mơ của ta đã chảy tràn sang và hòa quyện với những giấc mơ của người kia, bao phủ cả hai trong tấm màn thấu hiểu vô thức. Tôi nghĩ điều này cũng gần giống như một sự hồi cố vậy. Vào những thời kỳ xa xưa hơn (*giống như thời kỳ này ư?* Một phần khác trong tâm trí tôi hỏi), ngủ chung là một hành động thể hiện sự tin tưởng. Nếu cả hai tin tưởng lẫn nhau, việc ngủ cùng nhau còn mang lại cảm giác gần gũi hơn cả sự chung đụng thể xác.

Sau khi buộc xong cánh tay, tôi giúp anh ta luồn chiếc áo sơ mi qua cái vai bị thương. Anh ta đứng dậy, nhét gấu áo vào trong váy bằng một tay và mỉm cười với tôi.

“Cảm ơn cô, Claire. Cô thật mát tay.” Anh ta giơ tay ra như định chạm vào mặt tôi, nhưng rồi lại nghĩ lại; bàn tay ngập ngừng buông thõng xuống bên sườn. Rõ ràng anh ta cũng cảm thấy sự trào dâng kỳ quặc của cảm giác thân mật đó. Tôi vội nhìn đi chỗ khác, thấy tay như muốn nói: “Không có gì!”

Tôi liếc nhìn quanh phòng, thấy một cái lò sưởi ám khói đen, những ô cửa sổ hẹp không có kính và đám đồ đạc bằng gỗ sồi rắn chắc. Không có đồ điện. Không có thảm. Không có những cái núm bằng đồng sáng bóng trên khung giường.

Nó quả thực giống một tòa lâu đài vào thế kỷ mười tám. Nhưng còn Frank thì sao? Người đàn ông tôi gặp trong rừng trông giống hệt anh, nhưng hình ảnh của Đại úy Randall qua lời kể của Jamie hoàn toàn khác xa những gì tôi biết về người chồng lịch thiệp, yêu chuộng hòa bình của tôi. Nhưng nếu đó là sự thật - và tôi đang bắt đầu tin như vậy - thì cũng là chuyện bình thường. Ông ta có thể là bất cứ hạng người nào. Một người đàn ông mà tôi chỉ biết tên qua bảng phá hệ không nhất định phải có tư cách đạo đức giống với con cháu của mình.

Người khiến tôi lo lắng lúc này là Frank. Nếu tôi thực sự đang ở thế kỷ mười tám, vậy thì anh ở đâu? Anh sẽ làm gì khi không thấy tôi trở về căn nhà nghỉ của bà Baird? Liệu tôi có còn được gặp lại anh không? Nghĩ đến Frank chính là giọt nước tràn ly. Từ khoảnh khắc bước qua khe nứt của tảng đá và mất đi cuộc sống bình thường, tôi đã bị tấn công, đe dọa, bắt cóc và xô đẩy. Tôi chưa được ăn uống hay ngủ nghỉ hẳn hoi suốt hơn hai mươi tư giờ qua. Tôi cố gắng kiềm chế, nhưng môi run run và mắt thì mọng nước.

Tôi quay về phía lò sưởi để giấu mặt mình, nhưng đã quá muộn. Jamie cầm lấy tay tôi, nhẹ nhàng hỏi han. Ánh lửa lấp lánh trên chiếc nhẫn cưới bằng vàng của tôi, và tôi bắt đầu sụt sịt.

“Ồ, tôi sẽ... tôi sẽ ổn thôi, sẽ ổn thôi, thật đấy, chỉ là... chồng... chồng tôi... tôi không...”

“À, cô là góa phụ à?” Giọng anh ta đầy cảm thông khiến tôi không còn kiềm chế được nữa.

“Không... vâng... ý tôi là, tôi không... vâng, tôi cho là vậy!” Quá xúc động và mệt mỏi, tôi gục vào người anh ta, khóc nức nở.

Anh chàng này thật tinh tế. Thay vì gọi người giúp đỡ hay lùi lại vì bối rối, anh ta ngồi xuống, cánh tay lành ôm chặt tôi trên đùi, nhẹ nhàng đu đưa, khẽ thì thầm vào tai tôi bằng tiếng Gaelic và vuốt tóc tôi. Tôi khóc thốn thức, thoáng đầu hàng trước nỗi sợ hãi và hoang mang, nhưng rồi dần dịu đi khi Jamie xoa cổ và lưng tôi, áp tôi vào bộ ngực rộng ấm áp. Những tiếng nức nở của tôi nhỏ dần và tôi bắt đầu trấn tĩnh lại, mệt mỏi tựa vào hõm vai anh ta. Thảo nào anh ta điều khiển ngựa giỏi như vậy, tôi uể oải nghĩ, cảm nhận những ngón tay anh ta nhẹ nhàng vôn vê đằng sau tai tôi và lắng nghe những lời an ủi bằng thứ tiếng mà tôi không tài nào hiểu nổi. Nếu tôi là một con ngựa, tôi sẽ để cho anh ta cưỡi đi bất cứ nơi đâu.

Ý nghĩ kỳ quặc ấy chẳng may lại xuất hiện cùng lúc với phát hiện mới của tôi rằng chàng trai trẻ này không hoàn toàn kiệt sức sau tất cả những gì đã xảy ra. Điều đó đang trở nên rõ ràng đến mức khiến cả hai chúng tôi đều bối rối. Tôi dang hăng, vừa lấy tay áo lau nước mắt vừa tuột xuống khỏi đùi anh ta.

“Tôi vô cùng xin lỗi... nghĩa là, ý tôi là, cảm ơn anh vì... nhưng tôi...” Tôi lắp bắp, lùi ra xa khỏi anh ta, mặt đỏ bừng. Anh ta cũng hơi đỏ mặt, nhưng không hề tỏ ra lúng túng. Anh ta kéo tay tôi lại. Tránh không chạm vào những chỗ khác trên người tôi, anh ta nâng cằm tôi lên và ép tôi nhìn thẳng vào mặt anh ta.

“Cô không cần phải sợ tôi,” anh ta nhẹ nhàng nói. “Hay sợ bất kỳ ai khác ở đây, chừng nào tôi còn ở bên cô.” Anh ta buông tôi ra và quay mặt về phía lò sưởi.

“Cô cần ít xúp nóng, cô gái,” anh ta điềm đạm nói, “và một chút gì đó để ăn. Sự no bụng sẽ có ích hơn bất cứ thứ gì.” Tôi cười rung cả người trước sự loay hoay của anh ta khi rút xúp loãng bằng một tay, và đi tới để

giúp. Anh ta nói đúng; thức ăn quả thực có ích. Chúng tôi im lặng húp xúp loãng và ăn bánh mì, cùng nhau chia sẻ cảm giác thoải mái do sự ấm áp và no nê mang lại.

Cuối cùng, anh ta đứng dậy, nhặt cái chăn bị rơi trên sàn nhà lên, thả xuống giường và ra hiệu cho tôi. “Cô ngủ một lát đi, Claire. Cô mệt lắm rồi, và chẳng mấy chốc sẽ có người muốn nói chuyện với cô đấy.”

Đây là lời nhắc nhở đáng lo ngại về tình cảnh nguy hiểm của tôi, nhưng tôi mệt đến nỗi chẳng buồn quan tâm. Tôi chỉ từ chối lấy lệ một câu trước lời mời ngủ trên cái giường này; chưa bao giờ tôi thấy thứ gì hấp dẫn đến thế. Jamie quả quyết với tôi rằng anh ta có thể tìm thấy một cái giường ở bất cứ đâu. Tôi ngã chúi vào đồng chăn và ngủ thiếp đi trước cả khi anh ta ra tới cửa.

5

Lãnh chúa MacKenzie

Tôi tỉnh dậy trong trạng thái hoang mang, mơ hồ nhớ rằng có thứ gì đó không ổn, nhưng không tài nào nhớ nổi là gì. Thực ra, tôi đã ngủ say đến nỗi trong một thoáng tôi không thể nhớ được mình là ai hay mình đang ở đâu. Căn phòng lạnh lẽo đến buốt giá, còn tôi thì đang ấm áp bên dưới những lớp chăn. Tôi cố rúc sâu hơn vào trong cái “tổ kén” của mình, nhưng giọng nói đánh thức tôi dậy vẫn lèo nhèo bên tai.

“Nào nào, cô gái! Dậy thôi!” Giọng nói trầm ấm và trù mến, giống như tiếng sủa của một con chó chăn cừu. Tôi miễn cưỡng mở hé một mắt, đủ để nhìn thấy một “trái núi” mặc áo sợi thô màu nâu.

Bà FitzGibbons! Hình ảnh của bà khiến tôi giật mình tỉnh táo hoàn toàn, trí nhớ cũng lập tức quay trở lại. Vậy ra chuyện này là thật.

Quấn một cái chăn quanh người để chống lại cái lạnh, tôi loạng choạng bước xuống giường và vội vàng đi về phía lò sưởi. Bà FitzGibbons đã để sẵn cho tôi một cốc xúp lơ; tôi cầm lên húp, cảm giác mình như kẻ sống sót sau một trận oanh tạc lớn, trong lúc bà bày một đồng váy áo trên giường. Có một cái áo dài bằng vải lanh màu vàng nhạt viền đăng ten mỏng, một cái váy lót dài bằng vải cotton loại tốt, hai cái váy ngoài màu nâu và một cái áo chèn màu vàng chanh nhạt. Ngoài ra còn có một đôi tất len sọc nâu và một đôi dép màu vàng.

Không cho phép một lời phản đối, bà giục tôi cởi bộ váy chường mắt và giám sát tôi thay đồ từ đầu đến cuối. Bà đứng lùi lại, ngắm nghía “công trình” của mình với vẻ thỏa mãn.

“Màu vàng hợp với cô lắm, cô gái; tôi biết mà. Rất ăn ý với mái tóc nâu và tôn lên cặp mắt màu hoàng kim của cô. Tuy nhiên, cô cần ít ruy băng nữa.” Bà dốc ngược cái túi trông như một cái bị đay, lấy ra một nắm ruy băng và những món đồ trang sức.

Vẫn còn ngờ ngẩn, tôi để mặc bà tô điểm tóc tôi. Bà cột những lọn tóc hai bên ra sau bằng sợi ruy băng màu hoa anh thảo, vừa làm vừa chặc lưỡi trước mái tóc ngắn đến vai chẳng chút nữ tính của tôi.

“Chúa ơi, cô nghĩ gì mà lại cắt tóc ngắn như vậy? Cô đang cải trang đây à? Tôi nghe nói vài phụ nữ làm vậy khi đi lại để che giấu giới tính, cũng như để an toàn trước lũ Áo đỏ chết tiệt. Hôm nay là một ngày đẹp trời, các quý cô đi lại trên đường không an toàn tí nào.” Bà nói liến thoắng, vồ vồ tôi hết chỗ này đến chỗ nọ, dém lại một lọn tóc xoắn hay chỉnh lại một nếp gấp. Cuối cùng, tôi đã mặc xong đồ trước sự hài lòng mãn nguyện của bà.

“Ái chà chà, tốt rồi. Giờ thì cô hãy ăn chút gì đi, sau đó tôi phải dẫn cô tới gặp ngài ấy.”

“Ngài ấy?” Tôi không thích hai tiếng này. Cho dù “Ngài ấy” là ai, ông ta ắt hẳn sẽ hỏi những câu khó trả lời.

“Ồ, dĩ nhiên là Lãnh chúa MacKenzie rồi. Còn là ai được nữa?”

Đúng vậy. Còn là ai được nữa? Tôi lơ mơ nhớ rằng lâu đài Leoch nằm trong lãnh địa của thị tộc Mackenzie. Hẳn nhiên lãnh chúa là người của thị tộc Mackenzie rồi. Tôi bắt đầu hiểu ra tại sao nhóm người chúng tôi lại phải cưỡi ngựa thâu đêm để tới lâu đài này; đây là nơi an toàn tuyệt đối với những người bị quân đội hoàng gia truy đuổi. Chẳng có viên sĩ quan người Anh có chút lý trí nào lại dẫn người của mình tiến vào quá sâu trong lãnh địa của một thị tộc. Làm vậy chẳng khác nào mạo hiểm tính mạng bởi họ có thể bị mai phục ngay ở bụi cây đầu tiên. Và chỉ có một đội quân cỡ lớn mới có thể tiến được đến cổng lâu đài. Tôi đang cố nhớ liệu trong thực tế quân đội Anh có bao giờ đi xa tới vậy không thì đột nhiên nhận ra rằng số phận của tòa lâu đài chẳng quan trọng bằng tương lai ngay trước mắt tôi.

Tôi không muốn ăn những chiếc bánh mì bấp nướng vỉ và món cháo yến mạch mà bà FitzGibbons mang đến cho tôi ăn sáng, nhưng vẫn bẻ một ít và giả vờ ăn để có thêm chút thời gian suy nghĩ. Lúc bà Fitz quay lại để dẫn tôi tới chỗ Mackenzie, tôi đã phác ra một kế hoạch thô sơ.

...

Lãnh chúa tiếp tôi trong một căn phòng nằm trên đỉnh của một cầu thang bằng đá. Căn phòng giống như một tòa tháp tròn, trên các bức tường cong treo đầy những bức họa và thảm thêu. Trong khi phần còn lại của lâu đài có vẻ đủ tiện nghi nhưng hơi trống trải thì căn phòng này hết sức xa hoa, chật kín đồ đạc và đồ trang trí, ấm áp và sáng sủa nhờ lửa lò sưởi cùng những ngọn nến, tương phản với màn mưa phùn ở bên ngoài. Trong khi các bức tường bao bên ngoài lâu đài chỉ có những ô cửa sổ hẹp và cao để chống lại sự tấn công thì bức tường trong căn phòng này được trổ những ô cửa sổ hai cánh để đón ánh sáng ban ngày.

Vừa bước vào, tôi lập tức chú ý đến cái lồng sắt khổng lồ được thiết kế khéo léo để vừa khít với đường cong của cả một bức tường, trong đó nhất hàng tá con chim nhỏ xíu: sẻ thông, sẻ đất, sẻ ngô và vài loại chim chích. Tới gần, tôi hoa cả mắt vì những thân hình béo múp với đôi mắt sáng tròn xoe, giống như những viên ngọc quý trên lớp màn màu xanh lục, đang bay qua bay lại giữa những tán sồi, du, dẻ, những loài cây được trồng và chăm sóc cẩn thận trong những cái chậu phủ lớp đất bồi đặt trên sàn lồng. Tiếng ríu rít vui vẻ của lũ chim được đệm bởi tiếng vỗ cánh và tiếng lá cây xào xạc khi chúng nhảy nhót chuyền càn.

“Chúng quả là những sinh vật nhỏ bé náo nhiệt, đúng không?” Một giọng nói trầm ấm, hòa nhã phát ra từ đằng sau tôi, và tôi quay lại, nụ cười như đóng băng trên mặt.

Colum MacKenzie có gương mặt to và cái trán cao giống em trai ông ta - Dougal, tuy nhiên ông ta không có được vẻ oai dũng uy hiếp tinh thần người khác như em trai, dù cũng không kém phần phong độ. Với làn da

sẫm hơn và đôi mắt màu xám phớt xanh thay vì màu hạt dẻ, Colum cũng toát lên một uy lực mạnh mẽ và có thói quen đứng quá gần khiến người khác không thoải mái. Tuy nhiên, lúc này, thứ khiến tôi cảm thấy thiếu thoải mái lại chính là cái thực tế rằng khuôn đầu đẹp và thân mình dài ấy nằm trên một đôi chân ngắn ngủn và cong queo đến đáng kinh ngạc. Người đàn ông này đáng lẽ phải cao trên mét tám, nhưng ông ta gần như chỉ đứng đến vai tôi.

Ông ta dán mắt vào lũ chim, tế nhị cho tôi một khoảnh khắc vô cùng cần thiết để điều chỉnh lại nét mặt. Đương nhiên, ông ta hẳn đã quen với phản ứng của những người mới gặp ông ta lần đầu tiên. Nhìn xung quanh căn phòng, tôi chợt nảy ra thắc mắc là bao lâu ông ta mới gặp những người lạ? Đây rõ ràng là một nơi ẩn náu; là cái thế giới mà ông ta tự xây lên cho mình, không hoan nghênh hoặc bất khả xâm phạm đối với thế giới bên ngoài.

“Chào mừng cô,” ông ta nói, hơi cúi đầu. “Ta là Colum ban Campbell MacKenzie, lãnh chúa của lâu đài này. Nghe em trai ta nói cậu ấy, ờ, gặp cô ở một nơi khá xa nơi này.”

“Ông ta đã bắt cóc tôi, nếu ông muốn biết,” tôi nói. Tôi cũng muốn nói chuyện một cách nhã nhặn, nhưng tôi còn muốn thoát khỏi lâu đài này và quay lại ngọn đồi có vòng tròn đá kia hơn. Bất kể chuyện gì đã xảy ra với tôi, câu trả lời chắc chắn nằm ở đó - nếu có.

Hàng lông mày rậm của vị lãnh chúa khẽ nhướng lên, đôi môi tuyệt đẹp mỉm cười.

“Chà, cũng có thể,” ông ta đồng ý. “Đôi khi Dougal hơi... lỗ mãng.”

“Chà.” Tôi phẩy tay, tỏ ý bỏ qua vấn đề này. “Có thể đã có hiểu lầm. Nhưng tôi sẽ rất cảm kích nếu được quay lại... nơi mà ông ta đã bắt tôi.”

“Ừm.” Colum chỉ vào một cái ghế, hàng lông mày vẫn đang nhướng lên. Tôi miễn cưỡng ngồi xuống. Ông ta gật đầu với một người phục vụ và người đó lập tức biến mất qua cánh cửa.

“Ta vừa mới sai người đi lấy ít đồ giải khát, cô... Beauchamp, đúng không nhỉ? Ta nghe nói em trai ta và người của cậu ấy đã tìm thấy cô trong... ờ, một tình cảnh nguy hiểm.” Ông ta có vẻ đang cố nín cười, và tôi tự hỏi không biết đám người kia đã miêu tả thế nào về tình trạng mà họ cho là ăn mặc hở hang của tôi.

Tôi hít sâu một hơi. Đã đến lúc đưa ra lời giải thích mà tôi nghĩ ra khi này. Tôi nhớ Frank đã kể với tôi về khóa học đối phó với việc bị thẩm vấn mà anh tham gia trong thời gian được huấn luyện làm sĩ quan. Theo những gì tôi còn nhớ, nguyên tắc cơ bản là phải bám sát sự thật hết mức có thể, chỉ sửa đổi những chi tiết cần giữ bí mật. “Thầy huấn luyện giảng giải rằng như thế câu chuyện mà ta ngụy tạo sẽ ít có nguy cơ mắc phải những sai sót nhỏ hơn. Chà, để xem nguyên tắc đó hiệu quả thế nào.

“Ồ, vâng. Tôi đã bị tấn công.”

Ông ta gật đầu, khuôn mặt ngời lên vẻ hứng thú. “Ày? Kẻ nào đã tấn công cô?”

Hãy nói sự thật. “Lính Anh. Cụ thể là một người đàn ông tên Randall.”

Biểu cảm trên khuôn mặt quý phái đột ngột thay đổi trước cái tên đó. Mặc dù vẫn có vẻ hứng thú nhưng môi Colum càng lúc càng mím chặt và những nếp nhăn hai bên khóe miệng dần hằn sâu. Rõ ràng cái tên đó quen thuộc với ông ta. Vị thủ lĩnh của thị tộc MacKenzie hơi ngả người ra sau và chụm các đầu ngón tay thành hình tháp, chăm soi tôi kỹ lưỡng.

“À?” Ông ta nói. “Kể ta nghe tiếp đi!”

Vậy là, Chúa phù hộ cho tôi, tôi kể cho ông ta nghe thật chi tiết về cuộc chạm trán giữa những người Scot và lính của Randall, vì ông ta có thể kiểm tra điều đó với Dougal. Tôi cũng kể cho ông ta nghe những chi tiết cơ bản trong cuộc đối thoại của tôi với Randall, vì tôi không biết gã Murtagh đã nghe lỏm được bao nhiêu.

Ông ta gật đầu vẻ chăm chú.

“Chà,” ông ta nói. “Nhưng làm thế nào mà cô lại có mặt ở đó? Nó rất xa con đường dẫn tới Inverness - nơi mà ta cho là cô định tới để lên một con tàu?” Tôi gật đầu và hít sâu một hơi.

Bây giờ chúng tôi buộc phải bước vào lãnh địa của sự bịa đặt. Tiếc là trước đây tôi không mấy chú ý đến những câu chuyện của Frank về lũ cướp đường, nhưng tôi sẽ cố gắng hết sức. Tôi trả lời rằng mình là một góa phụ đến từ Oxfordshire (ở thời điểm này thì đúng là vậy), đang trên đường tới Pháp để thăm họ hàng cùng với một người hầu nam (nơi đó có vẻ đủ xa). Chúng tôi bị lũ cướp đường tấn công và người hầu của tôi nếu không bị giết thì đã bỏ chạy. Tôi phi ngựa xông thẳng vào rừng nhưng mới được một đoạn đã bị bắt. Mặc dù sau đó tôi cũng thoát khỏi tay toán cướp nhưng buộc phải bỏ lại con ngựa và toàn bộ tài sản của mình. Lúc đang lang thang trong rừng, tôi đã đụng độ Đại úy Randall và đám lính của hắn ta.

Tôi hơi ngả người ra sau, hài lòng với câu chuyện này. Đơn giản, gọn gàng, toàn bộ những chi tiết có thể kiểm tra đều hết sức chân thật. Khuôn mặt của Colum chỉ biểu lộ vẻ chăm chú lịch thiệp. Ông ta mở miệng định hỏi tôi một câu thì có tiếng sột soạt khe khẽ ở ngưỡng cửa. Một người đàn ông mà tôi đã thấy ở ngoài sân lúc tôi mới tới đang đứng đó, tay cầm một cái hộp nhỏ bằng da.

Thủ lĩnh của thị tộc MacKenzie lịch thiệp xin lỗi, quả quyết rằng ông ta sẽ trở lại ngay để tiếp tục cuộc trò chuyện vô cùng thú vị của chúng tôi, rồi ông ta lập tức rời đi, để mặc tôi ở lại ngắm nghía lũ chim một mình.

Cánh cửa vừa đóng lại sau lưng ông ta, tôi liền đi tới chỗ giá sách, lướt bàn tay dọc theo những cái bìa bằng da. Hắn phải có đến hai tá sách trên cái giá này; ở bức tường đối diện còn có nhiều hơn. Tôi vội vã lật giở những trang đầu tiên của mỗi cuốn. Vài cuốn không ghi ngày xuất bản; những cuốn có ghi thì đều thuộc năm 1720 đến 1742. Colum MacKenzie rõ ràng thích sự xa hoa, nhưng chẳng có món đồ nào trong căn phòng này chỉ ra rằng ông ta là người sưu tầm đồ cổ. Các bìa sách đều còn mới, không có lấy một vết rạn, các trang sách bên trong cũng không hề bị ố.

Chẳng còn dẫn đo gì nữa, tôi trơ tráo lục lọi cái bàn giấy bằng gỗ ô liu, tai vẫn dỏng lên nghe ngóng tiếng bước chân quay trở lại.

Tôi tìm thấy thứ mà mình đang tìm kiếm trong ngăn kéo ở giữa. Một lá thư viết dở dang, nét chữ mềm mại, khó đọc bởi thứ chính tả kỳ cục và không có dấu câu. Giấy còn mới và sạch sẽ, mực vẫn đen sì. Dù có khó đọc hay không, ngày tháng trên đầu bức thư vẫn đập vào mắt tôi như thể chúng được viết bằng lửa: 20 tháng 4 năm 1743.

Một vài phút sau, khi Colum quay lại, ông ta thấy vị khách của mình đang ngồi bên cửa sổ, hai tay nghiêm chỉnh siết chặt trên đùi. Tôi phải ngồi vì chân tôi không còn đứng vững nổi. Hai tay siết chặt để che giấu sự run rẩy đã khiến tôi khó mà nhét trả bức thư vào đúng chỗ của nó.

Ông ta mang theo khay đồ ăn nhẹ gồm bia và bánh yến mạch mới ra lò phết mật ong. Tôi nhỏ nhẹ nhấm nháp mấy thứ này; dạ dày quặn thắt dữ dội khiến tôi chẳng có cảm giác ngon miệng.

Sau lời xin lỗi ngắn gọn vì sự vắng mặt của mình, ông ta bày tỏ nỗi thương xót cho sự bất hạnh của tôi. Rồi ông ta ngả người vào lưng ghế nhìn tôi với ánh mắt xét đoán và hỏi: “Nhưng cô Beauchamp này, tại sao lúc tay chân của em trai ta tìm thấy cô, trên người cô chỉ mặc độc chiếc váy lót? Lũ cướp đường sẽ không xâm phạm thân thể cô, vì chúng ắt hẳn muốn giữ cô để đòi tiền chuộc. Và bất chấp những gì ta đã nghe về Đại úy Randall, ta sẽ lấy làm ngạc nhiên nếu nghe nói một viên sĩ quan trong quân đội Anh có cái thói cưỡng hiếp những lữ khách đi lạc.”

“Ồ?” Tôi gắt gỏng. “Chẳng cần biết ông đã nghe gì về hãn ta, nhưng tôi khẳng định với ông là hãn ta hoàn toàn có thể làm điều đó.” Tôi đã bỏ sót chi tiết trang phục của mình khi bịa ra câu chuyện ban nãy, và tự hỏi gã Murtagh đã nhìn thấy tên Đại úy và tôi vào thời điểm nào trong cuộc đụng độ của chúng tôi.

“À, thì,” Colum nói. “Cũng có thể. Gã đó khét tiếng xấu xa.”

“Cũng có thể ư?” Tôi hỏi. “Tại sao? Ông không tin những gì tôi kể với ông à?” Khuôn mặt của Lãnh chúa MacKenzie hiện lên một nét hoài nghi

nhẹ nhàng nhưng hết sức rõ ràng.

“Ta đâu có nói là ta không tin cô,” ông ta điềm đạm trả lời. “Nhưng ta sao có thể giữ cương vị thủ lĩnh của một thị tộc lớn trong hơn hai mươi năm qua nếu không học được một điều là đừng nên tin vào bất cứ câu chuyện nào mà mình được nghe chứ.”

“Chà, nếu ông không tin tôi, vậy ông nghĩ tôi là kẻ quái quỷ nào?” Tôi hỏi.

Ông ta chớp chớp mắt kinh ngạc trước lối ăn nói của tôi. Rồi khuôn mặt với những đường nét sắc cạnh dần dần trở lại.

“Điều đó,” ông ta nói, “vẫn còn phải xem xét. Trong khi chờ đợi, cô là một vị khách được hoan nghênh ở Leoch.” Ông ta giơ tay lên, lịch thiệp tỏ ý tiễn khách, và người hầu luôn túc trực gần cửa bước tới để đưa tôi quay lại phòng mình.

Colum không nói những lời tiếp theo, nhưng chúng như treo lơ lửng trong không khí đằng sau tôi khi tôi bước đi, rõ rệt như thể đã được nói ra:

“Cho đến khi ta tìm hiểu được cô thực sự là ai.”

PHẦN HAI



LÂU ĐÀI LEOCH

6

Đại sảnh của Colum

Cậu bé mà bà FitzGibbons gọi là “nhóc Alec” tới đưa tôi đi ăn tối. Bữa tối diễn ra trong một căn phòng dài và hẹp với những cái bàn kê dọc theo mỗi bức tường. Một dòng suối gia nhân bất tận đổ ra từ những cái cống tò vò ở cả hai đầu của căn phòng, mang theo nào khay, nào đĩa gỗ và bình nặng trĩu. Ánh chiều tà đầu hè rọi vào qua các ô cửa sổ hẹp và cao; bên dưới là những chiếc chân đèn có gắn đuốc, chúng sẽ được thắp lên khi ánh sáng ban ngày tắt lụi.

Khoảng tường giữa các ô cửa sổ treo đầy cờ hiệu và vải len kẻ ô, những chiếc áo choàng len và huy hiệu đủ loại tô điểm sắc sỡ cho mặt tường đá. Trái ngược với khung cảnh ấy, hầu hết mọi người đến ăn tối đều mặc đồ màu xám và nâu hoặc váy đi săn kẻ ô màu nâu nhạt và xanh lá, những tông màu dịu nhẹ phù hợp với việc ẩn nấp trong bãi thạch nam.

Tôi có thể cảm thấy những ánh mắt tò mò xoáy sâu vào lưng mình khi cậu nhóc Alec dẫn tôi về phía đầu căn phòng, nhưng hầu hết các thực khách đều lịch sự dán mắt vào đĩa của mình. Mọi người đều có vẻ tự nhiên. Họ ăn uống thoải mái, tự lấy thức ăn cho mình từ những cái đĩa lớn hoặc mang đĩa của mình tới đầu kia căn phòng, nơi có hai cậu bé đang quay một con cừu bằng xiên trong cái lò sưởi khổng lồ. Có khoảng bốn mươi người ngồi ăn và chừng mười người khác phục vụ. Không gian ồn ã tiếng nói cười, hầu hết là tiếng Gaelic.

Colum đã ngồi ở một cái bàn phía đầu phòng, đôi chân teo tóp giấu dưới lớp gỗ sồi sứt sẹo. Ông ta gật đầu lịch thiệp khi nhìn thấy tôi và vẫy tay ra hiệu cho tôi tới ngồi ở một chỗ bên trái ông ta, cạnh một người phụ nữ tóc đỏ đầy đặn và xinh đẹp mà ông ta giới thiệu là vợ ông ta, Letitia.

“Còn đây là con trai ta, Hamish,” ông ta nói, đặt tay lên vai một cậu bé tóc đỏ điển trai khoảng bảy, tám tuổi. Cậu ta chỉ rời mắt khỏi cái đĩa để gật đầu chào tôi rồi lại vội vàng cụp mắt xuống.

Tôi chăm chú nhìn cậu bé. Trông cậu ta giống hệt tất cả những người đàn ông MacKenzie khác mà tôi đã thấy, với gò má to, phẳng và đôi mắt sâu thẳm. Thực ra, ngoại trừ màu tóc khác biệt, cậu ta có thể được coi là một phiên bản thu nhỏ của ông chú Dougal, người đang ngồi bên cạnh cậu ta. Bên cạnh Dougal là hai cô con gái của ông ta, Margaret và Eleanor. Họ cười khúc khích và huých cùi chỏ vào nhau khi được giới thiệu với tôi.

Dougal khẽ nở nụ cười thân thiện trước khi giật lấy đĩa thức ăn mà một trong hai cô con gái đang thò thìa vào và đẩy về phía tôi.

“Con không có tí lịch sự nào sao, con gái?” Ông ta quở trách. “Phải nhường khách trước!”

Tôi hơi dè dặt cầm lấy cái thìa lớn bằng sừng, phần nào nhẹ nhõm khi thấy trong đĩa là món cá trích hun khói giản dị và quen thuộc.

Tôi chưa bao giờ ăn cá trích bằng thìa, nhưng quanh đây chẳng có thứ gì trông giống một cái đĩa cả, và tôi lơ mơ nhớ ra rằng phải mấy năm nữa những cái nĩa thìa³⁹¹ mới được sử dụng rộng rãi.

Nhìn sang những bàn khác, tôi thấy việc gì khó làm bằng thìa, chẳng hạn như cắt thịt và gỡ xương, thì các thực khách sẽ dùng đến con dao găm luôn mang theo bên mình. Vì không có dao, tôi quyết định phải nhai hết sức cẩn thận, rồi vươn người múc một con cá trích và thấy đôi mắt xanh sâu thẳm của cậu bé Hamish đang gườm gườm nhìn mình vẻ trách móc.

“Cô chưa cầu nguyện,” cậu bé nghiêm khắc nói, khuôn mặt nhỏ bé cau lại. Rõ ràng cậu ta coi tôi là một kẻ ngoại đạo vô liêm sỉ, thậm chí là suy đồi.

“Ờ, cháu vui lòng cầu nguyện giúp cô được không?” Tôi đánh bạo nói.

Đôi mắt màu hoa thanh cúc mở to kinh ngạc, nhưng sau một thoáng cân nhắc, cậu ta gật đầu và nghiêm túc chắp hai tay lại. Trước khi cúi đầu

xuống, cậu ta nhìn trừng trừng quanh bàn để đảm bảo rằng mọi người đều có thái độ tôn kính đúng mực. Khi đã cảm thấy vừa ý, cậu ta bắt đầu ngâm:

*“Vài người có thịt mà không thể ăn,
Vài người có thể ăn thì lại không có mà ăn.
Chúng ta có thịt, và chúng ta có thể ăn,
Vì vậy chúng ta phải cảm ơn Chúa. Amen.”*

Ngẩng lên khỏi hai bàn tay đang chắp lại để tỏ lòng kính trọng, tôi bắt gặp đôi mắt của Colum và mỉm cười, tỏ ý khen ngợi sự đĩnh đạc của con trai ông ta. Ông ta nén cười và nghiêm nghị gật đầu với cậu bé.

“Giỏi lắm, con trai. Con chuyển bánh mì cho mọi người nhé?”

Mọi người ăn uống rất nghiêm túc, không ai nói gì ngoại trừ thi thoảng có người đề nghị lấy thêm đồ ăn. Tôi không thấy ngon miệng lắm, một phần vì vẫn còn sốc về tình cảnh của mình, một phần vì tôi thực sự không thích thú gì món cá trích. Tuy nhiên, thịt cừu khá ngon, bánh mì nóng giòn và những khúc bơ nhạt to tướng thì rất tươi.

“Tôi hy vọng anh MacTavish đã khá hơn,” tôi cất tiếng trong lúc tạm nghỉ. “Lúc bước vào đây, tôi không thấy anh ấy.”

“MacTavish?” Hàng lông mày thanh mảnh bên trên đôi mắt xanh của Letitia nhướng lên. Tôi cảm thấy - hơn là nhìn thấy - Dougal ngược lên bên cạnh tôi.

“Thằng nhỏ Jamie,” ông ta nói nhanh, trước khi lại chuyển sự chú ý về miếng sườn cừu trong tay.

“Jamie? Ồ, có chuyện gì xảy ra với cậu ấy vậy?” Khuôn mặt có hai gò má đầy đặn của bà ta nhăn lại vì lo lắng.

“Chỉ xước xát tí thôi, em yêu,” Colum xoa dịu, rồi nhìn sang em trai. “Mà nó đâu nhỉ, Dougal?” Có lẽ tôi đã tưởng tượng ra đôi mắt sẫm màu ấy chứa một nét nghi ngờ.

Em trai ông ta nhún vai, mắt vẫn nhìn vào cái đĩa của mình. “Em đã sai nó tới chuồng ngựa để giúp già Alec. Rốt cuộc thì đó có vẻ là nơi tốt nhất dành cho nó.” Ông ta ngược lên để đón ánh mắt anh trai. “Hay anh có ý kiến gì khác?”

Colum có vẻ nghi ngại. “Chuồng ngựa? Ày... em tin tưởng nó đến thế ư?”

Dougal quệt tay ngang miệng và với lấy một ổ bánh mì. “Nếu anh không đồng ý với chỉ thị ấy của em thì anh cứ nói, Colum.”

Môi Colum thoáng mím lại, nhưng ông ta chỉ nói: “Không, anh cho là nơi đó phù hợp với nó,” rồi tiếp tục ăn.

Tôi thì không nghĩ chuồng ngựa là nơi thích hợp với một bệnh nhân bị đạn bắn, nhưng ngần ngại không dám đưa ra ý kiến giữa những người như thế này. Tôi quyết định sáng mai sẽ đi tìm anh chàng kia, chỉ để tự trấn an bản thân rằng anh ta đã được chăm sóc tử tế hết mức.

Tôi từ chối món tráng miệng và xin phép cáo lui, lấy cố mệt mỏi. Đó cũng không phải là một lời nói dối. Tôi bài hoải đến nỗi hầu như không chú ý khi Colum nói: “Chúc cô ngủ ngon, cô Beauchamp. Ta sẽ cử người đưa cô tới đại sảnh vào sáng mai.”

Một người hầu nhìn thấy tôi dò dẫm tìm đường dọc theo hành lang đã tốt bụng soi sáng cho tôi tới tận cửa buồng. Cô ta châm cây nến của mình vào một cây nến trên bàn tôi, ánh sáng dịu dịu lập tức hắt lên những khối đá đồ sộ của bức tường, trong một thoáng tạo cho tôi cảm giác mình như đang ở trong một hầm mộ. Nhưng khi cô ta đi khỏi, tôi liền gạt tấm rèm che cửa sổ sang một bên, không khí mát mẻ ùa vào nhanh chóng xua tan cảm giác ấy. Tôi cố gắng nghĩ về tất cả những chuyện đã xảy ra, nhưng trí óc tôi từ chối suy nghĩ đến bất cứ thứ gì ngoài việc ngủ. Tôi chui vào trong chăn, thổi tắt nến và thiếp đi khi đang ngắm nhìn vầng trăng chậm chậm nhô lên.

...

Sáng hôm sau, lại là bà FitzGibbons đồ sộ tới để đánh thức tôi dậy, mang theo bộ đồ trang điểm đầy đủ dành cho một tiểu thư người Scot quyền quý. Lược chì để làm đen lông mày và lông mi, bột rễ irit thơm và bột gạo, thậm chí cả một thỏi mà tôi cho là phấn côn^[40], dù tôi chưa bao giờ nhìn thấy nó, và một cái tách bằng sứ có nắp tinh xảo đựng phấn hồng của Pháp, chạm khắc một hàng thiên nga mạ vàng.

Bà FitzGibbons cũng mang theo một cái váy ngoài kẻ sọc màu xanh lá và cái áo chèn bằng lụa, với đôi tất bông màu vàng, để thay thế cho bộ đồ vải thô đơn giản mà tôi mặc ngày hôm qua. Cho dù ở đại sảnh diễn ra sự kiện gì thì nó cũng có vẻ là một dịp quan trọng. Thói bướng bỉnh thôi thúc tôi đòi mặc bộ đồ của mình để tới đó, nhưng nhớ tới thái độ của gã Rupert béo ị trước “chiếc váy lót” ấy, tôi lập tức nhụt chí.

Hơn nữa, tôi khá thích Colum, mặc dù dường như ông ta có ý định giữ tôi ở lại đây một thời gian. Chà, để xem nào, tôi nghĩ trong lúc đánh phấn hồng. Dougal nói chàng trai trẻ mà tôi giúp trị thương đang ở trong chuồng ngựa, không phải sao? Và chuồng ngựa thì phải có ngựa để cưỡi rồi. Tôi quyết định sẽ đi tìm Jamie MacTavish ngay khi sự kiện ở đại sảnh kết thúc.

Hóa ra đại sảnh chỉ là cái phòng ăn mà tôi đã ăn tối qua, nhưng bây giờ nó đã được biến đổi; bàn ghế được dẹp sát vào tường, cái bàn chính bị bỏ đi và thay thế bằng một cái ghế gỗ sẫm màu chắc nịch được chạm trổ và phủ tấm vải len kẻ ô vuông của thị tộc MacKenzie có màu xanh lá cây sẫm và đen đan xen với màu đỏ nhạt và trắng. Trên các bức tường trang trí những nhành nhựa ruồi và dưới sàn đá rải đầy cây cối tươi.

Đằng sau chiếc ghế trống, một chàng trai trẻ đang thổi vào túi hơi của một bộ kèn túi nhỏ, phát ra những tiếng ù ù. Gần anh ta là nhóm người mà tôi cho là đám tay chân thân tín của Colum: một gã mặt mỏng quẹt mặc quần bó sát bằng vải len sọc vuông và áo sơ mi có hoa văn hình tổ ong đang tựa vào tường; một gã hói nhỏ thó mặc áo khoác bằng gấm thêu kim tuyến xịn, rõ ràng làm công việc ghi chép vì ông ta đang ngồi ở một cái bàn nhỏ với bình mực bằng sừng, bút lông và giấy; hai gã mặc váy có thân hình

rắn chắc, nở nang mang dáng vẻ vệ sĩ; và cuối cùng là một trong những người đàn ông to lớn nhất mà tôi từng được thấy.

Tôi nhìn chăm chăm vào gã hộ pháp này với đôi chút kính sợ. Mái tóc đen bù xù lòa xòa trên trán, gần chạm vào đôi lông mày nhô cao. Tay áo hằn xấn lên, phơi bày đôi cẳng tay to lớn ẩn dưới lớp lông đen sì rậm rạp. Không giống như phần lớn những người đàn ông mà tôi đã nhìn thấy, gã khổng lồ này có vẻ không trang bị vũ khí, ngoại trừ một con dao nhỏ xíu giấu trong cặp tất. Tôi hầu như không thể nhìn ra cái cán dao ngắn và dày lấp ló trong những búi lông xoắn tít che phủ hai chân hằn bên trên đôi bít tất dài kẻ ô sặc sỡ. Vòng eo phải rộng đến cả mét của hằn đeo một cái thắt lưng da to bản, nhưng ở đó không giấu dao găm hay kiếm. Tuy to lớn là vậy nhưng người đàn ông này lại có nét mặt tử tế và hằn có vẻ đang đùa giỡn với gã mặt mỏng, kẻ trông như một con rối khi so với người bạn khổng lồ của mình.

Người thổi kèn túi bất ngờ chơi nhạc, mở màn là một tiếng rền lớn, liền sau đó là tiếng ré chói tai, cuối cùng giai điệu du dương mới cất lên.

Có khoảng ba, bốn chục người tụ tập ở đây, tất cả đều ăn mặc chần chu và chải chuốt hơn các thực khách tối qua. Các mái đầu đều quay về phía thấp hơn của đại sảnh, nơi Colum bước vào sau một thoáng dừng lại để chờ tiếng kèn trở nên hùng hồn, theo sau là em trai, Dougal.

Anh em nhà MacKenzie dĩ nhiên đều mặc lễ phục với váy màu xanh lá cây sẫm và áo khoác cắt may khéo, với Colum thì là màu lục nhạt còn với Dougal là màu nâu đỏ nhạt, cả hai đều có cái khăn choàng len vắt chéo qua ngực và cố định ở một bên vai bằng cái ghim cài đính hạt châu lớn. Mái tóc đen của Colum hôm nay để xõa ngang vai, được uốn quăn và bôi dầu cẩn thận. Tóc của Dougal thì vẫn được cột lại thành bím, gần như tiệp màu với chiếc áo khoác xa tanh màu nâu đỏ nhạt của ông ta.

Colum bước chậm chạp dọc theo đại sảnh, gật đầu và mỉm cười với những khuôn mặt ở cả hai bên. Nhìn ngang qua đại sảnh, tôi có thể thấy gần chỗ chiếc ghế của ông ta còn có một cái cổng tò vò khác. Rõ ràng ông

ta có thể vào đại sảnh bằng cái cửa đó, thay vì cái cửa mà ông ta vừa đi qua. Vậy là ông ta cố tình trưng ra đôi chân tàn tật và dáng đi cà nhắc vụng về kia khi lựa chọn quãng đường dài hơn, đồng thời cũng cố tình trưng ra sự tương phản với người em trai cao ráo, thân hình thẳng băng đang đi ngay đằng sau mình, mắt không hề nhìn trái nhìn phải cho tới khi đến chỗ cái ghế gỗ và đứng vào vị trí sát phía sau nó.

Colum ngồi xuống, đợi một lát rồi giơ tay lên. Tiếng kèn rền rĩ tắt dần, và sự kiện ở đại sảnh bắt đầu.

Rõ ràng đây là một sự kiện thường xuyên diễn ra, trong dịp này lãnh chúa của lâu đài Leoch sẽ ban phát công lý cho những người trưng đất^[41] và tá điền, lắng nghe các vụ kiện và giải quyết các tranh chấp cãi vã. Có sắp xếp thứ tự hẳn hoi; ông thư ký đầu hói đọc to những cái tên và đến lượt ai thì người đó sẽ bước lên phía trước.

Mặc dù có vài vụ được trình bày bằng tiếng Anh nhưng hầu hết các vụ kiện được xử bằng tiếng Gaelic. Tôi nhận thấy người nào người nấy đều đảo mắt và giậm chân để nhấn mạnh lời mình, vậy nên khó mà đánh giá được tính nghiêm trọng của một vụ kiện nếu chỉ nhìn vào thái độ của những người có liên quan.

Tôi vừa mới đoán định rằng người đàn ông nhếch nhác đeo cái túi to tướng bằng da của cả một con lửng ở trước váy đang tố người hàng xóm là kẻ sát nhân, đốt phá và cướp vợ thì Colum bỗng nhướng mày và nói nhanh điều gì đó bằng tiếng Gaelic, khiến cả người thừa kiện lẫn người bị kiện đều ôm bụng mà cười. Cuối cùng, người thừa kiện vừa chùi mắt vừa gật đầu và chìa tay ra với đối thủ, trong lúc viên thư ký mãi miết ghi chép, tiếng bút lông soàn soạt như tiếng chân chuột chạy.

Vụ của tôi được xếp thứ năm, một vị trí được tính toán cẩn thận để cho đám đông đang tụ họp thấy được tầm quan trọng của tôi trong lâu đài.

Vì tôi không nói được tiếng Gaelic nên vụ của tôi được xử bằng tiếng Anh.

“Cô Beauchamp, mời cô đứng ra phía trước!” Người thư ký gọi.

Bàn tay mập mạp của bà FitzGibbons đẩy tôi về đằng trước khiến tôi loạng choạng bổ nhào vào khoảng trống trước mặt Colum và lóng ngóng nhún gối cúi chào như những người phụ nữ khác mà tôi đã thấy. Đôi giày bà Fitz mang cho tôi được làm bằng da và có hình thỏ, không phân biệt chân phải chân trái, khiến tôi khó mà cử động một cách duyên dáng. Đám đông trở nên chăm chú khi Colum dành cho tôi một vinh dự, đó là ông ta đứng dậy khỏi cái ghế của mình, chìa tay ra cho tôi bám vào để khỏi ngã dập mặt.

Vừa thăm nguyên rửa đôi giày vừa đứng thẳng dậy, tôi thấy mình đang nhìn chăm chăm vào bộ ngực của Dougal. Vì là người bắt giữ tôi nên rõ ràng ông ta phải là người chính thức thỉnh cầu lãnh chúa tiếp nhận - hoặc giam cầm tôi, tùy theo cách ta muốn nhìn nhận việc này. Tôi chăm chú đợi xem hai anh em họ định giải thích về tôi như thế nào.

“Thưa ngài,” Dougal trịnh trọng cúi đầu với Colum, “chúng tôi cầu xin ngài mở lòng khoan dung với một quý cô đang cần sự giúp đỡ và một nơi nương náu an toàn. Cô Claire Beauchamp, một quý cô người Anh đến từ Oxford, đã bị lũ cướp đường tấn công và chúng đã giết hại người hầu của cô ấy hết sức dã man, vì vậy cô ấy phải chạy vào trong khu rừng thuộc lãnh địa của ngài. Ở đó, tôi và người của tôi đã phát hiện và giải cứu cô ấy. Chúng tôi thỉnh cầu ngài cho quý cô đây nương tựa ở lâu đài Leoch cho tới khi” - ông ta ngừng lại, khoe miệng nhếch lên một nụ cười nhạo báng - “những người bà con *Anh quốc* của cô ấy nhận được tin báo về nơi ở của cô ấy và sắp xếp cho cô ấy có một chuyến đi an toàn.”

Tôi không thể không nghe ra sự nhấn mạnh vào từ “Anh quốc”, và chắc chắn là bất kỳ ai trong đại sảnh cũng vậy. Vậy là tôi sẽ được chấp nhận, nhưng vẫn luôn bị ngờ vực. Nếu ông ta nói tôi là người Pháp, tôi sẽ được coi là một vị khách thân thiện hoặc cùng lắm là một kẻ xâm phạm vô hại. Việc trốn khỏi lâu đài có thể sẽ khó khăn hơn tôi nghĩ.

Colum gật đầu lịch thiệp với tôi và ngỏ ý sẽ dành cho tôi lòng hiếu khách vô tận trong tổ ấm khiêm tốn của ông ta. Tôi lại nhún gối cúi chào,

lần này khéo léo hơn một chút, và lui về vị trí của mình, theo sau là những ánh mắt tò mò nhưng ít nhiều thân thiện.

Cho tới lúc này, các vụ kiện có vẻ chỉ thu hút được sự quan tâm của các bên có liên quan. Các khán giả thì thảo tán gẫu với nhau, chờ đến lượt mình. Sự xuất hiện của tôi cũng chỉ khơi lên những tiếng lầm rầm đánh giá đầy hứng thú và tôi nghĩ cả sự tán đồng nữa.

Nhưng giờ thì cả đại sảnh xôn xao hẳn lên. Một người đàn ông lực lưỡng lôi xềnh xệch một cô gái trẻ tới khoảng trống. Trông cô ta chỉ chừng mười sáu tuổi, khuôn mặt xinh đẹp mếu máo và mái tóc dài màu vàng được cột lại bằng sợi ruy băng màu xanh. Cô ta loạng choạng ngã chúi vào khoảng trống và đứng một mình trong lúc người đàn ông đứng sau vạch tội cô ta bằng tiếng Gaelic, hai cánh tay vung vẩy thì thoảng lại chỉ vào cô ta để minh họa hoặc buộc tội. Những tiếng thì thảo nho nhỏ lan khắp đám đông.

Bà FitzGibbons đang ngự trên một cái ghế đầu vững chãi, chăm chú ghéng cổ về phía trước. Tôi rướn người và thì thầm vào tai bà: “Cô ấy đã làm cái gì vậy?”

Bà lão to béo trả lời mà không mấp máy môi hay dờn mắt khỏi diễn biến của vụ việc. “Cha con bé tố nó có hành vi không đứng đắn, qua lại bừa bãi với mấy gã trai trẻ dù ông ta đã cấm đoán,” bà FitzGibbons thì thầm, ngả cơ thể đồ sộ ra đằng sau. “Ông ta mong Lãnh chúa MacKenzie trừng phạt nó vì tội không vâng lời.”

“Trừng phạt? Bằng cách nào?” Tôi rít lên khẽ khàng nhất có thể.

“Suýt.”

Ở chỗ trung tâm, mọi sự chú ý đều đổ dồn vào Colum, Ông ta hết nhìn người cha lại quay sang nhìn cô con gái, rồi mới bắt đầu nói, lông mày cau lại, các khớp ngón tay gõ mạnh lên tay ghế, và đám đông rùng mình.

“Ông ấy đã quyết định rồi,” bà FitzGibbons thì thầm. Tuy nhiên, không cần bà phải nói thì cái quyết định của ông ta cũng đã rất rõ ràng. Gã hộ pháp cử động lần đầu tiên, thong thả cởi cái thắt lưng da. Hai gã vệ sĩ

nắm lấy hai cánh tay của cô gái đang hoảng sợ và xoay người cô ta lại để lưng cô ta hướng về phía Colum và cha cô ta. Cô gái bắt đầu gào khóc, nhưng không hề nài xin. Đám đông háo hức theo dõi như thể đang tham dự một buổi xử tử công khai hoặc xem một vụ tai nạn trên đường. Bỗng nhiên một giọng nói bằng tiếng Gaelic cất lên từ phía cuối đám đông, nghe rõ mồn một qua những tiếng sột soạt và xì xào.

Các mái đầu quay lại để tìm chủ nhân của giọng nói đó. Bà FitzGibbons nghiêng cổ, thậm chí còn đứng kiễng hân chân lên để ngó. Tôi không hiểu câu nói vừa rồi có nghĩa là gì, nhưng tôi nghĩ tôi nhận ra giọng nói trầm ấm nhưng mềm mại ấy, với điểm đặc trưng là nuốt mất các phụ âm cuối.

Đám đông rẽ ra, và Jamie MacTavish bước vào khoảng trống. Anh ta cúi đầu thành kính với Lãnh chúa MacKenzie rồi nói thêm vài câu nữa. Những gì anh ta nói có vẻ gây ra chút tranh luận giữa Colum, Dougal, người thư ký nhỏ thó và cha cô gái.

“Anh ta nói gì vậy?” Tôi thì thầm với bà Fitz. Mặc dù mặt vẫn còn hơi tái nhưng bệnh nhân của tôi trông khá hơn nhiều so với lần cuối tôi nhìn thấy anh ta. Anh ta đã kiếm được cái áo sơ mi sạch sẽ ở đâu đó; ống tay áo bên phải trống rỗng được gấp lại và nhét vào cặp váy.

Bà Fitz đang hết sức chăm chú theo dõi diễn biến của vụ việc.

“Cậu ấy đang đề nghị nhận hình phạt thay con bé,” bà lơ đãng nói, ngó qua người một khán giả trước mặt chúng tôi.

“Cái gì? Nhưng anh ta bị thương mà! Họ sẽ không để anh ta làm một việc như thế đâu!” Tôi nói khễ khàng nhất có thể qua tiếng rì rầm của đám đông.

Bà Fitz lắc đầu. “Tôi cũng không biết nữa, cô gái ạ. Hiện giờ họ đang tranh luận về chuyện này. Cô biết đấy, một người đàn ông cùng thị tộc với con bé được phép nhận hình phạt thay cho nó, nhưng cậu chàng lại không phải là người của thị tộc Mackenzie.”

“Không phải ư?” Tôi ngạc nhiên vì đã ngây thơ cho rằng toàn bộ nhóm bắt giữ tôi đều là người của lâu đài Leoch.

“Dĩ nhiên là không phải,” bà Fitz nói với vẻ mất kiên nhẫn. “Cô không nhìn thấy hoa văn trên y phục của cậu ấy à?”

Dĩ nhiên là tôi có nhìn thấy, sau khi bà đã chỉ ra. Mặc dù Jamie cũng mặc váy đi săn bằng vải len kẻ ô màu xanh lá và nâu, nhưng lại không hoàn toàn giống với màu sắc trên trang phục của những người đàn ông khác đang có mặt. Màu nâu trên váy anh ta sẫm hơn, gần như màu vỏ cây, với những đường kẻ sọc màu xanh nhạt.

Dường như ý kiến của Dougal có tính quyết định. Nhóm cố vấn tản ra và đám đông im lặng chờ đợi. Hai gã vệ sĩ thả cô gái ra, cô ta liền chạy biến vào trong đám đông, và Jamie bước tới để thế chỗ cô ta. Tôi sợ hãi nhìn hai gã vệ sĩ bước tới để nắm lấy cánh tay anh ta, nhưng anh ta nói gì đó bằng tiếng Gaelic với người đàn ông cầm thắt lưng, khiến hai gã vệ sĩ lùi lại. Ngạc nhiên thay, trên mặt anh ta thoáng hiện một nụ cười bình thản. Càng kỳ lạ hơn, gã khổng lồ cũng mỉm cười đáp lại.

“Anh ta nói gì vậy?” Tôi hỏi người phiên dịch của mình.

“Cậu ấy chọn nắm thắt lưng vì chiếc thắt lưng. Một người đàn ông có thể lựa chọn như vậy, trong khi phụ nữ thì không.”

“Nắm thắt?” Tôi không có thời gian để hỏi thêm điều gì. Gã hộ pháp lấy đà rồi giáng một cú đấm sấm sét vào bụng Jamie, khiến anh ta gập đôi người lại và thở hổn hển. Đợi anh ta đứng thẳng dậy, hấn lại sẵn tới và vùng lên tiếp một loạt cú đấm như trời giáng vào mạng sườn và cánh tay anh ta. Jamie không hề chống đỡ mà chỉ đổi chân trụ để giữ mình đứng thẳng trước sự tấn công.

Cú đấm tiếp theo nhắm vào mặt. Tôi nhắm nhó và vô thức nhắm mắt lại khi đầu Jamie bật ngửa ra sau. Gã hộ pháp ngừng lại một chút giữa các cú đấm, cẩn thận không đánh gục nạn nhân hoặc đánh quá nhiều lần vào một vị trí. Đó là cả một sự tính toán khoa học, khéo léo để chỉ gây ra những vết bầm tím chứ không làm cho đối phương bị thương tật. Một bên mắt của

Jamie sững húp lên và anh ta đang thở hỗn hển, nhưng tình trạng anh ta không quá tệ.

Tôi hồi hộp lo sợ một trong những cú đấm sẽ lại làm rách vết thương ở vai Jamie. Tấm vải băng bó vẫn ở nguyên vị trí cũ, nhưng nó sẽ không cầm cự được lâu trước trận đòn này. Chuyện này sẽ diễn ra bao lâu nữa đây? Căn phòng im lặng như tờ, chỉ có tiếng đánh đấm huỳnh huých và thi thoảng là một tiếng rên khe khẽ.

“Angus sẽ dừng lại khi nào có máu đổ.” Như thể đọc được câu hỏi không lời của tôi, bà Fitz thì thầm. “Thường là khi mũi bị gãy.”

“Thật man rợ,” tôi rít lên phẫn nộ, khiến vài người xung quanh quay sang lờm.

Dường như quyết định rằng cuộc trừng phạt diễn ra như vậy là đủ rồi, gã hộ pháp lấy đà tung một cú đấm chắc nịch khiến Jamie loạng choạng ngã khuyu xuống. Hai gã vệ sĩ vội vàng chạy tới để kéo anh ta dậy, và khi anh ta ngẩng đầu lên, tôi nhìn thấy máu trào ra từ cái miệng bầm dập của anh ta. Đám đông thở phào nhẹ nhõm, và gã hộ pháp bước lùi lại, thỏa mãn vì đã thực hiện xong nhiệm vụ.

Một gã vệ sĩ đỡ lấy cánh tay Jamie khi anh ta lắc lắc đầu để tỉnh táo lại. Cô gái đã biến mất. Jamie ngẩng đầu nhìn thẳng vào gã hộ pháp sừng sững như một tòa tháp. Ngạc nhiên thay, anh ta lại mỉm cười, cố gắng tươi tỉnh hết sức có thể. Cái môi đang chảy máu mấp máy.

“Cảm ơn,” anh ta khó nhọc nói và trịnh trọng cúi đầu với gã đàn ông to lớn trước khi quay người rời đi. Đám đông lại dồn sự chú ý vào Lãnh chúa MacKenzie và vụ kiện tiếp theo.

Nhìn Jamie rời khỏi đại sảnh bằng cánh cửa phía đối diện, cảm thấy hứng thú với anh ta hơn là các vụ kiện, tôi vội vã cáo từ bà FitzGibbons và hối hả đi theo anh ta.

Tôi tìm thấy anh ta đang tựa vào thành giếng và lấy vạt áo chấm chấm miệng trong một cái sân phụ nhỏ.

“Đây, dùng cái này đi,” tôi nói, lấy từ trong túi ra một chiếc khăn tay đưa cho anh ta.

Anh ta nhận nó với một tiếng “ừm” mà tôi đoán là lời cảm ơn. Vầng mặt trời bạc thếch đã ló ra, nhờ ánh sáng của nó mà tôi có thể nhìn kỹ chàng trai trẻ. Có vẻ như cái môi bị nứt toác và con mắt sưng húp là những vết thương nặng nhất, dù chẳng mấy chốc dọc theo hàm và cổ anh ta cũng sẽ nổi lên những vết bầm tím.

“Bên trong miệng anh có bị rách không?”

“Ừm, ừm.” Anh ta cúi lại gần và tôi kéo hàm dưới của anh ta xuống, nhẹ nhàng vén môi anh ta để kiểm tra bên trong. Có một vết rách sâu ở má trong và một vài vết rách nhỏ ở môi trong. Máu trộn lẫn nước bọt tứa ra ngoài.

“Nước,” anh ta khó nhọc nói, lau dòng máu đang chảy xuống cằm.

“Được.” May thay, trên mép giếng có một cái gàu và một cái chén bằng sành. Anh ta súc miệng và khạc nhổ vài lần rồi vã nước lên mặt.

“Sao anh lại làm thế?” Tôi tò mò hỏi.

“Làm cái gì cơ?” Anh ta nói, đứng thẳng dậy và lấy tay áo lau mặt. Rồi anh ta rón rén sờ lên cái môi nứt toác và khẽ nhăn nhó.

“Nhận hình phạt thay cho cô gái đó. Anh có biết cô ta không?” Tôi hơi ngần ngại khi hỏi câu này, nhưng thực sự muốn biết động cơ dẫn đến cử chỉ hào hiệp ban nãy.

“Tôi biết cô ấy là ai, nhưng chưa từng nói chuyện với cô ấy.”

“Vậy tại sao anh lại làm thế?”

Anh ta nhún vai rồi lập tức nhăn nhó vì cử động ấy.

“Bị đánh ở đại sảnh sẽ làm cô ấy cảm thấy nhục nhã. Với tôi thì dễ dàng hơn.”

“Dễ dàng hơn?” Tôi ngờ vực hỏi lại, nhìn vào khuôn mặt bầm giập của anh ta. Anh ta đang dè dặt thăm dò hai mạng sườn thâm tím bằng bàn

tay lành lặn, nhưng ngẩng lên và nở nụ cười nửa miệng với tôi.

“Ừ. Cô ấy còn rất trẻ. Cô ấy sẽ cảm thấy nhục nhã trước mặt tất cả những ai biết cô ấy, và sẽ mất một thời gian dài để vượt qua điều đó. Còn tôi tuy bị đau nhưng không thực sự bị tổn thương; chỉ cần một, hai ngày là tôi sẽ ổn cả thôi.”

“Nhưng tại sao lại là anh?” Tôi hỏi.

Anh ta mang vẻ mặt như thể đây là một câu hỏi kỳ quặc.

“Tại sao không thể là tôi chứ?” Anh ta nói.

Tại sao ư? Tôi muốn nói: Bởi vì anh không quen biết cô ta, cô ta chẳng là gì đối với anh cả. Bởi vì anh đã bị thương sẵn rồi. Bởi vì phải cực kỳ can đảm mới có thể đứng trước một đám đông và để cho ai đó đánh vào mặt anh, bất kể động cơ của anh là gì.

“Chà, một viên đạn hỏa mai xuyên qua cơ thang có thể được coi là một lý do chính đáng,” tôi lạnh lùng nói.

Anh ta có vẻ buồn cười, sờ ngón tay vào chỗ vừa được nói đến.

“Nó là cơ thang à? Tôi không biết nó có tên như thế đấy.”

“Ô, cháu đây rồi! Ta thấy cháu đã tìm được người chữa trị cho mình; có lẽ cháu sẽ không cần đến ta nữa.” Bà FitzGibbons lạch bạch lách người qua cái cửa hẹp dẫn vào sân, tay bê một chiếc khay đựng mấy cái lọ, một cái bát lớn và một cái khăn vải lạnh sạch.

“Tôi chưa làm gì cả ngoài việc lấy cho anh ấy một ít nước,” tôi nói. “Tôi nghĩ anh ấy bị thương không nặng lắm, nhưng tôi không biết phải làm gì ngoài việc giúp anh ấy rửa mặt.”

“Ồ, chắc chắn sẽ có việc để làm,” bà vui vẻ nói. “Để ta kiểm tra con mắt kia nào, chàng trai.”

Jamie ngoan ngoãn ngồi trên thành giếng, quay mặt về phía bà. Những ngón tay mập mập nhẹ nhàng ấn lên chỗ sưng tím, để lại những vết lõm màu trắng, rồi chúng nhanh chóng biến mất.

“Vẫn còn chảy máu ở dưới da. Lũ đĩa sẽ giúp được.” Bà nhắc cái nắp đậy trên bát ra, để lộ vài sinh vật nhỏ màu đen giống như con sên trần, dài khoảng ba, bốn centimet, được bao phủ bởi một lớp chất lỏng trong suốt. Bà nhặt hai con trong đó ra, ấn một con lên chỗ ngay bên dưới xương lông mày và con kia ngay bên dưới mắt Jamie.

“Cô thấy đấy,” bà giải thích với tôi, “một khi nó trở thành vết thâm tím thì đến đĩa cũng chẳng làm được gì. Nhưng khi nó vẫn còn sưng như thế này thì chứng tỏ máu đang chảy bên dưới da, và đĩa có thể hút máu ra.”

Tôi quan sát, thấy vừa thích thú vừa ghê tởm. “Có đau không?” Tôi hỏi Jamie. Anh ta lắc đầu, khiến cho những con đĩa nảy lên trông đến là gớm ghiếc.

“Không. Chỉ cảm thấy hơi lạnh thôi.” Bà Fitz đang mài bận rộn bên đám chai lọ.

“Rất nhiều người lạm dụng đĩa,” bà giảng giải. “Đôi khi chúng rất hữu ích, nhưng cô phải hiểu cách dùng chúng. Đối với một vết thâm tím cũ, chúng chỉ hút máu lành thôi và chẳng giúp gì được cho vết thương cả. Cô cũng phải cẩn thận chớ nên dùng quá nhiều con một lúc; chúng sẽ làm một người vốn đã rất ốm yếu hoặc bị mất máu trở nên yếu thêm.”

Tôi kính cẩn lắng nghe như nuốt lấy mọi thông tin, dù tôi thực lòng hy vọng mình sẽ không bao giờ phải dùng đến cách này.

“Nào, chàng trai, súc miệng bằng thứ này đi; nó sẽ làm sạch các vết rách và xoa dịu nỗi đau đớn. Trà làm từ vỏ cây liễu đấy,” bà quay sang giải thích với tôi, “với một ít rễ irit thơm nghiền nhỏ.” Tôi gật đầu; lơ mơ nhớ lại một bài giảng về thực vật từ lâu lắm rồi rằng vỏ cây liễu có chứa acid salicylic, một nguyên liệu rất công hiệu được dùng để bào chế thuốc giảm đau.

“Chẳng phải vỏ cây liễu sẽ làm tăng nguy cơ chảy máu sao?” Tôi hỏi. Bà Fitz gật đầu tán đồng.

“Ừ. Thi thoảng. Đó là lý do cô phải cho thêm một nắm to cây ban Âu ngâm trong giấm; nó giúp cầm máu nếu được hái lúc trăng tròn và được

nghiền nhỏ.” Jamie ngoan ngoãn súc miệng với thứ thuốc nước làm se vết thương đó, đôi mắt nhòe nước vì giấm thơm gây xót.

Những con đĩa lúc này đã no kèn, phình lên gấp bốn lần so với kích cỡ ban đầu. Làn da nhăn nheo đen kịt giờ căng ra bóng láng; trông như những viên đá tròn được mài nhẵn. Một con đột nhiên rơi xuống, nảy lên trên mặt đất ngay dưới chân tôi. Tuy có thân hình đồ sộ nhưng bà Fitz vẫn dễ dàng cúi xuống để nhặt nó lên và thả trở lại cái bát. Rồi bà khéo léo tóm lấy con đĩa còn lại, nhẹ nhàng kéo nó khiến cái đầu nó căng ra.

“Cô không nên kéo quá mạnh,” bà nói. “Đôi khi chúng vỡ tung đấy.” Tôi bất giác rùng mình trước hình ảnh đó. “Nhưng nếu chúng sắp no, đôi khi chúng sẽ rời ra dễ dàng. Nếu không, cứ để mặc chúng và chúng sẽ tự rơi xuống.” Thực tế, con đĩa rời ra dễ dàng, để lại một vết máu nơi nó đã bám vào. Tôi thấm vết thương nhỏ xíu đó bằng một góc của chiếc khăn được nhúng trong giấm. Trước sự ngạc nhiên của tôi, những con đĩa đã phát huy tác dụng; chỗ sưng đã xẹp đáng kể, và con mắt ít nhất đã mở được he hé, dù mí mắt vẫn còn húp híp. Bà Fitz kiểm tra nó kỹ lưỡng và quyết định không dùng thêm con đĩa nào nữa.

“Chắc chắn ngày mai trông cháu sẽ khủng khiếp lắm, chàng trai,” bà nói, lắc lắc đầu, “nhưng ít ra cháu có thể nhìn được bằng con mắt đó. Bây giờ cháu cần đắp lên đây một miếng thịt sống và uống chút xúp lơ trộn với bia, để củng cố tinh thần. Lát nữa cháu hãy vào bếp, ta sẽ lấy mấy thứ đó cho cháu.” Bà nhặt cái khay lên, ngừng lại trong một thoáng.

“Việc cháu làm thực sự rất tốt đẹp, chàng trai. Laoghaire là cháu gái ta, cháu biết đây; ta thay mặt nó cảm ơn cháu. Dù nó phải đích thân cảm ơn cháu mới đúng, nếu nó biết cách cư xử.” Bà vỗ vỗ má Jamie và lạch bạch rời đi.

Tôi kiểm tra anh ta thật cẩn thận; phương pháp điều trị cổ xưa có hiệu quả đến đáng kinh ngạc. Con mắt vẫn còn hơi sưng, nhưng chỉ bị tím một chút, và vết rách ở môi giờ đã sạch sẽ, không còn lấm máu, chỉ hơi sẫm hơn vùng mô xung quanh.

“Anh cảm thấy thế nào?” Tôi hỏi.

“Ồn.” Hần là tôi đã tỏ vẻ ngờ vực, bởi vì anh ta mỉm cười, nhưng nụ cười vẫn khá gượng gạo. “Chỉ là những vết bầm tím thôi mà. Có vẻ như tôi sẽ phải cảm ơn cô lần nữa; chỉ trong ba ngày mà cô đã chữa trị cho tôi ba lần rồi. Cô sẽ nghĩ tôi khá là vụng về.”

Tôi chạm vào một vết bầm trên hàm anh ta. “Không phải là vụng về. Là hơi liều lĩnh mới đúng.” Mắt tôi chợt bắt gặp một bóng người mặc đồ màu vàng và xanh nước biển ở lối vào. Cô gái có tên Laoghaire bẽn lẽn chùn lại, nhìn tôi.

“Tôi nghĩ có người muốn nói chuyện riêng với anh,” tôi nói. “Tôi đi đây. Ngày mai anh có thể tháo lớp băng trên vai. Khi đó tôi sẽ đến tìm anh.”

“Ừ. Cảm ơn cô lần nữa nhé!” Anh ta khẽ siết tay tôi để tạm biệt. Tôi đi ra, tò mò nhìn cô gái. Khi nhìn gần, trông cô ta còn xinh đẹp hơn với đôi mắt màu xanh nhạt và làn da trắng hồng. Cô ta đỏ bừng mặt khi nhìn Jamie. Tôi rời khỏi sân, tự hỏi liệu hành động hào hiệp của anh ta có phải là vì sự tốt bụng như tôi đã tưởng không.

...

Sáng hôm sau, tôi bị đánh thức vào lúc tảng sáng bởi tiếng chim hót líu lo ở bên ngoài và tiếng người cười nói đi lại ở bên trong. Sau khi mặc xong váy áo, tôi mò mẫm qua những hành lang giá lạnh để tới đại sảnh. Nó đã được khôi phục nguyên dạng là một phòng ăn, những tô cháo khổng lồ đang được đem đến cùng với những cái bánh mì bấp nướng vì được nướng trên lò sưởi và rắc mật đường. Mùi thức ăn nóng hổi tỏa ra ngào ngạt. Tuy vẫn còn hoang mang và bối rối nhưng bữa sáng nóng sốt đã vực dậy tinh thần tôi, khiến tôi muốn khám phá đôi chút.

Tìm thấy bà FitzGibbons đang nhúng tay đến tận khuỷu trong chậu bột, tôi thông báo rằng mình muốn tìm Jamie để tháo băng cho anh ta và

kiểm tra xem vết thương do đạn bắn đã lành lặn chưa. Bà liền vẫy bàn tay to lớn lấm bột trắng toát để gọi một cậu bé chạy việc vặt.

“Nhóc Alec, con chạy đi tìm Jamie, người huấn luyện ngựa mới và bảo cậu ta quay lại đây cùng con để kiểm tra cái vai nhé! Chúng ta sẽ ở trong vườn thảo mộc.”

Sau tiếng búng tay đánh gọn của bà, cậu bé liền hăng hái chạy vụt đi tìm bệnh nhân của tôi.

Chuyển chỗ bột nhào cho một cô hầu gái, bà Fitz rửa tay và quay sang tôi.

“Phải mất một lúc nữa bọn họ mới quay lại. Cô có thích xem vườn thảo mộc không? Có vẻ như cô có chút kiến thức về các loài thực vật, nếu muốn, cô có thể giúp việc ở đó vào những lúc rỗi rãi.”

Vườn thảo mộc là một kho dược liệu và hương liệu giá trị nằm nép mình trong một mảnh sân, đủ rộng để đón nhận ánh mặt trời nhưng vẫn khuất mình khỏi những cơn gió xuân, với một nguồn nước riêng. Những bụi hương thảo tạo thành đường biên ở phía tây của khu vườn, ở phía nam là cúc La Mã, ở phía bắc thì là một luống rau dền, và bức tường của lâu đài tạo nên đường biên phía đông, che chắn cho mảnh vườn khỏi những cơn gió thường xuyên thổi đến. Tôi nhận ra ngay những chiếc lá nhọn màu xanh của loài hoa nghệ tây nở muộn và những chiếc lá me đất Pháp mềm mại nhô lên trên mặt đất tối sẫm. Bà Fitz chỉ cho tôi thấy cây ma địa hoàng, rau sam và hoắc hương, cùng với một số loài mà tôi không nhận ra.

Cuối mùa xuân là thời điểm gieo trồng. Chiếc giỏ trên cánh tay bà Fitz đựng vô khối nhánh tỏi, nguồn giống của vụ hè. Bà đưa cho tôi cái giỏ cùng với một cái que đào để trồng tỏi. Rõ ràng tôi đã ăn không ngồi rồi ở tòa lâu đài này quá lâu rồi; trước khi Colum bố trí cho tôi công việc gì đó, bà Fitz luôn có thể tìm ra một việc để giao cho bàn tay nhàn rỗi của tôi.

“Đây, cưng à. Cô hãy trồng chúng dọc theo mép phía nam, giữa đám cỏ xạ hương và ma địa hoàng.” Bà chỉ cho tôi cách tách củ tỏi thành từng tép riêng biệt mà không phải bóc lớp vỏ dai của chúng, rồi đến cách trồng

chúng. Việc này khá đơn giản, chỉ cần cắm từng nhánh tỏi xuống đất, phần gốc hướng xuống dưới, vùi sâu khoảng bốn phân. Bà đứng dậy, phủ bụi trên những lớp váy lưng nhùng.

“Giữ lại một vài củ,” bà khuyên tôi. “Tách chúng ra và trồng rải rác từng tép tỏi ở chỗ này chỗ kia xung quanh vườn. Tỏi giúp ngăn đám sâu bọ mon men tới những loài cây khác. Hành và củ thi cũng có tác dụng tương tự. Và hãy cấu những ngọn cúc vạn thọ đã héo, nhưng cần giữ chúng lại, chúng có ích đấy.”

Vô số bông cúc vạn thọ màu vàng kim bung nở khắp vườn. Đúng lúc đó, cậu bé mà bà Fitz sai đi kiếm Jamie chạy tới, thở hồng hộc. Cậu ta thông báo rằng bệnh nhân của tôi không chịu rời bỏ công việc.

“Anh ấy nói là,” cậu bé hỗn hển, “anh ấy không bị thương nặng đến nỗi cần phải chăm sóc, nhưng cảm ơn cô vì đã quan tâm.”

Bà Fitz nhún vai trước thông tin khiến người ta không yên tâm này.

“Chà, nếu cậu ta nói là không đến thì cậu ta nhất định sẽ không đến đâu. Nhưng nếu muốn, cô có thể tới bãi giữ ngựa vào lúc gần trưa. Cậu ta có thể không nghỉ tay để chăm sóc vết thương nhưng cậu ta vẫn cần phải ăn uống, tôi còn lạ gì các cậu trai trẻ nữa. Cậu nhóc Alec đây sẽ quay lại đón cô vào buổi trưa và dẫn cô tới bãi giữ ngựa.” Để mặc tôi trông nốt chỗ tỏi còn lại, bà Fitz lướt đi như một con thuyền buồm lớn, còn cậu Alec thì nhảy chân sáo chạy theo sau.

Tôi vui vẻ làm việc suốt buổi sáng, trồng tỏi, cấu những bông hoa héo, nhổ cỏ dại và dẫn thân vào cuộc chiến không bao giờ kết thúc giữa người làm vườn với ốc sên, sên trần và những loài gây hại tương tự. Tuy nhiên, cuộc chiến ở đây được tiến hành bằng tay không, chẳng hề có sự trợ giúp của những chất hóa học diệt trừ sâu bọ. Tôi quá mải mê với công việc của mình đến nỗi không nhận thấy Alec đã trở lại cho đến khi cậu ta lịch sự hăng giọng để thu hút sự chú ý của tôi. Vốn là người kiêu lời, chỉ đợi tôi đứng dậy và phủ bụi ở váy là cậu ta lập tức chạy biến qua cổng.

Bãi giữ ngựa mà cậu ta dẫn tôi đến nằm trên một đồng cỏ cách chuồng ngựa không xa. Trên đồng cỏ gần đó có ba con ngựa non đang vui đùa. Một con ngựa cái non màu nâu đỏ trông có vẻ sạch sẽ được cột vào hàng rào của bãi, trên lưng vắt một cái chăn nhẹ.

Jamie đang rón rén đi dọc theo thân mình con ngựa. Nó theo dõi sự tiếp cận của anh ta với vẻ nghi ngờ cảnh giác. Anh ta nhẹ nhàng đặt cánh tay lành lặn lên lưng nó, rủ rỉ trò chuyện, sẵn sàng lùi lại nếu con ngựa tỏ vẻ khó chịu. Nó đảo mắt và phì mũi nhưng không cử động. Jamie vừa tiếp tục thì thầm với con ngựa vừa chậm chậm vươn người qua tấm chăn, định leo lên lưng nó. Nó hơi chồm lên và dẫn bước nhưng anh ta vẫn kiên trì, chỉ hơi cao giọng một chút.

Đúng lúc đó, con ngựa quay đầu, nhìn thấy tôi và cậu bé đang tiến đến. Người thấy mùi đe dọa, nó chồm lên, hí vang và xoay người để đối mặt với chúng tôi, ép Jamie vào hàng rào. Vừa thở phì phì vừa lồng lên, con ngựa đá hậu loạn xạ và cố gắng giằng khỏi cái dây đang buộc nó. Jamie lăn người bên dưới hàng rào, tránh xa những cú đá. Anh ta đứng dậy với vẻ đau đớn, chửi thề bằng tiếng Gaelic và quay lại để xem thứ gì đã gây ra thất bại của anh ta.

Khi nhìn thấy ai đang đến, vẻ giận dữ trên mặt anh ta lập tức biến thành vẻ chào đón lịch sự, dù tôi đoán là sự xuất hiện không đúng lúc của chúng tôi vẫn không được hoan nghênh. Bà Fitz quả thực hiểu các chàng trai trẻ. Gió đờ ăn trưa được bà chu đáo chuẩn bị đã có tác dụng rất lớn trong việc khôi phục lại tâm trạng của anh ta.

“A, yên nào, đồ tiểu yêu đáng nguyên rủa,” anh ta quát mắng con ngựa vẫn đang phì phì và lồng lộn với cái dây buộc. Sau khi tạm biệt cậu bé Alec với một cái tát yêu, anh ta nhặt lấy cái chăn bị rơi của con ngựa, giữ bụi rồi hào hiệp trải nó ra cho tôi ngồi.

Tôi khéo léo tránh nhắc đến sự việc rủi ro vừa xảy ra, thay vào đó tôi rót bia và mời anh ta ăn bánh mì và pho mát.

Nhìn anh ta mãi miết ăn, tôi bèn nhớ đến sự vắng mặt của anh ta ở phòng ăn hai đêm trước.

“Ngủ suốt,” anh ta nói khi tôi hỏi anh ta đã ở đâu. “Tôi lên giường ngay sau khi chia tay cô và ngủ một mạch đến tận sáng sớm hôm qua. Sau phiên tòa ở đại sảnh, tôi làm việc một chút rồi ngồi nghỉ trên một kiện cỏ khô để đợi đến bữa tối.” Anh ta cười. “Thế rồi sáng nay tỉnh giấc, tôi thấy mình vẫn ngồi nguyên đó, với một con ngựa đang gặm nhẹ tai tôi.”

Tôi nghĩ việc nghỉ ngơi đã có tác dụng tốt đối với anh ta; những vết thâm tím từ trận đòn hôm qua đã tối sẫm lại, nhưng làn da quanh chúng có màu sắc khỏe khoắn, và chắc chắn anh ta ăn uống rất ngon miệng.

Anh ta ngốn sạch phần còn lại của bữa ăn, chấm chấm những mẩu vụn rơi trên áo bằng đầu ngón tay được thấm ướt và cho tọt chúng vào mồm.

“Anh háu ăn thật đây,” tôi nói, cười to. “Tôi nghĩ anh sẽ ăn cả cỏ nếu chẳng còn cái gì khác.”

“Tôi đã ăn cỏ rồi đây chứ,” anh ta nói, hoàn toàn nghiêm túc. “Nó có vị không tệ, nhưng không làm no bụng được.”

Tôi kinh ngạc, rồi nghĩ hẳn là anh ta đang trêu tôi. “Khi nào vậy?” Tôi hỏi.

“Mùa đông năm kia. Lúc ấy cuộc sống của tôi khá khó khăn, tôi sống chui sống lủi ở trong rừng với... với một nhóm thanh niên, chuyên cướp bóc ở vùng biên giới. Chúng tôi đã không gặp may trong hơn một tuần và chẳng còn gì để ăn. Thi thoảng chúng tôi xin được chút cháo yến mạch của một chủ trại nhỏ nào đó, nhưng họ cũng nghèo đến nỗi hiếm khi có thứ gì thừa. Họ sẽ luôn tìm thấy thứ gì đó để cho một người lạ, nhưng hai mươi người thì hơi nhiều, cho dù người cao nguyên có hiếu khách thế nào.”

Anh ta đột nhiên cười toe. “Cô đã nghe nói - ờ, không, sao cô nghe thấy nó được chứ! Tôi đang định hỏi cô đã nghe nói về câu kinh họ nguyện trong các trại nhỏ chưa?”

“Chưa. Nó như thế nào?”

Anh ta lắc lắc để hất phần tóc mái ra khỏi mắt và ngâm nga.

“Lanh canh, lanh canh, chuyển thức ăn quanh bàn,

Hãy ăn hết sức vào.

Ăn nhiều vào, pooch nane^[42],

Lanh canh, lanh canh, Amen.”

“*Pooch nane* là gì?” Tôi hỏi. Anh ta vỗ vỗ cái túi to đeo trên thắt lưng.

“Cho thức ăn vào bụng chứ đừng cho vào túi của bạn,” anh ta giải thích.

Anh ta vươn tay với lấy một ngọn cỏ lưỡi dài, tuốt nó ra khỏi vỏ, rồi lăn chậm chậm giữa hai lòng bàn tay, khiến cho những hạt cỏ mềm bay ra.

“Bấy giờ là cuối mùa đông, cũng may trời không lạnh lắm, nếu không chúng tôi sẽ không chống chọi được. Thường thì chúng tôi hay bầy được thỏ - thi thoảng ăn sống nếu không dám nhóm lửa - và đôi khi là hươu nai, nhưng lúc đó, quãng thời gian mà tôi đang nói đến ấy, đã nhiều ngày trời chúng tôi chẳng săn được con thú nào.”

Hàm răng trắng vuông vẫn cắn vào cọng cỏ. Tôi cũng nhổ một cọng và nhắm nhắm phần đuôi. Nó giòn ngọt chua chua, nhưng chỉ có khoảng hai, ba phân của cọng cỏ là đủ mềm để ăn được; hầu như chẳng có chất dinh dưỡng gì.

Ném cọng cỏ đã ăn được một nửa đi, Jamie nhổ một cọng khác và tiếp tục kể chuyện.

“Mấy hôm trước đó, tuyết rơi nhẹ; khắp nơi toàn là bùn, nhưng bên dưới những rặng cây chỉ có một lớp tuyết mỏng. Tôi đang tìm kiếm *fungas*^[43] - cô biết đấy, đó là những thứ màu cam to tướng thi thoảng mọc ở phía dưới những thân cây - và giẫm tuyết để bước vào một khoảnh cỏ mọc ở khoảng đất trống giữa các gốc cây; chắc là đôi khi có ít nắng chiếu vào đó. Thường thì lũ hươu vẫn tìm đến những khoảnh cỏ như vậy. Chúng đạp tuyết đi và ăn đến tận rễ cỏ. Có điều chúng chưa tìm thấy khoảnh cỏ này, và

tôi nghĩ nếu chúng tồn tại được qua mùa đông theo cách ấy, tại sao tôi lại không chứ? Tôi đói đến nỗi nếu không cần ủng để đi thì tôi sẵn sàng luộc lên để ăn, vì vậy tôi quyết định ăn cỏ, đến tận rễ, giống như lũ hươu.”

“Lúc ấy đã bao lâu anh không được ăn gì rồi?” Tôi hỏi, vừa thích thú vừa kinh hoàng.

“Ba ngày không có gì bỏ bụng; một tuần chỉ ăn *drammach*^[44] -một nắm yến mạch và một ít sữa. Ấy,” anh ta nói, trầm ngâm nhìn cọng cỏ trong tay mình, “cỏ mùa đông thì dai và chua - không giống như thế này đâu - nhưng tôi không bận tâm lắm.” Anh ta đột nhiên nhe răng cười.

“Tôi cũng không để ý là loài hươu có tới bốn túi dạ dày, trong khi tôi thì chỉ có một. Vì thế tôi bị đau bụng và đầy hơi suốt mấy ngày. Sau đó, một trong những người đàn ông lớn tuổi hơn nói với tôi rằng nếu ta định ăn cỏ, ta phải luộc nó trước, nhưng bây giờ tôi chẳng biết điều đó. Cũng chẳng quan trọng; lúc ấy tôi đói đến nỗi chẳng thể chờ đợi được.” Anh ta lồm cồm đứng dậy, cúi xuống để chìa tay ra kéo tôi dậy.

“Tôi phải làm việc tiếp đây. Cảm ơn cô vì đã mang thức ăn tới cho tôi.” Anh ta đưa cho tôi cái giỏ và đi về phía chuồng ngựa, ánh mặt trời lấp lánh trên mái tóc như thể đang chiếu lên một đồng đồng xu bằng vàng hoặc đồng.

Tôi chậm rãi đi về lâu đài, nghĩ về những người đàn ông sống trong bùn lạnh và ăn cỏ. Mãi tới lúc đi đến cái sân trong tôi mới nhớ ra mình đã quên bém cái vai của anh ta.

Căn phòng của Davie Bealon

Lúc quay lại lâu đài, tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy một chiến binh mặc váy đang đợi tôi ở gần cổng. Anh ta nói với tôi rằng Lãnh chúa muốn tôi đến phòng của ông ta.

Những ô cửa sổ dài trong thánh địa riêng tư của Lãnh chúa đang mở, gió xào xạc lùa qua những nhánh cây trong lồng chim, tạo cảm giác như đang ở ngoài trời.

Khi tôi bước vào, Lãnh chúa đang ngồi ở bàn viết gì đó, nhưng ông ta dừng lại ngay và đứng dậy đón tôi. Sau vài lời hỏi thăm sức khỏe, ông ta dẫn tôi tới chỗ lồng chim ở sát tường. Tôi say mê ngắm nhìn các “cư dân” nhỏ xíu kêu chiêm chiếp và nhảy lóc chóc qua các tán lá, thích thú trước cơn gió ulla đến.

“Cả Dougal và bà Fitz đều nói cô có tài trị thương,” Colum nói, thò ngón tay qua mắt lưới của cái lồng. Rõ ràng đã quá quen với cử chỉ này, một con chim sè đất nhỏ màu xám sà xuống và hạ cánh gọn ghẽ, những cái móng nhỏ xíu quắp lấy ngón tay ông ta và đôi cánh khẽ sải ra để giữ thăng bằng. Ông ta nhẹ nhàng vuốt ve đầu nó bằng ngón trỏ chai sần của bàn tay kia. Tôi nhìn lớp da dày quanh móng tay và lấy làm kinh ngạc; ông ta không thể là người lao động chân tay nhiều được.

Tôi nhún vai. “Cũng chẳng cần tài cán gì lắm mới bằng bó được một vết thương nông.”

Ông ta mỉm cười. “Có thể, nhưng cũng cần một chút kỹ năng để làm việc đó trong màn đêm đen như mực bên vệ đường, đúng không? Và bà

Fitz nói cô đã bó những ngón tay gãy cho một cậu bé phụ việc và băng bó cánh tay bị bỏng của một cô hầu bếp vào sáng nay.”

“Mấy việc đó cũng không quá khó,” tôi đáp, tự hỏi ông ta đang định dẫn dắt đến điều gì. Ông ta ra hiệu cho một người hầu cận và người này nhanh chóng đi lấy một cái bát nhỏ từ trong ngăn kéo bàn giấy. Colum mở nắp ra, vốc một nắm hạt thóc và rắc qua mắt lưới của cái lồng. Những con chim nhỏ xíu nhảy xuống từ những nhánh cây giống như vô số quả bóng cricket nảy lên trên đường ném bóng, và con chim sẽ đất bay xuống để nhập bọn với các bạn của nó.

“Cô không liên quan gì đến thị tộc Beaton đấy chứ?” Ông ta hỏi. Tôi nhớ bà FitzGibbons đã hỏi tôi lúc chúng tôi mới gặp lần đầu: “*Ra cô là thầy pháp à? Một người Beaton?*”

“Không. Thị tộc Beaton thì có liên quan gì đến việc chữa bệnh chứ?”

Colum kinh ngạc nhìn tôi. “Cô chưa từng nghe nói tới họ à? Thị tộc Beaton nổi tiếng khắp vùng cao nguyên này mà. Nhiều người trong số họ là thầy lang dạo. Thực ra từng có một thầy lang người Beaton ở đây trong một thời gian.”

“Từng có một thầy lang người Beaton ở đây ư? Chuyện gì đã xảy ra với ông ta vậy?” Tôi hỏi.

“Ông ta chết rồi,” Colum thản nhiên đáp. “Bị sốt và chết trong vòng một tuần. Từ đó chúng tôi không có thầy thuốc nào cả, trừ bà Fitz.”

“Bà ấy có vẻ rất giỏi,” tôi nói, nghĩ về phương pháp điều trị hiệu quả của bà đối với những vết thương của anh chàng Jamie. Nghĩ đến đây, tôi bỗng nhớ đến nguyên nhân gây ra chúng và cảm thấy trong lòng dâng lên một làn sóng căm phẫn đối với Colum. Căm phẫn, và cả thận trọng nữa. Tôi tự nhắc nhở mình rằng người đàn ông này là luật pháp, bồi thẩm và quan tòa đối với những người trong lãnh địa của ông ta - và rõ ràng đã quen với việc muốn gì được nấy.

Ông ta gạt đầu, vẫn chú tâm vào lũ chim. Ông ta rắc nốt chỗ thóc còn lại, ưu ái dành năm thóc cuối cùng cho một con chim chích màu xanh xám

đến muộn.

“Ồ, đúng vậy. Bà ấy rất mát tay, nhưng bà ấy có quá nhiều việc phải lo rồi, vì phải trông nom cả lâu đài và mọi người trong đó - bao gồm cả ta,” ông ta nói, chột nở một nụ cười duyên dáng.

“Ta đang nghĩ,” ông ta nói, khi tôi mỉm cười đáp lễ, “vì hiện giờ cô không có việc gì để làm, sao cô không đến xem xét những thứ Davie Beaton để lại? Cô có thể biết cách sử dụng một vài loại thuốc của ông ta cũng chưa biết chừng.”

“Ồ... cũng được. Tại sao lại không nhỉ?” Thực ra, tôi bắt đầu thấy hơi chán khi chỉ quanh đi quẩn lại giữa khu vườn, kho thực phẩm và bếp. Tôi tò mò muốn thấy những vật dụng mà ông Beaton quá cố đã coi là hữu ích.

“Angus hoặc tôi có thể dẫn quý cô đây xuống đó, thưa ngài,” người hầu kính cẩn đề nghị.

“Đừng bận tâm, John,” Colum nói, lịch sự ra hiệu cho người đàn ông đó lui ra. “Ta sẽ đích thân dẫn quý cô Beauchamp đi.”

Ông ta bước xuống cầu thang một cách chậm chạp và đau đớn, nhưng rõ ràng ông ta không muốn được giúp đỡ nên tôi cũng chẳng dám tự tiện.

Phòng khám bệnh của ông Beaton quá cố nằm ở một góc xa xôi hẻo lánh của lâu đài, ẩn mình đằng sau khu bếp. Nó nằm gần nghĩa địa, nơi người chủ quá cố của nó đang yên nghỉ. Vì kề sát bức tường bao bên ngoài của lâu đài nên căn phòng tối và hẹp chỉ có một ô cửa sổ bé xíu ở tít trên cao, chỉ đủ cho một vạt nắng xuyên qua, ngăn cách bóng tối của cái trần uồn vòm cao vút với sự âm u của sàn nhà bên dưới.

Nhòm qua người Colum vào các góc ngách của căn phòng âm đạm, tôi nhìn thấy một cái tủ cao với hàng tá ngăn kéo nhỏ được dán nhãn bằng thứ chữ viết bay bướm. Vô số bình, hộp và lọ đủ hình dạng và kích cỡ được sắp xếp gọn gàng trên những cái giá phía trên một cái quầy. Nhìn những vết ố và một cái cối cối bần nằm chỏng chơ ở trên quầy, có thể thấy rõ đây là nơi ông Beaton quá cố dùng để làm chỗ pha trộn các loại thuốc.

Colum đi vào phòng trước tôi. Bước chân của ông ta làm khuấy động những hạt bụi sáng lấp lánh, khiến chúng cuộn lên trong vạt nắng như bụi bốc lên từ một ngôi mộ bị phá. Ông ta đứng lại một thoáng, để cho hai mắt quen với bóng tối lơ mờ, rồi chậm chậm tiến về phía trước, nhìn ngó hết bên này đến bên kia. Có lẽ đây là lần đầu tiên ông ta vào căn phòng này.

Nhìn ông ta tập tễnh bước đi ngang qua căn phòng hẹp, tôi nói: “Ông biết không, mát xa có thể giúp ích đôi chút. Ý tôi là, nó có thể giúp ông bớt đau đớn.” Một tia sáng lóe lên trong đôi mắt màu xám khiến tôi ước rằng mình đã không nói gì, nhưng tia sáng biến mất gần như ngay lập tức và được thay thế bằng vẻ chăm chú lịch sự thường thấy.

“Cần phải xoa bóp mạnh,” tôi nói, “đặc biệt là ở phần thắt lưng.”

“Ta biết,” ông ta nói. “Angus Mhor^[45] vẫn xoa bóp cho ta vào ban đêm.” Ông ta ngừng lại, mân mê một cái lọ. “Có vẻ như cô thực sự hiểu biết đôi chút về y thuật.”

“Một chút thôi.” Tôi thận trọng, hy vọng ông ta không có ý định thử tài tôi bằng cách hỏi xem những loại thuốc này được dùng để chữa bệnh gì. Trên cái lọ mà ông ta đang cầm có dán nhãn *PURLES OVIS*. Ai mà đoán được đó là cái gì chứ! May thay, ông ta đặt cái lọ xuống trở lại và rón rén quệt ngón tay vào lớp bụi trên một cái rương lớn gần tường.

“Cũng đã lâu không có ai ở trong này rồi,” ông ta nói. “Ta sẽ bảo bà Fitz sai người tới lau dọn một chút, có nên chăng?”

Tôi mở một cái cửa tủ và ho khù khụ trước đám mây bụi bay ra từ đó. “Có lẽ ông nên làm vậy,” tôi đồng ý. Ở ngăn tủ phía dưới có một cuốn sách to tướng được đóng bằng da màu xanh nước biển. Tôi nhấc nó lên, phát hiện ra bên dưới còn có một cuốn sách nhỏ hơn được đóng bằng vải đen rẻ tiền, đã bị sờn mòn ở các mép.

Hóa ra cuốn sách thứ hai này là nhật ký của Beaton, trong đó ông ta ghi lại tên của các bệnh nhân, những chi tiết về bệnh tật của họ và tiến trình điều trị. Quả là một người đàn ông cẩn thận, tôi thầm tán thưởng. Một bài viết có ghi: “*Mồng 2 tháng 2 năm 1741 sau Công nguyên. Sarah Graham*

MacKenzie bị thương ở ngón tay cái vì bị mép của guồng quay sợi cửa phải. Đã sơ cứu bằng bạc hà hăng luộc, sau đó là một loại thuốc đắp gồm các thành phần: cỏ thi, ban Âu, slater nghiền nhỏ và tai chuột, được trộn lẫn với đất sét mịn. Slater? Tai chuột? Chắc chắn đó là mấy loại thảo mộc trên những cái giá kia.

“Ngón tay cái của Sarah MacKenzie có lành lại không?” Tôi gấp sách lại, hỏi Colum.

“Sarah ư? À,” ông ta trầm ngâm nói. “Không, ta nghĩ là không.”

“Thật ư? Sao lại thế được?” Tôi hỏi. “Có lẽ lát nữa tôi sẽ xem lại vết thương cho cô ấy.”

Ông ta lắc đầu, dường như đôi môi cong đầy đặn của ông ta khẽ nhếch lên thích thú.

“Tại sao lại không được?” Tôi hỏi. “Cô ấy đã rời khỏi lâu đài rồi à?”

“Cô có thể nói như vậy,” ông ta đáp. Sự thích thú giờ đã hiển hiện rõ ràng. “Cô ấy chết rồi.”

Tôi nhìn ông ta chăm chăm khi ông ta chậm chạp lê bước trên sàn đá bụi bặm để đi về phía cửa.

“Hy vọng cô sẽ làm tốt hơn Davie Beaton quá cố cô Beauchamp,” ông ta nói, dừng bước ở cửa và quay người lại, nhìn tôi với vẻ nhạo báng. Chùm nắng rọi vào ông ta như đèn chiếu điểm.

“Cô không thể làm tệ hơn,” ông ta nói và biến mất vào trong bóng tối.

...

Tôi đi đi lại lại khắp căn phòng nhỏ hẹp, xem xét tất cả mọi thứ. Có vẻ như phần lớn đều là rác rưởi, chỉ có vài món hữu ích tận dụng được. Tôi mở một ngăn kéo nhỏ xíu trong cái tủ của người thầy thuốc quá cố, làm bốc lên mùi long não. Chà, *thứ đó* hữu ích đấy! Tôi lại đẩy ngăn kéo vào và chùi những ngón tay bụi bặm lên váy. Có lẽ tôi nên đợi những cô hầu gái

vui vẻ của bà Fitz lau dọn sạch sẽ nơi này rồi mới tiếp tục cuộc điều tra của mình.

Tôi nhòm ra hành lang, vắng tanh. Cũng chẳng có tiếng động nào. Nhưng tôi không ngây thơ đến mức cho rằng không có ai ở gần đây. Chẳng biết là do mệnh lệnh hay vì sự tế nhị, họ làm chuyện này khá kín đáo, nhưng tôi biết mình đang bị theo dõi. Khi tôi đi vào vườn, luôn có ai đó đi cùng tôi. Khi tôi leo cầu thang về phòng mình, tôi sẽ thấy ai đó vô tình liếc lên từ chân cầu thang để xem tôi rẽ sang hướng nào. Và ngay từ lúc chúng tôi cười ngửa vào lâu đài, tôi đã để ý thấy các lính canh có trang bị vũ khí núp bên dưới mái đua để tránh mưa. Không, ngay cả việc bước chân ra khỏi đây tôi còn chẳng được phép, nói gì đến việc được cung cấp phương tiện để rời đi.

Tôi thở dài. Ít nhất lúc này tôi chỉ có một mình. Và tôi đang cần sự riêng tư hơn bao giờ hết, dù chỉ trong một thời gian ngắn.

Tôi đã liên tục cố gắng nghĩ về mọi thứ xảy ra với mình từ lúc bước qua khe nứt của cột đá, nhưng mọi chuyện ở nơi này diễn biến quá nhanh khiến tôi khó lòng có được một giây phút cho riêng mình trừ những lúc ngủ.

Nhưng rõ ràng bây giờ tôi đã có. Tôi kéo cái rương bụi bặm ra khỏi tường và ngồi xuống, dựa lưng vào những khối đá. Chúng rất rắn chắc. Tôi áp lòng bàn tay vào chúng, nghĩ về vòng tròn đá, cố gắng nhớ lại từng chi tiết nhỏ của sự việc đã xảy ra.

Điều cuối cùng tôi còn nhớ được là tiếng gào rít của những cột đá. Nhưng ngay cả điều đó cũng khiến tôi nghi ngờ. Tiếng gào rít kéo dài suốt quá trình đó. Có lẽ nó không phải phát ra từ những cột đá, mà là từ... bất cứ thứ gì... mà tôi đã bước vào. Phải chăng những cột đá là một loại cánh cửa? Và nó dẫn vào cái gì? Chẳng có từ ngữ nào để gọi thứ đó cả. Một lỗ hổng thời gian chẳng, vì rõ ràng lúc *bấy giờ* tôi đã ở đó, còn *bây giờ* tôi lại ở đây, và những cột đá là mối liên hệ duy nhất.

Lại còn những tiếng động nữa. Chúng vang lên khắp nơi, giờ đây khi nghĩ lại, tôi thấy chúng rất giống tiếng đánh trận. Bệnh viện dã chiến nơi tôi công tác từng bị nã pháo ba lần. Cho dù biết rằng những bức tường mỏng manh của các công trình tạm thời không thể bảo vệ được chúng tôi, nhưng các bác sĩ, y tá và hộ lý đều lao vào trong nhà ngay từ tiếng còi báo động đầu tiên, tùm tùm lại một chỗ để tiếp thêm can đảm cho nhau. Can đảm là thứ rất hiếm hoi khi những viên đạn súng cối gào rít trên đầu và những quả bom nổ ngay bên cạnh. Và nỗi sợ hãi của tôi lúc đó là thứ gần giống nhất với cảm giác của tôi khi ở trong vòng tròn đá.

Giờ đây tôi mới nhận ra mình còn nhớ được vài điều về quá trình đi xuyên qua cột đá. Những điều rất nhỏ nhặt. Tôi nhớ mình đã vụng vụng như thể tôi bị mắc kẹt vào một luồng chảy nào đó. Phải, tôi đã cố chống trả nó, mặc dù chẳng biết nó là cái gì. Trong luồng chảy đó có cả những hình ảnh, không hẳn rõ nét như những bức tranh mà giống những ý nghĩ chưa hoàn thiện hơn. Vài hình ảnh rất đáng sợ và tôi đã cố hết sức để thoát khỏi chúng trong lúc tôi... chà, trong lúc tôi “trôi đi”. Vậy tôi có cố gắng hướng tới những hình ảnh khác không? Tôi nhớ mình đã chới với cố bám vào bề mặt của một thứ gì đó. Phải chăng tôi đã *chọn lựa* đi tới thời điểm này bởi vì nó là một nơi trú ẩn an toàn giúp tôi thoát khỏi dòng xoáy cuồn cuộn kia?

Tôi lắc đầu. Chỉ nghĩ ngợi thôi thì không thể tìm ra đáp án. Tôi chỉ còn một cách là phải quay lại vòng tròn đá.

“Thưa cô?” Một giọng Scot nhẹ nhàng phát ra từ ngưỡng cửa khiến tôi ngẩng lên nhìn. Hai cô gái tuổi chừng mười sáu, mười bảy đang bẽn lẽn đứng ngoài hành lang. Họ ăn mặc thật thô sơ với đôi chân đi guốc và đầu trùm khăn vải thô. Người vừa nói mang một cái bàn chải và vài mảnh vải được gấp gọn, trong khi người bạn đồng hành của cô ta xách một cái xô bốc khói. Các cô hầu gái của bà Fitz đã tới để lau dọn phòng khám.

“Chúng tôi không làm phiền cô chứ, thưa cô?” Một người lo lắng hỏi.

“Không, không,” tôi trấn an họ. “Tôi đang định đi đây.”

“Cô đã bỏ lỡ bữa trưa,” người kia báo cho tôi biết. “Nhưng bà Fitz dặn chúng tôi nói với cô là thức ăn phần cô để ở trong bếp, lúc nào muốn ăn thì cô hãy đến đó.”

Tôi nhìn qua ô cửa sổ phía cuối hành lang. Mặt trời đã lên quá thiên đỉnh, và tôi bắt đầu thấy đói. Tôi mỉm cười với hai cô gái.

“Vâng. Cảm ơn.”

...

Tôi lại mang bữa trưa tới cánh đồng vì sợ rằng Jamie không có gì để ăn và có thể phải nhịn đói cho đến bữa tối. Ngồi trên cỏ nhìn anh ta ngổn ngấu thức ăn, tôi hỏi tại sao anh ta lại từng sống gian khổ, ăn trộm gia súc và cướp bóc ở vùng biên giới như vậy. Đến giờ tôi đã nhìn thấy rất nhiều cư dân của lâu đài và cả những người đến từ ngôi làng kế bên, đủ để rút ra kết luận rằng Jamie có nguồn gốc cao quý và được giáo dục tốt hơn hầu hết bọn họ. Dựa vào lời miêu tả qua loa của anh ta về trang trại nhà mình, có thể thấy anh ta xuất thân từ một gia đình khá giả. Tại sao anh ta phải xa nhà như thế?

“Tôi là một kẻ sống ngoài vòng pháp luật,” anh ta nói, như thể ngạc nhiên vì tôi không biết điều đó. “Người Anh đã treo thưởng mười bảng cho ai bắt được tôi. Không đến mức một tên cướp đường,” anh ta tỏ ý phản đối, “nhưng cũng hơn một tên móc túi đôi chút.”

“Chỉ vì tội phá rối ư?” Tôi nghi ngờ hỏi. Mười bảng là bằng thu nhập nửa năm của một nông trại nhỏ rồi; tôi không thể tưởng tượng một tù nhân trốn ngục đơn độc lại có giá trị đến thế đối với chính phủ Anh.

“Ồ, không. Là tội giết người.”

Tôi mắc nghẹn miếng bánh mì kèm dưa góp. Jamie vỗ vỗ lưng tôi cho đến khi tôi có thể nói lại được.

Tôi hỏi, hai mắt giàn giụa nước: “A-anh đã g-giết ai?”

Anh ta nhún vai. “Chà, chuyện đó hơi kỳ quặc. Tôi thực sự không giết gã đó. Tuy nhiên trên đường đi tôi đã “xử lý” vài gã Áo đỏ khác, vì vậy tôi cho rằng mình cũng không oan ức gì.”

Anh ta ngừng lại và nhúc nhích vai, như thể đang cọ vào một bức tường vô hình. Tôi đã để ý thấy anh ta làm thế vào buổi sáng đầu tiên tôi đến lâu đài, khi tôi chăm sóc anh ta và nhìn thấy các vết thương trên lưng anh ta.

“Chuyện xảy ra ở pháo đài William. Tôi hầu như không thể động đậy trong một, hai ngày sau khi bị quất roi lần thứ hai, và rồi tôi bị lên cơn sốt vì những vết thương ấy. Nhưng khi tôi có thể đứng lên được, một vài... người bạn đã xoay xở đưa tôi ra khỏi trại giam bằng những phương cách mà tôi tốt nhất không nên nói rõ chi tiết. Dù sao đi nữa, đã có một trận náo động khi chúng tôi rời đi, và một viên thượng sĩ người Anh bị bắn - thật trùng hợp, đó chính là thằng cha đã quất roi tôi lần đầu tiên. Nhưng tôi không bắn hắn; tôi chẳng nuôi oán thù cá nhân gì với hắn hết, với lại, lúc đó tôi yếu đến nỗi chẳng thể làm gì nổi ngoài việc bám vào lưng ngựa.” Cái miệng rộng mím chặt lại. “Nhưng nếu đó là gã Đại úy Randall thì tôi nghĩ tôi sẽ gắng hết sức để giết hắn.” Anh ta nhún vai.

“Chuyện là thế đấy. Đó là lý do tôi không đi quá xa lâu đài nếu chỉ có một mình. Ở sâu trong vùng cao nguyên như thế này, rất ít khả năng đụng độ với quân Anh, nhưng chúng băng qua biên giới khá thường xuyên. Ngoài ra còn có đội tuần phòng nữa, dù họ cũng sẽ không tới gần lâu đài. Colum không cần nhờ đến họ vì ông ấy đã có người của mình.” Anh ta mỉm cười, gỡ gỡ mái tóc ngắn sáng màu cho đến khi nó xù lên như lông nhím.

“Ngoại hình của tôi khá nổi bật, cô thấy đấy. Tôi không nghĩ trong lâu đài có nội gián, nhưng đây đó quanh vùng này có thể có vài kẻ sẵn lòng báo cho quân Anh biết tôi đang ở đâu để kiếm vài xu tiền thưởng nếu họ biết tôi bị truy nã.” Anh ta mỉm cười với tôi. “Cô đã đoán ra họ của tôi không phải là MacTavish, đúng không?”

“Lãnh chúa có biết không?”

“Chuyện tôi là một kẻ ngoài vòng pháp luật ấy hả? Ồ, có chứ, Colum có biết. Hầu hết mọi người khắp vùng này đều biết; chuyện xảy ra ở pháo đài William đã gây ra chút náo động vào thời điểm đó, mà ở đây thì tin tức lan truyền rất nhanh. Chỉ có điều họ không biết Jamie MacTavish chính là người đàn ông bị truy nã; chừng nào những người biết tên thật của tôi không nhìn thấy tôi.” Tóc anh ta vẫn đang xù lên trông đến là buồn cười. Tôi chột có thôi thúc vuốt lại nó giúp anh ta, nhưng cố kìm nén lại.

“Tại sao anh lại cắt tóc ngắn?” Tôi đột nhiên hỏi, rồi đỏ bừng mặt. “Tôi xin lỗi, đó nào phải là chuyện của tôi chứ. Tôi chỉ thấy lạ thôi, vì hầu hết những người đàn ông khác mà tôi gặp ở đây đều để tóc dài...”

Anh ta vuốt tóc, trông hơi e dè.

“Trước kia tôi cũng để tóc dài. Bây giờ nó ngắn ngắn như vậy là vì các thầy tu phải cạo phía sau đầu tôi và mất đến vài tháng tóc tôi mới mọc lại.” Anh ta cúi xuống, mời tôi kiểm tra phía sau đầu anh ta.

“Cô nhìn thấy rồi chứ?”

Tôi đương nhiên có thể sờ thấy và cả nhìn thấy nó khi rẽ mớ tóc dày; đó là một vết sẹo mới lành, dài khoảng mười lăm phân, vẫn còn hồng và hơi phồng lên. Tôi ấn nhẹ dọc theo chiều dài của nó. Vết thương này hẳn đã há hoác và chảy máu rất nhiều, nhưng nó đã được khâu rất khéo.

“Anh có bị đau đầu không?” Tôi hỏi vì “bệnh nghề nghiệp”. Anh ta ngồi dậy, vuốt lại mái tóc phủ lên vết thương rồi gật đầu.

“Thi thoảng, dù không bằng trước đây. Sau khi chuyện xảy ra, tôi đã bị mù khoảng một tháng và đầu lúc nào cũng đau dữ dội. Chứng đau đầu dần biến mất khi thị lực của tôi hồi phục.” Anh ta chớp chớp mắt vài lần như để kiểm tra sức nhìn.

“Đôi khi mắt tôi hơi mờ,” anh ta giải thích, “nếu tôi quá mệt mỏi. Mọi thứ trở nên nhòe đi.”

“Quả là kỳ diệu khi anh không chết,” tôi nói. “Hẳn là anh có cái sợ cực kỳ dày dặn.”

“Đúng vậy. Chị tôi nói tôi là một kẻ cứng đầu.”

Cả hai chúng tôi đều cười phá lên.

“Chuyện xảy ra thế nào?” Tôi hỏi. Anh ta cau mày, trên mặt lộ vẻ do dự.

“Chà, đó vẫn còn là một câu hỏi chưa có lời đáp,” anh ta chậm rãi trả lời. “Tôi chẳng nhớ gì hết trơn. Tôi đang ở gần đèo Carryarick với một vài gã đến từ hồ Laggan. Điều cuối cùng mà tôi biết là tôi đang len lỏi qua một bụi cây để lên đồi, bị quệt tay vào một bụi nhựa ruồi và nghĩ những giọt máu trông giống như những quả mọng. Thế rồi tôi thấy mình tỉnh dậy trong tu viện Sainte Anne de Beaupré ở Pháp với cái đầu giần giật như gỗ trống và ai đó mà tôi không thể nhìn thấy đưa cho tôi một thứ đồ uống man mát.”

Anh ta xoa xoa sau gáy như thể bị đau.

“Thi thoảng tôi nghĩ tôi nhớ được những mẫu vụn vặt - một chiếc đèn trên đầu đu đưa qua lại, vị dầu ngọt ngào trên môi, người ta nói gì đó với tôi - nhưng tôi không biết liệu những điều đó có phải là thật không. Tôi biết các thầy tu đã cho tôi dùng thuốc phiện, và tôi mơ màng gần như suốt thời gian ấy.” Anh ta ấn những ngón tay vào hai mí mắt đang nhắm.

“Tôi có một giấc mơ lặp đi lặp lại. Trong đầu tôi mọc lên những cái rễ cây gỗ ghè to đùng, chúng cứ lớn lên và phình to rồi thò ra qua mắt tôi, thọc xuống họng khiến tôi bị nghẹn. Quá trình đó cứ diễn ra mãi, những cái rễ xoắn xít cứ lớn lên không ngừng cho đến khi làm xương sọ tôi vỡ tung. Thế là tôi thức giấc, vẫn còn nghe thấy tiếng xương vỡ.” Anh ta nhăn nhó. “Âm thanh ấy giống như tiếng súng bắn dưới nước vậy.”

“Ồi!”

Đột nhiên có một bóng người phủ xuống đầu chúng tôi và một cái giày to tướng vung ra đá vào mạng sườn Jamie.

“Thằng lỏi lười biếng kia,” người mới tới nói, nhưng không hề có vẻ tức giận, “chỉ biết ngồi đây mà tọng đầy họng mình trong khi lũ ngựa chạy lung tung. Khi nào thì bây mới thuần phục được con ngựa cái non đó vậy hả, thằng lỏi?”

“Cháu phải “thuần phục” cơn đói của cháu trước đã, già Alec,” Jamie đáp. “Tiện đây, già ăn một chút đi; đồ ăn nhiều lắm.” Anh ta đưa một tảng pho mát cho bàn tay co quắp vì chứng viêm khớp của người mới tới. Những ngón tay, trông như đang siết lại nửa chừng, chậm chạp cầm lấy miếng pho mát. Rồi ông ta ngồi xuống cỏ.

Với dáng vẻ lịch thiệp đến không ngờ, Jamie giới thiệu vị khách; đó là Alec McMahan MacKenzie, người nài ngựa của lâu đài Leoch.

Với thân hình to bè đóng bộ trong chiếc quần ống túm bằng da và cái áo xù xì, ở người đàn ông này toát lên một vẻ uy quyền đủ để trấn áp con ngựa cứng đầu nhất. Trong đầu tôi lập tức bật ra một câu trích dẫn: *“Con mắt giống của thần Chiến Tranh, có thể đe dọa hay sai khiến người khác^[46].”* Ông ta bị chột, con mắt còn lại bị che phủ bằng một miếng vải đen. Như để bù đắp cho sự mất mát đó, lông mày ông ta mọc rậm rạp với những sợi lông dài màu xám chìa lên tua tủa như râu côn trùng đang ngoe nguẩy.

Sau khi gật đầu tỏ ý chào hỏi, già Alec (Jamie gọi ông ta như vậy, chắc là để phân biệt ông ta với nhóc Alec, cậu bé đã dẫn đường cho tôi) lờ tôi đi, chỉ chú ý vào thức ăn và ba con ngựa non đang ve vẩy đuôi trên đồng cỏ bên dưới. Tôi sớm mất hứng với cuộc bàn luận dài lê thê về nguồn gốc của vài con ngựa ưu tú không có mặt ở đây, các chi tiết trong những ghi chép về việc phối giống của cả chuồng ngựa trong vài năm qua, và một loạt những bộ phận cơ thể của lũ ngựa mà tôi không tài nào hiểu nổi như khuỷu chân sau, u vai, vai, vân vân... Vì tôi chỉ để ý đến mũi, đuôi và tai của một con ngựa nên những danh từ chuyên môn ấy tôi nghe mà cứ như vẹt nghe sấm.

Tôi nằm chống khuỷu tay, phơi mình trong ánh mặt trời mùa xuân ấm áp. Ngày hôm nay bình yên đến lạ, có cảm giác như vạn vật đều lặng lẽ hoạt động, chẳng màng đến những mối bận tâm của con người. Có lẽ đó là sự bình yên mà người ta luôn tìm thấy khi ở nơi hoang dã, cách xa những tòa cao ốc và những âm thanh huyên náo. Có lẽ đó là kết quả của quá trình làm vườn, với cảm giác vui sướng âm thầm khi chạm vào những thứ đang lớn lên và niềm thỏa mãn khi giúp chúng sinh sôi nảy nở. Có lẽ đó chỉ là sự nhẹ nhõm khi cuối cùng cũng tìm ra việc để làm thay vì đi lang thang quanh lâu đài và cảm thấy mình lạc lõng, thừa thãi như một vết mực trên tấm giấy da.

Mặc dù không hề tham gia vào cuộc bàn luận về ngựa này nhưng ở đây tôi lại chẳng cảm thấy lạc lõng chút nào. Già Alec làm như tôi chỉ là một phần của khung cảnh xung quanh, còn Jamie thì thoảng vẫn liếc về phía tôi nhưng anh ta cũng dần dần lờ tôi đi khi cuộc trò chuyện của họ chuyển sang tiếng Gaelic, dấu hiệu cho thấy một người Scot đã chú tâm vào chủ đề nào đó. Vì không hiểu họ đang nói gì nên cuộc trò chuyện vang lên êm ái bên tai tôi như thể tôi đang lắng nghe tiếng ong vo ve trong những khóm hoa thạch nam. Cảm giác buồn ngủ và thoải mái lạ lùng, tôi gạt hết mọi ý nghĩ về nỗi nghi ngờ của Colum, tình cảnh khó khăn của mình và những phiền phức khác ra khỏi đầu. “Đủ cho ngày hôm nay rồi,” tôi mơ màng nghĩ, nhặt câu trích dẫn trong *Kinh Thánh* từ một góc gác nào đó của ký ức.

Một lát sau, tôi thức tỉnh, chẳng biết là vì cơn ớn lạnh do một đám mây bay ngang qua hay vì cuộc trò chuyện đã đổi sang tông giọng khác. Già Alec và Jamie đã lại nói tiếng Anh với giọng điệu nghiêm túc, không còn là cuộc tán gẫu vu vơ của những kẻ mê ngựa nữa.

“Chỉ còn một tuần nữa là đến lễ tạ hội rồi,” Alec nói. “Bây đã quyết định sẽ làm gì chưa?”

Jamie thở dài thườn thượt. “Cháu chưa quyết định được, già Alec ạ. Có lúc cháu nghĩ thế này, có lúc cháu lại nghĩ thế khác. Mặc dù ở đây với già và lũ ngựa thì rất là tuyệt.” Trong giọng nói của chàng trai trẻ ẩn chứa ý

cười nhưng nó biến mất khi anh ta tiếp tục. “Và Colum đã hứa với cháu là sẽ... chà, già không nên biết thì hơn. Nhưng bắt cháu phải hôn lưỡi dao và đổi họ của cháu thành MacKenzie, đồng thời thề từ bỏ tất cả những gì cháu có từ khi được sinh ra ư? Không, cháu không thể làm điều đó.”

“Bây cứng đầu hệt như cha bây vậy,” Alec thốt lên, dù giọng ông có vẻ miễn cưỡng đồng tình. “Thi thoảng nhìn bây mà cứ như nhìn thấy ông ấy, dù bây cao và có mái tóc cùng làn da sáng màu như nhà ngoại bây.”

“Già biết ông ấy ư?” Jamie có vẻ hứng thú.

“Ồ, một chút. Ta nghe nói về ông ấy nhiều hơn. Ta đã ở lâu đài Leoch này từ trước khi cha mẹ bây cưới nhau mà. Khi nghe Dougal và Colum nói về Brian Đen, bây sẽ nghĩ ông ấy là quý sứ, thậm chí còn tệ hơn, và mẹ bây là Đức Mẹ Đồng Trinh, bị ông ấy dụ dỗ nên sa ngã.”

Jamie bật cười to. “Và cháu giống ông ấy, đúng không?”

“Đúng vậy. Ày, ta hiểu tại sao bây không chịu trở thành người của Colum. Nhưng vẫn có những điều đáng để cân nhắc, không phải sao? Chẳng hạn như, nếu Dougal đạt được mục đích và cuộc chiến đấu vì nhà Stuart thành công, đứng ở phe chiến thắng, bây sẽ lấy lại được đất đai của mình và nhiều thứ hơn nữa, bất kể Colum làm gì.”

Jamie đáp lời bằng thứ “âm thanh kiểu Scot” âm ờ phát ra khò khè trong cổ họng vốn được dùng để biểu đạt bất cứ điều gì. Có vẻ như anh ta đang nghi ngờ khả năng có được một kết quả đáng thèm muốn như thế.

“Vâng,” anh ta nói, “nhưng nếu Dougal không đạt được mục đích thì sao? Hoặc nếu cuộc chiến thất bại?”

Alec cũng phát ra một âm thanh trong cổ họng. “Vậy thì bây ở lại đây, làm người nài ngựa thay ta; ta cũng không còn sống được lâu nữa, và ta chưa từng thấy kẻ nào điều khiển ngựa khá hơn bây.”

Tiếng âm ờ khe khẽ của Jamie biểu lộ sự cảm kích vì lời khen này.

Ông già tiếp tục nói, chẳng thèm đếm xỉa đến những gì ngắt ngang lời mình. “Thị tộc Mackenzie cũng là họ ngoại của bây; như vậy không thể coi

là bây từ bỏ dòng giống của mình. Ngoài ra còn có những điều đáng cân nhắc khác nữa” - ông ta giở giọng trêu chọc - “như cô Laoghaire chẳng hạn?”

Jamie lại phát ra một âm thanh kiểu Scot, lần này là để bày tỏ sự xấu hổ và phản bác.

“Này này, một chàng trai trẻ sẽ không chịu đôn thay cho một cô gái mà anh ta không quan tâm. Và bây biết là cha cô ta sẽ không cho cô ta cưới người bên ngoài thị tộc mà.”

“Cô ấy còn rất trẻ, Alec, và cháu cảm thấy thương hại cô ấy,” Jamie chống chế. “Chỉ thế thôi.” Lần này, đến lượt Alec phát ra “âm thanh kiểu Scot”, một tiếng xì đầy vẻ ngờ vực và nhạo báng.

“Đi mà nói điều đó với cánh cửa chuồng gia súc ấy, thằng lỏi; nó không có não nên mới tin bây. Chà, cho dù không phải là Laoghaire - và ta cam đoan là bây có thể vợ phải những cô vợ tệ hơn nhiều - bây sẽ có triển vọng hơn trong hôn nhân nếu bây có chút tiền bạc và một tương lai; chẳng hạn như làm người nài ngựa tiếp theo. Bây có thể lựa chọn các cô gái - nếu không có ai chọn *bây* trước!” Alec phì cười với sự vui vẻ có chút kìm nén của một người hiếm khi cười. “Gái bu quanh bây còn nhiều hơn ruồi bu quanh một hũ mật! Cho dù hiện giờ bây chỉ là kẻ không xu dính túi và vô danh tiểu tốt, lũ con gái vẫn mê tít bây - chính mắt ta đã trông thấy!” Ông ta cười to hơn. “Ngay cả cái cô Sassenach này cũng không thể rời khỏi bây, mà cô ta vừa mới trở thành góa phụ thôi đấy!”

Để ngăn chặn cả chuỗi những lời bình phẩm càng lúc càng chối tai, tôi quyết định dậy hẳn. Tôi vươn vai ngáp rồi ngồi dậy, vờ dụi mắt để tránh phải nhìn vào hai người họ.

“Ừmmm. Hình như tôi ngủ quên mất,” tôi nói, nháy mắt duyên dáng với họ. Jamie đỡ dừ cả hai tai, giả bộ thu dọn những gì còn lại của bữa trưa. Già Alec nhìn tôi chăm chăm, dường như bây giờ ông ta mới để ý đến tôi.

“Cô có thích ngựa không, cô gái?” Ông ta hỏi. Tôi khó có thể nói không trong hoàn cảnh này. Sau khi đồng ý rằng ngựa là loài động vật rất

thú vị, tôi được “thết đãi” một bài bình luận chi tiết về con ngựa cái non hiện đang đứng mơ màng trong bãi giữ ngựa, cái đuôi thi thoảng lại ve vẩy để xua đuổi một con ruồi vo ve lại gần.

“Cô cứ tự nhiên tới xem chúng vào bất cứ lúc nào, cô gái,” Alec kết thúc bài giảng của mình, “miễn là cô đừng tới quá gần khiến chúng phân tâm. Chúng cần phải làm việc.” Đây rõ ràng là lời đuổi khéo, nhưng tôi vẫn đứng yên, nhớ lại mục đích ban đầu của mình khi đến đây.

“Vâng, lần sau tôi sẽ cẩn thận,” tôi hứa. “Nhưng trước khi quay lại lâu đài, tôi muốn kiểm tra vai của Jamie và tháo băng cho anh ấy.”

Alec chậm rãi gật đầu, nhưng chính Jamie lại từ chối khiến tôi ngạc nhiên vô hạn. Anh ta dợm quay trở lại bãi giữ ngựa.

“À, việc đó để sau đi,” anh ta nói, nhìn đi chỗ khác. “Hôm nay có nhiều việc phải làm lắm; có lẽ sau bữa tối, nhé?” Thật kỳ cục; lúc này anh ta đầu tỏ vẻ gì là vội vã quay lại với công việc. Nhưng tôi không thể ép anh ta nhận sự chăm sóc của tôi nếu anh ta không muốn. Tôi nhún vai, đồng ý gặp anh ta sau bữa tối, và quay lên đồi để trở về lâu đài.

Trên đường đi, tôi nghĩ về hình dáng vết sẹo trên đầu Jamie. Nó không thẳng như vết kiếm chém mà cong cong như thể bị một lưỡi dao uốn cong gây ra. Như lưỡi rìu Lochaber? Nhưng theo những gì tôi biết, chỉ có thành viên của các thị tộc mới mang loại vũ khí giết người đó thôi.

Bỗng tôi chợt nghĩ tới một điều. Một chàng trai trẻ đang chạy trốn những kẻ thù không biết mặt sao lại tin cậy một người lạ đến thế!

...

Bỏ cái giỏ đựng đồ ăn trong bếp, tôi quay lại phòng khám bệnh của ông Beaton quá cố. Căn phòng hiện đã sạch như lau như li sau “chuyến viếng thăm” của mấy người phụ tá năng nổ dưới quyền bà Fitz. Thậm chí đám chai lọ trong tủ thuốc còn sáng bóng dưới ánh nắng nhàn nhạt hắt vào từ cửa sổ.

Tủ thuốc có vẻ là nơi phù hợp để bắt đầu kiểm kê vì nó chứa vô số các loại thảo mộc và dược phẩm. Đêm qua tôi đã dành vài phút trước khi ngủ để xem qua cuốn sách bìa da màu xanh mà tôi lấy từ phòng khám. Hóa ra nó là *Cẩm nang của thầy thuốc*, liệt kê một loạt các công thức chữa trị những triệu chứng và bệnh tật, các nguyên liệu của chúng đang bày ra rõ ràng trước mắt tôi.

Cuốn sách được chia thành mấy phần: “*Thảo dược thuộc loại long đờm, thuốc mưa, và kẹo thảo dược*,” “*thuốc viên*”, “*thuốc cao hỗn hợp và công dụng của chúng*”, “*thuốc sắc và si rô*” và một phần khá dày có cái tiêu đề đáng ngại chỉ có hai từ “*thuốc xối*”.

Đọc qua vài công thức, tôi đã tỏ tường lý do ông Davie Beaton quá cố thất bại với các bệnh nhân của mình. “*Đối với đau đầu*”, một bài viết ghi, “*lấy một viên phân ngựa, phơi khô kỹ càng, nghiền thành bột, khuấy vào trong bia nóng và uống hết.*” Một vài trang sau đó thì viết, “*thuốc sắc từ các loại rễ của cây bạch tiền, nghệ và nước ép từ hai trăm slater có tác dụng lớn trong việc chữa bệnh vàng da.*” Tôi gấp cuốn sách lại, lấy làm kinh ngạc trước số lượng lớn bệnh nhân của ông thầy thuốc quá cố - theo cuốn nhật ký tỉ mỉ của ông ta - không những vẫn còn sống sau khi áp dụng các phương pháp điều trị ấy mà còn thực sự khỏi bệnh.

Có một lọ thủy tinh lớn màu nâu chứa vài viên tròn có vẻ đáng ngờ, và căn cứ vào các công thức của Beaton, tôi có thể đoán được nó là gì. Tôi xoay xoay cái lọ, đặc ý đọc cái nhãn được viết bằng tay: *PHÂN NGỰA*. Thầm nghĩ đây không phải là thứ càng để lâu càng chất lượng, tôi rón rén đặt cái lọ sang một bên mà không mở nó ra.

Tìm hiểu tiếp, tôi thấy *PURLES OVIS* là tên bằng tiếng Latin của một thứ tương tự, nhưng là từ cừu. *TAI CHUỘT* hóa ra là tai của con chuột thật chứ không phải là loại thảo mộc có tên như vậy; tôi khẽ rùng mình, gạt sang bên cái lọ đựng những cái tai màu hồng nhỏ xíu khô quắt.

Tôi đã thắc mắc về “*slater*”, được viết theo nhiều kiểu khác nhau như “*slatter*”, “*sclater*” và “*slatear*”, nó có vẻ là nguyên liệu quan trọng trong

một số loại thuốc, vì vậy tôi vui mừng khi thấy một cái lọ nút bần trong suốt có cái tên này trên nhãn. Cái lọ đựng đầy đến một nửa những viên thuốc nhỏ màu xám có đường kính không quá nửa phân và tròn trĩnh đến nỗi khiến tôi kinh ngạc về khả năng bào chế của ông Beaton. Tôi nâng cái lọ lên sát mặt, ngạc nhiên vì nó nhẹ bẫng. Rồi tôi nhìn thấy những đường kẻ sọc trên mỗi “viên thuốc” và những cái chân bé xíu. Tôi vội vàng đặt cái lọ xuống, chùi tay vào tạp dề, và ghi thêm một mục vào cái danh sách mà tôi đã biên soạn trong đầu. “*Slater*” tức là “con mối”.

Có những cái lọ đựng những thứ ít nhiều vô hại, thậm chí có cả các chiết xuất hoặc thảo mộc khô thực sự hữu ích. Tôi tìm thấy ít giấm thơm và bột làm từ rễ irit thơm mà bà Fitz đã dùng để chữa trị các vết thương của Jamie MacTavish. Còn có cả bạch chỉ, ngải đắng hương thảo, và một thứ gì đó dán nhãn *STINKING ARAG*. Tôi thận trọng mở nắp cái chai này, và một mùi hương thơm ngát dễ chịu bỗng bay ra, hóa ra nó chỉ là phần ngọn mềm mại của những nhánh linh sam. Tôi đặt cái chai lên bàn mà không đóng nắp lại để nhuộm thơm không khí trong căn phòng nhỏ tối tăm khi tôi tiếp tục công việc kiểm kê của mình.

Tôi vứt bỏ mấy cái lọ đựng ốc sên khô; dầu giun đất - có vẻ nó làm từ giun đất thật; *vinum millepedatum* - những con cuốn chiếu bị nghiền nhỏ, ngâm trong rượu; bột *egyptiane mumme*^[47] - trông như một loại bùn lấy từ bờ suối lầy lội hơn là tro cốt của xác ướp trong một ngôi mộ pharaoh^[48]; máu bò câu, trứng kiến, mấy con cóc khô được bọc cẩn thận trong rêu, và *sọ người đã nghiền thành bột*. Của ai? Tôi tự hỏi.

Mất gần cả buổi chiều tôi mới kiểm tra xong tủ thuốc và cái tủ nhiều ngăn kéo. Khi tôi đã xong việc, ngoài cửa phòng khám có một đống lớn nào chai, lọ, hộp và bình bị loại bỏ, chuẩn bị đem vứt đi, và chỉ còn ít thứ hữu ích được giữ lại, đem xếp gọn ghẽ trong tủ thuốc.

Tôi đã xem xét một gói mạng nhện lớn một lúc lâu, phân vân không biết nên bỏ đi hay giữ lại. Cả cuốn *Cẩm nang* của Beaton và trí nhớ mơ hồ của tôi về y học dân gian đều nói rằng mạng nhện rất có ích trong việc băng

bó vết thương. Mặc dù khuynh hướng của tôi là phải cân nhắc kỹ càng hết mức khi sử dụng những thứ mất vệ sinh như thế nhưng kinh nghiệm bằng bó bằng vải lanh ở bên đường đã cho tôi thấy sự cần thiết của một thứ vừa dính vừa thấm nước. Cuối cùng, tôi cắt mớ mạng nhện trở lại tủ thuốc, suy nghĩ xem liệu có cách nào để khử trùng chúng không. Luộc thì không ổn. Có thể hấp sẽ tẩy sạch được chúng mà không hủy hoại tính kết dính?

Tôi chùi hai tay vào tạp dề, cân nhắc. Hiện giờ tôi đã kiểm tra gần như tất cả mọi thứ - chỉ còn cái rương gỗ kê sát tường. Tôi lật cái nắp lên, và lập tức bật ngửa vì mùi hôi thối xộc ra.

Cái rương là kho chứa dụng cụ phẫu thuật của Beaton, trong đó có những cái dao, đục, cưa trông đến là gớm ghiếc và những dụng cụ khác trông phù hợp với việc xây dựng hơn là dùng cho các lớp mô mảnh mai của con người. Mùi hôi thối rõ ràng bắt nguồn từ cái thực tế rằng Davie Beaton không thấy được lợi ích của việc lau rửa các dụng cụ ấy giữa những lần sử dụng. Tôi nhăn mặt ghê tởm trước những vết sẫm màu trên vải lưới dao và đóng sập cái nắp rương lại.

Tôi kéo lê cái rương ra cửa, định bụng sẽ nói với bà Fitz rằng sau khi đem luộc sạch các dụng cụ này thì nên phát cho thợ mộc của lâu đài, nếu ở đây có một thợ mộc.

Tiếng bước chân ở đằng sau làm tôi giật mình dừng lại kịp thời, suýt chút nữa thì đâm sầm phải người vừa bước vào. Tôi quay lại và thấy hai chàng trai trẻ, người nọ dìu người kia vì một người phải nhảy lò cò. Cái chân bị thương được quấn tạm một mớ giẻ lấm chấm máu tươi.

Tôi nhìn quanh rồi chỉ về phía cái rương vì trong phòng chẳng còn thứ gì khác. “Ngồi xuống đi,” tôi nói. Vậy là thầy thuốc mới của lâu đài Leoch đã bắt đầu hành nghề.

8

Một cuộc giải trí buổi tối

Tôi nằm trên giường, cảm thấy mệt mỏi rã rời. Lạ một điều là tôi khá thích thú với việc lục lọi những di vật của ông Beaton quá cố; và tuy phương tiện khám chữa còn sơ sài nhưng việc điều trị cho mấy bệnh nhân kia khiến tôi cảm thấy mình thực sự vững vàng và hữu ích. Tất cả những thủ tục quen thuộc như sờ nắn thịt và xương, bắt mạch, kiểm tra lưỡi và nhãn cầu đã giúp xoa dịu cảm giác hoang mang trống rỗng bao trùm tôi từ lúc tôi bước qua khe hở của cột đá. Cho dù tình cảnh của tôi kỳ lạ thế nào và tôi cảm thấy lạc lõng ra sao, tôi vẫn có cảm giác được an ủi khi nhận ra rằng đây thực sự là những con người, da thịt ấm áp, râu tóc rậm rạp, với những trái tim đang đập và những lá phổi đang hoạt động. Vài người hôi rình, bẩn thỉu và lúc nhúc chảy rận, nhưng với tôi thì điều đó chẳng có gì lạ. Cũng chẳng tệ hơn tình trạng trong một bệnh viện dã chiến, và tính cho đến bây giờ tôi mới chỉ gặp các vết thương nhỏ không có gì đáng ngại. Cảm giác cực kỳ thỏa mãn khi một lần nữa có thể làm dịu một cơn đau, nắn lại một cái khớp hay chữa lành một vết thương. Việc chịu trách nhiệm cho sức khỏe của những người khác khiến tôi bớt đi cảm giác bị đùa bỡn bởi cái định mệnh quá quắt đã mang tôi tới đây, và tôi biết ơn Colum vì đã đề nghị tôi đảm nhận vị trí này.

Colum MacKenzie. Một người đàn ông kỳ lạ. Ông ta có học thức, hết sức lịch thiệp và chu đáo, với uy lực mạnh mẽ ẩn giấu bên trong. Uy lực ấy toát ra rõ ràng hơn nhiều ở người em Dougal. Người đàn ông đó là một chiến binh bẩm sinh. Tuy nhiên, khi nhìn thấy hai người họ ở bên nhau, có thể thấy rõ ai là người mạnh hơn. Dù đôi chân có cong queo thế nào chăng nữa, Colum vẫn là một vị thủ lĩnh.

Hội chứng Toulouse-Lautrec. Tôi chưa từng tận mắt nhìn thấy nhưng đã được nghe tả về nó. Đó là chứng bệnh thoái hóa xương và mô liên kết, được đặt theo tên nạn nhân nổi tiếng nhất của nó (người ấy lúc này còn chưa ra đời, tôi tự nhắc nhở mình). Các nạn nhân tuy ốm yếu nhưng lúc đầu trông vẫn bình thường, cho đến khi bước vào tuổi dậy thì, các xương ống chân mới bắt đầu sụn xuống và cong oằn vì áp lực chống đỡ cho cả cơ thể.

Sự tuần hoàn kém là đặc trưng của chứng bệnh này, gây ra hậu quả là da dẻ xanh xao, nhợt nhạt, sớm nhăn nhúm, cũng như hiện tượng khô nẻ và chai sần ở các ngón tay, ngón chân mà tôi đã để ý thấy ở Colum. Khi hai chân méo mó và cong queo, xương sống phải chịu áp lực nên thường cũng cong queo theo, khiến người bệnh vô cùng khổ sở. Tôi đọc nhầm lại các mô tả trong sách về chứng bệnh này, bàn tay lơ đãng vuốt những lọn tóc rối. Số lượng bạch cầu thấp làm tăng nguy cơ bị nhiễm trùng, có khả năng dẫn đến chứng viêm khớp sớm. Vì tuần hoàn kém và thoái hóa mô liên kết nên các nạn nhân sẽ bị vô sinh và thường thì cả bất lực nữa.

Tôi dừng khựng lại, nghĩ đến Hamish. *Con trai ta*, Colum đã tự hào giới thiệu về cậu bé. Hừm, tôi thầm nghĩ. Vậy thì có lẽ ông ta không bị bất lực. Hoặc có lẽ có. Nhưng khá may mắn cho Letitia khi rất nhiều đàn ông trong thị tộc MacKenzie trông giống nhau như lột.

Những suy diễn thú vị của tôi bỗng bị ngắt ngang bởi tiếng gõ cửa đột ngột. Một trong những cậu bé đầu đầu cũng thấy đang đứng ở bên ngoài, mang đến lời mời của Colum. Cậu bé nói ở đại sảnh sẽ có ca hát, và Lãnh chúa MacKenzie sẽ rất hân hạnh với sự có mặt của tôi, nếu tôi muốn tới đó.

Tôi hiếu kỳ muốn gặp lại Colum sau những suy đoán vừa rồi. Vì vậy, sau một cái liếc nhanh vào gương và một cú vuốt tóc không hiệu quả, tôi đóng cửa lại và đi theo người hộ tống qua những hành lang quanh co, lạnh lẽo.

Đại sảnh trông thật khác khi về đêm, nó ngập tràn không khí lễ hội với những cây đuốc bằng gỗ thông cháy lách tách dọc theo các bức tường, thi thoảng lại lóe lên một ánh lửa màu xanh. Cái lò sưởi khổng lồ, với vô số

xiên và vạc, đã giảm bớt sức hoạt động so với lúc ăn tối; giờ chỉ có một ngọn lửa lớn cháy trên nền lò, được duy trì bởi hai khúc gỗ to tướng, cháy chậm, còn những cái xiên đã được gập lại hết.

Bàn ghế vẫn còn ở đó nhưng được đẩy lùi lại một chút để tạo thành một không gian trống gần lò sưởi; rõ ràng đó sẽ là trung tâm của cuộc giải trí, vì cái ghế chạm trổ to lớn của Colum được đặt về một bên. Colum đang ngồi đó, một tấm chăn ấm áp phủ trên đùi, một cái bàn nhỏ với chiếc bình thon cổ và những cái ly lớn nằm ngay trong tầm với.

Nhìn thấy tôi ngập ngừng ở cửa tò vò, ông ta ra hiệu cho tôi tới chỗ mình bằng một cử chỉ thân thiện, rồi chỉ tôi ngồi xuống một cái ghế băng ở bên cạnh.

“Ta rất vui vì cô đã tới, cô Claire,” ông ta nói, giọng thân mật vui vẻ. “Gwyllyn sẽ mừng lắm khi có một đôi tai mới đến thưởng thức những bài hát của anh ta, mặc dù chúng ta luôn chăm chú lắng nghe.” Vị thủ lĩnh của thị tộc MacKenzie trông khá mệt mỏi; hai bờ vai rộng hơi thõng xuống và những nếp nhăn sớm trên mặt ông ta lồm sồm hơn.

Tôi lẩm bẩm một câu sáo rỗng và nhìn quanh đại sảnh. Mọi người đang bắt đầu kéo đến, thi thoảng lại có người đi ra, họ đứng tụm lại thành từng nhóm nhỏ để tán gẫu, dần dần ngồi kín những băng ghế kê sát tường.

“Xin lỗi?” Tôi ngoảnh lại vì không nghe rõ lời của Colum trong sự ồn ào đang tăng dần, và thấy ông ta mời tôi cái bình thon cổ, một vật hình chuông đáng yêu bằng pha lê màu xanh nhạt. Nhìn qua lớp pha lê, chất lỏng bên trong có vẻ xanh như lòng biển sâu, nhưng khi được rót ra, nó lại có màu hồng nhạt xinh đẹp và thơm nức mũi. Vị của nó hoàn toàn đúng như mong đợi, và tôi khoan khoái nhắm mắt, tận hưởng cảm giác hơi rượu lan tỏa làm nhột nhột vòm miệng trước khi miễn cưỡng cho phép ngậm mỹ tửu chậm rãi chảy xuống cổ họng.

“Ngon chứ hả?” Giọng nói trầm ấm chứa một nét thích thú, và tôi mở mắt, thấy Colum đang mỉm cười đồng tình với mình.

Tôi mở miệng để trả lời, bấy giờ mới nhận ra rằng vị ngon êm dịu ấy chỉ là sự lừa dối, loại rượu này mạnh đến nỗi gây ra một cơn tê liệt nhẹ ở các dây thanh quản.

“Tu-tuyệt vời!” Tôi cố gắng thốt ra.

Colum gật đầu. “Rất tuyệt. Rượu vang Rhenish^[49] đấy. Cô không uống quen, đúng không?”

Tôi lắc đầu khi ông ta ghé cái bình thon cổ vào ly của tôi, rót đầy lòng ly thứ chất lỏng màu hồng rực rỡ. Ông ta giơ ly của mình lên trước mặt, xoay nó để ánh lửa làm nó ánh lên những vệt màu đỏ son.

“Nhưng cô biết thế nào là rượu ngon,” Colurn nói, nghiêng cái ly để thưởng thức mùi hương trái cây ngọt ngào, đậm đà. “Ta cho rằng đó cũng là điều đương nhiên với những người Pháp như cô. Hoặc lai Pháp, ta nên nói vậy,” ông ta thoáng mỉm cười, sửa lại lời mình. “Gia đình cô ở vùng nào của Pháp vậy?”

Tôi ngập ngừng giây lát rồi nghĩ, hãy bám sát vào sự thật hết mức có thể, và trả lời: “Tôi chỉ còn họ hàng xa ở đó thôi, họ ở miền Bắc, gần Compiègne.” Tôi hơi giật mình khi nhận ra rằng vào lúc này, những người thân của tôi thực sự đang ở gần Compiègne. Tôi hoàn toàn đang nói sự thật.

“À. Nhưng cô chưa từng tới đó bao giờ?”

Tôi vừa lắc đầu vừa nghiêng cái ly rồi nhắm mắt và thở sâu, hít hà hương vị của rượu.

“Chưa,” tôi nói, vẫn nhắm mắt. “Tôi cũng chưa từng gặp bất cứ người thân nào của mình ở đó.” Tôi mở mắt, thấy ông ta đang chăm chú nhìn mình. “Tôi đã nói với ông rồi mà.”

Ông ta gật đầu, vẻ mặt vẫn thản nhiên. “Đúng vậy.” Với đôi mắt màu xám nhạt tuyệt đẹp ẩn dưới hàng mi đen dày, Colum MacKenzie quả thực là một người đàn ông rất quyến rũ, ít nhất là tính đến phần eo. Ánh mắt tôi lướt qua ông ta, hướng tới nhóm người gần lò sưởi nhất, và nhìn thấy vợ ông ta, Letitia, đang ngồi cùng một nhóm quý bà, trò chuyện sôi nổi với

Dougal MacKenzie. Đó cũng là một người đàn ông rất hấp dẫn, nhưng là hấp dẫn từ đầu đến chân.

Tôi lại chuyển sự chú ý về Colum và thấy ông ta đang lơ đãng nhìn vào một tấm thảm treo tường.

“Như tôi cũng đã nói với ông,” tôi đột ngột lên tiếng, kéo ông ta ra khỏi sự lơ đãng, “tôi muốn lên đường tới Pháp càng sớm càng tốt.”

“Đúng vậy,” ông ta lại vui vẻ nói, nhắc cái bình thon cổ lên với một cú nhướn mày dò hỏi. Tôi giữ chắc cái ly của mình, trở vào giữa ly để tỏ ý rằng tôi chỉ muốn uống một chút nữa thôi, nhưng ông ta vẫn rót đầy đến tận miệng.

“Chà, như *ta* đã nói với *cô*, cô Beauchamp,” ông ta nói, hai mắt gắn chặt vào lượng rượu đang dâng lên, “ta nghĩ cô phải chấp nhận nán lại đây một thời gian, cho đến khi chúng ta có thể sắp xếp cho chuyến đi của cô. Dù gì cũng không cần phải vội. Giờ mới đang là mùa xuân, vẫn còn nhiều tháng trời nữa mới đến mùa thu, khi những cơn bão tràn đến gây nguy hiểm cho tàu bè đi qua eo biển Anh.” Ông ta vừa nhướn mắt vừa nâng cái bình lên, nhìn tôi với ánh mắt sắc sảo.

“Nhưng nếu cô sẵn lòng cho ta biết tên những người bà con của cô ở Pháp, ta có thể gửi lời nhắn tới họ trước - để họ chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến viếng thăm của cô, cô thấy thế nào?”

Bị bắt thấu cáy, tôi chỉ còn biết lăm bậm mấy lời đại loại như vâng-ờ-có-lẽ-đến-sau, và vội vã cáo lui với cái cớ là đi giải quyết nhu cầu trước khi buổi ca hát bắt đầu. Colum đã ghi điểm trong trò chơi này, nhưng cuộc chiến vẫn chưa ngã ngũ.

Cái cớ của tôi không hoàn toàn là bịa đặt, và phải loanh quanh trong những hành lang tối tăm của lâu đài mất một lúc, tôi mới tìm thấy nơi mình cần đến. Khi cầm ly rượu mò mẫm quay lại, tôi tìm thấy ô cửa tò vò sáng trưng dẫn vào đại sảnh, nhưng khi bước qua tôi mới nhận ra rằng mình đã đi vào băng lối thấp hơn, và hiện đang ở đầu đối diện với chỗ Colum ngồi. Điều này lại khá phù hợp với hoàn cảnh của tôi lúc này, vì vậy tôi len lén đi

vào căn phòng dài, cố gắng hòa mình với những nhóm nhỏ, len lỏi dọc theo bức tường về phía một băng ghế.

Ném ánh mắt về phía đầu cao hơn của đại sảnh, tôi thấy một người đàn ông mảnh khảnh mang theo một chiếc đàn hạc nhỏ. Đó hẳn là thi sĩ Gwyllyn. Theo cử chỉ ra hiệu của Colum, một người hầu vội vã mang lên cho thi sĩ một cái ghế đẩu, ông ta liền ngồi xuống và bắt đầu lên dây đàn, tay khẽ gảy các dây, tai gí sát vào nhạc cụ. Colum rót một ly rượu nữa từ cái bình thon cổ, và vẫy tay gọi người hầu đem đến cho thi sĩ.

“Ồ, ông ta đòi hỏi cái tấu, đòi hỏi cái bát, và đòi hỏi ba người chơi đàn vĩ cầm^[50],” tôi lẩm bẩm hát giễu, khiến cô Laoghaire nhìn tôi với ánh mắt kỳ cục. Cô ta đang ngồi dưới một tấm thảm thêu có hình một gã thợ săn với sáu con chó mình dài mắt lác, đang đuổi theo một con thỏ rừng đơn độc.

“Đúng là dùng dao mổ bò để giết gà, đúng không?” Tôi nhanh nhẩu nói, phẩy tay về phía bức tranh và ngồi phịch xuống bên cạnh cô ta trên băng ghế.

“Ồ! Ờ, vâng,” cô ta thận trọng trả lời, hơi nhích người ra. Tôi cố gắng lôi kéo cô ta vào một cuộc trò chuyện thân tình, nhưng cô ta chỉ trả lời nhát gừng, đỏ mặt và giật mình mỗi khi tôi nói với cô ta, vì vậy tôi nhanh chóng bỏ cuộc, chuyển sự chú ý về phía cảnh tượng ở đầu kia của căn phòng.

Sau khi chiếc đàn hạc đã được lên dây đúng ý, Gwyllyn lấy từ trong áo khoác ra ba ống sáo bằng gỗ có kích cỡ khác nhau, đặt lên một cái bàn nhỏ, ngay trong tầm với.

Tôi đột nhiên nhận ra rằng Laoghaire không để ý gì đến thi sĩ và các nhạc cụ của ông ta như tôi. Cô ta hơi cứng người lại và liếc qua vai tôi về phía ô cửa tò vò ở đầu thấp hơn của đại sảnh, đồng thời ngả người vào trong bóng tối dưới tấm thảm thêu để tránh bị phát hiện.

Nường theo ánh mắt cô ta, tôi phát hiện anh chàng Jamie MacTavish tóc đỏ cao ráo vừa bước vào đại sảnh.

“A! Vị anh hùng hào hiệp! Cô thích anh ta, đúng không?” Tôi hỏi cô gái bên cạnh. Cô ta lắc đầu nguầy nguậy nhưng nét ửng đỏ trên má cô ta đã thay cho câu trả lời.

“Chà, chúng ta sẽ xem mình có thể làm gì nhé?” Tôi nói, cảm thấy mình thật phóng khoáng và nghĩa hiệp, rồi đứng dậy và vui vẻ vẫy tay để thu hút sự chú ý của anh ta.

Bắt được tín hiệu của tôi, chàng trai trẻ mỉm cười, luồn lách qua đám đông. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra giữa họ lúc ở trong sân mấy ngày trước, nhưng tôi nghĩ thái độ của anh ta khi chào hỏi cô gái thật ấm áp, đầu vẫn còn trang trọng. Anh ta cúi đầu chào tôi với dáng vẻ thoải mái hơn; sau khi mối quan hệ của chúng tôi trở nên thân mật vì hoàn cảnh đưa đẩy, anh ta khó có thể đối xử với tôi như với một người lạ.

Ở đầu cao hơn của đại sảnh vang lên vài nốt nhạc ngập ngừng ướm thử, báo hiệu cuộc trình diễn sắp bắt đầu, và chúng tôi vội vàng ngồi vào chỗ, Jamie chen vào ngồi giữa Laoghaire và tôi.

Gwyllyn là một người đàn ông có vẻ ngoài hết sức tầm thường, vóc dáng mảnh khảnh và mái tóc xám xịt, nhưng ta sẽ không còn để ý đến ngoại hình của ông ta nữa một khi ông ta bắt đầu hát. Ông ta chỉ còn giống như một tiêu điểm, một nơi để đôi mắt hướng vào trong lúc đôi tai thường thức âm nhạc. Ông ta bắt đầu với một bài hát đơn giản bằng tiếng Gaelic, những câu hát rất vần với nhau, được đệm tiếng đàn hạc khe khẽ, và nhờ độ ngân của mỗi dây đàn mà các câu từ như được nối liền. Giọng ca cũng đơn giản đến mức đánh lừa người khác. Ban đầu ta nghĩ nó chẳng có gì đặc biệt - êm tai, nhưng không nhiều nội lực. Thế rồi ta nhận ra rằng thanh âm ấy xuyên thấu qua ta, mỗi âm tiết trong như pha lê, vang vọng sâu bên trong đầu ta, cho dù ta có hiểu nghĩa của nó hay không.

Bài hát nhận được một tràng vỗ tay nhiệt liệt, và người ca sĩ lập tức chuyển sang một bài hát khác, lần này là bằng tiếng Welsh^[51], tôi nghĩ vậy. Với tôi, nó nghe như một tiếng súc miệng rất vui tai, nhưng những người xung quanh có vẻ hiểu rõ; chắc là trước đây họ đã từng nghe nó.

Trong một thoáng nghĩ ngẩn để ca sĩ chỉnh lại dây đàn, tôi khẽ hỏi Jamie: “Gwyllyn đã ở lâu đài này lâu chưa?” Rồi tôi nói khi chợt nhớ ra: “Ồ, nhưng làm sao anh biết được chứ, đúng không? Tôi quên mất là anh cũng mới tới đây thôi.”

“Trước kia tôi đã từng ở đây,” anh ta đáp, quay sang tôi. “Tôi đã ở Leoch một năm hồi tôi khoảng mười sáu tuổi, lúc đó thì Gwyllyn đã ở đây rồi. Colum thích nhạc của ông ấy và trả công Gwyllyn rất hậu để ông ấy ở lại. Phải vậy thôi; bất kỳ vị lãnh chúa nào cũng sẽ hoan nghênh người đàn ông xứ Wales này.”

“Tôi còn nhớ hồi anh ở đây lần trước.” Laoghaire quyết định tham gia vào cuộc trò chuyện dù mặt vẫn ửng hồng. Jamie quay sang cô ta, khẽ mỉm cười.

“Vậy ư? Khi đó cô chừng bảy, tám tuổi chứ mấy. Tôi không nghĩ lúc bấy giờ tôi có gì đáng chú ý để mà được nhớ đến.” Lịch sự quay sang tôi, anh ta nói: “Cô có biết tiếng Welsh không?”

“Nhưng tôi có nhớ thật mà,” Laoghaire nói, vẫn cố tiếp tục chủ đề lúc này. “Anh, ờ, à... ý tôi là... anh không nhớ tôi thuở đó sao?” Hai tay cô ta căng thẳng nghịch những nếp gấp của chiếc váy. Tôi thấy cô ta cắn móng tay.

Jamie có vẻ bị sao nhãng bởi một nhóm người băng qua phòng, tranh cãi chuyện gì đó bằng tiếng Gaelic.

“À?” Anh ta mơ hồ nói. “Không, tôi không nghĩ vậy. Tuy nhiên,” anh ta đột nhiên quay sang cô ta, cười nói, “tôi cũng khó mà nhớ được. Một thằng nhóc đàn độn mười sáu tuổi có cái tôi to đùng khó mà để ý nhiều tới một đám đông nhốn nháo những đứa bé thò lò mũi xanh.”

Tôi đoán anh ta nói vậy là để tự giễu mình chứ không có ý xúc phạm người nghe, nhưng kết quả không như anh ta mong đợi. Tôi nghĩ có lẽ nên dành cho Laoghaire một chút thời gian để bình tĩnh lại, nên vội vã nói xen vào: “Không, tôi chẳng biết một từ tiếng Welsh nào. Anh có biết ông ta đang nói gì không?”

“Ồ, có chứ.” Và Jamie bắt đầu dịch sang tiếng Anh từng câu từng chữ của bài hát. Đó có vẻ là một bản ballad cũ, kể về một chàng trai trẻ yêu một cô gái trẻ (còn gì nữa chứ?), nhưng anh ta cảm thấy mình không xứng đáng với cô ấy bởi vì anh ta nghèo, do đó anh ta đã ra khơi để kiếm vận may. Chàng trai trẻ bị đắm tàu, đụng độ những con rắn biển đe dọa anh ta và những nàng tiên cá mê hoặc anh ta, trải qua những cuộc phiêu lưu, tìm được kho báu và cuối cùng trở về nhà chỉ để thấy rằng cô gái trẻ đã cưới người bạn thân nhất của anh ta, một người dẫu có nghèo hơn nhưng rõ ràng cũng khôn ngoan hơn chàng trai trẻ.

“Nếu là anh thì anh sẽ làm gì?” Tôi hỏi trêu Jamie. “Anh sẽ không cưới khi không có tiền, hay sẽ chọn cô gái và mặc xác tiền bạc?” Câu hỏi này có vẻ gây hứng thú cho cả Laoghaire, cô ta nghiêng đầu lắng nghe câu trả lời, trong khi vẫn vờ như đang hết sức chú ý tới khúc sáo mà Gwyllyn vừa mới thổi.

“Tôi ư?” Jamie có vẻ thích thú với câu hỏi này. “Chà, vì tôi vốn không có tiền, cũng rất ít khả năng kiếm được tiền, nên tôi cho là tôi sẽ dựa vào vận may của mình để tìm một cô gái cưới tôi mà chẳng màng đến tiền bạc.” Anh ta lắc đầu, cười toét miệng. “Tôi không muốn đụng độ những con rắn biển.”

Anh ta còn định nói thêm điều gì đó nhưng bị Laoghaire ngăn lại. Cô ta dè dặt chạm vào cánh tay anh ta rồi đỏ mặt, rụt tay lại như phải bồng.

“Suýt,” cô ta nói. “Ý tôi là... ông ấy sắp kể chuyện. Anh không muốn nghe hay sao?”

“Ồ, có chứ.” Jamie ngồi ngả về phía trước một chút, vẻ chờ đợi, rồi nhận ra rằng mình chắn mất tầm nhìn của tôi nên khăng khăng bắt tôi ngồi sang phía bên kia của anh ta, buộc Laoghaire dịch ra xa hơn trên băng ghế. Tôi có thể thấy cô gái không vui vẻ gì với sự sắp đặt này, vì vậy tôi cố gắng từ chối, nhưng anh ta rất kiên quyết.

“Không, ngồi ở đó cô sẽ nhìn và nghe rõ hơn. Với lại, nếu ông ta nói tiếng Gaelic, tôi có thể ghé tai cô để thì thầm dịch lại cho cô hiểu.”

Màn trình diễn nào của thi sĩ cũng được hoan hô nhiệt liệt, mặc dù mọi người rì rầm tán gẫu trong lúc ông ta chơi nhạc, tạo nên một tiếng âm a trầm thấp bên dưới tiếng đàn hạc cao vút, ngọt ngào. Nhưng bây giờ cả đại sảnh bỗng im phăng phắc đầy vẻ mong đợi. Giọng nói của Gwyllyn cũng trong veo như giọng hát của ông ta, mỗi lời nói đều cao vút, chạm tới tận phía cuối của cái đại sảnh cao rộng, giá lạnh mà không cần phải gắng sức.

“Đó là thời điểm cách đây hai trăm năm...” Ông ta nói bằng tiếng Anh, và tôi bỗng cảm thấy ngỡ ngợ. Đây chính là cách mà hướng dẫn viên của chúng tôi trên hồ Ness đã dùng để kể về những huyền thoại ở thung lũng lớn.

Nhưng ông ta không kể chuyện ma hay chuyện về những vị anh hùng, mà là một câu chuyện về loài tiên.

“Có một tộc tiên sống gần Dundreggan,” ông ta bắt đầu. “Ngọn đồi ở đó được đặt tên theo con rồng cư ngụ nơi ấy, nó đã bị Fionn giết và chôn ngay chỗ nó ngã xuống. Sau khi Fionn và những người Feinn qua đời, tộc tiên sinh sống ở ngọn đồi đó muốn những bà mẹ loài người làm vú nuôi cho những đứa con tiên của mình, vì con người có thứ mà loài tiên không có, và loài tiên nghĩ rằng thứ đó có thể được truyền cho con mình thông qua sữa mẹ.

Chuyện kể rằng, Ewan MacDonald, một người dân ở Dundreggan, đang chăm sóc đám gia súc ngoài trời tối vào cái đêm vợ anh ta sinh hạ đứa con trai đầu lòng. Bỗng có một cơn gió đêm thổi qua, và trong tiếng gió vi vút, anh ta nghe thấy tiếng kêu của vợ mình. Cô kêu la như lúc trước khi đứa trẻ được sinh ra. Nghe thấy tiếng cô ấy, Ewan MacDonald liền quay người lại và phóng con dao vào cơn gió. Thế là vợ anh ta rơi xuống đất một cách an toàn bên cạnh anh ta.”

Mọi người đồng thanh “a” lên trước đoạn kết của câu chuyện, và nó nhanh chóng được tiếp nối bởi những câu chuyện về sự thông minh, khéo léo của loài tiên và sự tương tác của họ với thế giới loài người. Có chuyện được kể bằng tiếng Gaelic, có chuyện lại được kể bằng tiếng Anh, tùy vào

việc thứ ngôn ngữ nào phù hợp nhất với nhịp điệu của các câu từ, vì ngoài nội dung câu chuyện, thứ hấp dẫn người nghe còn nằm ở giọng kể. Giữ lời hứa, Jamie thì thầm dịch cho tôi nghe những câu chuyện được kể bằng tiếng Gaelic, trôi chảy đến mức khiến tôi nghĩ hẳn anh ta đã nghe chúng nhiều lần rồi.

Có một câu chuyện mà tôi đặc biệt chú ý, kể về một người đàn ông đi lên một ngọn đồi tiên vào lúc đêm khuya, và nghe thấy tiếng một phụ nữ cất lời ca “buồn bã và ai oán” từ chính những tảng đá trên ngọn đồi này. Anh ta lắng tai kĩ hơn và nghe thấy những lời sau:

*“Ta là vợ của Lãnh chúa Balnain,
Loài tiên đã lại bắt cóc ta lần nữa.”*

Thế là anh ta vội vàng chạy tới nhà của Lãnh chúa Balnain và thấy chủ nhân đi vắng, còn vợ và đứa con trai sơ sinh của ông ta đã biến mất. Anh ta liền hốt hải đi tìm một linh mục và đưa ông ta quay lại ngọn đồi tiên. Viên linh mục ban phép cho những tảng đá của ngọn đồi và tưới nước thánh lên chúng. Đột nhiên màn đêm trở nên đen kịt và có một tiếng động lớn nghe như tiếng sấm. Thế rồi mặt trăng lộ ra từ sau một đám mây và chiếu ánh sáng lên người phụ nữ, vợ của Lãnh chúa Balnain, đang kiệt sức nằm trên cỏ với đứa con trong vòng tay. Người phụ nữ mệt mỏi rã rời như thể cô đã đi một quãng đường dài, nhưng không thể nhận ra mình đã ở đâu hay làm thế nào mà cô tới được đó.

Những người khác trong đại sảnh cũng có chuyện để kể, và Gwyllyn ngồi nghỉ trên chiếc ghế đầu của mình, nhắm nháp rượu vang trong lúc hết người này đến người khác nhường chỗ cho nhau bên cạnh lò sưởi, kể các câu chuyện khiến cho cả đại sảnh say mê.

Vài câu chuyện trong số này chẳng lọt nổi vào tai tôi. Tôi còn mãi chìm đắm trong những suy nghĩ của mình, chúng đang đảo lộn lung tung trong đầu tôi dưới sức ảnh hưởng của rượu vang, âm nhạc và những chuyện thần tiên.

“Đó là thời điểm khoảng hai trăm năm trước...”

Các câu chuyện của vùng cao nguyên luôn bắt đầu bằng thời điểm hai trăm năm, giọng nói của mục sư Wakefield vang lên trong tâm trí tôi. Tương tự như “Ngày xưa ngày xưa”, chị biết đấy.

Và những người phụ nữ bị mắc kẹt giữa các tảng đá trên những ngọn đồi tiên, bị kiệt sức sau một quãng đường xa xôi, không biết mình đã ở đâu cũng như làm cách nào mà mình tới được đó.

Tôi cảm thấy lông tay dựng đứng như thể bị lạnh, và vôi vàng xoa xoa chúng. Hai trăm năm. Từ 1945 ngược về 1743; vâng, gần đủ. Còn chuyện những người phụ nữ đi xuyên qua các tảng đá. Phải chăng luôn là phụ nữ? Tôi đột nhiên tự hỏi.

Một điều khác cũng chọt nảy ra trong đầu tôi. Những người phụ nữ có quay trở lại. Dù là nhờ nước thánh, bùa chú hay con dao, *họ có quay trở lại*. Vì vậy có lẽ, chỉ là có lẽ thôi, tôi sẽ trở về được. Tôi phải quay lại vòng tròn đá trên Craigh na Dun. Nỗi phẫn khích dâng lên khiến tôi hơi nôn nao, và tôi vươn tay với lấy ly rượu để tự trấn tĩnh mình.

“Cẩn thận!” Những ngón tay mò mẫm của tôi va phải mép chiếc ly thủy tinh đầy gần đến miệng mà tôi đã bắt cần đặt bên cạnh mình trên băng ghế. Cánh tay dài của Jamie vươn ngang qua lòng tôi, cứu cái ly thoát khỏi thảm họa trong đường tơ kẽ tóc. Anh ta nhắc cái ly lên, khéo léo kẹp chân ly giữa hai ngón tay to lớn, nhẹ nhàng đưa qua đưa lại bên dưới mũi mình. Rồi anh ta trả nó lại cho tôi, hai hàng lông mày nhướng lên.

“Rượu vang vùng sông Rhine,” tôi giải thích.

“Ừ, tôi biết,” anh ta nói, vẫn nhướng mày. “Của Colum, đúng không?”

“Đúng vậy. Anh có muốn nếm thử một chút không? Rượu ngon lắm!” Tôi giơ cái ly ra, hơi run rẩy. Sau một thoáng ngần ngừ, anh ta nhận lấy và thử một ngụm nhỏ.

“Ày, ngon thật,” anh ta nói, đưa trả cái ly lại cho tôi. “Cũng mạnh gấp đôi rượu thường. Colum uống loại rượu này vào ban đêm bởi vì chân ông

ấy bị đau. Cô đã uống mấy ly thế?” Anh ta hỏi, nheo mắt nhìn tôi.

“Hai, không, ba ly,” tôi nói, với chút kiêu hãnh. “Anh đang ám chỉ rằng tôi bị say sao?”

“Không,” anh ta nói, lông mày vẫn nhướng lên. “Tôi ngạc nhiên vì cô không say. Hầu hết những người uống với Colum đều say bí tỉ sau ly thứ hai.” Anh ta vươn tay lấy lại cái ly từ tay tôi.

“Tuy nhiên,” anh ta nói thêm với giọng kiên quyết, “tôi nghĩ cô không nên uống thêm nữa, nếu không cô sẽ không leo nổi cầu thang đâu.” Anh ta ngửa cổ uống cạn rồi đưa cái ly rỗng cho Laoghaire mà không nhìn cô ta.

“Phiền cô trả nó về chỗ cũ, được không,” anh ta lơ đãng nói. “Cũng muộn rồi; tôi nghĩ là tôi sẽ đưa cô Beauchamp về phòng.” Rồi anh ta chạm vào khuỷu tay tôi, đẩy tôi về phía cửa tò vò, bỏ mặc cô gái đứng nhìn chăm chăm theo sau chúng tôi với ánh mắt đăm đăm sát khí.

Jamie cứ thế theo tôi vào tận trong phòng khiến tôi có chút kinh ngạc. Nhưng rồi nỗi kinh ngạc ấy cũng biến mất khi anh ta đóng cửa và cởi áo. Tôi đã quên mất lớp băng bó ở vai anh ta mà tôi đã định tháo ra trong hai ngày qua.

“Tôi muốn tháo thứ này lắm rồi,” anh ta nói, xoa xoa lớp băng quấn băng vải lạnh và xơ nhân tạo. “Nó làm tôi khó chịu mấy ngày nay.”

“Tôi ngạc nhiên vì anh không tự mình cởi nó ra đấy,” tôi nói, giơ tay cởi các nút thắt.

“Tôi sợ, sau khi bị cô quát mắng lúc cô quấn lớp băng đầu tiên,” anh ta nói, cười nhăn nhó. “Tôi nghĩ mình sẽ bị té vào mông nếu tôi chạm vào nó.”

“Anh sẽ bị té ngay bây giờ nếu không chịu ngồi yên,” tôi đáp trả, giả vờ nghiêm khắc, đặt cả hai tay lên bờ vai lạnh lặn của anh ta rồi ấn anh ta ngồi xuống cái ghế đẩu, cảm thấy mình hơi chao đảo.

Tôi cởi lớp băng ra và cẩn thận thăm dò khớp vai. Nó vẫn còn hơi sưng và bầm tím, nhưng ơn trời là tôi không tìm thấy bằng chứng nào cho

thấy cơ bị rách.

“Nếu anh nóng lòng muốn tống khứ nó đến thế tại sao anh không để cho tôi tháo nó ra vào chiều hôm qua?” Thái độ của anh ta ở bãi giữ ngựa khi đó đã làm tôi khó hiểu, và bây giờ tôi càng khó hiểu hơn nữa khi nhìn thấy những mảng da đỏ sần lên vì bị các mép của lớp băng vải lạnh cọ vào. Tôi cẩn trọng nhấc lớp băng ra, nhưng ở bên dưới tất cả đều ổn.

Anh ta liếc tôi rồi cup mắt xuống về ngượng ngùng. “Chà, chỉ là... ờ, chỉ là tôi không muốn cởi áo trước mặt Alec.”

“Anh xấu hổ à?” Tôi hỏi giễu, bắt anh ta giơ tay lên để thử sự căng duỗi của khớp vai. Anh ta hơi nhăn nhó trước cử động này, nhưng mỉm cười trước câu nói ấy.

“Nếu tôi xấu hổ, tôi đã không cởi trần ngồi trong phòng cô, đúng không? Không phải thế đâu, mà là vì những dấu vết trên lưng tôi.” Nhìn thấy tôi nhường mày, anh ta tiếp tục giải thích. “Alec biết tôi là ai - ý tôi là, ông ấy đã nghe nói tôi bị tra tấn, nhưng ông ấy chưa được nhìn thấy thương tích của tôi. Biết là một chuyện, tận mắt nhìn thấy lại là một chuyện khác.” Anh ta rón rén sờ lên cái vai bị đau, cau mày nhìn xuống sàn nhà. “Đó là - có lẽ cô sẽ không hiểu đâu. Khi cô biết một người đàn ông phải chịu một thương tích nào đấy, đó chỉ là một trong những điều mà cô biết về anh ta, và nó không tạo ra nhiều khác biệt trong cách cô nhìn anh ta. Alec biết tôi bị quất roi, giống như ông ấy biết tôi có mái tóc đỏ, và điều đó không ảnh hưởng gì đến cách ông ấy đối xử với tôi.” Anh ta ngẩng lên, tìm kiếm dấu hiệu thấu hiểu từ tôi.

“Nhưng khi cô chính mắt nhìn thấy thì” - anh ta ngập ngừng, tìm kiếm từ thích hợp - “nó hơi... ảnh hưởng đến cảm xúc cá nhân, có lẽ vậy. Tôi nghĩ... nếu ông ấy nhìn thấy những vết sẹo, mỗi lần thấy tôi, ông ấy sẽ không thể không nghĩ đến cái lưng của tôi. Còn tôi sẽ nhìn ra ông ấy đang nghĩ về nó, và khiến tôi nhớ đến nó, và...” Anh ta đột ngột ngừng lại, nhún vai.

“Chà. Tôi giải thích tệ lắm phải không? Dù sao đi nữa, tôi chắc chắn mình rất nhạy cảm với chuyện đó. Mà xét cho cùng, tôi đâu thể nhìn thấy cái lưng của mình chứ; có lẽ nó cũng không khủng khiếp như tôi nghĩ.” Tôi đã nhìn thấy những người đàn ông bị thương chống nạng đi trên đường phố và người ta đi qua họ với ánh mắt lảng tránh, vì vậy tôi nghĩ lời giải thích của anh ta không có gì khó hiểu.

“Anh không ngại nếu tôi xem cái lưng của anh chứ?”

“Không, tôi không ngại đâu.” Giọng anh ta có vẻ hơi kinh ngạc, và anh ta ngừng lại một thoáng để suy nghĩ. “Tôi cho là... cô có khả năng bày tỏ sự thông cảm của mình mà không làm tôi cảm thấy bị thương hại.”

Anh ta kiên nhẫn ngồi im khi tôi đi vòng ra đằng sau để kiểm tra cái lưng của anh ta. Tôi không biết anh ta nghĩ nó tệ đến mức nào, nhưng nó thực sự khủng khiếp. Ngay cả trong ánh nến và dù đã từng nhìn thấy nó một lần trước đó, tôi vẫn hết sức bàng hoàng. Trước đây, tôi chỉ nhìn thấy một bên vai. Giờ thì tôi mới thấy các vết sẹo phủ kín lưng anh ta từ vai tới eo. Mặc dù nhiều vết đã mờ đi, chỉ còn là những lằn mảnh màu trắng, nhưng vẫn có những vết gồ lên dày cộm. Tôi có chút tiếc nuối khi nghĩ rằng tấm lưng anh ta hẳn đã từng rất đẹp. Da anh ta sáng và tươi tắn, từng lằn xương và bắp thịt vẫn rắn chắc và duyên dáng, hai bờ vai phẳng, vuông vức, còn xương sống là một đường rãnh thẳng băng hẳn sâu giữa những búi cơ tròn lẳn nổi lên ở hai bên.

Jamie nói đúng. Nhìn những vết thương chằng chịt này, trong đầu tôi không thể không vẽ lên một bức tranh về quá trình gây ra chúng. Tôi cố gắng không tưởng tượng ra hai cánh tay cơ bắp dang rộng như cánh đại bàng, bị trói chặt đến mức những sợi dây thừng cửa thít vào cổ tay, cái đầu có mái tóc màu đồng gục mạnh vào cột trong nỗi đau đớn, nhưng những dấu vết này quá dễ dàng gợi lên những hình ảnh ấy. Anh ta có gào thét lúc bị đánh không? Tôi vội vàng xua ý nghĩ đó đi. Dĩ nhiên, tôi đã nghe kể về những hành động còn tàn bạo hơn thế này nhiều qua những câu chuyện rò rỉ ra từ nước Đức thời hậu chiến, nhưng anh ta *nói đúng*; chỉ nghe nói thôi thì không thể so với việc tận mắt nhìn thấy.

Tôi bắt giác giơ tay ra, như thể chỉ cần chạm vào là tôi có thể chữa lành cho anh ta và những ngón tay tôi có thể tẩy xóa mọi dấu vết. Anh ta thở dài một hơi nhưng không cử động khi tôi lần theo từng vết sẹo sâu hoắm, như muốn chỉ cho anh ta thấy mức độ tổn thương mà anh ta không thể nhìn được. Cuối cùng, tôi nhẹ nhàng đặt tay lên vai anh ta trong im lặng, cố tìm lời để nói.

Anh ta đặt tay lên tay tôi, khẽ siết lại như để tỏ ý cảm ơn những điều tôi còn chưa kịp nói ra.

“Có những người còn gặp phải những chuyện tồi tệ hơn mà,” anh ta khẽ nói, rồi buông tay tôi ra và bầu không khí xúc động bị phá vỡ.

“Có vẻ như nó đang lành lại,” anh ta nói, cố gắng ngoảnh nhìn vết thương trên vai. “Nó không còn đau nhiều nữa.”

“Tốt rồi,” tôi nói, hăng giọng để xua đi cảm giác ghen ghen nơi cuống họng. “Nó đang lành lại; đã đóng vảy và không bị chảy mủ. Chỉ cần giữ nó sạch sẽ và đừng cử động cánh tay nhiều hơn mức cần thiết trong hai, ba ngày nữa.” Tôi vỗ vỗ cái vai lành lặn, ra hiệu tiễn khách. Anh ta mặc lại áo mà không cần trợ giúp, nhét phần đuôi áo dài thòng vào trong váy.

Anh ta thoáng dừng lại bên ngưỡng cửa, lúng túng tìm lời tạm biệt. Cuối cùng, anh ta mời tôi ngày mai tới chuồng ngựa để xem một con ngựa mới sinh. Tôi hứa sẽ đến, rồi chúng tôi đồng thanh chúc nhau ngủ ngon và bật cười, gật đầu với nhau khi tôi đóng cửa. Tôi leo lên giường ngay lập tức, mơ màng thiếp đi trong cơn chênh choáng, chìm vào những giấc mơ hỗn loạn mà sáng hôm sau tôi không còn nhớ được.

•••

Ngày mới lại đến, sau một buổi sáng dài khám chữa cho các bệnh nhân, lục lọi kho thực phẩm để tìm những loài thảo mộc hữu ích bổ sung cho tủ thuốc của mình, và - với chút kiểu cách - ghi chép lại các chi tiết vào cuốn sổ bìa đen của Davie Beaton, tôi rời khỏi căn phòng chật hẹp để đi bách bộ và kiểm chút không khí trong lành.

Lúc bấy giờ chẳng có ai lảng vảng xung quanh, tôi nhân cơ hội khám phá những tầng trên của lâu đài, nhòm ngó các căn phòng trống và những cầu thang xoắn ốc, đồng thời thăm vẽ sơ đồ của tòa lâu đài trong đầu. Thiết kế của tòa lâu đài rất bất thường. Nó đã được sửa sang, thêm thắt chỗ này chỗ nọ qua năm tháng, cho đến khi khó mà biết được thiết kế ban đầu của nó ra sao. Trong cái hành lang này, chẳng hạn, có một cái hốc tường xây thụt vào trong bên cạnh cầu thang, rõ ràng chẳng có mục đích gì ngoài việc lấp đầy một không gian trống vốn quá nhỏ để xây nên một căn phòng hoàn thiện.

Hốc tường được che chắn phần nào bởi một tấm rèm vải lanh kẻ sọc; nếu mắt tôi không bất chợt bắt gặp thứ gì đó trắng lấp lóa ở bên trong thì tôi đã cứ thế mà đi thẳng qua rồi. Tôi dừng lại ngay bên ngoài hốc tường, nhòm vào trong để xem nó là gì. Hóa ra đó là cái tay áo của Jamie, đang vòng qua tấm lưng của một cô gái và kéo cô ta lại để hôn. Cô ta ngồi trên đùi anh ta, mái tóc vàng bắt lấy ánh nắng hắt vào qua một khe hở nhỏ, óng ánh như một con suối đầy cá hồi vào một buổi sáng rực rỡ.

Tôi ngập ngừng, không biết phải làm gì. Tôi không muốn theo dõi bọn họ, nhưng sợ rằng tiếng bước chân của mình trên những phiến đá hành lang sẽ làm họ giật mình chú ý. Trong lúc tôi đang do dự, Jamie bỗng khựng lại và ngẩng lên nhìn. Khi đôi mắt anh ta bắt gặp ánh mắt tôi, khuôn mặt đang méo xệch vì hốt hoảng lập tức trở nên nhẹ nhõm. Khẽ nhượng mào và nhún vai, anh ta ôm cô gái chặt hơn và cúi xuống làm nốt công việc đang dang dở. Tôi lùi lại và nhón chân đi. Đây không phải việc của tôi. Tuy nhiên, tôi ngờ rằng cả Colum và cha cô gái đều sẽ coi “cuộc giao thiệp” này là một hành vi đồi bại. Trận đòn tiếp theo sẽ lại giáng xuống đầu anh ta nếu họ không cẩn thận hơn trong việc lựa chọn địa điểm gặp gỡ.

Bữa tối hôm đó, thấy anh ta và già Alec có mặt, tôi liền ngồi xuống đối diện với họ qua cái bàn dài. Jamie vui vẻ chào tôi, nhưng trong mắt ánh lên vẻ cẩn trọng. Già Alec thì chỉ ậm ừ như thường lệ. Theo lời ông ta giải thích với tôi, phụ nữ không hiểu gì về ngựa, do đó khó mà nói chuyện cùng.

“Việc huấn luyện ngựa thế nào rồi?” Tôi hỏi, cản trở cái miệng đang nhai mãi miết ở phía bên kia bàn.

“Tốt,” Jamie thận trọng trả lời.

Tôi nhìn anh ta qua đĩa củ cải luộc. “Miệng anh hơi sưng, Jamie. Bị ngựa đá à?” Tôi tinh quái hỏi.

“Ừ,” anh ta trả lời, mắt gườm gườm. “Nó bất ngờ hất đầu lúc tôi không để ý.” Anh ta bình thản nói, nhưng tôi cảm thấy một bàn chân to lớn giẫm lên chân tôi bên dưới gầm bàn. Nó giẫm xuống khẽ thôi, nhưng đầy vẻ đe dọa.

“Xui xẻo quá; những con ngựa cái non^[52] đó có vẻ nguy hiểm đấy,” tôi giả bộ ngây thơ nói.

Bàn chân ép mạnh xuống khi Alec nói: “Ngựa cái non? Hiện giờ bây có làm gì với lũ ngựa cái non đâu nhỉ, thẳng lỗi?” Sau khi dùng bàn chân còn lại để bẩy chân anh ta ra nhưng không được, tôi bèn đá mạnh vào mắt cá chân anh ta. Jamie đột nhiên giật nảy.

“Bây làm sao thế?” Alec hỏi.

“Cần phải lười,” Jamie lẩm bẩm, trừng mắt nhìn tôi qua bàn tay đang bịt miệng.

“Thẳng ngốc vụng về. Nhưng không ngoài những gì ta dự đoán ở một thẳng đần thậm chí còn không thể tránh được một con ngựa khi...” Alec lải nhải trong vài phút, mắng mỏ người trợ lý về mức độ vụng về, lười biếng, ngu ngốc và nói chung là vô tích sự. Tôi thấy Jamie chẳng hề giống với những lời ông ta buộc tội, nhưng anh ta cứ cắm cúi ăn, để mặc ông ta chỉ trích kịch liệt, có điều hai má anh ta đỏ bừng. Tôi e dè dán chặt mắt vào cái đĩa của mình trong suốt thời gian còn lại của bữa ăn.

Từ chối đĩa hầm thứ hai, Jamie đột ngột rời khỏi bàn, chấm dứt tràng đả kích của Alec. Ông lão nài ngựa và tôi lặng lẽ ăn trong vài phút. Ông ta quệt miếng bánh mỳ cuối cùng lên cái đĩa của mình, nhét vào miệng rồi tựa

vào lưng ghế, chăm chú nhìn tôi với vẻ nhạo báng bằng con mắt màu xanh duy nhất.

“Cô không nên chọc tức thằng lỏi đó,” ông ta như đang trò chuyện tâm tình. “Nếu cha cô gái hay Colum biết chuyện, thằng nhỏ Jamie có thể phải nhận một thứ gì đó còn khủng khiếp hơn cả một con mắt thâm tím đấy.”

“Chẳng hạn như một người vợ?” Tôi nói, nhìn thẳng vào mắt ông ta. Ông ta chậm chậm gật đầu.

“Có thể. Và đó không phải là người vợ mà nó nên có.”

“Không phải ư?” Tôi hơi ngạc nhiên trước điều này, sau khi đã nghe lỏm được những lời nhận xét của Alec ở bãi giữ ngựa.

“Đúng vậy, thằng bé cần một người phụ nữ chứ không phải một cô gái. Mà cho đến năm mười tuổi thì Laoghaire vẫn sẽ chỉ là một cô gái mà thôi.” Cái miệng già nua nghiêm khắc cong lên như đang cười. “Có thể cô nghĩ tôi sống cả đời trong một cái chuồng ngựa thì biết được gì, nhưng tôi từng có vợ và vợ tôi là một người phụ nữ, vì thế tôi hiểu rất rõ sự khác biệt.” Con mắt xanh ánh lên khi ông ta nhồm dậy. “Cô cũng vậy.”

Tôi hấp tấp vươn tay ra để ngăn ông ta lại. “Làm sao ông biết...” Tôi mở miệng. Già Alec phì cười.

“Có thể tôi chỉ có một con mắt thôi; nhưng thế không có nghĩa là tôi mù.” Ông ta kéo kẹt rời đi, vừa đi vừa cười hô hố. Tôi trở về phòng mình, ngẫm nghĩ không biết ông lão nài ngựa ám chỉ điều gì, nếu có, trong câu nói cuối cùng.

9

Lễ tụ hội

Cuộc sống của tôi có vẻ đang đi vào quỹ đạo, dẫu vẫn chưa hẳn thành nền nếp. Thức dậy từ lúc rạng đông với các cư dân còn lại của lâu đài, tôi ăn sáng trong đại sảnh, sau đó, nếu bà Fitz không có bệnh nhân nào cho tôi thăm khám, tôi sẽ tới làm việc trong những khu vườn rộng lớn của lâu đài. Có vài người phụ nữ chuyên làm việc ở đó cùng với một đội ngũ phục vụ gồm những chàng trai có vóc dáng khác nhau, thường xuyên đến rồi lại đi, mang theo rác rưởi, dụng cụ và hàng tải phân bón. Tôi thường làm việc ở đó cho đến hết ngày, thi thoảng tới khu bếp giúp so chế các loại rau củ mới hái để các đầu bếp nấu nướng hoặc bảo quản, trừ phi có trường hợp khẩn cấp nào đó cần chữa trị buộc tôi trở lại Skulkery - cách tôi gọi căn phòng kinh hoàng của ông Beaton quá cố.

Tháng hoặc, tôi sẽ nhận lời mời của Alec và đến thăm khu chuồng ngựa hoặc bãi giữ ngựa, thường thức cảnh tượng lũ ngựa trút bỏ những tấm áo choàng mùa đông xù xì thành từng đống, trở nên khỏe khoắn và bóng mượt nhờ đám cỏ mùa xuân. Có những hôm tôi sẽ đi ngủ ngay sau bữa tối vì kiệt sức với những công việc trong ngày. Còn hôm nào mắt không díp lại sớm, tôi sẽ tới đại sảnh để tiêu khiển bằng những câu chuyện kể, tiếng ca hát hoặc đàn sáo. Tôi có thể say mê lắng nghe Gwyllyn - thi sĩ xứ Wales - hàng tiếng đồng hồ, mặc dù hoàn toàn không hiểu ông ta nói gì.

Khi các cư dân của lâu đài đã quen với sự hiện diện của tôi, và tôi cũng quen thuộc với họ, vài người phụ nữ bắt đầu e dè kết bạn và trò chuyện với tôi. Rõ ràng họ rất tò mò về tôi, nhưng tôi trả lời tất cả những câu hỏi thăm dò của họ bằng những biến thể khác nhau của câu chuyện mà tôi đã kể cho Colum nghe, và sau một thời gian, họ không còn hỏi han gì về

thân thể của tôi nữa. Tuy nhiên, khi phát hiện ra tôi có đôi chút hiểu biết về y thuật, họ lại càng quan tâm đến tôi, và bắt đầu hỏi tôi những câu hỏi liên quan đến bệnh tình của con cái, chồng và lũ gia súc của họ, trong hầu hết trường hợp, họ còn chẳng phân biệt nổi mức độ quan trọng giữa hai đối tượng được nhắc đến ở cuối.

Bên cạnh những câu hỏi và những lời chuyện gẫu bình thường, mọi người bàn tán khá nhiều về lễ tụ hội sắp tới mà tôi đã nghe già Alec nhắc đến lúc ở bãi giữ ngựa. Tôi kết luận rằng đây là một dịp quan trọng, và càng tin chắc vào điều đó bởi quy mô của sự chuẩn bị dành cho nó. Một dòng suối thực phẩm bất tận đổ vào các căn bếp lớn, hơn hai mươi thân súc vật đã được lột da treo trong lò mổ, đằng sau một màn khói thơm ngán lữ ruồi lại gần. Hàng tá thùng bia lớn được xe ngựa chở đến và đem xuống tầng hầm, những túi bột mịn được chuyển về từ xưởng xay xát trong làng để chuẩn bị làm bánh, và anh đào với mơ được hái hằng ngày từ các vườn cây bên ngoài bức tường bao của lâu đài.

Vài người phụ nữ trẻ trong lâu đài rủ tôi đi hái quả cùng họ, và tôi sốt sắng nhận lời, nóng lòng muốn được thoát khỏi cái bóng gấm ghiếc của những bức tường đá.

Vườn cây ăn quả thật đẹp, tôi thích thú dạo bước qua màn sương mù buổi sáng lành lạnh của xứ Scotland, lần tay qua các khóm lá ẩm ướt để tìm những quả anh đào sáng bóng và những quả mơ mập mạp, nhẵn nhụi, nhẹ nhàng sờ nắn để đánh giá độ chín của chúng. Chúng tôi chỉ hái những quả ngon nhất, bỏ vào giỏ, sau khi ăn thỏa thích thì mang số còn lại về để làm bánh tạc và bánh nướng. Những kệ thực phẩm khổng lồ gần như chật kín nào bột nhồi, rượu mùi, giấm bông và đủ loại cao lương mỹ vị khác.

“Thường thì có bao nhiêu người tới tham dự một lễ tụ hội vậy?” Tôi hỏi Magdalen, một cô gái đã trở nên thân thiết với tôi.

Cô ta nhăn cái mũi hếch lâm tẩm tàn nhang ra chiều suy nghĩ. “Tôi không biết chắc. Lễ tụ hội lớn ở Leoch gần đây nhất là từ hơn hai mươi năm trước rồi, hồi đó có khoảng, ờ, chừng hai trăm người tới - đó là khi cụ

Jacob mất và ngài Colum được tôn lên làm lãnh chúa. Có thể năm nay sẽ đông hơn; vì năm nay là một năm được mùa và người dân sẽ có thêm chút tiền dành dụm, do đó nhiều người sẽ mang vợ con theo.”

Các vị khách đã bắt đầu đến lâu đài, nhưng tôi nghe nói phải vài ngày nữa những phần chính thức của lễ tụ hội như lễ tuyên thệ cuộc đi săn và các trò chơi mới diễn ra. Những người trượng phu và tá điền được trọng vọng trọ luôn trong lâu đài, còn các chiến binh và nông dân nghèo khổ thì dựng trại trên một cánh đồng hoang phía dưới con suối đổ vào cái hồ của lâu đài. Những kẻ lang thang, dân Di gan và những người bán hàng dạo đã dựng lên một phiên chợ tạm gần cây cầu. Cư dân của lâu đài và ngôi làng gần đó đã bắt đầu lui tới địa điểm này vào các buổi tối, khi đã hoàn thành hết các công việc trong ngày, để mua sắm dụng cụ và những vật trang trí lộng lẫy, xem xiếc tung hứng và nắm bắt mẩu tin đồn mới nhất.

Tôi dán mắt nhìn kẻ đến người đi, thường xuyên đến thăm chuồng ngựa và bãi giữ ngựa. Hiện ở đó có rất nhiều ngựa của các vị khách tạm trú trong lâu đài. Giữa sự hỗn loạn và náo động của lễ tụ hội, tôi nghĩ, tôi sẽ không gặp khó khăn gì trong việc tìm cơ hội để trốn thoát.

...

Tôi gặp Geillis Duncan lần đầu tiên trong một buổi đi hái quả. Sau khi phát hiện ra một khoảng nhỏ *Ascaria*^[53] bên dưới đám rễ của một cây tông quán sủi, tôi liền lùng tìm thêm ít nữa. Những cây nấm màu đỏ tươi mọc thành từng cụm nhỏ chỉ khoảng bốn, năm cây, nhưng có đến mấy cụm như thế nằm rải rác khắp bãi cỏ dài ở phía bên này của vườn cây. Giọng nói của những người phụ nữ đang hái quả càng lúc càng trở nên nhỏ đi khi tôi len lỏi về phía rìa khu vườn, khom người rồi bò bằng cả tay và đầu gối để hái những cây nấm mỏng manh.

“Loại đó độc đây,” một giọng nói cất lên từ sau lưng khi tôi đang cúi nhìn một khoảng *Ascaria*, khiến tôi vội vàng đứng thẳng dậy và va mạnh đầu vào một nhánh thông ở bên trên.

Khi đã nhìn được rõ ràng, tôi thấy trước mắt mình là một người phụ nữ trẻ cao ráo đang cười giòn tan. Cô ta lớn hơn tôi chừng vài tuổi, có mái tóc và làn da sáng màu, với đôi mắt màu xanh lục đáng yêu nhất mà tôi từng thấy.

“Tôi xin lỗi vì đã cười nhạo cô,” cô ta nói để lộ lúm đồng tiền khi bước xuống khoảng trống mà tôi đang đứng. “Tôi không thể kìm được.”

“Chắc là trông tôi ngớ ngẩn lắm tôi xác xược nói, xoa xoa chỗ đau trên đỉnh đầu. “Và cảm ơn chị vì lời cảnh báo, nhưng tôi biết chúng là nấm độc.

“Ồ, cô biết ư? Vậy thì cô tính dùng nó để thủ tiêu ai vậy? Chồng cô chẳng? Nói cho tôi biết liệu nó có tác dụng không nhé, để tôi thử với chồng tôi.” Nụ cười của cô ta thật dễ lây lan, và tôi thấy mình đang mỉm cười đáp lại.

Tôi giải thích rằng mặc dù những cây nấm tươi thực sự có độc, nhưng nấm khô nghiền nhỏ lại rất hiệu nghiệm trong việc cầm máu khi rịt lên vết thương. Bà Fitz đã nói vậy; tôi tin tưởng bà ấy hơn là cuốn *Cẩm nang thầy thuốc* của ông Davie Beaton.

“Lạ nhỉ!” Cô ta nói, vẫn mỉm cười. “Và cô có biết rằng những thứ này” - cô ta cúi xuống, hái một nấm hoa nhỏ xíu màu xanh lam có lá hình trái tim - “sẽ gây chảy máu không?”

“Không,” tôi nói, sửng sốt. “Tại sao lại có người muốn gây chảy máu chứ?”

Cô ta nhìn tôi với vẻ kiên nhẫn bực bội. “Ý tôi là, để bỏ đi một đứa bé mà cô không muốn. Nó gây sẩy thai, nhưng chỉ khi cô dùng nó sớm thôi. Nếu dùng quá muộn, nó có thể giết chết cả cô lẫn đứa trẻ.”

“Chị có vẻ hiểu rõ về nó nhỉ,” tôi nhận xét, vẫn có cảm giác mất mặt vì đã tỏ ra ngu ngốc.

“Một chút. Thi thoảng các cô gái trong làng lại tới chỗ tôi vì những chuyện như vậy, đôi khi có cả những người phụ nữ đã có gia đình. Họ nói

tôi là phù thủy,” cô ta nói, đôi mắt sáng rực mở to vẻ kinh ngạc vờ vịt, rồi nhe răng cười. “Nhưng chồng tôi là biện lý, vì vậy họ chỉ thì thầm to nhỏ với nhau thôi.”

“Chàng trai trẻ hay đi cùng cô,” cô ta tiếp tục, gật đầu, “có mấy người đã mua bùa yêu vì anh ta rồi đấy. Anh ta có phải là của cô không?”

“Của tôi ư? Ai cơ? Ý chị là, ờ, Jamie?” Tôi sửng sốt.

Người thiếu phụ tỏ vẻ thích thú. Cô ta ngồi xuống một khúc gỗ, xoắn một lọn tóc quanh ngón trỏ.

“Ồ, đúng vậy. Có vài người sẵn sàng chấp nhận một chàng trai với đôi mắt và mái tóc như thế, chẳng màng đến cái lệnh truy nã treo trên đầu anh ta hay liệu anh ta có tí tiền bạc nào không. Dĩ nhiên là cha họ sẽ nghĩ khác rồi.”

“Còn tôi,” cô ta tiếp tục, nhìn ra xa xăm, “tôi là kiểu người thực tế. Tôi đã lấy một người đàn ông có một ngôi nhà đẹp, một ít tiền để dành và một địa vị tốt. Tóc ông ta chẳng có lấy một cọng, còn mắt thì tôi chưa để ý bao giờ, nhưng ông ta không khiến tôi phiền lòng mấy.” Cô ta giơ cái giỏ mình mang theo ra cho tôi kiểm tra. Trong giỏ có bốn cái nhẫn hình củ.

“Nhẫn cây cẩm quỳ,” cô ta giải thích. “Chồng tôi thi thoảng bị lạnh bụng. Xì hơi như một con bò vậy.”

Tôi nghĩ nên ngừng chuỗi hội thoại này lại trước khi mọi thứ vượt khỏi tầm kiểm soát. “Tôi vẫn chưa giới thiệu về mình,” tôi nói, chìa tay ra để giúp cô ta đứng dậy. “Tên tôi là Claire. Claire Beauchamp.”

Bàn tay cầm lấy tay tôi trông thật mảnh mai với các ngón tay thon dài trắng trẻo, dù tôi nhận thấy các đầu móng tay đều bị cấu bẩn, có lẽ vì dính phải nhựa của các loài cây và quả mọng đang nằm dọc theo mấy cái nhẫn cẩm quỳ trong giỏ của cô ta.

“Tôi biết cô là ai,” cô ta nói. “Cả ngôi làng đã xì xầm về cô từ lúc cô đến lâu đài. Tên tôi là Geillis, Geillis Duncan.” Cô ta nhòm vào giỏ của tôi.

“Nếu cô đang tìm kiếm *balgan-buachrach*, tôi có thể chỉ cho cô chỗ chúng mọc nhiều nhất.”

Tôi nhận lời và chúng tôi tha thân một lúc qua những thung lũng nhỏ hẹp gần vườn cây ăn quả, cời bên dưới những khúc gỗ mục và bò quanh mép những cái hồ nhỏ trên núi, nơi có khá nhiều những cây nấm nhỏ xíu hình cái ô. Geillis rất am hiểu về các loài thực vật địa phương và công dụng của chúng, tuy nhiên trong số những công dụng mà cô ta nêu ra, có vài cái còn khá đáng ngờ. Chẳng hạn, tôi nghĩ cỏ thì không thể làm cho những cái mụn cóc mọc trên mũi của một đối thủ, và tôi cực kỳ nghi ngờ việc cỏ sắt có thể biến những con cóc thành chim bồ câu. Cô ta nháy mắt ranh mãnh, giải thích rằng cô ta chỉ đang kiểm tra vốn kiến thức hoặc có lẽ là sự nghi ngờ về yêu thuật của tôi mà thôi.

Bất chấp những sự trêu chọc ấy, tôi thấy cô ta là một người bạn đồng hành thú vị, với tài ăn nói dí dỏm và con mắt nhìn đời vui vẻ, dẫu có hơi nhạo báng. Cô ta có vẻ biết mọi điều cần biết về dân làng, vùng đồng quê và lâu đài. Chuyến khám phá của chúng tôi thì thoáng lại bị ngắt quãng bởi những lần nghỉ ngơi, trong đó cô ta “thết đãi” tôi những lời phàn nàn về vấn đề bụng dạ của ông chồng và những câu chuyện đồn đại thú vị dù có phần ác độc.

“Người ta nói cậu nhóc Hamish không phải là con của cha cậu ấy” có một lúc, cô ta nhắc đến đứa con duy nhất của Colum, cậu bé tóc đỏ khoảng tám tuổi mà tôi đã gặp trong bữa tối ở đại sảnh.

Lời đồn này không làm tôi ngạc nhiên lắm, vì chính tôi cũng đã rút ra kết luận tương tự. Tôi chỉ ngạc nhiên vì Letitia chỉ có một đứa con hoang, chắc là bà ta quá may mắn hoặc đã khôn ngoan tìm đến một người giống như Geilie đúng lúc. Tôi đã gốc ghếch nói với Geilie như vậy.

Cô ta hất mái tóc dài sáng màu và cười. “Không, không phải tôi. Letitia xinh đẹp không cần sự trợ giúp nào trong những vấn đề như vậy, tin tôi đi. Nếu người ta tìm kiếm một phù thủy trong vùng này, họ nên tìm kiếm ngay trong lâu đài thay vì ngôi làng.”

Nóng lòng muốn thay đổi sang một chủ đề an toàn hơn, tôi chộp lấy ý nghĩ đầu tiên xuất hiện trong đầu.

“Nếu cậu nhóc Hamish không phải là con của Colum, vậy thì cậu ta là con của ai?” Tôi hỏi, trèo qua một đồng đá cuội.

“Ồ, đương nhiên là của anh chàng ấy.” Cô ta quay sang đối diện với tôi, khuôn miệng nhỏ đầy vẻ giễu cợt và đôi mắt xanh ngời lên với vẻ tinh quái. “Anh chàng Jamie.”

•••

Một mình trở lại vườn cây, tôi gặp Magdalen với mái tóc xoắn tung khỏi tấm khăn trùm đầu và đôi mắt mở to lo lắng.

“Ồ, cô đây rồi,” cô ta nói, thốt ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm. “Chúng tôi đang định quay về lâu đài thì tôi mới nhớ ra cô.”

“Cô thật tốt bụng vì đã quay lại tìm tôi,” tôi nói, nhắc giỏ anh đào mà tôi đã bỏ lại trên bãi cỏ lên. “Nhưng tôi biết đường mà.”

Cô ta lắc đầu. “Cô nên cẩn thận, cưng à, không nên đi bộ một mình trong rừng vào thời điểm có đủ loại người đến tham dự lễ tụ hội như thế này. Colum đã ra lệnh...” Cô ta đột ngột dừng lại, đưa tay lên bịt miệng.

“Rằng cần phải theo dõi tôi?” Tôi nhẹ nhàng tiếp lời. Cô ta miễn cưỡng gật đầu, rõ ràng sợ tôi sẽ phật ý. Tôi nhún vai và cố gắng mỉm cười trấn an cô ta.

“Chà, tôi cho đó là lẽ đương nhiên thôi,” tôi nói. “Suy cho cùng, ông ấy chẳng được nghe ai ngoài chính tôi nói về việc tôi là ai, hay tôi đến đây bằng cách nào.” Trí tò mò đã lấn át óc suy xét của tôi. “Ông ấy nghĩ tôi là ai?” Tôi hỏi. Nhưng cô gái chỉ có thể lắc đầu.

“Cô là người Anh” là tất cả những gì cô ta nói.

Ngày hôm sau, tôi không quay lại vườn cây. Không phải vì tôi bị cấm túc trong lâu đài, mà là vì đột nhiên xảy ra một vụ ngộ độc thực phẩm cần

tôi đứng ra xử lý. Sau khi đã làm những gì có thể cho các nạn nhân, tôi bắt đầu lần tìm nguyên nhân gây ra ngộ độc.

Hóa ra nguyên nhân là thịt bò trong lò mổ bị ôi. Hôm sau, tôi đến lò mổ, đang tức giận trách mắng người thợ hun khói chính về sai sót trong việc bảo quản thịt thì cánh cửa đằng sau bỗng mở toang, phả đến một làn khói dày đặc khiến tôi nghẹt thở.

Tôi quay lại, hai mắt nhòe nước, và thấy Dougal MacKenzie hiện ra lơ mờ qua màn mây khói gỗ sồi.

“Bây giờ cô còn quản lý cả việc giết mổ nữa ư?” Ông ta mỉa mai hỏi. “Chẳng mấy chốc cô sẽ cai quản cả lâu đài, và bà Fitz sẽ phải đi tìm việc ở nơi khác.”

“Tôi chẳng muốn dính dáng gì đến tòa lâu đài bẩn thỉu của ông,” tôi cắn cẩu, lau đôi mắt giàn giụa nước khiến chiếc khăn tay lấm lem vệt than. “Tôi chỉ mong thoát khỏi nơi này càng nhanh càng tốt.”

Ông ta gật đầu lịch sự, vẫn cười toe. “Chà, ta có thể đáp ứng mong ước đó của cô đấy,” ông ta nói. “ít nhất là trong một thời gian ngắn.”

Tôi bỏ cái khăn tay xuống và chăm chăm nhìn ông ta. “Ý ông là gì?”

Ông ta ho và phẩy tay trước làn khói đang lùa về phía mình. Rồi ông ta kéo tôi ra khỏi lò mổ và quay về hướng chuồng ngựa.

“Hôm qua, cô nói với Colum là cô cần hoắc hương và một vài loại thảo mộc kỳ quặc khác?”

“Phải, để chế vài loại thuốc cho những người bị ngộ độc thực phẩm. Thế thì sao?” Tôi hỏi, vẫn còn nghi ngờ.

Ông ta nhún vai vẻ hiền hậu. “Chỉ là ta đang định dẫn ba con ngựa đến xưởng rèn trong làng để đóng móng. Vợ của viên biện lý là người bán dược thảo. Chắc chắn cô ấy có những cây thuốc mà cô đang cần. Nếu muốn, cô có thể cưỡi một trong những con ngựa để đi vào làng với ta.”

“Vợ của viên biện lý? Phu nhân Duncan?” Tôi lập tức cảm thấy vui vẻ hơn. Viễn cảnh hoàn toàn thoát khỏi lâu đài, dù chỉ trong một thời gian

ngắn, đúng là không thể cưỡng lại nổi.

Tôi vội vã lau mặt và nhét chiếc khăn bẩn vào thắt lưng.

“Đi thôi,” tôi nói.

•••

Tôi thích thú với chuyến đi ngắn ngủi xuống đồi để tới ngôi làng Cranesmuir, cho dù ngày hôm nay trời đầy mây và u ám. Dougal cũng đang có tâm trạng phấn khởi, ông ta tán gẫu và đùa cợt vui vẻ suốt chặng đường.

Trước tiên, chúng tôi ghé vào xưởng thợ rèn, Dougal để lại ba con ngựa cần đóng móng ở đó rồi chờ tôi lên ngồi sau yên ông ta để đi ngược lên con lộ chính tới nhà của vợ chồng Duncan. Đây là một tòa nhà hoành tráng có tường bằng khung gỗ cao bốn tầng, hai tầng dưới có cửa sổ bằng kính viền chì thanh lịch; những ô kính hình thoi mang màu tím và xanh lá cây nhạt.

Geilie vui vẻ chào đón chúng tôi, mừng rỡ vì có người bầu bạn vào một ngày ảm đạm như thế này.

“Tuyệt quá!” Cô ta thốt lên. “Tôi đang muốn có một cái cơ để đi khắp phòng chế biến thuốc và sắp xếp vải thú. Anne!”

Một bà người hầu trung niên thấp bé với khuôn mặt như quả táo mùa đông lộ ra từ một cánh cửa mà tôi không để ý, vì nó bị khuất sau lò sưởi.

“Đưa cô Claire lên phòng chế biến thuốc,” Geilie ra lệnh, “sau đó thì đi lấy cho chúng tôi một xô nước suối. Nhớ là lấy nước từ suối chứ không phải là từ cái giếng trong quảng trường đâu nhé!” Cô ta quay sang Dougal. “Tôi có để dành ít thuốc bổ cho anh trai ông như đã hứa. Ông vào bếp với tôi một lát nhé?”

Tôi đi lên một dãy cầu thang hẹp bằng gỗ theo sau thân hình giống như quả bí ngô của bà người hầu, bất ngờ bước vào một căn gác xép dài và thoáng đãng. Không như phần còn lại của ngôi nhà, căn phòng này có những ô cửa sổ hai cánh, hiện đang đóng để tránh không khí ẩm thấp ngoài

trời, nhưng vẫn mang lại nhiều ánh sáng hơn căn phòng khách tù mù kiểu cách ở dưới nhà.

Geilie đúng là chuyên gia về thảo mộc. Căn phòng được trang bị những cái khung dài căng lưới bằng sa mỏng dùng để phơi khô, những cái móc treo bên trên lò sưởi nhỏ để sấy bằng hơi nóng, và những cái kệ kê dọc theo các bức tường được khoan lỗ để lưu thông không khí. Không gian sức nức mùi thơm của húng quế, hương thảo và oải hương khô. Dọc theo một mặt của căn phòng có một cái quầy dài hiện đại đến đáng kinh ngạc, bày nào cối giã, nào chày, nào bát trộn và thìa, tất cả đều sạch như li như lau.

Một lúc sau, Geilie mới xuất hiện, mặt đỏ bừng vì leo cầu thang, nhưng vẫn mỉm cười trước viễn cảnh có một buổi chiều dài để tán gẫu và giã thảo mộc.

Trời bắt đầu lất phất mưa, những hạt mưa gõ lộp độp lên những ô cửa sổ dài, nhưng căn phòng vẫn rất ấm cúng nhờ một ngọn lửa nhỏ đang cháy trên nền lò sưởi. Tôi cực kỳ thích bầu bạn với Geilie; cô ta có cái miệng lưới châm biếm và con mắt nhìn đời nhạo báng, quả là một sự đối lập dễ chịu so với những nữ tộc viên nhút nhát, dịu dàng ở lâu đài, và dù chỉ sống trong một ngôi làng nhỏ nhưng rõ ràng cô ta là người có học thức.

Cô ta cũng biết từng vụ bê bối xảy ra ở ngôi làng hoặc lâu đài trong mười năm trở lại đây, và kể cho tôi nghe vô vàn câu chuyện thú vị. Lại một điều là cô ta bỗng hỏi tôi vài câu về bản thân tôi. Tôi nghĩ điều đó không đúng với tính cách của cô ta lắm; bởi vì cô ta sẽ tìm hiểu được những gì mà mình muốn biết về tôi từ những người khác.

Một lúc sau, ngoài đường bỗng trở nên ồn ào, nhưng tôi chỉ cho rằng đó là tiếng dân làng trở về từ buổi lễ Mixa Chủ nhật; nhà thờ nằm ở cuối đường, bên cạnh cái giếng, và con lộ chính chạy từ nhà thờ tới quảng trường rồi xòe ra như một cái quạt, tách thành những con đường mòn nhỏ xíu.

Thực ra, trên đường đến xưởng thợ rèn, tôi đã giải khuây bằng cách tưởng tượng rằng ngôi làng nhìn từ trên cao trông sẽ giống như xưởng cánh

tay và bàn tay; con lộ chính là xương quay, dọc theo nó là các cửa hàng và dinh thự của những người giàu có. Một con đường hẹp hơn chạy song song với con lộ chính có tên St. Margaret là xương trụ, nơi tọa lạc của xưởng rèn, xưởng thuộc da và những xưởng thủ công bình dân hơn. Quảng trường^[54] của ngôi làng (giống như quảng trường của những ngôi làng khác mà tôi từng thấy, nó không mang hình vuông mà nhang nhác hình chữ nhật) hình thành nên khối xương cổ tay và xương bàn tay, còn các khớp đốt ngón tay được tạo nên từ vài con đường mòn lác đác những túp nhà tranh.

Nhà của Duncan nằm trên quảng trường, một vị trí phù hợp với dinh cơ của các viên biện lý, không chỉ vì địa vị của ông ta mà còn vì sự tiện lợi; quảng trường có thể được dùng để xét xử những vụ án không thể diễn ra trong không gian hạn hẹp nơi thư phòng của Arthur Duncan vì sự hứng thú của công chúng hoặc sự cần thiết về mặt luật pháp. Và, như Dougal giải thích, nó nằm gần giàn gông, một dụng cụ bằng gỗ thô kệch dựng đứng trên một bệ đá nhỏ giữa quảng trường, liền kề với cây cọc gỗ được dùng với nhiều mục đích vì lý do tiết kiệm như làm cột trói nạn nhân bị quất roi, cây nêu ngày mồng Một tháng Năm, cột cờ và cọc buộc ngựa, tùy theo nhu cầu.

Tiếng ồn bên ngoài giờ đã lớn hơn nhiều và hỗn loạn hơn hẳn so với tiếng những con người đứng đắn rời khỏi nhà thờ sau buổi lễ để về nhà ăn tối. Geilie kêu lên một tiếng đầy vẻ sốt ruột, đặt những cái lọ sang một bên và mở toang cửa sổ để xem thứ gì đã gây ra sự náo động ấy.

Tới đứng cạnh cô ta bên cửa sổ, tôi nhìn thấy một đám đông dân chúng mặc đồ đi lễ nhà thờ đang rờn rẫn bám theo sau thân hình to bè của Cha Bain, viên linh mục của ngôi làng và lâu đài. Ông ta đang giữ một cậu bé chừng mười hai tuổi, chiếc quần bó sát bằng vải len sọc vuông rách rưới và chiếc áo sơ mi nặng mùi của cậu ta cho thấy cậu ta làm ở xưởng thuộc da. Viên linh mục có bộ mặt đầy hăm dọa nắm gáy cậu bé với vẻ lóng ngóng bởi cậu ta cao hơn ông ta một chút. Đám đông đi sau họ một đoạn, rào rào cất lời chỉ trích như một đám mây dông đang kéo theo sau một tia chớp.

Chúng tôi đang theo dõi họ từ ô cửa sổ bên trên thì Cha Bain và cậu bé đi vào trong nhà, biến mất khỏi tầm mắt. Đám đông vẫn ở bên ngoài, rì rầm và chen lấn xô đẩy. Một vài người táo bạo hơn thì cầm lên ngưỡng cửa sổ, cố gắng nhòm vào trong.

Geilie đóng sầm cửa sổ, chặn lại sự náo động bên dưới.

“Chắc là ăn cắp,” cô ta nói ngắn gọn, quay lại bàn. “May thằng nhóc ở xưởng thuộc da thường phạm tội đấy.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra với nó?” Tôi tò mò hỏi. Cô ta nhún vai, bóp vụn hương thảo khô vào trong cái cối giã.

“Còn tùy vào việc sáng nay Arthur có mắc chứng khó tiêu không. Nếu bụng dạ ông ấy yên ổn, thằng bé có thể được thả sau một trận đòn roi. Nhưng nếu chẳng may ông ấy bị táo bón hay đầy hơi” - cô ta bĩu môi vẻ ghê tởm - “thằng bé có thể mất một cái tai hoặc một bàn tay.”

Tôi kinh hãi, nhưng không dám can thiệp trực tiếp vào vấn đề này. Tôi là một kẻ ngoại tộc, một phụ nữ Anh từ đầu đến chân, và mặc dù tôi nghĩ tôi sẽ được đối xử tôn trọng vì là khách của lâu đài, nhưng tôi đã thấy nhiều dân làng lén làm dấu trừ tà khi tôi đi ngang qua. Sự can thiệp của tôi có thể làm cho mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn.

“*Chị* không thể làm gì sao?” Tôi hỏi Geilie. “Ý tôi là, nói chuyện với chồng chị chẳng hạn; đề nghị ông ấy, ờ, giơ cao đánh khế?”

Geilie ngẩng lên khỏi công việc đang làm, tỏ vẻ ngạc nhiên. Rõ ràng trong đầu cô ta chưa bao giờ nảy ra ý nghĩ can thiệp vào công việc của chồng.

“Tại sao cô lại quan tâm chuyện gì xảy ra với thằng bé như vậy?” Cô ta hỏi, nhưng là vì tò mò chứ không có ý gì.

“Dĩ nhiên là tôi quan tâm rồi!” Tôi nói. “Nó chỉ là một đứa trẻ; cho dù nó có làm gì thì cũng không đáng phải chịu tổn thương suốt đời!”

Geilie nhướn hàng lông mày nhạt màu; rõ ràng lý lẽ này không có sức thuyết phục. Tuy nhiên, cô ta nhún vai và đưa cho tôi cái cối giã với cái

chày.

“Tôi sẽ làm bất cứ điều gì để giúp đỡ một người bạn,” cô ta nói, đảo tròn mắt. Rồi cô ta nhìn lướt qua những cái kệ và chọn một lọ đựng thứ gì đó màu lục nhạt, có dán nhãn bằng lối viết thảo, *CHIẾT XUẤT TỪ BẠC HÀ*.

“Tôi sẽ cho Arthur uống thuốc và xem xem có thể làm gì cho thằng bé. Nhưng mong cô nhớ cho là có thể đã quá muộn rồi,” cô ta báo trước. “Và nếu lão linh mục hãm tài kia nhúng tay vào, thằng bé sẽ phải nhận hình phạt nghiêm khắc nhất. Tuy nhiên, tôi sẽ cố gắng. Cô già nốt hộ tôi nhé; già hương thảo mất nhiều thời gian lắm.”

Khi cô ấy ra khỏi phòng, tôi cầm cái chày lên để già và nghiền một cách máy móc, chẳng chú ý mấy đến kết quả. Cánh cửa sổ đóng kín đã chặn lại cả tiếng mưa lẫn tiếng ồn của đám đông bên dưới; hai âm thanh ấy hòa thành một tiếng lầm rầm khe khẽ đầy vẻ đe dọa. Giống như bất cứ người học trò nào, tôi đã đọc truyện của Dickens^[55] và các tác giả trước ông, với những mô tả về thứ công lý tàn nhẫn của thời kỳ này, áp dụng với mọi đối tượng phạm pháp, bất kể tuổi tác hay hoàn cảnh. Nhưng ngồi ở một nơi ấm cúng để đọc về việc treo cổ và cắt xẻo một đứa trẻ theo luật pháp từ một, hai trăm năm trước là điều hoàn toàn khác xa so với việc lặng lẽ ngồi già thảo mộc khi một sự kiện như thế đang diễn ra ở ngay bên dưới mình chừng một mét.

Liệu tôi có dám đứng ra can thiệp nếu hình phạt dành cho đứa bé quá nặng không? Tôi mang cái cối tới bên cửa sổ và nhòm ra ngoài. Đám đông đã thu hút thêm các lái buôn và các bà nội trợ. Những người mới tới ghé sát lại khi những kẻ đứng xem phân khích thuật lại các chi tiết, rồi nhập vào nhóm người, thêm nhiều khuôn mặt háo hức hướng về phía cánh cửa của ngôi nhà.

Nhìn xuống đám đông đang kiên nhẫn tụ tập trong cơn mưa phùn để chờ đợi một lời phán quyết, tôi đột nhiên hiểu rõ một điều. Giống như nhiều người, tôi đã bàng hoàng khi nghe các báo cáo rò rỉ ra từ nước Đức

thời hậu chiến; các câu chuyện về trục xuất và giết người hàng loạt, về những trại tập trung và lò thiêu người. Và như quá nhiều những người khác đã và sẽ làm trong những năm sắp tới, tôi đã tự hỏi mình: “Làm sao mà người ta có thể để cho việc đó xảy ra? Họ hẳn phải biết, hẳn phải nhìn thấy những chiếc xe tải, những người đến và đi, những hàng rào và khói. Làm sao họ có thể đứng im và chẳng làm gì chứ?” Chà, giờ thì tôi đã biết rồi.

Thậm chí trong trường hợp này, tôi còn không có nguy cơ bị đe dọa đến tính mạng. Sự bảo trợ của Colum có thể ngăn chặn bất cứ cuộc tấn công vũ lực nào nhắm vào tôi. Nhưng hai tay tôi trở nên lạnh giá và toát mồ hôi khi nghĩ đến cảnh mình bước ra ngoài, một mình và yếu đuối, để đương đầu với đám đông đồng lòng nhất trí và tự cho mình là có đạo đức kia, những con người đang khao khát cảm giác phấn khích của việc chứng kiến sự trừng phạt và đổ máu để xoa bớt sự tẻ nhạt trong cuộc sống của mình.

Con người sống thành bầy đàn bởi vì đó là điều cần thiết. Từ thuở còn sống trong hang động, con người - không có lớp lông bao bọc, yếu ớt và không có gì bảo vệ ngoại trừ sự tinh khôn - đã sống sót bằng cách tụ tập thành từng nhóm. Giống như rất nhiều loài sinh vật ăn thịt khác đã nhận ra, họ biết rằng đám đông tạo nên sức mạnh. Kiến thức đó đã ăn sâu tận trong cốt tủy, là thứ ẩn sau quy tắc đám đông. Bởi vì suốt hàng nghìn năm nay, sinh vật nào dám bước ra khỏi bầy đàn, chưa kể dám chống lại nó, ắt hẳn sẽ nhận lấy cái chết. Việc chống lại một đám đông đòi hỏi phải có thứ gì đó lớn hơn lòng can đảm bình thường; thứ gì đó nằm ngoài bản năng của con người. Và tôi e là mình không có thứ đó, thật đáng xấu hổ!

Khoảng thời gian chờ đợi như kéo dài bất tận cho đến khi cánh cửa mở ra và Geilie bước vào, trông điềm tĩnh và bình thản như thường lệ, trong tay cô ta là một thỏi than nhỏ.

“Chúng ta cần lọc nó sau khi đun lên,” cô ta nói như thể tiếp tục cuộc trò chuyện lúc nãy. “Tôi nghĩ chúng ta sẽ bọc nó trong vải muslin và lăn qua than; như thế là tốt nhất.”

“Geilie,” tôi nôn nóng nói. “Đừng thử thách lòng kiên nhẫn của tôi. Thằng bé ở xưởng thuộc da thế nào rồi?”

“Ồ, chuyện đó.” Cô ta nhún vai, nhưng khóe môi lẩn khuất một nụ cười tinh quái. Rồi cô ta buông rơi vẻ giả tạo bề ngoài và bật cười.

“Giá mà cô nhìn thấy tôi lúc đó,” cô ta nói, cười khúc khích. “Tôi phải tự khen rằng mình quá giỏi. Sự quan tâm của người vợ, sự tốt bụng của người phụ nữ, với một chút lòng trắc ẩn của người mẹ, tất cả hòa trộn với nhau. “Ôi, Arthur” cô ta làm bộ, “hãy tích phúc cho cuộc hôn nhân của chúng ta” - nếu buộc lòng phải nói thì không có khả năng đó đâu,” cô ta nói, thoáng lệt bở cái mặt nạ đầy biểu cảm, nghiêng đầu về phía các kệ thảo mộc - ““Ôi, ông chồng yêu dấu của em, anh sẽ cảm thấy thế nào nếu chính con trai anh bị trừng phạt như vậy? Chắc vì đói quá nên thằng bé mới phải ăn cắp. Ôi, Arthur, anh chính là linh hồn của công lý, vậy mà trái tim anh không có chỗ cho lòng khoan dung hay sao”“ Cô ta ngời phịch xuống một cái ghế đầu, cười và đăm đăm nhìn. “Tiếc là ở đây không có chỗ để diễn!”

Tiếng ồn bên ngoài đã thay đổi, tôi lờ đi trò tự khen mình của Geilie và đi tới cửa sổ để xem chuyện gì đang diễn ra.

Đám đông tự động tách làm đôi, cậu bé ở xưởng thuộc da chậm rãi bước ra giữa viên linh mục và quan tòa. Arthur Duncan đẩy về nhân từ, cúi chào và gật đầu với những người có địa vị cao trong đám người tụ tập. Cha Bain, trái lại, giống y một củ khoai tây héo, khuôn mặt sạm nâu sừng sĩa vì cảm tức.

Khi đoàn người tiến tới trung tâm quảng trường, ông cai làng^[56] tên là John MacRae liền bước ra từ trong đám đông. Người này ăn mặc phù hợp với chức vụ, sự đứng đắn, thanh lịch toát ra từ cái quần sẫm màu, cái áo khoác và cái mũ nhung màu xám (lúc này ông ta đã bỏ mũ và che chắn cẩn thận dưới đuôi áo khoác để khỏi bị dính mưa). Ông ta không phải là người canh cổng làng như tôi đoán lúc đầu, mặc dù trong những lúc cần thiết, ông ta vẫn thực hiện vai trò đó. Bốn phận của ông ta chủ yếu giống như một cảnh sát, thanh tra thuế và khi cần thì làm cả đao phủ nữa; chức danh của

ông ta bắt nguồn từ cái “khóa” gỗ hoặc cái muống treo ở thắt lưng mà ông ta dùng để xúc lấy một tỷ lệ phần trăm nào đó từ môi bao ngũ cốc bán ở phiên chợ ngày thứ Năm. Ông ta được quyền làm vậy vì đó là thù lao cho chức vụ của ông ta.

Tôi tìm hiểu được những thông tin này từ chính miệng ông ta. Mấy hôm trước, ông ta đã tới lâu đài để xem liệu tôi có thể chữa trị chứng chín mé^[67] dai dẳng trên ngón tay cái của ông ta không. Tôi đã nhể nó bằng một cái kim vô trùng, bôi thuốc mỡ làm từ chối cây dương và băng nó lại. Trong mắt tôi, MacRae là một người nhút nhát, ăn nói nhẹ nhàng và có nụ cười đáng mến.

Nhưng bây giờ chẳng còn thấy dấu vết của nụ cười đó nữa; khuôn mặt MacRae đầy vẻ nghiêm khắc, phù hợp với hoàn cảnh này. Cũng đúng thôi; chẳng ai muốn nhìn thấy một đao phủ tươi cười cả.

Kẻ phạm tội được dẫn đến đứng dưới chân giàn gông ở trung tâm quảng trường. Thằng bé trông tái nhợt và sợ hãi nhưng không hề cử động khi Arthur Duncan, biện lý của giáo xứ Cranesmuir, ưỡn thẳng thân hình tròn trĩnh để tạo nên vẻ nghiêm trang, chuẩn bị công bố hình phạt.

“Thằng ngốc này đã thú nhận tội lỗi lúc tôi bước vào,” một giọng nói vang lên bên tai tôi. Geilie nhòm qua vai tôi. “Tôi không thể cứu nó thoát khỏi sự trừng phạt. Nhưng tôi đã tác động để giúp nó nhận được hình phạt nhẹ nhất; chỉ bị gông một giờ đồng hồ và bị đóng đinh một cái tai.”

“Bị đóng đinh một cái tai! Đóng đinh vào *cái gì?*”

“Ồ, đương nhiên là cái gông.” Cô ta nhìn tôi với ánh mắt kỳ lạ rồi lại quay mặt về phía cửa sổ để xem việc thi hành cái hình phạt nhẹ nhàng có được nhờ sự can thiệp đầy lòng trắc ẩn của mình.

Vô số thân người bu kín quanh cái gông đến nỗi chỉ còn nhìn thấy một phần nhỏ của kẻ phạm tội, nhưng rồi đám đông lùi lại một chút để không gây trở ngại cho ông cai làng khi ông ta đóng đinh cái tai của thằng bé. Thằng bé nhắm tịt mắt lại, run rẩy vì sợ hãi. Tiếng thét the thé của nó khi

cái đinh ghim vào tai vọng đến rõ ràng qua ô cửa sổ đã đóng kín, khiến tôi khẽ rùng mình.

Chúng tôi quay lại với công việc đang làm dở giống như phần lớn các khán giả trong quảng trường, nhưng tôi không tìm được choc choc lại đứng dậy để nhìn ra ngoài. Một vài kẻ rồi việc đi ngang qua dừng lại để chế nhạo và ném bùn vào nạn nhân, thi thoảng một công dân đứng gần hơn lại dành chút thời gian ít ỏi để rao giảng đạo đức cho kẻ phạm tội bằng vài lời khiển trách và khuyên răn.

Còn một tiếng nữa mới tới hoàng hôn, chúng tôi đang ngồi uống trà dưới phòng khách thì có tiếng gõ cửa vang lên. Cơn mưa khiến bầu trời u ám đến mức khó có thể nhận thấy vị trí của mặt trời. Tuy nhiên, cái đồng hồ xinh đẹp được làm từ gỗ hồ đào với con lắc bằng đồng và mặt trang trí hình tiểu thiên sứ trong nhà Duncan hiện đang chỉ sáu giờ rưỡi.

Người hầu gái mở cửa phòng khách và cộc lốc nói: “Trong này Jamie MacTavish tự động cúi xuống khi đi qua cửa, mái tóc sẫm lại vì mưa, biến thành màu đồng cổ. Anh ta mặc một cái áo khoác lỗi thời, như nhuốc và kẹp dưới cánh tay một cái áo choàng cưỡi ngựa không tay bằng nhung màu lục sẫm.

Anh ta gật đầu chào hỏi khi tôi đứng dậy và giới thiệu anh ta với Geilie.

“Phu nhân Duncan, cô Beauchamp.” Anh ta phẩy tay về phía cửa sổ. “Tôi thấy là cô có chút công chuyện vào chiều nay.”

“Nó vẫn ở đó à?” Tôi hỏi, nhòm ra ngoài. Thằng bé chỉ là một hình dáng tối thẫm khi nhìn qua những ô kính cửa sổ phòng khách nhòe mờ. “Hẳn là nó ướt sũng rồi.”

“Đúng vậy.” Jamie giữ cái áo choàng và giơ lên cho tôi. “Colum nghĩ cô cũng sẽ như thế. Tôi có công chuyện trong làng, vì vậy ông ấy gửi tôi mang áo choàng tới cho cô. Cô sẽ cưỡi ngựa về cùng tôi.”

“Ông ấy thật chu đáo.” Tôi lơ đãng nói, vì tâm trí vẫn nghĩ tới thằng bé ở xưởng thuộc da.

“Nó phải ở đó bao lâu?” Tôi hỏi Geilie. “Thằng bé đeo gông ấy,” tôi sốt ruột nói thêm khi thấy vẻ mặt ngờ ngác của cô ta.

“Ồ, thằng bé đó à,” cô ta nói, hơi cau mày trước một chủ đề không quan trọng như vậy. “Một tiếng, tôi đã nói với cô rồi còn gì. Giờ này ông cai làng phải tháo gông cho nó rồi chứ nhỉ.”

“Ông ấy đã tháo rồi,” Jamie khẳng định. “Tôi đã nhìn thấy lúc đi ngang qua bãi cỏ. Có điều thằng bé chưa có đủ dũng khí để giật cái của nợ đó ra khỏi tai.”

Miệng tôi há hốc. “Ý anh là ông ta sẽ không tháo cái đinh ra khỏi tai thằng bé? Nó sẽ phải tự *giật* ra?”

“Ồ, đúng vậy.” Jamie vui vẻ nói. “Nó vẫn còn hơi căng thẳng, nhưng chắc là sẽ nhanh chóng lấy được quyết tâm thôi. Trời đang ướn nhẹp và tối dần. Chúng ta phải về thôi, nếu không sẽ chẳng còn gì để ăn ngoài cơm thừa canh cặn.” Anh ta cúi chào Geilie và quay người bước đi.

“Chờ chút”, cô ta nói với tôi. “Vì có một chàng trai to lớn, khỏe mạnh như thế kia hộ tống cô nên hai người mang về hộ tôi hòm cái bắp đằm lầy^[58] khô và những cây thuốc khác mà tôi đã hứa với bà FitzGibbons nhé! Có lẽ anh MacTavish sẽ vui lòng đồng ý chứ?”

Khi Jamie nhận lời, cô ta giao cho một người hầu nam cái chìa khóa bằng sắt rên to tướng và sai anh ta đi lấy cái hòm từ phòng làm việc của mình. Trong lúc người hầu đi lấy cái hòm, Geilie hí hoáy một lúc ở chỗ cái bàn viết nhỏ trong góc phòng. Lúc cái hòm gỗ khá lớn có nẹp bằng đồng được mang đến, cô ta đã viết xong, vội vã phủ cát lên tờ giấy, gấp lại và dán bằng một mẫu sáp nển, rồi nhét nó vào trong tay tôi.

“Đây” cô ta nói. “Đây là hóa đơn. Cô đưa cho Dougal giúp tôi nhé? Ông ấy là người chịu trách nhiệm thanh toán. Đừng đưa cho ai khác, nếu không phải mấy tuần lễ nữa tôi mới được trả tiền.”

“Vâng, dĩ nhiên rồi.”

Cô ta ôm tôi thật chặt, rồi vừa tiến tôi ra cửa vừa khuyên tôi phải giữ ấm.

Tôi đứng trú dưới mái hiên nhà để chờ Jamie cột cái hòm vào yên ngựa. Cơn mưa đã nặng hạt hơn, nước mưa chảy xuống từ mái hiên trông như một tấm màn rách tơi tả.

Tôi nhìn tấm lưng rộng lớn và hai cánh tay lực lưỡng của Jamie khi anh ta nhẹ nhàng nhấc cái hòm nặng nề lên. Rồi tôi liếc nhìn về phía giàn gông, nơi thẳng bé của xưởng thuộc da vẫn bị ghim chặt, bất chấp sự cố vũ, khuyến khích từ đám đông đang tụ lại. Đành rằng đây không phải là một cô gái trẻ đáng yêu với mái tóc màu ánh trắng, nhưng những hành động của Jamie trong phiên tòa ở đại sảnh của Colum khiến tôi nghĩ rằng anh ta không thể làm ngơ với cảnh ngộ khốn khổ của thẳng bé.

“Ờ, anh MacTavish?” Tôi ngập ngừng. Không có tiếng đáp lại. Biểu cảm trên khuôn mặt điển trai không hề thay đổi; khuôn miệng rộng vẫn mím hờ, đôi mắt xanh chăm chú nhìn vào sợi dây anh ta đang buộc.

“À, Jamie?” Tôi thử gọi to hơn và anh ta lập tức ngẩng lên. Vậy là họ của anh ta thực sự không phải là MacTavish. Tôi tự hỏi không biết họ thật của anh ta là gì.

“Vâng?” Anh ta nói.

“Anh, ờ, cũng khá cao to nhỉ?” Tôi nói. Anh ta nở nụ cười nửa miệng và gật đầu, rõ ràng đang thắc mắc tôi hỏi thế là có ý gì.

“Đủ cao lớn để làm hầu hết mọi việc,” anh ta trả lời.

Được khuyến khích, tôi ghé lại gần anh ta hơn để không bị bất cứ kẻ lang thang nào ngoài quảng trường nghe thấy.

“Và các ngón tay rất khỏe?” Tôi hỏi.

Anh ta nắm tay vào rồi lại duỗi ra và cười tươi hơn. “Vâng, đúng thế. Cô cần tách hạt dẻ sao?” Anh ta nhìn tôi với ánh mắt vui vẻ và tinh nghịch.

Tôi liếc nhanh qua anh ta tới tốp khán giả trên quảng trường.

“Tôi nghĩ việc đó giống như lấy một vật gì ra khỏi ngọn lửa hơn.” Tôi ngẩng lên để nhìn thẳng vào đôi mắt màu xanh dương đầy nghi vấn của anh ta. “Anh có thể làm được không?”

Anh ta đứng nhìn tôi một lúc, miệng vẫn mỉm cười, rồi nhún vai. “Được, nếu cái đinh đủ dài để có thể tóm chặt. Nhưng cô có thể kéo đám đông đi không? Sự can thiệp của người ngoài sẽ không nhận được ánh mắt thiện cảm, mà tôi lại còn là người lạ nữa chứ!”

Tôi đã không lường trước được rằng lời đề nghị của mình có thể đẩy anh ta vào tình thế nguy hiểm, vì thế tôi bỗng do dự, nhưng anh ta có vẻ dám thử, bất chấp hiểm nguy.

“Chà, nếu chúng ta tới gần hơn, rồi tôi ngất xỉu trước cảnh tượng đó, anh có nghĩ...?”

“Cô ngất xỉu vì không quen nhìn thấy máu hả?” Một bên lông mày nhướng lên đùa bỡn và anh ta nhoẻn miệng cười, “Ừ, được đó. Nếu cô có thể giả vờ ngã ở chân bệ đỡ thì còn tốt hơn nữa.”

Tôi thực sự cảm thấy hơi nôn nao khi nghĩ đến hình ảnh ấy, nhưng hóa ra nó không đáng sợ như tôi lo lắng. Cái đinh vuông vắn và không có mũ dài đúng năm phân, đâm vào sát mép của vành tai trên. Hầu như không có máu, và nhìn mặt thẳng bé, có thể thấy rõ mặc dù nó vừa sợ hãi vừa khó chịu nhưng không bị đau đớn lắm. Tôi bắt đầu nghĩ có lẽ Geilie đã đúng khi cho rằng đây là một hình phạt khá nhẹ nếu căn cứ vào tình trạng tổng thể của hệ thống luật pháp Scotland hiện giờ, nhưng quan điểm của tôi về tính man rợ của nó không hề thay đổi.

Jamie len lỏi qua đám khán giả. Anh ta lắc đầu với thằng bé về khiến trách.

“Ái chà, cậu nhóc,” anh ta nói, chặc lưỡi. “Hiếm khi rơi vào tình cảnh bối rối thế này, đúng không?” Anh ta đặt bàn tay to lớn, rắn chắc lên mép cái gông, lấy cớ là để nhìn cái tai kia hơn. “Ồi dào, cậu nhóc,” anh ta nói, vẻ chê bai, “có khó gì đâu. Giật đầu ra một cái là xong thôi. Này, để anh giúp

chú mày nhé?” Anh ta giơ tay ra như thể định tóm lấy tóc cậu bé để giặt đầu cậu ta ra. Cậu bé hét lên sợ hãi.

Nhận ra tín hiệu, tôi bước lùi lại, cố ý giẫm lên chân người phụ nữ đứng đằng sau, khiến bà ta kêu oai oái vì đau khi bị gót giày của tôi nghiền vào.

“Mong bà thứ lỗi,” tôi hỗn hển nói. “Tôi... chóng mặt quá! Làm ơn...” Tôi quay mặt khỏi giàn gông, bước hai, ba bước, giả bộ lao đảo một cách khéo léo và tóm vào tay áo của những người bên cạnh. Mép bệ đỡ chỉ cách có mười lăm phân; tôi bám chặt vào một cô gái có vóc dáng mảnh mai mà tôi đã nhắm sẵn và ngã chúi người qua đó, lôi cô ta ngã theo mình.

Chúng tôi lăn trên cỏ ướt trong mớ váy vóc lũng nhùng và những tiếng kêu ré. Cuối cùng tôi cũng buông áo cô ta ra, nằm sõng soài một cách khoa trương, mưa lộp độp rơi xuống mặt tôi.

Cô gái đã ngã đè lên người tôi khiến tôi không thở được, và tôi cố gắng hít thở, lắng nghe tiếng rì rầm của những giọng nói đầy lo âu đang tụ lại xung quanh. Những suy đoán, khuyên nhủ và những thán từ bày tỏ sự bàng hoàng trút xuống tôi còn dày đặc hơn cả những giọt nước rớt xuống từ trên bầu trời, rồi một đôi tay quen thuộc nâng tôi ngồi dậy. Khi mở mắt, tôi nhìn thấy trước mặt mình là một cặp mắt xanh đây về quan tâm. Một cái nháy mắt nhẹ nhàng cho tôi biết nhiệm vụ đã hoàn thành, và thực tế, tôi có thể thấy thằng bé ở xưởng thuộc da đang áp chặt cái khăn vào tai, chuồn đi với tốc độ cực nhanh về phía căn gác xép của mình mà chẳng ai nhận thấy, bởi đám đông đã chuyển hết sự chú ý sang sự kiện mới mẻ này.

Đám dân làng, vừa mới đây thôi còn đòi lấy máu của cậu bé, giờ lại vô cùng tử tế với tôi. Tôi được nâng dậy một cách nhẹ nhàng và đưa về nhà của Duncan, nơi tôi nhận được nào trà, nào rượu brandy, những chiếc chăn ấm và vô vàn sự cảm thông. Tôi chỉ có thể rời đi khi Jamie thẳng thừng tuyên bố rằng chúng tôi phải về, rồi bế bổng tôi lên khỏi trường kỷ và đi thẳng ra ngoài cửa, chẳng thèm đếm xỉa đến những lời phản đối của chủ nhà.

Ngồi đằng trước trên lưng con ngựa của anh ta, tay dắt dây cương con ngựa của tôi, tôi cố gắng cảm ơn sự giúp đỡ của anh ta.

“Không có gì,” anh ta nói, gạt đi những lời cảm ơn ấy.

“Nhưng đó là một chuyện mạo hiểm đối với anh mà,” tôi khẳng định. “Khi tôi đề nghị anh làm việc đó, tôi đã không nhận ra anh có thể gặp nguy hiểm.”

“À,” anh ta nói lấp lửng. Một thoáng sau, anh ta lại nói tiếp với đôi chút thích thú. “Cô không nghĩ tôi nhát gan hơn một cô nàng Sassenach bé nhỏ đây chứ?”

Anh ta thúc lỗ ngựa chạy nước kiệu khi bóng hoàng hôn phủ xuống vệ đường. Chúng tôi không nói gì nhiều suốt chặng đường còn lại, và khi về tới lâu đài, anh ta để tôi lại ở cổng với một lời bõn cợt nhẹ nhàng: “Chúc ngủ ngon, cô Sassenach.” Nhưng tôi cảm thấy tình bạn giữa chúng tôi đã bắt đầu thân thiết hơn một chút.

10

Lễ tuyên thệ

Hai ngày sau, lâu đài vô cùng náo nhiệt bởi kẻ vào người ra và những sự chuẩn bị cho lễ tụ hội. Lượng công việc khám chữa bệnh của tôi đột ngột giảm sút; các nạn nhân bị ngộ độc thực phẩm đã bình phục trở lại, và mọi người có vẻ bận rộn đến nỗi không thể ngã bệnh được nữa. Ngoài những cậu bé chở gỗ về để nhóm lửa bị dằm đâm vào ngón tay và một đợt bùng nổ những ca bị bỏng rộp ở các cô hầu bếp bận rộn thì không còn tai nạn nào khác nữa.

Tôi cũng thấy phấn khích. Tối nay chính là thời điểm thích hợp. Bà Fitz đã nói với tôi rằng tối nay tất cả các chiến binh của thị tộc MacKenzie sẽ ở trong đại sảnh để tuyên thệ lòng trung thành với Colum. Khi một nghi lễ quan trọng như vậy diễn ra, sẽ không có ai canh gác ngoài chuồng ngựa.

Trong những lần phụ giúp ở nhà bếp và vườn cây ăn quả, tôi đã xoay sở lấy trộm được một ít thức ăn đảm bảo đủ dùng trong vài ngày. Tôi không có bình đựng nước, nhưng đã nghĩ ra phương án dùng bình thủy tinh ở phòng khám để thay thế. Tôi có đôi giày chắc chắn và nhờ sự ưu đãi của Colum mà còn có một cái áo choàng không tay ấm áp. Tôi sẽ có một con ngựa tốt; bởi vì trong chuyến đến thăm chuồng ngựa chiều nay, tôi đã nhắm sẵn được một con. Tôi không có tiền, nhưng các bệnh nhân của tôi đã cho tôi một nắm nữ trang rẻ tiền, ruy băng và những món đồ chạm khắc hay đồ trang sức. Tôi có thể dùng những thứ này để đổi lấy bất cứ thứ gì mà tôi cần.

Tôi cảm thấy áy náy vì đã lợi dụng lòng hiếu khách của Colum và tình bạn của các cư dân trong lâu đài rồi ra đi mà không nói năng gì hay để lại một lời nhắn giã biệt, nhưng suy cho cùng, tôi có thể nói gì được đây? Tôi

đã suy ngẫm về vấn đề này trong một thời gian, nhưng cuối cùng quyết định chỉ lảng lạng rời đi mà thôi. Vì một lẽ, tôi không có giấy viết, và cũng không sẵn sàng mạo hiểm đến phòng của Colum để tìm kiếm nó.

Một tiếng sau khi trời sẩm tối, tôi rón rén đến chuồng ngựa, dỏng tai nghe ngóng bất cứ dấu hiệu nào cho thấy có sự hiện diện của con người, nhưng dường như ai nấy đều đang ở trong đại sảnh, chuẩn bị sẵn sàng cho nghi lễ. Cửa đóng nhưng mở ra ngay chỉ với một cú đẩy nhẹ, vì bản lề bằng da nên không gây ra tiếng động nào.

Không gian bên trong ấm áp và tràn ngập tiếng thở khẽ của những con ngựa đang nghỉ ngơi. Nó cũng tối đen như mặt trong cái mũ của người làm dịch vụ tang lễ, như cách bác Lamb thường ví von. Mấy ô cửa sổ ít ỏi để làm thoáng khí chỉ là những cái khe hẹp, không đủ rộng để đón nhận ánh sao yếu ớt bên ngoài. Tôi vươn hai tay ra đằng trước, hai bàn chân lê từng bước chầm chậm trên thảm rơm, tiến vào trong khu vực chính của chuồng ngựa.

Tôi cẩn thận sờ soạng trước mặt, tìm kiếm mép của một vách ngăn để lần theo đó mà đi. Tay tôi còn đang khua khoắng trong không khí thì chân đã va phải một chướng ngại vật rắn chắc nằm trên sàn, khiến tôi ngã chúi đầu xuống và hoảng hốt hét toáng lên, vang vọng đến tận những thanh rui xà của tòa nhà bằng đá cũ kĩ.

Chướng ngại vật giật mình cất tiếng chửi thề, lăn người lại và tóm chặt hai cánh tay tôi. Tôi thấy mình bị áp sát vào một cơ thể đàn ông to lớn, hơi thở của người đó phả đến làm tai tôi nhột nhạt.

“Anh là ai?” Tôi thở hỗn hển, giật người lại. “Và anh đang làm gì ở đây?” Nghe thấy giọng tôi, kẻ tấn công mà tôi không thấy mặt nổi lông cú siết.

“Chính tôi mới là người nên hỏi cô câu đó, Sassenach,” giọng nói mềm mại, trầm thấp của Jamie MacTavish cất lên, và tôi cảm thấy có chút nhẹ nhõm. Anh ta sột soạt ngồi dậy.

“Mặc dù tôi nghĩ tôi có thể đoán ra được,” anh ta mĩa mai nói. “Cô nghĩ cô sẽ đi được bao xa trên lưng một con ngựa lạ trong một đêm tối đen như mực, với một nửa thị tộc MacKenzie đuổi theo vào sáng mai?”

Tôi “xù lông nhím”.

“Họ sẽ không đuổi theo tôi. Họ đều đang ở đại sảnh, và nếu một phần năm trong số họ đủ tỉnh táo để đứng dậy được vào sáng mai, chưa nói đến chuyện cười ngựa, tôi sẽ *rất* kinh ngạc.”

Anh ta bật cười, đứng lên và chìa tay giúp tôi đứng dậy Rồi anh ta phúi rơm trên mặt sau váy của tôi, hơi mạnh tay hơn mức cần thiết.

“Chà, lập luận của cô nghe chừng rất có lý, Sassenach,” anh ta nói, có vẻ ngạc nhiên. “Hoặc sẽ có lý,” anh ta nói thêm, “nếu Colum không cắt đặt lính gác xung quanh lâu đài và rải rác khắp các khu rừng. Ông ấy sao có thể để mặc lâu đài trong tình trạng không được bảo vệ khi mà hầu hết chiến binh của cả thị tộc đang ở bên trong nó chứ. Cứ cho là đá không cháy tốt như gỗ...”

Tôi đoán rằng anh ta đang nhắc đến cuộc thảm sát Glencoe khét tiếng, khi một gã John Campbell nào đó giết ba mươi tám thành viên của thị tộc MacDonald và đốt nhà của họ theo lệnh của chính phủ. Tôi tính toán nhanh chóng. Việc đó mới chỉ xảy ra khoảng năm mươi năm trước; vẫn còn khá mới mẻ đủ để khiến Colum cẩn trọng trong việc phòng thủ.

“Dù sao đi nữa, cô khó có thể chọn được đêm nào tệ hơn đêm nay để bỏ trốn,” MacTavish tiếp tục. Anh ta có vẻ chẳng màng đến việc tôi có ý *định* bỏ trốn, mà chỉ bận tâm tới những lý do tại sao việc đó sẽ không đạt kết quả, khiến tôi có chút cảm giác kỳ quặc. “Ngoài lính canh và cái thực tế là mọi kỵ sĩ giỏi trong vòng vài dặm quanh đây đều đang ở nơi này, đường đến lâu đài còn đông nghịt dân chúng đang kéo đến từ vùng đồng quê vì *tynchal* và các trò chơi.”

“*Tynchal*?”

“Một cuộc đi săn. Thường là săn hươu, nhưng có lẽ lần này là một con lợn lòi; một cậu chàng làm việc ở chuồng ngựa kể với già Alec là có một

con lợn lòi to tướng trong khu rừng phía đông.” Anh ta đặt bàn tay to lớn giữa lưng tôi và xoay tôi về phía ô cửa hình chữ nhật mờ nhạt đang mở.

“Đi nào,” anh ta nói. “Tôi sẽ dẫn cô về lâu đài.”

Tôi giằng ra khỏi anh ta. “Đừng bận tâm,” tôi cấm cẩu. “Tôi có thể tự tìm đường.”

Anh ta kiên quyết nắm lấy khuỷu tay tôi. “Tôi biết là cô có thể. Nhưng cô sẽ không muốn đụng độ bất cứ lính gác nào của Colum khi chỉ đi có một mình đâu.”

“Tại sao lại không?” Tôi gắt gỏng. “Tôi chẳng làm gì sai trái cả; chẳng có luật lệ nào cấm việc đi bộ bên ngoài lâu đài, đúng không?”

“Đúng là chẳng có luật lệ nào như vậy. Tôi không nghĩ họ có ý định làm hại cô,” anh ta nói, nhìn trân trân vào bóng tối với vẻ đăm chiêu. “Nhưng đàn ông thường mang theo bình rượu làm bầu bạn khi đứng gác. Rượu có thể là một người bạn tốt, nhưng lại xui khiến người ta có hành vi không đúng mực khi một cô gái nhỏ bé dễ thương một mình đi tới chỗ anh ta trong bóng tối.”

“Tôi đã đến chỗ *anh* trong bóng tối, một mình,” tôi trơ tráo nhắc anh ta. “Và tôi không nhỏ bé lắm, cũng không quá dễ thương, ít nhất là ở thời điểm hiện tại.”

“Ày, nhưng lúc ấy tôi đang ngủ chứ không say,” anh ta đáp nhanh. “Và chưa kể đến tính khí của cô, cô hơi bé nhỏ so với hầu hết lính canh của Colum.”

Tôi gạt cuộc tranh luận không hiệu quả này qua một bên và thử một “chiến thuật” khác. “Tại sao anh lại *ngủ* trong chuồng ngựa?” Tôi hỏi. “Anh không có một cái giường ở chỗ nào đó à?” Lúc này chúng tôi đang ở bên rìa khu vườn rau, và tôi có thể nhìn thấy khuôn mặt anh ta dưới ánh sáng mờ mờ. Anh ta đang chăm chú kiểm tra những cái cống tò vò bằng đá trên đường đi, nhưng khi nghe thấy câu hỏi này, anh ta liền liếc nhìn tôi với ánh mắt sắc bén.

“Ừ,” anh ta nói. Anh ta tiếp tục sải bước về phía trước, vẫn siết chặt khuỷu tay tôi, nhưng sau một thoáng lại nói tiếp: “Tôi nghĩ tốt hơn là tôi nên lánh mặt.”

“Bởi vì anh không định thề trung thành với Colum MacKenzie?” Tôi đoán. “Và anh không muốn gánh chịu hậu quả vì chuyện đó?”

Anh ta liếc nhìn tôi, buồn cười trước những lời nói của tôi. “Đại loại thế,” anh ta thừa nhận.

Một cánh cổng phụ đang mở hé hé đẩy về chào đón, và chiếc đèn hiệu đặt trên đỉnh gờ đá bên cạnh cổng tỏa một quầng sáng màu vàng lên con đường. Chúng tôi đang gần tới chỗ chiếc đèn hiệu này thì một bàn tay thành linh bịt miệng tôi từ đằng sau và tôi bị nhấc lên khỏi mặt đất.

Tôi giãy giụa và cắn mạnh, nhưng kẻ bắt giữ tôi đeo găng tay dày và, như Jamie đã nói, hăn to lớn hơn tôi rất nhiều.

Jamie cũng đang gay go. Tiếng chửi rủa ú ớ của anh ta đột ngột im bật với một tiếng huých và một từ chửi thề đậm chất Gaelic.

Cuộc vật lộn trong bóng tối chấm dứt, và một tiếng cười lạ lẫm cất lên.

“Chúa ơi, chẳng phải đây là cháu trai của Colum sao? Đến lễ tuyên thệ muộn hả, chàng trai? Và người đi cùng cậu là ai vậy?”

“Đó là một cô gái,” gã đàn ông đang giữ tôi đáp. “Và là một cô gái hấp dẫn, ngọt ngào, cắn cứ vào trọng lượng của cô ta.” Bàn tay rời khỏi miệng tôi và siết một cú thật lực ở chỗ khác. Tôi kêu ré lên phẫn nộ, vươn tay qua vai, tóm lấy mũi hăn và véo. Hăn lập tức thả tôi xuống, chửi thề um lên. Tôi lùi lại khỏi luồng hơi thở toàn mùi whisky, đột nhiên thấy biết ơn sự có mặt của Jamie. Rốt cuộc việc anh ta đi kèm tôi là hoàn toàn sáng suốt.

Anh ta lại có vẻ nghĩ khác khi nỗ lực gỡ bỏ sự kìm kẹp của hai gã chiến binh trong vô vọng. Hành động của họ chẳng có vẻ gì là thù địch

nhung lại rất cứng rắn. Họ bắt đầu kéo tù nhân của mình về phía cánh cổng mở.

“Không, để tôi đi thay đồ đã, anh bạn,” anh ta phản đối. “Tôi ăn mặc không đủ tươm tất để tham gia lễ tuyên thệ.”

Nỗ lực trốn thoát của anh ta bị chặn đứng bởi sự xuất hiện đột ngột của Rupert, ông ta nhảy bật ra từ cánh cổng hẹp như một cái nút bần bật ra khỏi chai, béo ú và bảnh bao trong chiếc áo sơ mi có diềm xếp nếp và chiếc áo khoác viền đăng ten vàng.

“Đừng lo về chuyện đó, chàng trai,” ông ta nói, nhìn Jamie với con mắt sáng rực. “Chúng tôi sẽ mặc cho cậu bộ y phục thích hợp... ở trong kia.” Ông ta hất đầu về phía cổng, và Jamie bị cưỡng bách đi vào trong. Một bàn tay nóng nình thật siết chặt khuỷu tay tôi, và tôi buộc phải đi theo, dù muốn hay không.

Rupert có vẻ đang hưng phấn giống như những người đàn ông khác mà tôi thấy trong lâu đài. Có khoảng sáu, bảy mươi người đi đi lại lại trong cái sân gần lối vào đại sảnh nhất, họ đều ăn mặc hết sức bảnh bao, đeo dao găm, kiếm, súng lục và túi da. Rupert ra hiệu về phía một cánh cửa, và đám đàn ông đẩy Jamie vào một căn phòng nhỏ được thắp sáng. Nó có vẻ là nhà kho; bởi vì trên những cái bàn và giá kê trong phòng có vô số món đồ linh tinh.

Rupert sẫm soi Jamie kĩ lưỡng, nhìn chăm chăm vào những sợi rơm yếm mạch bám trên tóc và những vết bẩn loang lổ trên áo anh ta. Thế rồi mắt ông ta thoáng liếc về phía những sợi rơm trên tóc tôi, trên mặt nở nụ cười nhạt báng.

“Thảo nào cậu tới muộn,” ông ta nói, huých vào mạng sườn Jamie. “Cũng chẳng trách cậu được.”

“Willie!” Ông ta gọi một trong những người ở bên ngoài. “Chúng tôi cần ít quần áo. Cậu đi kiếm cho tôi một bộ vừa vặn với cháu trai của lãnh chúa nhé! Nhanh lên đây!”

Jamie mím môi, nhìn những người đàn ông xung quanh mình. Có tất cả sáu tộc viên đang cực kỳ hưng phấn trước lễ tuyên thệ và căng tràn lòng kiêu hãnh dữ dội của thị tộc MacKenzie. Rõ ràng cái thùng bia mà tôi thấy trong sân đã góp phần lớn vào việc này. Ánh mắt Jamie chiếu vào tôi, vẻ mặt vẫn căng thẳng. Nét mặt anh ta như muốn nói: “Đây là việc của tôi.”

Dĩ nhiên anh ta có thể tuyên bố rằng mình không có ý định cất lời tuyên thệ với Colum và quay lại chiếc giường ấm áp của mình trong chuồng ngựa, nếu anh ta muốn một trận đòn thật nặng hoặc bị cắt cổ. Anh ta nhướn một bên lông mày với tôi, nhún vai và miễn cưỡng quy thuận Willie, người vừa vội vàng ôm đến một chõng áo sơ mi vải lanh trắng như tuyết và một cái lược. Nằm trên đỉnh của chõng áo là một chiếc mũ bonnet phẳng bằng nhung màu xanh gấm tím phù hiệu kim loại có đính một nhánh nhựa ruồi. Tôi nhấc cái mũ bonnet lên để kiểm tra, trong khi Jamie ních người vào cái áo sạch và hậm hực chải tóc.

Tấm phù hiệu có hình tròn và được chạm khắc rất đẹp. Ở tâm của nó là năm ngọn núi lửa đang phun lên những ngọn lửa chân thực nhất. Còn ở mép là một câu khẩu hiệu: *Luceo non Uro*.

“Tôi tỏa sáng, chứ không phải là cháy,” tôi dịch to.

“Đúng vậy; khẩu hiệu của thị tộc MacKenzie,” Willie nói, gật đầu tán thành. Anh ta giật lại cái mũ từ tay tôi và ấn nó vào tay Jamie trước khi chạy đi tìm thêm quần áo.

“Ồ... Tôi xin lỗi,” tôi thì thào nói, nhích lại gần hơn. “Tôi không cố ý...”

Đang nhìn tấm phù hiệu trên cái mũ với vẻ chán ghét, Jamie liền liếc nhìn tôi, cái miệng mím chặt lập tức nơi lỏng.

“À, đừng bận tâm, Sassenach. Chẳng chóng thì chầy chuyện này cũng sẽ xảy ra mà.” Anh ta giật tấm phù hiệu ra khỏi cái mũ và mỉm cười chua chát, tung hứng nó trên tay với vẻ đăm chiêu.

“Cô có biết khẩu hiệu của tôi không?” Anh ta hỏi. “Ý tôi là, khẩu hiệu của thị tộc tôi ấy?”

“Không,” tôi kinh ngạc trả lời. “Nó là gì?”

Anh ta tung cái phù hiệu lên cao, bắt lấy nó và gọn gàng thả nó vào trong cái túi da, rồi chán chường nhìn về phía cánh cửa tò vò để ngỏ, nơi các thành viên của thị tộc MacKenzie đang tập trung thành những hàng ngũ cong queo, lộn xộn.

“*Je suit prest,*” anh ta đáp bằng thứ tiếng Pháp chuẩn xác đến mức đáng kinh ngạc. Liếc ra sau, anh ta thấy Rupert và một người MacKenzie to lớn khác mà tôi không biết là ai đang quả quyết tiến tới, mặt đỏ bừng vì bia rượu và sự hưng phấn, trên tay Rupert là một tấm vải len kẻ ô khổng lồ của thị tộc MacKenzie.

Chẳng nói năng gì, người đàn ông kia thò tay tới cái khóa thắt lưng trên váy Jamie.

“Cô nên đi đi, Sassenach,” Jamie vội khuyên. “Đây không phải chỗ dành cho phụ nữ.”

“Tôi biết rồi,” tôi giễu cợt đáp, nhận được một nụ cười méo mó lúc hông anh ta được quần cái váy mới trước khi cái váy cũ bị giật ra một cách khéo léo từ bên dưới, bảo vệ sự riêng tư của anh ta. Sau đó, Rupert và bạn tóm chặt hai cánh tay anh ta và đẩy anh ta về phía ô cửa tò vò.

Tôi lập tức xoay người đi về phía cầu thang dẫn tới bao lơn của đại sảnh, cẩn thận tránh con mắt của bất cứ tộc viên nào mà tôi đi ngang qua. Khi đã đến nơi, tôi dừng lại, áp lưng vào tường để tránh sự chú ý, cho đến khi hành lang tạm thời vắng bóng người mới lén qua cánh cửa dân lên bao lơn và nhanh chóng đóng cửa lại trước khi ai đó rẽ vào hành lang và nhìn thấy tôi. Các bậc thang sáng lờ mờ nhờ quầng sáng từ bên trên nên tôi dễ dàng bước trên những phiến đá mòn. Tôi leo về phía tiếng ồn và ánh sáng, nghĩ tới câu nói ngắn gọn cuối cùng của Jamie.

“*Je suis prest.*” *Tôi sẵn sàng.* Tôi hy vọng anh ta cũng giống như câu khẩu hiệu của thị tộc mình.

•••

Bao lơn được thắp sáng bởi đuốc thông, những ngọn lửa rực rỡ vươn thẳng lên cao, nổi bật trên nền bồ hóng đen tuyền mà những ngọn đuốc trước đó đã để lại trên các bức tường. Vài khuôn mặt quay lại, chớp chớp mắt nhìn tôi khi tôi bước ra từ những lớp rèm phía cuối bao lơn; nhìn qua thì tất cả phụ nữ trong lâu đài đều đang ở đây. Tôi nhận ra cô nàng Laoghaire, Magdalen, vài người phụ nữ mà tôi đã gặp ở khu bếp và đương nhiên là cả thân hình đồ sộ của bà FitzGibbons đang ngồi ở một vị trí danh giá gần lan can.

Nhìn thấy tôi, bà thân thiện vẫy tay ra hiệu, và những người phụ nữ nép sát vào nhau để nhường lối cho tôi đi qua. Khi tới phía trước, tôi có thể nhìn thấy toàn bộ đại sảnh trải ra bên dưới.

Các bức tường được tô điểm những nhánh hương đào, thông đỏ và nhựa ruồi, hương thơm của những loài cây thường xanh quyện lẫn với mùi khói và mùi đàn ông nồng đậm, dâng lên tới tận bao lơn. Có hàng tá đàn ông ra ra vào vào, đứng nói chuyện thành từng nhóm nhỏ rải rác khắp đại sảnh, tất cả đều mặc y phục bằng vải len kẻ ô của thị tộc, dù có khi chỉ là một cái áo choàng len hay một cái mũ bonnet bên trên cái áo lao động thường ngày và cái quần tơ tả. Hoa văn trên y phục rất đa dạng nhưng màu sắc thì giống hệt nhau - màu xanh lục sẫm và trắng.

Hầu hết bọn họ đều đóng nguyên bộ y phục truyền thống như Jamie hiện giờ, gồm váy, áo choàng len, mũ bonnet và phù hiệu. Tôi bắt gặp Jamie đang đứng gần bức tường, trên mặt vẫn có vẻ căng thẳng. Rupert đã lẩn vào trong đám đông, nhưng có hai người MacKenzie lực lưỡng khác, rõ ràng là lính canh, đứng ở hai bên sườn Jamie.

Sự hỗn loạn trong đại sảnh dần trở nên trật tự khi các cư dân của lâu đài dẫn những người mới tới về chỗ của mình ở đầu thấp hơn của gian phòng.

Đêm nay rõ ràng là một đêm đặc biệt; chàng trai trẻ chơi kèn túi ở phiên tòa lần trước đã có thêm hai người tiếp sức, trong đó có một người mang dáng vẻ của bậc thầy chơi kèn với những ống kèn có khớp nối bằng

ngà voi. Người đàn ông này gật đầu với hai người còn lại, và chẳng mấy chốc cả đại sảnh đã vang rền tiếng kèn tui. Tuy những chiếc kèn này nhỏ hơn nhiều so với những chiếc kèn tui phương Bắc to lớn được dùng trong chiến trận, nhưng chúng vẫn khuấy động không khí rất hiệu quả.

Tiếng láy rền ngân vang khiến người ta ngứa ngáy. Những người phụ nữ xung quanh tôi nhún nhảy, làm tôi nghĩ đến một câu trong bài *Maggie Lauder*:

“Ồ, họ gọi tôi là Rab huênh hoang,
Và các cô gái đều phát điên lên,
Khi tôi thổi chiếc kèn của mình.”

Dẫu không phát điên lên nhưng những người phụ nữ xung quanh tôi đều vô cùng phấn khích, họ vươn hẳn người qua lan can, xuýt xoa ngưỡng mộ khi chỉ trở người này người kia đang sải bước quanh đại sảnh trong bộ đồ bảnh nhất. Một cô gái khẽ reo lên khi nhìn thấy Jamie và ra hiệu cho bạn bè nhìn theo. Mọi người lập tức bàn tán xôn xao vì sự xuất hiện của anh ta.

Có người ca ngợi ngoại hình của anh ta, nhưng mọi người chủ yếu phán đoán lý do anh ta có mặt trong lễ tuyên thệ. Tôi để ý thấy mặt Laoghaire đỏ bừng như một ngọn nến khi cô ta quan sát anh chàng, và tôi nhớ lại những gì Alec đã nói trong bãi giữ ngựa - *Bây biết là cha cô ta sẽ không để cho cô ta cưới người bên ngoài thị tộc mà*. Và Jamie chẳng phải là cháu của Colum sao? Thế thì chàng trai này có thể là một món bở. Đương nhiên là nếu không tính đến vấn đề ngoài vòng pháp luật chẳng đáng kể kia.

Tiếng kèn tui cất lên cao vút rồi đột ngột dừng lại. Trong sự im lặng tuyệt đối, Colum MacKenzie bước ra từ ô cửa tò vò ở phía cao hơn của đại sảnh, và quả quyết sải bước tới một cái bục nhỏ được dựng lên ở đầu căn phòng. Ông ta không nỗ lực che giấu sự tàn tật của mình, nhưng lúc này cũng không khoe khoang nó. Trông ông ta thật lộng lẫy trong cái áo khoác màu xanh da trời với viền đăng ten màu vàng, nút áo bằng bạc và cổ tay áo

bằng lụa màu hoa hồng gấp lên gần đến khuỷu tay. Một cái váy kẻ ô bằng len xịn dài đến đầu gối, che phủ hầu hết đôi chân và đôi tất kẻ ô. Chiếc mũ bonnet của ông ta có màu xanh dương, nhưng tấm phù hiệu bằng bạc gắn lông vũ chứ không phải là nhựa ruồi. Cả đại sảnh nín thở khi ông ta đứng vào tâm điểm. Cho dù là gì, Colum MacKenzie quả thực biết cách làm mình tỏa sáng.

Ông ta quay sang đối diện với đám đông tộc viên đang tụ tập, giơ cao hai cánh tay và chào họ bằng một tiếng hô sang sảng:

“*Tulach Ard!*”

“*Tulach Ard!*” các tộc viên rền vang đáp trả. Người phụ nữ bên cạnh tôi run rẩy.

Tiếp đó là một bài diễn văn ngắn bằng tiếng Gaelic. Những tiếng reo hò ủng hộ vang lên từng chập, và rồi lễ tuyên thệ chính thức bắt đầu.

Dougal MacKenzie là người đầu tiên tiến về phía cái bục nơi Colum đang đứng. Cái bục nhỏ giúp Colum cao ngang tầm với em trai. Dougal cũng ăn mặc rất đẹp, nhưng chiếc áo khoác của ông ta là bằng nhung trơn màu hạt dẻ không có đăng ten vàng để không làm phân tán sự chú ý khỏi vẻ lộng lẫy của Colum.

Dougal rút con dao găm của mình ra bằng một cú vung tay mạnh mẽ và quỳ một chân xuống, giơ lưỡi dao thẳng đứng. Giọng ông ta không đầy nội lực bằng giọng Colum nhưng vẫn vang vọng khắp đại sảnh.

“Trước cây thánh giá của Đức Chúa Jesus và lưỡi dao thiêng liêng mà tôi cầm trong tay, tôi xin thề sẽ trung thành với ngài và thị tộc MacKenzie. Nếu tôi dám phản lại ngài, thanh sắt thiêng liêng này sẽ xuyên thủng trái tim tôi.”

Ông ta hạ con dao găm xuống, hôn vào chỗ nối giữa chuôi và lưỡi dao, rồi tra lại nó vào vỏ bằng một động tác chuẩn xác. Tiếp đó, vẫn còn đang quỳ, ông ta đưa hai bàn tay nắm chặt cho Colum. Colum cầm lấy chúng, đưa lên môi, tỏ ý chấp nhận lời thề. Rồi ông ta nâng Dougal đứng dậy.

Quay lại đằng sau, Colum dùng cả hai tay nhấc một cái cốc bạc hai quai nặng nề trên chiếc bàn phủ vải len kẻ ô lên uống rồi đưa cho Dougal. Dougal uống một ngụm lớn rồi trả lại chiếc cốc. Sau khi cúi đầu lần cuối với lãnh chúa của thị tộc MacKenzie, ông ta bước sang một bên, nhường chỗ cho người đàn ông tiếp theo trong hàng.

Nghi thức đó được lặp đi lặp lại. Nhìn số lượng đàn ông trong hàng, tôi lại một lần nữa ấn tượng với năng lực của Colum. Cứ cái đà này, khi buổi lễ kết thúc, không biết ông ta phải uống đến bao nhiêu lít rượu. Đang tính toán toán thì tôi chợt thấy Jamie tiến lên phía trước hàng người.

Sau khi tuyên thệ xong, Dougal đến đứng ngay đằng sau Colum. Ông ta nhìn thấy Jamie trước vì Colum còn đang bận làm lễ với một người đàn ông khác, và tôi thấy ông ta khẽ giật mình kinh ngạc. Ông ta bước lại gần anh trai, thì thầm gì đó. Colum vẫn nhìn thẳng vào người đàn ông trước mặt, nhưng tôi thấy ông ta hơi cứng người lại. Ông ta cũng ngạc nhiên và, tôi nghĩ, chẳng vui vẻ gì.

Mọi người trong đại sảnh càng lúc càng hưng phấn. Nếu Jamie từ chối lời thề vào thời điểm này, tôi nghĩ anh ta rất dễ bị các tộc viên đang phấn khích xé xác thành từng mảnh nhỏ. Tôi lén chùi hai lòng bàn tay vào váy, cảm thấy tội lỗi vì đã đẩy anh ta vào một tình thế nguy hiểm như vậy.

Anh ta có vẻ điềm tĩnh. Dù không khí trong đại sảnh nóng hầm hập nhưng anh ta không hề đổ một giọt mồ hôi. Anh ta kiên nhẫn đứng đợi trong hàng, chẳng màng đến cái thực tế là mình đang bị vây quanh bởi một trăm người đàn ông trang bị vũ khí đến tận răng, sẵn sàng nổi cơn thịnh nộ trước bất cứ sự xúc phạm nào đối với Lãnh chúa MacKenzie và thị tộc. Đúng là *Je suis prest!* Hay anh ta đã quyết định nghe theo lời khuyên của Alec?

Móng tay tôi cắm sâu vào lòng bàn tay lúc đến lượt anh ta.

Anh ta duyên dáng quỳ một chân và cúi đầu thật sâu trước Colum. Nhưng thay vì rút con dao của mình ra để thề, anh ta lại đứng lên và nhìn vào mặt vị lãnh chúa. Khi đứng thẳng, anh ta cao hơn hẳn hầu hết những

người đàn ông trong đại sảnh, và dù đã đứng trên bục nhưng Colum vẫn thấp hơn anh ta đến vài phân. Tôi liếc nhìn cô nàng Laoghaire. Cô ta đã tái xanh mặt mày lúc anh ta đứng dậy, và tôi thấy rằng hai nắm tay của cô ta cũng đã siết chặt lại.

Mọi con mắt trong đại sảnh đều đổ dồn vào anh ta, nhưng anh ta nói cứ như chỉ cho mình Colum nghe vậy. Giọng anh ta trầm như giọng Colum, và mọi lời lẽ đều hết sức rõ ràng, dễ nghe.

“Colum MacKenzie, tôi đến chỗ ngài với tư cách một người họ hàng và đồng minh. Tôi không tuyên thệ với ngài, vì lời thề của tôi gắn liền với cái họ mà tôi mang.” Từ trong đám đông nổi lên những tiếng làu bàu trầm thấp đáng ngại, nhưng anh ta lờ chúng đi và tiếp tục lời mình. “Nhưng tôi sẵn sàng trao cho ngài tất cả những gì tôi có; bao gồm cả sự trợ giúp và thiện ý của tôi, bất cứ khi nào ngài cần đến chúng. Tôi trao cho ngài sự phục tùng, với tư cách bà con và lãnh chúa, và tôi sẽ buộc mình tuân theo mọi mệnh lệnh của ngài, chừng nào bàn chân tôi còn đặt trên lãnh địa của thị tộc MacKenzie.”

Dứt lời, anh ta đứng im đó, cao ráo và thẳng tắp, hai bàn tay thư thái buông thõng hai bên sườn. Quả bóng giờ đang ở bên sân của Colum. Chỉ cần một lời nói, một cử chỉ của ông ta, sáng mai họ sẽ phải lau chùi máu của chàng trai trẻ dính trên những phiến đá.

Colum đứng sững trong một thoáng, rồi mỉm cười và chìa tay ra. Sau giây lát do dự, Jamie nhẹ nhàng đặt hai bàn tay vào lòng bàn tay Colum.

“Chúng ta rất hân hạnh với lời ngỏ ý về tình hữu nghị và thiện ý của cậu,” Colum nói rõ ràng. “Chúng ta chấp nhận sự phục tùng của cậu và đồng ý coi cậu là một đồng minh của thị tộc MacKenzie.”

Sự căng thẳng ở đại sảnh lắng dịu phần nào, trên bao lơn vang lên tiếng thở phào nhẹ nhõm khi Colum uống ngụm rượu từ cái cốc hai quai rồi đưa nó cho Jamie. Chàng trai trẻ mỉm cười đón nhận. Tuy nhiên, thay vì uống một ngụm theo nghi thức, anh ta cẩn thận nâng cái cốc gần đầy lên, nghiêng nó và uống ừng ực. Anh ta cứ uống mãi. Một tiếng xuýt xoa kinh

ngạc vừa khâm phục vừa thích thú cất lên từ đám khán giả khi các thứ cơ mạnh mẽ ở cổ anh ta chuyển động liên tục. Chẳng mấy chốc anh ta sẽ phải ngừng lại để thở thoi, tôi nghĩ, nhưng không, anh ta uống tới giọt cuối cùng trong cái cốc nặng trĩu rồi hạ nó xuống, phà ra một tiếng thở dốc và trả nó lại cho Colum.

“Tôi rất vinh hạnh,” anh ta nói, giọng hơi khàn, “được làm đồng minh với một thị tộc có khẩu vị whisky tuyệt vời đến thế”.

Câu nói này gây nên một sự náo động, và anh la len lỏi về phía cửa tò vò giữa những cái bắt tay chúc mừng và những cú đấm thùm thụp lên lưng. Rõ ràng Colum MacKenzie không phải là thành viên duy nhất trong gia tộc có khiếu trình diễn.

Không khí trên bao lơn đang trở nên ngọt ngào, khói dâng lên khiến tôi đau đầu trước cả khi lễ tuyên thệ kết thúc với mấy lời lẽ đầy xúc động của Colum. Giọng nói khỏe khoắn của ông ta cất lên vang dội khắp các phiến đá của đại sảnh, chẳng hề bị ảnh hưởng bởi lượng rượu từ sáu cái cốc hai quai. Ít nhất thì tối nay ông ta sẽ không phải chịu sự hành hạ của đôi chân đau nhức, cho dù đã phải đứng cả buổi tối.

Tiếng hò hét vang lên từ bên dưới, tiếng kèn tui lại bùng nổ, và khung cảnh trang nghiêm lập tức trở nên huyên náo. Một tiếng reo hò thậm chí còn to hơn chào đón những thùng bia và whisky được đem đến trên những cái niêng, kèm theo những đĩa bánh yến mạch, dồi cừ^[60] và thịt nóng hồi. Bà Fitz hẳn là người tổ chức bữa tiệc này, bà chơi với nghiêng người qua hàng lan can, con mắt sắc sảo chăm chú để ý tới từng động tác của những người phục vụ - đó chủ yếu là các chàng trai còn quá trẻ, chưa đủ tuổi để được tham dự lễ tuyên thệ.

“Gà lôi đâu rồi?” Bà lăm băm, quan sát những cái đĩa được đem tới. “Cả món lươn nhồi nữa? Cái gã Mungo Grant chết tiệt, ta sẽ lột da hắn nếu hắn làm cháy món lươn!” Sau khi quyết định, bà quay người đi và bắt đầu len về phía cuối bao lơn, rõ ràng không muốn phó mặc một yến tiệc quan trọng như tối nay cho đôi bàn tay thiếu kinh nghiệm của Mungo Grant.

Được bà mở đường, tôi nhân cơ hội len lỏi theo sau bà. Những người khác, rõ ràng mừng húm vì có lý do để rời đi, cũng nhập bọn với tôi trong “cuộc di tản” này.

Khi đã xuống dưới, bà Fitz quay lại, nhìn thấy đám phụ nữ ở đằng sau thì liền cau mày dữ tợn.

“Các cô đi về phòng mình ngay,” bà ra lệnh. “Nếu các cô không thể ở trên đó, khuất khỏi tầm mắt của đám đàn ông thì tốt hơn hết là các cô nên chạy thật nhanh về phòng mình. Nhưng không được nấn ná ở các hành lang và nhòm trộm quanh các góc rẽ. Không gã đàn ông nào ở đây là không ngà ngà say, và họ sẽ còn say hơn nữa trong một tiếng đồng hồ tới. Tối nay nơi này không có chỗ cho đàn bà con gái đâu.”

Bà đẩy mở cánh cửa, thận trọng nhòm ra hành lang. Khi thấy hành lang vắng tanh, bà đẩy cánh phụ nữ ra khỏi cửa, từng người một, vội vã xua họ về phòng ngủ của mình trên các tầng lầu.

“Bà có cần giúp gì không?” Tôi hỏi khi bắt kịp bà. “Ý tôi là, ở trong bếp ấy?”

Bà lắc đầu, mỉm cười trước lời đề nghị ấy. “Không, không cần đâu, cô gái. Cô đi đi, cô không an toàn hơn những người còn lại đâu.” Và với một cú đẩy nhẹ nhàng vào eo lưng, tôi lao chúi ra hành lang lờ mờ tối.

Sau cuộc chạm trán lúc nãy với gã lính gác ở bên ngoài, tôi cũng muốn nghe theo lời khuyên của bà. Những người đàn ông trong đại sảnh đang say sưa chè chén và nhảy nhót ầm ĩ không kiểm soát. Tôi đồng ý rằng đây không phải là chỗ dành cho một người phụ nữ.

Thế nhưng tìm được đường về phòng mình lại là một vấn đề hoàn toàn khác. Tôi không quen thuộc với khu vực này của lâu đài, và dù biết rằng tầng tiếp theo có một lối đi có mái che nối liền với hành lang dẫn về phòng tôi, nhưng tôi không thể tìm thấy cầu thang ở đâu cả.

Tôi rẽ ở một chỗ ngoặt và đâm sầm vào một nhóm đàn ông. Mấy gã lạ hoắc này có lẽ đến từ những vùng đất xa xôi hẻo lánh của thị tộc và không biết đến phép lịch sự của những người sống trong lâu đài. Tôi kết luận như

thế khi chứng kiến một người trong số họ không buồn đi tìm nhà xí mà xả ngay ra một góc hành lang lúc tôi đụng độ họ.

Tôi lập tức quay đi, định trở lại con đường mà tôi vừa qua, dù nó có cầu thang hay không. Nhưng mấy bàn tay lập tức vươn ra ngăn tôi lại, ấn tôi vào bức tường của hành lang, và tôi thấy mình bị bao vây giữa những người cao nguyên râu ria xồm xoàm với hơi thở nồng nặc mùi whisky và trong đầu chỉ toàn nghĩ đến chuyện cưỡng hiếp.

Chẳng nói chẳng rằng, gã đàn ông trước mặt túm lấy eo tôi và thọc bàn tay còn lại vào trong áo chèn của tôi. Hắn ta ghé lại gần, cọ cái má đầy râu vào tai tôi. “Cô có thể dành một nụ hôn ngọt ngào cho những chàng trai dũng cảm của thị tộc MacKenzie ngay bây giờ không? *Tulach Ard!*”

“Ái Nhĩ Lan muôn năm,” tôi xác xược nói, dùng hết sức đẩy hắn ra. Chénh choáng vì men rượu, hắn lão đảo lúi lại, đụng vào một trong những người bạn đồng hành. Tôi né sang một bên và bỏ chạy, hất đôi giày vướng víu ra khỏi chân.

Một dáng hình khác hiện ra lơ mờ trước mặt tôi, và tôi chần chừ giây lát. Nhưng ở đó có vẻ chỉ có một người, trong khi đằng sau tôi có ít nhất mười gã đang chạy như bay đuổi theo, dù họ đã nốc không biết bao nhiêu bia rượu. Tôi cứ cắm mặt chạy về phía trước, định né qua người đàn ông kia. Nhưng ông ta bước thẳng tới trước mặt tôi, buộc tôi dừng phắt lại, gấp đến nỗi tôi phải đặt cả hai tay lên ngực đối phương để tránh đâm sầm vào ông ta. Đó là Dougal MacKenzie.

“Cái quái gì...?” Ông ta mở miệng nói, rồi nhìn thấy đám đàn ông đang đuổi theo tôi. Ông ta liền kéo tôi ra sau lưng mình và quát tháo mấy gã kia bằng tiếng Gaelic. Họ phản đối bằng thứ ngôn ngữ tương tự, nhưng sau một hồi lờ qua tiếng lại nghe như tiếng gầm gừ của loài sói, họ bỏ cuộc và đi tìm trò tiêu khiển hay hơn.

“Cảm ơn ông,” tôi nói, hơi choáng váng. “Cảm ơn ông. Tôi... tôi đi đây. Tôi không nên ở dưới này.” Dougal liếc nhìn tôi rồi nắm lấy cánh tay

tôi, kéo tôi tới đứng trước mặt ông ta. Ông ta có vẻ xộc xệch và rõ ràng đã tham gia cuộc chè chén om sòm trong đại sảnh.

“Đúng thế, cô gái,” ông ta nói. “Cô không nên ở đây. Nhưng vì cô đã ở đây rồi, cô sẽ phải trả giá cho điều đó,” ông ta lẩm bẩm, đôi mắt sáng lên trong bóng tối lơ mờ. Và rồi, không hề báo trước, ông ta kéo mạnh tôi lại và hôn ngẫu nhiên. Mùi whisky nồng nặc lùa vào khoang miệng tôi. Hai bàn tay ông ta dịch xuống tóm chặt hông tôi, ấn tôi sát vào người ông ta, khiến tôi cảm nhận được sự cương cứng bên dưới cái váy của ông ta.

Sau đó, ông ta thả tôi ra đột ngột như lúc tóm lấy tôi, rồi hất đầu về phía cuối hành lang, thở hỗn hển. Một lọn tóc màu nâu đỏ rủ xuống trán, ông ta gạt nó lên bằng một tay.

“Đi đi, cô gái,” ông ta nói. “Trước khi cô phải trả một cái giá lớn hơn.”

Tôi lập tức bỏ đi với đôi chân trần.

...

Sau một đêm náo nhiệt, tôi cứ ngỡ sáng hôm sau các cư dân của lâu đài sẽ ngủ dậy muộn và loạng choạng đi tìm một cốc bia để giúp mình tỉnh táo khi mặt trời đã lên cao - dĩ nhiên là nếu vàng dương chịu lộ ra. Nhưng những gã sơn binh người Scot của thị tộc MacKenzie dẻo dai hơn tôi tưởng, trời còn chưa rạng mà cả lâu đài đã giống như một tổ ong vo ve với những giọng nói om sòm gọi nhau xuôi ngược khắp các hành lang và tiếng vũ khí loảng xoảng cùng tiếng giày nện thành thịch khi cánh đàn ông chuẩn bị cho cuộc đi săn.

Trời lạnh và mù sương, nhưng trên đường đến đại sảnh tôi đã gặp Rupert ở trong sân và ông ta quả quyết với tôi rằng kiểu thời tiết này là phù hợp nhất để đi săn lợn lòi.

“Loài thú này có lớp lông dày nên chúng không sợ lạnh,” ông ta giải thích, hăng hái mài một mũi giáo vào cái máy mài thô sơ được điều khiển bằng chân, “và chúng cảm thấy an toàn khi có màn sương mù dày đặc bao

phủ xung quanh - vì chúng không thể nhìn thấy cánh đàn ông đi về phía chúng.”

Tôi cố ngăn mình không chỉ ra rằng như thế đồng nghĩa với việc những người đi săn cũng không thể nhìn thấy con lợn lòi mà họ đang tiếp cận, cho đến khi họ đụng phải nó.

Khi những tia nắng mặt trời màu đỏ máu và vàng kim bắt đầu xuyên qua màn sương, nhóm đi săn đã tụ tập ở sân ngoài, cả người ẩm ướt và đôi mắt sáng rực vì háo hức. Phụ nữ không được tham gia nhưng vẫn vui vẻ mang bánh và bia đến cho những người hùng đang sửa soạn lên đường. Nhìn thấy hàng tá đàn ông chuẩn bị khởi hành về hướng khu rừng phía đông, trang bị nỏ giáo móc, rìu, cung tên, ống tên và dao găm, tôi cảm thấy có chút thương xót cho con lợn lòi.

Một tiếng sau, nỗi thương xót ấy biến thành sự kính sợ khi tôi được gọi vội đến bìa rừng để băng bó vết thương cho một người đàn ông bất thành linh vấp vào con thú trong màn sương mù như tôi đã phỏng đoán.

“Quý thần ơi!” Tôi nói, kiểm tra một vết thương nham nhở toang hoác kéo dài từ đầu gối tới mắt cá chân. “Một *con thú* đã gây ra việc này ư? Răng nó là thép không gỉ à?”

“Hử?” Nạn nhân tái nhợt vì sốc và run đến nỗi không thể trả lời nổi, nhưng một trong những người dìu anh ta ra khỏi khu rừng thì nhìn tôi với ánh mắt lạ lùng.

“Đừng bận tâm,” tôi nói và thắt chặt dải băng mà tôi đã quấn quanh phần bắp chân bị thương. “Hãy đưa anh ta về lâu đài và chúng ta sẽ nhờ bà Fitz mang cho anh ta ít xúp nóng và chăn ấm. Cần phải khâu lại vết thương, mà ở đây tôi chẳng có dụng cụ gì cả.”

Những tiếng hò hét trầm bổng của đám người xua thú săn vẫn vang vọng trong màn sương mờ mịt ở sườn đồi. Đột nhiên một tiếng thét chói tai vang lên qua làn sương mù và đám cây cối, khiến một con gà lôi hoảng loạn đập cánh, nhảy bổ ra khỏi chỗ nấp gần đó.

“Lạy Chúa tôi, chuyện gì nữa đây?” Tôi chộp lấy một ôm băng vải, bỏ lại bệnh nhân của mình cho mấy người còn lại chăm sóc và chạy như bay vào trong rừng.

Sương mù dày đặc hơn bên dưới những nhánh cây, tôi không thể thấy gì hơn ngoài vài bàn chân ở phía trước, những tiếng la hét kích động và tiếng huỳnh huých ở những bụi cây thấp đã dẫn tôi đi đúng hướng.

Nó sượt qua tôi từ đằng sau. Mải chú tâm vào tiếng la hét, tôi đã không nghe thấy tiếng nó, và chỉ khi nó đã lướt qua, tôi mới nhìn thấy một khối đồ sộ đen thẫm di chuyển với tốc độ không thể tin nổi, những chiếc móng chẻ nhỏ xíu gần như không phát ra tiếng động khi giẫm trên đám lá ướt sũng.

Sự xuất hiện bất thành linh ấy khiến tôi sửng sốt đến quên cả sợ hãi. Tôi cứ nhìn chăm chăm vào màn sương nơi con vật màu đen có bộ lông cứng đó biến mất. Thế rồi, khi giơ tay lên để gạt những lọn tóc xoắn đang dính bết vào mặt, tôi nhìn thấy trên mu bàn tay mình có một vết đỏ. Nhìn xuống, tôi thấy trên váy tôi cũng có một vết tương tự. Con thú bị thương. Phải chăng tiếng thét là của con lợn lòi?

Tôi nghĩ là không phải; rõ ràng đó là tiếng thét khi bị thương chí mạng. Mà con lợn lòi vẫn còn di chuyển rất lanh lẹ lúc đi lướt qua tôi. Tôi hít sâu một hơi và đi tiếp vào màn sương mù để tìm kiếm một người đàn ông bị thương.

Tôi tìm thấy anh ta ở chân một con dốc nhỏ với những người đàn ông mặc váy vây xung quanh. Họ đã đắp những chiếc áo choàng len lên người anh ta để giữ ấm, nhưng miếng vải che phủ hai chân anh ta bị ướt đến sẫm cả lại. Trên mặt bùn đen có một vết trượt rộng cho thấy đó là nơi anh ta đã ngã xuống con dốc, và một đám lá lấm bùn lộn xộn cùng với lớp đất bị khuấy tung chỉ ra rằng đó là chỗ anh ta đụng độ con lợn lòi. Tôi quỳ xuống bên cạnh người đàn ông đó, kéo tấm vải ra và bắt tay vào việc.

Tôi vừa mới bắt đầu thì đám đàn ông xung quanh bỗng la hét khiến tôi giật mình quay lại, trông thấy hình dáng ác mộng ấy hiện ra chỗ rặng cây,

lần này cũng không gây ra tiếng động nào.

Bây giờ tôi mới có thời gian để nhìn thấy cái cán dao thò ra từ mạng sườn của con thú, có lẽ đây là tác phẩm của người đàn ông đang nằm trên mặt đất trước mặt tôi. Và cái răng nanh màu vàng góm ghiếc nhuộm màu đỏ y như đôi mắt nhỏ tí ngọp đầy vẻ điên dại của nó.

Đám đàn ông xung quanh cũng sửng sốt như tôi, nhưng rồi họ bắt đầu nhúc nhích và lần tìm vũ khí. Một người đàn ông cao to phản ứng nhanh hơn những người còn lại, túm lấy thanh giáo chuyên dùng để đâm lợn lòi từ tay một người bạn đồng hành đang đứng chết trân và bước ra khoảng đất trống.

Đó chính là Dougal MacKenzie. Ông ta bước đi gần như hờ hững, hai tay lăm lăm ngọn giáo ở dưới tháp như thể chuẩn bị xúc một thuồng đất. Ông ta chăm chú nhìn con thú, thì thầm với nó bằng tiếng Gaelic như để dụ dỗ nó ra khỏi chỗ ẩn náu.

Cú tấn công đầu tiên đột ngột như một vụ nổ. Con thú nhảy vọt tới, sượt qua người Dougal khiến chiếc váy đi săn màu nâu của ông ta bay phấp phới. Con lợn lòi lập tức xoay người và nhảy vọt trở lại thân hình nó như một cái bóng đổ sộ chứa đầy sự thịnh nộ. Dougal nhảy sang bên như một võ sĩ đấu bò, đâm cây giáo vào người nó. Lùi, tiến rồi lại lùi, tiến. Cuộc chiến này giống như một điệu nhảy, cả hai đấu thủ đều dựa vào sức lực của mình nhưng lạnh lẽo đến mức họ tựa hồ đang bồng bênh trên mặt đất.

Cảm giác có vẻ lâu nhưng toàn bộ chuyện này chỉ diễn ra chừng một phút. Cuộc chiến kết thúc khi Dougal xoay người sang một bên để tránh những chiếc răng nanh to tướng, rồi giơ cao mũi nhọn của ngọn giáo ngăn rần chắc và xuyên thẳng vào giữa hai bờ vai dốc của con thú. Tiếng đâm của ngọn giáo và tiếng rống chói tai khiến lông tay tôi dựng đứng lên. Đôi mắt nhỏ tí của con lợn lòi đảo tới đảo lui, xoay chuyển điên loạn để tìm kiếm đối thủ, và những cái móng guốc xinh xắn cắm sâu trong bùn lúc con lợn lòi lao đảo và lắc lư. Cuối cùng, một tiếng rống vang lên rợn người khi có thể nó nặng nề đổ nghiêng sang một bên, làm cho con dao đang cắm trên

người nó ngấp sâu đến tận cán trong lớp da thịt đầy lông lá. Những cái móng nhỏ xối tung mặt đất, hất lên những cục đất dày ẩm ướt.

Tiếng rống đột ngột dừng lại. Sau một thoáng im lặng, có tiếng ụt ịt khe khẽ và rồi vóc dáng đồ sộ nằm im bất động.

Dougal không đợi xem nó đã chết hẳn chưa mà đi vòng qua con vật đang co rúm để quay trở lại chỗ người đàn ông bị thương. Ông ta quỳ xuống, luồn cánh tay đằng sau vai nạn nhân, thế chỗ cho người đang đỡ anh ta. Một tia máu nhỏ đã bắn lên hai gò má cao lúc ông ta đâm con lợn lòi, và những giọt máu khô đang làm tóc ông ta bết sang một bên.

“Nào, Geordie,” ông ta nói, giọng nói thô ráp đột nhiên trở nên dịu dàng. “Nào. Ta đã giết nó rồi, anh bạn. Ổn cả rồi.”

“Dougal? Là ngài ư?” Người đàn ông bị thương xoay đầu về phía Dougal, cố gắng mở mắt.

Tôi kinh ngạc lắng nghe trong lúc nhanh chóng kiểm tra mạch đập và những dấu hiệu của sự sống ở nạn nhân. Dougal - kẻ hung dữ, Dougal - kẻ tàn nhẫn, đang nói chuyện với người đàn ông này bằng giọng nói nhỏ nhẹ, lặp đi lặp lại những lời an ủi, ôm anh ta thật chặt và vuốt ve mái tóc rối bù.

Tôi ngồi quỳ ở đó, với tay về phía chông băng vải đặt bên cạnh. Có một vết thương sâu, dài ít nhất là hai mươi phân, chạy từ háng đến đùi đang không ngừng chảy máu. Nhưng máu không phun vọt ra; chúng tỏ động mạch ở đùi không bị rách, nghĩa là vẫn cầm máu được.

Nhưng không thể cầm máu vết thương ở bụng anh ta. Những chiếc răng nanh nhọn hoắt đã cắm vào đó, xé toạc da, bắp thịt, màng treo ruột và ruột. Không có mạch máu lớn nào bị đứt nhưng qua vết rách nhăm nhở trên da nạn nhân, tôi có thể thấy rõ ruột của anh ta đã bị thủng. Kiểu vết thương ở vùng bụng này thường dẫn đến cái chết, ngay cả khi bệnh nhân được đưa vào một phòng phẫu thuật hiện đại để khâu các vết thương với thuốc kháng sinh sẵn sàng trong tầm tay. Vì các chất chứa bên trong ruột sẽ tràn ra, gây nhiễm trùng cho cơ thể. Huống hồ chúng tôi đang ở đây, chẳng có gì để điều trị ngoài những nhánh tỏi và những bông cỏ thi...

Ánh mắt tôi gặp ánh mắt Dougal khi ông ta nhìn xuống vết thương gớm ghiếc. Mũi ông ta mấp máy nhưng không phát ra thành tiếng phía trên đầu nạn nhân: “Anh ta có thể sống không?”

Tôi lặng lẽ lắc đầu. Ông ta khựng lại trong một thoáng, ôm Geordie, rồi vươn tay tháo cái ga rô mà tôi đã buộc quanh đùi anh ta. Ông ta nhìn tôi, thách thức tôi phản đối, nhưng tôi chỉ khẽ gật đầu. Tôi có thể cầm máu và để họ khiêng người đàn ông này về lại lâu đài. Ở đó, anh ta sẽ cầm cự từng giờ trong nỗi đau đớn ngày một tăng dần khi vết thương ở bụng thối rữa, cho đến khi sự thối rữa ấy lan xa đến mức giết chết anh ta. Có lẽ Dougal đang ban cho anh ta một cái chết dễ chịu hơn - một cái chết sạch sẽ dưới bầu trời cuối xuân, máu từ trái tim anh ta dần thấm xuống đám lá được nhuộm đỏ bởi máu của con thú đã giết anh ta. Tôi bò lê trên đám lá ướt sũng tới chỗ đầu của Geordie và nhắc nửa người anh ta lên cánh tay mình.

“Sẽ nhanh chóng đỡ hơn thôi,” tôi nói, giọng vững vàng như thường lệ, như đã được huấn luyện. “Chẳng mấy chốc anh sẽ không còn đau nữa.”

“Vâng. Bây giờ... đã đỡ hơn. Chân tôi không còn cảm giác gì... cả tay nữa... Dougal... ngài có ở đó không? Ngài có ở đó không?” Hai bàn tay tê liệt khua khoảng loạn xạ trước mặt người đàn ông. Dougal nắm chặt lấy chúng và ghé lại gần, lẩm bẩm vào tai anh ta.

Lưng Geordie bất chợt ưỡn cong lên và gót giày anh ta cắm sâu vào lớp đất bùn, cơ thể anh ta phản đối dữ dội điều mà tâm trí anh ta đã bắt đầu chấp nhận. Chốc chốc người đàn ông đang chảy máu đến chết ấy lại thờ dốc để hít lấy không khí thềm khát thứ oxy mà cơ thể anh ta đang thiếu hụt trầm trọng.

Khu rừng rất tĩnh lặng. Không có lấy một tiếng chim hót, và những người đàn ông đang ngồi chồm hồm dưới bóng cây, kiên nhẫn chờ đợi, cũng lặng lẽ như chính đám cây cối trong rừng. Dougal và tôi ghé lại gần nhau phía trên cơ thể đang gãy giụa, thì thầm an ủi, cùng nhau chia sẻ công việc khẩn trương, thương tâm và cần thiết này, đó là giúp một người đàn ông được chết.

Chúng tôi trở về lâu đài trong im lặng. Tôi bước đi bên cạnh thi thể người đàn ông đã chết, được khiêng trên một cái cáng tự chế làm từ những cành thông. Đằng sau chúng tôi là xác kẻ thù của anh ta, cũng được khiêng theo cách tương tự. Dougal thì đi một mình ở đằng trước.

Khi chúng tôi bước vào cánh cổng dẫn tới sân chính, tôi bắt gặp thân hình béo lùn của Cha Bain, linh mục của làng, đang tất tả tới trợ giúp người giáo dân đã lìa khỏi cõi đời.

Dougal dừng bước, giơ tay ngăn tôi lại khi tôi định rẽ về phía cầu thang dẫn tới phòng khám. Những người khiêng cái cáng chở thi thể được phủ áo choàng len của Geordie thì tiếp tục hướng về phía nhà nguyện, để mặc chúng tôi ở lại trong hành lang vắng ngắt. Dougal nắm lấy cổ tay tôi, nhìn tôi chăm chú.

“Cô đã từng chứng kiến người ta chết,” ông ta thẳng thừng nói. “Bởi bạo lực.” Đây không phải một câu hỏi, mà gần như là một lời cáo buộc.

“Nhiều lắm,” tôi nói, cũng thẳng thừng như thế. Rồi tôi giật tay ra, bỏ mặc ông ta đứng đó để đi chăm sóc bệnh nhân đang còn sống của mình.

•••

Cái chết của Geordie thật khủng khiếp nhưng cũng chỉ gây ra một sự gián đoạn tạm thời cho các hoạt động vui chơi. Chiều hôm đó anh ta được làm lễ cầu siêu trong nhà nguyện của lâu đài, và đến sáng hôm sau thì các trò chơi chính thức bắt đầu.

Tôi chỉ xem được một vài trò vì còn bận bịu với việc chữa trị cho những người tham gia. Tất cả những gì tôi có thể đúc kết về các trò chơi của vùng cao nguyên là chúng được chơi rất nghiêm túc. Tôi phải băng bó cho một bàn chân lóng ngóng tự làm mình bị thương khi cố gắng nhảy nhót giữa những lưỡi kiếm, tôi phải nắn lại cái chân gãy của một nạn nhân xui xẻo đi lọt vào đường bay của một cái búa bị ném bất cẩn, và còn phải phân phát dầu thầu dầu và si rô sen cạn cho vô số đứa trẻ ăn quá nhiều kẹo ngọt. Đến xế chiều, tôi gần như kiệt sức.

Tôi leo lên bàn khám bệnh, thò đầu qua cái cửa sổ bé xíu để hít thở chút không khí. Không còn nghe thấy những tiếng hò hét, cười đùa và nhạc nhẽo từ phía cánh đồng nơi tổ chức các trò chơi nữa. Tốt quá! ít nhất thì từ giờ cho đến sáng mai sẽ không có thêm bệnh nhân nào mới. Rupert nói họ sẽ chơi trò gì tiếp theo nhỉ? Bản cung ư? Hừm. Tôi kiểm tra số lượng băng vải còn lại rồi đi ra ngoài, thận trọng đóng cửa phòng khám.

Rời khỏi lâu đài, tôi lê bước xuống đồi, đi về phía chuồng ngựa. Tôi rất cần bầu bạn với một sinh vật không phải là con người, không biết nói và không chảy máu. Tôi cũng muôn tìm gặp Jamie - mặc kệ họ của anh ta là gì - và cố gắng xin lỗi anh ta lần nữa vì đã đẩy anh ta đến lễ tuyên thệ. Tuy anh ta đã xoay xử rất tốt nhưng rõ ràng anh ta không hề có ý định tới đó. Còn về lời đồn mà chắc lúc này Rupert đã tung ra khắp nơi liên quan đến chuyện yêu đương của tôi với Jamie, tôi chẳng buồn nghĩ tới.

Tôi cũng chẳng muốn nghĩ đến tình cảnh khốn khổ của mình, nhưng sớm muộn gì cũng sẽ phải nghĩ đến thôi. Kế hoạch bỏ trốn khi lễ tụ hội bắt đầu đã thất bại thảm hại, chẳng biết đến khi nó kết thúc, tôi có còn cơ hội nào tốt hơn không. Đúng vậy, các vị khách ra về sẽ đem theo hầu hết lũ ngựa. Nhưng vẫn còn những con ngựa của lâu đài. Nếu may mắn, khi thấy thiếu một con ngựa, họ sẽ chỉ cho rằng đó là do lũ trộm cắp gây ra; có vô khối kẻ du thủ du thực trông rõ là vô lại quanh quẩn ở phiên chợ tạm và chỗ tổ chức các trò chơi mà. Và trong sự hỗn loạn lúc khách khứa rời đi, có thể phải mất một thời gian mới có người phát hiện ra rằng tôi đã biến mất.

Tôi lê bước dọc theo hàng rào của bãi giữ ngựa, ngẫm nghĩ về các lộ trình bỏ trốn. Khổ một nỗi tôi chỉ có khái niệm mơ hồ nhất về nơi tôi đang ở và nơi tôi muốn đi. Và vì bây giờ gần như mọi thành viên của thị tộc MacKenzie từ lâu đài Leoch cho đến biên giới đều đã biết tôi, nhờ việc chữa trị cho những bệnh nhân tham gia các trò chơi, nên tôi sẽ không thể hỏi đường.

Tôi đột nhiên băn khoăn liệu Jamie có kể cho Colum hay Dougal nghe về nỗ lực bỏ trốn của tôi vào cái đêm diễn ra lễ tuyên thệ không. Chắc là không đâu, vì chẳng thấy hai người họ đã động gì đến chuyện đó cả.

Trong bãi giữ ngựa không có con ngựa nào. Tôi đẩy cửa chuồng ngựa, và tìm tôi hằng một nhịp khi thấy Jamie và Dougal đang ngồi cạnh nhau trên một kiện cỏ khô. Họ có vẻ giật mình khi thấy tôi, cũng như tôi giật mình khi thấy họ vậy, nhưng rồi họ hào hiệp đứng dậy và mời tôi ngồi xuống.

“Không cần đâu,” tôi nói, lùi lại phía cửa. “Tôi không định xen ngang cuộc trò chuyện của hai vị.”

“Không sao,” Dougal nói, “chuyện ta đang nói với Jamie cũng có liên quan đến cô.”

Tôi liếc nhanh sang Jamie, anh ta đáp lại bằng một cái lắc đầu. Vậy là anh ta chưa kể cho Dougal nghe về nỗ lực bỏ trốn của tôi.

Tôi ngồi xuống, hơi cảnh giác với Dougal. Tôi vẫn còn nhớ pha đụng độ của tôi và ông ta ở hành lang vào cái đêm diễn ra lễ tuyên thệ, mặc dù từ đó đến giờ ông ta không hề nhắc gì đến chuyện đó, kể cả bằng lời nói hay hành động.

“Hai hôm nữa ta sẽ rời khỏi lâu đài,” ông ta đột ngột nói. “Và sẽ mang Jamie với cô theo.”

“Mang chúng tôi đi đâu?” Tôi giật mình hỏi. Tim tôi bắt đầu đập nhanh hơn.

“Khắp lãnh địa của thị tộc MacKenzie. Colum không đi xa được, vì vậy ta phải đến thăm những người tương đất và tá điền không thể đến lễ tụ hội. Và lo liệu vài việc lặt vặt...” Ông ta phẩy tay, như thể coi đó là những chuyện không quan trọng.

“Nhưng sao lại mang tôi theo? Ý tôi là, sao lại mang chúng tôi theo?” Tôi hỏi.

Ông ta cân nhắc trong một thoáng trước khi trả lời. “Tại sao ư, vì Jamie rất giỏi điều khiển ngựa. Còn cô, cô gái, Colum nghĩ ta nên đưa cô đến pháo đài William. Người chỉ huy ở đó có thể... giúp cô tìm gia đình của mình ở Pháp.” Hay là giúp ông, tôi nghĩ, xác định tôi thực sự là ai? Và

còn bao nhiêu điều khác ông không nói với tôi? Dougal nhìn tôi chăm chăm, rõ ràng đang tự hỏi tôi sẽ đón nhận tin tức này thế nào.

“Được thôi,” tôi bình thản nói. “Ý kiến ấy có vẻ hay đấy!” Bề ngoài thì điềm tĩnh thế thôi, nhưng trong lòng tôi đang mừng húm. May mắn làm sao! Giờ thì tôi sẽ không phải cố gắng bỏ trốn khỏi lâu đài nữa. Dougal sẽ đích thân dẫn tôi đi hầu hết quãng đường. Và từ pháo đài William, tôi nghĩ tôi sẽ không gặp may khó khăn trong việc tìm đường tới Craigh na Dun. Tới vòng tròn đá. Và nếu may mắn, tôi sẽ được trở về nhà.

PHẦN BA



TRÊN ĐƯỜNG

Trò chuyện với một luật sư

Hai ngày sau, chúng tôi cưỡi ngựa ra khỏi lâu đài Leoch ngay trước lúc bình minh ló dạng. Lũ ngựa đi thành hàng hai, hàng ba và hàng bốn, thận trọng đi qua cây cầu đá trong những tiếng hét chào tạm biệt và tiếng kêu của những con ngỗng trời đang bơi trên hồ. Chốc chốc tôi lại liếc nhìn ra sau, cho đến khi hình khối đồ sộ của tòa lâu đài biến mất đằng sau một màn sương mù mờ. Ý nghĩ sẽ không bao giờ còn nhìn thấy khối đá sừng sững ấy hay những cư dân trong đó khiến tôi có cảm giác tiếc nuối kỳ quặc.

Tiếng móng ngựa nghe có vẻ mơ hồ trong màn sương mù. Những giọng nói được truyền đi một cách kỳ lạ qua không khí ẩm thấp, do đó những tiếng gọi từ đâu này của đoàn người dài thi thoảng lại được nghe thấy dễ dàng ở đâu kia, trong khi tiếng trò chuyện ở gần bên lại trở thành những tiếng lầm rầm đứt quãng. Cứ như thế chúng tôi đang cưỡi ngựa xuyên qua một màn hơi nước đầy những bóng ma vậy. Những giọng nói trôi nổi trong không khí, phảng phất phía xa xa rồi lại kề sát gần bên.

Tôi đi ở giữa đoàn người, một bên là một chiến binh tôi không biết tên còn bên kia là Ned Gowan, viên thư ký nhỏ thó mà tôi đã nhìn thấy trong phiên tòa ở đại sảnh của Colum. Sau một hồi trò chuyện, tôi phát hiện ông ta không chỉ là một thư ký.

Là một luật sư sinh trưởng và học hành ở Edinburgh, Ned Gowan mang dáng vẻ hoàn toàn phù hợp với nghề nghiệp và xuất thân của mình. Người đàn ông đứng tuổi nhỏ bé ấy có vẻ gọn gàng, kĩ tính. Ông mặc một cái áo khoác bằng vải pôpơlin xịn, bút tất bằng len xịn, áo sơ mi vải lanh có cổ cồn chỉ đính chút diềm đàng ten và quần làm từ một loại vải vừa thuận tiện để đi lại vừa xứng với thân phận của ông. Một cặp kính gọng vàng nhỏ,

một sợi ruy băng buộc tóc tinh xảo và một chiếc mũ nhọn hai đầu bằng nilon màu xanh dương hoàn thiện cho bộ y phục. Ông là một luật sư điển hình hoàn hảo đến nỗi tôi không thể không mỉm cười khi nhìn ông.

Trên yên con ngựa trầm lặng của ông đeo hai cái túi da khổng lồ đã sờn. Ông giải thích rằng một túi đựng đồ nghề của mình: bao gồm bình mực, bút lông và giấy.

“Túi còn lại thì sao?” Tôi hỏi, nhìn vào nó. Trong khi cái túi thứ nhất căng phồng thì cái túi thứ hai lại xẹp lép.

“Ồ, nó được dành để đựng tiền tô của lãnh chúa,” ông luật sư đáp, vỗ vỗ vào cái túi mềm rũ.

“Hẳn là ngài ấy đang mong thu được nhiều tiền,” tôi đoán. Ông Gowan nhún vai về hiền hậu.

“Không nhiều như cô nghĩ đâu, cưng ạ. Vấn đề là phần lớn số tiền chúng tôi nhận được đều là những đồng xu, đồng trinh và những đồng tiền nhỏ khác. Và chúng, rủi thay, chiếm nhiều diện tích hơn những đồng tiền có mệnh giá lớn.” Ông mỉm cười, cặp môi mỏng và khô thoáng nhích lên. “Nhưng một khối lượng lớn tiền đồng và bạc nặng trĩu vẫn còn dễ vận chuyển hơn là số lợi tức bằng hiện vật của lãnh chúa.”

Ông quay đầu lại, hướng ánh mắt sắc sảo vào hai cỗ xe lớn do la kéo đi kèm với đoàn người.

“Những túi ngũ cốc và những bó củ cải ít nhất cũng có ưu điểm là nằm im bất động. Gia cầm, nếu được trói và nhốt vào lồng đúng cách, cũng chẳng có gì phải bàn cãi. Lũ dê cũng vậy, dù thói quen ăn tạp của chúng cũng gây ra chút bất tiện; năm ngoái, có một con đã ăn mất cái khăn tay của tôi, dù tôi thừa nhận là mình có lỗi khi sơ suất để cho mảnh vải đó thò ra khỏi túi áo khoác.” Đôi môi mỏng mím lại về kiên quyết. “Nhưng năm nay tôi đã ra chỉ thị rất rõ ràng. Chúng tôi sẽ *không* chấp nhận lợn sống.”

Vì để bảo vệ những cái túi đeo trên yên ngựa của ông Gowan và hai cỗ xe la kéo nên đoàn người đi thu tô có khoảng hai mươi kỵ binh được trang bị vũ khí, ngoài ra còn có một số lượng lớn súc vật thồ chắc là chở

lượng thực của cả đoàn. Trong lúc tạm biệt và hô hào cổ vũ, bà Fitz đã nói với tôi rằng chỗ ngủ nghỉ sẽ hết sức thô sơ hoặc nhiều đêm còn phải dựng trại ở ven đường.

Tôi khá tò mò muốn biết điều gì đã khiến một người đàn ông có trình độ như ông Gowan lựa chọn cuộc sống ở vùng cao nguyên Scotland xa xôi hẻo lánh, cách xa những tiện nghi của cuộc sống văn minh mà ông hẳn đã quen thuộc.

“Chà, về chuyện đó,” ông trả lời câu hỏi của tôi, “hồi còn trẻ, tôi có một văn phòng nhỏ ở Edinburgh, với những ô cửa sổ treo rèm đáng ten và một tấm biển bằng đồng sáng bóng khắc tên tôi treo trên cửa ra vào. Nhưng rồi tôi bắt đầu chán ngấy với việc lập các di chúc, thảo các chứng thư chuyển nhượng và nhìn thấy những khuôn mặt quen thuộc trên phố hết ngày này qua ngày khác. Vì vậy, tôi đã ra đi,” ông đơn giản nói.

Ông đã mua một con ngựa và ít lương thực rồi lên đường khi trong đầu chẳng có chút ý niệm gì về nơi mình sẽ đến hoặc mình sẽ làm gì khi đến đó.

“Cô thấy đấy, tôi phải thú nhận,” ông nói, chậm rãi bằng một cái khăn tay có thêu chữ viết lồng nhau, “là mình có chút máu... phiêu lưu. Tuy nhiên, cả vóc dáng lẫn hoàn cảnh gia đình của tôi đều không thích hợp để tôi có được cuộc sống của một tên cướp đường hay một chàng thủy thủ, những nghề phiêu lưu nhất mà tôi có thể mơ tưởng vào lúc đó. Để thay thế, tôi quyết định con đường đi tốt nhất của mình là hướng lên vùng cao nguyên. Tôi nghĩ rằng theo thời gian, tôi có thể thuyết phục một vị thủ lĩnh thị tộc nào đó, ờ, cho phép tôi phục vụ ông ấy theo một cách nào đó.”

Và trong chuyến đi của mình, ông đã gặp được một vị thủ lĩnh như thế.

“Đó chính là Jacob MacKenzie,” ông nói, mỉm cười trìu mến khi hồi tưởng lại. “Một lão côn đồ tóc đỏ tinh quái.” Ông hất đầu về phía trước hàng người, nơi mái tóc đỏ rực của Jamie MacTavish nổi bật hẳn lên trong màn sương mù. “Cháu trai của ông ấy rất giống ông ấy. Chúng tôi, tức

Jacob và tôi, gặp nhau lần đầu tiên khi ông ấy chĩa súng vào tôi để cướp tài sản. Tôi ngoan ngoãn giao nộp con ngựa và những cái túi vì chẳng có nhiều lựa chọn. Nhưng tôi tin là ông ấy hơi ngạc nhiên khi tôi kiên trì đi theo ông ấy, thậm chí cả đi bộ nếu cần.”

“Jacob MacKenzie. Đó hẳn là cha của Colum và Dougal?” Tôi hỏi.

Vị luật sư lớn tuổi gật đầu. “Đúng vậy. Đương nhiên, lúc đó ông ấy chưa phải là lãnh chúa. Chuyện đó xảy ra một vài năm sau... với một chút trợ giúp từ tôi ông khiêm tốn nói thêm. “Hồi đó ít... vẫn minh hơn bây giờ,” ông hồi tưởng.

“Ồ, thế à?” Tôi lịch sự nói. “Và Colum, ờ, có thể nói là được “thừa kế” ông từ cha mình?”

“Đại loại thế,” ông Gowan nói. “Có một chút rối loạn khi Jacob qua đời. Colum là người thừa kế Leoch, chắc chắn rồi, nhưng ông ấy...” Viên luật sư ngừng lời, nhìn trước ngó sau để chắc chắn rằng không có ai ở gần đến mức có thể nghe thấy. Nhưng gã chiến binh đi bên cạnh tôi đã thúc ngựa lên phía trước để bắt kịp đồng bạn của mình, còn người điều khiển cỗ xe la kéo đằng sau thì ở cách chúng tôi một đoạn đúng bằng bốn lần chiều dài của thân xe.

“Colum là một người lành lặn cho đến năm mười tám tuổi,” ông tiếp tục câu chuyện, “và hứa hẹn sẽ là một vị thủ lĩnh tốt. Ông ấy lấy Letitia làm vợ để liên minh với thị tộc Cameron - chính tôi đã thảo ra hôn ước giữa họ,” ông nói thêm, như một lời chú thích, “nhưng ngay sau khi cưới vợ, ông ấy đã bị ngã một cú rất nặng trong một cuộc chiến, khiến xương ống ở đùi bị gãy và nó hồi phục rất chậm.”

Tôi gật đầu. Đương nhiên là vậy rồi.

“Sau đó,” ông Gowan thở dài, tiếp tục kể. “Ông ấy rời khỏi giường quá sớm và bị ngã cầu thang, làm gãy nốt cái chân còn lại. Ông ấy nằm liệt giường gần một năm, nhưng việc ông ấy trở thành một kẻ tàn tật vĩnh viễn đã sớm trở nên rõ ràng. Và rồi thay, Jacob mất đúng vào thời điểm đó.”

Người đàn ông nhỏ bé ngừng lại để sắp xếp những ý nghĩ trong đầu. Ông lại liếc về đằng trước, như thể đang tìm kiếm ai đó. Không tìm thấy, ông lại ngả người ra sau.

“Đó cũng là lúc xảy ra vụ lùm xùm về cuộc hôn nhân của chị gái ông ấy,” ông nói. “Và Dougal... Chà, tôi e là Dougal đã hành xử không tốt lắm trong vụ việc đó. Cô biết không, đáng lẽ bấy giờ Dougal có thể được chọn làm thủ lĩnh, nhưng mọi người cảm thấy ông ấy chưa đủ chín chắn để đảm nhiệm vị trí người đứng đầu thị tộc.” Ông lắc đầu. “Ôi, đã có một vụ tranh cãi ồn ào xoay quanh vấn đề này giữa những người chú bác, anh em họ và những người tương đất, vì thế họ đã phải tổ chức một buổi họp lớn để đưa ra quyết định.”

“Nhưng rốt cuộc họ đã chọn Colum?” Tôi nói. Một lần nữa, tôi lại lấy làm kinh ngạc vì uy tín của Colum MacKenzie. Liếc sang người đàn ông nhỏ bé quắt queo đang cười ngửa bên cạnh, tôi nghĩ Colum cũng có chút may mắn trong việc lựa chọn các trợ thủ đắc lực.

“Đúng vậy, nhưng chỉ vì hai anh em họ đã sát cánh bên nhau. Lòng can đảm hoặc trí tuệ của Colum thì không còn gì để nghi ngờ, nhưng cơ thể ông ấy lại khiếm khuyết. Rõ ràng ông ấy sẽ không thể dẫn dắt người của mình đi đánh trận. Nhưng đã có Dougal, tráng kiện và lành lặn, dẫu có hơi hấp tấp và nóng nảy. Dougal đã đứng đằng sau ghế của anh trai mình, thề sẽ tuân theo lời của Colum và là đôi chân cũng như cánh tay phải của Colum trên chiến trường. Vì vậy, có ý kiến cho rằng Colum sẽ trở thành lãnh chúa, như lẽ thường, và Dougal sẽ là thủ lĩnh quân sự, dẫn dắt thị tộc trong thời chiến. Tình huống ấy không phải là chưa có tiền lệ,” ông ta nghiêm nghị nói thêm.

Sự khiêm tốn khi ông nói câu: “Có ý kiến cho rằng...” đã nói lên rõ ràng ai là chủ nhân của lời gợi ý đó.

“Và ông là người của ai?” Tôi hỏi. “Colum hay Dougal?”

“Lợi ích của tôi phải gắn liền với cả thị tộc MacKenzie,” ông Gowan thận trọng nói. “Nhưng về mặt hình thức, tôi đã làm lễ tuyên thệ với

Colum.”

Hình thức cái khi gì chứ, tôi nghĩ. Tôi đã chứng kiến lễ tuyên thệ đó, dù không nhớ rõ hình dáng nhỏ thó của viên luật sư trong số biết bao người. Không ai có mặt ở nghi lễ đó mà không xúc động, kể cả là một luật sư bẩm sinh. Mà người đàn ông thấp bé cười trên lưng con ngựa cái có bộ lông màu nâu đỏ này, theo lời thú nhận của chính ông, vẫn có một tâm hồn lãng mạn dù xương cốt ông có thể đã khô và tâm trí ông luôn đắm chìm trong luật pháp.

“Hẳn là ông ấy đã được ông trợ giúp rất nhiều,” tôi khéo léo nói.

“Ồ, thi thoảng tôi cũng giúp ông ấy một chút,” ông nói, “những việc nhỏ nhoi. Như đối với những người khác. Nếu cô cảm thấy cần lời khuyên, cưng à,” ông nói, cười rạng rỡ, vẻ thân mật, “cứ thoải mái hỏi tôi. Tôi cam đoan với cô là sự sáng suốt của tôi rất đáng tin cậy.” Ông cúi đầu duyên dáng từ trên yên ngựa.

“Giống như lòng trung thành của ông với Colum MacKenzie?” Tôi nhướn mày, nói. Đôi mắt nhỏ màu nâu nhìn thẳng vào mắt tôi, và tôi nhìn thấy sự thông minh, hài hước lẫn khuất trong đáy mắt ông.

“À, chà,” ông nói mà không biện hộ gì. “Cũng đáng để thử mà.”

“Tôi cho là vậy,” tôi nói, buồn cười hơn là tức giận. “Nhưng tôi cam đoan với ông, ông Gowan, tôi không cần đến sự sáng suốt của ông, ít nhất là vào thời điểm này.” Thật dễ ảnh hưởng đến người khác, tôi nghĩ khi nghe thấy lời mình nói. Giọng điệu của tôi nghe hệt như giọng điệu của ông ta vậy.

“Tôi là một phụ nữ Anh,” tôi cứng rắn nói thêm, “chỉ thế thôi. Colum đang lãng phí thời gian của ông ấy - và của ông nữa - khi cố gắng moi ra những bí mật từ tôi trong khi chúng không hề tồn tại.” Đúng ra là chúng có tồn tại, nhưng không thể tiết lộ được, tôi nghĩ. Ông Gowan có thể vô cùng sáng suốt, nhưng chưa chắc đáng tin cậy.

“Không phải là ông ấy phái ông đi theo chỉ để dụ tôi nói ra những điều gây bất lợi cho tôi đây chứ?” Tôi hỏi, đột nhiên nảy ra ý nghĩ đó.

“Ồ, không.” Ông Gowan bật ra một tiếng cười ngắn trước câu hỏi đó. “Không phải thế đâu. Tôi có một nhiệm vụ quan trọng là quản lý việc ghi chép và lập giấy biên nhận cho Dougal, và thực hiện các thủ tục luật pháp nho nhỏ mà các tộc viên ở những vùng xa xôi có thể yêu cầu. Và tôi e là ngay cả khi đã ở độ tuổi này, tôi vẫn chưa hoàn toàn từ bỏ được ham muốn tìm kiếm một cuộc phiêu lưu. Hiện giờ cuộc sống đã bình yên hơn nhiều so với trước đây” - ông thở dài về tiếc nuôi - “nhưng luôn có khả năng bị cướp dọc đường, hoặc bị tấn công gần biên giới.”

Ông vỗ vỗ vào cái túi thứ hai trên yên ngựa. “Cái túi này không hoàn toàn rỗng.” Ông mở nắp túi để cho tôi thấy những cái bóng sáng bóng của một cặp súng lục được nhét khéo léo trong hai cái móc, có thể dễ dàng rút ra khi cần.

Ông nhìn tôi với ánh mắt soi xét, thu hết mọi chi tiết trên trang phục và diện mạo của tôi.

“Cô cũng cần được trang bị vũ khí, cưng à,” ông nói với giọng khiếm trách nhẹ nhàng. “Dù tôi cho rằng Dougal nghĩ như thế là không phù hợp. Tôi sẽ nói chuyện với ông ấy về vấn đề này,” ông hứa hẹn.

Chúng tôi dành khoảng thời gian còn lại trong ngày để trò chuyện vui vẻ, lang thang giữa dòng hồi ức của ông về những ngày xưa yêu dấu, khi đàn ông đứng chốt đàn ông và thứ cỏ dại độc hại mang tên là nền văn minh còn chưa lan tràn trên khuôn mặt hoang dã xinh đẹp của vùng cao nguyên.

Tối đến, chúng tôi dựng trại ở một khoảnh đất trống ven đường. Tôi có một cái chăn được cuộn tròn và cột đằng sau yên ngựa, và chuẩn bị dùng nó để trải qua đêm tự do đầu tiên ở bên ngoài lâu đài. Nhưng khi tôi rời khỏi chỗ đóng lửa và đi ra đằng sau rặng cây, tôi nhận thấy có những ánh mắt đang dõi theo mình. Có vẻ như ngay cả ở không gian rộng mở này, sự tự do cũng có giới hạn nhất định.

...

Chúng tôi tới điểm dừng chân đầu tiên vào gần trưa ngày thứ hai. Đó chỉ là một khóm ba, bốn nóc nhà tranh nằm nép mình bên vệ đường ở chân một thung lũng hẹp. Người trong nhà mang một cái ghế đẩu ra cho Dougal ngồi và hai cái ghế khác dùng để kê tấm ván mà đoàn chúng tôi chở theo trên cỗ xe la kéo nhằm làm bàn viết cho ông Gowan.

Ông rút từ trong cái túi ở đuôi áo khoác ra một vuông vải lanh lớn hồ cứng và gọt gàng trái nó lên một gốc cây vắn được dùng làm cái thớt nhưng giờ đã bị tạm thời hủy bỏ chức năng ấy. Ông ngồi xuống đó và bắt đầu bày ra nào bình mực, sổ cái và quyển biên lai, với dáng vẻ điềm tĩnh như thể mình vẫn đang ngồi đằng sau những bức rèm đăng ten ở Edinburgh.

Những người đàn ông từ các trại nhỏ kề bên lần lượt tới để thực hiện nghĩa vụ thường niên với người đại diện của lãnh chúa. Đây là một việc nhàn nhã và ít tính hình thức hơn nhiều so với trong đại sảnh ở lâu đài Leoch. Hầu hết bọn họ đều vừa rời khỏi các cánh đồng hoặc chuồng gia súc, người nào người nấy kéo một cái ghế trống và ngồi bên cạnh Dougal với vẻ bình đẳng rõ rệt, giải thích, phàn nàn hoặc chỉ đơn giản là tán gẫu.

Vài người đi cùng một, hai cậu con trai cường tráng, mang theo những bao ngũ cốc hoặc len. Vào cuối mỗi cuộc trò chuyện, Ned Gowan - con người không biết mệt mỏi ấy - lại viết một biên lai chứng nhận cho việc họ đã nộp địa tô của năm nay, rồi nắn nét ghi lại vào sổ cái và búng ngón tay ra hiệu cho một người lừa gia súc chất những gì thu được lên xe. Thi thoảng lại có một đồng tiền nhỏ được ném vào trong cái túi da, phát ra tiếng kêu loảng xoảng. Trong khi đó, các chiến binh nằm ườn bên dưới những tán cây hoặc đi vào bìa rừng - chắc là để đi săn.

Cảnh tượng này được lặp đi lặp lại suốt mấy ngày sau. Có lúc tôi được mời vào một túp nhà tranh để uống rượu táo hoặc sữa, và toàn bộ phụ nữ sẽ tụ tập trong căn phòng đơn nhỏ bé để trò chuyện với tôi. Đôi khi chỗ chúng tôi đến có một quán rượu hay thậm chí là một quán trọ, và nó trở thành tổng hành dinh của Dougal trong ngày hôm đó.

Thi thoảng, đoàn chúng tôi còn thu được một con ngựa, một con cừu, hoặc một con gia súc sống nào đó. Chúng tôi thường đem đổi chúng cho người dân trong vùng để lấy thứ gì dễ vận chuyển hơn, hoặc nếu có con ngựa nào được Jamie chứng nhận là phù hợp để bổ sung vào chuồng ngựa của lâu đài, nó sẽ được gia nhập vào đoàn chúng tôi.

Tôi lấy làm thắc mắc về vai trò của Jamie trong đoàn. Mặc dù chàng trai trẻ rất am hiểu về ngựa, nhưng hầu hết đàn ông trong đoàn đều như vậy, kể cả Dougal. Và lại, hiếm hoi lắm mới có người nộp ngựa, mà thường thì những con ngựa đó cũng chẳng thuộc giống gì đặc biệt, vậy nên tôi tự hỏi tại sao họ lại cần mang theo một chuyên gia? Phải đến sau khi khởi hành được một tuần, trong một ngôi làng có cái tên không thể phát âm nổi, tôi mới phát hiện ra lý do thực sự.

Ngôi làng dẫu nhỏ nhưng vẫn có một quán rượu kê được hai, ba cái bàn và vài cái ghế đầu ọp ẹp. Dougal trò chuyện với mọi người và thu tô ở đây. Sau một bữa trưa khá khó tiêu với thịt bò muôi và củ cải, ông ta bắt đầu công việc, rồi mua bia mời những tá điền và nông dân còn nán lại sau khi đã nộp tô xong, cùng với một vài dân làng ghé vào khi công việc thường nhật đã hoàn thành, trở mắt nhìn những người lạ và nghe những tin tức chúng tôi mang theo.

Tôi ngồi lặng lẽ trên một cái ghế tử^[61] ở trong góc, nhâm nháp bia chua và tận hưởng khoảng thời gian tạm thoát khỏi lưng ngựa. Tôi chẳng mấy chú ý đến những cuộc nói chuyện thay đi đổi lại giữa tiếng Gaelic và tiếng Anh của Dougal, từ những câu chuyện phiếm và chuyện nhà nông đến những câu chuyện cười thô tục, tầm phào.

Tôi đang vẫn tự hỏi, với tốc độ này phải bao lâu nữa mới tới được pháo đài William? Và khi đã đến đó, làm thế nào để tôi có thể tách khỏi những người Scot ở lâu đài Leoch mà không dính vào đám quân đồn trú của Anh? Mải chìm đắm trong những suy nghĩ của riêng mình, tôi không nhận ra rằng Dougal đã nói một mình được một lúc rồi, như thể đang diễn thuyết gì đó. Các khán giả của ông ta đang chăm chú dõi theo, thi thoảng lại xen vào một đôi câu và thốt lên những lời cảm thán. Dần dần để ý đến

khung cảnh xung quanh, tôi nhận ra ông ta đang khéo léo khuấy động đám khán giả phân khích về một *điều gì đó*.

Tôi liếc nhìn quanh. Rupert mập và người luật sư bé nhỏ, Ned Gowan, đang ngồi tựa vào tường đằng sau Dougal, lắng nghe chăm chú đến nỗi bỏ quên cả những vại bia đặt bên cạnh họ trên băng ghế. Còn Jamie thì đang cau mày nhìn vại bia của mình, hai khuỷu tay chống trên bàn, người cúi về phía trước. Có vẻ như anh ta chẳng quan tâm Dougal đang nói gì.

Đột nhiên, không nói một lời, Dougal đứng lên, nắm lấy cổ áo Jamie và kéo soạt một cái. Chiếc áo vôn cũ kỹ và sờn mòn nên dễ dàng rách toạc theo những đường may. Jamie chết sững vì bất ngờ. Đôi mắt anh ta nhú lại, quai hàm nghiến chặt, nhưng anh ta không hề cử động khi Dougal gạt những mảnh vải rách sang một bên để phô bày tấm lưng của anh ta trước mắt các khán giả.

Những tiếng xuýt xoa kinh ngạc đồng loạt cất lên trước tấm lưng chẳng chịt vết sẹo rồi nhanh chóng biến thành tiếng xôn xao phân nộ. Tôi mở miệng định nói, nhưng khi nghe thấy từ “Sassenach” được thốt ra với ngữ điệu không hề thân thiện thì đành khép miệng lại.

Với khuôn mặt lạnh lùng và nặng nề như đá tảng, Jamie đứng lên và lùi lại khỏi đám đông đang tụ tập quanh mình. Anh ta cẩn thận cởi nốt chiếc áo, vo tròn lại. Một người phụ nữ đứng tuổi chỉ cao đến khuỷu tay anh ta lắc đầu và rón rén vỗ vỗ lưng anh ta, thốt ra những lời an ủi bằng tiếng Gaelic. Nhưng rõ ràng sự an ủi ấy không đạt được hiệu quả như họ mong muốn.

Anh ta cộc lốc đáp lại một vài câu hỏi từ những người đàn ông có mặt. Hai, ba cô gái trẻ vào quán để mua bia về cho bữa tối của gia đình đang túm tụm lại sát bức tường phía đối diện, mê mải thì thầm với nhau, chốc chốc lại liếc sang bên kia căn phòng với cặp mắt mở to.

Ném cho Dougal ánh mắt có thể biến ông ta thành đá, Jamie vứt cái áo sơ mi vào một góc lò sưởi và rời khỏi căn phòng trong ba bước dài, bỏ lại sau lưng những lời lẩm bẩm thương cảm của đám đông.

Mất đi tâm điểm của sự chú ý, mọi người lại quay sang Dougal. Tôi không hiểu phần lớn những lời bình luận, nhưng qua những gì lờ mờ nghe được, tôi thấy họ phản đối người Anh rất dữ dội. Tôi phân vân không biết nên đi theo Jamie ra ngoài hay cứ lặng lẽ ngồi ở đây. Chắc anh ta cũng chẳng muốn bầu bạn với ai vào lúc này, vì vậy tôi co người lại trong góc của mình, giữ nguyên tư thế cúi đầu, ngắm nhìn cái bóng phản chiếu nhòe mờ của mình trong vai bia.

Tiếng kim loại loảng xoảng vang lên làm tôi ngẩng đầu nhìn. Một chủ trại nhỏ mặc quần da bó trông có vẻ lực lưỡng đã ném vài đồng tiền lên cái bàn trước mặt Dougal và có vẻ đang hô hào gì đó. Anh ta đứng lùi lại, hai ngón cái móc vào thắt lưng, như thể đang khiêu khích những người còn lại. Sau một thoáng do dự, một, hai người táo bạo làm theo, và rồi thêm một vài người nữa móc từ trong ví và túi da ra những đồng xu và đồng trinh bằng đồng. Dougal vui vẻ cảm ơn họ, vẫy tay ra hiệu cho chủ quán mang lại một châu bia nữa. Nhìn thấy luật sư Ned Gowan nhét gọn những đồng tiền quyên góp này vào một cái túi riêng, tôi bỗng hiểu ra mục đích “cuộc trình diễn” của Dougal là gì.

Những cuộc nổi loạn, giống như hầu hết các công việc kinh doanh, đòi hỏi phải có tiền vốn. Việc gây dựng và nuôi dưỡng một đội quân cũng như cưu mang các lãnh đạo của nó thực sự tốn rất nhiều vàng. Từ những gì ít ỏi tôi còn nhớ được về Hoàng tử Charlie Xinh đẹp, Kẻ Đòi vị Trẻ tuổi, ông ta đã được Pháp ủng hộ phần nào, nhưng một phần nguồn tài chính cho cuộc nổi dậy thất bại của ông ta lại được góp nhặt từ những túi tiền nông choẹt, mòn xơ cả chỉ của những người mà ông ta định thông trị. Vì vậy, Colum, Dougal hoặc cả hai người họ chính là Jacobite, những người ủng hộ Kẻ Đòi vị Trẻ tuổi chống lại người sở hữu hợp pháp ngai vàng của nước Anh, Vua George II.

Cuối cùng, khi người sau rốt trong nhóm tá điền và nông dân đã về nhà ăn tối, Dougal đứng dậy, vươn vai thỏa mãn, giống như một con mèo đã được ăn kem hoặc chí ít là uống sữa. Ông ta ước lượng cái túi nhỏ rồi ném trở lại cho Ned Gowan cất giữ.

“Chà, thế là tốt rồi,” ông ta nhận xét. “Không thể mong đợi nhiều hơn từ một nơi chốn nhỏ bé như thế này. Tích tiểu rồi cũng thành đại, chỉ cần mỗi nơi thu được chừng này thôi, chúng ta sẽ có được một khoản đáng ngưỡng mộ đây.”

“Nếu là tôi thì tôi sẽ không dùng từ “đáng ngưỡng mộ” đâu,” tôi nói, đứng phắt dậy từ chỗ ăn náu của mình.

Dougal quay lại, như thể bây giờ mới để ý đến tôi.

“Không ư?” Ông ta nói, miệng nhếch lên thích thú. “Tại sao lại không? Cô phản đối việc các thần dân trung thành đóng góp chút sức mọn để ủng hộ quốc chủ của họ à?”

“Không,” tôi nói, nhìn thẳng vào mắt ông ta. “Chẳng cần biết quốc chủ đó là ai. Tôi không tán thành cái cách thức quyên tiền của ông.”

Dougal nhìn tôi chăm chú, như thể những đường nét trên mặt tôi có khả năng tiết lộ cho ông ta biết điều gì đó. “Chẳng cần biết quốc chủ đó là ai?” Ông ta khẽ lặp lại. “Tôi tưởng cô không biết tiếng Gaelic.”

“Tôi đâu có biết,” tôi nói cộc lốc. “Nhưng tôi có khả năng phán đoán bẩm sinh và đôi tai thính nhạy. Chẳng rõ từ “sức khỏe của Vua George” được nói thế nào trong tiếng Gaelic, nhưng chắc là nó không giống với từ *Bragh Stuart*^[62] đâu nhỉ?”

Ông ta ngửa đầu ra sau và cười. “Đúng vậy,” ông ta đồng ý. “Ta sẽ nói cho cô biết vị quân vương của cô được gọi thế nào trong tiếng Gaelic, nhưng đó không phải là từ thích hợp với đôi môi của một quý cô, dù có là Sassenach chẳng nữa.”

Ông ta cúi xuống nhặt cái áo sơ mi bị vo tròn ở chỗ đồng tro trong lò sưởi và giữ muội than bám trên nó.

“Cô không ưa cách thức quyên tiền của ta, vậy có lẽ cô muốn khâu lại cái áo này hơn,” ông ta nói, ấn cái áo rách vào tay tôi. “Mượn kim của bà chủ quán và khâu nó lại đi.”

“Ông đi mà khâu!” Tôi dúm trả nó vào tay ông ta và quay người rời đi.

“Tùy cô thôi,” Dougal vui vẻ nói với theo sau tôi. “*Nếu cô không sẵn lòng giúp, cứ để Jamie tự khâu áo cho mình.*”

Tôi dừng bước, rồi miễn cưỡng quay lại, chìa tay ra.

“Được rồi,” tôi mở miệng nói, nhưng một bàn tay to lớn đã trườn qua vai tôi và giật lấy cái áo từ tay Dougal. Nhìn cả hai chúng tôi với ánh mắt tăm tối, Jamie kẹp cái áo dưới cánh tay và lặng lẽ rời khỏi phòng như lúc anh ta bước vào.

•••

Chúng tôi tìm được chỗ ngủ qua đêm ở nhà của một chủ trại nhỏ. Thực ra chỉ mình tôi được ngủ trong đó, còn cánh đàn ông phải qua đêm ở bên ngoài, nằm la liệt trên các kiện cỏ khô, lòng xe la kéo và những tảng dương xỉ điều hâu. Không biết là nhờ vào giới tính hay vì thân phận “bán tù nhân” của mình, tôi được nằm trên một tấm phản kê gần lò sưởi.

Mặc dù tấm phản có vẻ thoải mái hơn nhiều so với cái giường đơn mà cả gia đình sáu người đang ngủ, tôi vẫn khá ghen tỵ với cánh đàn ông vì họ được ngủ ngoài trời. Ngọn lửa không bị dập tắt, chỉ bị rấm vào ban đêm, và không khí trong túp nhà tranh ngọt ngào vì hơi ấm, mùi mồ hôi, tiếng trở mình, xoay lật, rên rỉ, ngáy và xì hơi của những người khác.

Nằm được một lúc, tôi từ bỏ ý định ngủ trong bầu không khí ngọt ngào đó. Tôi nhồm dậy, len lén mang một cái chăn ra ngoài. Không khí ngoài trời thật tươi mát, trái ngược hẳn với sự bức bối bên trong, khiến tôi tựa người vào bức tường đá, hít đầy buồng phổi thứ không khí mát mẻ, trong lành.

Có một người làm nhiệm vụ canh gác ngồi lặng lẽ dưới gốc cây bên đường, nhưng anh ta chỉ liếc nhìn tôi một cái. Chắc là anh ta nghĩ tôi sẽ không đi đâu xa khi trên người chỉ mặc chiếc váy lót nên lại cúi xuống chuốt gọt một vật nhỏ bé trong tay. Vầng trăng sáng rực rỡ, và lưỡi con dao *sgian dhu*^[63] nhỏ bé ánh lên trong bóng tối đậm đặc.

Tôi đi vòng ra đằng sau ngôi nhà rồi leo lên một ngọn đồi, cẩn thận tránh những thân hình đang nằm ngủ ngốn ngang trên cỏ. Tôi tìm thấy một địa điểm riêng tư giữa hai tảng đá lớn và tạo ra một cái ổ thoải mái cho mình. Nằm dài trên mặt đất, tôi ngắm nhìn vầng trăng tròn vành vạnh đang chậm chạp băng ngang qua bầu trời.

Nó giống hệt vầng trăng mà tôi đã từng ngắm qua cửa sổ của lâu đài Leoch vào cái đêm đầu tiên tôi trở thành vị khách bất đắc dĩ của Colum. Vậy là đã một tháng trôi qua kể từ khi tôi đi xuyên qua vòng tròn đá. Ít nhất thì giờ đây tôi đã biết tại sao những hòn đá lại được đặt ở đó.

Có thể chúng cũng chẳng có ý nghĩa gì đặc biệt mà chỉ là vật đánh dấu. Giống như một tấm biển cảnh báo về đá lở dựng lên ở gần một vách đá, những cột đá ấy được dùng để đánh dấu một địa điểm nguy hiểm. Một địa điểm mà... phải nói thế nào nhỉ? Nơi lớp vỏ thời gian bị bào mỏng? Nơi một cánh cổng nào đó mở hé hé? Thế nhưng điều đó không có nghĩa là những người tạo ra vòng tròn này biết họ đang đánh dấu cái gì. Với họ, địa điểm này là một bí ẩn khủng khiếp và có ma lực mạnh mẽ; là nơi người ta đột ngột biến mất. Hoặc bỗng dưng xuất hiện.

Đó là một giả thuyết. Tôi tự hỏi, chuyện gì sẽ xảy ra nếu ai đó có mặt trên ngọn đồi Craigh na Dun đúng vào lúc tôi thành hình xuất hiện? Chắc cũng còn tùy từng thời điểm. Ở đây, nếu một nông dân bắt gặp tôi trong hoàn cảnh như thế, tôi chắc chắn sẽ được coi là một phù thủy hoặc một nàng tiên. Với danh tiếng của ngọn đồi ấy thì khả năng tôi được coi là một nàng tiên sẽ nhiều hơn.

Có thể danh tiếng của nó cũng bắt nguồn từ đó. Nếu suốt bao nhiêu năm cứ có người đột nhiên biến mất hoặc xuất hiện ở một địa điểm cụ thể, nơi đó hoàn toàn xứng đáng được đặt tên theo sự thần bí ấy.

Tôi thò một chân ra khỏi tấm chăn và ngo nguậy các ngón chân dài dưới ánh trăng. Chẳng giống một nàng tiên chút nào, tôi dè bủ. Với chiều cao một mét sáu mươi tám, tôi khá cao so với những người phụ nữ trong thời kỳ này; thậm chí còn cao ngang với nhiều người đàn ông. Vì vậy, tôi

khó có thể được coi là một nàng tiên vì những người thuộc tiên tộc vô cùng nhỏ bé, mà có khả năng bị coi là một phù thủy hay một linh hồn độc ác nào đó hơn. Từ những gì ít ỏi mà tôi biết được về cách xử lý những sự hiện hình như thế vào thời kỳ này, tôi chỉ có thể lấy làm biết ơn vì đã không bị ai bắt gặp lúc tôi xuất hiện.

Tôi vẫn vợ tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra trong trường hợp ngược lại, ai đó ở thời kỳ này biến mất và đột ngột xuất hiện ở thời đại của tôi? Suy cho cùng, đó chính là điều mà tôi đang tính làm, nếu có cách xoay xở. Một người Scot ở thời hiện đại, như bà Buchanan, Giám đốc sở bưu điện, sẽ phản ứng thế nào nếu một người, chẳng hạn như Murtagh, đột nhiên nhảy bật lên từ mặt đất bên dưới chân bà?

Tôi nghĩ phản ứng dễ xảy ra nhất là bỏ chạy để đi gọi cảnh sát hoặc có thể chẳng làm gì cả ngoài việc kể với bạn bè và hàng xóm về điều kỳ lạ xảy ra vào ngày hôm trước...

Còn về vị khách? Chà, anh ta có thể hòa nhập được với thời đại mới mà không khuấy động sự chú ý quá mức, nếu anh ta cẩn trọng và may mắn. Suy cho cùng, tôi cũng khá thành công trong việc giả vờ mình là một cư dân bình thường ở vùng cao nguyên này, thuộc thời đại này, dù ngoại hình và ngôn ngữ của tôi chắc chắn làm dấy lên nhiều nghi ngờ.

Nhưng sẽ thế nào nếu một người đi lạc thời đại lại *quá* khác biệt, hoặc đi loanh quanh lu loa về chuyện đã xảy ra với anh ta? Nếu lạc về thời nguyên thủy, ắt hẳn một người lạ mặt sẽ bị giết ngay tại chỗ mà không cần hỏi han gì thêm. Còn ở những thời đại văn minh hơn, họ hẳn sẽ bị coi là kẻ tâm thần và bị nhốt vào nhà thương điên nếu họ không giữ im lặng.

Chuyện này có thể đã xảy ra từ khi trái đất mới hình thành. Cho dù có người chứng kiến thì cũng chẳng có bằng chứng nào cả; chẳng thể biết được chuyện gì đã xảy ra, bởi vì người duy nhất biết rõ đã biến mất. Còn cái người đã biến mất ấy, họ ắt hẳn sẽ ngậm chặt miệng ở nơi họ đến.

Đang mải mê suy nghĩ, tôi không để ý đến những tiếng thì thầm mơ hồ hay tiếng bước chân xào xạc giẫm trên cỏ, và tôi giật mình khi bất chợt

nghe thấy một giọng nói chỉ cách mình có vài thước.

“Quý tha ma bắt cậu đi, Dougal MacKenzie,” nó nói. “Dù là ruột thịt, cháu không có nghĩa vụ phải làm điều đó giúp cậu.” Giọng nói trầm thấp nhưng đầy giận dữ.

“Không ư?” Một giọng nói khác cất lên, hơi chế giễu. “Ta nhớ cháu đã thề phục tùng “chừng nào bàn chân còn đặt trên lãnh địa của thị tộc MacKenzie”.” Có một tiếng huých nhẹ, như thể tiếng chân giẫm trên nền đất cứng. “Và đây chính là lãnh địa của thị tộc MacKenzie.”

“Cháu thề với cậu Colum chứ không phải với cậu.” Hóa ra đó chính là anh chàng Jamie MacTavish và tôi có thể đoán ra ngay anh ta đang tức giận vì chuyện gì.

“Như nhau cả thôi, cháu biết rõ điều đó mà.” Có tiếng tát nhẹ vào má. “Cháu phải phục tùng thủ lĩnh của thị tộc, và ở bên ngoài Leoch, ta chính là cái đầu và tay chân của Colum.”

“Cháu chưa bao giờ thấy bàn tay phải không biết bàn tay trái đang mưu tính điều gì,” Jamie mau chóng đáp trả. Mặc dù giọng điệu chua chát nhưng vẫn ẩn chứa sự hóm hỉnh. “Cậu nghĩ bàn tay phải sẽ nói gì về việc bàn tay trái đi quyên tiền cho nhà Stuart?”

Dougal thoáng ngập ngừng trước khi trả lời: “Những người MacKenzie, MacBeolain và MacVinich đều là những người tự do. Không ai có thể ép họ làm điều gì trái với ý muốn của họ, cũng không ai có thể ngăn họ làm những gì họ muốn. Và biết đâu đấy? Biết đâu rốt cuộc Colum sẽ quyên tặng cho Hoàng tử Charles Edward nhiều hơn so với tất cả bọn họ cộng lại.”

“Có thể,” giọng nói trầm hơn đồng ý. “Cũng có thể ngày mai mưa sẽ phun từ dưới đất lên trời. Nhưng như thế không có nghĩa là cháu sẽ đứng đợi ở đầu cầu thang với cái xô úp ngược.”

“Không ư? Nếu nhà Stuart giành được ngai vàng thì sẽ đem lại nhiều lợi ích cho cháu hơn là cho ta đấy, nhóc ạ. Trong khi với người Anh thì

cháu chẳng nhận được gì cả, trừ một chiếc thòng lọng. Nếu cháu không quan tâm đến chính cái cổ ngu ngốc của cháu...”

“Cổ của cháu là chuyện của cháu,” Jamie cúi kính ngắt lời. “Và cái lưng của cháu cũng thế.”

“Sẽ không phải như vậy trong lúc cháu đi với ta,” giọng nói chế nhạo của cậu anh ta cất lên. “Nếu cháu muốn được nghe những tin tức mà Horrocks đem tới, cháu sẽ phải làm theo những gì được bảo. Hơn nữa, còn phải làm một cách ngoan ngoãn. Dù cháu giỏi khâu vá đến đâu nhưng cháu chỉ có một cái áo sơ mi sạch thôi đấy.”

Có tiếng ai đó đứng dậy và tiếng bước chân khẽ băng qua cỏ. Nhưng là tiếng bước chân của một người. Tôi rón rén ngồi dậy và cẩn trọng nhòm qua mép tảng đá đang che chắn cho tôi.

Jamie vẫn đang ngồi khom mình trên một tảng đá cách chỗ tôi chừng hơn một mét, khuỷu tay chống lên đầu gối, cằm tựa vào hai bàn tay đang đan vào nhau. Lưng anh ta quay về phía tôi. Tôi đang định nhẹ nhàng rút lại, không muốn quấy rầy sự riêng tư của anh ta thì anh ta đột ngột lên tiếng.

“Tôi biết cô ở đó,” anh ta nói. “Hãy ra đây, nếu cô muốn.” Nghe giọng anh ta thì đó là vấn đề mà anh ta chẳng buồn bận tâm. Tôi đứng dậy, vừa dợm bước thì chợt nhận ra mình chỉ đang mặc độc một cái váy lót. Lòng anh ta đã đủ rồi bởi rồi, tôi không muốn anh ta còn phải đổ mặt vì tôi nữa, vì vậy tôi khéo léo quấn chăn quanh mình trước khi bước ra.

Tôi ngồi xuống gần anh ta và tựa lưng vào một tảng đá, dè dặt quan sát anh ta. Anh ta chỉ gật đầu chào tôi một cái rồi lờ tôi đi, hoàn toàn chìm đắm trong những ý nghĩ có vẻ không dễ chịu lắm, vì tôi thấy anh ta đang nhú mày cau có. Bàn chân anh ta liên tục gõ vào tảng đá mình đang ngồi, các ngón tay đan vào nhau, siết chặt rồi lại duỗi ra, mạnh đến nỗi các khớp ngón tay kêu răng rắc.

Tiếng động này gợi cho tôi nhớ đến Đại úy Manson. Là sĩ quan quân nhu của bệnh viện dã chiến nơi tôi từng làm việc, Đại úy Manson luôn phải

chịu đựng sự thiếu thốn nhu yếu phẩm, việc giao hàng chậm trễ và những hành động ngu ngốc bất tận của bọn quan liêu trong quân đội. Vốn là người hiền hòa và ăn nói dễ nghe, mỗi khi sự phẫn nộ lên đến đỉnh điểm, ông sẽ mau chóng lui về văn phòng riêng của mình và dồn hết sức bình sinh đâm vào bức tường đằng sau cánh cửa. Các vị khách trong khu vực tiếp tân ở bên ngoài sẽ chăm chú dõi nhìn khi tấm vải mỏng manh rung rinh dưới sức mạnh của những cú đâm. Một lát sau, Đại úy Manson sẽ đi ra để xử lý khủng hoảng, các khớp ngón tay thâm tím nhưng tinh thần đã dần tĩnh trở lại. Lúc ông được điều chuyển sang đơn vị khác, bức tường đằng sau cánh cửa phòng ông thủng lỗ chỗ với hàng tá cái lỗ có kích cỡ bằng nắm đấm.

Nhìn chàng trai trẻ trên tảng đá đang cố làm trật khớp những ngón tay mình, tôi buộc phải nhớ tới những lần viên Đại úy ấy đối mặt với một vấn đề về quân nhu mà ông ta không thể giải quyết được.

“Anh cần đâm thứ gì đó,” tôi nói.

“Hử?” Anh ta ngạc nhiên ngẩng lên, rõ ràng đã quên mất sự hiện diện của tôi.

“Đâm thứ gì đó,” tôi khuyên. “Anh sẽ cảm thấy khá hơn.”

Miệng anh ta cong lên như thể định nói điều gì, nhưng thay vào đó anh ta lại đứng dậy, quả quyết bước thẳng tới một cây anh đào có vẻ vững chắc và đâm một cú thật lực vào thân cây. Dường như nhận thấy đây là liều thuốc giảm đau hữu hiệu có thể xoa dịu mối cảm xúc trong lòng mình, anh ta đâm thêm vài cú nữa vào cái cây đang rung bần bật, khiến những cánh hoa màu hồng nhạt ào ạt trút xuống đầu anh ta như một cơn mưa rào.

Một lát sau, anh ta quay lại, mút chỗ da bị trầy xước trên khớp ngón tay.

“Cảm ơn cô,” anh ta nói, nở nụ cười méo mó. “Có lẽ tối nay tôi sẽ ngủ được.”

“Anh làm tay mình bị thương rồi à?” Tôi nhồm dậy để kiểm tra, nhưng anh ta lắc đầu, nhẹ nhàng xoa xoa các khớp ngón tay.

“Không, chẳng nhằm nhò gì đâu.”

Chúng tôi đứng một lát trong sự im lặng gượng gạo. Tôi không muốn nhắc đến những điều mà tôi đã nghe lỏm được, hoặc các sự kiện lúc tối. Cuối cùng, tôi phá vỡ sự im lặng: “Tôi không biết anh là một người tay trái đây.”

“Người tay trái? Ồ, ý cô là thuận tay trái hả? Vâng, tôi vốn như vậy mà. Thầy giáo thường buộc cánh tay trái của tôi lại để ép tôi viết bằng tay phải.”

“Anh có thể không? Ý tôi là, anh có thể viết bằng tay phải không?”

Anh ta gật đầu, lại đưa bàn tay bị thương lên miệng. “Có. Nhưng mỗi lần làm thế tôi lại đau đầu.”

“Khi đánh nhau anh cũng dùng tay trái chứ?” Tôi hỏi, muốn làm anh ta sao nhãng. “Ý tôi là, lúc cầm kiếm ấy?” Lúc này, anh ta không đeo món vũ khí nào ngoài con dao găm và thanh *sgian dhu*, nhưng vào lúc ban ngày, anh ta đeo cả kiếm và súng lục, giống như phần lớn đàn ông trong đoàn.

“Không, tôi có thể dùng kiếm thuần thục bằng cả hai tay. Nếu cầm một thanh kiếm nhỏ bằng tay trái thì sẽ gặp bất lợi, vì như thế khi đánh nhau cô sẽ phải quay nửa người bên trái về phía đối thủ, mà trái tim thì nằm ở bên đó, cô hiểu chứ?”

Anh ta có vẻ sốt ruột nên đã sai bước quanh khoảnh đất trống, làm các động tác minh họa với một thanh kiếm tưởng tượng. “Nếu là một thanh kiếm lớn thì chẳng mấy khác biệt,” anh ta nói, nắm hai bàn tay vào nhau, giơ thẳng ra đằng trước và quét chúng theo một đường cong duyên dáng, dứt khoát. “Thường thì cô dùng cả hai tay,” anh ta giải thích.

“Hoặc nếu cô ở gần đến mức chỉ cầm kiếm bằng một tay thì việc cô dùng tay nào cũng không quan trọng lắm, vì cô bổ kiếm từ trên xuống, hướng vào vai của địch thủ. Đừng nhằm vào đầu,” anh ta truyền thụ thêm, “vì lưỡi kiếm có thể dễ dàng bị trượt đi. Còn nếu nhằm trúng vào cạnh cổ” - anh ta chém cạnh bàn tay vào chỗ nối giữa cổ và vai - “hắn sẽ chết. Cho

dù đó không phải là một vết chém sắc bén, hẳn cũng sẽ không thể tiếp tục chiến đấu trong ngày hôm ấy - hoặc có thể là mãi mãi,” anh ta bổ sung.

Bàn tay trái của anh ta hạ xuống thắt lưng và rút con dao găm ra với động tác giống như hắt một cốc nước.

“Còn khi đánh nhau bằng cả kiếm và dao găm,” anh ta nói, “nếu cô không có cái khiên đeo tay để che chắn cho bàn tay cầm dao, vậy thì cô chủ yếu tấn công phía bên phải của đối thủ bằng bàn tay phải cầm kiếm, và đâm móc con dao găm lên nếu cô áp sát đối thủ. Nhưng nếu bàn tay cầm dao được che chắn cẩn thận, cô có thể tấn công từ cả hai phía, và xoay cơ thể mình” - anh ta cúi xuống và luồn lách người mình họa - “để né lưỡi kiếm của đối thủ, và chỉ sử dụng con dao khi cô làm mất thanh kiếm hoặc không dùng được cánh tay cầm kiếm.”

Anh ta khom người và lạnh lẽo móc lưỡi dao lên, đâm một cú chí tử, nhưng dừng lại cách ngực tôi hai phân rưỡi. Tôi vô thức lùi lại, anh ta lập tức đứng thẳng lên, cất con dao đi với một nụ cười hồi lỗi.

“Tôi xin lỗi. Tôi chỉ đang biểu diễn thôi. Tôi không có ý làm cô giết mình.”

“Anh giỏi quá,” tôi chân thành nói. “Ai dạy anh đánh nhau vậy?” Tôi hỏi. “Tôi nghĩ anh sẽ cần một dũng sĩ thuận tay trái dạy mình.”

“Vâng, đó là một dũng sĩ thuận tay trái. Người giỏi nhất mà tôi từng thấy.” Anh ta thoáng mỉm cười, nhưng nụ cười chẳng hề vui vẻ. “Dougal MacKenzie.”

Hầu hết những cánh anh đào trên đầu anh ta đã rơi xuống; chỉ còn sót lại vài cánh hoa màu hồng bám ở vai, và tôi giơ tay phủi chúng đi. Áo anh ta đã được khâu lại gọn gàng, dấu không được đẹp mắt lắm. Thậm chí một vết rách còn được khâu theo mũi khâu kiểu hàng rào.

“Ông ta sẽ lại làm thế à?” Tôi buột miệng hỏi, không thể ngăn mình lại.

Anh ta ngấp ngừng giây lát trước khi trả lời, nhưng không hề giả vờ rằng mình không hiểu ý tôi.

“Ừ,” cuối cùng anh ta gật đầu, nói. “Điều đó giúp ông ấy có được những gì ông ấy muốn, cô thấy đấy.”

“Và anh sẽ để cho ông ta làm vậy? Để ông ta lợi dụng anh như thế?”

Anh ta nhìn về phía quán rượu dưới chân đồi, nơi vẫn còn một ngọn đèn le lói qua khe hở của những thanh gỗ. Khuôn mặt anh ta đờ đẫn như một bức tường.

“Trong lúc này thôi.”

...

Chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình, mỗi ngày đi không quá vài dặm và thường xuyên dừng lại ở một giao lộ hay một túp nhà tranh để Dougal thực hiện công việc của mình. Một vài tá điền sẽ kéo nhau đến để nộp những bao ngũ cốc và những món tiền được tích trữ cẩn thận. Ned Gowan sẽ ghi chép tất cả vào sổ cái bằng ngòi bút nhanh thoăn thoắt và phát các biên lai từ trong cái túi đựng giấy tờ.

Và mỗi khi chúng tôi tới một thôn xóm hay một ngôi làng có một quán trọ hay quán rượu, Dougal sẽ lại thết đãi bia rượu, kể chuyện, diễn thuyết và cuối cùng, nếu cảm thấy có nhiều triển vọng, ông ta sẽ bắt Jamie đứng dậy để phô bày những vết sẹo. Thế là cái túi đựng món tiền quyên góp cho nước Pháp và triều đình của Kẻ Đòi Vạ sẽ lại có thêm một vài đồng tiền nữa.

Tôi cố gắng theo dõi cảnh tượng ấy và bước ra ngoài ngay trước khi nó lên đến cao trào. Tôi chưa bao giờ thích xem sự tra tấn nơi công cộng. Mặc dù phản ứng ban đầu của họ khi nhìn thấy tấm lưng của Jamie là sự xót xa bàng hoàng, kể đến là những tràng chửi rủa dành cho quân đội Anh và Vua George, nhưng thường thì vẫn phảng phất đôi chút sự khinh miệt mà ngay cả tôi cũng có thể nhận ra. Có lần, tôi nghe thấy một người đàn ông thì thầm nhận xét với bạn mình bằng tiếng Anh: “Kinh khủng quá,

đúng không anh bạn? Chúa ơi, tôi thà chết còn hơn để cho một gã Sassenach mặt trắng bệch hành hạ mình như vậy.”

Jamie càng ngày càng trở nên khốn khổ. Anh ta sẽ mặc lại áo nhanh hết mức có thể, né tránh các câu hỏi và sự thương hại, tìm kiếm một cái cớ để rời đi và trốn tránh mọi người cho đến khi chúng tôi lên ngựa vào sáng hôm sau.

Sức chịu đựng của anh ta đạt đến giới hạn vào vài ngày sau đó, trong một ngôi làng nhỏ có tên là Tunnaig. Lần này, khi Dougal đang đặt tay lên bờ vai trần của Jamie và hô hào đám đông thì một người trẻ tuổi cục mịch với mái tóc nâu dài bấn thiêu cất lên mấy lời nhận xét thiếu tế nhị về Jamie. Tôi không thể nghe ra hẳn nói gì, nhưng Jamie lập tức vùng ra khỏi bàn tay của Dougal và xông tới đâm vào bụng gã đó, khiến hẳn đo đất.

Tôi đang dần dần học cách ghép một vài từ Gaelic với nhau dù vẫn chưa thể hiểu được thứ ngôn ngữ này. Tuy nhiên, tôi để ý thấy mình thường nhận ra người ta đang nói gì từ thái độ của họ, cho dù tôi có hiểu được lời họ hay không.

“Đứng dậy và nói lại lần nữa xem nào,” thái độ khi nói ra câu này *trông* giống hệt nhau dù ở bất cứ sân trường, quán rượu hay con ngõ nào trên thế giới.

“Được lắm, anh bạn.” và “Tóm lấy hẳn, tui bay!” cũng vậy.

Jamie biến mất bên dưới một mớ quần áo lao động cẩu bẩn khi cái bàn thu tiền tô gãy sụp xuống dưới sức nặng của gã tóc nâu và hai người bạn của hắn. Những người ngoài cuộc tựa lưng vào các bức tường của quán rượu, thường thức cảnh tượng hay ho. Tôi nhích tới gần Ned và Murtagh, bồn chồn nhìn những nắm đấm vung lên loạn xạ. Thi thoảng lại nhoáng thấy mái tóc đỏ đơn độc hiện ra giữa cả một biển tay chân đang quăn vào nhau.

“Ông không giúp anh ấy à?” Tôi mấp máy môi thì thầm với Murtagh. Ông ta có vẻ ngạc nhiên.

“Không, tại sao?”

“Cậu ấy sẽ gọi người giúp đỡ nếu cần,” Ned Gowan nói, bình thản theo dõi từ phía bên kia của tôi.

“Tùy các ông đấy.” Tôi ngồi phịch xuống về ngờ vực.

Tôi không chắc Jamie có thể cầu cứu cho dù anh ta có cần chẳng nữa; anh ta đang bị một gã vạm vỡ mặc đồ màu xanh lá cây bóp cổ. Tôi cứ ngỡ Dougal sẽ sớm nhúng tay vào, nhưng ông ta dường như không quan tâm. Thực ra thì, không một ai trong đám người đứng xem có vẻ lo ngại cho cuộc ẩu đả đang diễn ra trên sàn, ngay dưới chân họ. Vài nhóm người bắt đầu cá cược, nhưng bao trùm bầu không khí là sự phấn khích âm thầm trước “trò giải trí” này.

Tôi mừng rỡ khi thấy Rupert hờ hững đi về phía hai kẻ đang định tham gia vào cuộc chiến. Khi họ bước một bước về phía cuộc ẩu đả, ông ta vờ như lơ đãng ngáng đường họ, nhẹ nhàng đặt tay lên con dao của mình. Họ lùi lại, quyết định khoanh tay đứng nhìn.

Có vẻ như mọi người đều nghĩ ba chọi một là tỷ lệ hợp lý. Quả thế thật, bởi kẻ đơn thương độc mã kia là một dũng sĩ toàn thiện khá đô con và rõ ràng đang trong cơn thịnh nộ.

Cuộc chiến có vẻ rơi vào thế cân bằng khi gã to béo áo xanh đột ngột rút lui với cái mũi đầm đìa máu, kết quả của một cú thúc cùi chỏ đúng chỗ.

Nó diễn ra thêm vài phút nữa, nhưng kết cuộc ngày càng trở nên rõ ràng khi gã thứ hai trong nhóm ba người bị ngã lăn xuống dưới gầm bàn, ôm háng rên rỉ. Jamie và đối thủ ban đầu vẫn đang quần nhau kịch liệt giữa sàn nhà, nhưng những người đặt cược cho Jamie trong đám khán giả đã bắt đầu thu tiền thắng cuộc. Một cánh tay kẹp ngang khí quản, kèm theo một cú đâm thật lực vào thận, đã dạy cho gã tóc nâu bài học rằng liều lĩnh đúng chỗ thì mới đáng liều lĩnh.

Tôi thầm bổ sung thêm câu “Thế là đủ rồi, tôi xin hàng.” bằng tiếng Gaelic vào cuốn từ điển Gaelic/Anh đang được mở rộng trong đầu mình.

Jamie chậm rãi đứng lên khỏi thân thể đối thủ cuối cùng trong tiếng reo hò cổ vũ của đám đông. Anh ta hỗn hển gật đầu đáp lại rồi lao đảo đi

tới một cái ghế băng không bị đổ và ngồi phịch xuống, nhận một vai bia từ chủ quán rượu, mồ hôi lẫn máu thi nhau chảy ròng ròng. Sau khi nốc cạn một hơi, anh ta đặt cái cốc rỗng lên ghế băng và chúi về đằng trước, chống hai khuỷu tay lên đầu gối, thở hồng hộc, những vết sẹo trên lưng được phô bày đầy thách thức.

Lần đầu tiên, anh ta không vội mặc lại áo; dù trong quán rượu lạnh căm căm nhưng anh ta vẫn ở trần, chỉ chịu mặc áo vào khi phải ra ngoài để kiểm chỗ ngủ qua đêm. Anh ta rời đi trong những lời chúc ngủ ngon được đồng thanh cất lên đầy kính cẩn, trông có vẻ thoải mái hơn nhiều so với những ngày vừa rồi, bất chấp sự đau đớn từ các vết xước, vết rách và vết bầm giập.

...

“Một cẳng chân sây sát, một lông mày bị rách, môi nứt toác, mũi chảy máu, sáu khớp ngón tay bị vỡ, một ngón cái bị bong gân và hai cái răng lung lay. Chưa kể những vết bầm giập nhiều không đếm xuể.” Tôi thở dài tổng kết. “Anh cảm thấy thế nào?” Tôi đã đưa anh ta tới một cái nhà kho nhỏ đằng sau quán rượu để sơ cứu và hiện giờ ở đây chỉ có hai chúng tôi.

“Ồn,” anh ta nói, cười toe. Rồi anh ta đứng dậy, nhưng mới được nửa chừng thì bỗng khựng lại, nhăn nhó. “Ấy. Mạng sườn hơi đau.”

“Dĩ nhiên là đau rồi. Anh - một lần nữa - bị thâm tím khắp mình mẩy. Tại sao anh lại làm những việc như vậy? Anh nghĩ cơ thể anh là cái quái gì hả? Là sắt à?” Tôi giận dữ hỏi.

Anh ta cười rầu rĩ và chạm vào cái mũi sưng vù.

“Không. Tôi ước gì mình được như vậy.”

Tôi lại thở dài và nhẹ nhàng chọc chọc vào mạng sườn anh ta.

“Tôi không nghĩ xương sườn anh bị gãy; chỉ bị bầm tím thôi. Nhưng tôi sẽ băng chúng lại để phòng hờ. Đứng thẳng dậy, cuộn áo lên và dang hai tay ra.” Tôi bắt đầu xé cái khăn choàng cũ mà tôi xin được từ vợ chủ quán.

Vừa thăm lăm bắm về băng dán và những tiện ích khác của cuộc sống văn minh, tôi vừa chế ra một cái băng quấn, thít nó thật chặt và buộc vào cái móc tròn trên chiếc áo choàng len của anh ta.

“Tôi không thở được,” anh ta than phiền.

“Nếu anh thở, mạng sườn sẽ đau. Đừng cử động. Anh học cách đánh nhau như thế từ đâu vậy? Lại là Dougal à?”

“Không.” Anh ta nhăn nhó khi tôi bôi giấm vào cái lông mày bị rách. “Cha tôi dạy tôi.”

“Thật à? Cha anh là nhà vô địch quyền anh trong vùng à?”

“Quyền anh là gì? Không, cha tôi là nông dân. Ông cũng nuôi ngựa nữa.” Jamie hít vào một hơi khi tôi tiếp tục bôi giấm lên ống chân trầy xước của anh ta.

“Hồi tôi lên chín hay mười gì đó, ông nói ông nghĩ tôi sẽ đô con như đấng nhà ngoại, vì vậy tôi phải học cách đánh nhau.” Giờ thì anh ta hít thở thoải mái hơn, và giơ tay ra để tôi xoa thuốc mỡ cục vụn thọ vào các khớp ngón tay.

“Ông nói: “Nếu con cao lớn, một nửa những người đàn ông mà con gặp sẽ sợ con, và nửa còn lại sẽ muốn thử thách con. Chỉ cần hạ gục được một người, những người còn lại sẽ để con yên. Nhưng hãy học cách kết thúc nhanh gọn, nếu không con sẽ phải đánh nhau đến suốt đời đấy.” Thế là ông dẫn tôi đến chuồng gia súc và đánh tôi ngã vào đồng rơm cho đến khi tôi học được cách đánh trả. Ối! Xót quá.”

“Vết móng tay cào là những vết thương gớm ghiếc,” tôi nói, mãi miết lau cổ anh ta. “Nhất là khi kẻ cào anh không tắm rửa thường xuyên. Và tôi ngờ rằng cái gã có mái tóc bết ấy một năm chỉ tắm có một lần. Những gì anh làm tối nay tuy không thể gọi là “nhanh gọn” nhưng rất ấn tượng. Cha anh hẳn sẽ tự hào về anh.”

Tôi giễu cợt, và ngạc nhiên khi thấy mặt anh ta thoáng u ám.

“Cha tôi mất rồi,” anh ta nói với giọng đều đều.

“Tôi rất tiếc.” Tôi kết thúc việc lau rửa rồi nhẹ nhàng nói. “Nhưng tôi thực lòng đấy. Ông ấy hẳn sẽ tự hào về anh.”

Anh ta không trả lời, chỉ nở nụ cười nửa miệng đáp lại. Đột nhiên tôi cảm thấy anh ta còn rất trẻ, và băn khoăn không biết anh ta bao nhiêu tuổi. Tôi đang định hỏi thì một tiếng đặng hăng cất lên từ đặng sau thông báo có người đến.

Đó là người đàn ông gầy gò nhỏ bé tên là Murtagh. Ông ta có vẻ thích thú khi nhìn mạng sườn được quấn băng của Jamie, và ném cho anh ta một cái túi da sơn dương nhỏ. Jamie giơ bàn tay to lớn lên, dễ dàng bắt được nó, khiến nó phát ra tiếng lanh canh khe khẽ.

“Cái gì đây?” Anh ta hỏi.

Murtagh nhượng một bên lông mày chối xế. “Phần của cháu trong cuộc đánh cược chứ còn gì nữa?”

Jamie lắc đầu và định ném trả cái túi.

“Cháu có cá cược gì đâu.”

Murtagh giơ tay ngăn Jamie lại. “Cháu đã có công đánh thắng mấy gã đó. Lúc này cháu đang rất được mến mộ, ít nhất là với những người ủng hộ cháu.”

“Nhưng với Dougal thì không, tôi nghĩ vậy,” tôi xen vào.

Murtagh luôn có vẻ hơi ngạc nhiên khi thấy phụ nữ cũng có giọng nói, nhưng ông ta gật đầu lịch sự.

“Ừ, đúng vậy. Nhưng điều đó cũng chẳng ảnh hưởng gì đến cháu,” ông ta nói với Jamie.

“Không ư?” Hai người đưa mắt nhìn nhau với một thông điệp mà tôi không tài nào hiểu nổi. Jamie khẽ xì một tiếng, chậm rãi gật đầu.

“Khi nào vậy?” Anh ta hỏi.

“Một tuần. Hoặc có lẽ là mười ngày. Gần một nơi gọi là Lag Cruime. Cháu biết nó chứ?”

Jamie lại gật đầu, trông hài lòng hơn bao giờ hết. “Cháu biết.”

Tôi hết nhìn người này lại nhìn sang người kia, khuôn mặt của cả hai bọn họ đều kín như bưng và đầy bí mật. Vậy là Murtagh đã tìm ra điều gì đó. Liên quan đến “Horrocks” bí ẩn chẳng? Tôi nhún vai. Bất kể nguyên nhân là gì, có vẻ như những ngày phải làm vật trưng bày của Jamie đã kết thúc rồi.

“Tôi cho là từ giờ Dougal sẽ phải nhảy điệu clacket^[64],” tôi nói.

“Hử?” Những ánh mắt từ vẻ giấu giếm bí mật biến thành kinh ngạc.

“Đừng bận tâm. Ngủ ngon nhé!” Tôi nhắc hộp thuốc của mình lên và đi tìm chỗ nghỉ ngơi cho riêng mình.

Người chỉ huy quân đồn trú

Chúng tôi càng ngày càng tới gần pháo đài William, và tôi bắt đầu nghiêm túc suy ngẫm về kế hoạch hành động khi nào chúng tôi tới nơi.

Tôi nghĩ điều này cũng còn tùy vào người chỉ huy quân đồn trú. Nếu ông ta tin rằng tôi là một quý cô đang lâm vào cảnh khó khăn, ông ta có thể cho người hộ tống tôi tới bờ biển để lên chuyến tàu về Pháp.

Nhưng ông ta cũng có thể nghi ngờ tôi khi tôi xuất hiện với nhóm người của thị tộc MacKenzie. Tuy nhiên, tôi rành rành không phải là người Scot; chắc ông ta không nghĩ tôi là một gián điệp đâu nhỉ? Colum và Dougal thì đang nghĩ như thế đấy - họ nghi ngờ tôi là gián điệp của quân Anh.

Điều đó làm tôi thắc mắc, họ cho rằng tôi định dò xét cái gì? Có lẽ là các hoạt động phản quốc; trong số đó, nhất định có việc quyên tiền để ủng hộ cho Hoàng tử Charles Edward Stuart, kẻ đang có ý định giành lấy ngai vàng.

Nhưng nếu vậy, tại sao Dougal lại để tôi nhìn thấy ông ta làm việc đó? Ông ta có thể dễ dàng tổng cổ tôi ra ngoài trước khi hoạt động quyên tiền diễn ra. Đương nhiên, bọn họ đều nói tiếng Gaelic trong suốt quá trình ấy, tôi lý luận.

Có lẽ đó chính là nguyên nhân. Tôi nhớ đến ánh mắt kỳ quặc và câu hỏi của ông ta: “Ta tưởng cô không biết tiếng Gaelic?” Có lẽ đó là một phép thử, để xem có phải tôi thực sự không biết tiếng của họ không. Vì hiếm có gián điệp người Anh nào được cử đến vùng cao nguyên mà lại không thể nói chuyện được với hơn một nửa số người ở đó.

Không đúng, cuộc trò chuyện giữa Jamie và Dougal mà tôi nghe lỏm được đã chỉ ra rằng Dougal thực sự là một Jacobite, mặc dù Colum thì hình như không phải - hay đúng ra là chưa phải.

Đầu tôi bắt đầu ong ong vì tất cả những giả thiết này, và tôi mừng rỡ khi thấy rằng chúng tôi đang đến gần một ngôi làng khá lớn. Bởi vì ở đó có thể có một quán trọ tốt và một bữa tối tử tế.

Quán trọ quả thực rộng rãi theo cái tiêu chuẩn mà tôi đã trở nên quen thuộc. Dù cái giường như được thiết kế cho những người lùn - lại còn có bộ chét nữa - nhưng ít ra nó cũng nằm trong một căn buồng riêng. Trong những quán trọ nhỏ hơn, tôi đã phải ngủ trên một chiếc ghế tử, xung quanh là tiếng ngáy o o và những bóng người quấn áo choàng len nằm ngời ngả ngốn.

Thường thì tôi ngủ thiếp đi ngay lập tức, bất kể tình trạng chỗ ngủ thế nào, vì đã kiệt sức sau một ngày dài trên yên ngựa và một buổi tối nghe Dougal làm chính trị. Nhưng đêm đầu tiên trong một quán trọ, tôi vẫn thức đúng nửa tiếng vì bị thu hút bởi những âm thanh ấn tượng mà bộ máy hô hấp của cánh đàn ông có thể tạo ra. Giống như trong một phòng ngủ tập thể đầy học viên mà các y tá không thể đến gần.

Khi nghe “dàn đồng ca” ấy, tôi chợt nhớ rằng những người đàn ông trong một phòng bệnh hiếm khi ngáy mà chỉ thở nặng nề. Họ thở hỗn hển, thi thoảng rên rỉ, đôi lúc nức nở hoặc òa khóc trong giấc ngủ. Nhưng không gì giống với thứ âm thanh khỏe khoắn này. Có lẽ những người đàn ông bị ốm hay bị thương đó không thể ngủ sâu đến mức có thể tạo ra tiếng động như thế.

Nếu tôi không nhìn lầm, những người bạn đồng hành của tôi đang có thể trạng tráng kiện nhất. Trông họ thực sự rất khỏe mạnh, tay chân dang rộng, khuôn mặt thư thái hồng hào trong ánh lửa. Họ ngủ trên những tấm ván cứng một cách ngon lành giống như lúc họ ăn tối vậy. Thứ âm thanh hỗn tạp ấy khiến tôi mơ hồ cảm thấy dễ chịu, và tôi siết chặt cái áo choàng hơn quanh mình rồi ngủ thiếp đi.

Còn bây giờ, tôi thấy mình khá cô đơn trong căn phòng áp mái nhỏ xíu hôi hám này. Mặc dù đã lột bỏ ga trải giường và đập vỡ tấm đệm để ngăn chặn những “bạn cùng giường” không mong muốn, tôi vẫn hơi khó ngủ, vì căn phòng có vẻ quá tĩnh lặng và tăm tối sau khi tôi đã thối tắt nển.

Có một vài tiếng vọng văng vẳng dội lên từ căn phòng chung bên dưới cách đây hai tầng, và loáng thoáng có tiếng chuyển động, nhưng chúng chỉ càng nhấn mạnh thêm sự cô độc của tôi. Đây là lần đầu tiên tôi hoàn toàn chỉ có một mình kể từ lúc đến lâu đài, và tôi không nghĩ là mình thích điều này.

Đang chập chờn ngủ, tôi bỗng nghe tiếng ván lót sàn ngoài hành lang vang lên cọt kẹt đầy đáng ngại. Bước chân chậm chạp và ngập ngừng, như thể kẻ xâm nhập đang do dự, lựa chọn những tấm ván lát có vẻ chắc chắn nhất để đặt bước tiếp theo. Tôi ngồi bật dậy, sờ soạng tìm nển và hộp mồi lửa bên cạnh giường.

Bàn tay quờ quạng của tôi va phải hộp mồi lửa khiến nó rơi xuống sàn đánh cạch một tiếng. Tôi như đông cứng người lại, và những bước chân bên ngoài cũng vậy.

Có tiếng sàn sạt khe khẽ ở cửa, như thể ai đó đang mò mẫm tìm then cài. Tôi biết cánh cửa không cài chốt; dù nó được lắp một bộ chốt cửa, nhưng trước khi đi ngủ tôi đã tìm cái then cài mãi mà không thấy. Tôi chộp lấy cái giá đỡ nển, giật chân nển ra, nắm chặt món đồ gốm nặng trĩch ấy trong tay và trườn khỏi giường hết sức khẽ khàng.

Cánh cửa kêu kin kít. Ô cửa sổ duy nhất của căn phòng đang được đóng chặt, chặn lại cả gió và ánh sáng; tuy nhiên, tôi vẫn có thể nhìn thấy lờ mờ hình dáng của khe cửa khi cánh cửa được mở ra. Khe cửa lớn dần, rồi trước sự ngạc nhiên của tôi, nó thu hẹp lại và biến mất khi cánh cửa đóng lại. Vạn vật lại chìm vào tĩnh lặng.

Tôi áp người vào tường ngõ như hàng thế kỷ, nín thở và cố gắng lắng nghe qua tiếng trái tim đập thành thịch. Cuối cùng, tôi nhích dần về phía cửa, cẩn thận men theo các bức tường vì nghĩ rằng ván lót sàn ở đây rắn

chắc hơn. Tôi rón rén hạ từng bước chân, dần dần dồn cả trọng lượng cơ thể xuống, rồi ngừng lại và dò dẫm các ngón chân trần để tìm đường nổi giữa hai tấm ván trước khi đặt bàn chân còn lại vững vàng hết mức có thể.

Khi đã tới cửa, tôi ngừng lại, áp tai vào những tấm ván ốp tường mỏng manh, hai bàn tay bám vào khung cửa, đề phòng có kẻ xộc vào bất ngờ. Tôi nghĩ mình nghe thấy những tiếng động khe khẽ, nhưng không chắc chắn. Đó chỉ là âm thanh của những hoạt động bên dưới nhà, hay là tiếng thở kìm nén của ai đó phía bên kia vách tường?

Chất adrenaline^[65] tiết ra liên tục khiến tôi hơi nôn nao. Cuối cùng, khi đã mệt mỏi với chuyện vợ vẫn này, tôi nắm chặt giá đỡ nệm, giật mở cánh cửa và lao thẳng ra ngoài hành lang.

Nói là “lao thẳng” nhưng thực ra mới được hai bước tôi đã giẫm mạnh lên một vật gì đó mềm mềm và ngã chúi xuống, làm các khớp ngón tay bị trầy xước và đầu đập bộp vào thứ gì đó rắn đanh.

Tôi lồm cồm ngồi dậy, hai tay ôm trán, chẳng buồn đoái hoài đến việc mình có thể bị ám sát vào bất cứ giây phút nào.

Người bị tôi giẫm lên đang hỗn hển chửi thề. Trong cơn đau, tôi lờ mờ nhận ra rằng anh ta (từ vóc dáng và mùi mồ hôi, tôi đoán được vị khách của mình là đàn ông) đã đứng dậy và đang mò mẫm tìm cái chốt của cánh cửa chớp phía bên trên chúng tôi.

Một luồng không khí trong lành bất ngờ ập vào khiến tôi nhăn mặt và nhắm mắt. Khi tôi mở mắt ra, ánh sáng từ bầu trời đêm giúp tôi nhìn rõ kẻ xâm nhập.

“Anh đang làm gì ở đây vậy?” Tôi hỏi với vẻ trách cứ.

Cùng lúc đó, Jamie cũng hỏi với giọng điệu tương tự. “Cô nặng bao nhiêu cân thể Sassenach?”

Vẫn còn hơi rối trí, tôi thực thà đáp: “Năm mươi bảy cân rưỡi,” trước khi nghĩ đến việc hỏi: “Sao nào?”

“Cô suýt thì nghiền nát gan tôi,” anh ta đáp, rón rén ấn vào chỗ bị giẫm lên. “Chưa kể còn dọa tôi sợ chết khiếp.” Anh ta giơ tay kéo tôi đứng dậy. “Cô ổn chứ?”

“Không ổn tí nào, tôi bị đập đầu...” Tôi xoa xoa chỗ bị đau, sừng sốt nhìn khắp hành lang trống trơn. “Mà cái gì tôi đập đầu vào ấy nhỉ?” Tôi hỏi sai cả ngữ pháp.

“Đầu tôi,” anh ta càu nhàu.

“Đáng đời anh lắm,” tôi cấm cẩu nói. “Anh lén lén lút lút ngoài cửa phòng tôi để làm cái trò gì vậy?”

Anh ta cúi kính nhìn tôi.

“Tôi không “lén lút” làm gì cả, Chúa ơi. Tôi đang ngủ - hay đúng hơn là đang cố ngủ.” Anh ta xoa xoa thứ có vẻ là một cục u trên thái dương.

“Ngủ á? Ở đây sao?” Tôi nhìn ngang nhìn dọc cái hành lang trống trơn, lạnh lẽo, bắn thiu với vẻ kinh ngạc cường điệu. “Anh toàn chọn những nơi kỳ quặc nhất; đầu tiên là chuồng ngựa, giờ lại là chỗ này.”

“Có thể cô muốn biết điều này, có một nhóm nhỏ kỵ binh Anh dừng chân ở tiệm rượu bên dưới,” anh ta lạnh lùng thông báo. “Chúng hơi quá chén, và nô đùa có phần táo bạo với hai phụ nữ đến từ thị trấn. Vì chỉ có hai người phụ nữ mà có tới tận năm gã đàn ông, nên vài gã lính có vẻ định mò lên gác để tìm kiếm... ờ, bạn ơi. Tôi không nghĩ sự quan tâm của tôi lại làm cô lo lắng quá mức như thế.” Anh ta choàng lại cái áo choàng lên vai và quay về phía cầu thang. “Nếu tôi khiến cô hiểu lầm thì tôi xin lỗi. Tôi không có ý định quấy rầy cô nghỉ ngơi. Chúc ngủ ngon.”

“Khoan đã.”

Anh ta dừng bước, nhưng không quay người lại, buộc tôi phải bước tới trước mặt anh ta. Anh ta nhìn tôi, vẻ lịch sự nhưng xa cách.

“Cảm ơn anh,” tôi nói. “Anh thật chu đáo. Tôi xin lỗi vì đã giẫm lên người anh.”

Anh ta mỉm cười, cái mặt nạ lạnh lùng rụng xuống, trả lại biểu cảm vui vẻ quen thuộc.

“Tôi không sao, Sassenach,” anh ta nói. “Ngay khi đầu hết đau và cái xương sườn bị gãy liền lại, tôi sẽ khỏe khoắn như thường.”

Anh ta quay lại và đẩy cửa phòng tôi - lúc này nó đã tự động sập lại sau khi tôi lao vọt ra ngoài, nguyên nhân là vì khi xây quán trọ này, rõ ràng người ta đã không dùng đến dây dọi^[66]. Ở nơi này chẳng có góc tường nào vuông vắn cả.

“Cô về lại giường đi,” anh ta đề nghị. “Tôi sẽ nằm ở đây.”

Tôi nhìn xuống sàn. Ngoài sự cứng rắn và lạnh lẽo vốn có, những tấm ván gỗ sồi còn vương đầy đờm dãi, các chất lỏng bị đánh đổ và các loại chất bẩn khác mà tôi thậm chí còn chẳng muốn nghĩ xem chúng là gì. Trên lanh tô ở cửa có đề 1732, và rõ ràng đó là lần cuối cùng các tấm ván được lau chùi.

“Anh không thể ngủ ngoài này,” tôi nói. “Vào đi, ít nhất thì sàn nhà trong phòng cũng không tệ đến mức này.”

Jamie sững người, đặt tay lên khung cửa.

“Ngủ cùng phòng với cô?” Anh ta có vẻ thực sự bị sốc. “Tôi không thể làm vậy! Thanh danh của cô sẽ bị hủy hoại!”

Anh ta thực sự nghiêm túc. Tôi suýt thì bật cười, nhưng đã khéo léo biến nó thành một cơn ho. Vì những nhu cầu cấp bách trong lúc đi đường, tình trạng đông đúc, chật chội của các quán trọ và sự thô sơ, thiếu thốn nhà tắm hoặc nhà vệ sinh, tôi đã buộc phải chia sẻ sự riêng tư với những người đàn ông này, bao gồm cả Jamie, vì vậy tôi thấy chuyện giữ kẽ của anh ta thật đáng buồn cười.

“Anh đã ngủ chung phòng với tôi rồi mà,” tôi chỉ ra, khi đã điềm tĩnh lại đôi chút. “Anh và hai mươi người đàn ông khác.”

Anh ta hơi lắp bắp. “Việc đó hoàn toàn không giống với việc này! Ý tôi là, đó là một căn phòng chung và...” Anh ta ngừng lại khi một ý nghĩ

gồm ghiếc bông nảy ra trong đầu. “Cô không nghĩ là tôi có ý nói cô đang khơi gợi chuyện gì thiếu đúng đắn đấy chứ?” Anh ta lo lắng hỏi. “Tôi quá quyết với cô rằng tôi...”

“Không, không. Không hề.” Tôi vội vàng trấn an anh ta rằng tôi không hề có cảm giác bị xúc phạm.

Thấy không thể thuyết phục được anh ta, tôi đành bắt anh ta lấy mấy cái chăn ở giường tôi để làm nệm. Anh ta miễn cưỡng đồng ý sau khi tôi quá quyết đi quá quyết lại với anh ta rằng dù sao đi nữa tôi cũng sẽ không dùng đến chúng mà sẽ quấn mình trong chiếc áo choàng dày cộp để ngủ như thường lệ.

Tôi cố gắng cảm ơn anh ta lần nữa khi dừng lại bên chiếc giường tự chế tạm bợ của anh ta trước khi quay về với cái ổ hôi hám của mình, nhưng anh ta phẩy tay gạt đi sự cảm kích của tôi.

“Tôi làm thế này cũng không hẳn vì tốt bụng, vô tư gì đâu,” anh ta nói. “Tôi cũng muốn tránh sự chú ý mà.”

Tôi đã quên mất rằng anh ta có lý do riêng để lánh mặt đám lính Anh. Tuy nhiên, tôi cũng không bỏ sót cái thực tế là nếu anh ta ngủ trong chuồng ngựa ẩm áp và thoáng dăng thì sẽ kín đáo và thoải mái hơn so với sàn hành lang trước cửa phòng tôi.

“Nhưng nếu có ai đó lên đây,” tôi phản đối, “họ sẽ thấy anh.”

Anh ta vươn cánh tay dài đóng cánh cửa chớp lại. Hành lang chìm vào bóng tối, và Jamie chỉ còn là một khối không rõ hình dạng.

“Họ không thể nhìn thấy mặt tôi,” anh ta chỉ ra. “Và trong tình trạng hiện tại của họ, cho dù tôi có nói tên thật thì họ cũng sẽ chẳng để ý, mà đương nhiên là tôi không có ý định làm thế rồi.”

“Đúng vậy,” tôi ngờ vực nói. “Nhưng họ sẽ không thắc mắc anh đang làm gì ở cái chỗ tối mò mò này hay sao?” Tôi không thể nhìn thấy mặt anh ta, nhưng giọng nói của anh ta mách bảo tôi rằng anh ta đang cười.

“Không đâu, Sassenach. Họ sẽ chỉ nghĩ tôi đang chờ đến lượt mình.”

Tôi phì cười, đi vào trong, cuộn tròn mình trên giường và nhắm mắt ngủ, lấy làm lạ khi một bộ óc có thể nghĩ ra những câu nói đùa thô tục như thế lại chùn bước trước ý nghĩ ngủ cùng một phòng với tôi.

...

Khi tôi tỉnh dậy, Jamie đã đi rồi. Lúc xuống nhà để ăn sáng, tôi gặp Dougal đang đợi ở chân cầu thang.

“Ăn nhanh lên nhé,” ông ta nói. “Cô và ta sẽ cưỡi ngựa tới Brockton.”

Ông ta không chịu nói thêm điều gì, nhưng tôi nghĩ ông ta có vẻ hơi bồn chồn. Tôi ăn vội ăn vàng, và chẳng mấy chốc chúng tôi đã phi ngựa nước kiệu qua màn sương buổi sớm. Chim chóc ríu rít trong những bụi cây và không khí báo hiệu một ngày hè ấm áp sắp đến.

“Chúng ta đang đi gặp ai vậy?” Tôi hỏi. “Ông nên nói cho tôi biết, vì nếu tôi không biết, tôi sẽ ngạc nhiên, còn nếu tôi biết thì dù sao đi nữa tôi cũng đủ thông minh để tỏ ra ngạc nhiên.”

Dougal liếc xéo tôi, cân nhắc, nhưng cuối cùng cũng quyết định rằng tôi nói có lý.

“Chỉ huy quân đồn trú ở pháo đài William,” ông ta nói.

Tôi cảm thấy hơi sốc. Tôi chưa sẵn sàng cho việc này lắm vì cứ nghĩ còn ba ngày nữa chúng tôi mới tới pháo đài.

“Nhưng chúng ta đâu có ở gần pháo đài William!” Tôi thốt lên.

“Ừm.”

Rõ ràng vị chỉ huy này là một người năng nổ. Không bằng lòng với việc ở nhà trông nom đơn vị đồn trú của mình, ông ta đã dẫn một nhóm kỵ binh ra ngoài để thanh tra vùng đồng quê. Mấy gã lính tới quán trọ của chúng tôi tối qua cũng thuộc nhóm này, và họ đã kể với Dougal rằng chỉ huy của họ hiện đang ở trong một quán trọ tại Brockton.

Điều này đã gây ra một rắc rối, và tôi im lặng suốt chặng đường còn lại để suy ngẫm về nó. Tôi đã tính toán rằng mình có thể thoát khỏi Dougal

khi đến pháo đài William, nơi tôi nghĩ chỉ cách ngọn đồi Craigh na Dun một ngày đường. Cho dù chưa chuẩn bị sẵn sàng cho việc ngủ lại ngoài trời, không có lương thực, tiền bạc và các vật dụng khác, tôi nghĩ một mình tôi vẫn có thể đi được đến đó và tìm ra vòng tròn đá. Còn chuyện gì xảy ra sau đó - chà, chẳng thể nào nói trước được trừ phi đã tới nơi.

Nhưng diễn biến này đã phá hỏng các kế hoạch của tôi. Nếu tôi tách khỏi Dougal ở đây, tôi sẽ còn cách ngọn đồi những bốn ngày đường. Và tôi không đủ tin tưởng vào khả năng định hướng cũng như sức bền của mình để mạo hiểm đi bộ một mình giữa các vách đá cheo leo và các bãi hoang rộng lớn. Chuyển đi vất vả kéo dài hàng tuần lễ vừa rồi đã khiến tôi dè chừng những khối núi đá lởm chởm và những con suối chảy xiết của vùng cao nguyên, chưa kể thi thoảng còn gặp thú hoang nữa. Tôi hoàn toàn không mong muốn mình sẽ chạm trán một con lợn lòi trong một thung lũng hẹp hoang vu.

Chúng tôi tới Brockton vào giữa buổi sáng. Sương mù đã tan, bầu trời chan hòa ánh nắng giúp tôi có cảm giác lạc quan. Biết đâu đây, tôi sẽ dễ dàng thuyết phục được vị chỉ huy quân đồn trú cho tôi mượn một người dẫn tôi tới ngọn đồi.

Tôi có thể hiểu lý do tại sao viên chỉ huy lại chọn Brockton làm tổng hành dinh tạm thời. Ngôi làng lớn đến mức có tới hai quán rượu, trong đó có một quán cao ba tầng trông rất bề thế với chuồng ngựa liền kề. Chúng tôi dừng lại ở đây, giao lũ ngựa cho một người coi chuồng ngựa đi đứng lề mề, chậm chạp như thể chân tay bị hóa đá. Lúc chúng tôi đã vào trong quán và Dougal gọi đồ uống từ chủ quán, anh ta còn chưa tới cửa chuồng ngựa.

Khi Dougal leo lên gác tới phòng của viên chỉ huy, tôi bị bỏ lại ở dưới nhà, trầm ngâm bên đĩa bánh yến mạch trông có vẻ khá cũ. Nhìn ông ta đi, trong lòng tôi có cảm giác hơi lạ. Trong quán có ba, bốn gã lính Anh, họ cứ dán mắt vào tôi với vẻ suy đoán và rì rầm bàn tán với nhau. Sau một tháng sống giữa những người Scot của thị tộc MacKenzie, sự hiện diện của đám kỵ binh Anh khiến tôi căng thẳng không thể lý giải nổi. Tôi tự nhủ mình

thật ngớ ngẩn. Suy cho cùng, họ chính là đồng hương của tôi, dù không cùng chung thời đại.

Tuy nhiên, tôi thấy nhớ sự bầu bạn thoải mái của ông Gowan và sự thân thuộc đến dễ chịu của Jamie bất-kể-họ-của-anh-ta-là-gì. Tôi đang cảm thấy tiếc nuối vì mình không có cơ hội để từ biệt ai trước khi rời đi vào buổi sáng hôm đó thì bỗng nghe thấy tiếng gọi của Dougal. Ông ta đang đứng ở đầu cầu thang đằng sau tôi, ra hiệu cho tôi đi lên.

Trông ông ta nghiêm nghị hơn bình thường khi ông ta lảng lảng đứng tránh sang một bên và ra hiệu cho tôi vào trong phòng. Viên chỉ huy quân đồn trú đứng bên ô cửa sổ để mở, vóc dáng thanh mảnh, thẳng băng in bóng trong ánh nắng. Ông ta cất một tiếng cười ngắn khi nhìn thấy tôi.

“Đúng như tôi nghĩ. Người mà MacKenzie miêu tả hẳn là cô.” Cánh cửa đóng lại sau lưng tôi, và tôi chỉ còn lại một mình với Đại úy Jonathan Randall của Đội kỵ binh Hoàng gia số 8.

Hắn mặc một bộ quân phục sạch sẽ màu đỏ và nâu vàng với cổ còn viền đăng ten và đội một bộ tóc xoắn giả gọn gàng được rắc phấn. Nhưng khuôn mặt hắn thì vẫn vậy - khuôn mặt của Frank. Hơi thở nhe nhếch lại trong họng tôi. Nhưng lần này, tôi để ý thấy nét tàn nhẫn quanh miệng hắn và vẻ ngạo mạn ở bờ vai hắn. Tuy nhiên, hắn mỉm cười nhã nhặn và mời tôi ngồi xuống.

Căn phòng được trang bị sơ sài, chẳng có gì hơn ngoài một cái bàn giấy, một cái ghế, một cái bàn gỗ thông dài và vài chiếc ghế đẩu. Đại úy Randall ra hiệu cho một viên hạ sĩ trẻ tuổi đang đứng nghiêm ở gần cửa, và một cốc bia rót vụng về được đặt xuống trước mặt tôi.

Đại úy phẩy tay cho viên hạ sĩ lui đi rồi tự rót bia cho mình, sau đó duyên dáng ngồi xuống một cái ghế đẩu đối diện với tôi qua bàn.

“Nào,” hắn nói với vẻ hòa nhã. “Tại sao cô không nói với tôi cô là ai, và làm thế nào mà cô lại có mặt ở đây nhỉ?”

Vì chẳng có mấy lựa chọn, tôi bèn kể với hắn câu chuyện mà tôi đã kể với Colum, chỉ loại bỏ những chi tiết thiếu tế nhị về hành vi của hắn mà dù

gì hẳn cũng đã biết. Tôi không rõ Dougal đã kể với hẳn thế nào, và không muốn mạo hiểm để hẳn tóm được chỗ hớ.

Đại úy tỏ vẻ lịch sự nhưng hoài nghi suốt lúc nghe tôi kể. Hẳn không cố gắng che giấu điều đó như Colum. Hẳn ngả người ra sau, ngẫm nghĩ.

“Cô nói là Oxfordshire? Tôi chẳng biết người nào có họ là Beauchamp ở Oxfordshire cả.”

“Làm sao ông biết được?” Tôi cấm câu. “Ông là người Sussex mà?”

Đôi mắt hẳn mở to đầy vẻ kinh ngạc. Đáng lẽ tôi phải cắn chặt lưỡi để ngăn mình nói hớ.

“Liệu tôi có thể hỏi làm sao cô biết điều đó không?” Hẳn hỏi.

“Ờ, giọng ông. Phải đấy, chính vì giọng của ông,” tôi vội nói. “Rõ ràng là giọng Sussex.”

Đôi lông mày sẫm màu nhuộm cao, gần như chạm vào những lọn tóc quăn của bộ tóc giả.

“Các gia sư và cha mẹ tôi đều sẽ không vui khi nghe rằng giọng tôi tiết lộ rõ nguyên quán của tôi, thưa cô,” hẳn lạnh nhạt nói. “Họ đã mất bao công sức và tiền bạc để sửa nó. Nhưng vì cô có vẻ là một chuyên gia về tiếng địa phương” - hẳn quay sang người đàn ông đang đứng cạnh tường - “nên ắt hẳn cô cũng có thể xác định được lính của tôi có gốc gác ở đâu nhỉ. Hạ sĩ Hawkins, làm ơn đọc mấy câu gì đó được không? Thứ gì cũng được,” hẳn nói thêm khi nhìn thấy vẻ mặt bối rối của anh ta. “Vài câu thơ nổi tiếng chẳng hạn?”

Viên Hạ sĩ - một chàng trai trẻ với khuôn mặt phì nộn góc nghếch và bờ vai rộng - nhìn loạn quanh phòng để tìm cảm hứng, rồi đứng nghiêm và đọc:

“Nàng Meg đẩy đà giặt quần áo cho tôi,

Và mang hết chúng đi.

Để tôi chờ đợi trong nỗi giày vò,

Và rồi tôi bắt nàng phải trả giá.”

“Ờ, được đấy, Hạ sĩ, cảm ơn cậu.” Randall ra hiệu cho anh ta lui, và viên Hạ sĩ trở về đứng bên bức tường, mồ hôi vã ra như tắm.

“Thế nào?” Randall quay sang tôi, hỏi.

“Ờ, Cheshire,” tôi đoán.

“Gần đúng. Lancashire.” Hắn nheo mắt nhìn tôi, rồi chắp hai tay sau lưng, lững thững bước tới cửa sổ và nhòm ra ngoài. Để kiểm tra xem liệu Dougal có mang theo người nào không chẳng? Tôi tự hỏi.

Đột nhiên hắn xoay người lại, hỏi tôi: “*Parlez-vous français*^[67]?”

“*Très bien*^[68],” tôi đáp ngay lập tức. “Thì sao?”

Hắn nghiêng đầu sang một bên, nhìn tôi chăm chú.

“Có họa điên tôi mới nghĩ cô là người Pháp,” hắn nói, như thể đang độc thoại. “Có thể cô là người Pháp thật, nhưng tôi chưa từng gặp người Pháp nào phân biệt được một người Cockney^[69] với một người xứ Cornwall^[70].”

Những ngón tay có bộ móng được cắt tỉa gọn gàng gõ gõ lên mặt bàn gỗ. “Tên thời con gái của cô là gì, phu nhân Beauchamp?”

“Nghe này, Đại úy,” tôi nói, mỉm cười duyên dáng nhất có thể, “mặc dù chơi trò Hai Mươi Câu Hỏi với ông khá là thú vị, nhưng tôi thực sự muốn kết thúc màn dạo đầu này và tiếp tục cuộc hành trình của tôi. Tôi đã bị trễ một lúc rồi, và...”

“Cô chẳng giúp gì được cho cảnh ngộ của mình với cái thái độ ngớ ngẩn này đâu,” hắn ta ngắt lời tôi, nheo mắt. Tôi đã thấy Frank làm thế mỗi khi bất mãn về điều gì đó, và đầu gối tôi hơi bủn rủn. Tôi bèn đặt hai bàn tay lên đùi để trấn tĩnh lại.

“Tôi chẳng cần giúp gì cả,” tôi nói với vẻ trâng tráo nhất có thể. “Tôi không đòi hỏi gì ở ông, quân đồn trú hay thị tộc MacKenzie. Tất cả những

gì tôi muốn là được phép tiếp tục hành trình của mình một cách yên ổn. Và tôi thấy ông chẳng có lý do gì để phản đối điều đó cả.”

Hắn trừng mắt nhìn tôi, đôi môi mím chặt giận dữ.

“Ồ, cô không thấy ư? Chà, cô hãy thử đặt mình vào vị trí của tôi một lát, có lẽ lý do khiến tôi phản đối sẽ trở nên rõ ràng hơn. Một tháng trước, tôi cùng với người của mình đang truy đuổi kịch liệt một toán cướp người Scot chưa rõ danh tính đã ăn trộm đàn gia súc nhỏ từ một điền trang gần biên giới thì...”

“Ồ, ra là họ đang làm việc đó?” Tôi thốt lên. “Tôi cứ thắc mắc mãi,” tôi yếu ớt nói thêm.

Đại úy Randall thở phì phò, rồi quyết định kìm lại điều hắn đang định nói để tiếp tục câu chuyện.

“Trong cuộc truy đuổi hợp pháp này,” hắn tiếp tục với giọng điệu nhịch nhàng, “tôi đã chạm trán một phụ nữ Anh ăn mặc hở hang - ở một nơi mà không một phụ nữ Anh nào nên có mặt, kể cả khi có người hộ tống - cô ta đã cự lại những câu hỏi của tôi, hành hung tôi...”

“Ông hành hung tôi trước!” Tôi giận dữ nói.

“Đồng bọn của cô ta đã đánh lén khiến tôi bất tỉnh, và sau đó cô ta đã bỏ trốn, rõ ràng là nhờ có sự trợ giúp. Tôi và người của tôi đã sục sạo kỹ lưỡng khu vực đó, và xin quả quyết với cô rằng không hề có vết tích của người hầu bị giết, hành lý bị cướp, váy áo bị vứt bỏ hay bất cứ dấu hiệu nào cho thấy câu chuyện của cô có tí gì là thật!”

“Ồ?” Tôi nói, hơi yếu ớt.

“Đúng thế đấy. Hơn nữa, trong vòng bốn tháng qua, không hề có báo cáo nào về các băng cướp trong khu vực đó. Và *bây giờ*, cô lại xuất hiện cùng viên thủ lĩnh quân sự của thị tộc MacKenzie, ông ta nói với tôi rằng anh trai Colum của ông ta tin cô là một gián điệp, có thể đang làm việc cho *tôi!*”

“Chà, không phải như vậy, đúng không?” Tôi cãi lý. “Ít nhất thì ông cũng biết điều đó.”

“Phải, tôi biết điều đó,” hăn nói với sự kiên nhẫn khoa trương. “Tôi chỉ không biết cô là kẻ quái quỷ nào! Nhưng tôi nhất định tìm ra bằng được. Tôi là chỉ huy của đơn vị đồn trú này. Vì vậy, tôi có quyền áp dụng một số biện pháp để bảo vệ khu vực này khỏi những kẻ phản bội, gián điệp, và bất cứ kẻ nào có hành vi mà tôi cho là đáng nghi. Và tôi đã sẵn sàng thực hiện các biện pháp đó.”

“Vậy các biện pháp đó có thể là gì?” Tôi hỏi. Tôi thực lòng muốn biết, nhưng giọng điệu tôi nghe có vẻ bõn cợt.

Hăn đứng lên, trầm ngâm nhìn tôi trong một thoáng, rồi bước vòng quanh bàn, giơ tay kéo tôi dậy.

“Hạ sĩ Hawkins,” hăn nói, vẫn nhìn tôi chăm chăm, “ta cần cậu giúp một lát.”

Chàng trai trẻ bên bức tường trông có vẻ cực kỳ lo lắng, nhưng vẫn rụt rè tới chỗ chúng tôi.

“Hãy đứng đằng sau quý cô đây, Hạ sĩ,” Randall nói, giọng chán chường. “Và giữ chặt hai khuỷu tay của cô ta.”

Rồi hăn thu tay lấy đà và đâm vào giữa bụng tôi.

Tôi không thốt ra tiếng kêu nào vì không còn hơi sức. Tôi ngồi sụp xuống sàn, cúi gập người, gắng gượng hít không khí vào phổi. Tôi bị sốc không chỉ vì sự đau đớn và cảm giác nôn nao choáng váng do cú đâm gây ra. Trong cuộc đời khá sôi động của mình, chưa từng có ai cố tình đánh tôi như vậy.

Đại úy ngồi xổm xuống trước mặt tôi. Bộ tóc giả của hăn hơi xô lệch, nhưng ngoài điều đó và một chút ngời sáng trong mắt hăn, vẻ thanh lịch thường thấy mà hăn khéo léo gìn giữ vẫn không có gì thay đổi.

“Tôi hy vọng là cô không mang thai,” hăn nói với giọng thủ thỉ, “bởi vì nếu cô có thai thì cũng chẳng còn giữ được bao lâu nữa đâu.”

Tôi bắt đầu phát ra tiếng khò khè kỳ quặc khi những luồng ôxy đầu tiên tìm được đường vào cổ họng. Tôi bò dậy và lập cập mò mẫm tìm mép bàn. Viên Hạ sĩ, sau khi căng thẳng liếc nhìn gã Đại úy, đưa tay giúp tôi đứng lên.

Những làn sóng màu đen gợn lên khắp căn phòng. Tôi ngồi phịch xuống cái ghế đầu và nhắm mắt lại.

“Nhìn tôi đi.” Giọng hần nhẹ nhàng và điềm tĩnh như thể đang mời tôi uống trà. Tôi mở mắt và ngược nhìn hần qua màn sương mỏng manh. Hần đang chống hai bàn tay trên hông.

“Giờ thì cô có gì để nói với tôi không?” Hần hỏi.

“Bộ tóc giả của ông bị lệch rồi,” tôi nói, và lại nhắm mắt lại.

13

Một cuộc hôn nhân được công bố

Tôi ngồi ở tiệm rượu bên dưới, nhìn chăm chăm vào cốc sữa trên bàn và kìm nén cơn nôn nao đang dâng tràn.

Khi tôi được viên Hạ sĩ trẻ tuổi lực lưỡng dìu xuống cầu thang, Dougal chỉ liếc nhìn mặt tôi một cái rồi hùng hổ sải bước qua tôi để lên gác, tới phòng của Randall. Sàn nhà và các cánh cửa của quán trọ vốn dày dặn và chắc chắn, nhưng tôi vẫn có thể nghe thấy những giọng nói to tiếng ở trên gác.

Tôi cầm cốc sữa lên, nhưng tay run đến nỗi không uống nổi.

Chỗ bị đâm ban nãy đã dần đỡ đau, nhưng tôi vẫn chưa hết sốc. Tôi *biết* người đàn ông này không phải là chồng tôi, nhưng sự giống nhau rõ rệt giữa họ và những thói quen cố hữu của tôi khiến tôi phần nào có khuynh hướng tin tưởng hẳn, và nói chuyện với hẳn như thể nói chuyện với Frank, trông đợi ở hẳn sự lịch thiệp, dẫu không có sự cảm thông. Cú đòn ác ý của hẳn đã đột ngột làm đảo lộn những cảm xúc ấy khiến tôi vô cùng khó chịu.

Khó chịu, và cả sợ hãi nữa. Tôi đã nhìn vào mắt hẳn khi hẳn khom người cạnh tôi trên sàn. Trong đáy mắt hẳn có thứ gì đó thoáng dịch chuyển. Nó đã biến mất sau nháy mắt, nhưng tôi không bao giờ muốn nhìn thấy nó lần nữa.

Tiếng cánh cửa mở ra phía trên đầu kéo tôi ra khỏi dòng suy tưởng. Dougal nhanh chóng xuất hiện sau tiếng bước chân thành thịch, với Đại úy Randall theo sát gót. Thực sự là quá sát, đến nỗi viên Đại úy như đang bám riết vị thủ lĩnh người Scot, và đứng khựng lại lúc Dougal dừng đột ngột ở chân cầu thang khi ông ta nhìn thấy tôi.

Sau khi ngoảnh lại trừng mắt với Đại úy Randall, Dougal nhanh chóng bước tới chỗ tôi đang ngồi, ném một đồng tiền nhỏ lên bàn để thanh toán và lẳng lặng kéo tôi đứng dậy. Ông ta lôi tôi ra khỏi cửa nhanh đến nỗi tôi chẳng kịp thấy gì ngoài ánh mắt tính toán lạ thường trên mặt viên sĩ quan Áo đỏ.

Chúng tôi lên ngựa và rời đi trước khi tôi kịp vén những lớp váy lụng nhùng, và lớp vải phồng lên quanh tôi như một cái dù đang bùng bùng. Dougal im lặng, nhưng lũ ngựa có vẻ cảm nhận được sự gấp gáp của ông ta; chúng tôi gần như phi nước đại lúc đến đường chính.

Gần một giao lộ được đánh dấu bởi một cây thập tự của người Pict, Dougal đột ngột ghì cương ngựa. Ông ta nhả xuống, nắm lấy dây cương của cả hai con ngựa và cột hờ chúng vào một cái cây non. Ông ta giúp tôi leo xuống rồi đột ngột chui vào trong bụi rậm, ra hiệu cho tôi đi theo.

Tôi đi lên sườn đồi đằng sau chiếc váy dung đưa của ông ta, né tránh những nhánh cây bật lại sau khi bị ông ta gạt ra khỏi đường đi. Sườn đồi phủ đầy cây sồi và cây thông còi. Tiếng chim sẻ ngô vang lên trong bãi cây phía bên trái, và xa hơn là một đàn giẻ cùi riu rít gọi nhau cùng ăn. Bãi cỏ mang màu xanh mơn mớn của tiết đầu hè, những bụi cỏ cứng cáp nhô lên giữa những hòn đá và tạo thành một lớp thảm lót trên mặt đất bên dưới các gốc sồi. Đương nhiên, dưới chân những cây thông chẳng mọc thứ gì cả; thảm lá kim ở đó dày đến hàng chục phân, che chở cho các sinh vật nhỏ bé khỏi ánh nắng mặt trời và các loài dã thú.

Mùi hương gắt nồng khiến cổ họng tôi đau khé. Tôi đã từng lên những sườn đồi như thế này và ngửi mùi hương mùa xuân. Nhưng bây giờ hương thông và hương cỏ bị quyện lẫn với mùi xăng bốc lên từ con đường bên dưới và giọng nói của những người đi dạo chơi trong ngày thay thế cho tiếng chim giẻ cùi kia. Lần cuối tôi dạo bộ trên một con đường như thế, mặt đất rải rác giấy gói bánh sandwich và đầu mẫu thuốc lá thay vì những bông hoa cẩm quỳ và violet. Tôi cho rằng giấy gói bánh sandwich có vẻ là một cái giá hợp lý để trả cho những tiện ích mà nền văn minh mang lại như thuốc kháng sinh và điện thoại, nhưng vào lúc này, tôi sẵn sàng chọn những

bông violet. Tôi tha thiết cần một cảm giác yên bình nhỏ nhoi, và đã tìm thấy nó ở đây.

Dougal đột nhiên rẽ ngoặt ngay trước khi lên đến đỉnh đồi và biến mất trong một bụi đậu chổi dày. Tôi len lỏi đi theo ông ta, và thấy ông ta đang ngồi trên phiến đá bằng phẳng nằm ở mép của một con suối. Đằng sau ông ta là một tảng đá mòn nghiêng ngả, trên bề mặt nhem nhuốc của nó có khắc hình người lơ mờ. Đây hẳn là một suối nước thánh. Những miếu thờ nhỏ dành cho các vị thánh nằm rải rác khắp vùng cao nguyên, và thường được tìm thấy ở những địa điểm hẻo lánh như thế này. Thậm chí ngay cả trên này vẫn có những mảnh vải tã tơi bay phần phật trên các nhánh thanh lương trà nhô ra bên trên mặt nước; có lẽ đó là vật làm tin của các du khách tới cầu xin vị thánh sức khỏe hoặc một chuyến đi bình an.

Dougal gạt đầu khi tôi chui ra khỏi bụi cây. Ông ta làm dấu thánh giá, cúi đầu và chụm hai tay lại để vốc nước. Nước có màu sẫm đến kỳ lạ, và mùi của nó còn tệ hơn - giống như một con suối lưu huỳnh. Nhưng trời nóng mà tôi thì đang khát, vì vậy tôi cũng làm theo Dougal. Nước hơi đắng nhưng mát lạnh và không phải là không ngon. Tôi uống một chút rồi vã nước lên mặt. Con đường tôi vừa đi đầy bụi bặm.

Tôi ngẩng lên, mặt rỏ nước tong tỏng, và thấy ông ta đang nhìn tôi với một vẻ rất lạ. Trộn lẫn giữa tò mò và tính toán, tôi nghĩ vậy.

“Ông leo lên đây không phải chỉ để uống nước, đúng không?” Tôi nhẹ nhàng hỏi. Trên mình lũ ngựa có đeo những chai nước. Và tôi không nghĩ Dougal có ý định cầu xin vị thánh bảo hộ của con suối phù hộ chúng tôi trở về quán trọ an toàn. Tôi có ấn tượng rằng ông ta là tín đồ của những phương pháp trần tục hơn.

“Cô biết Đại úy rõ tới mức nào?” Ông ta đột ngột hỏi.

“Không nhiều bằng ông,” tôi cấm câu. “Trước ngày hôm nay, tôi mới gặp ông ta có một lần, và cũng là tình cờ. Chúng tôi không ưa gì nhau.”

Lạ một điều, khuôn mặt nghiêm nghị của ông ta sáng lên đôi chút.

“Chà,” ông ta thừa nhận, “ta không thể nói là mình ưa hẳn.” Ông ta gõ gõ các ngón tay trên phiến đá, suy ngẫm gì đó. “Nhưng vài người lại đánh giá cao hẳn,” Dougal nói, nhìn tôi. “Theo những gì ta nghe được, hẳn là một người lính dũng cảm và một chiến binh khỏe mạnh.”

Tôi nhướn mày. “Vì tôi không phải là một vị tướng người Anh nên tôi chẳng thấy ấn tượng gì.”

Ông ta cười, phô ra hàm răng trắng đến đáng kinh ngạc. Tiếng cười ấy khiến ba con quạ đang đậu ở ngọn cây trên đầu chúng tôi vỗ cánh bay đi, khàn khàn kêu lên những tiếng phàn nàn.

“Cô là gián điệp cho quân Anh hay quân Pháp?” Ông ta đột ngột thay đổi chủ đề. Ít nhất ông ta cũng đang thẳng thắn.

“Tôi không phải gián điệp,” tôi giận dữ nói. “Tôi chỉ đơn thuần là Claire Beauchamp, thế thôi!” Tôi nhúng khăn tay vào nước và lau cổ. Những dòng nước nhỏ mát lạnh chảy dọc lưng tôi bên dưới lớp vải xạc màu xám làm tôi tỉnh táo. Tôi lại ấn cái khăn ướt vào ngực và vắt nhẹ, tạo ra kết quả tương tự.

Dougal im lặng trong vài phút, chăm chú quan sát tôi.

“Cô đã thấy lưng của Jamie,” ông ta đột nhiên nói.

“Sao tôi có thể không thấy được chứ,” tôi lạnh lùng nói. Tôi chẳng buồn thắc mắc ông ta định mưu toan gì với những câu hỏi rời rạc thế này. Có lẽ ông ta sẽ nói cho tôi hay khi nào ông ta sẵn sàng.

“Ý ông là tôi có biết Randall đã gây ra vết thương của anh ta không ư? Mà ông có biết việc đó không?”

“Có, *ta* biết rõ việc đó,” ông ta trả lời, điềm tĩnh đánh giá tôi, “nhưng ta không biết là *cô* cũng biết.”

Tôi nhún vai, ám chỉ rằng những gì tôi biết và những gì tôi không biết chẳng phải là điều mà ông ta cần bận tâm.

“Ta đã ở đó,” ông ta nói, vẻ hờ hững.

“Ở đâu cơ?”

“Pháo đài William. Lúc ấy ta có chút việc với quân đồn trú. Viên thư ký ở đó biết Jamie là bà con với ta nên đã báo tin cho ta khi họ bắt giữ nó. Vì vậy ta đã tới để xem có thể làm gì cho nó không.”

“Rõ ràng là ông không thành công lắm,” tôi cúi kính nói.

Dougal nhún vai. “Rủi thay. Nếu người phụ trách hôm đó là viên thượng sĩ thường ngày thì ít nhất ta có thể cứu được Jamie khỏi trận đòn thứ hai, nhưng như cô thấy đấy, Randall là chỉ huy mới. Hẳn không biết ta và không muốn nghe ta nói. Lúc đó, ta đã nghĩ hẳn có ý định lấy Jamie làm gương để cho mọi người thấy hẳn sẽ không nhân nhượng chuyện gì hết.” Dougal gõ gõ vào thanh đoản kiếm mà ông ta đeo ở thắt lưng. “Đó là một nguyên tắc đúng đắn khi cô làm chỉ huy. Phải giành được sự tôn trọng của cấp dưới trước tiên. Nếu không thể, hãy làm cho họ e sợ.”

Tôi nhớ lại vẻ mặt của viên Hạ sĩ, và nghĩ rằng tôi biết gã Đại úy đã lựa chọn con đường nào.

Đôi mắt sâu hoắm của Dougal đang chăm chú nhìn vào mặt tôi.

“Cô biết thủ phạm là Randall. Jamie kể cho cô nghe à?”

“Một chút,” tôi thận trọng nói.

“Hẳn là nó nghĩ tốt về cô,” ông ta dăm chiêu nói. “Nó thường không kể việc đó với bất cứ ai.”

“Tại sao lại không chứ,” tôi nói, vẻ khiêu khích. Tôi vẫn nín thở mỗi lần chúng tôi tới một quán rượu hay quán trọ mới, cho đến khi thấy rõ rằng đêm đó đoàn chúng tôi sẽ chỉ uống rượu và tán gẫu bên ánh lửa. Dougal mỉm cười giễu cợt, rõ ràng ông ta biết trong đầu tôi đang nghĩ gì.

“Chà, nó không cần phải kể với ta, đúng không? Vì ta đã biết rồi.” Ông ta khuấy tay xuống làn nước sẫm kỳ lạ, khiến mùi lưu huỳnh bốc lên.

“Tôi không biết ở Oxfordshire thì thế nào,” ông ta nói, với sự nhấn mạnh đầy mỉa mai khiến tôi hơi lúng túng, “nhưng ở đây, phụ nữ thường không được chứng kiến những cảnh tượng như quất roi. Cô đã bao giờ nhìn thấy một vụ quất roi chưa?”

“Chưa, và tôi cũng không muốn lắm,” tôi sắc sảo đáp. “Nhưng tôi có thể tưởng tượng trận đòn ấy phải dữ dội chừng nào mới có thể tạo ra các dấu vết như ở trên lưng Jamie.”

Dougal lắc đầu, té nước vào một con giẻ cùi tò mò dám đánh bạo tiến lại gần.

“Cô nhầm rồi. Mong cô thứ lỗi khi ta nói thế. Tưởng tượng cũng tốt, nhưng không thể sánh nổi với việc tận mắt chứng kiến một người đàn ông bị quát roi đến rách lưng. Điều đó thực sự rất gớm ghiếc - nó có thể làm cho một người đàn ông suy sụp.”

“Nhưng Jamie thì không.” Tôi nói với giọng sắc bén hơn dự định. Jamie là bệnh nhân của tôi, trong chừng mực nào đó, anh ta còn là bạn của tôi nữa. Tôi không muốn bàn luận về chuyện riêng của anh ta với Dougal, dù tôi buộc lòng phải thừa nhận là mình cũng rất tò mò. Tôi chưa từng gặp ai vừa cởi mở vừa bí ẩn hơn anh chàng MacTavish cao lớn ấy.

Dougal cất tiếng cười ngẩn và đưa bàn tay ướt lên vuốt lại những lọn tóc đã xổ ra trong lúc cười ngửa.

“Chà, Jamie cứng đầu hệt như những người còn lại trong gia đình nó - bọn họ cứ như những hòn đá vậy, và nó là đứa cứng đầu nhất.” Nhưng trong giọng ông ta có một sắc thái kính trọng nhất định, dù là miễn cưỡng.

“Jamie kể với cô nó bị đánh vì vượt ngục?”

“Vâng.”

“Ừ, nó trèo qua tường trại giam ngay buổi tối cái ngày đám kỵ binh đưa nó vào đó. Đó là một sự kiện xảy ra khá thường xuyên vì các phòng giam không chắc chắn như mong muốn, do đó đêm nào cũng có các nhóm lính đi tuần tra gần các bức tường. Viên thư ký của quân đồn trú kể với ta rằng Jamie đã chống trả rất quyết liệt - nhìn bề ngoài của nó khi bị tống lại vào phòng giam là đủ biết - nhưng đó là một cuộc chiến sáu chọi một, và cả sáu người kia đều mang súng hỏa mai, vì vậy nó không thể cầm cự lâu. Jamie bị xích cả đêm, và bị dẫn đến cột quát roi ngay từ lúc sáng sớm.”

Ông ta ngừng lại, chắc là để kiểm tra xem ở tôi có các dấu hiệu muốn ngất xỉu hay buồn nôn không.

“Các vụ quất roi được thực hiện ngay sau tiếng kèn tập hợp để lên tinh thần cho mọi người. Hôm đó có ba người bị đánh, và Jamie là kẻ cuối cùng trong số họ.”

“Ông đã thực sự *chứng kiến* trận đòn đó?”

“Đúng vậy. Nói cho cô biết nhé, nhìn thấy người ta bị vụt chẳng phải là điều thú vị gì. Dù may mắn chưa từng trải qua nhưng ta nghĩ bị quất roi cũng chẳng mấy dễ chịu. Và nhìn việc đó xảy ra với người khác trong khi chờ đến lượt mình có lẽ là điều khủng khiếp nhất.”

“Tôi không nghi ngờ điều đó,” tôi lẩm bẩm.

Dougal gật đầu. “Jamie trông rất căng thẳng, nhưng nó không tỏ vẻ sợ hãi, ngay cả khi nghe thấy những tiếng thét và những âm thanh khác - cô có biết là cô có thể *nghe thấy* da thịt rách toạc không?”

“Eo ôi!”

“Ta cũng đã thềm kêu lên như vậy đấy,” ông ta nói, nhìn mặt khi nhớ lại. “Chưa kể máu và các vết bầm tím. Úi chà!” Ông ta nhổ nước bọt, cẩn thận tránh con suối. “Chứng kiến cảnh tượng ấy khiến dạ dày ta nhộn nhạo, mà ta vốn không phải người dễ buồn nôn.”

Dougal tiếp tục câu chuyện đáng ghê tởm ấy.

“Đến lượt Jamie, nó bước tới cái cột - vài người phải bị lôi đi, nhưng nó thì không - và giơ tay ra để viên hạ sĩ có thể tháo cái cùm mà nó đang đeo. Viên hạ sĩ kéo cánh tay nó, ờ, để lôi nó vào vị trí, nhưng Jamie giăng ra và lùi lại một bước. Ta cứ nghĩ nó sẽ bỏ chạy, nhưng hóa ra nó chỉ cởi áo. Cái áo rách lỗ chỗ và bẩn như một miếng giẻ lau, nhưng nó gấp lại cẩn thận như thể đó là cái áo đẹp nhất của nó, và đặt xuống đất. Rồi nó bước tới cái cột, vững vàng như một người lính và giơ tay lên để bị trói.”

Dougal lắc đầu, tỏ vẻ kinh ngạc. Ánh nắng lọt qua những kẽ lá thanh lương trà, lấm chấm trên người ông ta, khiến ông ta trông giống như được

nhìn qua một chiếc khăn lót bằng đấng ten. Tôi mỉm cười trước ý nghĩ ấy. Tưởng rằng tôi phản ứng như vậy là vì câu chuyện của ông ta, ông ta gật đầu tán đồng với tôi.

“Ừ, hiếm có ai can đảm như thế. Không phải là nó không biết gì; nó vừa mới nhìn thấy hai người bị quất roi và biết mình sắp phải chịu chung số phận với họ. Chỉ là nó hiểu rằng chẳng thể ngăn được việc đó. Sự gan dạ trong chiến trận không phải là điều xa lạ với một người Scot, cô biết đấy, nhưng đánh bại nỗi sợ hãi bằng vẻ máu lạnh lại là điều vô cùng hiếm hoi. Bây giờ nó mới mười chín tuổi chứ mấy,” Dougal nói thêm như thể chột nghĩ ra.

“Chứng kiến cảnh đó hẳn là khủng khiếp lắm,” tôi mỉa mai nói. “Tôi ngạc nhiên khi ông không bị nôn đấy.”

Dougal nhận thấy sự châm biếm nhưng mặc kệ nó. “Ta cũng suýt bị nôn đấy chứ,” ông ta nói, nhướn đôi lông mày sẫm màu. “Máu tóe ra ngay từ cú roi đầu tiên, và trong vòng một phút, tấm lưng thẳng bé đã biến thành nửa đỏ nửa tím. Nhưng nó không la hét, van xin hay vãn vẹo người để cố gắng tự cứu mình. Nó chỉ cụng mạnh trán vào cây cột và đứng yên đó. Nó nhăn nhó khi ngọn roi quất trúng, đương nhiên, nhưng không có phản ứng gì khác. Ta nghĩ nếu là ta thì sẽ không thể làm được như thế,” ông ta thừa nhận, “và chắc rằng nhiều người khác cũng vậy. Nó ngất xỉu khi mới bị quất một nửa số roi, và chúng hắt nước vào mặt nó để đánh thức nó dậy, tiếp tục trận đòn.”

“Kinh khủng quá,” tôi thốt lên. “Tại sao ông lại kể với tôi chuyện này?”

“Ta chưa kể xong mà.” Dougal rút con dao găm ra khỏi thắt lưng và bắt đầu dùng mũi của nó để cạy ghét ở các móng tay. Ông ta là một người đàn ông kĩ tính, bất chấp những khó khăn của việc giữ vệ sinh sạch sẽ khi đi lại trên đường.

“Jamie đổ sụp người xuống khi tay vẫn đang bị trói, máu chảy ròng ròng thấm đầm váy của nó. Ta không nghĩ nó bị ngất, nó chỉ chóng mặt đến

mức không thể đứng nổi nữa. Nhưng đúng lúc đó, Đại úy Randall bước xuống sân. Ta không biết tại sao hắn lại không có mặt ngay từ đầu; có lẽ vì có việc gì đó trì hoãn hắn. Dù sao đi nữa, khi thấy hắn xuất hiện, Jamie vẫn còn đủ nhanh trí để nhắm mắt và gục đầu xuống, như thể nó đã bất tỉnh.”

Dougal nhíu mày, tập trung hết sức vào một chỗ xước măng rô cứng đầu cứng cổ.

“Gã Đại úy khá điên tiết khi thấy Jamie đã bị đánh; có vẻ như hắn muốn dành niềm khoái lạc ấy cho chính mình. Tuy nhiên, hắn chẳng thể làm gì được nữa. Nhưng rồi hắn nghĩ đến việc điều tra xem làm thế nào mà Jamie bỏ trốn được.”

Ông ta giơ con dao lên, kiểm tra xem có vết mẻ nào không, rồi bắt đầu mài lưỡi dao vào phiến đá mà ông ta đang ngồi. “Trước khi hắn tra hỏi xong, đã có vài binh lính run như cầy sấy - ta phải công nhận rằng gã đó có miệng lưỡi thật ghê gớm.”

“Đúng thế,” tôi nói với vẻ giễu cợt.

Con dao nhip nhàng cọ vào phiến đá. Chốc chốc, một tia lửa yếu ớt lại lóe lên từ lưỡi kim loại khi nó cọ vào một chỗ sần sùi.

“Trong quá trình tra hỏi, hắn phát hiện ra khi bị bắt lại, trên người Jamie có một cái cùi bánh mỳ và một mẫu pho mát. Gã Đại úy suy nghĩ một thoáng, rồi mỉm một nụ cười mà ta sẽ không muốn nhìn thấy trên mặt bà của ta. Hắn tuyên bố rằng ăn cắp là một trọng tội, hình phạt nên xứng tầm, và kết án Jamie phải chịu thêm một trăm roi nữa ngay tại chỗ.”

Tôi không kìm được nhăn nhó. “Như thế anh ta sẽ chết mất!”

Dougal gật đầu. “Ừ, viên bác sĩ của đơn vị đồn trú cũng nói vậy. Ông ta nói rằng ông ta không cho phép một việc như thế; nếu có lương tâm, tù nhân phải được nghỉ ngơi một tuần để bình phục trước khi nhận trận đòn roi thứ hai.”

“Chà, ông ấy thật nhân đạo,” tôi nói. “Có lương tâm ư! Xì! Đại úy Randall nghĩ sao?”

“Ban đầu hẳn không hài lòng, nhưng cuối cùng đành phải chấp nhận. Sau đó, viên Thượng sĩ, vốn biết rõ thế nào là một kẻ ngất xỉu thực sự, đã cười trối cho Jamie. Thăng bé lão đảo một chút, nhưng nó vẫn đứng được, và một vài người có mặt ở đó hoan hô cổ vũ khiến gã Đại úy không vui vẻ lắm. Hẳn cũng chẳng hài lòng tí nào khi viên Thượng sĩ nhặt áo của Jamie lên và đưa trả cho nó, dù đó là một hành động rất đổi bình thường đối với những người đàn ông.”

Dougal lật đi lật lại lưỡi dao, kiểm tra nó một cách tỉ mỉ. Rồi ông ta đặt nó ngang đầu gối và nhìn thẳng vào tôi.

“Cô biết đấy, khá là dễ dàng để tỏ ra dũng cảm khi ngồi bên ly bia trong một quán rượu ấm áp. Nhưng sẽ không dễ dàng lắm khi ngồi bệt trên một cánh đồng lạnh lẽo, với những viên đạn hỏa mai bay vèo vèo trên đầu và những đám thạch nam làm nhột mông cô. Và càng ít dễ dàng hơn nữa lúc cô đứng đối mặt với kẻ thù, khi máu của chính mình chảy ròng ròng xuống chân.”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” tôi nói. Cảm thấy hơi ngọt nhạt, tôi bèn thọc cả hai tay xuống nước, để cho thứ chất lỏng tối đen ấy làm lạnh cổ tay mình.

“Ta đã quay lại để gặp Randall trong tuần đó,” Dougal dè dặt nói, như thể cảm thấy cần phải bào chữa đôi chút cho hành động ấy. “Ta và hẳn nói chuyện một chút, thậm chí ta còn ngờ ý nộ tiền bồi thường...”

“Ồ, cảm động quá,” tôi lẩm bẩm, nhưng ngừng lại trước cái trừng mắt của ông ta. “Tôi nói thực lòng mà. Ông thật tốt bụng. Nhưng tôi đoán Randall từ chối lời đề nghị của ông?”

“Đúng, hẳn đã từ chối. Và ta vẫn không hiểu tại sao, vì ta chưa thấy viên sĩ quan người Anh nào chê tiền như vậy, mà quần áo hẳn mặc khá là đắt đỏ đấy chứ.”

“Có lẽ hẳn ta... có những nguồn thu nhập khác,” tôi gợi ý.

“Đúng là hẳn có,” Dougal xác nhận, nhưng liếc nhìn tôi với ánh mắt sắc sảo, “tuy nhiên...” ông ta ngập ngừng, rồi nói tiếp một cách chậm rãi hơn.

“Sau đó, ta quay lại khi Jamie bị đưa ra trừng phạt lần thứ hai, nhưng lúc đó ta không thể làm được gì cho nó nữa, thằng bé tội nghiệp.”

Lần thứ hai, Jamie là tù nhân duy nhất bị quất roi. Các lính canh đã lột áo của anh ta trước khi dẫn anh ta ra, ngay sau khi mặt trời lên vào một buổi sáng tháng Mười lạnh giá.

“Ta có thể thấy thằng bé sợ chết khiếp,” Dougal nói, “mặc dù nó đang tự đi và không để cho tên lính canh nào chạm vào mình. Ta có thể thấy nó run rẩy, vừa vì lạnh vừa vì căng thẳng, và gai ốc nổi đầy trên hai cánh tay và ngực nó, nhưng trên mặt nó lại vã đầy mồ hôi.”

Một vài phút sau, Randall bước ra, cái roi kẹp dưới cánh tay, và những hòn chì ở đầu các ngọn roi va vào nhau leng keng theo nhịp bước chân hần. Hần lạnh lùng nhìn Jamie, rồi ra hiệu cho viên Thượng sĩ xoay người phạm nhân lại để giơ tấm lưng ra.

Dougal nhăn mặt. “Một cảnh tượng đáng thương, tấm lưng nó vẫn còn chưa lành với những lằn roi thâm sì và những vết bầm vàng khè. Chỉ cần nghĩ tới một ngọn roi vụt xuống đó đã đủ khiến ta bủn rủn, nói gì đến việc phải chứng kiến.”

Sau đó, Randall quay sang viên Thượng sĩ và nói: “Làm tốt lắm, Thượng sĩ Wilkes. Ta phải xem liệu ta có thể làm được như vậy không.” Rồi hần cho gọi bác sĩ của đơn vị đồn trú và lệnh cho ông ta chứng nhận rằng Jamie có đủ sức khỏe để bị quất roi.

“Cô đã nhìn thấy một con mèo vờn một con chuột nhắt chưa?” Dougal hỏi. “Tình cảnh lúc ấy cũng giống như thế đó. Randall thông thả bước quanh thằng bé, nói vô số những lời khó nghe. Còn Jamie thì đứng hiên ngang như một cây sồi, không nói năng gì, chỉ dán chặt mắt vào cây cột, chẳng thèm liếc nhìn Randall. Ta có thể nhận ra thằng bé đang ôm chặt hai khuỷu tay để cố gắng ngăn mình khỏi run rẩy, và chắc là Randall cũng nhìn thấy.”

“Hần nhếch miệng nói: “Chàng trai này chỉ mới một tuần trước thôi còn hét lên rằng mình không sợ chết. Nếu đã không sợ chết thì chắc là cũng

không sợ một vài ngọn roi đâu nhỉ?” Rồi hấn thúc cán roi vào bụng Jamie.

“Jamie bèn nhìn thẳng vào mắt Randall và nói: “Tôi không sợ, nhưng tôi e rằng mình sẽ bị đông cứng trước khi ông nói xong.”

Dougal thở dài. “Chà. Câu đối đáp của nó nghe thì hay đấy, nhưng quá sức liều lĩnh. Bị đánh bằng roi chẳng phải là việc dễ chịu gì, nhưng có những cách khiến nó còn trở nên tồi tệ hơn; chẳng hạn như quất ngang ngọn roi để vết rách toác sâu, hoặc xen vào một cú đấm thật mạnh phía trên thân.” Ông ta lắc đầu. “Rất đáng sợ.”

Ông ta cau mày, chậm rãi lựa chọn từ ngữ.

“Khuôn mặt Randall - rất chăm chú, ta cho là cô sẽ nhận xét như vậy - và hơi sáng lên, giống như một người đàn ông nhìn cô gái mà anh ta phải lòng. Như thể hẳn đang làm một trò tồi tệ hơn nhiều so với việc lột da sống Jamie. Đến cú quất thứ mười lăm, máu chảy dọc theo hai chân thẳng bé, và những giọt nước mắt quỵện lấn mờ hôi tuôn rùng rùng trên mặt nó.”

Tôi hơi chao đảo, và giơ tay bám vào phiến đá.

“Chà,” ông ta đột ngột nói khi bắt gặp biểu cảm của tôi. “Tôi sẽ không nói gì hơn ngoài việc nó vẫn sống sót sau trận đòn đó. Khi viên Hạ sĩ cởi dây trói ở tay nó, nó suýt thì ngã khụy xuống, nhưng viên Hạ sĩ và Thượng sĩ mỗi người tóm lấy một cánh tay để đỡ nó. Nó run rẩy hơn bao giờ hết vì sốc và lạnh, nhưng dù đứng cách khoảng sáu mét, tôi vẫn có thể nhìn thấy đầu nó ngẩng cao và mắt nó sáng quắc. Lúc họ dìu nó xuống khỏi bụi, để lại những dấu chân máu me, nó cứ gấn chặt mắt vào Randall - như thể nhìn thẳng vào Randall là điều duy nhất giúp nó đứng vững vậy. Mặt Randall tái nhợt gần bằng mặt Jamie, và đôi mắt hấn khóa chặt mắt thẳng bé - cứ như cả hai người họ đều sẽ ngã xuống nếu hấn dời mắt đi.” Đôi mắt Dougal bất động như vẫn đang nhìn thấy cảnh tượng kỳ quái ấy.

Vạn vật trong trảng đất nhỏ này đều tĩnh lặng ngoại trừ luồng gió nhẹ lùa qua đám lá thanh lương trà. Tôi nhắm mắt và lắng nghe tiếng rì rào ấy một lúc.

“Tại sao?” Cuối cùng tôi hỏi, mắt vẫn nhắm. “Tại sao ông lại kể với tôi chuyện này?”

Khi tôi mở mắt ra, Dougal đang nhìn tôi chăm chú. Tôi lại vốc tay xuống nước, vĩa dòng nước mát lạnh lên hai bên thái dương.

“Ta nghĩ câu chuyện này có thể dùng để khắc họa tính cách,” ông ta nói.

“Của Randall ư?” Tôi cười nhạt. “Tôi chẳng cần thêm bằng chứng nào về nhân cách của hắn ta, cảm ơn ông.”

“Của Randall,” ông ta đồng tình, “và cả Jamie nữa.”

Tôi nhìn ông ta, đột nhiên cảm thấy không thoải mái.

“Cô thấy đấy, ta đã nhận được *những mệnh lệnh*,” ông ta mĩa mai nhấn mạnh từ đó, “của vị Đại úy tài ba.”

“Mệnh lệnh gì vậy?” Tôi hỏi, cảm giác căng thẳng dâng lên.

“Dẫn một thân dân Anh có tên là Claire Beauchamp đến trình diện ở pháo đài William vào thứ Hai, ngày Mười tám tháng Sáu. Để thẩm vấn.”

Hắn là trông mặt tôi có vẻ kinh hãi lắm, vì ông ta đứng bật dậy và tới chỗ tôi.

“Hãy đặt đầu vào giữa hai đầu gối,” ông ta hướng dẫn, đẩy gáy tôi, “cho đến khi cơn choáng váng qua đi.”

“Tôi biết phải làm gì,” tôi cáu kỉnh nói, nhưng vẫn làm theo lời ông ta. Tôi nhắm mắt, cảm thấy máu lại bắt đầu rần rật chảy hai bên thái dương. Cảm giác lạnh và ẩm ướt quanh mặt và tai bắt đầu biến mất, dù hai bàn tay tôi vẫn còn giá buốt. Tôi tập trung hít thở đúng cách, đếm vào một-hai-ba-bốn, *ra* một-hai, *vào* một-hai-ba-bốn...

Sau cùng, tôi ngồi thẳng dậy, cảm thấy mình ít nhiều đã kiểm soát được cơ thể. Dougal đã về lại chỗ ngồi của mình, kiên nhẫn chờ đợi và quan sát để chắc chắn rằng tôi không bị ngã ngửa xuống suối.

“Có một cách để thoát khỏi việc đó,” ông ta đột nhiên nói. “Cách duy nhất mà ta có thể nghĩ ra.”

“Nói cho tôi biết đi,” tôi nói, gắng gượng mỉm cười.

“Được thôi.” Ông ta cúi người về phía tôi để giải thích. “Randall có quyền bắt cô để thẩm vấn bởi vì cô là một thần dân của vương triều Anh. Vậy thì chúng ta phải thay đổi điều đó.”

Tôi nhìn ông ta chăm chăm, không hiểu gì. “Ý ông là sao? Ông cũng là một thần dân của vương triều, không phải ư? Làm thế nào mà ông thay đổi được một điều như thế?”

“Luật lệ của người Scot và người Anh rất giống nhau,” ông ta nói, cau mày, “nhưng không phải là một. Và một sĩ quan người Anh không thể ép buộc một người Scot làm gì, trừ phi hắn có bằng chứng chắc chắn hoặc có lý do chính đáng để nghi ngờ người Scot kia đã phạm tội. Ngay cả khi có sự nghi ngờ, hắn cũng không thể mang một thần dân Scotland ra khỏi lãnh địa của thị tộc nếu không được sự cho phép từ vị lãnh chúa của người đó.”

“Ông đã nói chuyện với Ned Gowan,” tôi nói, lại bắt đầu cảm thấy hơi chóng mặt.

Ông ta gật đầu. “Đúng vậy. Ta đã nghĩ chuyện có thể tới nước này, cô biết đấy. Và những gì ông ta nói với ta cũng là những gì bản thân ta nghĩ, cách duy nhất ta có thể từ chối giao cô cho Randall một cách hợp pháp là biến cô từ một phụ nữ Anh thành một người Scot.”

“Thành một người Scot ư?” Tôi nói, một nỗi nghi ngờ khủng khiếp nhanh chóng thay thế cho cảm giác hoa mày chóng mặt.

Nỗi nghi ngờ ấy được chứng thực bởi những lời tiếp theo của ông ta.

“Phải,” ông ta gật đầu, nói. “Cô phải kết hôn với một người Scot. Thành nhỏ Jamie.”

“Tôi không thể làm thế!”

“Chà,” ông ta cau mày, cân nhắc. “Thế thì cô có thể lấy Rupert. Cậu ta là người góa vợ và có một trang trại nhỏ cho thuê. Tuy nhiên, cậu ta hơi già

và...”

“Tôi cũng không muốn lấy Rupert! Đó là... là chuyện lố bịch nhất...”
Chẳng tìm được từ nào để nói, tôi nhảy bật dậy trong nỗi kích động, bước vòng quanh khoảnh đất trống, nghiền nát những quả thanh lương trà rụng.

“Jamie là một chàng trai tốt,” Dougal vẫn ngồi trên phiến đá ở mép suối, nói lý lẽ với tôi. “Đúng là bây giờ nó chẳng có tài sản gì mấy, nhưng nó là người nhân hậu. Nó sẽ không đối xử tệ bạc với cô. Và lại, nó là một chiến binh khỏe mạnh, và căm hận Randall. Nếu cô kết hôn với nó, nó sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ cô.”

“Nhưng... nhưng tôi *không thể lấy ai cả!*” Tôi bật thốt.

Đôi mắt Dougal đột nhiên trở nên sắc bén. “Tại sao lại không? Cô có chồng và chồng cô vẫn còn sống à?”

“Không. Chỉ là... chuyện này thật lố bịch! Tôi chưa từng thấy chuyện nào như thế!”

Dougal tỏ ra nhẹ nhõm khi tôi nói “không”. Ông ta ngược nhìn mặt trời và nhồm dậy để đi.

“Chúng ta nên về thôi. Có nhiều việc phải chuẩn bị lắm. Phải có được phép chuẩn^[21] đặc biệt,” ông ta lẩm bẩm, như thể đang tự nói với chính mình. “Nhưng Ned có thể xoay sở việc đó.”

Ông ta nắm lấy cánh tay tôi, vẫn lẩm bẩm. Tôi giật tay ra.

“Tôi sẽ không lấy ai cả,” tôi kiên quyết nói.

Ông ta chẳng hề tỏ ra bối rối mà chỉ nhướng mày.

“Cô *muốn* ta đưa cô tới chỗ Randall?”

“Không!” Trong đầu tôi chợt nảy ra một ý. “Vậy là ít ra ông tin tôi không phải gián điệp của quân Anh?”

“Bây giờ thì ta tin.” Ông ta nói, hơi nhấn mạnh.

“Tại sao bây giờ ông mới tin?”

Ông ta hất đầu về phía con suối và hình khắc lờ mờ trên tảng đá. Nó hẳn đã hàng trăm năm tuổi, già hơn cả cây thanh lương trà khổng lồ tỏa bóng mát cho con suối và thả những bông hoa trắng muốt xuống mặt nước tối đen.

“Suối Thánh Ninian. Cô đã uống nước trước khi ta hỏi cô.”

Tôi ngơ ngác.

“Điều đó thì liên quan gì?”

Ông ta có vẻ ngạc nhiên, rồi nhếch miệng cười. “Cô không biết sao? Họ gọi nó là suối dành cho kẻ nói dối nữa đấy. Nước suối có mùi hương của địa ngục. Bất cứ ai uống nước mà nói lời không thật thì cổ họng sẽ bị cháy.”

“Ra thế.” Tôi nghiêng răng nói. “Chà, cổ họng tôi vẫn còn nguyên vẹn. Vì vậy ông có thể tin tôi khi tôi nói tôi không phải là một gián điệp, dù là cho quân Anh hay quân Pháp. Và ông có thể tin một điều nữa, Dougal MacKenzie. Tôi sẽ không lấy ai cả!”

Ông ta không nghe. Thực tế, ông ta đã len lỏi qua những bụi cây bao quanh con suối. Chỉ có một nhánh sồi lay động chỉ ra đường đi của ông ta. Giận sôi người, tôi đành đi theo ông ta.

...

Tôi phản kháng thêm một lúc nữa trên đường quay lại quán trọ. Cuối cùng, Dougal khuyên tôi nên giữ lại hơi sức để còn thổi ngụi cháo yến mạch, sau đó chúng tôi cười ngửa trong im lặng.

Tới quán trọ, tôi hất dây cương xuống đất và giậm chân bình bịch lên gác để về phòng mình.

Toàn bộ ý tưởng này không chỉ kỳ quặc mà còn không thể tưởng tượng nổi. Tôi đi đi lại lại quanh căn phòng hẹp, cảm thấy mình càng ngày càng giống một con chuột bị mắc bẫy. Tại sao tôi không có can đảm để lên

rời khỏi đám người Scot này sớm hơn chứ, cho dù phải đối mặt với những nguy cơ gì?

Tôi ngồi xuống giường và cố gắng suy nghĩ một cách điềm tĩnh. Nghiêm túc cân nhắc theo quan điểm của Dougal thì rõ ràng ý tưởng này rất tuyệt vời. Nếu ông ta thắng thường từ chối giao tôi cho Randall mà không có lý do gì, viên Đại úy có thể dễ dàng dùng vũ lực để bắt tôi đi. Cho dù có tin tôi hay không, Dougal ắt hẳn không muốn bị cuốn vào một cuộc xung đột với cả đám kỵ binh Anh vì tôi.

Nếu xem xét một cách máu lạnh, ý tưởng này còn có lợi cho tôi nữa. Nếu tôi kết hôn với một người Scot, có lẽ tôi sẽ không còn bị canh chừng. Như thế, khi đến thời điểm thích hợp, tôi sẽ dễ dàng bỏ đi hơn. Và nếu người tôi kết hôn là Jamie - chà, anh ta rõ ràng thích tôi. Và anh ta biết rõ về vùng cao nguyên như lòng bàn tay mình. Có lẽ anh ta sẽ đưa tôi tới Craigh na Dun, hoặc ít nhất cũng chỉ đường cho tôi. Có lẽ hôn nhân là cách tốt nhất để tôi đạt được mục đích.

Tuy nhiên, máu tôi không lạnh chút nào. Tôi đang nóng bừng vì thịnh nộ và kích động, không thể đứng yên một chỗ mà cứ đi tới đi lui, đầu óc bốc hỏa, cố gắng tìm kiếm một lối thoát. Bất cứ lối nào. Sau một tiếng đồng hồ như thế, mặt tôi đỏ bừng và đầu tôi giật giật. Tôi đứng dậy, mở cánh cửa chớp, thò đầu ra ngoài tận hưởng làn gió mát lành.

Có tiếng gõ cửa dứt khoát vang lên ở đằng sau. Dougal bước vào khi tôi rụt đầu lại. Ông ta mang theo một thếp giấy cứng ngắt như đang bê một cái mâm bạc, theo sau là Rupert và Ned Gowan chính tề, trông như những quan hầu hoàng gia.

“Xin mời vào,” tôi lịch sự nói.

Lờ tôi đi như thường lệ, Dougal gạt cái xô ra khỏi chỗ của nó trên bàn và trình trọng xòe đám giấy tờ ra trên mặt gỗ sồi xù xì.

“Tất cả đã xong,” ông ta nói, với niềm kiêu hãnh của một người đã hoàn thành xong một kế hoạch khó khăn. “Ned đã thảo đồng giấy tờ này;

bình thường, khi ở bên cạnh cô, trông ông ấy chẳng giống một luật sư chút nào - đúng không hở, Ned?”

Đám đàn ông đều cười rộ lên, rõ ràng họ đang có tâm trạng vui vẻ.

“Cũng không khó khăn gì lắm,” Ned khiêm tốn nói. “Đó chỉ là một hợp đồng đơn giản.” Ông ta dùng ngón trỏ lật giở các trang, rồi ngừng lại, cau mày trước một ý nghĩ bất chợt ập đến.

“Cô không có điền sản gì ở Pháp, đúng không?” Ông ta hỏi, lo lắng nhìn tôi qua cặp kính mà ông ta đeo mỗi khi làm công việc giấy tờ. Tôi lắc đầu, và ông ta tỏ vẻ nhẹ nhõm, xếp lại mớ giấy tờ thành một chồng và vỗ cho các mép bằng với nhau.

“Vậy thì xong rồi. Cô chỉ cần ký tên vào đây, Dougal và Rupert sẽ làm chứng.”

Viên luật sư đặt lọ mực mà ông mang theo xuống, rút một cái bút lông sạch sẽ ra khỏi túi áo, trình trọng chìa ra cho tôi.

“Nhưng đây là cái gì?” Tôi hỏi. Câu hỏi này chỉ mang tính chất tu từ, vì trang trên cùng của đồng giấy tờ có ghi rõ bằng mực đen chữ HÔN KHẾ cao năm phân và hết sức bay bướm.

Dougal nén lại một tiếng thở dài sốt ruột trước sự cứng đầu của tôi.

“Cô biết rõ nó là gì,” ông ta nói cộc lốc. “Và nếu cô không có một ý kiến sáng suốt nào khác để thoát khỏi tay Randall thì cô hãy ký cho xong đi. Không có nhiều thời gian đâu.”

Lúc này tôi khó mà nghĩ ra được ý kiến sáng suốt nào, cho dù tôi đã dành cả tiếng đồng hồ để cố gắng giải quyết vấn đề. Sau một hồi suy đi tính lại, tôi bắt đầu cảm thấy rằng lựa chọn kỳ quặc này chính là điều tốt nhất mà mình có thể làm.

“Nhưng tôi không *muốn* kết hôn!” Tôi bướng bỉnh nói. Rồi tôi chợt nghĩ ra có lẽ không chỉ mình tôi có suy nghĩ như vậy. Tôi nhớ tới cô gái tóc vàng hoe đã hôn Jamie ở trong hốc tường của lâu đài.

“Và có lẽ Jamie cũng không muốn lấy tôi!” Tôi nói. “Chuyện đó thì sao?” Dougal gạt câu hỏi này đi như thể đó là việc không quan trọng.

“Jamie là một chiến binh; nó sẽ làm theo những gì được bảo. Cô cũng vậy,” ông ta nhấn mạnh, “đương nhiên là trừ phi cô thích nhà lao của Anh hơn.”

Tôi trừng mắt nhìn ông ta, hơi thở dồn dập. Tôi đã bị kích động từ lúc đột ngột rời khỏi văn phòng của Randall, và sự kích động hiện đã tăng lên đáng kể khi phải đương đầu với sự lựa chọn dứt khoát này.

“Tôi muốn nói chuyện với anh ta,” tôi đột nhiên nói. Đôi mày của Dougal nhướng lên.

“Jamie ư? Tại sao?”

“*Tại sao* à? Bởi vì ông đang ép tôi kết hôn với anh ta, song theo như tôi thấy, ông thậm chí còn chưa nói gì với anh ta!”

Rõ ràng Dougal cho rằng điều này là không cần thiết, nhưng cuối cùng ông ta cũng nhượng bộ và cùng các thuộc hạ của mình đi gọi Jamie ở tiệm rượu bên dưới.

Chẳng mấy chốc Jamie đã tới, trông hết sức bối rối.

“Anh có biết rằng Dougal muốn chúng ta lấy nhau không?” Tôi hỏi thẳng.

Vẻ mặt anh ta tỉnh táo hơn. “Ồ, có. Tôi có biết.”

“Nhưng chắc chắn,” tôi nói, “một chàng trai trẻ như anh; ý tôi là, anh không, ờ, quan tâm đến ai khác sao?” Anh ta trông có vẻ ngơ ngác trong một thoáng, rồi chột hiều ra.

“Ồ, tôi đã hứa hôn chưa hả? Chưa, tôi không phải là đối tượng kết hôn có triển vọng đối với các cô gái.” Anh ta vội nói tiếp, như thể cảm thấy câu nói này mang tính xúc phạm. “Ý tôi là, tôi chẳng có tài sản gì, và chỉ sống dựa vào mức lương của một chiến binh.”

Anh ta xoa xoa cằm, nhìn tôi nghi ngại. “Lại còn bị truy nã nữa. Chẳng có ông bố nào muốn con gái mình cưới một người đàn ông có thể bị

bắt và treo cổ bất cứ lúc nào. Cô có nghĩ thế không?”

Tôi phẩy tay, coi vấn đề ngoài vòng pháp luật chỉ là một chuyện nhỏ khi so sánh với toàn bộ ý tưởng gớm ghiếc này. Tôi thử lần cuối cùng.

“Anh có bận lòng không nếu tôi không phải một trinh nữ?”

Anh ta ngậm ngừng giây lát trước khi trả lời.

“Ồ, không,” anh ta chậm rãi nói, “miễn là cô không bận lòng vì tôi là trai tân.” Anh ta nhe răng cười trước cái miệng há hốc của tôi, và lùi về phía cửa.

“Tôi cho là trong hai chúng ta nên có một người biết mình phải làm gì,” anh ta nói. Cánh cửa nhẹ nhàng đóng lại sau lưng anh ta; rõ ràng thời gian tìm hiểu đã kết thúc.

...

Giấy tờ đã ký xong xuôi, tôi cẩn trọng bước xuống cái cầu thang dốc của quán trọ và đi tới quầy bar ở tiệm rượu.

“Whisky,” tôi nói với ông già nhăn nheo đằng sau quầy bar. Ông ta trợn trừng nhìn tôi, nhưng một cái gạt đầu từ Dougal khiến ông ta ngoan ngoãn đưa cho tôi một chai rượu và một cái ly. Cái ly dày và có màu xanh nhạt, lõm đốm bẩn, trên vành miệng có một vết sứt, nhưng nó có thể đựng được rượu, và đó là tất cả những gì quan trọng vào lúc này.

Sau khi cảm giác nóng bỏng qua đi, chất lỏng cay nồng đó tạo ra cho tôi một sự đềm tĩnh giả tạo. Tôi cảm thấy mình như bị tách rời khỏi hiện thực khi để ý đến các chi tiết của khung cảnh xung quanh với sự chăm chú đến kỳ lạ: bức tranh bằng kính màu phía trên quầy rượu hắt những cái bóng sắc sỡ lên người gã chủ quán vô lại và đám chai lọ ly tách của y, đường cong của cái cán muôi có đáy bằng đồng treo trên bức tường bên cạnh tôi, một con ruồi bụng xanh đang vù vù ở mép của một vũng nước nhỏ dính nhớp trên bàn. Vì có chút đồng cảm, tôi hẩy nó ra khỏi chốn hiểm nguy bằng cái ly của mình.

Tôi dần dần nghe ra những giọng nói đang to tiếng với nhau đằng sau cánh cửa đóng kín ở phía bên kia căn phòng. Dougal đã chui vào đó sau khi kết thúc công chuyện với tôi, có lẽ là để khẳng định lại các thỏa thuận với bên B. Tôi mừng thầm khi nghe thấy chú rể sắp cưới của mình tranh cãi dữ dội, mặc dù lúc này anh ta không hề phản đối. Có lẽ vì anh ta không muốn tôi cảm thấy bị xúc phạm.

“Cứ thế nhé, chàng trai,” tôi lẩm bẩm, và uống một ngụm rượu nữa.

Một lát sau, tôi lơ mơ ý thức được một bàn tay cạy các ngón tay tôi mở ra để lấy cái ly màu xanh đi. Một bàn tay khác thì đặt bên dưới khuỷu tay tôi.

“Chúa ơi, cô ấy say như một mụ già phải gió trong một cái lều vậy,” một giọng nói vang lên bên tai tôi. Giọng nói ấy the thé đến mức khó chịu, như thể chủ nhân của nó đang ăn giấy nhám. Tôi khẽ cười khúc khích trước ý nghĩ ấy.

“Yên nào!” Lại là giọng nói the thé khó chịu. Nó trở nên nhỏ hơn khi chủ nhân của nó quay sang nói chuyện với ai đó. “Uống như một lãnh chúa và rít lên như một con vẹt - anh mong...”

Một giọng nói khác cắt ngang, nhưng tôi không thể nghe ra điều gì; các từ ngữ đều mơ hồ và không thể phân biệt được. Nhưng đó là một âm thanh dễ chịu hơn, trầm ấm và không hiểu sao lại khiến người ta yên lòng. Khi nó đến gần hơn, tôi có thể nghe ra vài từ. Tôi cố gắng tập trung lắng nghe, nhưng sự chú ý của tôi lại bắt đầu lang thang đến những nơi khác.

Con ruồi đã quay lại và đang loạng choạng giữa vũng nước, bị sa lầy trong vô vọng. Ánh sáng từ ô cửa sổ kính màu chiếu lên nó, lấp lánh như những tia lửa trên cái bụng xanh. Tôi nhìn chăm chăm vào đốm nhỏ màu xanh đó, nó có vẻ nở ra rồi co lại khi con ruồi vặn vẹo và vùng vẫy.

“Này anh giai... anh không có cơ hội đâu,” tôi nói, và tia lửa vụt tắt.

14

Lễ cưới

Khi tỉnh giấc, trên đầu tôi là một cái trần có rui xà thấp lè tè và trên người là một cái chăn dày đắp đến tận cằm. Tôi dường như chỉ mặc váy lót. Tôi nhồm dậy để tìm váy áo, nhưng được nửa chừng lại thôi. Tôi cẩn thận nằm xuống, nhắm mắt và ôm đầu để ngăn nó không rơi khỏi gối và bật nảy trên sàn.

Lát sau, tôi tỉnh lại khi cửa phòng mở ra. Tôi thận trọng hé hé một bên mắt. Một hình dáng chập chờn dần trở nên rõ ràng hơn và biến thành dáng vẻ thiếu thân thiện của Murtagh, đang nhìn tôi chăm chăm từ chân giường với ánh mắt phản đối. Tôi lại nhắm mắt lại. Tôi nghe thấy một “âm thanh kiểu Scot” nghèn nghẹt, có lẽ để thể hiện sự ngán ngẫm, nhưng khi tôi nhìn lại thì ông ta đã biến mất.

Tôi đang nhẹ nhõm chìm vào vô thức thì cánh cửa lại mở ra, lần này là một phụ nữ trung niên mà tôi đoán là vợ của chủ quán rượu, mang theo một cái bình và một cái chậu. Bà vui vẻ bước vào phòng và mở cửa chớp ra với tiếng loảng xoảng dội qua đầu tôi như tiếng xe tăng đâm vào nhau. Tiến lại chiếc giường như một sư đoàn thiết giáp, bà giật cái chăn khỏi bàn tay nắm yếu ớt của tôi và ném nó sang một bên, để mặc tôi run rẩy và trơ trụi.

“Dậy thôi, cưng,” bà nói. “Chúng tôi phải giúp cô chuẩn bị sẵn sàng.” Bà đặt cánh tay vạm vỡ sau vai tôi và đẩy tôi ngồi dậy. Tôi một tay ôm đầu, tay kia ôm bụng.

“Sẵn sàng?” Tôi nói qua cái miệng như mọc đầy rêu mốc.

Bà bắt đầu lanh lẹ rửa mặt cho tôi. “Phải,” bà nói. “Cô không muốn bỏ lỡ đám cưới của chính mình, đúng không nào?”

“Tôi muốn,” tôi nói, nhưng bà lờ đi và không khách sáo cởi bộ váy lót của tôi, để tôi đứng giữa sàn nhà đón nhận những sự chăm sóc thân mật hơn.

Một lát sau, tôi ngồi trên giường, đóng bộ đầy đủ, choáng váng và hần học, nhưng nhờ ly rượu vang đỏ được bà chủ quán đưa cho, ít nhất tôi cũng thấy mình tỉnh táo. Tôi đang cẩn thận nhắm nháp ly rượu thứ hai lúc bà chải những món tóc rối như những bụi cây của tôi.

Tôi giật nẩy mình và phun rượu phì phì khi cánh cửa bật mở một lần nữa. Hết chuyện khốn kiếp này đến chuyện khốn kiếp khác, tôi đọc địa nghĩ. Lần này, có tận hai người xuất hiện, là Murtagh và Ned Gowan, mang ánh mắt phản đối như nhau. Tôi trừng mắt nhìn Ned trong khi Murtagh bước vào phòng và đi chầm chậm quanh giường, kiểm tra tôi từ mọi góc độ. Rồi ông ta quay lại bên Ned, thì thầm gì đó với giọng nhỏ đến nỗi tôi không thể nghe thấy. Liếc nhìn tôi lần cuối với ánh mắt tuyệt vọng, ông ta bước ra ngoài và đóng cửa lại sau lưng họ.

Cuối cùng thì tóc tôi cũng được tô điểm vừa ý bà chủ quán, nó được chải ngược lên và búi cao trên đỉnh đầu, những sợi tóc con loãn xoắn xòa xuống sau gáy và hai bên tai. Có cảm giác như da đầu tôi sắp bật tung vì mái tóc bị kéo căng, nhưng kết quả mà tôi nhìn thấy trong cái gương bà chủ quán đưa cho lại mỹ mãn đến mức không thể chối cãi. Tôi bắt đầu cảm thấy mình giống người hơn, thậm chí còn cảm ơn bà vì kỳ công này. Bà để cái gương lại cho tôi và trước khi rời đi còn nhận xét rằng thật may mắn khi kết hôn vào mùa hè vì cô dâu sẽ được cài nhiều hoa trên tóc.

“Chúng ta là những người sắp chết,” tôi nói với bóng phản chiếu của mình, phác một cử chỉ giả biệt trong gương. Rồi tôi đổ phịch người xuống giường, đắp một cái khăn ướt lên mặt và trở lại giấc ngủ.

Tôi đang có một giấc mơ khá thú vị liên quan tới đồng cỏ và những bông hoa dại thì chợt nhận thức được rằng thứ mà tôi nghĩ là một cơn gió tinh nghịch đang kéo tay áo mình hóa ra là một đôi bàn tay không mấy dịu dàng. Tôi bèn bật dậy, hoa tay múa chân loạn xạ.

Khi mở mắt, tôi thấy căn phòng nhỏ của mình giờ giống như một ga tàu điện với những khuôn mặt có ở khắp các vách tường: Ned Gowan, Murtagh, chủ quán trọ, vợ ông ta, và một thanh niên trẻ cao gầy, con trai của chủ quán, hai tay ôm đầy các loại hoa - nguồn gốc những mùi hương trong giấc mơ của tôi. Ngoài ra còn có một phụ nữ trẻ, tay cầm một giỏ liều gai tròn, mỉm cười thân thiện với tôi, để lộ hàm răng bị thiếu vài chiếc khá quan trọng.

Hóa ra người này là thợ may của làng, được một người quen của chủ quán thuê gấp gấp để sửa lại một chiếc váy cho vừa vặn. Chiếc váy ấy đang được Ned cầm trong tay như một con vật đã chết. Khi được trải phẳng trên giường, tôi nhận thấy nó là một cái váy cổ trễ bằng xa tanh màu kem, với cái áo chèn riêng biệt có hàng tá nút áo bọc vải bé xíu, mỗi cái lại được thêu một bông huệ tây màu vàng. Đường viền cổ áo và tay áo hình chuông được viền đăng ten, giống như lớp váy ngoài bằng nhung màu nâu sô sô la được thêu tay. Chủ quán trọ như bị chôn vùi trong những chiếc váy lót dài mà ông ta mang, đến nỗi chỉ còn thấy được bộ râu cứng của ông ta bên trên những lớp vải bông bành.

Tôi nhìn vào đóm rượu vang đỏ trên chiếc váy vải xec màu xám của mình và lòng kiêu hãnh đã thắng cuộc. Nếu tôi buộc phải kết hôn, tôi không muốn trông mình nhếch nhác như một nô lệ trong làng.

Tôi đứng im như một con ma nơ canh của thợ may, còn mọi người thì chạy đôn chạy đáo lấy món này món kia, mang thứ này thứ nọ, miệng không ngớt chỉ trích và thi thoảng lại vấp vào nhau. Sau một hồi hoạt động luôn tay luôn chân, “sản phẩm” cuối cùng đã hoàn thành, tóc tôi được tô điểm những bông cúc tây màu trắng và những bông hồng vàng còn trái tim thì đập điên cuồng dưới vạt áo chèn bằng ren. Chiếc váy không vừa vặn hoàn toàn và vẫn còn đậm mùi của người chủ cũ, nhưng lớp xa tanh phủ bên ngoài những lớp váy lót thì nặng nề và sột soạt nghe khá hấp dẫn quanh bàn chân tôi. Tôi cảm thấy mình thật vương giả.

“Ông không thể bắt tôi làm thế này,” tôi rít lên đầy đe dọa với tấm lưng của Murtagh khi đi theo ông ta xuống cầu thang, nhưng cả ông ta và

tôi đều biết tôi chỉ đang ra vẻ suông. Nếu tôi từng có chí khí để phản đối Dougal và lựa chọn mạo hiểm với quân Anh thì nó cũng đã cạn mất cùng với rượu whisky rồi.

Dougal, Ned và những người còn lại đang ở trong tiệm rượu chính dưới chân cầu thang. Họ đang uống rượu và đùa cợt với một vài dân làng có vẻ chẳng có gì hay hơn để làm vào buổi chiều ngoài việc đi chơi loanh quanh và say xỉn.

Nhìn thấy tôi từ từ đi xuống, Dougal đột ngột ngừng nói. Những người khác cũng trở nên im lặng, và tôi bỗng bèn đi xuống trong bầu không khí ngưng đọng. Đôi mắt sâu thẳm của Dougal chậm rãi nhìn tôi từ đầu đến chân rồi trở lại khuôn mặt tôi với một cái gật đầu chào hỏi không hề có vẻ miễn cưỡng.

Hết chuyện này đến chuyện nọ xảy ra, đã lâu lắm rồi chưa có người đàn ông nào nhìn tôi như thế, và tôi duyên dáng gật đầu đáp lại.

Sau sự im lặng ban đầu, những người còn lại trong phòng bắt đầu xuýt xoa ngưỡng mộ, ngay cả Murtagh cũng cho phép mình nở một nụ cười nhẹ, gật đầu thỏa mãn trước thành quả của bản thân. *Ai chỉ định ông làm biên tập viên thời trang vậy?* Tôi bực bội nghĩ. Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận nhờ có ông ta mà tôi không phải kết hôn trong chiếc váy vải xec màu xám.

Kết hôn. Ôi, Chúa ơi. Rượu vang đỏ và lớp ren màu kem khiến tôi hưng phấn đến nỗi thoáng quên băng đi tầm quan trọng của dịp này. Tôi bám lấy thanh lan can khi nhận thức mới mẻ ấy giống như một cú đâm giáng thẳng vào bụng tôi.

Nhưng khi nhìn qua đám đông, tôi nhận ra một sự thiếu sót rõ ràng rành rành. Chẳng thấy chú rể đâu cả. Vững tâm hơn với ý nghĩ có thể anh ta đã trốn thoát qua một ô cửa sổ nào đó, và giờ đã ở cách xa hàng dặm đường, tôi nhận một cốc rượu mời từ chủ quán trọ trước khi đi theo Dougal ra ngoài.

Ned và Rupert đi lấy ngựa. Murtagh đã biến đâu mất, có lẽ là đi tìm Jamie.

Dougal giữ một cánh tay tôi; bề ngoài là đỡ tôi phòng khi tôi bị vấp trong đôi giày xa tanh, nhưng kỳ thực là để ngăn tôi bỏ trốn vào phút chót.

Thời tiết “ấm áp” theo tiêu chuẩn của Scotland, nghĩa là sương mù không quá dày đặc đến mức hóa thành mưa phùn, nhưng cũng chẳng kém như thế là bao. Đột nhiên cửa quán trọ mở ra, ánh mặt trời ủa vào theo chân của James. Nếu tôi là một cô dâu lộng lẫy thì chú rể hoàn toàn rục rỡ. Miệng tôi há hốc và giữ nguyên tư thế ấy.

Một người cao nguyen mặc đầy đủ lễ phục vốn là một hình ảnh ấn tượng - bất kể anh ta già nua, chướng tai gai mắt hay xấu xí thế nào. Nếu anh ta là một chàng thanh niên trẻ trung, cao ráo, dáng người thẳng băng, lại còn điển trai và đứng ở cự ly gần nữa thì quả thật càng khiến người khác cảm thấy nghệt thờ.

Mái tóc hung đỏ dày dặn được chải bóng lộn, dài đến cổ áo chiếc sơ mi vải ba tít với ngực áo có nếp gấp, tay áo hình chuông và diềm cổ tay áo viền đăng ten đồng bộ với màn đăng ten hồ cứng ở cổ, kẹp một cái ghim cài màu hồng ngọc.

Y phục truyền thống của anh ta có màu đỏ thẫm xen lẫn màu đen, nổi bật hẳn lên giữa những người MacKenzie trong trang phục màu xanh lá và trắng. Lớp vải len rục rỡ, được cột lại bằng một cái móc bạc hình tròn, duyên dáng buông xuống từ vai phải của anh ta rồi được thắt lại bởi một cái thắt lưng đeo kiếm khảm bạc trước khi tiếp tục rủ xuống qua hai bắp chân gọn gàng đi đôi tất len dài và dừng lại chỗ đôi giày ống bằng da màu đen có khóa bạc. Kiếm, dao găm và chiếc túi bằng da con lừng hoàn thiện cho bộ y phục.

Với chiều cao hơn một mét tám, vóc dáng to lớn và đường nét nổi bật, trông anh ta khác xa so với người huấn luyện ngựa lồi thối lệch thếch mà tôi vốn quen thuộc - và anh ta cũng biết điều đó. Anh ta lịch sự cúi đầu chào tôi, duyên dáng không chệ vào đâu được, thậm chí: “Xin phục vụ quý cô”, đôi mắt ánh lên ranh mãnh.

“Ồ,” tôi yếu ớt nói.

Tôi hiếm khi nhìn thấy người lăm lì như Dougal bối rối không nói thành lời. Đôi mày rậm của ông ta đan vào nhau trên khuôn mặt ướm dằm, ông ta có vẻ cũng bị sự xuất hiện này làm cho giật mình hết như tôi vậy.

“Cháu điên rồi à, thằng nhỏ này?” Cuối cùng, ông ta nói. “Nhờ ai đó nhìn thấy cháu thì sao!”

Jamie nhướn một bên lông mày giễu cợt. “Sao hả cậu,” anh ta nói. “Cậu mắng mỏ cháu đấy ư? Trong ngày cưới của cháu. Cậu không muốn vợ cháu phải xấu hổ vì cháu đấy chứ? Hơn nữa,” anh ta nói thêm, với ánh mắt độc địa, “cháu không nghĩ đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp nếu cháu không dùng tên thật của cháu. Chẳng phải cậu muốn cuộc hôn nhân này hợp pháp hay sao?”

Dougal cố gắng lấy lại sự tự chủ. “Nếu cháu đã chuẩn bị xong, Jamie, chúng ta lên đường thôi,” ông ta nói.

Nhưng có vẻ như Jamie vẫn chưa xong. Lờ đi cơn thịnh nộ của Dougal, anh ta rút từ trong cái túi da ra một chuỗi hạt ngấn màu trắng. Anh ta bước tới và đeo chuỗi hạt lên cổ tôi. Nhìn xuống, tôi có thể thấy nó là một chuỗi ngọc trai baroque^[72] nhỏ xen lẫn những vật hình tròn bằng vàng bé xíu có xỏ lỗ, treo toong teng những hạt trai nhỏ hơn.

“Chúng chỉ là ngọc trai của Scotland,” anh ta nói, vẻ áy náy, “nhưng trông chúng thật xinh đẹp khi ở trên người cô.” Những ngón tay anh ta nán lại một thoáng trên cổ tôi.

“Đó là chuỗi ngọc trai của mẹ cháu mà!” Dougal nói, quắc mắt nhìn chuỗi vòng.

“Vâng,” Jamie điềm tĩnh nói, “và bây giờ nó thuộc về vợ cháu. Chúng ta đi chứ?”

...

Chỗ chúng tôi đến nằm khá xa ngôi làng. Đoàn rước dâu hết sức trầm lắng, cô dâu chú rể bị bao vây như những tội nhân bị áp giải tới nhà lao.

Không ai nói gì trừ Jamie thầm thì xin lỗi vì đến muộn, giải thích rằng phải mất bao lâu anh ta mới tìm được một cái áo sạch sẽ và một cái áo khoác rộng rãi vừa vặn với mình.

“Tôi nghĩ đây là cái áo của con trai người điền chủ trong vùng,” anh ta nói, vạch cái ngực áo đấng ten. “Có vẻ là người hơi diêm dúa.”

Chúng tôi xuống ngựa và bỏ lũ ngựa ở chân một ngọn đồi nhỏ. Có một con đường mòn xuyên qua đám thạch nam dẫn lên đỉnh đồi.

“Anh đã sắp xếp những thứ này?” Tôi nghe Dougal thì thầm nói với Rupert khi họ buộc lũ ngựa.

“Ồ, vâng.” Hàm răng trắng lóe lên giữa bộ râu đen. “Có chút khó khăn khi thuyết phục linh mục, nhưng chúng tôi đã cho ông ta thấy giấy phép đặc biệt.” Ông ta vỗ vỗ vào cái túi da của mình, làm nó kêu lên lanh canh, khiến tôi hiểu ra bản chất thực sự của thứ “giấy phép” đặc biệt đó.

Qua màn mưa phùn và sương mù, tôi nhìn thấy nhà nguyện nhô lên trên bãi thạch nam. Tôi không tin nổi vào mắt mình khi thấy cái mái cong và những khung cửa sổ được chia thành nhiều ô kính nhỏ đến kỳ lạ mà tôi đã thấy lần cuối vào buổi sáng nắng vàng rực rỡ trong đám cưới của tôi với Frank Randall.

“Không!” Tôi thốt lên. “Không phải ở đây! Tôi không thể!”

“Suyt, im nào, suyt. Đừng lo, cô gái, đừng lo. Sẽ ổn cả thôi.” Dougal đặt bàn tay to lớn lên vai tôi, an ủi tôi bằng những “âm thanh kiểu Scot” như thể tôi là một con ngựa bất kham. “Chuyện này đương nhiên hơi căng thẳng,” ông ta nói với tất cả mọi người. Một bàn tay rắn chắc đặt lên eo lưng tôi, thúc giục tôi đi tiếp. Đôi giày của tôi lún xuống lớp lá rụng ẩm ướt.

Jamie và Dougal đi sát hai bên, chặn đứng lối thoát của tôi. Vóc dáng sừng sững của họ làm người ta nhụt chí, và tôi cảm thấy mình càng lúc càng hoảng loạn. Hai trăm năm sau, tôi đã kết hôn ở nhà nguyện này, vẻ đẹp cổ kính của nó khi ấy đã hút hồn tôi. Còn bây giờ, những tấm ván vẫn

còn mới, chưa có được sức mê hoặc, và tôi sắp kết hôn với một chàng trai tân người Scot theo Công giáo hai mươi ba tuổi đang bị truy nã, anh ta...

Tôi bỗng hoảng hốt quay sang Jamie. “Tôi không thể lấy anh! Tôi thậm chí còn không biết họ của anh là gì!”

Anh ta nhìn tôi và nhướn một bên lông mày hung đỏ. “Ồ. Là Fraser. James Alexander Malcolm MacKenzie Fraser.” Anh ta trịnh trọng tuyên bố, mỗi cái tên đều được phát âm chậm rãi và rõ ràng.

Hoàn toàn bối rối, tôi nói: “Claire Elizabeth Beauchamp” và ngớ ngẩn chìa tay ra. Tưởng rằng tôi muốn được dìu đỡ, anh ta liền nắm lấy bàn tay tôi và khoác lên khuỷu tay mình. Thế là, bị giữ chặt đến mức không thể trốn thoát nổi, tôi bị bõm trên con đường lầy lội dẫn tới đám cưới của mình.

Rupert và Murtagh đang đợi chúng tôi trong nhà nguyện, đồng thời canh chừng một linh mục trẻ mảnh khảnh có cái mũi đỏ ửng và vẻ mặt hoảng sợ. Rupert đang nhàn rỗi dùng con dao lớn chặt một nhánh liễu gai thành từng mảnh nhỏ, và mặc dù ông ta đã bỏ những khẩu súng có băng băng sừng ra khỏi người khi vào nhà thờ, nhưng chúng vẫn nằm trên vành miện của bình đựng nước thánh, ngay trong tầm với.

Những người còn lại cũng bỏ vũ khí, xếp chúng thành một chồng lổng chổng ở băng ghế cuối, đây vốn là việc nên làm khi ở trong ngôi nhà của Chúa. Chỉ có Jamie là vẫn giữ nguyên con dao găm và thanh kiếm, có lẽ chúng là một phần của bộ lễ phục.

Chúng tôi quỳ trước ban thờ bằng gỗ, còn Murtagh và Dougal thì đứng vào vị trí của người làm chứng, và lễ cưới bắt đầu.

Hình thức của lễ cưới Công giáo không thay đổi mấy trong vài trăm năm qua, và những lời lẽ gắn kết tôi với người lạ trẻ tuổi tóc đỏ bên cạnh cũng tương tự như những lời đã ban phước cho đám cưới của tôi với Frank. Tôi cảm thấy mình như một cái xác rỗng lạnh toát. Giọng nói lặp bặp của viên linh mục trẻ vang vọng đâu đó trong cái dạ dày trống không của tôi.

Tôi máy mót đứng dậy khi đến thời điểm thề nguyện, lảng lạng nhìn chú rể siết chặt những ngón tay lạnh giá của mình. Tay anh ta cũng lạnh

như tay tôi, khiến tôi lần đầu tiên nảy ra ý nghĩ rằng bất chấp vẻ ngoài điềm tĩnh, có thể anh ta cũng đang căng thẳng chẳng khác gì tôi.

Sau một hồi tránh nhìn vào anh ta, lúc này tôi mới ngược lên và thấy anh ta đang nhìn mình chăm chăm. Khuôn mặt anh ta trắng bệch và cẩn thận không biểu lộ cảm xúc; giống hệt như lúc tôi băng bó vết thương ở vai anh ta. Tôi cố gắng mỉm cười, nhưng khóe miệng thoáng run run. Những ngón tay anh ta siết chặt hơn. Tôi có cảm giác rằng chúng tôi đang nâng đỡ nhau; nếu một trong hai người buông tay hoặc nhìn đi chỗ khác, chúng tôi sẽ cùng sụp đổ. Kỳ quặc thay, cảm giác này khiến tôi hơi yên lòng. Cho dù phải đối mặt với chuyện gì thì ít nhất chúng tôi cũng có hai người.

“Tôi chọn em, Claire, làm vợ tôi...” Giọng anh ta không run nhưng bàn tay thì có. Tôi nắm chặt tay mình. Những ngón tay cứng ngắc của chúng tôi siết vào nhau như những cái ngàm của một cái mỏ cặp, “... để yêu thương, tôn trọng và che chở... dù cuộc sống tốt đẹp hay khó khăn...” Những lời này vọng đến từ xa xôi. Máu đang cạn khỏi đầu tôi. Cái áo chèn có mép xương chật ghê gớm, và mặc dầu tôi cảm thấy lạnh, mồ hôi vẫn chảy dọc hai bên mạng sườn tôi bên dưới lớp xa tanh. Tôi hy vọng mình sẽ không ngất xỉu.

Cao cao trên bức tường ở mặt bên của nhà nguyện có một ô cửa sổ kính màu nhỏ, phác họa thô Thánh John Tẩy Giả trong bộ da gấu. Những cái bóng màu xanh lá và xanh dương phủ xuống tay áo tôi, nhắc tôi nhớ đến căn phòng chung của quán rượu, và tôi bỗng ước ao có một ly rượu.

Đến lượt tôi. Tôi phần nộ khi thấy mình hơi lấp bắp. “Em c-chọn anh, James...” Tôi dựng thẳng sống lưng. Jamie đã hoàn thành xong phần của mình một cách đáng biểu dương; tôi cũng có thể cố gắng làm tốt như vậy, “... để có anh và giữ anh ở bên, kể từ ngày hôm nay...” Giọng tôi đã trở nên mạnh mẽ hơn.

“Cho đến khi cái chết chia lìa chúng ta.” Những lời lẽ ấy vang lên dứt khoát đến đáng kinh ngạc trong ngôi nhà nguyện yên tĩnh. Mọi thứ vẫn tĩnh

lặng, như thể đang trong tình trạng chết giả. Rồi linh mục yêu cầu trao nhẫn.

Bầu không khí bỗng xáo động, và tôi thoáng nhìn thấy vẻ mặt hoảng hốt của Murtagh. Tôi còn chưa nhận ra ai đó đã quên chuẩn bị nhẫn thì Jamie đã buông tay tôi để tháo một cái nhẫn trên ngón tay anh ta.

Tôi vẫn đeo cái nhẫn của Frank trên bàn tay trái. Các ngón của bàn tay phải trông xanh xao và cứng đờ trong quầng sáng màu xanh khi chiếc nhẫn kim loại to lớn của Jamie luồn vào ngón áp út của tôi. Nó bị lỏng và chực tuột ra nếu Jamie không gấp các ngón tay tôi lại rồi nắm lấy bàn tay tôi.

Viên linh mục lẩm bẩm thêm mấy lời, và Jamie cúi xuống hôn tôi. Rõ ràng anh ta chỉ có ý định thoáng chạm môi theo nghi thức, nhưng miệng anh ta mềm mại và ấm áp đến nỗi khiến tôi vô thức đáp lại theo bản năng. Tôi mơ hồ nghe thấy những tiếng reo hò cổ vũ kiểu Scot từ các khán giả, nhưng thực sự chẳng để ý đến điều gì ngoài cảm giác vững chắc ấm áp đang bao bọc lấy mình. Giống như đang ở trong một thánh đường vậy.

Lúc rời nhau ra, cả hai chúng tôi đều đã điềm tĩnh hơn và mỉm cười căng thẳng. Tôi thầm thắc mắc khi thấy Dougal rút con dao của Jamie ra khỏi vỏ. Vẫn nhìn tôi, Jamie ngửa lòng bàn tay phải lên và giơ ra trước mặt. Tôi há hốc miệng kinh ngạc khi mũi dao cứa sâu vào cổ tay anh ta, tạo ra một vết máu tối sẫm. Còn chưa kịp phản ứng gì thì bàn tay tôi đã bị tóm lấy và tôi cảm thấy lưỡi dao cắt vào da thịt mình đau nhói. Sau đó, Dougal nhanh chóng áp cổ tay tôi vào cổ tay Jamie và trói hai cổ tay vào nhau bằng một mảnh vải lạnh màu trắng.

Hắn là tôi hơi chao đảo, bởi vì Jamie nắm lấy khuỷu tay tôi bằng bàn tay trái tự do của mình.

“Hãy cố chịu đựng,” anh ta khẽ khuyên. “Không còn lâu nữa đâu. Nói theo tôi nhé!” Nó là một mẫu tuyên thệ ngắn bằng tiếng Gaelic, khoảng hai, ba câu. Tôi chẳng hiểu những lời lẽ ấy có ý nghĩa gì, nhưng vẫn ngoan ngoãn lặp lại theo Jamie, thi thoảng bị vấp với những âm khó đọc. Miếng

vải lanh được cởi ra, những vết thương được lau sạch, và thế là chúng tôi thành vợ chồng.

Bầu không khí trên đường về đây nhẹ nhõm và phấn khích, giống như ở bất cứ đám rước dâu vui vẻ nào, dù chúng tôi chỉ có vài người, và trừ cô dâu ra thì chỉ toàn là đàn ông.

Gần xuống đến chân đồi, tôi bỗng có cảm giác đói bụng, choáng váng và căng thẳng. Khi mở mắt, tôi thấy mình đang nằm trên đám lá ẩm ướt, gối đầu trên đùi người chồng mới cưới. Anh ta đặt miếng vải ẩm ướt mà anh ta đang dùng để lau mặt tôi xuống.

“Tệ quá, phải không?” Anh ta cười với tôi, nhưng trong mắt ẩn chứa vẻ băn khoăn lo lắng làm tôi khá xúc động. Tôi run rẩy mỉm cười đáp lại.

“Không phải vì anh đâu,” tôi trấn an anh ta. “Chỉ là... tôi chưa được ăn gì kể từ bữa sáng hôm qua - và đã uống khá nhiều rượu.”

Miệng anh ta nhích lên. “Tôi có nghe nói. Chà, tôi có thể giải quyết chuyện này. Như đã nói, tôi không có gì nhiều để cho vợ mình, nhưng tôi hứa sẽ cho cô ăn uống đầy đủ.” Anh ta mỉm cười và bẽn lẽn dùng ngón trỏ gạt một lọn tóc đi lạc ra khỏi mặt tôi.

Tôi ngồi dậy và nhăn mặt vì cảm giác đau rát ở cổ tay. Tôi đã quên mất phần cuối của nghi lễ. Vết cửa đã rách toác, chắc chắn đó là kết quả từ cú ngã lúc nãy. Tôi lấy miếng vải từ Jamie và vụng về quấn quanh cổ tay.

“Tôi nghĩ đây có thể là nguyên nhân khiến cô ngất xỉu,” anh ta vừa nhìn vào vết cửa vừa nói. “Đáng lẽ tôi nên báo trước cho cô biết về nghi thức đó; tôi đã không nhận ra là cô không biết gì về nó cho đến khi tôi nhìn thấy vẻ mặt cô.”

“Đó chính xác là cái gì vậy?” Tôi hỏi, cố gắng buộc hai đầu miếng vải vào nhau.

“Nó hơi ngoại giáo, nhưng vùng này có truyền thống là cùng với nghi lễ kết hôn thông thường, cô dâu chú rể còn phải lập một lời thề máu. Vài linh mục sẽ không chấp nhận chuyện này, nhưng tôi cho rằng viên linh mục

vừa rồi sẽ không phản đối bất cứ điều gì. Trông ông ta sợ hãi y như tôi vậy,” anh ta mỉm cười, nói.

“Một lời thề máu ư? Những lời chúng ta nói lúc ấy có nghĩa là gì?”

Jamie cầm lấy bàn tay phải của tôi và nhẹ nhàng dếm phần đuôi của dải băng quấn tạm.

“Nó ít nhiều có vần điệu khi cô nói bằng tiếng Anh. Nó có nghĩa là:

Em là máu của anh, là xương của anh.

Anh trao em thân thể anh, để hai ta có thể trở thành một.

Anh trao em linh hồn anh, cho đến hết cuộc đời.”

Anh ta nhún vai. “Cũng giống như những lời thề thông thường, chỉ là hơi... ờ, “nguyên thủy” một chút.”

Tôi nhìn chăm chăm cổ tay bị băng bó của mình. “Vâng, anh có thể nói thế.”

Tôi liếc nhìn quanh; chỉ có hai chúng tôi trên đường, bên dưới một cây dương lá rụng. Những chiếc lá úa hình tròn nằm trên mặt đất, ánh lên trong sự ẩm ướt như những đồng xu gỉ. Khung cảnh rất tĩnh lặng, ngoại trừ một giọt nước thi thoảng rỏ từ trên cây xuống.

“Những người khác đâu cả rồi? Họ trở về quán trọ rồi à?”

Jamie nhăn mặt. “Không. Tôi bắt họ đi chỗ khác để tôi có thể chăm sóc cô, họ đang đợi chúng ta ở đằng kia.” Anh ta hất cằm về phía đó, theo kiểu người miền quê. “Họ sẽ không tin tưởng để cho chúng ta ở riêng bên nhau cho đến khi cuộc hôn nhân chính thức được công nhận.”

“Còn chưa được chính thức công nhận ư?” Tôi ngờ ngác hỏi. “Chẳng phải chúng ta đã làm lễ cưới rồi sao?”

Anh ta bối rối ngoảnh đi và tỉ mỉ phủi những chiếc lá úa bám trên váy.

“Ừmmmm. Đúng là chúng ta đã làm lễ cưới. Nhưng cuộc hôn nhân của chúng ta vẫn chưa được hợp thức hóa cho đến khi chúng ta trải qua

đêm tân hôn.” Một màu đỏ chằm chằm lan dần lên từ chỗ ngực áo đấng ten.

“Ummmm,” tôi nói. “Chúng ta đi kiếm thứ gì đó để ăn đi.”

Những tâm sự trong phòng tân hôn

Ở quán trọ, thức ăn đã được chuẩn bị sẵn sàng theo kiểu một bữa tiệc cưới khiêm tốn, bao gồm rượu vang, bánh mì tươi và thịt bò quay.

Dougal tóm lấy cánh tay tôi khi tôi định lên gác để tắm rửa trước khi ăn.

“Ta muốn đám cưới này được hoàn tất đến bước cuối cùng, không có sự do dự nào cả,” Dougal thì thầm chỉ đạo tôi bằng giọng kiên quyết. “Không được để ai đó nghi ngờ về tính hợp pháp của cuộc hôn nhân này, cũng không được phép hủy hôn, nếu không tất cả chúng ta sẽ có nguy cơ bị treo cổ đấy.”

“Tôi có cảm giác nếu tôi không làm theo thì chính ông cũng sẽ treo cổ tôi,” tôi giận dữ nói.

Dougal vỗ mạnh lên trán tôi.

“Đừng lo; cô chỉ cần làm tròn phần việc của mình.” Ông ta ngắm soi tôi, như thể đang xét đoán khả năng tôi có thực hiện tốt vai trò này không.

“Ta biết rõ cha của Jamie. Nếu thằng bé giống ông ấy, cô sẽ không gặp rắc rối gì đâu. A, Jamie!” Ông ta vội băng ngang phòng, tới chỗ Jamie vừa bước vào sau khi đi nhốt ngựa về. Nhìn vẻ mặt của Jamie, có vẻ anh ta cũng đang nhận được mệnh lệnh giống tôi.

...

Chúa ơi, sao chuyện này lại xảy ra chứ? Sáu tuần trước, tôi còn đang vô tư hái những bông hoa dại trên một ngọn đồi ở Scotland để mang về nhà nghỉ nơi tôi ở cùng chồng mình. Vậy mà bây giờ, tôi lại bị nhốt trong một

căn phòng ở một quán trọ thôn dã, chờ đợi một người chồng hoàn toàn khác mà tôi chẳng quen biết gì mấy, và nhận được lệnh phải hoàn tất thủ tục cuối cùng của cuộc hôn nhân gượng ép này để đổi lấy mạng sống và sự tự do.

Tôi ngồi trên giường trong bộ trang phục lộng lẫy đi mượn, cả người cứng đờ và sợ hãi. Cánh cửa nặng nề của căn phòng kèn kẹt mở ra rồi đóng lại.

Jamie dựa người vào cửa, quan sát tôi. Bầu không khí giữa chúng tôi càng lúc càng căng thẳng. Cuối cùng chính Jamie là người phá vỡ sự im lặng.

“Em không cần sợ tôi,” anh ta khẽ nói. “Tôi sẽ không nhảy bổ vào em đâu.”

Tôi phì cười.

“Chà, tôi không nghĩ anh sẽ làm vậy.” Thực ra, tôi không nghĩ anh ta sẽ chạm vào tôi, trừ phi tôi ngỏ ý trước; và chẳng bao lâu nữa tôi sẽ phải mời anh ta làm nhiều việc còn ghê gớm hơn thế.

Tôi nghi ngại nhìn anh ta. Sẽ khó khăn hơn nếu tôi thấy anh ta không hấp dẫn; nhưng sự thực lại hoàn toàn trái ngược. Tuy nhiên, hơn tám năm qua tôi đã không ngủ với bất kỳ người đàn ông nào ngoài Frank. Không chỉ thế, qua lời tự thú của chính chàng trai trẻ này, anh ta chẳng hề có kinh nghiệm gì. Tôi chưa từng đưa ai “vào đời”. Ngay cả khi gạt đi sự phản đối của mình với cuộc hôn nhân sắp đặt này, và cân nhắc vấn đề từ một góc nhìn hoàn toàn thực tế làm cách nào chúng tôi có thể bắt đầu được chứ? Cứ như thế này thì chúng tôi sẽ vẫn đứng đây, nhìn nhau chăm chăm đến ba, bốn ngày mất.

Tôi hăng giọng và vỗ vào chỗ bên cạnh tôi trên giường.

“À, anh có muốn ngồi không?”

“Có.” Anh ta băng ngang căn phòng như một con mèo lớn. Nhưng thay vì ngồi xuống cạnh tôi, anh ta lôi ra một cái ghế đẩu và ngồi đối diện

với tôi. Anh ta ngấp ngừng đưa tay ra và cầm lấy hai bàn tay tôi. Bàn tay anh ta to lớn, ngón tay bè bè và rất ấm áp, mu bàn tay lơ thơ những sợi lông màu đỏ. Tôi cảm thấy hơi sốc trước sự đụng chạm này, và nghĩ đến một đoạn trong *Cựu ước* - “*Vì da của Jacob nhăn nhui, trong khi anh trai Esau là một người đàn ông lông lá.*” Bàn tay của Frank dài và mảnh, gần như nhăn nhui và nhìn có vẻ quý phái. Tôi đã luôn thích ngắm nhìn chúng khi anh giảng bài.

“Kể cho tôi nghe về chồng em đi,” Jamie nói, như thể đọc được suy nghĩ của tôi. Tôi gần như giật tay ra khỏi tay anh ta vì kinh ngạc.

“Cái gì cơ?”

“Coi em kìa. Chúng ta có đến ba, bốn ngày ở đây bên nhau. Mặc dù tôi không giả vờ biết tất cả những gì cần biết, nhưng tôi đã sống phần lớn cuộc đời trong một điền trang. Trừ phi con người rất khác biệt so với những loài vật khác, cái việc chúng ta phải làm sẽ không mất nhiều thời gian đến thế. Chúng ta vẫn có một chút thời gian để trò chuyện và vượt qua cảm giác e sợ nhau.” Lời đánh giá thẳng thừng này về tình cảnh của chúng tôi làm tôi thoải mái hơn một chút.

“Anh sợ tôi à?” Trông anh ta chẳng có vẻ gì là thế cả. Nhưng có lẽ anh ta đang căng thẳng. Mặc dù anh ta không phải là một cậu bé mười sáu tuổi nhút nhát, nhưng đây là lần đầu tiên của anh ta. Anh ta nhìn vào mắt tôi và cười.

“Ừ. Tôi cho là tôi sợ hơn em. Đó là lý do tôi cầm tay em; để ngăn mình khỏi run rẩy.” Tôi không tin điều này, nhưng vẫn siết chặt tay anh ta để tỏ vẻ thấu hiểu.

“Đó là một ý hay. Chạm vào nhau thế này khiến chúng ta trò chuyện dễ dàng hơn. Nhưng tại sao anh lại hỏi về chồng tôi?” Tôi hoang mang tự hỏi phải chăng anh ta muốn tôi kể cho anh ta nghe về đời sống chẵn gối của tôi với Frank để biết tôi mong đợi gì ở anh ta?

“Tôi biết hẳn là em đang nghĩ về anh ta. Em không thể không nghĩ đến anh ta trong hoàn cảnh này. Tôi không muốn em có cảm giác em không thể

nói với tôi về anh ta. Cho dù bây giờ tôi là chồng em - nghe điều này thật lạ - nhưng em không nên quên hoặc thậm chí là cố gắng quên anh ta. Nếu em từng yêu anh ta, anh ta hẳn là một người đàn ông tốt.”

“Vâng, anh ấy... là một người như vậy.” Giọng tôi run run, và Jamie dùng ngón cái vuốt ve mu bàn tay tôi.

“Vậy tôi sẽ gắng hết sức chăm sóc vợ anh ta để tỏ lòng tôn kính linh hồn của anh ta.” Jamie nâng hai tay tôi lên và trịnh trọng hôn từng bàn tay.

Tôi hăng giọng. “Câu nói của anh nghe thật hào hiệp, Jamie.”

Anh ta đột nhiên nhoẻn miệng cười. “Ừ. Tôi đã nghĩ ra nó trong lúc Dougal chúc tụng ở dưới nhà.”

Tôi hít sâu một hơi. “Tôi có câu muốn hỏi,” tôi nói.

Anh ta cụp mắt xuống, che giấu một nụ cười. “Tôi cũng nghĩ vậy,” anh ta đồng ý. “Tôi cho là em được quyền có chút tò mò, trong hoàn cảnh này. Em muốn biết gì vậy?” Anh ta đột nhiên ngẩng lên, đôi mắt xanh ánh lên vẻ tinh quái dưới ánh đèn. “Tại sao tôi vẫn còn là trai tân?”

“Ồ, đó là chuyện riêng của anh,” tôi lẩm bẩm. Đột nhiên có cảm giác nóng hơn, tôi giật một tay ra để tìm khăn tay, và sờ thấy trong túi có vật gì cứng cứng.

“Ồ, tôi quên mất! Tôi vẫn cầm cái nhẫn của anh.” Tôi lấy nó ra và đưa trả cho anh ta. Nó là một cái nhẫn vàng khá nặng, đính một viên hồng ngọc mài tròn. Thay vì đeo nó vào ngón tay, anh ta mở cái túi da của mình và cất vào trong đó.

“Đó là nhẫn cưới của cha tôi,” anh ta giải thích. “Bình thường tôi không đeo nó đâu, nhưng tôi... chà, tôi muốn biểu thị lòng tôn trọng với em trong ngày hôm nay bằng cách khiến mình trông bảnh bao nhất có thể.” Anh ta khẽ đỏ mặt trước lời thú nhận này, và giả vờ lúi húi buộc lại cái túi da.

“Anh đã cho tôi cảm giác được trân trọng,” tôi nói, mỉm cười. Thêm một cái nhẫn ruby vào bộ trang phục lộng lẫy chói lọi thì chẳng khác nào

chở củi về rừng, nhưng tôi xúc động bởi nỗi băn khoăn lo lắng ẩn sau nó.

“Tôi sẽ mau chóng kiếm một cái nhẫn vừa với em,” anh ta hứa.

“Không cần thiết đâu,” tôi nói, cảm thấy có chút không thoải mái. Dù sao đi nữa, tôi cũng sắp đi rồi.

“Ồ, tôi có một câu hỏi quan trọng,” tôi nói, lôi kéo sự chú ý của anh ta. “Nếu anh không ngại nói với tôi. Tại sao anh lại đồng ý lấy tôi?”

“À.” Anh ta buông tay tôi ra và chỉnh lại tư thế ngồi. Anh ta ngập ngừng một thoáng trước khi trả lời, tay vuốt phẳng miếng vải len trên đùi. Tôi có thể thấy bắp cơ dài ở đùi anh ta căng ra bên dưới lớp vải nặng nề.

“Chà, trước hết là vì nếu không được trò chuyện cùng em nữa thì tôi sẽ thấy nhớ lắm,” anh ta nói, mỉm cười.

“Không, tôi hỏi thực lòng đấy,” tôi khẳng định. “Tại sao?”

Bấy giờ anh ta mới nghiêm túc. “Trước khi tôi nói với em, Claire, tôi muốn dò hỏi ở em một điều,” anh ta chậm rãi nói.

“Điều gì?”

“Lòng trung thực.”

Hắn là tôi đã rụt người lại vẻ không thoải mái, vì anh ta ngả người về phía trước, hai bàn tay đặt lên đầu gối.

“Tôi biết có những điều em sẽ không muốn nói với tôi, Claire. Có lẽ đó là những điều em *không thể* nói với tôi.”

Anh không biết anh nói đúng thế nào đâu, tôi nghĩ.

“Tôi sẽ không ép em hay khẳng định đòi biết những điều mà em băn khoăn lo lắng,” anh ta nghiêm túc nói, nhìn xuống hai bàn tay đang áp vào nhau.

“Tôi cũng có những điều không thể nói với *em*, chí ít là ở thời điểm hiện tại. Và tôi sẽ không đòi hỏi những gì mà em không thể cho tôi. Tôi chỉ dò hỏi ở em một chuyện - khi em nói với tôi điều gì đó, hãy nói sự thật. Và tôi cũng hứa với em như vậy. Có lẽ giữa chúng ta hiện không có gì ngoài sự

tôn trọng. Và tôi nghĩ rằng sự tôn trọng có chỗ cho những bí mật, nhưng không có chỗ cho những lời nói dối. Em có đồng ý không?” Anh ta xòe hai bàn tay ra. Tôi có thể nhìn thấy dấu vết của lời thề máu trên cổ tay anh ta. Rồi tôi nhẹ nhàng đặt tay mình vào lòng bàn tay to lớn ấy.

“Vâng, tôi đồng ý. Tôi sẽ thành thực với anh.” Những ngón tay anh ta nhẹ nhàng khép lại quanh bàn tay tôi.

“Tôi cũng vậy. Còn bây giờ,” anh ta hít sâu một hơi, “em đã hỏi tại sao tôi lại kết hôn với em.”

“Tôi chỉ tò mò chút thôi,” tôi nói.

Anh ta mỉm cười, sự hóm hỉnh lẫn khuất trong đôi mắt đã lan xuống khuôn miệng rộng. “Chà, cũng không thể trách em được. Tôi có vài lý do. Trong đó, có một, hai lý do tôi chưa thể nói với em ngay, mà sẽ bộc bạch khi nào đến lúc. Nhưng lý do chính thì cũng giống như lý do em kết hôn với tôi thôi; để bảo vệ em khỏi Jack Randall.”

Tôi khẽ rùng mình trước ký ức về gã Đại úy, và bàn tay của Jamie siết chặt lấy bàn tay tôi.

“Em *đang* được an toàn,” anh ta nói chắc chắn. “Em mang họ của tôi và có gia đình tôi, thị tộc tôi ở bên em, và nếu cần, tôi sẽ đem cả thân mình ra để bảo vệ em. Gã đó sẽ không thể chạm vào em, chừng nào tôi còn sống.”

“Cảm ơn anh,” tôi nói. Nhìn vào khuôn mặt trẻ trung, mạnh mẽ và đầy quyết tâm ấy, với đôi gò má rộng và quai hàm rắn chắc, lần đầu tiên tôi cảm thấy cái kế hoạch lố bịch này của Dougal cũng có phần đúng đắn.

Tôi sẽ đem cả thân mình ra để bảo vệ em. Câu nói này có tác động đặc biệt khi nhìn vào bờ vai rộng vững chắc và nhớ đến sự dũng mãnh của anh ta khi “biểu diễn” múa kiếm dưới ánh trăng. Anh ta nói thực lòng; dù còn trẻ, anh ta biết rõ mình đang nói gì, và mang trên người những vết sẹo để minh chứng cho điều đó. Anh ta không già dặn hơn nhiều viên phi công và lính bộ binh mà tôi đã chăm sóc, và cũng giống như họ, anh ta biết rõ cái giá của sự hứa hẹn. Anh ta không dành cho tôi những lời thề thốt lãng mạn,

mà thẳng thừng hứa sẽ đem cả tính mạng để bảo vệ tôi. Tôi chỉ hy vọng mình có thể đáp trả anh ta bằng thứ gì đó.

“Anh *thật* hào hiệp,” tôi thành thực nói. “Nhưng có đáng để, ờ, để kết hôn không?”

“Có chứ,” anh ta nói, gật đầu, rồi lại mỉm cười, lần này hơi nghiêm nghị. “Tôi thừa hiểu gã đó. Nếu có thể ngăn chặn, tôi sẽ không đứng yên khi nhìn thấy một con chó được trao cho hẳn giữ, nữa là một người phụ nữ không thể tự bảo vệ mình.”

“Cảm động quá,” tôi giễu cợt, và anh ta bật cười. Anh ta đứng lên, đi tới cái bàn gần cửa sổ. Ai đó - có lẽ là bà chủ quán trọ - đã bày ở đó một lọ hoa dại được làm bằng cái cốc vaj để uống rượu whisky. Đằng sau nó là một chai rượu và hai cái ly.

Jamie rót hai ly rượu và quay trở lại, đưa cho tôi một ly khi anh ta ngồi xuống.

“Không ngon bằng rượu của Colum,” anh ta cười nói, “nhưng cũng không quá tệ.” Anh ta giơ cái ly của mình lên. “Vì phu nhân Fraser,” anh ta nói khẽ, và tôi lại cảm thấy hoảng loạn. Tôi mạnh mẽ kìm nén cảm giác ấy và giơ cái ly của mình lên.

“Vì sự thành thật,” tôi nói, rồi chúng tôi cùng uống.

“Chà, đó là một lý do,” tôi nói khi hạ ly xuống. “Còn có những lý do nào khác mà anh có thể nói với tôi không?”

Anh ta chăm chú nhìn ly rượu. “Có lẽ chỉ là tôi muốn đưa em lên giường.” Anh ta đột ngột ngược lên. “Em có nghĩ thế không?”

Nếu anh ta định làm tôi bối rối thì anh ta đã khá thành công, nhưng tôi quyết tâm không thể hiện ra mặt.

“Ồ, thật thế ư?” Tôi táo bạo hỏi.

“Thực lòng mà nói, đúng là như vậy.” Đôi mắt xanh đằm tĩnh nhìn tôi qua vành ly.

“Anh đâu cần phải cưới tôi mới làm được điều đó,” tôi phản đối.

Anh ta có vẻ thực sự phật ý. “Em nghĩ tôi sẽ chiếm đoạt em mà không hỏi cưới em ư!”

“Nhiều người đàn ông vẫn làm vậy mà,” tôi nói, thích thú trước sự ngây thơ của anh ta.

Anh ta hơi lấp bắp vì bối rối, rồi trấn tĩnh lại, trình trọng nói: “Có lẽ em sẽ nghĩ rằng tôi tự phụ khi nói điều này, nhưng tôi nghĩ tôi không nằm trong số “nhiều người đàn ông” ấy, và tôi không nhất thiết phải có hành vi hạ tiện giống họ.”

Khá xúc động vì câu nói này, tôi trấn an anh ta rằng từ trước đến giờ tôi luôn thấy anh ta vừa ga lăng vừa lịch thiệp, và xin lỗi anh ta nếu tôi có vô ý nghi ngờ những động cơ của anh ta.

Chúng tôi tạm ngừng trò chuyện trong lúc anh ta rót rượu vào những cái ly rỗng.

...

Chúng tôi im lặng nhắm nháp rượu mất một lúc, cả hai đều cảm thấy hơi xấu hổ sau những lời trao đổi thẳng thắn vừa rồi. Vậy là, rõ ràng tôi có thứ để trao cho anh ta. Công bằng mà nói, ý nghĩ đó không phải là chưa từng xâm nhập vào đầu óc tôi, thậm chí trước cả khi tình huống kỳ cục này xảy ra. Anh ta là một chàng trai trẻ rất cuốn hút. Và cái khoảnh khắc ấy, ngay sau khi tôi đến lâu đài, lúc anh ta đặt tôi ngồi lên đùi mình, và...

Tôi nghiêng ly rượu của mình, uống cạn, rồi vỗ vỗ lên chỗ bên cạnh tôi ở trên giường.

“Lại đây ngồi với tôi nào,” tôi nói. “Và” - tôi cố tìm một chủ đề trò chuyện vô hại để giúp chúng tôi dễ dàng vượt qua sự lúng túng của việc gần gũi - “kể tôi nghe về gia đình anh. Anh sinh trưởng ở đâu?”

Chiếc giường lún xuống dưới sức nặng của cơ thể Jamie, và tôi phải gắng hết sức để không ngã vào người anh ta. Jamie ngồi gần đến nỗi tay áo anh ta chạm nhẹ vào cánh tay tôi. Bàn tay tôi đang đặt trên đùi. Anh ta cầm

lấy nó hết sức tự nhiên, và chúng tôi dựa lưng vào tường, cả hai đều không nhìn xuống nhưng lại nhận thức rõ về mối liên kết ấy như thể chúng tôi đã bị gắn vào nhau.

“Chà, tôi sẽ bắt đầu từ đâu nhỉ?” Anh ta bắt tréo chân gác lên cái ghế đầu. Tôi thích thú khi nhận ra người cao nguyên thường ngồi tán gẫu với nhau về những mối quan hệ rối rắm của gia đình và thị tộc, thứ hình thành nên nền tảng của hầu như bất cứ sự kiện quan trọng nào ở vùng cao nguyên Scotland. Có lần, Frank và tôi đã dành cả buổi tối trong một quán rượu làng, mê mải theo dõi hai cụ già lẩm cẩm truy nguyên trách nhiệm một vụ phá hủy kho thóc cổ mà, theo những gì tôi nghe lỏm được, bắt nguồn từ một mối thù truyền kiếp phức tạp ở địa phương nảy sinh vào khoảng năm 1790. Tôi có chút choáng váng khi nhận ra rằng mối thù truyền kiếp đặc biệt mà ngọn nguồn đã bị che khuất trong màn sương mù thời gian đó lúc này vẫn chưa bắt đầu. Kìm nén sự hỗn loạn trong đầu do nhận thức này gây ra, tôi ép mình tập trung chú ý vào điều Jamie đang nói.

“Cha tôi là một người thuộc thị tộc Fraser, đương nhiên rồi; ông là anh trai cùng cha khác mẹ với Công tử Lovat hiện tại. Nhưng mẹ tôi là một người MacKenzie. Cô biết rằng Dougal và Colum là cậu của tôi chứ?” Tôi gật đầu. Sự giống nhau giữa họ quá rõ ràng, bất chấp màu tóc khác biệt. Đôi gò má rộng và cái mũi dài thẳng như lưỡi dao của anh ta hiển nhiên là được thừa hưởng từ thị tộc MacKenzie.

“Ày, mẹ tôi là chị của họ, ngoài ra họ còn hai người chị em nữa. Dì Janet đã mất, giống như mẹ tôi, còn dì Jocasta thì lấy một người họ hàng của Rupert và sống ở ven hồ Eilean. Dì Janet có sáu người con, bốn trai hai gái, dì Jocasta có ba con, toàn là gái, Dougal thì có bốn con gái, Colum chỉ có cậu nhóc Hamish, còn cha mẹ tôi có tôi và chị gái tôi, được đặt theo tên của dì Janet, nhưng chúng tôi luôn gọi chị ấy là Jenny.”

“Rupert cũng là một người MacKenzie à?” Tôi hỏi, sau khi cố gắng phân biệt tất cả mọi người.

“Ừ. Ông ấy...” Jamie ngừng lại trong một thoáng, cân nhắc. “Ông ấy là anh em con chú con bác với Dougal, Colum và Jocasta, nghĩa là ông ấy là cậu họ của tôi. Cha của Rupert và ông ngoại Jacob của tôi là anh em, cùng với..”

“Chờ chút. Đừng lan man quá, nếu không tôi sẽ rối tung lên đấy. Chúng ta thậm chí còn chưa nhắc tới thị tộc Fraser, vậy mà tôi đã chẳng còn nhớ nổi những người họ hàng của anh rồi.”

Anh ta xoa xoa cằm, tính toán. “Hừm. về nhà Fraser thì phức tạp hơn một chút, bởi vì ông nội Simon của tôi có tới ba vợ, vì thế cha tôi có tới hai dòng anh chị em cùng cha khác mẹ. Giờ thì chỉ cần biết rằng tôi có sáu người chú bác và ba bà cô vẫn còn sống, ngoài ra chúng ta sẽ không nhắc đến người họ hàng nào nữa.”

“Vâng, cứ như vậy đi!” Tôi ngả người về đằng trước và rót một ly rượu nữa cho cả hai chúng tôi.

Thì ra lãnh địa của thị tộc MacKenzie và thị tộc Fraser có một đoạn đường biên giới chung kéo dài từ vùng duyên hải tới phía đuôi của hồ Ness. Theo xu hướng chung, đường biên giới này không có trong bản đồ và thường thay đổi theo thời gian, truyền thống và sự liên minh. Dọc theo đường biên giới này, ở đầu phía nam lãnh địa của thị tộc Fraser, có một cơ ngơi nhỏ của Brian Fraser - cha của Jamie, tên là Broch Tuarach.

“Đó là một mảnh đất khá trù phú, có sông hồ để đánh bắt cá và một khoảnh rừng lớn để săn bắn. Nó cung cấp lương thực thực phẩm cho khoảng sáu mươi trang trại nhỏ và ngôi làng nhỏ có tên Broch Mordha. Đương nhiên là cả cái trang viên chính khá hiện đại nữa,” anh ta nói, với chút kiêu hãnh, “và tòa tháp cũ mà hiện chúng tôi dùng để nhốt gia súc và cất ngũ cốc.”

“Dougal và Colum chẳng hài lòng chút nào khi chị gái kết hôn với một người Fraser, và khẳng định rằng bà không được làm tá điền trên mảnh đất của thị tộc Fraser mà phải sống trên một thái ấp riêng. Vì vậy, Lallybroch - những người sống ở đó gọi nó như vậy - được cắt cho cha tôi,

nhưng trong chứng thư chuyển nhượng có một điều khoản nói rằng mảnh đất chỉ được để lại cho mẹ tôi, Ellen, trong trường hợp bà có con. Nếu bà mất mà không sinh được người con nào, mảnh đất sẽ trở lại với Lãnh chúa Lovat sau khi cha tôi qua đời, kể cả khi cha tôi có con với người vợ khác. Nhưng ông không tái hôn, và tôi chính là con trai của mẹ tôi. Vì vậy Lallybroch là của tôi, dù nó có giá trị hay không.”

“Hôm qua anh vừa nói với tôi là anh không có tài sản gì cơ mà.” Tôi nhấp một ngụm rượu, thấy nó khá ngon; có vẻ như càng uống tôi lại càng thấy nó ngon hơn thì phải. Có lẽ tôi nên sớm ngừng lại.

Jamie lắc đầu. “Chà, đúng là nó thuộc về tôi. Nhưng vấn đề là lúc này nó chẳng đem lại lợi lộc gì cho tôi, vì tôi không thể tới đó.” Trông anh ta có vẻ áy náy. “Chính vì cái lệnh truy nã trên đầu tôi đây.”

Sau cuộc đào tẩu khỏi pháo đài William, anh ta đã được đưa tới Beannachd (có nghĩa là “Được ban phước,” anh ta giải thích), nhà của Dougal, để dưỡng thương. Sau đó, anh ta tới Pháp và chiến đấu cho quân đội Pháp trong hai năm quanh biên giới Tây Ban Nha.

“Anh ở trong quân đội Pháp hai năm mà vẫn còn là trai tân?” Tôi nghi ngờ bật thốt. Tôi đã chăm sóc cho rất nhiều đàn ông Pháp, và không nghĩ thái độ của đàn ông xứ Gaul đối với phụ nữ có thay đổi gì đáng kể trong hai trăm năm qua.

Jamie nhếch một bên khóe miệng và liếc xéo tôi.

“Nếu em nhìn thấy đám gái điếm phục vụ quân đội Pháp, Sassenach, em sẽ lấy làm lạ khi tôi có can đảm chạm vào một người phụ nữ, chưa nói đến chuyện đưa cô ta lên giường.”

Tôi mắc nghẹn, phì rượu vang ra và ho sặc sụa cho đến khi anh ta vỗ thùm thụp lên lưng tôi. Tôi đổ sụp người xuống, thở hổn hển, mặt đỏ bừng và giục anh ta tiếp tục câu chuyện.

Anh ta trở lại Scotland khoảng một năm trước, sống lần hồi trong rừng hoặc ăn trộm gia súc ở vùng biên giới trong sáu tháng, lúc thì ở một mình,

lúc lại gia nhập một băng nhóm “tứ cố vô thân” - bao gồm những kẻ không thuộc về thị tộc nào cả.

“Rồi một hôm, tôi bị ai đó dùng rìu hay thứ gì đại loại thế bổ vào đầu,” anh ta nhún vai, nói. “Và tôi phải dựa vào lời kể của Dougal để biết chuyện gì xảy ra trong hai tháng kế tiếp, vì tôi không nhớ được gì nhiều.”

Vào thời điểm xảy ra vụ tấn công, Dougal đang ở một điền trang gần đây. Bọn bè của Jamie đã đến tìm ông ta, và ông ta đã xoay xở đưa cháu mình tới Pháp.

“Tại sao lại là Pháp?” Tôi hỏi. “Đưa anh đi xa như thế hẳn phải mạo hiểm lắm.”

“Nếu để tôi ở lại nơi đó thì còn mạo hiểm hơn nhiều. Các đội tuần tra của quân Anh có mặt ở khắp vùng. Tôi và đồng bọn đã hoạt động khá tích cực quanh khu vực đó, em biết đấy - và tôi cho là Dougal không muốn họ tìm thấy tôi nằm bất tỉnh trong một túp lều của nông dân.”

“Hoặc trong nhà của ông ấy?” Tôi nói, hơi giễu cợt.

“Tôi cho là ông ấy cũng muốn đưa tôi tới nhà mình, nhưng không làm vậy vì hai lý do,” Jamie giải thích. “Thứ nhất, bấy giờ ông ấy có một vị khách người Anh. Thứ hai, nhìn vẻ ngoài của tôi, ông ấy nghĩ là tôi sắp chết, vì vậy ông ấy mới đưa tôi tới tu viện.”

Tu viện Ste. Anne de Beaupré, tọa lạc trên bờ biển Pháp, có vẻ là lãnh địa của Alexander Fraser, Tu viện trưởng của thánh đường dành cho việc học tập và thờ phụng này. Ông ta là một trong sáu người chú bác của Jamie.

“Ông ấy và Dougal không ưa gì nhau,” Jamie giải thích, “nhưng Dougal thấy rằng mình sẽ chẳng giúp được gì nhiều cho tôi nếu để tôi ở lại đây, trong khi người ở tu viện thì có thể.”

Đúng vậy. Nhờ kiến thức y khoa của các thầy tu và thể chất khỏe mạnh của mình, Jamie đã sống sót và dần hồi phục với sự chăm sóc của các thầy dòng Thánh Dominic.

“Khi đã khỏe lại, tôi liền trở về,” anh giải thích. “Dougal và người của ông ấy đón tôi ở bờ biển, và chúng tôi đang tiến thẳng đến lãnh địa của thị tộc MacKenzie thì, ờ, gặp em.”

“Đại úy Randall nói lúc ấy các anh đang ăn trộm gia súc,” tôi nói.

Anh ta mỉm cười, không hề bối rối trước lời buộc tội này. “Chà, Dougal không phải là người có thể bỏ qua cơ hội kiếm một chút lợi,” anh ta nói. “Chúng tôi tình cờ gặp một đàn gia súc béo tốt đang gặm cỏ trên cánh đồng, và xung quanh không có một ai. Vì vậy...” Anh ta nhún vai, vẻ cam chịu những điều không thể tránh khỏi trong cuộc đời.

Hóa ra tôi đã bắt gặp đoạn cuối cuộc đối đầu giữa người của Dougal và đội quân của Randall. Phát hiện quân Anh đang xông tới chỗ mình, Dougal đã cử một nửa số người lừa đàn gia súc đi vòng qua một bụi cây, trong khi những người còn lại ẩn nấp giữa các cây non, sẵn sàng mai phục quân Anh khi chúng đi qua.

“Rất hiệu quả,” Jamie tán tụng. “Chúng tôi thành lính vừa la hét vừa xông thẳng qua chúng. Đương nhiên là chúng đuổi theo chúng tôi, và chúng tôi vui vẻ dẫn dụ chúng băng qua các ngọn đồi, các dòng suối và các tảng đá; trong lúc ấy, những người còn lại đã lừa đàn bò cái chuồn qua biên giới. Sau đó, chúng tôi cắt đuôi được lũ lưng tôm và trốn trong ngôi nhà tranh nơi tôi lần đầu gặp em, đợi đến khi trời tối mới lên đường.”

“Tôi hiểu rồi,” tôi nói. “Nhưng tại sao anh lại trở về Scotland? Tôi nghĩ ở Pháp anh sẽ an toàn hơn nhiều.”

Anh ta mở miệng định trả lời, nhưng rồi lại nghĩ lại, “nhấp một ngụm rượu. Rõ ràng tôi đang tiến gần tới ranh giới bí mật của anh ta.

“Chà, đó là một câu chuyện dài, Sassenach ạ,” anh ta nói, lảng tránh vấn đề đó. “Tôi sẽ kể cho em nghe sau, còn bây giờ, chuyện của em thì sao? Em sẽ kể tôi nghe về gia đình em chứ? Đương nhiên là nếu em cảm thấy mình có thể,” anh ta vội nói thêm.

Tôi suy nghĩ trong một thoáng, nhưng thực sự thì kể với anh ta về cha mẹ tôi và bác Lamb cũng chẳng phải việc gì mạo hiểm. Suy cho cùng, lựa

chọn nghề nghiệp của bác Lamb cũng có ưu điểm. Dù là thế kỷ mười tám hay thế kỷ hai mươi thì nghiên cứu về đồ cổ cũng là một ngành nghề ít người hiểu nổi.

Thế là tôi kể cho anh ta nghe, chỉ loại bỏ những chi tiết nhỏ nhặt như ô tô, máy bay và đương nhiên cả cuộc thế chiến nữa. Khi tôi kể, anh ta lắng nghe chăm chú, thi thoảng lại hỏi mấy câu, bày tỏ sự thương tiếc trước cái chết của cha mẹ tôi hoặc niềm hứng thú với bác Lamb và những khám phá của bác.

“Và rồi tôi gặp Frank,” tôi kết thúc. Tôi ngừng lại vì không chắc mình có thể nói thêm được bao nhiêu trước khi sa vào phạm vi nguy hiểm. May thay, Jamie đã cứu nguy cho tôi.

“Em chưa muốn nói về anh ta ngay bây giờ,” anh ta tỏ vẻ thấu hiểu. Tôi gật đầu, không nói một lời, mắt hơi nhòa đi. Jamie buông tay tôi ra và choàng cánh tay quanh người tôi, nhẹ nhàng áp đầu tôi lên vai anh ta.

“Không sao,” anh ta nói, dịu dàng vuốt tóc tôi. “Em đã mệt chưa? Tôi để em đi ngủ nhé?”

Tôi định nói vâng, nhưng rồi lại cảm thấy làm như thế vừa không công bằng vừa hèn nhát. Tôi hắng giọng và ngồi dậy, lắc đầu.

“Không,” tôi nói, hít sâu một hơi. Trên người anh ta thoang thoang mùi xà phòng và rượu vang. “Tôi ổn cả. Hãy kể tôi nghe... kể tôi nghe hồi còn nhỏ anh thường chơi những trò gì.”

...

Căn phòng được thắp sáng bởi một cây nến dày có thể cháy trong mười hai giờ, trên thân nến có những vòng sấp tối màu để đánh dấu giờ giấc. Chúng tôi nói chuyện cho đến khi cây nến cháy hết ba vòng, chỉ buông tay nhau để rót rượu hoặc đứng lên đi vệ sinh đằng sau tấm rèm trong góc. Khi Jamie quay lại trong một lần đi vệ sinh, anh ta ngáp và vươn vai.

“Muộn lắm rồi,” tôi nói và cũng đứng dậy. “Có lẽ chúng ta nên lên giường thôi.”

“Được,” anh ta nói, xoa xoa gáy. “Lên giường? Hay đi ngủ?” Anh ta nhướn một bên lông mày vẻ hơi giễu cợt và khước miệng nhích lên.

Thực tế, tôi cảm thấy vô cùng thoải mái với anh ta đến mức gần như quên mất tại sao chúng tôi lại ở đó. Nghe thấy lời nhắc của anh ta, tôi đột nhiên cảm thấy hoảng hốt. “Chà...” tôi yếu ớt nói.

“Dù thế nào, em không định mặc nguyên váy mà ngủ đấy chứ?” Anh ta thẳng thừng hỏi.

“Ồ, không, tôi cho là không.” Kỳ thực, vì các sự kiện cứ dồn dập xô tới, tôi đã không nghĩ tới việc chuẩn bị một chiếc váy ngủ - mà dù sao đi nữa tôi cũng chẳng có thứ đó. Tôi vẫn thường mặc váy lót hoặc không mặc gì lúc ngủ, tùy thuộc vào thời tiết.

Jamie chẳng có gì ngoài bộ đồ anh ta đang mặc; rõ ràng anh ta sẽ mặc áo sơ mi hoặc khóa thân để ngủ, tình trạng ấy chắc chắn sẽ khiến mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn.

“Vậy thì lại đây, tôi sẽ giúp em cởi dây buộc và những thứ lằng nhằng khác.”

Hai bàn tay anh ta thoáng run khi anh ta bắt đầu cởi đồ cho tôi. Và anh ta hơi mất bình tĩnh trong lúc vật lộn với hàng tá những cái móc nhỏ xíu ở áo chèn.

“Ha!” Anh ta đắc thắng nói khi cái móc cuối cùng rời ra, và chúng tôi cùng cười phá lên.

“Giờ thì đến lượt tôi giúp anh,” tôi nói, quyết định rằng có trì hoãn hơn nữa cũng chẳng ích gì. Tôi giơ tay cởi khuy áo sơ mi của anh ta rồi luồn tay vào trong, chậm chậm lướt từ vai xuống ngực. Anh ta đứng yên, gần như nín thở, khi tôi quỳ xuống để mở khóa cái thắt lưng khám nạm của anh ta.

Đằng nào cũng phải làm, thà rằng làm luôn bây giờ, tôi nghĩ, và chủ động lướt hai bàn tay trên cặp đùi rắn chắc bên dưới chiếc váy của anh ta. Dù lúc này tôi đã biết rõ hầu hết đàn ông Scot mặc gì ở dưới váy - chẳng gì cả - nhưng tôi vẫn cảm thấy hơi sốc khi phát hiện ra điều đó ở Jamie.

Thế rồi, anh ta nâng tôi dậy và cúi đầu hôn tôi thật lâu. Hai bàn tay anh ta mò mẫm xuống dưới, tìm cái móc ở chiếc váy lót của tôi. Chiếc váy lót bông bình rơi xuống sàn, chỉ để lại trên người tôi độc chiếc áo lót.

“Anh học cách hôn như thế ở đâu vậy?” Tôi hỏi, hơi hỗn hển. Anh ta nhe răng cười và kéo tôi lại gần.

“Tôi chỉ nói tôi là trai tân chứ không phải thầy tu,” anh ta nói, lại hôn tôi. “Nếu thấy cần hướng dẫn, tôi sẽ hỏi.”

Anh ta ấn mạnh tôi vào người mình, và tôi có thể cảm nhận được anh ta đã rất sẵn sàng. Tôi có chút ngạc nhiên khi nhận ra mình cũng vậy. Cho dù đó là kết quả của giờ giấc muộn màng, rượu vang, sự hấp dẫn của anh ta hay chỉ đơn giản là sự thiếu thốn, tôi vẫn muốn anh ta ghé gớm.

Tôi tuột cái áo sơ mi của anh ta đến eo và lướt tay lên ngực anh ta, hai ngón cái mân mê vòng quanh núm vú. Chúng trở nên săn cứng trong một giây, và anh ta đột nhiên ghì chặt tôi vào ngực mình.

“Ồi!” Tôi thốt lên, vùng vẫy để thở. Anh ta buông ra và cất lời xin lỗi.

“Không, đừng lo; hôn tôi lại đi!” Anh ta làm theo, lần này thì tuột cái quai áo lót xuống khỏi vai tôi. Rồi anh ta hơi lùi lại, úp trọn bàn tay vào bầu ngực và mân mê nhũ hoa của tôi như tôi đã làm với anh ta. Tôi mò mẫm tìm cái móc khóa ở váy anh ta; những ngón tay anh ta hướng dẫn tôi và cái móc bật mở.

Đột nhiên anh ta bế tôi lên và ngồi xuống giường, giữ tôi trên lòng. Anh ta nói, giọng hơi khàn.

“Hãy nói cho tôi biết liệu tôi có quá thô bạo không, hoặc bảo tôi dừng lại hẳn nếu em muốn. Bất cứ lúc nào, cho đến khi chúng ta hòa làm một, tôi không nghĩ tôi có thể dừng lại sau thời điểm đó.”

Để đáp lại, tôi đặt tay sau gáy anh ta và kéo anh ta xuống người mình. Tôi hướng dẫn anh ta tới cái khe trơn trượt giữa hai chân tôi.

“Chúa ơi,” James Fraser nói, dù anh ta chưa bao giờ gọi tên Chúa trong những lời cảm thán.

“Đừng dừng lại,” tôi nói.

•••

Sau đó, lúc chúng tôi nằm bên nhau, anh đã có vẻ tự nhiên hơn khi nâng niu đầu tôi trên ngực mình. Chúng tôi hoàn toàn hòa hợp, và hầu hết sự gượng gạo ban đầu đã tan biến trong niềm phấn khích và sự mới mẻ của việc khám phá nhau. “Việc này có giống như anh nghĩ không?” Tôi tò mò hỏi. Anh cười khúc khích khiến ngực mình rung lên bên dưới tai tôi.

“Gần giống; anh đã nghĩ... Thôi, bỏ đi!”

“Không, nói với em đi. Anh đã nghĩ gì?”

“Anh sẽ không nói đâu; em sẽ cười nhạo anh mất.”

“Em hứa sẽ không cười đâu. Kể em nghe đi mà.” Anh vuốt tóc tôi, vén những sợi tóc xoắn ra sau tai.

“Ồ, thôi được rồi. Anh đã không biết là ta phải mặt đối mặt khi làm việc này. Anh cứ tưởng mình phải làm thế từ đằng sau; giống như lũ ngựa vậy.”

Phải khó khăn lắm tôi mới giữ được lời hứa là sẽ không cười nhạo anh.

“Anh biết điều đó nghe thật ngớ ngẩn,” anh nói với vẻ phòng thủ. “Chỉ là... chà, em biết là có những ý nghĩ xuất hiện trong đầu em khi còn nhỏ, và rồi chúng cứ bám chặt trong đó chứ?”

“Anh chưa từng thấy *người ta* làm tình bao giờ sao?” Tôi ngạc nhiên trước điều này sau khi nhìn thấy những ngôi nhà tranh của các chủ trại nhỏ, nơi cả gia đình cùng sinh hoạt trong một căn phòng duy nhất. Cứ cho là gia

đình Jamie không phải là chủ trại, nhưng hiếm có đứa trẻ người Scot nào chưa bao giờ tỉnh giấc giữa đêm và thấy người lớn giao hoan gần đó.

“Đương nhiên là có, nhưng họ toàn trùm chăn. Anh không thể nhìn thấy gì trừ việc đàn ông nằm ở bên trên. Anh chỉ biết có *chừng đó* thôi.”

“Ừm. Em đã nhận ra.”

“Anh có dè vào người em không?” Anh hỏi, hơi lo lắng.

“Không nhiều lắm. Nhưng anh thực sự nghĩ như thế đấy à?” Tôi không cười, nhưng không thể ngừng nhoẻn miệng. Tai anh hơi đỏ lên.

“Ừ. Có lần anh từng nhìn thấy một người đàn ông làm chuyện đó với một người phụ nữ ở ngoài trời. Nhưng đó... ờ, đó là một vụ cưỡng hiếp, và hẳn cưỡng hiếp cô ấy từ đằng sau. Việc đó đã ghi dấu trong đầu anh, và như anh đã nói đây, nó cứ ghim chặt cho đến bây giờ.”

Anh vẫn ôm tôi, lại dùng đến những kỹ thuật vuốt ve ngựa. Nhưng chúng dần biến thành sự khám phá dứt khoát hơn.

“Anh muốn hỏi em một điều,” anh nói, lướt bàn tay dọc theo sống lưng tôi.

“Điều gì nào?”

“Em có thích chuyện đó không?” Anh nói, hơi bẽn lẽn.

“Có, em thích,” tôi đáp, khá thành thật.

“Ồ. Anh nghĩ là em thích, nhưng Murtagh nói với anh rằng phụ nữ nói chung không quan tâm đến chuyện đó, vì thế anh nên kết thúc ngay khi có thể.”

“Murtagh thì biết cái gì chứ!” Tôi phẫn nộ nói. “Đối với hầu hết phụ nữ thì càng chậm càng tốt.”

Jamie lại cười khúc khích.

“Chà, chắc chắn là em biết rõ hơn Murtagh rồi. Tối qua anh đã nhận được khá nhiều lời khuyên về chủ đề này từ Murtagh, Rupert và Ned.

Nhưng hầu hết đều có vẻ hoang đường, vì thế anh nghĩ tốt hơn hết là nên dùng đến phán đoán của chính mình.”

“Phán đoán của anh đã không dẫn anh đi sai đường,” tôi nói, quần một sợi lông ngực của anh quanh ngón tay. “Họ còn cho anh những lời khuyên thông thái nào nữa vậy?” Da anh vốn có màu hung đỏ dưới ánh nến; tôi thích thú khi thấy nó càng trở nên đỏ hơn vì bối rối.

“Anh không thể nhắc lại phần lớn trong số đó. Dù sao đi nữa, như anh nói đây, anh nghĩ chúng đều sai cả. Anh đã thấy nhiều loài động vật giao phối với nhau, hầu hết bọn chúng có thể tự xoay sở mà chẳng cần bất cứ lời khuyên nào. Anh cho là con người cũng làm được điều tương tự.”

Tôi thầm lấy làm thú vị với việc có người nhạt nhẽo những kiến thức về kỹ thuật làm tình từ sân nuôi gà vịt và khu rừng, thay vì từ những căn phòng thay đồ và những cuốn tạp chí đen.

“Anh đã thấy những loài vật nào giao phối?”

“Ồ, đủ loại. Trang trại của bọn anh ở gần rừng, và anh đã dành nhiều thời gian ở trong rừng để săn bắn hoặc tìm kiếm những con bò cái khi chúng bị xống ra ngoài hoặc những việc tương tự. Anh đã nhìn thấy ngựa và bò, đương nhiên rồi, cả lợn, gà, bồ câu, chó, mèo, hươu hung, sóc, thỏ, lợn rừng, ồ, và có lẽ còn có cả một đôi rắn nữa.”

“Rắn á?”

“Ừ. Em có biết là rắn có hai dương vật không? Ý anh là, bọn rắn đực ấy.”

“Không, em không biết. Anh chắc chứ?”

“Chắc, và cả hai cái đều tẽ làm đôi, như thế này này.” Anh xòe ngón trỏ và ngón giữa ra để minh họa.

“Thế thì con rắn cái khó chịu lắm nhỉ,” tôi nói, cười khúc khích.

“Ồ, nó có vẻ thích thú thì có,” Jamie nói. “Anh cảm thấy như vậy; lũ rắn không có nhiều biểu cảm trên mặt.”

Tôi vùi mặt vào ngực anh, phì cười. Mùi xạ thơm tỏa ra từ người anh quện lẫn với mùi vải lạnh găng găng.

“Cởi áo anh ra đi,” tôi nói, ngồi dậy và kéo gấu áo anh.

“Tại sao?” Anh hỏi, nhưng vẫn ngồi dậy và làm theo. Tôi quỳ trước mặt anh, chăm chú ngắm nhìn cơ thể trần trụi của đối phương.

“Bởi vì em muốn ngắm anh,” tôi nói. Anh có thân hình đẹp, với những lằn xương dài duyên dáng và những búi cơ phẳng lì chạy thẳng từ đường cong của bộ ngực và bờ vai tới những chỗ lõm nhẹ ở bụng và đùi.

Anh nướng mày.

“Vậy thì phải công bằng chứ. Em cởi áo ra đi!” Anh vươn tay và giúp tôi tuột cái áo lót nhả nhúm xuống qua hông. Khi nó đã được cởi xong, anh ôm lấy eo tôi, chăm chú ngắm nhìn. Tôi bối rối khi anh nhìn kĩ tôi như vậy.

“Trước đây anh chưa từng nhìn thấy người phụ nữ nào khóa thân à?” Tôi hỏi.

“Rồi, nhưng không phải ở cự ly gần thế này.” Anh cười toét miệng. “Và đó cũng không phải là người phụ nữ của anh.” Anh vuốt ve hông tôi bằng cả hai tay. “Em có bờ hông rộng và đẹp; anh cho là em sẽ mắn đẻ đấy.”

“Cái gì!” Tôi phẫn nộ rụt người lại, nhưng anh nắm ngả ra và kéo tôi đè lên người anh. Anh ôm tôi cho đến khi tôi ngừng vùng vẫy, rồi nâng đầu tôi lên để hôn tôi lần nữa.

“Anh biết chỉ cần một lần là đủ để làm cho đám cưới này hợp lệ, nhưng...” anh bẽn lễn ngừng lời.

“Anh muốn làm lại lần nữa?”

“Em có phiền lòng không?”

Lần này tôi không cười, cảm thấy xương sườn kêu cọt kẹt vì căng thẳng.

“Không,” tôi nghiêm nghị nói. “Em sẽ không phiền lòng đâu.”

...

“Anh có đói không?” Lát sau, tôi khẽ hỏi.

“Anh “đói” em đến chết rồi.” Anh cúi đầu khẽ cắn ngực tôi, rồi ngẩng lên với một nụ cười toe. “Nhưng anh cũng cần thức ăn.” Anh lăn người tới mép giường. “Anh hy vọng trong bếp có thịt bò nguội và bánh mì, và có thể cả rượu vang nữa. Anh sẽ đi lấy bữa tối cho chúng ta.”

“Không, anh đừng có dậy. Để em đi lấy cho.” Tôi nhảy xuống giường và đi về phía cửa, choàng một cái khăn lên chiếc váy lót để chống lại cái lạnh ngoài hành lang.

“Đợi đã, Claire!” Jamie gọi. “Em nên để anh...” nhưng tôi đã mở cửa mất rồi.

Vừa bước ra khỏi cửa, tôi đã nhận được một tràng reo hò từ khoảng mười lăm người đàn ông đang nằm ngòai ngả gối quanh lò sưởi của căn phòng chính bên dưới, ăn uống và gieo súc sắc. Tôi đứng ngây người trên ban công trong một thoáng, mười lăm bóng người lập lòe trong ánh lửa đều hướng ánh mắt dâm dăng vào tôi.

“Này, cô gái!” Rupert, một trong những kẻ có mặt ở đó, hét to. “Cô vẫn có thể đi lại sao! Jamie không làm tròn bốn phận của mình với cô ư?”

Câu nói hóm hình này kéo theo những tràng cười hô hố và những lời nhận xét còn thô lỗ hơn về kỹ năng của Jamie.

“Nếu cô đã vắt kiệt sức của Jamie rồi, tôi sẽ vui lòng thế chỗ cậu ta!” Một thanh niên tóc sẫm lùn tịt đề nghị.

“Không, không, hẳn chẳng giỏi giang gì đâu, cô gái, chọn tôi này!” Một giọng khác kêu lên.

“Cô ấy sẽ không chọn ai trong các cậu đâu,” Murtagh hét to, giọng say xỉn. “Sau Jamie, cô ấy sẽ cần một thứ như thế này để thỏa mãn mình!” Ông

ta vẩy vẩy một khúc xương cừu to tướng trên đầu, khiến căn phòng rung lên vì tiếng cười.

Tôi xoay người trở lại phòng, đóng sầm cửa và đứng quay lưng vào nó, trừng trừng nhìn Jamie đang nằm khỏa thân trên giường, cười đến rung cả người.

“Anh đã cố cảnh báo em rồi mà,” anh nói, thờ hớn hển. “Nhìn mặt em kìa!”

“Toàn bộ những gã đó,” tôi rít lên, “đang làm gì ở ngoài kia?”

Jamie duyên dáng trườn khỏi cái giường tân hôn của chúng tôi và bắt đầu bò trên sàn để lục lọi đóng quần áo vứt vương vãi. “Làm chứng,” anh nói nhanh. “Dougal sẽ không chừa chỗ cho bất cứ khả năng nào khiến cuộc hôn nhân này bị hủy bỏ.” Anh cầm cái váy lên, đứng dậy và cười toe khi quần nó quanh thắt lưng. “Anh e là thanh danh của em đã bị tổn hại đến mức không khôi phục được, Sassenach ạ.”

Anh cứ thế ở trần mà đi ra cửa. “Đừng ra ngoài đó!” Tôi hoảng hốt nói. Anh quay lại, mỉm cười trấn an, tay đặt trên then cửa. “Đừng lo. Nếu họ ở đó để làm chứng thì phải có thứ gì đó cho họ nhìn chứ. Hơn nữa, anh không định nhịn đói trong ba ngày tới chỉ vì sợ hãi một chút bõn cọt.”

Anh bước ra khỏi phòng trong tiếng hoan hô thô tục, để cửa mở he hé. Tôi có thể nghe thấy quá trình anh đi tới nhà bếp nhờ những tiếng hò hét chúc mừng, những lời khuyên và những câu hỏi tục tũ.

“Lần đầu tiên thế nào hở Jamie? Có bị chảy máu không?” Giọng nói trêu chọc dễ dàng nhận ra là của Rupert vang lên.

“Không, nhưng ông thì sẽ bị đây, lão già nghe lén ạ, nếu ông không tự tát vào mặt mình.” Giọng nói sắc sảo, nặng tiếng địa phương của Jamie đáp lại. Những tiếng rú cất lên đầy vẻ thích thú trước câu nói hóm hình này, và sự chế giễu tiếp tục bám sát Jamie dọc theo hành lang tới bếp và trở lên gác.

Tôi mở cửa rộng hơn một chút cho Jamie bước vào, mặt anh đỏ như lửa và hai bàn tay ôm đầy đồ ăn thức uống. Anh lách người vào, theo sau là một tràng cười vui vẻ vọng lên từ bên dưới. Tôi chặn nó lại bằng một cú sập cửa dứt khoát và cài chốt.

“Anh mang đủ thức ăn để chúng ta không cần đi ra ngoài lần nữa,” Jamie nói, bày các món ăn lên bàn, tránh nhìn vào tôi. “Em ăn một chút nhé?”

Tôi vươn tay qua người anh để lấy chai rượu vang. “Chưa đâu. Em cần uống thứ gì đó trước đã.”

•••

Tuy vựng về nhưng ở anh có một sự thúc bách mạnh mẽ khuấy động tôi hưởng ứng theo. Không muốn rao giảng hay nhấn mạnh kinh nghiệm của mình, tôi để mặc anh làm gì tùy ý, chỉ thi thoảng đưa ra một gợi ý, chẳng hạn như anh có thể nâng trọng lượng cơ thể mình bằng khuỷu tay chứ không phải đè lên ngực tôi.

Mặc dù quá ham muốn và lóng ngóng nên không thể tỏ ra dịu dàng, nhưng anh vẫn làm tình với một niềm vui sướng không hề suy giảm khiến tôi nghĩ rằng có thể từ trước đến giờ sự trong trắng của đàn ông đã bị đánh giá quá thấp. Anh quá để tâm đến sự an toàn của tôi, khiến tôi cảm thấy vừa thích thú vừa bực tức.

Trong lần giao hoan thứ ba, tôi ưỡn người bám chặt vào anh và hét lên. Anh lập tức rụt lại, sừng sốt và áy náy.

“Anh xin lỗi,” anh nói. “Anh không cố ý làm em đau.”

“Anh đâu có làm em đau.” Tôi uể oải duỗi người, cảm thấy tuyệt vời trong cơn mơ màng.

“Em chắc chứ?” Anh nói, kiểm tra xem tôi có bị thương ở đâu không. Tôi chợt nghĩ ra rằng có thể trong bài giảng vội vàng của Murtagh và Rupert đã bỏ qua một vài điểm quan trọng.

“Điều này có phải lúc nào cũng xảy ra không?” Anh thích thú hỏi sau khi tôi đã khai sáng cho anh. Tôi cảm thấy mình khá giống Người vợ xứ Bath^[73] hoặc một geisha^[74] Nhật Bản. Tôi chưa bao giờ nghĩ mình sẽ trở thành người hướng dẫn nghệ thuật yêu đương, nhưng phải thừa nhận với chính bản thân rằng vai trò này có những nét hấp dẫn nhất định.

“Không, không phải lần nào cũng xảy ra,” tôi nói, cảm thấy tức cười. “Chỉ khi người đàn ông là một người tình giỏi.”

“Ồ.” Hai tai anh ửng hồng. Tôi hơi giật mình khi thấy vẻ thích thú được thay thế bằng sự quyết tâm càng lúc càng lớn dần.

“Hãy nói cho anh biết anh nên làm gì vào lần tiếp theo, được không?” Anh hỏi.

“Anh không cần phải làm gì đặc biệt,” tôi trấn an anh. “Chỉ cần làm thật chậm và để ý một chút. Nhưng tại sao lại phải đợi đến lúc khác chứ? Anh vẫn đang sẵn sàng kia mà.”

Anh kinh ngạc. “Em không cần đợi sao? Anh không thể làm lại lần nữa ngay sau khi...”

“Chà, phụ nữ thì khác.”

“Ừ, anh thấy rồi,” anh lẩm bẩm.

Anh dùng ngón cái và ngón trỏ bao quanh cổ tay tôi. “Chỉ là... em quá nhỏ bé; anh sợ mình sẽ làm em đau.”

“Anh sẽ không làm em đau đâu,” tôi sốt ruột nói. “Nếu có, em cũng sẽ không bận tâm.” Nhìn thấy vẻ ngô nghê trên mặt anh, tôi quyết định chỉ cho anh thấy ý mình là gì.

“Em đang làm gì vậy?” Anh bàng hoàng hỏi.

“Như anh thấy đấy. Yên nào.” Sau một lúc, anh hít mạnh một hơi. Tôi dừng lại.

“Em có làm anh đau không?” Tôi hỏi.

“Có. Một chút.” Nghe giọng anh như bị nghẹt thở.

“Anh có muốn em dừng lại không?”

“Không!”

Tôi tiếp tục một cách thô bạo cho đến khi người anh đột nhiên rung lên, với một tiếng rên rỉ cứ như tôi đã giật đứt trái tim anh. Anh nằm ngửa lại, run rẩy và thở hỗn hển. Anh lẩm bẩm gì đó bằng tiếng Gaelic, đôi mắt nhắm nghiền.

“Anh nói gì thế?”

“Anh nói,” anh đáp, mở mắt ra. “Anh nghĩ tim anh sẽ nổ tung mất.”

Tôi nhe răng cười, hài lòng với chính mình. “Ồ, Murtagh và bạn bè cũng không nói với anh về điều này à?”

“Có, họ có nói. Nhưng anh không tin.”

Tôi phì cười. “Vậy thì, có lẽ anh không nên kể cho em hay họ đã nói với anh những gì. Nhưng anh đã hiểu ý em khi em nói mình sẽ không bận tâm nếu anh thô bạo chưa?”

“Hiểu rồi.” Anh hít sâu một hơi và chậm chậm thở ra. “Nếu anh làm thế với em, em sẽ có cảm giác tương tự chứ?”

“Chà, anh biết đấy,” tôi chậm rãi nói, “em thực sự không biết.” Tôi đang cố gắng hết sức để không nghĩ về Frank, vì cảm thấy không nên có quá hai người trên chiếc giường hôn nhân, dù chỉ trong tâm tưởng. Jamie rất khác Frank, cả về cơ thể và tâm hồn, nhưng trên thực tế chỉ có một số cách để hai cơ thể giao hòa, và chúng tôi vẫn chưa có được sự thân mật để hoạt động yêu đương trở nên đa dạng. Sự hòa hợp của cơ thể là điều tất yếu, nhưng có một vài “lãnh địa” vẫn chưa được khám phá.

Lông mày Jamie nhướng lên, giả vờ đe dọa. “Ồ, vậy ra còn có một thứ mà em không biết? Vậy thì chúng ta sẽ tìm hiểu nhé, được không? Ngay khi anh có đủ sức để làm điều đó.” Anh lại nhắm mắt lại. “Một lúc nào đó vào tuần tới.”

...

Tôi tỉnh giấc khi trời vẫn còn mờ tối, run rẩy và cứng người lại vì sợ hãi. Tôi không thể nhớ nổi giấc mơ đã đánh thức tôi dậy, nhưng cảm giác đột ngột trở về thực tại cũng khủng khiếp không kém. Đêm qua, tôi có thể tạm thời quên đi tình cảnh của mình khi chìm đắm trong những khoái lạc của sự thân mật mới mẻ. Giờ thì chỉ còn trơ lại mình tôi bên cạnh một người lạ đang say ngủ, một người gắn kết chặt chẽ với cuộc đời lênh đênh phiêu bạt của tôi ở một nơi ẩn chứa vô vàn những mối đe dọa không thể nhìn thấy được.

Hẳn là tôi đã thốt ra một tiếng kêu đầy đau khổ, vì cái chắn mỏng đột nhiên bị hất tung và người lạ ở trên giường đột ngột nhảy xuống sàn khiến tôi sợ đến đứng tim, cứ như thể có một con chim trĩ bất chợt nhô lên từ dưới chân vậy. Anh dừng lại, khom mình ở cửa buồng, thân hình anh gần như không thể nhìn thấy trong thứ ánh sáng lờ mờ trước bình minh.

Anh tập trung nghe ngóng ở cửa rồi nhanh chóng kiểm tra căn phòng, bàn chân nhẹ nhàng lướt đi trên sàn, tiến đến cửa sổ rồi về lại giường mà không gây ra tiếng động nào. Tư thế của cánh tay anh mách bảo tôi rằng anh đang cầm một loại vũ khí gì đó, nhưng tôi không thể nhìn thấy nó là gì. Ngồi xuống cạnh tôi, hài lòng vì tất cả đều an toàn, anh luồn con dao hay cái gì đó về lại chỗ giấu nó bên trên tấm ván đầu giường.

“Em ổn cả chứ?” Anh thì thầm. Những ngón tay anh vuốt ve bờ má ướm của tôi.

“Vâng. Em xin lỗi vì đã làm anh tỉnh giấc. Em đã có một cơn ác mộng. Cái quái gì...” Tôi định hỏi thứ gì đã khiến anh thành linh bật dậy đầy cảnh giác như thế.

Một bàn tay to lớn ấm áp vuốt ve cánh tay trần của tôi, ngắt ngang câu hỏi ấy. “Hèn gì; em lạnh cóng rồi.” Anh đẩy tôi nằm xuống dưới những tấm chăn, chỗ anh vừa mới bỏ trống. “Là lỗi của anh,” anh lẩm bẩm. “Anh đã kéo hết chắn. Anh e là mình chưa quen ngủ chung giường với người khác.” Anh đắp lại chắn cho cả hai chúng tôi rồi nằm xuống bên cạnh. Một lát sau, anh lại giơ tay chạm vào mặt tôi.

“Có phải do anh không?” Anh khẽ hỏi. “Em không thể chịu nổi anh à?”

Tôi cười hích hích. “Không, không phải do anh đâu.” Tôi sờ soạng tìm bàn tay anh trong bóng tối. Những ngón tay tôi bắt gặp một mớ chăn rối nùi và làn da ấm áp, nhưng cuối cùng tôi cũng tìm thấy bàn tay mà tôi đang tìm kiếm. Chúng tôi nằm cạnh nhau, nhìn lên cái trần thấp có rui xà.

“Nếu em nói mình không thể chịu được anh thì sao nào?” Tôi đột nhiên hỏi. “Anh có thể làm gì được chứ?” Chiếc giường cọt kẹt khi anh nhún vai.

“Chắc là anh sẽ nói với Dougal rằng em muốn hủy bỏ cuộc hôn nhân này vì chưa được trải qua đêm tân hôn.”

Tôi cười phá lên. “Chưa được trải qua đêm tân hôn! Với *tất cả* những người làm chứng kia ư?”

Căn phòng bắt đầu sáng dần, giúp tôi nhìn thấy nụ cười trên khuôn mặt đang quay về phía mình. “Chà, cho dù có người làm chứng hay không thì chỉ em và anh mới có thể nói chắc chắn được thôi, không phải sao? Và anh thà chịu xấu hổ còn hơn phải cưới một người căm ghét mình.”

Tôi quay sang anh. “Em không ghét anh.”

“Anh cũng không ghét em. Có nhiều cuộc hôn nhân tốt đẹp bắt đầu với nền tảng còn tệ hơn thế.” Anh nhẹ nhàng xoay người tôi đi và áp người vào lưng tôi để chúng tôi nằm nép vào nhau. Bàn tay anh úp vào ngực tôi, không phải để khơi gợi hay đòi hỏi, mà vì nó có vẻ thuộc về nơi đó.

“Đừng sợ,” anh thì thầm vào tóc tôi. “Giờ chúng ta đã có hai người rồi.” Lần đầu tiên trong nhiều ngày qua, tôi cảm thấy ấm áp, thanh thản và an toàn. Chỉ khi mơ màng chìm vào giấc ngủ dưới những tia sáng ban mai đầu tiên, tôi mới nhớ ra con dao trên đầu mình, và một lần nữa tự hỏi, mối đe dọa nào khiến một người đàn ông phải mang vũ khí và luôn cảnh giác ngay cả lúc đang ngủ trong buồng tân hôn của mình?

16

Một ngày tươi đẹp

Sự thân mật khó khăn lắm mới có được của đêm qua dường như đã bốc hơi cùng với sương mai. Vào buổi sáng, chúng tôi thấy khá là ngại ngùng. Sau khi lẳng lặng ăn bữa sáng ở trong phòng, chúng tôi leo lên ngọn đồi nhỏ đằng sau quán trọ, thì thoảng nói với nhau vài lời lẽ lịch sự đầy gượng gạo.

Lên tới đỉnh đồi, tôi ngồi xuống một khúc gỗ để nghỉ ngơi, trong khi Jamie ngồi bệt trên mặt đất cách chỗ tôi vài mét, tựa lưng vào một cây thông non. Một loài chim nào đó đang loạt soạt trong bụi cây đằng sau tôi, chắc là chim sẻ vàng hoặc chim hét. Tôi lắng nghe tiếng nó, ngắm nhìn những đám mây nhỏ bé mịn màng bồng bênh trôi qua, và suy ngẫm về phép xã giao trong tình cảnh này.

Đúng lúc sự im lặng trở nên nặng nề đến mức không thể chịu nổi nữa, Jamie đột nhiên nói: “Anh hy vọng...” rồi ngừng lại, đỏ bừng mặt. Mặc dù tôi cảm thấy chính tôi mới là người nên đỏ mặt, nhưng tôi vẫn mừng thầm vì ít nhất giữa hai chúng tôi cũng có một người như thế.

“Cái gì cơ?” Tôi khuyến khích anh.

Anh lắc đầu, vẫn đỏ mặt. “Không có gì.”

“Nói đi!” Tôi dè dặt giơ chân huých nhẹ chân anh. “Thành thực, còn nhớ chứ?” Thế là không công bằng, nhưng tôi thực sự không thể chịu đựng hơn nữa những cú hăng giọng và liếc mắt căng thẳng.

Hai bàn tay anh càng siết chặt hơn quanh đầu gối, và anh ngả người ra sau một chút, nhưng ánh mắt vẫn gắn chặt vào tôi.

“Anh đang định nói,” anh khẽ nói, “rằng anh hy vọng người đàn ông đầu tiên có vinh hạnh ăn nằm với em cũng rộng lượng như em đối với anh.” Anh mỉm cười, hơi bẽn lẽn. “Nhưng nghĩ lại thì, nói vậy nghe có vẻ không ổn lắm. Ý anh là... chà, anh chỉ muốn nói là cảm ơn em.”

“Sự rộng lượng chẳng liên quan gì với chuyện đó cả!” Tôi cấm cẩu, cup mắt xuống và quệt lấy quệt để một vết bẩn không tồn tại trên váy. Một chiếc giày lớn huých vào mắt cá chân tôi.

“Chúng ta phải thành thật, đúng không?” Anh nhắc lại, và tôi ngước lên, bắt gặp cái nhướng mày chế giễu bên trên nụ cười tươi rói.

“Chà,” tôi chống chế, “không tính lần đầu tiên.”

Anh cười, và tôi kinh hoàng phát hiện ra rốt cuộc tôi cũng không thể ngăn mình đỏ mặt.

Một cái bóng mát mẻ đổ xuống khuôn mặt nóng bừng của tôi và một đôi tay lớn nắm chắc hai bàn tay tôi, kéo tôi đứng dậy. Jamie chiếm lấy vị trí của tôi trên khúc gỗ và vỗ vỗ vào đầu gối vẻ mời mọc.

“Ngồi đi,” anh nói.

Tôi miễn cưỡng tuân theo, ngoảnh mặt đi. Anh áp tôi vào ngực mình và quấn hai tay quanh eo tôi. Lưng tôi có thể cảm nhận rõ trái tim anh đập nhịp nhàng.

“Nào,” anh nói. “Nếu chúng ta không thể nói chuyện dễ dàng khi không đụng chạm, vậy thì chúng ta sẽ đụng chạm một chút nhé! Hãy nói anh nghe khi nào em lại cảm thấy quen thuộc với anh.” Anh ngửa ra sau để chúng tôi náu trốn mình dưới bóng của một cây sồi, cứ thế ôm chặt tôi mà không nói gì, chỉ thở chầm chậm, khiến tôi cảm nhận được sự nhô lên hạ xuống phập phồng nơi lồng ngực anh và hơi thở anh khuấy động tóc tôi.

“Được,” tôi nói sau một thoáng.

“Tốt.” Anh nới lỏng vòng tay và xoay người tôi đối mặt với anh. Ở khoảng cách gần gũi như thế này, tôi có thể nhìn thấy những sợi râu lún phún màu nâu vàng trên má và cằm anh. Tôi xoa tay lên đó; cảm giác như

đang sờ vào lớp vải nhung lông trên một chiếc sofa kiểu cổ, vừa cứng ngắt vừa mềm mại.

“Anh xin lỗi,” anh nói, “sáng nay anh không cạo râu được. Dougal có đưa cho anh một con dao cạo trước đám cưới, nhưng ông ấy đã lấy lại - chắc là để để phòng anh tự cắt cổ mình sau đêm tân hôn.” Anh nhe răng cười và tôi mỉm cười đáp lại.

Nhắc đến Dougal làm tôi nhớ tới cuộc trò chuyện của chúng tôi đêm qua.

“Em có một điều thắc mắc...” Tôi nói. “Đêm qua, anh nói Dougal và người của ông ấy đón anh ở bờ biển lúc anh từ Pháp về. Tại sao anh lại trở về với ông ấy, thay vì đi về nhà mình hoặc tới lãnh địa của thị tộc Fraser? Ý em là, cái cách Dougal đối xử với anh...” Tôi nói nhỏ dần, ngập ngừng.

“Ồ,” anh nói, đổi tư thế của hai chân. Tôi gần như có thể nghe thấy anh đang suy nghĩ. Anh quyết định khá nhanh chóng.

“Chà, anh cho là em nên biết điều này.” Anh cau mày. “Anh đã kể với em tại sao anh lại trở thành kẻ ngoài vòng pháp luật. Ờ, trong một thời gian sau khi... sau khi rời khỏi pháo đài, anh không quan tâm nhiều lắm... đến bất cứ thứ gì. Cha anh mất trong khoảng thời gian đó, còn chị anh...” Anh lại ngừng lại, và tôi cảm nhận được sự giằng xé trong nội tâm anh. Tôi xoay người lại để nhìn anh. Khuôn mặt thường ngày vui vẻ nay sa sầm lại vì một thứ xúc cảm mạnh mẽ.

“Dougal nói với anh,” anh chậm rãi kể, “Dougal nói với anh rằng... rằng chị anh đã có con. Với Randall.”

“Ôi trời ơi!”

Anh liếc nhìn tôi, rồi lại nhìn đi chỗ khác. Đôi mắt anh long lanh như sa phía và anh vội chớp chớp mắt.

“Anh... anh không thể trở về,” anh nói nhỏ. “Để gặp lại chị ấy, sau những gì đã xảy ra. Còn nữa,” - anh thở dài, rồi mím chặt môi - “Dougal kể với anh rằng chị ấy... sau khi đưa trẻ chào đời, chị ấy... chà, đương nhiên

rồi, chị ấy không thể không làm thế; chị ấy chỉ có một mình - mẹ kiếp, anh đã bỏ mặc chị ấy một mình! Dougal nói chị ấy đã qua lại với một tên lính Anh khác thuộc đơn vị đồn trú, nhưng ông ấy không biết kẻ đó là ai.”

Anh nuốt khan rồi tiếp tục với vẻ kiên quyết hơn. “Đương nhiên là anh vẫn gửi về nhà số tiền anh kiếm được, nhưng anh không thể... chà, anh không thể viết thư cho chị ấy. Anh biết nói gì đây?” Anh nhún vai vẻ vô vọng.

“Thế rồi, sau một thời gian, anh bắt đầu mệt mỏi với việc đi lính ở Pháp. Anh nghe bác Alex nói đến một kẻ đào ngũ người Anh tên là Horrocks. Gã đó đã rời khỏi quân đội và phục vụ cho Francis MacLean ở Dunweary. Một hôm, hấn say bét nhè và tiết lộ rằng hấn đã đóng quân ở pháo đài William lúc anh bỏ trốn. Và hấn đã nhìn thấy kẻ bắn viên thương sĩ vào ngày hôm đó.”

“VẬY là hấn có thể chứng minh thủ phạm không phải là anh!” Có vẻ đây là tin tốt, tôi nói với anh như vậy. Jamie gật đầu.

“Ừ. Mặc dù lời nói của một kẻ đào ngũ có thể không có giá trị lắm. Tuy nhiên, đó là một sự khởi đầu. Ít nhất anh sẽ biết thủ phạm là ai. Và mặc dù anh... chà, anh vẫn thấy mình chưa thể trở lại Lallybroch; tuy nhiên, sẽ tốt hơn nếu anh có thể đi lại trên mảnh đất Scotland mà không có nguy cơ bị treo cổ.”

“Vâng, ý nghĩ đó nghe thật tuyệt vời,” tôi hóm hỉnh nói. “Nhưng thị tộc MacKenzie xen vào chuyện này từ lúc nào vậy?”

Câu hỏi đó dẫn đến một sự phân tích phức tạp về các mối quan hệ gia đình và mối liên minh giữa các thị tộc, nhưng khi làn khói mù mờ tan đi, tôi nắm được rằng Francis MacLean có chút dây mơ rễ má gì đó với nhà MacKenzie, và đã chuyển lời của Horrocks tới Colum, vì vậy Colum liền phái Dougal đi bắt liên lạc với Jamie.

“Đó là lý do ông ấy có mặt ở gần chỗ anh bị thương,” Jamie kết thúc câu chuyện. Anh ngừng lại, nheo mắt nhìn mặt trời. “Sau đó, anh đã tự hỏi, liệu có phải chính ông ấy là người làm việc đó không.”

“Dùng rìu đánh anh? Cậu của anh? Tại sao chứ?”

Anh cau mày như thể đang cân nhắc nên nói với tôi chừng nào, rồi nhún vai.

“Anh không rõ em biết bao nhiêu về thị tộc MacKenzie,” anh nói, “mặc dù anh cho rằng em không thể không nghe kể gì về nó khi cười ngửa bên cạnh già Ned Gowan suốt mấy ngày trời. Ông ấy không thể tránh chủ đề đó lâu được.”

Anh gật đầu trước nụ cười đáp lại của tôi. “Chà, em đã chính mắt nhìn thấy Colum rồi đấy. Bất cứ ai cũng có thể thấy rằng ông ấy sẽ không thọ. Và nhóc Hamish mới chưa đầy tám tuổi; thằng bé sẽ không thể lãnh đạo thị tộc trong vòng mười năm tới. Vì vậy, chuyện gì sẽ xảy ra nếu Colum mất trước khi Hamish sẵn sàng?” Anh nhìn tôi, gợi ý.

“Ờ, em nghĩ Dougal sẽ là lãnh chúa,” tôi chậm rãi nói, “chỉ ít cho đến khi Hamish trưởng thành.”

“Đúng vậy.” Jamie gật đầu. “Nhưng Dougal không giống Colum, và trong thị tộc sẽ có những người không sẵn lòng đi theo ông ấy - nếu có sự lựa chọn thay thế.”

“Em hiểu,” tôi chậm rãi nói, “và anh chính là sự lựa chọn thay thế ấy.”

Tôi nhìn anh thật kĩ và buộc phải thừa nhận rằng khả năng đó khá lớn. Anh là cháu ngoại của cụ Jacob; là người có dòng máu MacKenzie, dù chỉ về đấng mẹ. Một anh chàng cao lớn, điển trai, cân đối, thông minh và có tài chỉ huy. Anh đã chiến đấu ở Pháp và chứng tỏ được khả năng lãnh đạo trong chiến trận; một điều quan trọng đáng cân nhắc. Ngay cả cái án truy nã anh đang mang cũng không phải là chướng ngại không thể vượt qua được - nếu anh là lãnh chúa.

Người Anh đã có đủ rắc rối ở vùng cao nguyên khi liên tục nổ ra các cuộc nổi loạn nhỏ, các vụ đột kích ở vùng biên giới và mâu thuẫn giữa các thị tộc, vì vậy họ sẽ không mạo hiểm buộc tội thủ lĩnh của một thị tộc lớn là kẻ giết người - mà đối với các thành viên trong thị tộc thì việc đó hoàn toàn

không được coi là giết người - để rồi gây ra một cuộc nổi dậy nghiêm trọng.

Treo cổ một tộc viên Fraser vô danh tiêu tốt là một chuyện; xông vào lâu đài Leoch và lôi lãnh chúa của thị tộc MacKenzie tới đối mặt với tòa án của Anh lại là một chuyện khác.

“Anh có ý định làm lãnh chúa không nếu Colum qua đời?” Suy cho cùng, đó là một cách thức để thoát khỏi những khó khăn của anh, dù tôi nghi ngờ rằng nó có vô số chướng ngại bao quanh.

Anh thoáng mỉm cười trước ý nghĩ ấy. “Không. Ngay cả khi anh cảm thấy mình có quyền - mà thực chất thì anh không có - việc đó sẽ gây chia rẽ thị tộc, người của Dougal sẽ chống lại những ai có thể theo anh. Anh không thích thứ quyền lực được đánh đổi bằng máu của những người khác. Nhưng Dougal và Colum không thể chắc chắn về điều đó, đúng không? Vì vậy họ có thể nghĩ rằng nếu giết anh thì sẽ an toàn hơn là lãnh lấy mối nguy đó.”

Tôi nhíu mày suy nghĩ. “Nhưng anh có thể nói với Dougal và Colum rằng anh không có ý định... Ồ.” Tôi ngược lên nhìn anh với vẻ kính nể. “Anh đã làm thế. Ở buổi lễ tuyên thệ.”

Lúc ấy tôi đã nghĩ anh xử lý quá tốt một tình huống nguy hiểm; giờ tôi mới thấy nó nguy hiểm *đến mức nào*. Các thành viên trong thị tộc chắc chắn muốn anh tuyên thệ; còn Colum thì không. Nếu tuyên thệ thì chẳng khác nào tuyên bố anh là một thành viên của thị tộc MacKenzie, và trở thành ứng viên tiềm năng cho vị trí thủ lĩnh. Anh đã phải đối mặt với khả năng bị tra tấn công khai hoặc thậm chí là chết nếu từ chối; còn nếu tuân lệnh, anh cũng có nguy cơ tương tự -nhưng riêng tư hơn.

Nhìn thấy mối nguy ấy, anh đã thận trọng chọn cách tránh xa nghi lễ. Và khi tôi, vì nỗ lực trốn thoát vụng về của mình, dẫn anh trở lại bờ vực thẳm, anh đã vững vàng đặt chân lên một sợi dây vô cùng mỏng manh và bước sang bờ bên kia. Quả là *Je suis prest*.

Anh gật đầu khi nhìn thấy những ý nghĩ ấy lướt qua trên nét mặt tôi.

“Ừ. Nếu anh tuyên thệ vào tối hôm đó, có khả năng anh sẽ không còn nhìn thấy bình minh nữa.”

Tôi thoáng run rẩy trước ý nghĩ ấy và tự trách mình đã quá ngu ngốc khi đẩy anh vào một tình thế nguy hiểm như vậy. Con dao anh để trên đầu giường bỗng có vẻ là một sự cảnh giác khôn ngoan. Tôi tự hỏi, lúc ở Leoch, đã bao đêm anh phải đi ngủ khi vẫn lăm lăm nắm vũ khí trong tay, đón chờ cái chết ghé thăm?

“Anh luôn mang vũ khí khi ngủ, Sassenach ạ,” anh nói, dù tôi không hề cất tiếng. “Trừ quãng thời gian ở tu viện, đêm qua là lần đầu tiên trong nhiều tháng anh không cầm dao trong lúc ngủ.” Anh nhe răng cười, rõ ràng đang nhớ lại thứ gì đã thay thế cho con dao đó.

“Làm thế nào mà anh biết được em đang nghĩ gì vậy?” Tôi hỏi, lời đi nụ cười của anh. Anh lắc đầu vẻ hiền hòa.

“Em sẽ là một gián điệp rất tồi, Sassenach. Mọi điều em nghĩ đều hiển hiện trên mặt, rõ như ban ngày. Em đã nhìn vào con dao găm của anh rồi đỏ mặt.” Anh chăm chú nhìn tôi, đầu nghiêng sang một bên. “Đêm qua anh đã dò hỏi ở em lòng trung thực, nhưng điều đó thực sự không cần thiết; em không thể nói dối.”

“Em vốn nói dối rất dở mà,” tôi cấm khẩu. “Vậy em có thể cho rằng chỉ ít *anh* không nghĩ em là gián điệp không?”

Anh không trả lời mà nhìn qua vai tôi về phía quán trọ, cơ thể đột nhiên căng cứng như dây cung. Tôi thoáng kinh ngạc, rồi bắt đầu nghe thấy những âm thanh đã thu hút sự chú ý của anh. Tiếng móng guốc thành thịch và tiếng yên cương lanh canh; một nhóm kỵ sĩ khá đông đang đi dọc theo con đường dẫn tới quán trọ.

Jamie khom người, thận trọng tiến tới một chỗ có thể nhìn bao quát con đường đằng sau những bụi cây. Tôi vén váy lên và rón rén theo sau anh hết sức lặng lẽ.

Con đường đột ngột bẻ cong qua một gò đất lổn nhổn đá, rồi nhẹ nhàng uốn lượn tới thung lũng lòng chảo nơi quán trọ tọa lạc. Làn gió ban

mai đưa những âm thanh của nhóm người ấy về phía chúng tôi, nhưng mất một, hai phút, con ngựa đầu tiên mới thò mũi vào tầm nhìn.

Đó là một nhóm khoảng hai, ba chục gã đàn ông, chủ yếu mặc quần bó sát bằng da và áo choàng len bằng vải kẻ ô, nhưng có màu sắc và hoa văn đa dạng. Tất cả đều trang bị vũ khí kỹ càng. Mỗi con ngựa đều có ít nhất một khẩu súng hỏa mai được buộc ở yên và một loạt những loại vũ khí khác như súng lục, dao găm và kiếm, chưa kể những món được cất giấu trong những cái túi yên ngựa to tướng trên người bốn con ngựa thồ. Ngoài ra, có sáu người còn dẫn theo những con ngựa không chở gì và không đóng yên.

Mặc dù mang quân trang như đang trong thời chiến nhưng nhóm người này lại có vẻ rất thư thái; họ tán gẫu và cười đùa theo từng nhóm nhỏ, thi thoảng mới có một cái đầu ngẩng lên, cảnh giác nhìn xung quanh. Tôi kìm lại thôi thúc cúi mình xuống khi ánh mắt của một gã lướt qua chỗ chúng tôi ẩn nấp, ánh mắt tìm kiếm sắc sảo ấy có vẻ sẽ phát hiện ra bất cứ cử động nào hoặc ánh mặt trời lấp lánh trên tóc Jamie.

Nghĩ vậy, tôi liền ngược lên nhìn, và phát hiện ra rằng Jamie cũng có ý nghĩ đó; anh đã kéo chiếc áo choàng len trùm qua đầu và vai, do đó mẫu hoa văn xỉn màu của chiếc áo đi sẵn khiến anh trông như một phần của lùm cây. Khi người cuối cùng rẽ vào sân quán trọ, Jamie thả chiếc áo choàng len xuống và ra hiệu cho tôi quay trở lại con đường dẫn lên đồi.

“Anh có biết họ là ai không?” Tôi hỗn hển hỏi khi theo anh lên bãi thạch nam.

“Ồ, có.” Jamie đi trên con đường dốc như một chú dê núi, không hề hụt hơi hay chậm một nhịp bước. Liếc nhìn lại, thấy tôi leo đồi khá vất vả, anh bèn dừng chân, chìa tay giúp tôi.

“Đó là đội tuần phòng,” anh nói, hất đầu về phía quán trọ; “Chúng ta đủ an toàn, nhưng anh nghĩ chúng ta nên tránh xa một chút”.

Tôi đã nghe nói về Đội Tuần Phòng Hắc Âm nổi tiếng, lực lượng cảnh sát không chính thức chuyên giữ gìn trật tự ở vùng cao nguyên, và cũng

nghe nói còn có những đội tuần phòng khác chuyên đi tuần tra lãnh địa của mình, thu thập “tiền quyên góp” từ các khách hàng để bảo vệ tài sản và gia súc cho họ. Các khách hàng nào khất nợ thì nên coi chừng, vì có thể vào một buổi sáng nào đó, khi thức dậy, họ sẽ thấy đàn vật nuôi của mình đã biến mất hết chỉ sau một đêm, không còn chút tăm tích. Tôi bỗng thấy hoảng hốt.

“Không phải là họ đang đi tìm anh đấy chứ?”

Anh giật mình nhìn lại như thể tưởng rằng những người đàn ông đó đang bò lên đồi để đuổi bắt mình, nhưng chẳng có ai cả, rồi anh quay sang nhìn tôi, nở nụ cười nhẹ nhõm và quàng tay quanh eo tôi để giúp tôi đi tiếp.

“Không, anh không nghĩ vậy. Mười đồng bảng Anh không đủ để lôi cuốn cả đồng người như thế sẵn lòng anh. Và nếu họ biết anh ở quán trọ, họ sẽ không trống dong cờ mở kéo cả đoàn đến thẳng cửa chính.” Anh lắc đầu dứt khoát. “Không, nếu họ đang tìm kiếm ai, họ sẽ cắt cử người đến canh gác ở đằng sau nhà và các cửa sổ trước khi tới cửa chính. Có lẽ họ chỉ ghé vào đó để nghỉ ngơi thôi.”

Chúng tôi tiếp tục leo lên đồi, băng qua chỗ con đường mòn biến mất trong những lùm kim tước và thạch nam. Chúng tôi đang ở giữa rặng đồi thấp dưới chân núi, và các tảng đá hoa cương vươn cao quá đầu Jamie, nhắc tôi nhớ đến những cột đá ở Craigh na Dun.

Thế rồi chúng tôi cũng lên đến đỉnh đồi, những ngọn đồi xung quanh đều dốc đến nghệt thờ và phủ đầy cây xanh. Hầu hết mọi nơi trên vùng cao nguyên đều tạo cho tôi cảm giác được vây quanh bởi những rặng cây, tảng đá hoặc đồi núi, nhưng ở đây chúng tôi được phơi mình trước những luồng gió tươi mát và những tia nắng của vầng mặt trời đã ló dạng như thể chúc mừng cuộc hôn nhân dị giáo của chúng tôi.

Tôi được trải nghiệm một cảm giác tự do đầy phấn khích khi thoát khỏi sự chi phối của Dougal và sự bầu bạn tù túng của quá nhiều người đàn ông. Tôi muốn dụ dỗ Jamie bỏ trốn và dẫn tôi theo, nhưng lý trí đã chiến thắng. Chúng tôi không có tiền hay thức ăn ngoài bữa trưa mà anh mang

theo trong cái túi da. Chắc chắn chúng tôi sẽ bị truy đuổi nếu không quay lại quán trọ vào lúc mặt trời lặn. Và mặc dù Jamie có thể leo qua những tảng đá cả ngày mà không đổ một giọt mồ hôi hay bị hụt hơi, nhưng tôi thì không được dẻo dai như thế. Nhận thấy mặt tôi đỏ bừng, anh dẫn tôi tới một tảng đá và ngồi xuống cạnh tôi, thư thái nhìn về phía những ngọn đồi xung quanh trong lúc đợi tôi lấy lại hơi sức. Ở đây, chúng tôi chắc chắn được an toàn.

Nghĩ về đội tuần phòng, tôi lập tức chạm vào cánh tay Jamie.

“Em rất mừng vì anh không đáng giá lắm,” tôi nói.

Anh nhìn tôi trong một thoáng, xoa xoa cái mũi khiến nó bắt đầu đỏ ửng.

“Chà, anh có thể hiểu câu nói của em theo vài cách khác nhau, Sassenach, nhưng trong hoàn cảnh này,” anh nói, “cảm ơn em.”

“Em nên cảm ơn *anh* mới đúng,” tôi nói, “vì đã lấy em. Em phải nói rằng em thà ở đây còn hơn là ở pháo đài William.”

“Cảm ơn quý cô vì lời khen đó, thưa quý cô,” anh nói, khẽ cúi đầu. “Anh cũng vậy. Và nhân lúc chúng ta đang tíu tít cảm ơn nhau,” anh nói thêm, “anh cũng nên cảm ơn em vì đã lấy *anh*.”

“Ờ, chà...” Tôi lại đỏ mặt.

“Không chỉ vì chuyện đó, Sassenach,” anh nói, nụ cười nở rộng hơn. “Dù chắc chắn nó cũng là một lý do. Anh cho là em đã cứu mạng anh, ít nhất là trong chừng mực có liên quan đến thị tộc MacKenzie.”

“Ý anh là gì?”

“Mang nửa dòng máu MacKenzie là một chuyện,” anh giải thích. “Mang nửa dòng máu MacKenzie và có một cô vợ người Anh lại là một chuyện khác. Một cô gái Sassenach sẽ không có nhiều cơ hội để trở thành phu nhân của Leoch, cho dù các thành viên trong thị tộc có thể nghĩ đến việc đưa anh lên làm lãnh chúa khi anh còn độc thân. Đó là lý do Dougal chọn anh là người kết hôn với em.”

Anh nướng một bên lông mày màu hung trong ánh nắng mai. “Anh hy vọng em không thích Rupert hơn?”

“Không, em không thích ông ta,” tôi nhấn mạnh.

Anh phì cười và đứng dậy, phủi những gai lá thông ra khỏi váy.

“Chà, mẹ anh nói với anh rằng vào một ngày đẹp trời, anh sẽ được một cô gái lựa chọn.” Anh giơ tay giúp tôi đứng dậy.

“Anh đã nói với bà,” anh tiếp tục, “rằng anh nghĩ việc lựa chọn là của đàn ông.”

“Vậ mẹ anh nói gì?” Tôi hỏi.

“Bà đảo mắt và nói: “Rồi con sẽ biết, thằng trống choai của mẹ, rồi con sẽ biết.”“ Anh cười. “Và giờ thì anh đã thấy rồi.”

Anh ngược nhìn ánh mặt trời lọt qua những tán lá thông nhọn, trông giống như những sợi chỉ màu vàng chanh.

“Và hôm nay là một ngày tươi đẹp. Đi nào, Sassenach. Anh sẽ đưa em đi câu cá.”

Chúng tôi đi sâu hơn vào trong rặng đồi. Lần này, Jamie chuyển hướng sang phía bắc, đi qua một bãi đá lộn xộn và chui qua một khe hở, bước vào trong một thung lũng hẹp nhỏ xíu, hai bên là những vách đá và cây cối rậm rạp, với tiếng nước ùng ục phát ra từ dòng suối được tạo thành bởi một tá ngọn thác nhỏ âm ầm đổ xuống hẻm núi.

Chúng tôi ngồi khua chân trong làn nước, di chuyển từ bóng râm ra ngoài nắng rồi lại trở lại bóng râm khi người bắt đầu nóng, tán gẫu đủ thứ chuyện trên trời dưới bể, để ý đến từng động tác nhỏ nhất của nhau, vui vẻ chờ đợi khoảnh khắc một ánh mắt nán lại và một cái đụng chạm báo hiệu cho điều gì đó hơn thế.

Jamie chỉ cho tôi cách nhử cá hồi phía trên một khúc suối lổm đổm nắng. Để tránh những nhánh cây sà thấp trên đầu, anh bước lom khom dọc theo một gờ đá nhô ra ngoài, hai cánh tay dang ra để giữ thăng bằng. Đi được nửa chừng, anh cẩn thận xoay người trên tảng đá và vẫy tôi đi theo.

Tôi đã xắn váy lên từ lúc đi trên con đường gồ ghề dẫn tới đây nên lúc này có thể đi lại dễ dàng. Chúng tôi nằm duỗi dài người trên tảng đá lạnh, đầu chụm vào nhau, nhòm xuống mặt nước, những nhánh liễu gai cọ vào lưng chúng tôi.

“*Tất cả những gì cần làm,*” anh nói, “là lựa chọn một địa điểm tốt rồi chờ đợi.” Anh thọc bàn tay xuống suối nhưng không làm nước bắn tóe lên, và cứ để nó ở yên dưới đáy cát, ngay bên ngoài cái bóng tối sẫm của gờ đá in trên mặt nước. Những ngón tay dài hơi co lại, bị nước làm cho méo mó, trông như đang nhẹ nhàng đưa qua lại tựa những chiếc lá của một loài thực vật thủy sinh, dù nhìn vào những thớ cơ trên cẳng tay anh, có thể thấy rõ bàn tay anh không hề cử động. Cánh tay anh đột ngột gập khúc ở chỗ tiếp xúc với mặt nước, giống như bị chệch khớp lúc tôi gặp anh lần đầu tiên, hơn một tháng trước - Chúa ơi, chỉ mới một tháng thôi ư?

Gặp gỡ được một tháng, kết hôn được một ngày. Bị trói buộc bởi những lời thề và máu huyết. Và cả tình bạn nữa. Khi đến thời điểm phải ra đi, tôi hy vọng mình sẽ không làm anh quá đau lòng. Tôi thấy mừng vì lúc này tôi không cần nghĩ về chuyện đó; chúng tôi đang ở xa Craigh na Dun, và chưa có cơ hội để trốn thoát khỏi Dougal.

“Hắn đây rồi.” Giọng nói của Jamie nghe không hơn gì một hơi thở; anh đã nói với tôi rằng cá hồi có đôi tai rất thính.

Từ góc nhìn của tôi, con cá hồi chỉ giống như sự khuấy động của mặt cát lổm đổm. Sâu trong bóng tối của tảng đá, những chiếc vảy của nó không hề óng ánh. Chỉ thấy những vết lấm chấm di chuyển trên những vết lấm chấm nhờ những cái vây trong suốt quạt qua quạt lại. Những con cá tuế này giờ tụ lại, tò mò rĩa lớp lông trên cổ tay Jamie đã lao bắn ra vùng nước sáng.

Một ngón tay từ từ gập lại, chạm đến nỗi khó mà nhìn ra cử động của nó. Tôi chỉ nhận thấy nó di chuyển nhờ sự thay đổi vị trí của nó so với các ngón tay khác. Rồi một ngón nữa chậm chậm gập lại. Sau một lúc lâu, lại thêm một ngón nữa.

Tôi hầu như không dám thở, trái tim đang áp trên tảng đá lạnh đập còn nhanh hơn cả nhịp hô hấp của con cá. Các ngón tay lại chậm chậm xò ra, từng ngón một, và làn sóng thôi miên lại bắt đầu, một ngón tay, một ngón tay, rồi lại thêm một ngón tay nữa, sự cử động uyển chuyển hết như một cái vây cá.

Như thể bị thu hút bởi chuyển động chậm chạp ấy, mũi của con cá hồi hếch lên, miệng và mang khẽ cử động theo nhịp hô hấp, lớp mang màu hồng hiện ra, biến mất rồi lại hiện ra và biến mất khi nắp mang nhịp nhàng mở ra rồi đóng lại.

Cái miệng của nó há ra đớp đớp nước. Hầu hết cơ thể của nó đã ra khỏi tảng đá, lơ lửng trong nước, nhưng vẫn còn ở trong bóng tối. Con mắt đờ đẫn đưa qua đưa lại.

Thêm hai, ba phân nữa là những cái nắp mang phập phồng ấy tới chỗ những ngón tay vẫy xảo trá. Tôi nhận ra mình đang bám chặt tảng đá bằng cả hai tay, áp mạnh má vào mặt đá hoa cương, như thể làm thế tôi có thể khiến mình ẩn nấp kín đáo hơn.

Chuyện xảy ra đột ngột như một vụ nổ, nhanh đến nỗi tôi không kịp nhìn rõ điều gì. Chỉ thấy nước bắn tung tóe lên tảng đá cách mặt tôi vài phân, bóng cái áo choàng len của Jamie nhoáng qua khi anh lăn người trên tảng đá phía trên tôi, và tiếng cơ thể con cá đập cái bịch vào bờ suối phủ đầy lá.

Jamie nhảy từ trên gờ đá xuống khúc suối cạn, bì bõm lội tới lấy chiến lợi phẩm trước khi con cá đang bất tỉnh có thể nhảy trở lại “thánh đường nước” của nó. Anh tóm lấy đuôi con cá, thành thạo quật nó vào một tảng đá, giết chết nó ngay lập tức rồi lội về để khoe thành quả với tôi.

“Một con cá to,” anh tự hào nói, giơ ra con cá rắn chắc dài khoảng ba mươi lăm centimet. “Đủ cho bữa sáng.” Anh nhoẻn miệng cười, người ướt tới đùi, tóc lòa xòa trên mặt, áo sơ mi loang lổ nước và dính những chiếc lá úa. “Anh đã nói sẽ không để em bị đói mà.”

Anh quấn con cá hồi trong nhiều lớp lá gừng bòn và bòn lạnh. Rồi anh rửa tay trong làn nước lạnh giá của con suối và trèo lên tảng đá, đưa cho tôi cái gói được quấn gọn gàng.

“Có thể đây là một món quà cưới kỳ cục,” anh hất đầu về phía con cá hồi, “nhưng không phải là không có tiền lệ, theo cách nói của Ned Gowan.”

“Có tiền lệ tặng cá cho người vợ mới cưới ư?” Tôi thích thú hỏi.

Anh cởi tất ra và phơi chúng trên tảng đá để hong khô dưới ánh mặt trời. Những ngón chân dài của anh vui vẻ ngo nguậy dưới nắng ấm.

“Đó là một bài tình ca cổ từ vùng Isles. Em có muốn nghe không?”

“Đương nhiên là có. Ờ, bằng tiếng Anh, nếu có thể,” tôi nói thêm.

“Ồ, được thôi. Anh không biết hát, nhưng anh sẽ đọc lời cho em nghe.” Và anh vén tóc ra khỏi mắt, ngâm nga:

“Nàng, con gái vị vua của những tòa nhà sáng rực,

Vào đêm trước hôm đám cưới của chúng ta,

Nếu tôi là người đàn ông sống ở Duntulm,

Tôi sẽ đến dâng tặng nàng những món quà.

Nàng sẽ nhận được một trăm con lừng, cư dân ở các bờ bãi,

Một trăm con rái cá màu nâu, cư dân của những dòng suối,

Một trăm con cá hồi bạc, nhảy lên từ những vực nước...”

Tiếp đó là một danh sách dài dằng dặc các loài động thực vật của vùng Isles. Nhìn anh ngâm nga, tôi ngẫm nghĩ về sự kỳ quặc của việc ngồi trên một tảng đá bên một con suối nhỏ ở Scotland, lắng nghe những bản tình ca Gaelic, với một con cá chết to tướng trong lòng. Kỳ quặc hơn là tôi thực sự đang rất thích thú.

Khi anh đọc xong, tôi vỗ tay, kẹp con cá hồi giữa hai đầu gối.

“Ồ, em thích bài đó! Đặc biệt là câu “*Tôi sẽ đến dâng tặng nàng những món quà.*” Anh ta có vẻ là một người tình rất nồng nhiệt.”

Jamie cười tươi rói, hai mắt nhắm lại trước ánh mặt trời. “Anh cho là anh có thể thêm vào một dòng của chính mình: “Anh sẽ nhảy xuống những khe suối vì em.”“

Chúng tôi cùng cười rồi im lặng trong một lúc, phơi mình dưới ánh nắng ấm áp đầu hè. Nơi đây rất bình yên, không có lấy một âm thanh nào khác ngoài tiếng nước chảy róc rách. Hơi thở của Jamie đã đều trở lại. Tôi nhận thấy rõ sự phập phồng ở ngực anh và mạch đập chậm rãi nơi cổ anh. Anh có một vết sẹo nhỏ hình tam giác, ngay ở hõm cổ.

Lại bắt đầu thấy e dè và căng thẳng, tôi giơ tay nắm chặt tay anh, hy vọng sự tiếp xúc này sẽ đem lại cảm giác thoải mái giữa hai chúng tôi. Anh choàng cánh tay quanh vai tôi, nhưng chỉ khiến tôi cảm nhận được những đường nét rắn chắc của cơ thể anh bên dưới làn áo mỏng, tôi rụt lại, giả vờ nhổ một khóm thiên trúc quý có hoa màu hồng mọc lên từ một kẽ nứt trên tảng đá.

“Nó trị chứng đau đầu rất hiệu quả,” tôi giải thích, nhét chúng vào thắt lưng.

“Em khó chịu vì điều đó,” anh nói, nghiêng đầu nhìn tôi chăm chú. “Anh không nói đến chứng đau đầu. Mà là Frank. Em đang nghĩ đến anh ta, vì thế em thấy khó chịu khi anh chạm vào em bởi vì em không thể nghĩ đến cả hai bọn anh cùng một lúc. Đúng không?”

“Anh thật nhạy cảm,” tôi kinh ngạc nói. Anh mỉm cười, nhưng không chạm vào tôi nữa.

“Không khó khăn gì để suy ra được điều đó. Khi chúng ta cưới nhau, anh biết rằng thi thoảng em sẽ không tìm được mà nghĩ về anh ta, cho dù em có muốn hay không.”

Vào lúc này thì tôi không nghĩ đến Frank, nhưng anh nói đúng; tôi không thể tìm lòng được.

“Anh có giống anh ta không?” Anh đột nhiên hỏi.

“Không.”

Kỳ thực, khó mà tưởng tượng ra một sự tương phản nào lớn hơn. Frank mảnh khảnh, mềm dẻo và có mái tóc sẫm màu, trong khi Jamie to lớn, mạnh mẽ và có mái tóc rực rỡ như một tia nắng màu hung đỏ. Mặc dù cả hai người đều có vóc dáng săn chắc như của một vận động viên, nhưng Frank giống một vận động viên tennis, còn Jamie thì có cơ thể của một chiến binh, được hình thành - và trui rèn - bởi sự mài giũa của nghịch cảnh. Frank cao hơn tôi suýt soát chục phân. Còn khi đứng đối diện với Jamie, mũi tôi vừa vịn khít với cái hõm nhỏ ở giữa ngực anh, và cằm anh có thể dễ dàng đặt lên đỉnh đầu tôi.

Hai người đàn ông ấy không chỉ khác nhau về hình thể, họ còn cách biệt gần mười lăm năm tuổi tác. Đó có thể là lý do cho chút khác biệt giữa sự dè dặt, lịch sự của Frank và sự cởi mở, bộc trực của Jamie. Là một người tình, Frank tinh tế, tỉ mỉ, chu đáo và khéo léo. Còn Jamie, do thiếu kinh nghiệm hoặc giả vờ như vậy, anh chỉ đơn giản cho tôi tất cả con người anh, không chút đắn đo. Và phản ứng của tôi với điều đó làm tôi hoàn toàn bối rối.

Jamie đang quan sát sự giằng xé của tôi với vẻ cảm thông.

“Chà, thế thì, có vẻ như anh có hai sự lựa chọn trong vấn đề này,” anh nói. “Anh có thể để em suy nghĩ ủ ê về nó, hoặc...”

Anh cúi xuống, nhẹ nhàng đặt môi lên môi tôi. Tôi đã hôn nhiều người đàn ông, đặc biệt là trong những năm chiến tranh, khi sự tán tỉnh và những mối tình chớp nhoáng là người bạn đồng hành của cái chết và tình cảnh bấp bênh. Nhưng Jamie thật khác biệt. Sự dịu dàng tốt độ của anh không hề mang vẻ thăm dò; nó giống như sự hứa hẹn về một thứ sức mạnh được ý thức và kiểm soát chặt chẽ; một sự thách thức và khiêu khích không có tính đòi hỏi. Anh là của em, nụ hôn ấy như muốn nói. Nếu em đón nhận anh, vậy thì...

Miệng tôi mở ra, hoàn toàn đón nhận cả sự hứa hẹn và thách thức ấy mà không cần đắn đo suy nghĩ. Sau một lúc lâu, anh ngẩng lên và mỉm cười với tôi.

“Hoặc, anh có thể cố gắng làm em phân tâm,” anh kết thúc.

Anh áp đầu tôi vào ngực anh, vuốt ve tóc tôi và vén lại những sợi tóc xoăn lòa xòa quanh tai tôi.

“Anh không biết liệu nói thế này có giúp gì được cho em không,” anh khẽ nói, “quả là một điều kỳ diệu với anh khi biết rằng anh có thể làm em thỏa mãn - rằng cơ thể em có thể bị kích thích trước cơ thể anh. Trước kia, anh chưa từng nghĩ tới một điều như thế.”

Tôi hít sâu một hơi trước khi đáp lời. “Vâng,” tôi nói. “Em nghĩ câu nói ấy đã giúp được em.”

Chúng tôi lại im lặng trong một lúc lâu. Cuối cùng, Jamie rụt lại và nhìn tôi, mỉm cười.

“Anh đã nói với em là anh không có tiền, cũng chẳng có tài sản gì rồi chứ, Sassenach?”

Tôi gật đầu, lòng băn khoăn tự hỏi không biết anh có ý gì.

“Đáng lẽ anh phải cảnh báo em rằng chúng ta có thể phải ngủ trên những đồng cỏ khô, chẳng có gì để nhét vào bụng ngoài bia thạch nam và *drammach*.”

“Em không bận tâm đâu,” tôi nói.

Anh hất đầu về phía một khe hở trong rặng cây, mắt vẫn không rời khỏi tôi.

“Quanh anh không có đồng cỏ khô nào, nhưng ở ngoài kia có một vạt dương xỉ điều hâu tươi non. Nếu em muốn, hãy tới đó...?”

•••

Một lát sau, tôi vuốt ve lưng anh, tấm lưng ẩm ướt vì gắng sức và dính phải nhựa của những cây dương xỉ bị nghiền nát.

“Nếu anh nói cảm ơn một lần nữa, em sẽ tát anh đấy,” tôi nói.

Nhưng đáp lại tôi chỉ là một tiếng ngáy nhẹ nhàng. Một cây dương xỉ quệt qua má anh và một con kiến tò mò bò ngang qua bàn tay anh, khiến những ngón tay dài co lại trong giấc ngủ.

Tôi búng nó đi và nằm chống một bên khuỷu tay, ngắm nhìn anh. Anh đang nhắm mắt nên có thể thấy lông mi anh khá dài và dày, nhưng có màu thật kỳ cục; ở ngọn là màu nâu vàng sẫm, nhưng ở chân lại rất nhạt, gần như vàng hoe.

Miệng anh trong lúc ngủ không còn nét cứng rắn. Mặc dù khóe môi vẫn hơi nhích lên hóm hỉnh nhưng môi dưới lại trễ xuống, trông vừa gợi cảm vừa ngây thơ.

“Chết tiệt,” tôi khẽ lẩm bẩm.

Tôi đã chống cự lại điều này trong một thời gian. Trước cuộc hôn nhân kỳ quặc của chúng tôi, tôi đã ý thức rõ sự hấp dẫn của anh. Đây cũng không phải chuyện gì mới mẻ, nó hẳn đã xảy ra với hầu hết mọi người. Ta đột nhiên trở nên nhạy cảm trước sự hiện diện, sự xuất hiện của một người đàn ông hay một người phụ nữ đặc biệt. Ta có thôi thúc dõi mắt theo anh ta, sắp xếp những cuộc gặp “tình cờ” nho nhỏ, nhìn trộm khi anh ta làm việc, để ý đến từng chi tiết nhỏ trên cơ thể anh ta - chẳng hạn như xương bả vai bên dưới lớp vải áo, những khớp xương gồ lên ở cổ tay, làn da mềm mại bên dưới quai hàm lún phún chân râu.

Sự “say nắng”. Đó là chuyện phổ biến giữa y tá và bác sĩ, y tá và bệnh nhân, giữa bất cứ nhóm người nào bị đẩy vào nhau trong một khoảng thời gian dài.

Vài người hành động theo bản năng, dẫn đến những mối tình chóng vánh, mãnh liệt. Nếu họ may mắn, mối tình ấy bùng cháy trong vài tháng rồi tắt lụi và chẳng để lại hậu quả gì. Nếu không may... Ôi chà. Mang thai, ly dị, thi thoảng còn có trường hợp mắc bệnh hoa liễu. Sự “say nắng” ấy thật nguy hiểm.

Tôi cũng từng vài lần có cảm giác ấy nhưng đủ lý trí để không đi xa hơn. Và như thường lệ, sau một thời gian, sự hấp dẫn đã giảm bớt, người

đàn ông kia mất đi vầng hào quang rực rỡ và quay trở lại vị trí bình thường trong cuộc đời tôi, không gây hại gì cho anh ta, tôi hay Frank.

Còn bây giờ. Tôi bị buộc phải thuận theo sự say nắng đó. Và chỉ có Chúa mới biết hành động này có thể gây ra hậu quả gì. Nhưng tôi đã không còn đường quay lại.

Anh nằm sấp, chân tay dang rộng thoải mái. Ánh mặt trời lấp lánh trên mái tóc đỏ của anh và chiếu sáng những sợi lông to mềm mại gợn lên nhấp nhô dọc theo sống lưng anh, trải dài xuống tận mông và đùi.

Tôi ngồi dậy, chăm chú nhìn cặp chân dài với những bắp cơ săn chắc. Lòng bàn chân anh phẳng và có màu hồng, hơi chai vì đi chân trần.

Những ngón tay tôi bứt rứt muốn lần theo đường nét cái tai nhỏ gọn và quai hàm góc cạnh của anh. Chà, dù sao thì sự cũng đã rồi, có muốn tìm lại cũng chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Bây giờ tôi có làm gì thì cũng chẳng thể khiến mọi chuyện tồi tệ hơn đối với cả hai chúng tôi. Nghĩ vậy, tôi vươn tay ra và nhẹ nhàng chạm vào anh.

Anh ngủ không sâu. Với một cú lật người đột ngột khiến tôi giật nảy mình, anh chống hai khuỷu tay như thể định bật dậy. Nhìn thấy tôi, anh dụi đi, mỉm cười.

“Quý cô à, cô đã đẩy tôi vào thế bất lợi.”

Anh cúi đầu lịch thiệp dù vẫn đang nằm xoài trên một tràng dương xỉ, chẳng có gì trên người ngoài một vài đốm nắng lấm chấm, khiến tôi cười phá lên. Nụ cười trên mặt anh thay đổi khi anh nhìn tôi khỏa thân giữa đám dương xỉ. Giọng anh đột nhiên khàn khàn.

“Thực tế thì, thưa quý cô, tôi phó mặc thân mình cho quý cô định đoạt”

“Thật không?” Tôi khẽ nói.

Anh không cử động khi tôi vươn tay ra lần nữa và chậm chậm lướt bàn tay dọc theo má và cổ anh, rồi lần theo độ dốc của bờ vai anh xuống dưới. Anh nhắm mắt lại.

“Chúa ơi,” Anh thốt lên, hít vào một hơi thật mạnh.

“Đừng lo,” tôi nói. “Em sẽ không thô bạo đâu.”

“Ờn Chúa!”

“Yên nào!”

Các ngón tay anh cắm sâu vào lớp đất dễ vỡ vụn, nhưng anh vẫn ngoan ngoãn tuân theo lời tôi.

“Làm ơn,” sau một lúc, anh nói. Tôi liếc nhìn lên, thấy hai mắt anh đang mở.

“Không,” tôi thích thú nói. Anh lại nhắm mắt lại.

“Em sẽ phải trả giá vì chuyện này,” lát sau, anh nói. Một giọt mồ hôi ánh lên trên sống mũi thẳng băng của anh.

“Thật sao?” Tôi nói. “Anh định làm gì?”

Hai cánh tay anh nổi gân xanh khi anh áp chặt lòng bàn tay vào đất, và anh gắng sức nói, như thể hai hàm răng đang nghiền chặt.

“Anh không biết, nhưng... vì Chúa và Thánh Agnes... anh sẽ... ng-
nghĩ ra t-thứ gì đó! Chúa ơi! Làm ơn!”

“Được rồi,” tôi nói, buông anh ra.

Anh lập tức lăn lên người tôi, ấn tôi xuống đám dương xỉ, khiến tôi thốt ra một tiếng thét nhỏ.

“Đến lượt em,” anh nói, với sự hả hê thỏa mãn.

...

Chúng tôi lên đường trở về quán trọ vào lúc hoàng hôn, và ngừng lại một lát ở đỉnh đồi để kiểm tra xem lũ ngựa của đội tuần phòng có còn được buộc ở bên ngoài không.

Quán trọ trông đầy vẻ chào đón, ánh đèn đã tỏa ra qua các ô cửa sổ bé nhỏ và những khe hở trên các vách tường. Tia nắng cuối cùng dịu dàng chiếu rọi từ đằng sau chúng tôi, khiến mọi thứ trên sườn đồi hắt xuống một

cái bóng dài gấp đôi. Cơn gió nhẹ nổi lên mang theo hơi lạnh, và đám lá cây rung rinh tạo ra vô số cái bóng nhảy múa trên mặt cỏ. Tôi dễ dàng tưởng tượng ra trên đồi có những nàng tiên đang khiêu vũ với những cái bóng đó, rồi luồn lách qua những thân cây mảnh mai để hòa mình vào sự thắm sâu của khu rừng.

“Dougal cũng chưa về,” tôi nhận xét khi chúng tôi đi xuống đồi. Con ngựa thiến màu đen to lớn mà ông ta quen cưỡi không có ở trong bãi giữ ngựa nhỏ của quán trọ. Vài con khác cũng không thấy đâu, chẳng hạn như con ngựa của Ned Gowan.

“Chưa. Ít nhất phải một, hai ngày nữa ông ấy mới quay lại.” Jamie chậm rãi dìu tôi xuống đồi, cẩn thận bước qua vô số hòn đá nhô lên trên lớp cỏ ngắn.

“Ông ấy đi đâu vậy?” Bị cuốn theo luồng sự kiện dồn dập xảy đến gần đây, tôi đã không nghĩ tới chuyện hỏi thăm về sự vắng mặt của ông ta - thậm chí còn chẳng để ý đến.

Jamie dẫn tôi đi qua bụi tre⁷⁵¹ ở đằng sau quán trọ.

“Đi làm công chuyện của ông ấy với các nông dân ở gần đây. Chỉ còn một, hai ngày nữa là ông ấy phải dẫn em tới pháo đài để trình diện rồi.” Anh siết chặt cánh tay tôi về trấn an. “Đại úy Randall sẽ không vui về gì khi Dougal nói với hắn rằng hắn không có quyền bắt giữ em, và Dougal sẽ không muốn nấn ná ở vùng đất này thêm một giây phút nào nữa.”

“Ông ấy quả là khôn ngoan,” tôi nhận xét. “Và cũng rất tử tế khi để chúng ta ở lại đây để, ờ... làm quen với nhau.”

Jamie hừ mũi. “Chẳng tử tế gì đâu. Đó là một trong những điều kiện mà anh đặt ra với ông ấy khi đồng ý cưới em. Anh đã nói anh sẽ kết hôn với em nếu anh buộc phải làm vậy, nhưng anh sẽ không đòi nào trải qua đêm tân hôn trong một bụi cây, với hai mươi tộc viên nhìn ngó chòng chọc và nhao nhao chỉ bảo điều này điều nọ.”

Tôi dừng lại, nhìn anh chăm chăm. Vậy ra lúc đó anh đã to tiếng vì chuyện này.

“Một trong những điều kiện của anh?” Tôi chậm rãi nói. “Thế những điều kiện còn lại là gì?”

Trời đã quá tối nên không thể nhìn rõ mặt anh, nhưng tôi nghĩ anh có vẻ bối rối.

“Chỉ có hai điều kiện nữa thôi,” cuối cùng anh nói.

“Là gì?”

“Chà,” anh nói, rụt rè đá một hòn sỏi ra khỏi đường đi, “anh đã nói em phải kết hôn với anh theo đúng phép tắc, trong nhà thờ, trước một linh mục. Không chỉ trên giấy tờ. Còn điều kiện còn lại... ông ấy phải tìm cho em một bộ váy thích hợp để mặc trong đám cưới.” Anh nhìn đi chỗ khác, tránh ánh mắt tôi, và giọng anh khẽ đến nỗi tôi gần như không nghe thấy gì.

“A-anh biết em không muốn kết hôn. Anh muốn làm cho đám cưới này trở nên... dễ chịu hết mức có thể đối với em. Anh nghĩ em có thể cảm thấy hơi... chà, anh muốn em có một chiếc váy tử tế, thế thôi.”

Tôi mở miệng định nói gì đó, nhưng anh đã quay đi, hướng về phía quán trọ.

“Đi thôi, Sassenach,” anh cộc cằn nói. “Anh đói rồi.”

...

Cái giá của việc có được thức ăn là bị mất đi sự riêng tư, điều đó đã rõ ràng ngay từ khoảnh khắc chúng tôi xuất hiện ở cửa phòng chính của quán trọ. Chúng tôi được chào đón bằng những tiếng reo hò khàn khàn và nhanh chóng bị ấn vào chỗ ngồi tại cái bàn đã bày sẵn một bữa tối thịnh soạn.

Lần này đã chuẩn bị tâm lý trước nên tôi không ngại những lời đùa bỡn thô lỗ và những lời chế nhạo thô tục. Tôi sẵn lòng thu mình lại trong góc và để mặc Jamie đối phó với những trò trêu chọc cũng như những suy đoán tục tĩu về việc chúng tôi đã làm gì suốt cả ngày.

“Ngủ,” Jamie nói, để đáp lại một câu hỏi dạng này. “Tối qua tôi chẳng chợp mắt được tí nào.” Những tràng cười rộ lên trước câu trả lời này lập

tức được tiếp nối bởi những tràng cười còn lớn hơn khi anh nói thêm với giọng điệu bí mật: “Cô ấy ngáy.”

Tôi trợ giúp bằng cách bịt tai anh, và anh kéo tôi về phía mình, hôn tôi thật kêu trước tiếng vỗ tay rần rần.

Sau bữa tối là màn nhảy nhót được đệm nhạc bằng tiếng đàn violin của chủ quán. Tôi vốn nhảy không giỏi, thường bị vấp trong những lúc căng thẳng. Tôi chẳng mấy hy vọng mình sẽ làm tốt hơn khi phải mặc những lớp váy dài và đi đôi giày khiến người ta trở nên vụng về thế này. Nhưng khi vứt bỏ đôi guốc, tôi ngạc nhiên thấy rằng mình nhảy nhót hết sức suôn sẻ, lại còn vô cùng vui vẻ thích thú.

Phụ nữ ở đây thật hiếm hoi, vợ chủ quán và tôi cùng vén váy lên, nhảy điệu Jig, điệu vũ quay và điệu Xtratxpê không ngừng nghỉ, cho đến khi tôi phải dừng lại và dựa vào cái ghế tủ, mặt đỏ phừng phừng, thở hổn hển.

Cánh đàn ông hoàn toàn chẳng biết mỏi mệt, họ xoay tròn như những con quay mặc áo choàng len, một mình hoặc với người khác. Cuối cùng, họ đứng dựa vào tường, theo dõi, reo hò và vỗ tay khi Jamie cầm cả hai tay và dẫn dắt tôi trong điệu nhạc nhanh và điên cuồng có tên “*The Cock o’ the North*^[76].”

Chủ tâm kết thúc điệu nhảy ở gần cầu thang, chúng tôi xoay tròn lần cuối với cánh tay anh ôm quanh eo tôi, rồi ngừng lại để anh phát biểu một lời ngắn gọn xen lẫn tiếng Anh với tiếng Gaelic. Mọi người lại vỗ tay rào rào, đặc biệt là khi anh thò tay vào cái túi đeo trước váy và ném một chiếc túi da sơn dương nhỏ cho chủ quán, nói rằng chừng đó đủ để đãi mọi người whisky cho đến khi trong quán chẳng còn chai nào nữa mới thôi. Tôi nhận ra đó là phần tiền cược anh nhận được trong vụ đánh nhau ở Tunnaig. Có vẻ như đó là toàn bộ số tiền anh có trên thế gian này; tôi nghĩ anh không thể chi tiêu nó bằng cách nào khác tốt hơn.

Chúng tôi đã lên tới ban công, theo sau là một chuỗi dồn dập những lời chúc tốt lành khiếm nhã, thì một giọng nói to hơn cả gọi tên Jamie.

Quay đầu nhìn lại, tôi thấy khuôn mặt to lớn đỏ bừng của Rupert đang ngẩng lên cười.

“Không ích gì đâu, Rupert,” Jamie nói. “Cô ấy là của cháu.”

“Uống quá,” Rupert nói, lấy tay áo lau mặt. “Cô ấy sẽ đá cậu xuống sàn nhà trong một tiếng nữa thôi. Mấy cậu choai choai này chẳng dẻo dai lắm đâu,” ông ta nói với tôi. “Này cô gái, nếu cô muốn một người đàn ông không lãng phí thời gian vào việc ngủ, hãy nói cho tôi biết. Trong thời gian chờ đợi...” Ông ta ném thứ gì đó lên.

Một cái túi nhỏ căng phồng kêu loảng xoảng trên sàn dưới chân tôi.

“Quà cưới đây,” ông ta nói. “Nhờ ơn đội tuần phòng Shimi Bogil.”

“Ồ?” Jamie cúi xuống nhặt cái túi lên.

“Vài người trong chúng tôi không nằm lười quanh những bờ bãi rậm rạp suốt cả ngày,” ông ta nói với vẻ khiêu trách, đảo ánh mắt dâm dăng về phía tôi. “Số tiền đó phải khó nhọc lắm mới kiếm được đấy.”

“Ồ, vâng,” Jamie nói, nhe răng cười. “Súc sắc hay đánh bài vậy?”

“Cả hai.” Một nụ cười phóng dăng nở ra làm tách đôi bộ râu đen. “Lột họ đến tận xương. Đến tận xương!”

Jamie mở miệng, nhưng Rupert đã giơ lòng bàn tay to lớn chai sần lên.

“Không, chàng trai, không cần cảm ơn đâu. Chỉ cần cho cô ấy một đêm tuyệt vời, được chứ?”

Tôi chụm những ngón tay lên môi và thổi một nụ hôn gió tới ông ta. Ông ta vỗ tay vào mặt như thể bị đánh, lão đảo lúi lại với một tiếng cảm thán và loạng choạng lui về phía quầy rượu, lắc lư như bị say dù ông ta rõ ràng vẫn còn rất tỉnh táo.

Sau toàn bộ sự náo động vui vẻ ở dưới nhà, căn phòng của chúng tôi giống như một nơi trú ẩn bình yên và tĩnh lặng. Jamie nằm xoài ra giường, tùm tùm cười và thở hổn hển.

Tôi nói lỏng cái áo chèn chặt đến mức khó chịu, và ngồi xuống để chải mó tóc rối bù vì trò nhảy nhót ban nãy.

“Em có mái tóc đẹp nhất mà anh từng thấy,” Jamie nhìn tôi, nói.

“Cái gì cơ? *Cái này á?*” Tôi e dè giơ tay lên những lọn tóc rối như tổ quạ của mình.

Anh cười. “Ừ, anh nói thật đấy.”

“Nhưng nó quá... xoắn,” tôi nói, hơi đỏ mặt.

“Đương nhiên rồi.” Anh tỏ vẻ ngạc nhiên. “Anh đã nghe mấy cô con gái của Dougal nói với bạn mình rằng phải mất ba tiếng đồng hồ loay hoay với thanh kẹp nóng mới có thể khiến cho tóc của cô ấy xoắn được như thế. Cô ấy nói cô ấy muốn móc mắt em vì em chẳng phải động tay làm gì mà vẫn có được mái tóc như vậy.” Anh ngồi dậy và nhẹ nhàng kéo một lọn tóc của tôi, duỗi thẳng nó ra khiến nó gần chạm đến ngực tôi. “Tóc của chị Jenny cũng xoắn, nhưng không xoắn bằng tóc em.”

“Tóc của chị anh có đỏ giống tóc anh không?” Tôi hỏi, cố gắng mừng rỡ xem Jenny bí ẩn trông như thế nào. Jamie có vẻ hay nghĩ đến chị ấy.

Anh lắc đầu, vẫn xoắn ra xoắn vào những lọn tóc giữa các ngón tay. “Không. Tóc Jenny màu đen. Đen như màn đêm vậy. Anh có tóc đỏ giống mẹ, còn Jenny giống bố. Người ta gọi ông là Brian Dhu, có nghĩa là “Brian Đen”, vì mái tóc và bộ râu của ông.”

“Em nghe nói Đại úy Randall được gọi là Jack Hắc Âm,” tôi đánh bạo nói. Jamie cười nhưng không vui vẻ gì.

“Ừ. Nhưng cái tên đó liên quan đến màu sắc của tâm hồn hẳn chứ không phải mái tóc.” Ánh mắt anh sắc hơn khi anh nhìn tôi.

“Không phải là em đang lo lắng về hắc đấy chứ? Đừng như vậy!” Hai bàn tay anh rời khỏi tóc tôi và siết chặt vai tôi với vẻ sở hữu.

“Những gì anh nói với em đều là thực,” anh khẽ nói. “Anh sẽ bảo vệ em. Khỏi hắc, hoặc bất cứ ai khác. Cho đến giọt máu cuối cùng, *mo*

duinne.”

“*Mo duinne?*” Tôi hỏi, hơi bối rối bởi xúc cảm mãnh liệt trong câu nói của anh. Tôi không muốn làm cho anh phải đổ *bất cứ* một giọt máu nào, dù là giọt cuối cùng hay giọt đầu tiên.

“Nó có nghĩa là “cô gái tóc nâu của anh.” Anh nâng một lọn tóc lên môi và mỉm cười, nhìn tôi với ánh mắt khiến những giọt máu trong huyết quản tôi chảy nhanh hơn. “*Mo duinne,*” anh khẽ khàng lặp lại. “Anh đã khao khát được nói thế với em từ lâu.”

“Em vẫn nghĩ màu nâu là thứ màu khá xin và âm đạm,” tôi nói với vẻ thực tế cố gắng trì hoãn mọi chuyện một chút. Tôi luôn có cảm giác mình bị cuốn đi nhanh hơn dự định.

Jamie lắc đầu, vẫn mỉm cười.

“Không, anh không nghĩ vậy, Sassenach. Không xin và âm đạm tí nào.” Anh nhắc cả mớ tóc của tôi lên bằng cả hai tay và xòe ra. “Nó giống như nước suối chảy qua một tảng đá. Những chỗ xoắn thì có màu sẫm, còn trên bề mặt, nơi được ánh mặt trời chiếu vào lại lấp lánh ánh bạc.”

Cảm thấy căng thẳng và hơi khó thở, tôi rút người lại để cúi nhặt cái lược mà tôi đã đánh rơi xuống sàn. Khi ngẩng lên, tôi thấy Jamie đang điềm tĩnh nhìn tôi.

“Anh đã nói anh sẽ không hỏi bất cứ điều gì mà em không muốn nói với anh,” anh nói, “và anh sẽ không hỏi, nhưng anh đã tự rút ra kết luận. Colum nghĩ có lẽ em là một gián điệp của quân Anh, dù ông ấy không thể nghĩ ra lý do tại sao em không biết tiếng Gaelic. Còn Dougal nghĩ em có thể là một điệp viên của Pháp, đang tìm kiếm sự ủng hộ đối với Vua James. Nhưng trong trường hợp đó, *ông ấy* không thể hình dung nổi tại sao em chỉ có một mình.”

“Còn anh thì sao?” Tôi hỏi, giật mạnh cái lược ở một chỗ tóc rối bướng bỉnh. “Anh nghĩ em là ai?”

Anh nghiêng đầu, chăm chú nhìn tôi vẻ đánh giá.

“Nhìn bề ngoài, em có thể là người Pháp. Em có gương mặt xương xương thanh tú giống như một vài quý cô Angevin^[77]. Nhưng phụ nữ Pháp thường vàng vọt, trong khi em lại có làn da như một viên ngọc mắt mèo.” Anh chậm rãi lần ngón tay theo đường cong ở xương đòn của tôi, và tôi cảm thấy làn da mình ánh lên.

Ngón tay anh di chuyển tới mặt tôi, rê từ thái dương đến má, vén tóc tôi ra sau tai. Tôi vẫn bất động, cố gắng không nhúc nhích khi bàn tay anh băng qua sau gáy, ngón cái nhẹ nhàng ve vuốt thùy tai tôi.

“Đôi mắt màu vàng kim; anh từng nhìn thấy một đôi mắt như thế - ở một con báo.” Anh lắc đầu. “Không. Em không phải là người Pháp.”

“Làm sao anh biết?”

“Anh đã nói chuyện với em rất nhiều; chưa kể còn nghe em nói. với những người khác. Dougal nghĩ em là người Pháp bởi vì em nói tiếng Pháp rất tốt.”

“Cảm ơn anh,” tôi nói với giọng nhạo báng. “Việc em nói tiếng Pháp tốt chứng tỏ em không phải là người Pháp ư?”

Anh mỉm cười và siết chặt gáy tôi. “*Vous parlez très bien*^[78] - nhưng không tốt bằng anh,” anh nói thêm bằng tiếng Anh. Rồi anh đột nhiên buông tôi ra. “Anh đã ở Pháp một năm sau khi rời lâu đài, sau đó còn ở trong quân đội thêm hai năm nữa. Chỉ cần nghe giọng nói là anh biết người nào là người Pháp bản xứ. Tiếng Pháp không phải là tiếng mẹ đẻ của em.” Anh chậm chậm lắc đầu.

“Người Tây Ban Nha ư? Có lẽ, nhưng tại sao? Tây Ban Nha không có hứng thú với vùng cao nguyên này. Người Đức chẳng? Chắc chắn là không.” Anh nhún vai. “Quân Anh muốn tìm ra em là ai cho bằng được. Chúng không cho phép những người lạ không rõ tung tích xuất hiện ở đây, khi mà các thị tộc không chịu an phận và Hoàng tử Charlie đang chờ thời cơ dong buồm về từ Pháp. Và các phương pháp tìm hiểu của chúng không nhẹ nhàng cho lắm. Anh biết rõ điều đó.”

“Làm thế nào anh biết em không phải gián điệp của Anh? Anh đã nói Dougal nghĩ như vậy mà.”

“Cũng có thể có khả năng đó, dù tiếng Anh của em khá kỳ cục. Nhưng nếu em là gián điệp của Anh, tại sao em lại chọn kết hôn với anh thay vì quay trở lại với đồng bào của mình? Đây cũng là một lý do để Dougal bắt em kết hôn với anh - ông ấy muốn xem liệu em có bỏ trốn vào đêm qua không.”

“Và em đã không bỏ trốn. Vậy điều đó chứng minh được gì?”

Anh cười và nằm xuống giường, vấp một cánh tay lên che mắt.

“Biết chết liền, Sassenach. Biết *chết liền*. Anh chẳng thể nghĩ ra lý do nào hợp lý cả. Em có thể là người của tiên tộc” - anh liếc nhìn tôi - “không, anh không nghĩ vậy. Em quá cao lớn.”

“Anh không sợ rằng nếu không biết rõ em là ai, một đêm nào đó em có thể giết anh trong lúc anh đang ngủ à?”

Anh không trả lời, nhưng bỏ tay ra khỏi mắt và cười toe toét. Đôi mắt anh hẳn được thừa hưởng từ đẳng nội. Chúng không sâu hoắm như nhà MacKenzie và nằm ở một góc độ kỳ quặc, do đó đôi gò má cao khiến chúng trông gần như xếch.

Không buồn ngẩng đầu lên, anh cởi phăng áo sơ mi và vứt qua một bên, phơi bày bộ ngực trần. Rồi anh rút con dao găm ra khỏi vỏ và ném về phía tôi. Nó kêu đánh thịch trên những tấm ván lát sàn dưới chân tôi.

Anh lại che tay lên mắt và ngửa cổ, ưỡn ngực, để lộ cái hàm lún phún chân râu tối sẫm.

“Đâm thẳng vào đi, ngay bên dưới xương ức ấy,” anh khuyến. “Nhanh và gọn, dù phải mất chút sức lực. Cắt cổ thì dễ hơn nhưng bẩn lắm.”

Tôi cúi xuống nhặt con dao lên.

“Nếu em làm vậy thì cũng đáng đời anh lắm,” tôi thốt lên. “Gã vênh váo đáng ghét.”

Nụ cười bên dưới đường cong của cánh tay anh càng nở rộng hơn nữa.

“Sassenach?”

Tôi dừng lại, con dao vẫn nằm trong tay.

“Gì?”

“Anh sẽ chết trong hạnh phúc.”

Gặp một người hành khất

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy khá muộn, và khi rời khỏi quán trọ thì mặt trời đã lên cao. Lần này chúng tôi đi về phía nam. Hầu hết lũ ngựa đã được đem đi khỏi bãi giữ ngựa, và không một người đàn ông nào trong đoàn còn lảng vảng quanh đây. Tôi tự hỏi thành tiếng họ đã đi đâu.

Jamie nhe răng cười. “Anh không biết chắc, nhưng anh có thể đoán được. Ngày hôm qua đội tuần phòng đi hướng *đó*” - anh chỉ về phía tây - “vì thế anh đoán Rupert và những người còn lại đã đi hướng *kia*.” Anh chỉ về phía đông.

“Gia súc,” anh giải thích khi thấy tôi vẫn không hiểu. “Những người chủ điền trang và những người trưng đất trả tiền cho đội tuần phòng để trông chừng giúp và lấy lại gia súc của họ nếu chúng bị đánh cắp. Nếu đội tuần phòng đang đi về phía tây tới Lag Cruime thì mọi đàn gia súc ở phía đông đều không được bảo vệ - ít nhất là trong một thời gian. Dọc theo hướng đó là lãnh địa của thị tộc Grant, và Rupert là một trong những kẻ trộm gia súc giỏi nhất mà anh từng thấy. Lũ gia súc sẽ đi theo ông ấy tới bất cứ đâu mà chẳng hề cất một tiếng kêu. Và vì ở đây chẳng có trò giải trí nào hay ho hơn nên rất có khả năng ông ấy lại ngựa ngáy tay chân rồi.”

Jamie cũng có vẻ bồn chồn. Anh đi khá nhanh. Có một con đường mòn xuyên qua bãi thạch nam nên việc đi lại khá dễ dàng, vì vậy tôi có thể bám theo anh không khó khăn gì. Sau một lúc, chúng tôi tới một bãi hoang, nơi chúng tôi có thể bước sóng đôi.

“Còn về Horrocks thì sao?” Tôi đột nhiên hỏi. Nghe thấy anh nhắc đến thị trấn Lag Cruime, tôi liền nhớ tới kẻ đào ngũ người Anh này và những

tin tức hẳn ta có thể đem đến. “Anh sẽ gặp hẳn ta ở Lag Cruime, đúng không?”

Anh gật đầu. “Ừ. Nhưng bây giờ anh không thể tới chỗ hẹn, vì Randall và đội tuần phòng đều đang đi về phía đó. Quá nguy hiểm.”

“Ai đó có thể đi thay anh không? Hay anh có tin tưởng ai không?”

Anh nhìn tôi và mỉm cười. “Chà, có em đây. Vì tối qua em đã không giết anh nên anh cho rằng mình có thể tin tưởng em. Nhưng anh e là em không thể tới Lag Cruime một mình. Nếu cần, Murtagh sẽ đi thay anh. Nhưng anh có thể thu xếp một cách khác - để xem thế nào đã.”

“Anh tin tưởng Murtagh sao?” Tôi tò mò hỏi. Tôi không có thiện cảm lắm với người đàn ông nhỏ bé lôi thôi lếch thếch ấy, vì ông ta đã bắt cóc tôi và ít nhiều chịu trách nhiệm cho tình cảnh khốn đốn của tôi hiện tại. Tuy nhiên, rõ ràng giữa ông ta và Jamie có một kiểu tình bạn nào đó.

“Ồ, ừ.” Anh liếc nhìn tôi, tỏ vẻ ngạc nhiên. “Murtagh biết anh từ bé - anh nghĩ ông ấy là một người họ hàng xa của cha anh. Cha Murtagh là...”

“Ý anh là, ông ấy là một người thuộc thị tộc Fraser,” tôi vội ngắt lời anh. “Em cứ tưởng ông ấy là người nhà MacKenzie. Ông ấy đi với Dougal lúc em gặp anh mà.”

Jamie gật đầu. “Ừ. Khi anh quyết định từ Pháp trở về, anh đã gửi lời nhắn cho ông ấy, đề nghị ông ấy đến bờ biển đón anh.” Anh mỉm cười ảo não. “Anh không biết kẻ đã cố giết anh lần trước có phải là Dougal không. Và anh không thích phải đơn thương độc mã đối mặt với vài người MacKenzie, chỉ để đề phòng thôi. Anh không muốn mình kết thúc cuộc đời trong những làn sóng vỗ bập bênh ở Skye, nếu đó là điều họ nung nấu trong đầu.”

“Em hiểu. Vậy là Dougal không phải người duy nhất tin vào các nhân chứng.”

Anh gật đầu. “Các nhân chứng rất có ích.”

Ở phía bên kia của bãi hoang có những cái hồ được hình thành do sự dịch chuyển của những dòng sông băng đã biến mất từ lâu. Chúng được nước mưa lấp đầy, biến thành những cái hồ nhỏ, xung quanh mọc đầy bụi kế, cúc ngải và râu dê, in bóng những nụ hoa trên mặt nước tĩnh lặng.

Những cái hồ không có cá này tạo thành nét chấm phá cho phong cảnh, đồng thời cũng trở thành cái bẫy cho các lũ khách thiếu thận trọng. Họ có thể dễ dàng sẩy chân ngã xuống đó trong đêm tối và buộc phải trải qua một đêm ướt át, khó chịu trên bãi hoang.

Chúng tôi ngồi cạnh một cái hồ như thế để ăn bữa sáng gồm bánh mì và pho mát. Ít nhất thì nơi này cũng có chim chóc; những con nhạn sà thấp xuống mặt hồ để uống nước, còn chim chơi chơi và mỏ nhác thì mổ những cái mỏ dài vào mặt đất bùn ở mép hồ, đào xới tìm côn trùng.

Tôi ném những mẩu vụn bánh mì xuống bùn cho lũ chim. Trong lúc một con mỏ nhác còn đang phân vân, nghi ngờ nhìn một mẩu vụn thì một con nhạn nhanh nhẹn đã vọt tới dưới cái mỏ của nó và quắp mất món bở ấy. Con mỏ nhác xù lông và quay trở lại với công việc đào xới cần mẫn của mình.

Jamie chỉ cho tôi thấy một con chơi chơi đang kêu và lết cái cánh gãy tới gần chúng tôi.

“Nó có một cái tổ ở gần đây,” tôi nói.

“Đằng kia.” Anh phải chỉ vài lần tôi mới nhìn ra; đó là một chỗ đất lún nông, khá lộ liễu trong không gian rộng mở, nhưng bốn quả trứng lốm đốm của nó nhìn rất giống mặt bờ hồ lốm đốm lá đến nỗi sau một cái chớp mắt, tôi đã lại mất dấu cái tổ.

Jamie nhặt một cái que, chọc nhẹ vào cái tổ, đẩy một quả trứng ra khỏi chỗ. Con chim chơi chơi mẹ kích động chạy ngay đến trước mặt anh. Anh ngồi bất động, để mặc nó bay qua bay lại, kêu ầm ĩ. Nhoáng một cái, anh đã nắm được nó trong tay.

Anh thì thầm khe khẽ với con chim bằng tiếng Gaelic trong lúc vuốt ve bộ lông lốm đốm mềm mại của nó. Con chim co mình trong tay anh,

hoàn toàn bất động, ngay cả những cái bóng phản chiếu cũng như đông cứng trong đôi mắt đen tròn.

Anh nhẹ nhàng đặt nó xuống mặt đất, nhưng con chim không rời đi cho đến khi anh nói thêm vài từ và chậm chậm phẩy tay qua lại đằng sau nó. Nó bỗng quay ngoắt đi và lao vào trong đám cỏ dại. Nhìn nó bay đi, anh vô thức làm dấu thánh giá trên ngực mình.

“Sao anh lại làm thế?” Tôi tò mò hỏi.

“Làm gì cơ?” Anh thoáng giật mình; chắc là đã quên mất sự có mặt của tôi.

“Sao anh lại làm dấu thánh giá khi con chim bay đi?”

Anh nhún vai, hơi bối rối.

“À. Vì một truyền thuyết cổ, nói về việc tại sao lũ chim chơi chơi lại kêu và chạy quanh tổ với vẻ kích động như thế.” Anh chỉ sang phía bên kia của cái hồ nhỏ, nơi một con chim chơi chơi khác đang có hành động tương tự. Anh lơ đãng ngắm nhìn nó một lúc.

“Chim chơi chơi có linh hồn của những bà mẹ trẻ chết trong lúc sinh nở,” anh nói, bẽn lẽn liếc sang tôi. “Chuyện kể rằng chúng kêu và chạy quanh tổ bởi vì chúng không thể tin con mình sẽ nở ra an toàn; chúng than khóc những đứa con bị chết - hoặc tìm kiếm đứa con còn sót lại.” Anh ngồi xổm xuống bên cạnh tổ chim và dùng que đẩy nhẹ quả trứng thôn thôn, lật nó từng chút một cho đến khi đầu nhọn của nó ngửa lên, giống như những quả khác. Anh vẫn ngồi xổm sau khi quả trứng đã được trở về chỗ cũ, đặt cái que lên đùi, nhìn chăm chăm sang phía bên kia mặt hồ tĩnh lặng.

“Anh nghĩ đó chỉ là thói quen,” anh nói. “Lần đầu tiên anh làm thế là lúc anh còn rất nhỏ, khi mới được nghe câu chuyện này. Ngay cả hồi đó anh cũng không thực sự tin chúng có linh hồn, đương nhiên, nhưng đó chỉ là một chút kính trọng...” Anh ngược nhìn tôi và đột nhiên mỉm cười. “Anh đã làm thế nhiều lần đến nỗi bây giờ anh thậm chí còn không nhận ra mình hành động như vậy. Ở Scotland có khá nhiều chim chơi chơi, em biết đấy.” Anh đứng dậy và ném cái que sang một bên. “Giờ thì đi nào; có một chỗ

anh muốn chỉ cho em thấy, gần đỉnh ngọn đồi đằng kia.” Anh nắm lấy khuỷu tay tôi để giúp tôi đi lên dốc.

Tôi đã nghe thấy những gì anh nói với con chim chơi chơi. Dù chỉ hiểu được một vài từ Gaelic nhưng tôi đã nghe lời chào cổ xưa ấy quá thường xuyên nên đã quen với nó. “Chúa phù hộ cho mi, bà mẹ,” anh đã nói vậy.

Một bà mẹ trẻ chết trong lúc sinh nở. Một đứa con còn sót lại. Tôi chạm vào cánh tay anh, khiến anh cúi xuống nhìn tôi.

“Lúc đó anh bao nhiêu tuổi?” Tôi hỏi.

Anh cười nửa miệng. “Tám,” anh trả lời. “ít nhất cũng đã cai sữa.”

Anh không nói gì thêm, lẳng lặng dẫn tôi lên đồi. Chúng tôi đang ở trên những ngọn đồi dốc dày đặc thạch nam. Phía xa xa, vùng đồng quê thay đổi đột ngột, với những khối đá hoa cương khổng lồ trồi lên từ mặt đất, bao quanh bởi những khóm cây ngô đồng và thông rụng lá. Chúng tôi trèo lên đỉnh đồi, bỏ lại lũ chim chơi chơi kêu inh ỏi bên những cái hồ ở đằng sau.

...

Mặt trời càng lúc càng chói lọi, và sau một tiếng đồng hồ len lỏi qua những tán lá dày - mặc dù Jamie là người mở đường - tôi đã muốn được nghỉ ngơi.

Chúng tôi tìm thấy một chỗ râm mát ở chân một gò đá hoa cương. Địa điểm này thật dễ chịu, dù nó gợi tôi nhớ đến nơi tôi gặp Murtagh lần đầu - và thoát khỏi Đại úy Randall. Jamie nói với tôi rằng ở đây chỉ có hai chúng tôi, bởi vì xung quanh liên tục có tiếng chim hót. Nếu ai đó đến gần, hầu hết chim chóc sẽ ngừng hót, còn lũ chim giẻ cùi và quạ gáy xám sẽ kêu lên thất thanh đầy hoảng hốt.

“Nếu muốn lẩn trốn thì hãy trốn trong một khu rừng, Sassenach ạ,” anh khuyên tôi. “Nếu em không cử động quá nhiều, lũ chim sẽ sớm nói cho em biết liệu có ai ở gần không.”

Sau khi chỉ ra một con chim giẻ cùi đang kêu quác quác trong tán cây trên đầu, anh ngoảnh lại nhìn, ánh mắt anh bắt gặp ánh mắt tôi. Và chúng tôi cứ thế ngồi im như bị hóa đá, gần nhau trong tầm tay nhưng không chạm vào nhau, hầu như nín thở. Sau một lúc, con chim giẻ cùi bắt đầu chán chúng tôi và bỏ đi. Jamie là người ngoảnh đi trước, khẽ run rẩy như thể bị lạnh.

Những cây nấm mọc trắng trẻo nhô lên qua lớp rêu mốc bên dưới đám dương xỉ. Jamie búng đứt một cây nấm, và lần theo đài bào tử của nó khi anh sắp xếp những lời sắp nói. Mỗi khi anh nói năng một cách cẩn thận, như lúc này, anh hầu như đánh mất âm giọng địa phương đặc trưng của mình.

“Anh không muốn... ý anh là... anh không định ám chỉ..Anh đột nhiên ngược lên và mỉm cười, phác một cử chỉ tỏ vẻ bất lực. “Anh không muốn làm em có cảm giác bị xúc phạm khi nói ra những lời khiến em cho rằng anh nghĩ em có kinh nghiệm phong phú về đàn ông. Nhưng sẽ thật ngốc nghếch nếu giả vờ rằng em cũng chẳng biết nhiều hơn anh về những vấn đề đó. Anh muốn hỏi là, chuyện này có... bình thường không? Cảm xúc giữa hai chúng ta, khi anh chạm vào em, khi em... nằm bên anh? Giữa một người đàn ông và một người đàn bà lúc nào cũng như vậy ư?”

Mặc dù anh diễn đạt một cách khó khăn nhưng tôi hiểu chính xác ý anh là gì. Ánh mắt anh nhìn thẳng vào ánh mắt tôi khi anh chờ đợi câu trả lời. Tôi muốn nhìn đi chỗ khác nhưng không thể.

“Thường thì vẫn có thứ cảm xúc tương tự như thế “ tôi nói, rồi phải ngừng lại và hắng giọng. “Nhưng không, chuyện này không... bình thường. Em không biết tại sao, nhưng đây là... một điều gì đó khác biệt.”

Anh hơi nhẹ nhõm, như thể tôi đã chứng thực một điều mà anh băn khoăn lo lắng.

“Anh cũng nghĩ vậy. Trước đây, anh chưa từng nằm bên người phụ nữ nào, nhưng anh... ờ, đã đụng chạm một vài người.” Anh cười bẽn lẽn và lắc đầu. “Cảm giác không như thế này. Ý anh là, anh đã từng ôm đàn bà

trong tay, hôn họ, và... chà.” Anh phẩy tay, gạt từ và đó đi. “Việc đó thực sự rất thú vị, khiến tim anh đập thình thịch và hơi thở trở nên gấp gáp, đại loại thế. Nhưng nó không hề giống lúc anh ôm em và hôn em.” Đôi mắt anh có màu của nước hồ và bầu trời, và cũng thăm thẳm như chúng.

Anh giơ tay ra chạm vào môi dưới của tôi, hầu như chỉ quệt nhẹ vào viền môi. “Lúc đầu thì cũng không có gì khác biệt, nhưng sau một lúc,” anh khẽ nói, “anh đột nhiên có cảm giác trong vòng tay mình là một ngọn lửa đang cháy rực.” Ngón tay anh miết mạnh hơn, lần theo đường viền môi và mơn man quai hàm tôi. “Anh chỉ muốn ném mình vào trong ngọn lửa ấy và để mặc cho nó thiêu rụi.”

Tôi định nói cho anh hay rằng sự đụng chạm của anh cũng làm da tôi nóng bỏng và thắp lên một ngọn lửa trong huyết mạch tôi. Nhưng tôi thấy mình như đã bùng cháy và sáng rực lên như một cây đuốc. Tôi nhắm mắt và cảm nhận ngón tay đầy kích thích ấy di chuyển tới má, thái dương, tai và cổ, rồi rùng mình khi hai bàn tay anh hạ xuống eo tôi và kéo tôi lại gần.

•••

Jamie có vẻ đã xác định rõ chúng tôi sẽ đi đâu. Cuối cùng, anh dừng lại ở chân một khối đá khổng lồ, cao khoảng hơn sáu mét, lồi lõm mấp mô và có những khe nứt nham nhở. Cúc ngải và tầm xuân đã cắm rễ trong các vết nứt, rung rinh như những lá cờ màu vàng mong manh. Anh cầm tay tôi và hất đầu ra hiệu về phía vách đá trước mặt.

“Em có nhìn thấy những bậc đá kia không, Sassenach? Em trèo được chứ?” Thực ra, trên vách đá có những chỗ lồi lên, xiên xẹo. Vài chỗ đúng là gờ đá, nhưng có những chỗ chỉ là những búi địa y bám dày đặc. Tôi không biết liệu chúng có phải là tự nhiên không, hay người ta tạo ra chúng bằng cách nào, nhưng tôi nghĩ tôi có thể leo chúng, ngay cả khi đang mặc chiếc váy dài đến gót chân và cái áo chần chặt cứng.

Sau vài cú trượt và sợ hãi, thi thoảng được Jamie trợ giúp bằng cách đẩy từ đằng sau, tôi đã lên đến đỉnh của khối đá và ngừng lại để nhìn

quanh. Khung cảnh thật ngoạn mục. Ở đằng đông sừng sững nhô lên một ngọn núi tối thăm, trong khi xa xa về phía nam, những ngọn đồi thấp dưới chân núi trải dài tới một bãi hoang rộng lớn trơ trụi. Bề mặt giữa đỉnh khối đá bị hõm xuống, tạo thành một cái lòng chảo nông. Ở giữa lòng chảo có một vòng tròn đen thăm, vẫn còn tàn tích của những que củi đã cháy thành than. Vậy ra chúng tôi không phải là những người đầu tiên leo lên đây.

“Anh biết nơi này à?”

Jamie đứng chếch về một bên, ngắm nhìn tôi và lấy làm thích thú trước vẻ phấn khích của tôi. Anh nhún vai.

“Ừ. Anh biết từng góc ngách của khu vực này. Lại đây, có một chỗ em có thể ngồi và nhìn xuống con đường chạy ngang qua ngọn đồi.” Từ đây cũng có thể nhìn thấy quán trọ, nó không còn giống căn nhà đồ chơi nữa mà chỉ còn bé bằng khối xếp hình của trẻ con. Một vài con ngựa bị cột dưới những gốc cây bên đường, trông như những đốm nhỏ màu nâu và đen.

Trên đỉnh khối đá không có cái cây nào, ánh mặt trời nóng bỏng chiếu thẳng vào lưng tôi. Chúng tôi ngồi bên nhau, chân đung đưa qua mép khối đá, vui vẻ uống chung một trong những chai bia mà Jamie đã chu đáo lấy lên từ cái giếng trong sân quán trọ lúc chúng tôi rời đi.

Tuy không có cây lớn nhưng trên này vẫn có những loài thực vật nhỏ cắm rễ trong lớp đất cằn cỗi nơi những khe nứt hẹp, dững cãm vươn mình và đối mặt với ánh mặt trời mùa xuân chói lọi. Có một khóm cúc nhỏ nường nấu dưới bóng một mô đá trời lên gần tay tôi, tôi bèn vươn tay để nhổ một cây.

Bỗng có một tiếng rít nhẹ, bông cúc rời khỏi thân cây, hạ cánh xuống đầu gối tôi. Tôi ngơ ngác nhìn nó, không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Jamie nhanh trí hơn tôi nên đã nằm rạp xuống mặt đá.

“*Nằm xuống đi!*” Anh nói, bàn tay to lớn siết chặt khuỷu tay tôi và kéo tôi nằm xuống cạnh anh. Khi đã nằm rạp xuống lớp rêu xốp như bọt biển, tôi mới nhìn thấy mũi tên đang cắm vào một khe nứt của mô đá, vẫn còn đang rung rinh.

Tôi đông cứng người lại, sợ đến nỗi chẳng dám nhìn quanh, cố gắng áp sát xuống mặt đất. Jamie nằm bất động bên cạnh tôi, im lìm như thể đã hóa đá. Dường như ngay cả lũ chim chóc và côn trùng cũng ngừng hót hoặc kêu, không khí trở nên ngọt ngào và hồi hộp. Thế rồi Jamie đột nhiên bật cười.

Anh ngồi dậy, tóm lấy thân mũi tên, cẩn thận rút nó ra khỏi mô đá. Nó được gắn lông đuôi của chim gõ kiến và ngay dưới những sợi lông ấy có khoảng một phân được quấn chỉ xanh.

Jamie đặt mũi tên sang một bên, úp hai bàn tay quanh miệng và nhái theo tiếng kêu của một con chim gõ kiến màu xanh, nghe giống đến mức khó tin. Rồi anh bỏ tay xuống, chờ đợi. Giây lát sau, từ lùm cây bên dưới phát ra tiếng kêu đáp lại, khiến anh nở một nụ cười tươi rói.

“Bạn anh à?” Tôi đoán. Anh gật đầu, đôi mắt chăm chú nhìn vào con đường hẹp dẫn đến vách núi này.

“Hugh Munro, trừ phi ai đó cũng có sở thích làm những mũi tên theo kiểu của ông ta.”

Chúng tôi đợi một lát nữa, nhưng không thấy ai xuất hiện ở con đường bên dưới.

“À,” Jamie khẽ nói, xoay người lại, đúng lúc đối mặt với một cái đầu đang từ từ nhô lên trên mép đá sau lưng chúng tôi.

Cái đầu ấy cười toe toét, phô ra hàm răng sứt, khoái chí vì đã làm chúng tôi bất ngờ. Trông nó cứ như một quả bí ngô với làn da màu nâu cam không chỉ ở khuôn mặt mà còn ở cái đỉnh đầu hói tròn xoe nữa. Tuy nhiên, hiếm có quả bí ngô nào có được bộ râu xồm xoàm hay đôi mắt xanh sáng ngời như vậy. Hai bàn tay ngắn và dày với những móng tay cẩu bần bám vào mép đá bên dưới bộ râu, nhanh chóng nâng phần còn lại của quả bí ngô lên đỉnh khối đá.

Cơ thể ông ta khá hợp với cái đầu, trông cứ như một con yêu quái trong đêm Halloween. Đôi vai rất rộng, nhưng không và lạch, một bên cao

hơn đáng kể so với bên còn lại. Một chân cũng có vẻ hơi ngắn hơn chân kia, tạo cho ông ta dáng đi cà nhắc, tập tễnh.

Munro - nếu đây thực sự là bạn của Jamie - như đang khoác trên người vô số lớp giẻ rách, những mảnh vải nhuộm bằng quả mọng bạc phếch thò ra qua những vết rách của một cái áo không rõ hình thù có thể từng là một cái áo khoác ngoài của phụ nữ.

Trên thắt lưng của ông ta không đeo cái túi da nào - trông nó không hơn gì một sợi dây thừng bị sờn treo lủng lẳng hai cái xác thú chúc đầu xuống đất. Thay vào đó, ông ta đeo một cái ví da to ở trước ngực, có chất lượng tốt đến không ngờ so với phần còn lại của bộ y phục. Ở quai ví treo vô số món đồ nhỏ bằng kim loại như mề đay tôn giáo, huân chương quân đội, những thứ có vẻ là nút áo quân phục cũ, những đồng xu mòn vẹt bị xuyên thủng và xâu lại, và ba bốn mảnh kim loại nhỏ hình chữ nhật xám xỉn được khắc những ký hiệu khó hiểu trên bề mặt.

Jamie đứng dậy khi người kia bước cà nhắc nhưng lanh lẹ qua những mô đá, và họ ôm nhau thăm thiết, đấm thùm thụp lên lưng nhau theo kiểu chào hỏi kỳ cục của đàn ông.

“Gia đình Munro sống thế nào rồi?” Jamie hỏi, đứng lùì lại một khoảng và ngắm nghía người bạn cũ.

Munro cúi đầu, phát ra một tiếng gộp gộp kỳ quặc rồi nhe răng cười. Thế rồi, ông ta nhướn mày, hất đầu về phía tôi, uyển chuyển vẫy hai bàn tay ngắn và dày vẻ dò hỏi.

“Vợ tôi,” Jamie nói, hơi đỏ mặt vì vừa xấu hổ vừa kiêu hãnh trước cách giới thiệu mới mẻ này. “Mới kết hôn chưa được hai hôm.”

Munro càng cười toe toét trước thông tin này, ông ta cúi chào một cách cực kỳ duyên dáng và phức tạp: chạm nhanh lên đầu, tim và môi, rồi kết thúc trong một tư thế gập như quỳ rạp trên mặt đất trước chân tôi. Sau khi thực hiện xong động tác đầy ấn tượng ấy, ông ta uyển chuyển nhảy bật dậy như một diễn viên nhào lộn và lại đấm vào người Jamie, lần này rõ ràng là để chúc mừng.

Sau đó, Munro bắt đầu múa may đôi tay, chỉ vào mình, về phía khu rừng, vào tôi, rồi lại chỉ vào ông ta, với một loạt các động tác nhanh đến mức tôi hầu như không theo kịp. Trước đây, tôi đã nhìn thấy người câm điếc nói chuyện với nhau, nhưng chưa bao giờ thấy ai ra hiệu thoản thoắt và duyên dáng như vậy.

“Thế à?” Jamie thốt lên. Đến lượt anh dấm vào người đàn ông kia để chúc mừng. Hẳn là cánh đàn ông đã trở như đá trước sự đau đớn bề ngoài vì thói quen thụi nhau không ngừng này.

“Ông ấy cũng đã lấy vợ,” Jamie quay sang tôi để giải thích. “Sáu tháng trước, với một góa phụ - ồ, được rồi, một góa phụ *đầy đà*,” anh sửa lại lời mình theo một cử chỉ nhấn mạnh từ Munro, “đã có sáu đứa con riêng, sống ở làng Dubhlairn.”

“Tuyệt quá,” tôi lịch sự nói. “Có vẻ chúng cũng phàm ăn đấy.” Tôi chỉ vào hai con thỏ treo trên thắt lưng ông ta.

Munro lập tức tháo một con và đưa cho tôi, vẻ mặt đầy thiện chí khiến tôi cảm thấy mình buộc phải đón nhận, rồi mỉm cười đáp lại và thầm hy vọng rằng nó không có bọ chét.

“Một món quà cưới,” Jamie nói. “Rất đáng được hoan nghênh, Munro. Ông phải cho phép chúng tôi đáp lại tấm thịnh tình này.” Vừa nói anh vừa lấy một chai bia đang đặt trên mặt đá phủ rêu và đưa cho ông ta.

Đáp lễ xong xuôi, chúng tôi lại ngồi xuống để cùng chia sẻ chai bia thứ ba. Jamie và Munro tiếp tục thoải mái chuyện gẫu với nhau bất chấp việc chỉ có một người nói.

Tôi ít tham gia vào cuộc trò chuyện vì không thể hiểu được thủ ngữ của Munro, dù Jamie đã cố hết sức để lôi kéo tôi bằng cách dịch lại cho tôi nghe và thi thoảng lại hỏi han tôi.

Được một lúc, Jamie chọc ngón tay cái vào những mảnh chì hình chữ nhật đeo trên quai ví của Munro.

“Ông đã hành nghề chính thức rồi à?” Anh hỏi. “Hay chỉ khi thú săn khan hiếm?” Munro khẽ gật gù như hình nộm lò xo^[79].

“Chúng là gì vậy?” Tôi tò mò hỏi.

“*Gaberlunzie*”

“Ồ, hẳn rồi,” tôi nói. “Thứ lỗi vì em đã hỏi.”

“*Gaberlunzie* là một loại giấy phép để được ăn xin, Sassenach,” Jamie giải thích. “Nó có hiệu lực trong địa phận của một giáo xứ, và chỉ vào một ngày trong tuần khi việc ăn xin được cho phép. Mỗi giáo xứ có một loại *gaberlunzie* riêng, vì vậy những người hành khất ở giáo xứ này không thể lợi dụng lòng từ thiện của giáo xứ khác.”

“Em thấy hệ thống này cũng khá linh động đấy chứ,” tôi nói, nhìn bốn miếng chì của Munro.

“À, Munro là trường hợp đặc biệt. Ông ấy bị người Thổ bắt giữ ở biển, nhiều năm liền phải làm nô lệ chèo thuyền, và thêm vài năm nữa làm nô lệ ở Algiers. Đó là nơi ông ấy bị mất lưỡi.”

“Họ... cắt nó đi à?” Tôi cảm thấy hơi lợm giọng.

Jamie vẫn có vẻ bình thản trước ý nghĩ ấy, nhưng đó là vì anh đã quen biết Munro một thời gian rồi.

“Ừ. Và làm ông ấy gãy chân nữa. Cả lưng nhỉ, Munro? Không,” anh sửa lại, trước một chuỗi ký hiệu từ Munro, “lưng ông ấy bị gãy là do tai nạn khi ông ấy nhảy từ trên một bức tường xuống ở Alexandria. Nhưng hai bàn chân là do người Thổ gây ra.”

Tôi thực sự không muốn biết chi tiết, nhưng cả Munro và Jamie đều có vẻ sốt sắng muốn nói với tôi. “Được rồi,” tôi nói, chịu thua. “Chuyện gì đã xảy ra với hai bàn chân của ông ấy?”

Với vẻ gần như kiêu hãnh, Munro cời đôi guốc mòn vẹt và đôi bít tất dài, phơi bày hai bàn chân to bè với lớp da dày, sần sùi, mảng đỏ mảng trắng đan xen.

“Dầu sôi,” Jamie nói. “Đó là cách chúng ép các tù nhân Cơ Đốc giáo cải sang đạo Hồi.”

“Có vẻ là một phương pháp thuyết phục rất hiệu quả,” tôi nói. “Vậy đó chính là lý do ông ấy được phép ăn xin trong mấy giáo xứ liền? Để thay mặt các con dân Cơ Đốc giáo bù đắp cho những thử thách của ông ấy?”

“Chính xác.” Jamie vui mừng thấy rõ khi tôi nhanh chóng hiểu được tình cảnh của Munro. Munro cũng bày tỏ sự ngưỡng mộ bằng một cái cúi chào khác theo phong cách đạo Hồi, sau đó là một chuỗi động tác bằng tay tuy hơi khiếm nhã nhưng rất diễn cảm mà tôi đoán là có ý khen ngợi ngoại hình của tôi.

“Cảm ơn ông. Vâng, cô ấy khiến tôi rất hạnh diện.” Nhìn thấy hàng lông mày nhướng cao của tôi, Jamie khéo léo xoay người Munro để lưng ông ta quay về phía tôi và những ngón tay đang múa lượn bị che khuất. “Giờ thì, hãy kể tôi nghe trong các ngôi làng có chuyện gì mới mẻ không?”

Hai người đàn ông xích lại gần nhau hơn, tiếp tục tán gẫu. Tuy chỉ có một người nói còn một người ra hiệu nhưng cuộc trò chuyện càng lúc càng sôi nổi. Vì Jamie chủ yếu chỉ cất lên những tiếng cảm thán tỏ vẻ hứng thú nên tôi chẳng lượm lặt được mấy thông tin, vì thế tôi bèn quay sang nghiên cứu những loài thực vật nhỏ bé kỳ lạ mọc lên từ bề mặt tảng đá quanh chỗ chúng tôi ngồi.

Lúc họ kết thúc cuộc trò chuyện và Hugh Munro đứng dậy để đi, tôi đã thu thập được một túi tiểu mễ thảo và bạch tiền. Sau khi cúi chào tôi lần cuối cùng và dấm một cú lên lưng Jamie, ông ta lê bước tới mép khối đá và biến mất nhanh như một con thỏ chui vào trong hang.

“Anh có những người bạn thật thú vị,” tôi nói.

“Ừ. Hugh là một gã dễ thương. Anh đã đi săn với ông ấy và vài người khác vào năm ngoái. Giờ ông ấy chỉ có một mình, vì ông ấy đã trở thành một hành khất được công nhận chính thức, nhưng việc đó khiến ông ấy phải di chuyển quanh các giáo xứ; ông ấy sẽ biết mọi chuyện diễn ra trong vùng Ardagh và Chesthill.”

“Bao gồm chỗ ở của Horrocks?” Tôi đoán.

Jamie gật đầu. “Ừ. Và ông ấy sẽ đưa tin giúp anh, để đổi địa điểm gặp gỡ.”

“Điều đó sẽ gây khó khăn cho Dougal,” tôi nhận xét. “Nếu ông ta có ý định dùng Horrocks để bắt anh làm theo ý mình.”

Anh gật đầu, khóe miệng nhếch lên cười.

“Ừ, chính thế.”

...

Lúc chúng tôi về tới quán trọ thì lại sắp đến giờ ăn tối. Nhưng lần này con ngựa ô to lớn của Dougal và năm bạn đồng hành của nó đã đứng nhai cỏ khô trong sân quán trọ.

Dougal đang ở bên trong, dùng bia chua để rửa trôi bụi đường ở cổ họng. Ông ta gật đầu với tôi và quay người lại chào cháu trai mình. Nhưng ông ta không nói gì, chỉ đứng đó, đầu nghiêng sang một bên, nhìn Jamie về dò hỏi.

“À, ra thế,” cuối cùng ông ta nói, giọng điệu thỏa mãn như thể đã giải quyết được một câu đố khó. “Giờ ta biết cháu phản đối ta vì điều gì rồi.” Ông ta quay sang tôi.

“Cô đã bao giờ nhìn thấy một con hươu hung cuối mùa động dục chưa?” Ông ta nói, vẻ bí mật. “Những con vật tội nghiệp đó không ngủ hay ăn uống gì trong vài tuần, bởi vì chúng không có thời gian rỗi, chúng còn phải đánh nhau với những con hươu đực khác và phục vụ những con hươu cái. Vào cuối mùa, chúng chỉ còn da bọc xương. Mắt chúng trũng sâu và phần duy nhất của chúng không run rẩy vì tê liệt là...”

Những lời cuối cùng bị nhấn chìm trong một tràng cười khi Jamie kéo tôi lên cầu thang. Chúng tôi không xuống ăn tối.

...

Một lúc lâu sau đó, khi đang thiu thiu ngủ, tôi cảm thấy cánh tay Jamie choàng quanh eo mình, và hơi thở ấm áp của anh phủ trên cổ tôi.

“Chuyện này có bao giờ ngừng lại không? Chuyện ham muốn em ấy?” Bàn tay anh vòng qua mơn trớn bầu ngực tôi. “Kể cả khi vừa mới rời khỏi em, anh đã ham muốn em nhiều đến nỗi lồng ngực anh bí bức và các ngón tay nhúc nhối muốn chạm vào em lần nữa.”

Anh ôm lấy mặt tôi, hai ngón cái mơn man theo đường cong ở lông mày tôi. “Khi anh ôm em và cảm nhận được em run rẩy chờ đợi anh... Chúa ơi, anh muốn thỏa mãn em cho đến khi em thét lên bên dưới anh và mở ra để đón nhận anh. Và khi anh nhận được niềm khoái lạc từ em, anh cảm thấy mình như đã trao cho em cả thể xác lẫn tâm hồn.”

Anh lăn lên người tôi và tôi mở hai chân ra, hơi nhăn nhó khi anh tiến vào. Anh khẽ cười, “Ừ, anh cũng hơi đau. Em có muốn anh dừng lại không?” Tôi trả lời bằng cách quấn hai chân quanh hông anh và kéo anh sát vào người mình hơn.

“Anh sẽ dừng lại chứ?” Tôi hỏi.

“Không. Anh không thể.”

Chúng tôi cùng cười và nhịp nhàng chuyển động, môi và những ngón tay khám phá nhau trong bóng tối.

...

Và sau đó, khi ánh sáng ban mai bắt đầu làm mờ đi ánh sáng của ngọn đèn, tôi thức dậy từ giấc ngủ lơ mơ, nghe thấy Jamie lẩm bẩm: “Chuyện này có bao giờ ngừng lại không, Claire? Chuyện ham muốn ấy?”

Đầu tôi lại ngã xuống vai anh. “Em không biết, Jamie. Em thực sự không biết.”

Cuộc đột kích trên gò đá

“Đại úy Randall đã nói gì?” Tôi hỏi. Tôi đang ở giữa Dougal và Jamie, con đường hẹp đến nỗi hầu như không đủ chỗ cho ba con ngựa đi song song. Thi thoảng, một hoặc cả hai người bạn đồng hành của tôi sẽ phải tụt lại hoặc phi lên trước để tránh vướng vào bụi cây um tùm bên đường.

Dougal liếc nhìn tôi rồi lại nhìn con đường, điều khiến con ngựa của mình đi vòng qua một tảng đá to, chậm rãi nở nụ cười tinh quái.

“Hắn chẳng vui vẻ lắm,” ông ta thận trọng nói. “Ta không nghĩ mình nên nhắc lại với cô những lời hắn *đã nói*; ngay cả cô cũng có thể không chịu đựng nổi thứ ngôn ngữ tẻ nhạt ấy, phu nhân Fraser.”

Tôi lờ đi cách gọi đầy nhạo báng cũng như ẩn ý xúc phạm trong câu nói của ông ta, dù tôi thấy Jamie cứng người lại trên yên ngựa.

“Liệu hắn, ờ, có định hành động gì không?” Tôi hỏi. Bất chấp những lời trấn an của Jamie, tôi đã lo lắng mừng rỡ tới cảnh những gã kỵ binh Áo đỏ xộc ra từ các bụi cây, chém giết những người Scot và lôi tôi tới hang ổ của Randall để tra hỏi. Ất hẳn Randall sẽ có những ý tưởng tra khảo “đầy tính sáng tạo”.

“Ta không nghĩ vậy,” Dougal hờ hững trả lời. “Hắn còn có nhiều chuyện phải lo nghĩ hơn là chuyện một cô nàng Sassenach đi lạc, dù cô ta có xinh đẹp cỡ nào.” Ông ta nhướn một bên lông mày và hơi cúi đầu về phía tôi, như thể lời khen ấy có ý xin lỗi. “Hắn cũng không đại gì chọc tức Colum bằng cách bắt cóc cháu dâu của anh ấy,” ông ta nói với vẻ thản nhiên hơn.

Cháu dâu. Dù tiết trời ẩm áp, tôi vẫn cảm thấy một cơn rùng mình chạy dọc sống lưng. Cháu dâu của thủ lĩnh thị tộc MacKenzie. Chưa kể viên thủ lĩnh quân sự của thị tộc MacKenzie đang hờ hững cười ngửa bên cạnh tôi đây. Mặt khác, bây giờ có lẽ tôi còn có mối liên hệ với Lãnh chúa Lovat, thủ lĩnh của thị tộc Fraser, với Tu viện trưởng của một tu viện đầy quyền lực ở Pháp, và ai biết còn bao nhiêu người Fraser khác nữa. Không, có lẽ John Randall sẽ nghĩ tôi không đáng để truy đuổi. Xét cho cùng, đó chính là mục đích của cuộc hôn nhân kỳ quặc này.

Tôi liếc trộm sang Jamie, anh đang cười ngửa ở đằng trước. Lưng anh thẳng như một cây tổng quán sủi non và tóc anh lấp lánh dưới ánh mặt trời như một cái mũ bảo hiểm bằng kim loại bóng loáng.

Dougal nhìn theo ánh mắt tôi.

“Tình hình có thể đã tệ hơn, đúng không?” Ông ta nói, nhướn mày chế giễu.

...

Hai đêm sau, chúng tôi cắm trại trên một bãi hoang gần một trong những gò đá hoa cương trời lên lạ lùng, lỗ chỗ lưu dấu vết tích của sông băng. Chúng tôi đã di chuyển cả ngày dài mà chỉ được ăn một bữa qua loa trên lưng ngựa, vì thế tất cả mọi người đều muốn dừng lại để ăn một bữa tối đàng hoàng. Tôi cố phụ giúp việc nấu nướng, nhưng đám tộc viên làm lì phụ trách công việc này đã lịch sự từ chối thiện ý của tôi.

Sáng hôm ấy, một tộc viên trong đoàn giết được một con hươu, vì thế anh ta đã chế biến một bữa tối ngon lành từ thịt tươi, củ cải, hành tây và bất cứ thứ gì mà mình có thể kiếm được. Sau khi no nê và thỏa mãn, chúng tôi nằm ngồi ngả gối quanh đồng lửa, nghe kể chuyện và ca hát. Tôi ngạc nhiên khi thấy người hiếm khi mở miệng như ông Murtagh nhỏ bé lại có một giọng nam cao trong trẻo tuyệt đẹp. Mặc dù khó khăn lắm mọi người mới thuyết phục được ông ta cất tiếng hát nhưng kết quả thật xứng đáng.

Tôi nép sát Jamie hơn, cố tìm một chỗ ngồi thoải mái trên lớp đá hoa cương rắn chắc. Chúng tôi đang cắm trại ở rìa của một gò đá, thềm đá đỏ rộng lớn tạo cho chúng tôi một cái nền lò sưởi tự nhiên, và những mỏm đá lộn xộn nhô lên cao vút ở đằng sau trở thành chỗ để giấu lũ ngựa. Khi tôi hỏi tại sao chúng tôi không ngủ trên bãi hoang cho thoải mái hơn, Ned Gowan đã giải thích rằng chúng tôi đang ở gần biên giới phía nam của lãnh địa MacKenzie, do đó rất gần với lãnh địa của thị tộc Grant và thị tộc Chisholm.

“Lính do thám của Dougal báo rằng không có dấu hiệu của bất kỳ người nào ở gần đây,” ông đã nói khi đứng trên một tảng đá mòn lớn để ngắm hoàng hôn, “nhưng chúng ta không bao giờ có thể chắc chắn được điều gì. Cẩn tắc vô áy náy, cô biết đấy.”

Khi Murtagh hát xong, Rupert bắt đầu kể chuyện. Mặc dù thiếu sự duyên dáng của Gwyllyn, nhưng ông ta có cả một kho vô tận những câu chuyện về các nàng tiên, ma mãnh, *tannasg* hay linh hồn quý dữ, và những cư dân khác của vùng cao nguyên, chẳng hạn như thủy mã. Tôi được nghe giải thích rằng sinh vật này sống ở hầu hết những nơi có nước, đặc biệt phổ biến ở các khúc suối cạn và ngã ba sông, dù cũng có nhiều con sông ở dưới đáy hồ.

“Có một chỗ ở đầu phía đông của hồ Garve” ông ta nói, đảo mắt quanh nhóm người đang tụ tập để chắc chắn là tất cả đều đang lắng nghe, “không bao giờ đóng băng. Nước ở đó lúc nào cũng đen ngòm, ngay cả khi phần còn lại của hồ đã đông cứng lại, vì đó chính là ống khói của thủy mã.”

Thủy mã của hồ Garve, giống nhiều con cùng loài, đã bắt cóc một cô gái trẻ khi cô ta tới hồ múc nước và mang cô ta xuống đáy hồ để làm vợ nó. Tai họa này xảy đến với bất cứ trinh nữ hay người đàn ông nào gặp một con ngựa đẹp bên cạnh mặt nước và nghĩ tới việc cưới nó, vì một khi đã leo lên lưng nó thì không thể xuống được nữa, và con ngựa sẽ bước xuống nước, biến thành một con cá, bơi về nhà nó với người cưới bất hạnh vẫn bám chặt trên lưng.

“Thủy mã chỉ có hàm răng của một con cá,” Rupert nói, uốn lượn bàn tay như một con cá đang nháp nhô, “nó ăn ốc sên, rong lá liễu và những thứ lạnh lẽo, ẩm ướt khác. Máu nó lạnh như nước, và nó không cần lửa, nhưng máu của một người phụ nữ thì ấm hơn.” Kể đến đây, ông ta nháy mắt với tôi, ánh mắt vô cùng thâm đăm đăm khiến những người nghe thích thú.

“Vì thế cô vợ của con thủy mã vừa buồn vừa lạnh vừa đói trong ngôi nhà mới dưới đáy hồ, chẳng thèm đụng đến ốc sên và rong lá liễu. Thủy mã là một loài tốt bụng, do đó nó đã lên bờ hồ, gần ngôi nhà của một thợ xây có tiếng. Khi ông ta ra hồ, nhìn thấy con ngựa màu vàng kim xinh đẹp với dây cương bằng bạc tỏa sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời, ông ta đã không kìm lòng được, chộp lấy sợi dây cương và leo lên lưng ngựa.

Y như rằng, con thủy mã lập tức mang ông ta xuống nước, xuyên qua tầng nước sâu tới ngôi nhà tanh tươi, lạnh lẽo của nó. Ở đó, nó nói với người thợ xây nếu ông ta muốn được tự do thì phải xây một cái lò sưởi có ống khói để vợ nó có thể sưởi ấm hai bàn tay và rán cá.”

Tôi đang tựa đầu trên vai Jamie, mơ mơ màng màng và nghĩ đến cái giường, cho dù chỉ là một cái chăn trải trên nền đá hoa cương, thì đột nhiên cảm thấy cơ thể anh căng cứng. Anh đặt bàn tay lên cổ tôi, cảnh báo tôi ngồi im. Tôi nhìn quanh, chẳng thấy có gì không ổn, nhưng cảm nhận được không khí căng thẳng lan truyền từ người này sang người khác như sóng vô tuyến điện.

Nhìn về phía Rupert, tôi thấy ông ta khẽ gật đầu khi bắt gặp ánh mắt Dougal, dù ông ta vẫn điềm tĩnh tiếp tục câu chuyện.

“Vì chẳng có mấy lựa chọn, người thợ xây đành làm theo những gì được bảo. Thế là con thủy mã giữ lời hứa, đưa ông ta trở về bờ hồ gần nhà ông ta. Từ đó, vợ của con thủy mã được ấm áp và vui vẻ, bữa tối của cô ta đầy những con cá rán. Và nước ở đẳng đông của hồ Garve không bao giờ đóng băng bởi vì nhiệt độ từ ống khói của con thủy mã làm băng tan chảy.”

Rupert ngồi trên một tảng đá, sườn bên phải quay về phía tôi. Trong lúc nói, ông ta cúi xuống như thể gãi chân, nhưng thực chất là để tóm lấy

con dao nằm trên mặt đất gần bàn chân ông ta và nhanh gọn chuyển nó lên đùi, giấu dưới những nếp váy.

Tôi nhích lại gần hơn, kéo đầu Jamie xuống như thể đang âu yếm. “Có chuyện gì thế?” Tôi thì thầm vào tai anh.

Anh cẩn nhẹ thùy tai tôi và thì thầm đáp lại: “Lũ ngựa đang kích động. Có người rình rập ở gần đây.”

Một người đàn ông đứng dậy, lưng thường đi tới rìa gò đá để giải quyết nỗi buồn. Khi quay lại, anh ta ngồi xuống chỗ mới cạnh một người lùa gia súc. Một người khác đứng dậy, nhòm vào cái nôi, lấy một miếng thịt hươu. Trong lúc Rupert tiếp tục kể chuyện, mọi người xung quanh đồng lứa lần lượt di chuyển và đổi chỗ một cách kín đáo.

Trong vòng tay Jamie, tôi chăm chú quan sát, cuối cùng cũng nhận ra rằng cánh đàn ông đang di chuyển tới gần chỗ họ đặt vũ khí hơn. Tất cả bọn họ đều đeo dao găm khi ngủ, nhưng thường bỏ lại kiếm, súng và những cái khiên tròn bằng da gọi là mộc thành từng đồng nhỏ gọn gàng gần mép của địa điểm cắm trại. Cặp súng cùng với thanh kiếm của Jamie đang nằm trên mặt đất, cách chúng tôi vài bước chân.

Ánh lửa nhảy nhót trên lưỡi kiếm nạm bạc. Trong khi những khẩu súng của anh chỉ là loại súng cổ có báng bằng sừng mà hầu hết cánh đàn ông đều có thì mấy thanh kiếm của anh lại là thứ đặc biệt. Trong một lần dừng chân, anh đã triu mển lật những lưỡi kiếm sáng bóng trong tay, tự hào khoe chúng với tôi.

Thanh kiếm to bản được quấn trong cuộn chăn của anh; tôi có thể nhìn thấy cái cán hình chữ T khổng lồ được đánh bóng bằng cát cẩn thận. Tôi đã từng thử nhấc nó lên và suýt đánh rơi vì theo lời Jamie, nó nặng tới gần bảy cân.

Nếu thanh kiếm to bản trông có vẻ âm đạm và đầy sát khí thì thanh kiếm thường lại vô cùng xinh đẹp. Chỉ nặng bằng hai phần ba thanh kiếm lớn kia, nó có những họa tiết hình mảng kiểu Hồi giáo trải dài từ lưỡi thép màu xanh dương tới cái đốc kiếm có vòm che dạng xoắn ốc, tráng men màu

đỏ và xanh. Tôi đã thấy Jamie dùng nó trong lúc tập luyện, đầu tiên là bằng tay phải khi đấu với một trong những chiến binh, sau đó là bằng tay trái khi đấu với Dougal. Lúc ấy, trông anh thật oai phong, nhanh nhẹn và chắc chắn. Sự duyên dáng trong từng động tác càng được tôn lên nhờ vóc dáng to lớn của anh. Nhưng nghĩ đến việc phải chứng kiến anh sử dụng kỹ năng đó trong một trận chiến thực sự, miệng tôi chợt trở nên khô khốc.

Anh cúi xuống, dịu dàng đặt một nụ hôn lên quai hàm tôi, nhân cơ hội khẽ xoay tôi lại, để tôi đối mặt với một đồng đá lộn xộn.

“Anh nghĩ sắp đến lúc rồi,” anh thì thầm, vờ như mãi miết hôn tôi. “Em có thấy khe hở nhỏ trong tảng đá kia không?” Tôi có thấy; đó là một khoảng trống cao chưa tới một mét, được tạo thành bởi hai phiến đá lớn đổ vào nhau.

Anh ôm chặt mặt tôi và âu yếm hít hà. “Khi anh nói “đi” hãy chui vào và ở yên đó. Em có dao găm chưa?”

Trong quán trọ đêm nọ, anh cứ kiên quyết bắt tôi giữ con dao găm mà anh đã ném cho tôi, bất chấp việc tôi khăng khăng nói rằng mình không biết cách cũng không muốn dùng nó. Và trong những vấn đề như thế này, Dougal nói đúng, Jamie *thật* cứng đầu.

Kết quả là, con dao găm đang nằm trong một cái túi sâu lòng ở váy tôi. Sau một ngày có cảm giác không thoải mái vì thân nó cứ cọ vào đùi, tôi đã gần như quên bằng nó. Anh lướt bàn tay dọc theo chân tôi, kiểm tra xem nó có ở đó không.

Sau đó, anh ngẩng đầu lên, như một con mèo hít người làn gió. Tôi ngược lên, thấy anh liếc nhìn Murtagh rồi lại nhìn tôi. Người đàn ông nhỏ bé không tỏ dấu hiệu gì, chỉ đứng lên và vươn vai. Khi ngồi xuống trở lại, ông ta đã ở gần tôi thêm vài bước chân.

Một con ngựa bồn chồn hí lên đằng sau chúng tôi. Như thế đó là một ám hiệu, những kẻ lạ mặt vừa la hét vừa tràn qua những tảng đá. Chúng không phải quân Anh như tôi đã lo sợ, cũng không phải kẻ cướp. Chúng là

dân cao nguyên, tiếng la hét của chúng nghe như tiếng kêu của những nữ thần báo tử. Tôi cho rằng đó là thị tộc Grant. Hoặc Campbell.

Tôi lồm cồm bò tới đồng đá lộn xộn, tuy đầu bị va đập và đầu gối xước sát nhưng vẫn xoay sở lách được vào khe hở nhỏ hẹp. Tôi mò mẫm tìm con dao trong túi, tìm đập thành thịch, suýt thì tự đâm phải chính mình. Không biết làm gì với con dao kỳ quặc, dài ngoằng này, nhưng tôi cảm thấy yên tâm hơn một chút khi có nó. Trên cán dao khảm một viên đá mặt trăng và tôi thầm nhẹ nhõm khi cảm nhận được nó gồ lên trong tay; ít nhất tôi biết mình đã cầm đúng đầu dao.

Cuộc chiến hỗn loạn đến nỗi ban đầu tôi không biết chuyện gì đang xảy ra. Trên khoảng đất trống nhỏ hẹp, vô số thân hình la hét, nhảy qua nhảy lại, lăn lộn trên mặt đất, chạy ngược chạy xuôi. May mắn là nơi trú ẩn của tôi nằm chếch về một bên của cuộc chiến, vì thế tôi tạm thời không gặp nguy hiểm. Liếc nhìn quanh, tôi thấy một thân hình nhỏ bé đang lom khom ở gần bên, áp người vào tảng đá của tôi. Tôi nắm chặt con dao, nhưng lập tức nhận ra đó là Murtagh.

Hóa ra mục đích cái liếc mắt của Jamie là như vậy. Tôi đã được gửi gắm cho Murtagh bảo vệ. Không thấy Jamie đâu. Cuộc chiến chủ yếu diễn ra trên các tảng đá và những chỗ tối gần mấy cỗ xe thồ.

Đương nhiên rồi, cuộc đột kích này hẳn nhắm đến mấy cỗ xe thồ và lũ ngựa. Từ những gì ít ỏi tôi có thể nhìn thấy qua ánh sáng của ngọn lửa sắp tàn, toán người tấn công có vẻ là một nhóm có tổ chức, được trang bị vũ khí cẩn thận và được ăn uống tử tế. Nếu chúng là người của thị tộc Grant, vậy thì có lẽ chúng đang tìm kiếm chiến lợi phẩm hoặc muốn trả đũa cho việc Rupert và các bạn của ông ta ăn trộm đàn gia súc của chúng vài ngày trước. Dougal đã khá bức tức khi thấy thành quả của cuộc đột kích tùy hứng ấy, không phải vì ông ta phản đối việc trộm cắp mà vì ông ta lo lắng lũ gia súc sẽ làm chậm hành trình của chúng tôi. Ông ta đã cố gắng tổng khứ chúng gần như ngay lập tức ở một cái chợ làng nhỏ trên đường đi.

Mọi chuyện nhanh chóng trở nên rõ ràng, những kẻ tấn công không chú tâm lắm vào việc gây thương tích cho đoàn chúng tôi mà chỉ nhắm vào lũ ngựa và những cỗ xe thô. Một, hai kẻ thành công. Tôi khom thấp người khi một con ngựa lưng trần nhảy vọt qua đồng lửa và biến mất trong bóng tối nơi bãi hoang, có một gã đàn ông kêu như mèo gào bám chặt vào bờm của nó.

Thêm hai, ba kẻ khác ôm những túi ngũ cốc của Colum chạy đi, theo sau là những người MacKenzie giận dữ chửi rủa bằng tiếng Gaelic. Nghe như cuộc chiến đang dần kết thúc. Thế rồi một nhóm khá đông lão đảo di chuyển vào trong ánh lửa và cuộc chiến lại bùng lên.

Đây có vẻ là một trận đánh ác liệt, bóng kiếm ánh lên loang loáng và tiếng rên rỉ vang lên không ngớt, nhưng không có tiếng la hét. Cuối cùng, tôi cũng đã nhìn rõ. Jamie và Dougal đang tựa lưng vào nhau ở giữa vòng vây, tay trái cầm kiếm, tay phải cầm dao găm, cả hai người họ đều sử dụng vũ khí của mình khá hiệu quả.

Vây quanh họ là bốn, năm gã đàn ông - vì trời tối nên tôi không đếm được chính xác - trong tay chúng là những thanh kiếm ngắn, dù một gã có một thanh kiếm dài đeo trên thắt lưng và ít nhất hai khẩu súng chưa được rút ra.

Hẳn là chúng muốn bắt sống Dougal hoặc Jamie hoặc cả hai để đòi tiền chuộc, do đó mới cố tình sử dụng kiếm ngắn, thứ vũ khí chỉ có thể gây thương tích, thay vì kiếm dài hoặc súng, thứ vũ khí có thể gây chết người.

Dougal và Jamie không phải dẫn đầu như vậy và đang dốc sức chiến đấu rất hiệu quả. Vì áp lưng vào nhau nên họ tạo thành một vòng tròn đe dọa hoàn hảo, người này che chở cho điểm yếu của người kia. Khi Dougal mạnh mẽ đâm ngược con dao găm lên, tôi thầm nghĩ mình dùng từ “điểm yếu” quả là không chuẩn xác.

Cả một khối hỗn loạn huyền não ấy đang tiến dần về phía tôi. Tôi ép sát người vào sâu trong lòng khe hở nhất có thể, nhưng nó chỉ sâu hơn nửa

mét. Từ khóe mắt, tôi cảm nhận được một sự di chuyển. Murtagh đã quyết định chủ động hơn trong nhiệm vụ của mình.

Tôi hầu như không thể dời ánh mắt sợ hãi khỏi Jamie, nhưng vẫn nhìn thấy người tộc viên nhỏ bé thông thả rút ra khẩu súng tới giờ vẫn chưa bắn được phát nào. Ông ta cẩn thận kiểm tra nó, lau vào tay áo rồi chống nó lên cẳng tay, chờ đợi.

Và cứ chờ đợi như vậy. Tôi lo sợ cho Jamie đến phát run lên, anh đã mất đi sự khéo léo và đang đâm chém loạn xạ, chống trả hai gã đàn ông đang trơ trối đối mặt với mình. Vì lý do chết tiệt gì mà ông ta còn chưa nổ súng cơ chứ? Tôi phẫn nộ nghĩ. Và rồi tôi chợt nhận ra nguyên nhân. Cả Jamie và Dougal đều đang ở trong đường đạn. Tôi lờ mờ nhớ rằng loại súng này đôi khi rất thiếu chính xác.

Giả thiết ấy được chứng thực ngay phút tiếp theo, khi một đường kiếm của đối thủ bất thành linh chém vào cổ tay Dougal, làm cánh tay ông ta rách toạc, khiến ông ta khuỵu một bên gối. Cảm nhận được cậu mình ngã khuỵu xuống, Jamie thu lưỡi kiếm về và nhanh chóng lùi lại hai bước, hướng lưng tới gần một vách đá. Dougal khom người về một bên, trong tầm bảo vệ của Jamie. Điều này khiến cho những kẻ tấn công dạt về chỗ tôi trốn và lọt vào tầm bắn của Murtagh.

Tiếng súng nổ ngay gần bên làm tôi giật mình. Những kẻ tấn công cũng kinh ngạc chẳng kém, đặc biệt là kẻ bị trúng đạn. Hẳn đứng im một lúc, lắc đầu vẻ hoang mang, rồi từ từ ngồi xuống, yếu ớt ngã ngửa ra sau, lăn xuống một con dốc nhỏ vào đồng lửa đang tắt lụi.

Tận dụng lúc đối thủ bị bất ngờ, Jamie đánh bay thanh kiếm khỏi tay một kẻ tấn công khác. Dougal đã đứng dậy, và Jamie bước sang một bên để tạo khoảng trống cho ông ta vung kiếm. Một kẻ tấn công bỏ cuộc và chạy xuống dốc để lôi người bạn bị thương ra khỏi đồng tro nóng. Tuy nhiên, vẫn còn lại ba tên, và Dougal đang bị thương. Tôi có thể nhìn thấy những giọt máu tối thẫm bắn tóe lên mặt đá khi ông ta đánh kiếm.

Bây giờ họ ở gần đến nỗi tôi có thể thấy rõ vẻ mặt điềm tĩnh và chăm chú của Jamie. Chợt Dougal hét lên gì đó với anh. Jamie rời mắt khỏi đối thủ trong một giây chớp nhoáng và liếc xuống. Anh liếc trở lại đối thủ đúng lúc hăn vung kiếm đâm thẳng vào người anh, vì vậy anh kịp thời né sang một bên và *phóng* thanh kiếm của mình đi.

Đối thủ của anh bàng hoàng nhìn chăm chăm vào thanh kiếm đang cắm ở chân mình. Hăn hoang mang chạm vào lưỡi kiếm rồi chớp lấy và nhổ nó ra. Vì thanh kiếm được nhổ ra dễ dàng nên tôi đoán vết thương không sâu lắm. Gã đàn ông vẫn có vẻ hơi hoang mang, và liếc nhìn lên như muốn hỏi mục đích của hành vi dị giáo này.

Hăn hét lên một tiếng, vứt thanh kiếm xuống và khập khiễng bỏ chạy. Giật mình bởi tiếng thét ấy, hai gã đồng bọn của hăn nhìn qua, rồi cũng xoay người chạy như bay. Jamie đuổi theo chúng như một con thác đổ. Anh đã giật được thanh kiếm không hề ra khỏi sức chặn cuộn và đang dùng cả hai tay quét một vòng cung trí mạng. Hỗ trợ anh là Murtagh, ông ta hét lên những lời lẽ vô cùng khiếm nhã bằng tiếng Gaelic và khua cả thanh kiếm lẫn khẩu súng đã được nạp đạn lại.

Trận chiến kết thúc khá nhanh sau đó, và chỉ khoảng mười lăm phút sau, đoàn người MacKenzie đã tập hợp lại và đánh giá thiệt hại.

Thiệt hại không lớn lắm; có hai con ngựa và ba túi ngũ cốc bị đánh cắp. Những người lừa gia súc, vốn ngủ cạnh đám súc vật thồ và mấy cỗ xe la kéo, đã ngăn chặn việc cướp bóc các cỗ xe, trong lúc đám kỵ binh xua đuổi thành công lũ cướp ngựa. Tổn thất lớn nhất có vẻ là một người đàn ông.

Tôi nghĩ hăn là anh ta đã bị thương hoặc bị giết trong cuộc loạn đá, nhưng sau một hồi tìm kiếm kỹ lưỡng quanh khu vực đó, vẫn không thể tìm ra anh ta.

“Bị bắt cóc rồi,” Dougal cau kính nói. “Thật tức chết, ta sẽ phải tổn khoản lợi tức của cả một tháng để chuộc hăn về.”

“Tình hình có thể đã tệ hơn, cậu Dougal,” Jamie nói, lấy tay áo lau mặt. “Cậu thử nghĩ xem cậu Colum sẽ nói gì nếu chúng bắt được *cậu!*”

“Nếu chúng bắt được *cháu*, thằng nhóc, ta sẽ để chúng giữ cháu lại, và cháu có thể đổi sang họ Grant,” Dougal trả miếng, nhưng tâm trạng của đoàn người đã khá lên đáng kể.

Tôi lấy ra cái hộp y tế nhỏ mà tôi mang theo, sắp xếp những người bị thương theo mức độ nghiêm trọng. May mắn là không có vết thương nào tệ lắm. vết thương trên cánh tay Dougal có vẻ là nặng nhất.

Ned Gowan dường như quá say sưa với trận đánh đến nỗi không nhận ra răng của mình đã gãy vì bị một cái cán dao đập trúng. Tuy nhiên, ông đã sớm tỉnh táo lại và cẩn thận giữ nó ở dưới lưỡi.

“Biết đâu vẫn còn có chút cơ hội mong manh,” ông giải thích, nhổ nó ra lòng bàn tay. Chân răng không bị vỡ, và cái lỗ ở lợi vẫn còn hơi chảy máu, vì vậy tôi nhân cơ hội ấn chặt cái răng vào vị trí cũ. Người đàn ông nhỏ bé tái mét mặt, nhưng không thốt ra một tiếng kêu nào. Ông khoan khoái súc miệng bằng whisky để sát trùng và từ từ nuốt xuống.

Tôi đã băng bó vết thương của Dougal ngay lúc ông ta mới bị thương. Lúc này, khi cởi lớp băng quấn ra, tôi vui mừng thấy rằng máu đã gần như ngừng chảy, vết thương khá sâu nhưng ớn Chúa là mạch máu chính không bị cửa phải, tuy nhiên vẫn cần phải khâu lại.

Cái kim duy nhất có thể sử dụng được là loại kim mà những người lùa gia súc dùng để khâu vá yên ngựa, trông cứ như một cái dùi mảnh. Tôi nghi ngại nhìn nó, nhưng Dougal chỉ giơ tay ra và nhìn đi chỗ khác.

“Ta không sợ nhìn thấy máu của người khác,” ông ta giải thích, “nhưng ta có chút khó chịu khi nhìn thấy máu của chính mình.” Ông ta ngồi trên một tảng đá, răng cắn chặt đến nỗi các cơ hàm run run. Đêm lạnh dần, nhưng mồ hôi vẫn vã ra thành giọt trên trán ông ta. Có lúc, ông ta lịch sự đề nghị tôi tạm thời dừng lại để đi vòng ra đằng sau một tảng đá và nôn ọe, rồi quay trở lại, chống cánh tay lên đầu gối.

May mắn là một ông chủ quán rượu đã trả tiền tô của quý này bằng một thùng whisky nhỏ, và nó khá hữu ích. Tôi dùng nó để sát trùng vài vết thương hở, rồi để các bệnh nhân tự chữa trị theo ý họ. Tôi thậm chí còn nhận một cốc vào cuối buổi chữa trị, khoan khoái uống cạn rồi nằm ngả người trên tấm chăn được trải làm nệm. Vầng trăng đang lặn, và tôi khẽ run rẩy, phần vì tác dụng của rượu, phần vì lạnh. Cảm giác thật tuyệt khi có Jamie nằm cạnh và kéo tôi vào cơ thể to lớn, ấm áp của anh.

“Theo anh thì chúng có quay lại không?” Tôi hỏi, nhưng anh lắc đầu.

“Không, đó là Malcolm Grant và hai đứa con trai của ông ta -chính là người già nhất mà anh đã phóng kiếm đâm vào chân ấy. Lúc này, họ đã nằm trên chiếc giường ở nhà họ rồi,” anh đáp, rồi vuốt tóc tôi và nói tiếp, giọng dịu dàng hơn. “Đêm nay em đã làm việc *rất tốt*. Anh tự hào về em.”

Tôi lăn người lại và choàng hai tay quanh cổ anh.

“Sao bằng em tự hào về anh chứ! Anh thật tuyệt, Jamie. Em chưa bao giờ nhìn thấy cảnh tượng nào như thế.”

Anh “xì” một tiếng vẻ phản đối, nhưng tôi nghĩ anh đang vui.

“Chỉ là một cuộc đột kích thôi mà, Sassenach. Anh đã trải qua việc này từ hồi mười bốn tuổi. Chỉ để giải trí thôi, em thấy đấy; nó rất khác với khi em chống lại ai đó thực sự có ý định giết em.”

“Giải trí,” tôi nói, giọng hơi yếu ớt. “Vâng, trông cũng có vẻ như vậy.”

Đôi tay anh siết chặt quanh người tôi, một bàn tay lần xuống thấp dần, đẩy váy tôi lên. Rõ ràng niềm hứng khởi sau trận đánh đang chuyển hóa thành một loại phấn khích khác.

“Jamie! Không phải ở đây!” Tôi nói, giãy ra và đẩy váy xuống.

“Em mệt à, Sassenach?” Anh hỏi với vẻ quan tâm. “Đừng lo, anh sẽ không làm lâu đâu.” Giờ thì cả hai bàn tay anh đều hất lớp vải nặng nề lên.

“Không!” Tôi đáp, ý thức rõ có hai mươi người đàn ông đang nằm cách chúng tôi có vài mét. “Em không mệt, chỉ là...” Tôi thở hỗn hển khi bàn tay mò mẫm của anh tìm đường tới giữa hai chân tôi.

“Chúa ơi,” anh khẽ nói. “Nó trơn như rong lá liễu vậy.”

“Jamie! Có hai mươi người đàn ông đang ngủ bên cạnh chúng ta đấy!”
Tôi khẽ rít lên.

“Nếu em cứ nói chuyện thì họ sẽ tỉnh giấc mất!” Anh lặn lên người tôi, ấn tôi xuống nền đá. Đầu gối anh chèn giữa hai đùi tôi và bắt đầu nhẹ nhàng trượt qua trượt lại. Hai chân tôi bắt đầu thả lỏng. Sự đứng đắn được gìn giữ trong hai mươi bảy năm không phải là đối thủ của cái bản năng đã có từ ngàn xưa. Mặc dù trí óc tôi phản đối việc làm tình trên một gò đá trụi bên cạnh vài chiến binh đang say giấc, nhưng cơ thể tôi rõ ràng tự coi mình là một món chiến lợi phẩm trong chiến tranh và hăng hái hoàn tất thủ tục đầu hàng. Anh hôn tôi thật sâu, lưỡi anh dịu dàng khám phá trong miệng tôi.

“Jamie,” tôi hỗn hển. Anh hất cái váy của mình lên và đặt tay tôi vào chỗ đó của anh.

“Chúa ơi,” tôi nói, cảm thấy ớn lạnh. Ý thức về sự đứng đắn tuột thêm một nấc nữa.

“Việc chiến đấu khiến người ta bị kích thích ghê gớm. Em có muốn anh không?” Anh nói, lùi lại một chút để nhìn tôi.

Có phủ nhận cũng vô ích.

“Ờ... có... nhưng...”

Anh nắm chặt vai tôi bằng cả hai tay.

“Yên nào, Sassenach,” anh nói với giọng đầy uy quyền. “Sẽ không mất nhiều thời gian đâu.”

Đúng là không mất nhiều thời gian. Tôi bắt đầu lên đỉnh ngay từ cú thúc mạnh mẽ đầu tiên. Tôi bám sâu vào lưng anh, cắn áo anh để không thốt ra tiếng kêu nào. Chưa đến mười hai cú thúc, tôi đã cảm thấy dòng lũ ấm áp từ trong anh ào ạt tuôn trào. Anh chậm chậm hạ thân mình xuống, lặn sang một bên và nằm run rẩy.

Tai tôi giần giật theo nhịp co thắt giữa hai chân tôi. Bàn tay Jamie mềm nhũn và nặng nề đặt trên ngực tôi. Quay đầu lại, tôi có thể thấy hình dáng lơ mơ của người canh gác đang dựa vào một tảng đá ở phía bên kia của ngọn lửa. Anh ta đã khéo léo xoay lưng đi. Tôi khá sốc khi nhận ra mình thậm chí còn không xấu hổ. Tôi tự hỏi liệu sáng mai mình có thấy ngượng ngùng không, rồi không còn băn khoăn gì nữa.

...

Sáng hôm sau, mọi người đều cư xử như bình thường, chỉ đi lại hơi cứng nhắc vì ảnh hưởng của việc đánh nhau và ngủ trên những tảng đá. Ai cũng có tâm trạng hài hước vui vẻ, ngay cả những người bị thương nhẹ.

Không khí vui vẻ còn dâng cao hơn khi Dougal tuyên bố rằng cả đoàn sẽ chỉ đi tới khóm rừng mà chúng tôi nhìn thấy từ mép của thềm đá đang đứng. Ở đó, chúng tôi có thể cho ngựa gặm cỏ và uống nước, rồi nghỉ ngơi một chút. Tôi tự hỏi liệu sự thay đổi kế hoạch này có ảnh hưởng đến cuộc hẹn của Jamie với Horrocks bí ẩn không, nhưng anh có vẻ không lấy làm phiền lòng.

Ngày hôm nay u ám nhưng ấm áp và không có mưa phùn. Sau khi hạ trại, chăm sóc lũ ngựa và kiểm tra các vết thương, mọi người được tự do làm gì tùy ý: ngủ trên cỏ, đi săn, bắt cá hoặc chỉ đơn giản duỗi tay duỗi chân sau vài ngày ngồi trên yên ngựa.

Tôi đang ngồi nói chuyện với Jamie và Ned Gowan dưới một gốc cây thì một chiến binh tiến tới, ném thứ gì đó vào lòng Jamie. Đó là con dao găm với cái chuôi có gắn viên đá mặt trăng.

“Của cậu phải không?” Anh ta hỏi. “Sáng nay tôi tìm thấy nó trên gò đá.”

“Chắc là em đã đánh rơi nó trong lúc kích động,” tôi nói. “Cũng tốt thôi; em không biết phải làm gì với nó. Nếu cố sử dụng nó, có khi em còn tự đâm vào mình ấy chứ.”

Ned nghiêm khắc nhìn Jamie qua cặp kính không gọng.

“Cậu đưa dao cho cô ấy mà không dạy cô ấy cách dùng sao?”

“Trong hoàn cảnh đó thì làm gì có thời gian chứ,” Jamie tự bào chữa. “Nhưng Ned nói đúng, Sassenach. Em nên học cách dùng vũ khí. Chẳng ai nói trước được chuyện gì có thể xảy ra trên đường, như em đã thấy đêm qua đây.”

Vậy là tôi bị đẩy ra giữa khoảng đất trống, bắt đầu học. Nhìn thấy cảnh ấy, vài người MacKenzie tò mò tới xem và nán lại để chỉ bảo. Chẳng mấy chốc, tôi đã có nửa tá người hướng dẫn, mỗi người một ý dẫn đến việc tranh cãi nhau về kỹ thuật sử dụng dao. Sau một hồi tranh luận hòa nhã, họ nhất trí rằng Rupert là người dùng dao găm giỏi nhất trong số họ, vì thế ông ta tiếp nhận nhiệm vụ giảng dạy.

Ông ta tìm được một địa điểm khá bằng phẳng, không có đá và quá thông, để biểu diễn nghệ thuật dùng dao găm.

“Cô nhìn đây,” ông ta nói, ngón giữa đặt cách chỗ nối giữa lưỡi và chuôi dao khoảng hai, ba phân, nâng con dao lên. “Đây là điểm cân bằng, cô sẽ cầm con dao ở vị trí này để nó vừa khít trong tay cô.” Tôi thử cầm con dao của mình như vậy. Khi tôi đã cầm chắc nó, ông ta chỉ cho tôi sự khác biệt giữa một cú đâm từ trên xuống và một cú đâm từ dưới lên.

“Nhìn chung, cô nên đâm từ dưới lên; kiểu đâm từ trên xuống chỉ có lợi khi lực đâm đủ mạnh.” Ông ta nhìn tôi chăm chú rồi lắc đầu.

“Không, tuy cô cao hơn so với chiều cao trung bình của một phụ nữ, nhưng cho dù có thể với đến cổ đối thủ của mình, cô sẽ không có đủ lực để đâm, trừ phi hấn đang ngồi. Tốt nhất là chỉ nên đâm từ dưới lên.” Ông ta cởi áo ra, để lộ cái bụng phệ rậm rạp, bóng loáng mồ hôi.

“Nào, đây,” ông ta nói, chỉ vào ngay bên dưới xương ức, “là điểm cần nhắm tới, nếu cô định giết hấn khi mặt đối mặt. Dùng hết sức đâm mạnh lên. Lưỡi dao sẽ cắm vào tim và giết chết đối thủ trong vòng một, hai phút. Vấn đề duy nhất là phải tránh xương ức; nó dài hơn cô nghĩ và nếu con dao của cô bị mắc kẹt vào phần sụn mềm ở tận cùng của nó, cô không những không thể hạ sát đối thủ của mình mà còn mất luôn con dao và bị đối thủ

tóm được. Murtagh! Anh có một tấm lưng gầy; hãy lại đây và chúng ta sẽ chỉ cho cô ấy cách đâm từ đằng sau.” Murtagh miễn cưỡng để cho Rupert xoay người mình lại, giật phăng cái áo sơ mi bản thiêu, để lộ sống lưng gồ ghề và những chiếc xương sườn nhô lên. Rupert chọc ngón tay trở vào phía dưới chiếc xương sườn dưới cùng bên phải, khiến cho Murtagh rú lên vì bất ngờ.

“Đây là điểm cần nhắm tới - bên nào cũng được. Cô thấy đấy, vì vướng đám xương sườn nên sẽ rất khó để gây ra vết thương trí mạng khi đâm vào lưng. Nếu cô có thể luồn lưỡi dao giữa các rãnh xương sườn thì lại khác, nhưng điều đó khó hơn cô nghĩ nhiều. Tuy nhiên, nếu cô nhắm vào đây, bên dưới cái xương sườn cuối cùng, và đâm ngược lên thì sẽ trúng vào thận của đối thủ. Hẳn sẽ ngã xuống ngay lập tức.”

Sau đó, Rupert để tôi thử đâm vào các vị trí khác nhau với những tư thế khác nhau. Khi ông ta đã thấm mệt, toàn bộ cánh đàn ông luân phiên nhau đóng vai nạn nhân. Rõ ràng họ thấy thích thú trước những nỗ lực của tôi. Họ nằm trên cỏ hoặc quay lưng lại để tôi có thể ám toán họ, hoặc nhảy về phía tôi từ đằng sau, hay giả vờ bóp cổ tôi để tôi có thể cố đâm vào bụng họ.

Các khán giả reo hò cổ vũ tôi, và Rupert kiên quyết dặn tôi không được chùn tay vào giây phút cuối cùng.

“Cứ đâm thật đi,” ông ta nói. “Cô không thể chùn tay khi lâm trận thực sự. Kẻ nào chậm chạp đến nỗi không né tránh kịp thì có bị thương cũng đáng đời.”

Ban đầu tôi còn rụt rè và vô cùng lóng ngóng, nhưng Rupert là một giáo viên giỏi, ông ta rất kiên nhẫn và chịu khó diễn đi diễn lại các động tác. Ông ta vờ đảo mắt đâm đằng khi đi vòng ra sau và choàng tay quanh eo tôi, nhưng rất nghiêm túc khi cầm cổ tay tôi để chỉ cho tôi cách đâm vào mắt của đối thủ.

Dougal ngồi dưới một gốc cây, chăm sóc cái tay bị thương và cất lên những lời bình luận nhạo báng trong suốt cuộc huấn luyện. Nhưng chính

ông ta là người gợi ý nên có một hình nộm.

“Hãy cho cô ấy thứ gì đó để đâm dao vào,” ông ta nói khi tôi bắt đầu thuần thực kỹ năng đâm thọc. “Lần đầu có thể gây sốc.”

“Đúng vậy,” Jamie đồng ý. “Nghỉ ngơi chút đi, Sassenach, trong lúc anh kiểm tra thứ gì đó cho em.”

Anh cùng với hai chiến binh khác đi tới chỗ mấy cỗ xe, đứng chụm đầu vào nhau, khoa tay múa chân rồi lấy ra các thứ từ lòng cỗ xe. Mệt đến đứt hơi, tôi ngồi sụp xuống dưới gốc cây bên cạnh Dougal.

Ông ta gật đầu, nở nụ cười nhẹ. Giống như hầu hết cánh đàn ông, ông ta không buồn cạo râu trong suốt cuộc hành trình, vì thế chòm râu màu nâu thẫm xồm xoàm bao quanh miệng ông ta, làm nổi bật bờ môi dưới đầy đặn.

“Thế nào rồi?” Ông ta hỏi, không phải ám chỉ đến kỹ năng sử dụng món vũ khí nhỏ bé kia của tôi.

“Khá tốt,” tôi thận trọng trả lời, cũng không nói đến những con dao. Ánh mắt Dougal liếc về phía Jamie đang bận rộn làm gì đó bên những cỗ xe.

“Hôn nhân có vẻ phù hợp với thằng nhỏ,” ông ta nhận xét.

“Khá có lợi cho anh ấy - trong hoàn cảnh này,” tôi đồng ý. Đôi môi ông ta nhếch lên trước giọng điệu lạnh lùng của tôi.

“Có lợi cho cả cô nữa. Đây có vẻ là sự sắp đặt tốt đẹp cho tất cả mọi người.”

“Đặc biệt là ông và anh trai ông. Ông nghĩ Colum sẽ nói gì khi nghe được chuyện này?”

Nụ cười của ông ta nở rộng hơn. “Colum? À! Tôi nghĩ anh ấy sẽ vui vẻ chào đón một cô cháu dâu đến với gia đình.”

Hình nộm đã được chuẩn bị xong, tôi quay trở lại tập luyện. Hóa ra nó là một túi len lớn, có kích cỡ bằng ngực của một người đàn ông, được quấn quanh bằng một miếng da bò màu đồng thối và buộc chặt bằng dây thừng.

Tôi sẽ tập dâm vào thứ này. Trước hết, nó được cột vào một cái cây cao bằng thân người, sau đó thì được ném hoặc lăn về phía tôi.

Có điều, Jamie không hề nhắc gì đến việc họ đã nhét vài mẫu gỗ phẳng giữa túi len và miếng da; để giả làm xương, như anh giải thích sau đó.

Mấy cú dâm đầu tiên không có vấn đề gì, dù phải mất vài lần thử tôi mới dâm xuyên qua được lớp da bò. Nó dai hơn vẻ ngoài của nó. Cánh đàn ông nói rằng da bụng của người cũng vậy. Vào lần thử tiếp theo, tôi cố gắng dâm thẳng một cú từ trên xuống, và trúng phải một mẫu gỗ.

Trong một thoáng, tôi tưởng như cánh tay mình đã rụng ra. Cơ tê rần lan đến tận vai tôi, và con dao rơi khỏi những ngón tay đã không còn cảm giác. Nhưng một sự râm ran khó chịu báo cho tôi biết rằng tình trạng này sẽ không kéo dài lâu.

“Jesus H. Roosevelt Christ,” tôi thốt lên, ôm chặt khuỷu tay trong tiếng cười rộ của mọi người. Cuối cùng, Jamie nắm lấy vai tôi và xoa bóp để cánh tay có cảm giác trở lại, rồi ấn vào phần gân ở khuỷu tay và chỗ hõm ở cổ tay tôi.

“Ồn rồi,” tôi nói qua hàm răng nghiến chặt, cẩn thận ve vẩy bàn tay phải đang râm ran. “Anh sẽ làm gì khi dâm phải xương và đánh rơi con dao? Có quy chuẩn nào cho trường hợp đó không?”

“Ồ, có chứ,” Rupert nói, cười toe. “Rút súng bằng tay trái và bắn chết gã con hoang khốn kiếp đó.” Câu trả lời này khiến những tràng cười lại rộ lên, nhưng tôi lờ đi.

“Được rồi,” tôi nói, ít nhiều đã điềm tĩnh lại, chỉ vào khẩu súng mà Jamie đeo bên hông trái. “Vậy anh dạy em cách nạp đạn và bắn súng nhé?”

“Không.” Anh kiên quyết.

Tôi hơi sững cồ trước câu trả lời này. “Tại sao lại không?”

“Bởi vì em là phụ nữ, Sassenach ạ!”

Tôi cảm thấy mặt mình đỏ bừng lên. “Ồ?” Tôi mĩa mai nói. “Anh nghĩ phụ nữ không đủ sáng dạ để hiểu cơ chế hoạt động của một khẩu súng?”

Anh nhìn tôi chăm chăm, miệng hơi mím lại khi nghĩ cách trả lời.

“Anh rất muốn cho em bắn thử,” cuối cùng anh nói. “Để cho em biết tay.”

Rupert bực tức chặc lưỡi với cả hai chúng tôi. “Đừng có gàn dở thế, Jamie. Còn cô, cô gái,” ông ta quay sang tôi, “lý do không phải vì phụ nữ ngu ngốc, dù chắc chắn có vài người ngu ngốc thật, mà là họ nhỏ bé.”

“Ồ?” Tôi há hốc miệng vẻ ngớ ngẩn trước mặt ông ta trong một thoáng. Jamie hừ một tiếng và rút súng ra. Nhìn gần mới thấy nó thật to; từ báng đến họng súng dài chừng bốn mươi lăm centimet.

“Nhìn đây,” anh nói, giơ nó lên trước mặt tôi. “Em cầm nó như thế này, tì nó vào cẳng tay, và ngắm bắn ở chỗ này. Khi em kéo cò, nó sẽ bật vào người em như một con la đá hậu. Anh cao hơn em gần ba mươi centimet, nặng hơn hai mươi lăm cân, và biết rõ cách sử dụng nó, vậy mà *anh* còn bị nó làm cho thâm tím; nếu không bật trúng vào mặt em thì nó cũng có thể khiến *em* ngã ngửa ra sau đấy.” Anh xoay khẩu súng và đút nó trở lại cái móc.

“Anh rất muốn để em tự trải nghiệm,” anh nói, nhướn một bên lông mày, “nhưng anh thích em có đủ răng hơn. Em có một nụ cười duyên, Sassenach, cho dù em hay nổi cáu.”

Hơi xấu hổ bởi sự việc vừa rồi, tôi im lặng chấp nhận lời đánh giá của cánh đàn ông rằng ngay cả thanh kiếm ngắn cũng là quá nặng với tôi. Thanh *sgian dhu* nhỏ bé, một loại dao găm ngắn, có vẻ phù hợp nhất, và tôi được cấp một con dao loại đó. Nó là một vật rất sắc được làm bằng sắt màu đen, trông khá kỳ quái, dài khoảng tám phân, với cái chuôi ngắn ngắn. Tôi tập đi tập lại cách rút nó ra khỏi chỗ cất giấu trước ánh mắt quan sát chăm chú của cánh đàn ông, cho đến khi có thể thuần thục luôn lật váy, tóm lấy con dao, rút ra và giơ lên dưới tầm vai, sẵn sàng chém ngang cổ họng của địch thủ.

Cuối cùng, tài dùng dao của tôi cũng được thông qua, và tôi được phép ngồi xuống ăn tối giữa những tiếng chúc tụng của tất cả cánh đàn ông - chỉ trừ một người. Murtagh lắc đầu về nghi ngại.

“Tôi vẫn nói thứ vũ khí duy nhất thích hợp với một người phụ nữ là thuốc độc.”

“Có lẽ vậy,” Dougal đáp lời, “nhưng nó có nhược điểm khi đánh giáp lá cà.”

19

Thủy mã

Tối hôm sau, chúng tôi hạ trại trên bờ hồ Ness. Lòng tôi nao nao khi nhìn thấy lại nơi này; nó hầu như không mấy thay đổi. Hay đúng hơn là, trong tương lai, nó sẽ không mấy thay đổi. Những cây thông rụng lá và tổng quán sủi ngát xanh hơn, bởi vì giờ đang là giữa hè chứ không phải cuối xuân. Những bông táo gai và violet màu hồng và trắng đã được thay thế bởi những khóm kim tước và đậu chổi màu hoàng kim và vàng ấm áp. Bầu trời cũng biếc xanh hơn, nhưng mặt hồ thì vẫn vậy; giống như một tấm gương bằng phẳng màu xanh đen phản chiếu hình ảnh ở trên bờ.

Thậm chí ở đằng xa còn có một vài con thuyền. Nhưng khi một trong số chúng ghé lại gần, tôi nhận thấy đó là một chiếc thuyền thúng bọc da thuộc chứ không phải là loại thuyền gỗ xinh đẹp mà tôi hằng quen thuộc.

Thứ mùi hăng hăng đặc trưng vẫn lan tỏa khắp hồ; một sự hòa trộn của hương táo lục thơm, lá mục, làn nước tươi mát, cá chết và bùn ẩm. Trên hết, nơi này vẫn có cảm giác bí ẩn kỳ lạ. Cánh đàn ông và lũ ngựa có vẻ cũng cảm nhận được điều đó, và bầu không khí xung quanh trở nên thật dịu dàng.

Sau khi tìm được một chỗ thoải mái để trái cái nệm của tôi và Jamie, tôi lững thững đi xuống mép hồ để rửa mặt và tay trước khi ăn tối.

Bờ hồ dốc đứng cho đến khi bị chặn lại bởi đồng đá tảng lộn xộn tạo nên một kiểu đê chắn sóng lạ thường. Ở dưới này khuất hẳn tầm mắt và tầm nghe của địa điểm cắm trại nên rất bình yên, và tôi ngồi xuống dưới một gốc cây để tận hưởng khoảnh khắc riêng tư của mình. Sau cuộc hôn nhân vội vàng với Jamie, tôi không còn bị theo dõi mọi nơi mọi lúc nữa; cuối cùng thì mục đích này cũng đã đạt được.

Tôi đang vẫn vơ bứt những chùm quả non trên một nhánh cây sà thấp và ném xuống lòng hồ thì nhận thấy những làn sóng nhỏ vỗ vào tảng đá trở nên mạnh hơn, như thể bị một cơn gió thổi dạt.

Một cái đầu to lớn bèn bẹt ngoi lên khỏi mặt nước cách chỗ tôi chưa đầy ba mét. Nước nhỏ tong tỏng từ những chiếc vảy sừng trải dài từ đỉnh đầu xuống cái cổ uốn khúc. Mặt nước xung quanh bị khuấy động, tôi thấy tháp thoáng một hình thù tối sẫm và đồ sộ cử động bên dưới mặt hồ, dù cái đầu vẫn tương đối im lìm.

Tôi cũng đứng bất động. Kỳ lạ thay, tôi không thực sự sợ hãi, mà mơ hồ cảm thấy mình có chút giống nó, một sinh vật sống cách xa thời đại của mình, thậm chí còn xa hơn cả tôi. Đôi mắt vô hồn của nó già nua như biển cả thuộc kỷ Thủy Tân^[80] cổ xưa vậy, chúng trở nên mờ đi khi phải sống trong lòng sâu u ám của nơi trú ẩn đã bị thu hẹp lại. Ở nó toát ra cảm giác quen thuộc quyện lẫn với cảm giác không chân thực. Làn da trơn bóng có màu lam sẫm với một vệt màu xanh lá óng ánh bên dưới hàm. Và đôi mắt không trông kỳ lạ mang màu hổ phách rực rỡ. Rất đẹp.

Nó quá khác biệt so với mô hình màu bùn được trưng bày trong bảo tàng Anh. Nhưng hình dáng ấy thì không thể nhầm lẫn. Khi một loài sinh vật chết đi, những màu sắc của sự sống bắt đầu phai nhạt dần, làn da căng mịn và những bắp thịt mềm mại thối rữa trong vòng vài tuần, song những khúc xương đôi khi vẫn còn nguyên vẹn, phản ánh trung thực hình dáng và là minh chứng yếu ớt cuối cùng cho vẻ đẹp rực rỡ một thời.

Lỗ mũi đột ngột nở ra với một tiếng phì khiến người khác giật mình; con vật thoáng cửa quậy rồi lại ngụp xuống, mặt nước khuấy động là minh chứng duy nhất cho sự xuất hiện của nó.

Tôi đã đứng dậy lúc nó trôi lên, và hẳn là đã vô thức lại gần hơn để nhìn nó, vì tôi nhận thấy mình đang đứng trên một phiến đá nhô ra mặt nước, ngẩng nhìn những làn sóng đang lắng xuống, trả lại mặt hồ phẳng lặng.

Tôi đứng đó một lúc, nhìn ngang qua mặt hồ sâu thẳm. “Tạm biệt,” cuối cùng tôi nói với mặt nước tĩnh lặng, lắc đầu và quay trở lại bờ.

Một người đàn ông đang đứng trên đỉnh dốc khiến tôi giật mình, rồi tôi nhận ra đó là một người lừa gia súc trong đoàn chúng tôi, tên là Peter. Cái xô trong tay anh ta chính là lời giải thích cho sự xuất hiện của anh ta. Tôi định hỏi liệu anh ta có trông thấy con vật kia không, nhưng vẻ mặt anh ta đã cho tôi câu trả lời đầy đủ. Nó còn tái hơn cả những bông cúc dưới chân anh ta, và những giọt mồ hôi bé xíu đang thi nhau lăn xuống bộ râu rậm rạp. Đôi mắt anh ta trợn trạo như đôi mắt của một con ngựa đang hoảng sợ, và bàn tay run lẩy bẩy khiến cái xô va vào chân anh ta.

“Ồn rồi,” tôi nói khi đi lên chỗ anh ta. “Nó đi rồi.”

Thay vì an ủi, câu nói này dường như làm anh ta hoảng hốt thêm. Anh ta đánh rơi cái xô, quỳ xuống trước mặt tôi và làm dấu thánh giá.

“X-xin quý cô rủ lòng thương,” anh ta lắp bắp. Trước sự bối rối tột độ của tôi, anh ta rạp người xuống và túm lấy chân váy tôi.

“Đừng lố bịch thế,” tôi khó chịu nói. “Đứng dậy đi!” Tôi nhẹ nhàng lấy ngón chân chọc chọc vào anh ta, nhưng anh ta chỉ run rẩy và cứ nằm ẹp dưới đất như một cây nấm bị bẹp rúm. “Đứng dậy,” tôi nhắc lại. “Đồ ngốc, nó chỉ là một...” Tôi ngừng lại, cố gắng suy nghĩ. Có nói với anh ta cái tên Latin của con vật thì cũng chẳng ích gì.

“Đó chỉ là một con quái vật nhỏ,” cuối cùng tôi nói, nắm lấy tay anh ta và kéo anh ta đứng dậy. Tôi phải múc nước cho anh ta vì anh ta không dám lại gần mép nước nữa (đó cũng không phải là một nỗi sợ hãi vô lý). Anh ta theo tôi trở lại chỗ cắm trại, cẩn thận giữ khoảng cách với tôi và vội vã chuồn ngay để chăm sóc những con la, vừa đi vừa ngoái lại, ném về phía tôi ánh mắt sợ hãi.

Vì anh ta có vẻ sẽ không nhắc đến sinh vật ấy với bất cứ ai, tôi nghĩ có lẽ mình cũng nên giữ im lặng. Mặc dù Dougal, Jamie và Ned là những người có học thức, nhưng đám đàn ông còn lại chủ yếu là những người cao nguyên mù chữ sống trên các núi đá cheo leo xa xôi hẻo lánh và những

thung lũng hẹp của lãnh địa MacKenzie. Họ là những dũng sĩ quả cảm và những chiến binh gan dạ, nhưng họ cũng mê tín như bất cứ thành viên của bộ lạc nguyên thủy nào khác ở châu Phi hay Trung Đông.

Thế là tôi lặng lẽ ăn tối rồi đi ngủ, trong suốt lúc đó vẫn cảm nhận được ánh mắt cảnh giác của người lừa gia súc Peter nhìn về phía mình.

Những trảng đất hoang vắng

Hai ngày sau cuộc đột kích, chúng tôi lại quay về phía bắc. Chúng tôi đang tiến gần đến điểm hẹn với Horrocks hơn, và Jamie thi thoảng có vẻ lơ đãng, chắc là đang suy nghĩ xem tin tức của gã đào ngũ người Anh có tầm quan trọng đến mức nào.

Tôi không gặp lại Hugh Munro, nhưng đêm qua tôi tỉnh giấc giữa chừng và thấy Jamie không còn nằm bên cạnh mình nữa. Tôi cố thức để đợi anh nhưng lại ngủ thiếp đi khi vầng trăng bắt đầu lặn. Vào buổi sáng, anh đã ngủ say bên cạnh tôi, và trên tấm chăn của tôi có một cái gói nhỏ được bọc trong một tờ giấy mỏng ghim lông đuôi chim gõ kiến. Cẩn thận mở nó ra, tôi thấy một khoanh hồ phách lớn xù xì. Một mặt của nó được mài nhẵn và đánh bóng, qua đó có thể nhìn thấy hình dáng mỏng manh tối thẫm của một con chuồn chuồn nhỏ xíu đang lơ lửng trong chuyến bay vĩnh hằng.

Tôi vuốt phẳng lớp giấy gói. Trên mặt giấy lấm lem có một lời nhắn được viết bằng nét chữ nhỏ và đẹp mắt đến đáng kinh ngạc.

“Nó viết gì vậy?” Tôi hỏi Jamie, nheo mắt trước những con chữ và ký hiệu kỳ lạ. “Em nghĩ nó là tiếng Gaelic.”

Anh chống khuỷu tay nâng mình dậy, nheo mắt nhìn tờ giấy.

“Không phải tiếng Gaelic đâu. Là tiếng Latin đấy. Munro từng là thầy giáo trước khi bị người Thổ bắt giữ. Đây là một mẫu thơ của Catullus^[81],” anh nói.

“... da mi basia mille, diende centum,

Dein mille altera, dem secunda centum^[82]...”

Thùy tai anh hơi ửng hồng khi dịch nghĩa cho tôi nghe:

*“Hãy hôn anh nghìn nụ hôn say đắm,
Rồi lại một nghìn, rồi lại một trăm.”*

“Chà, nó có chút tinh tế hơn cái bánh quy may mắn^[83] bình thường,” tôi thích thú nhận xét.

“Cái gì cơ?” Jamie tỏ vẻ ngạc nhiên.

“Đừng bận tâm,” tôi vội nói. “Munro có tìm được Horrocks giúp anh không?”

“Ồ, có. Cuộc hẹn đã được sắp xếp. Anh sẽ gặp hắn ở một nơi chốn nhỏ bé mà anh biết giữa những rặng đồi, phía trên Lag Cruime một, hai dặm. Trong vòng bốn ngày tới, nếu không có gì bất ổn xảy ra.”

Nghe thấy từ “bất ổn” khiến tôi hơi căng thẳng.

“Anh nghĩ có an toàn không? Ý em là, anh có tin tưởng Horrocks không?”

Anh ngồi dậy, dụi rồi chớp chớp mắt.

“Một kẻ đào ngũ Anh quốc? Chúa ơi, không. Anh cho là hắn sẽ bán đứng anh cho Randall ngay khi có cơ hội, chỉ có điều hắn không thể đích thân đến chỗ quân Anh được. Họ sẽ treo cổ những kẻ đào ngũ. Không, anh không tin tưởng hắn. Đó là lý do anh đi với Dougal thay vì một mình tìm kiếm Horrocks. Nếu gã đó mưu mô gì, ít nhất anh cũng có bạn đồng hành.”

“Ồ!” Căn cứ vào tình hình hiện tại giữa Jamie và hai ông cậu đầy mưu đồ của anh, tôi không chắc sự có mặt của Dougal có thể khiến anh yên tâm hơn.

“Chà, nếu anh nghĩ vậy,” tôi nghi ngại nói. “Ít ra thì Dougal sẽ không nhân cơ hội để bắn anh.”

“Ông ấy đã bắn anh,” Jamie vui vẻ nói, cài cúc áo sơ mi. “Em nên biết mới phải chứ, em đã băng bó vết thương cho anh mà.”

Tôi đánh rơi cái lược mình đang dùng.

“Dougal ư! Em cứ nghĩ là quân Anh!”

“Ừ, quân Anh đã *nhắm* vào anh,” anh sửa lại. “Và anh không nên nói rằng Dougal đã bắn anh; thực ra, đó có thể là Rupert - ông ấy là tay thiện xạ giỏi nhất trong số tay chân của Dougal. Khi đang chạy trốn quân Anh, anh nhận ra bọn anh đang ở gần ranh giới lãnh địa của thị tộc Fraser, và định chạy tới đó. Vì vậy, anh thúc ngựa rẽ sang bên trái, vòng qua Dougal và những người còn lại. Bây giờ quân Anh đang bắn rất dữ dội, nhưng anh bị trúng đạn từ đằng sau. Lúc ấy, phía sau anh là Dougal, Rupert và Murtagh, còn quân Anh thì ở đằng trước - thực tế, khi ngã ngựa, anh đã lăn xuống đồi và gần như rơi vào tay bọn chúng.” Anh cúi xuống xô nước mà tôi đã mang tới, vĩa nước lạnh lên mặt, lắc lắc đầu để cho mắt khô rồi chớp mắt nhìn tôi, nhe răng cười, những giọt nước lấp lánh bám vào hàng mi dày và đôi lông mày rậm rạp của anh.

“Sau đó, Dougal đã phải chiến đấu rất ác liệt để giành lại anh. Anh đang nằm trên mặt đất, không cử động được nhiều, còn ông ấy đứng phía trên anh, một tay kéo thắt lưng xốc anh dậy, tay kia cầm kiếm đánh tay đôi với một gã kỵ binh nghĩ rằng mình có “cách cứu chữa” cho tình trạng yếu ớt của anh. Dougal đã giết gã đó và đưa anh lên con ngựa của ông ấy.” Anh lắc đầu. “Bây giờ đối với anh, mọi thứ đều mơ hồ; anh chỉ có thể nghĩ được một điều là con ngựa hằn vết vả lăm khi phải leo lên đồi với gần hai trăm cân trên lưng.”

Tôi ngồi lùì lại, hơi sững sốt.

“Nhưng... nếu muốn, Dougal có thể giết anh lúc đó.”

Jamie lắc đầu, lấy ra lưỡi dao cạo mà anh mượn của Dougal. Anh khẽ dịch cái xô để soi xuống mặt nước, và phồng má lên để cạo râu.

“Không, ông ấy không thể làm thế trước mặt mọi người. Hơn nữa, Dougal và Colum không nhất thiết muốn anh chết - đặc biệt là Dougal.”

“Nhưng...” Đầu óc tôi lại bắt đầu quay cuồng, giống như mỗi lần phải đối mặt với sự phức tạp trong cuộc sống gia đình của người Scot.

Những lời của Jamie bị bóp méo đi khi anh ngửa cằm, nghiêng đầu để cạo đám râu lún phún dưới cằm.

“Đó là vì Lallybroch,” anh giải thích, bàn tay còn lại sờ soạng tìm những sợi râu bị sót. “Không những là một mảnh đất màu mỡ, nó còn nằm ở đầu con đèo băng núi tử tế duy nhất dẫn vào vùng cao nguyên trong vòng mười dặm quanh đó. Nếu có một cuộc nổi dậy xảy ra, nó sẽ là mảnh đất rất giá trị. Và nếu anh chết trước khi lấy vợ, mảnh đất ấy sẽ có nguy cơ trở về với thị tộc Fraser.”

Anh cười toe, vuốt ve cổ mình. “Anh là một vấn đề khá nan giải đối với anh em nhà Mackenzie. Một mặt, nếu anh là mối đe dọa đối với vị trí thủ lĩnh của nhóc Hamish, họ muốn anh chết để được an toàn. Mặt khác, nếu anh không phải, họ muốn anh -và tài sản của anh - gắn chặt với họ nếu chiến tranh xảy ra, chứ không phải với thị tộc Fraser. Đó là lý do họ sẵn sàng giúp anh gặp Horrocks. Anh không thể làm được gì nhiều với Lallybroch khi anh ở ngoài vòng pháp luật, cho dù mảnh đất đó vẫn là của anh.”

Tôi cuộn tròn những cái chăn, hoang mang lắc đầu trước hoàn cảnh phức tạp - và nguy hiểm - mà Jamie đang thân nhiên trải qua. Rồi tôi chợt nghĩ ra rằng bây giờ không chỉ mình Jamie có liên quan. Tôi ngược lên.

“Anh nói rằng nếu anh chết trước khi cưới vợ, mảnh đất ấy sẽ trở về tay thị tộc Fraser,” tôi nói. “Nhưng bây giờ anh đã kết hôn rồi. Vậy ai...”

“Đúng vậy,” anh nói, gật đầu với tôi và nở nụ cười nửa miệng. Ánh nắng ban mai như thắp lên trên tóc anh những ngọn lửa màu vàng kim và màu đồng. “Nếu bây giờ anh bị giết, Sassenach, Lallybroch là của em.”

...

Khi sương mù tan đi, trời trở nên nắng đẹp. Chim chóc riu rít trong bãi thạch nam, và con đường rộng rãi bốc bụi mù mịt bên dưới vó ngựa.

Jamie cưỡi ngựa sát cạnh tôi khi chúng tôi leo lên đỉnh một ngọn đồi nhỏ. Anh hất đầu sang bên phải.

“Em có thấy trắng đất nhỏ dưới kia không?”

“Có.” Trông nó giống như một mảnh vá màu lục của những rặng thông, sồi và dương lá rung, nằm thụt vào một chút so với con đường.

“Ở đó có một con suối nằm bên dưới những rặng cây và một bãi cỏ mượt mà. Một nơi rất đẹp.”

Tôi nhìn anh vẻ khó hiểu.

“Vẫn còn hơi sớm để ăn trưa, đúng không?”

“Đó không phải là điều anh đang nghĩ đến.” Một vài ngày trước, tôi đã tình cờ phát hiện ra rằng Jamie chưa bao giờ giới thiệu một bên mắt. Thay vào đó, anh chớp mắt một cách nghiêm nghị, như một con cú lợn đỏ Madagascar to lớn.

“Vậy anh đang nghĩ gì?” Tôi hỏi. Ánh mắt nghi ngờ của tôi nhìn thẳng vào ánh mắt xanh ngây thơ như một đứa trẻ của anh.

“Anh chỉ đang tự hỏi trông em sẽ thế nào... trên bãi cỏ... dưới rặng cây... bên mặt nước... với những lớp vá tốc lên, bông bành quanh tai.”

“Ồ...” Tôi nói.

“Anh sẽ nói với Dougal là chúng ta đi lấy nước.” Anh thúc ngựa lên trước, trong chốc lát đã quay lại với những chai nước lấy từ trên mình những con ngựa khác. Tôi nghe thấy Rupert la hét gì đó bằng tiếng Gaelic sau lưng chúng tôi khi chúng tôi cưỡi ngựa xuống đồi, nhưng không thể đoán ra những lời đó là gì.

Tôi tới trắng đất trước. Sau khi xuống ngựa, tôi nằm thư giãn trên mặt cỏ và nhắm mắt lại trước ánh mặt trời chói chang. Lát sau, Jamie ghì cương ngựa bên cạnh tôi và nhảy phốc xuống. Anh vỗ mông con ngựa, đuổi nó đi gặm cỏ với con ngựa của tôi rồi quỳ gối trên cỏ. Tôi vươn tay kéo anh xuống.

Không khí ấm áp, thơm ngát mùi hoa cỏ. Jamie cũng có mùi như một lá cỏ mới được nhổ lên, nồng nàn và ngọt ngào.

“Chúng ta phải nhanh lên,” tôi nói. “Họ sẽ thắt mắc tại sao đi lấy nước lại lâu thế.”

“Họ sẽ không thắt mắc đâu,” anh nói, thành thạo cởi những chiếc dây buộc ở váy tôi. “Họ biết mà.”

“Ý anh là gì?”

“Em không nghe thấy Rupert nói gì lúc chúng ta rời đi sao?”

“Em có nghe thấy nhưng không rõ ông ấy nói gì,” Tiếng Gaelic của tôi đang được cải thiện đến mức tôi có thể hiểu những từ thông dụng, nhưng vẫn chưa tài nào hiểu được những câu dài.

“Tốt lắm. Những lời lẽ ấy không thích hợp với đôi tai của em.” Sau khi giải phóng cho bộ ngực của tôi, anh vùi mặt vào chúng cho đến khi tôi không chịu nổi nữa và trườn người xuống, hất váy lên. Vì cảm thấy ngượng ngập sau cuộc giao hoan dữ dội và đầy tính nguyên thủy trên gò đá, tôi đã xấu hổ không, đồng ý cho anh làm tình với mình gần chỗ cắm trại, mà khu rừng thì lại quá rậm rạp nên nếu đi xa sẽ không an toàn. Cả hai chúng tôi đều cảm thấy hơi căng thẳng vì sự “kiêng khem” ấy, và bây giờ, khi đã lánh xa những con mắt và những đôi tai tò mò, chúng tôi cuồng nhiệt lao vào nhau khiến môi tôi và những ngón tay râm ran vì luồng máu nóng đang dâng tràn.

Khi chúng tôi gần kết thúc thì Jamie chột sững người lại. Tôi mở mắt ra, vì ngược nắng nên thấy khuôn mặt anh tối sẫm. Biểu cảm trên mặt anh hoàn toàn không thể miêu tả nổi bằng lời. Một thứ gì đó màu đen đang gi vào đầu anh. Đôi mắt tôi cuối cùng cũng thích nghi với ánh nắng chói chang, giúp tôi thấy rõ đó là một nòng súng hỏa mai.

“Đứng dậy, thằng con hoang động cởn!” Nòng súng đột ngột đập vào thái dương Jamie. Anh chầm chậm đứng dậy Một giọt máu rỉ ra từ chỗ trầy xước, tối sẫm trên khuôn mặt trắng trẻo.

Chúng có hai người; nhìn bộ quân phục tả tơi, có thể thấy chúng là những kẻ Áo đỏ đào ngũ. Cả hai đều có súng hỏa mai và súng lục. Trông

chúng có vẻ rất thích thú với cơ hội tình cờ tóm được này. Jamie đứng giơ hai tay, khuôn mặt không chút biểu cảm, một nòng súng ấn vào ngực anh.

“Đáng lẽ mày phải để cho nó kết thúc đã, ‘Arry,” một gã nói, cười ngoác miệng, phô ra những cái răng sâu. “Ngừng lại giữa chừng như thế không tốt cho sức khỏe đàn ông.”

Bạn hấn chọc khẩu súng vào ngực Jamie.

“Sức khỏe của nó chả liên quan gì tới tao, và không bao lâu nữa cũng sẽ chẳng liên quan gì đến nó nữa đâu. Tao cũng muốn được ném thử miếng mồi kia,” hấn hất đầu về phía tôi, “và tao không muốn đứng sau bất cứ thằng nào, huống hồ là một thằng con hoang người Scot như thế này.”

Gã răng sâu cười. “Tao thì không khó tính như thế. Vậy thì giết hấn và giải quyết cho xong nhu cầu của mày đi!”

Gã Harry béo lùn và mắt lác cân nhắc trong một thoáng, nhìn tôi chăm chú. Tôi vẫn ngồi trên mặt đất, hai đầu gối co lên và những lớp váy được ấn chặt quanh mắt cá chân. Tôi đã ráng sức cột lại cái áo chèn, nhưng phần lớn da thịt vẫn lộ ra. Cuối cùng, gã lùn cười và ra hiệu cho bạn mình.

“Không, cứ để nó chứng kiến. Lại đây, Arnold, và chĩa súng của mày vào hấn.” Arnold làm theo, vẫn cười ngoác miệng. Harry đặt khẩu súng của mình xuống đất và vứt cái thắt lưng đeo súng xuống cạnh nó.

Trong lúc ấn những lớp váy xuống, tôi sờ thấy một vật cứng cứng trong cái túi bên phải. Đó chính là con dao găm mà Jamie đã đưa cho tôi. Tôi có thể dùng nó không? Có, tôi quyết định khi nhìn khuôn mặt dâm dật đầy mụn nhọt của Harry, tôi nhất định có thể.

Nhưng tôi sẽ phải đợi cho đến giây cuối cùng, và không chắc liệu Jamie có thể kiềm chế lâu đến thế không. Thôi thúc giết người đang hiện rõ trên mặt anh; chẳng mấy chốc, anh sẽ hành động theo bản năng mà không nghĩ gì đến những hậu quả.

Tôi không dám biểu lộ quá nhiều trên nét mặt, chỉ nheo mắt và trừng trừng nhìn anh, ngằm buộc anh không được cử động. Những đường gân nổi

rõ trên cổ anh, và mặt anh đỏ tía, nhưng tôi nhìn thấy một cái gập đầu rất khẽ báo hiệu rằng anh đã hiểu được thông điệp của tôi.

Khi Harry đè tôi xuống và cố tước vác tôi lên, tôi ra sức vùng vẫy, chủ yếu là để lần tìm cán dao hơn là thực sự chống cự. Hắn tát mạnh vào mặt tôi, ra lệnh cho tôi nằm yên. Má tôi đau rát và mắt ầng ậng nước, nhưng hiện giờ con dao đã nằm trong tay tôi, được giấu dưới những nếp vác.

Tôi nằm ngửa ra, thở hỗn hển, tập trung vào mục tiêu, cố gắng gạt mọi thứ khác ra khỏi đầu. Sẽ phải đâm vào sau lưng; khoảng cách này quá gần nên không thể đâm vào cổ họng.

Những ngón tay bản thủ đang bám vào đùi tôi, cố gắng tách chúng ra. Trong tâm trí, tôi nhớ lại hình ảnh ngón tay Rupert chọc vào mạng sườn Murtagh, và nghe thấy giọng nói của ông ta: “Nếu cô nhắm vào đây, bên dưới cái xương sườn cuối cùng, và đâm ngược lên thì sẽ trúng vào thận của đối thủ. Hắn sẽ ngã xuống ngay lập tức.”

Gần đến lúc rồi; hơi thở hôi thối đáng ghê tởm của Harry đang phả lên mặt tôi, và hắn đang mò mẫm giữa đôi chân trần của tôi, chăm chú vào mục tiêu của hắn.

“Nhìn cho kĩ đây, con hươu đực kia, và xem chuyện này được làm như thế nào,” hắn hỗn hển nói, “tao sẽ làm cho con đàn bà của mày rên rỉ trước khi...”

Tôi choàng cánh tay trái quanh cổ hắn để kéo hắn lại gần; giơ cao bàn tay cầm dao và dùng hết sức đâm mạnh vào lưng hắn. Lực tác động khiến cánh tay tôi tê rần, khiến tôi suýt thì để tuột mất con dao. Harry kêu ré lên và quẩn quại để thoát ra. Vì không nhìn thấy gì, tôi đã nhắm quá cao, và con dao đã trúng vào một rãnh xương sườn.

Tôi không thể bỏ cuộc. May thay, hai chân tôi đã thoát khỏi những lớp vác vướng víu. Tôi quấn chặt chân quanh cái hông mướt mồ hôi của Harry, ghì hắn xuống trong vài giây quý giá để thử thêm một lần nữa. Tôi lấy hết sức bình sinh đâm mạnh, và lần này đã tìm đúng vị trí.

Rupert nói đúng. Harry ưỡn người lên như đang nhái lại một cách góm ghiếc hành động yêu đương, rồi đổ sầm xuống thành một đống mềm nhũn trên người tôi, không thốt ra một tiếng kêu nào, máu từ vết thương ở lưng hắt bắn ra tung tóe.

Arnold bị phân tâm trong giây lát bởi cảnh tượng trên mặt đất, và chỉ một khoảnh khắc lơ là ấy là đủ để chàng trai người Scot đang cẩu diên mà hấn không chế thoát ra được. Lúc tôi tỉnh táo trở lại, trườn ra khỏi thân hình bất động của Harry, Arnold cũng đã lên đường làm bạn với hấn trong cõi chết, cổ họng bị cắt gần như từ tai nọ sang tai kia bởi con dao *sgian dhu* mà Jamie giấu trong tất.

Jamie quỳ xuống bên cạnh tôi, kéo tôi ra khỏi cái xác chết. Run rẩy vì căng thẳng và sốc, chúng tôi lặng lẽ ôm chặt nhau trong vài phút, vẫn không nói gì, anh bế tôi lên và mang tôi tới một bãi cỏ đằng sau một rặng dương lá rung, cách xa hai cái xác.

Anh đặt tôi xuống mặt đất và vụng về ngồi sụp xuống bên cạnh tôi, như thể hai đầu gối đột nhiên bủn rủn. Tôi cảm thấy lạnh lẽo như thể cơn gió mùa đông đã lùa vào tận xương tủy, và vươn tay chạm vào anh. Anh ngẩng đầu lên, khuôn mặt phờ phạc, và nhìn tôi chăm chăm cứ như chưa từng thấy tôi bao giờ. Khi tôi đặt tay lên vai anh, anh kéo tôi vào ngực mình với một tiếng kêu nửa như rên rỉ, nửa như nức nở.

Bấy giờ chúng tôi quấn vào nhau trong im lặng, với những cú thúc hoang dại, gập gáp và kết thúc trong khoảnh khắc, bị điều khiển bởi một sự cưỡng bách mà tôi không tài nào hiểu nổi, chỉ biết rằng chúng tôi buộc phải tuân theo, nếu không sẽ mất nhau mãi mãi. Đó không phải hành động yêu đương, mà là một việc cần thiết, như thể chúng tôi biết rằng nếu bị bỏ lại một mình, cả hai chúng tôi đều sẽ không chịu đựng nổi. Sức mạnh duy nhất của chúng tôi nằm trong sự hợp nhất, ký ức về cái chết và việc suýt bị cưỡng hiếp đã bị nhấn chìm trong cơn lũ cảm xúc.

Sau đó, nằm ôm nhau trên cỏ, đầu tóc rối bù, người lấm lem máu và run rẩy dưới ánh mặt trời, Jamie lẩm bầm gì đó, khẽ đến nỗi tôi chỉ nghe

được hai từ “xin lỗi”.

“Đâu phải là lỗi của anh chứ,” tôi lẩm bẩm, vuốt tóc anh. “Ổn cả rồi, chúng ta đều ổn cả.” Tôi cảm thấy mình như đang mơ, xung quanh tôi chẳng có gì là thật, rồi lơ mơ nhận ra những triệu chứng của tình trạng sốc muện.

“Không phải thế,” anh nói. “Không phải thế. Đó là lỗi của anh... Thật ngỡ ngẩn khi đến đây mà không để ý đến điều gì. Khiến cho em... Nhưng anh không muốn nói đến chuyện đó. Ý anh là... anh xin lỗi vì đã đối xử với em như vừa rồi. Chiếm đoạt em như thế, ngay sau khi... như một con vật. Anh xin lỗi, Claire... Anh không biết gì cả... Anh không thể kiềm chế được, nhưng... Chúa ơi, em lạnh quá, *mo duinne*, tay em lạnh cóng rồi. Lại đây, để anh sưởi ấm cho em.”

Anh cũng bị sốc, tôi mơ hồ nghĩ. Thật buồn cười khi nó khiến một vài người trở nên nói nhiều. Những người khác thì chỉ thềm run rẩy. Giống như tôi vậy. Tôi ấn miệng anh vào vai mình để làm cho anh yên lặng.

“Ổn cả rồi,” tôi nói đi nói lại. “Ổn cả rồi.”

Đột nhiên một cái bóng ngã xuống khiến cả hai chúng tôi giật nảy mình. Dougal đang đứng khoanh tay, quắc mắt nhìn chúng tôi. Ông ta lịch sự quay sang cau mày với Jamie trong lúc tôi vội vã buộc lại dây áo chên.

“Nhìn cháu kìa, vui thú với vợ mình cũng tốt thôi, nhưng mãi mê đến nỗi để tất cả mọi người phải chờ đợi hơn một tiếng đồng hồ và thậm chí còn chẳng nghe thấy tiếng bước chân ta tới gần thì một ngày nào đó thái độ ấy sẽ khiến cháu rơi vào rắc rối đấy. Tại sao ư, ai đó có thể lên tới từ đằng sau và gí một khẩu súng vào đầu cháu trước khi cháu kịp nhận ra...”

Ông ta ngừng lại tròng chỉ trích để nhìn tôi chăm chăm với ánh mắt nghi ngờ khi tôi lặn lộn trên cỏ, cười rũ rượi. Mặt đỏ bừng như một cây củ cải đường, Jamie dẫn Dougal tới phía bên kia của rang dương lá rung, thì thềm giải thích. Tôi vẫn tiếp tục cười khúc khích, cuối cùng phải nhét khăn tay vào miệng để ngăn mình lại. Trong lúc tâm trạng bối rối, sự bùng phát cảm xúc bất ngờ cộng thêm những lời nói của Dougal đã vẽ lên khuôn mặt

của Jamie lúc bị bắt quả tang khiến tôi thấy tức cười vô cùng. Tôi cứ cười rinh rích cho đến khi mạng sườn quặn đau. Cuối cùng, tôi ngồi dậy, lấy khăn tay lau mắt, thấy Dougal và Jamie đang đứng phía trên tôi, cả hai đều mang vẻ mặt không hài lòng. Jamie kéo tôi dậy và dẫn tôi trở về chỗ những người còn lại đang đợi. Trên đường đi, thi thoảng tôi vẫn nấc lên và cười phì.

...

Ngoại trừ việc vẫn còn dễ dàng cười phá lên chẳng vì lý do gì đặc biệt, dường như cuộc chạm trán với những kẻ đào ngũ không gây ảnh hưởng gì xấu đến tôi. Tuy nhiên, giờ đây tôi đã thận trọng hơn với việc rời khỏi điểm cắm trại. Dougal trấn an tôi rằng thực ra, trên những con đường ở vùng cao nguyên không có nhiều toán cướp đường lăm, bởi vì chẳng có nhiều lữ khách đáng để cướp bóc, nhưng tôi vẫn giật mình căng thẳng trước những tiếng động trong rừng, và vội vội vàng vàng trở về mỗi khi đi làm những công việc quen thuộc như lấy củi và múc nước, sốt sắng được nhìn và nghe thấy cánh đàn ông của thị tộc Mackenzie. Tôi cũng thấy yên tâm hơn khi nghe tiếng ngáy của họ vang lên quanh mình vào ban đêm, và chẳng còn e dè, ngượng ngập với chuyện lén lút quần quýt với Jamie dưới những tấm chăn.

Tôi vẫn có chút sợ hãi việc phải ở một mình khi thời điểm gặp gỡ Horrocks đến vào vài ngày sau đó.

“Ở lại đây ư?” Tôi nghi ngại nói. “Không! Em sẽ đi với anh.”

“Em không thể đi được,” Jamie kiên nhẫn nói lại một lần nữa. “Phần lớn mọi người sẽ tới Lag Cruime với Ned để thu tô. Dougal và số ít còn lại sẽ đi với anh tới địa điểm gặp gỡ, phòng trường hợp Horrocks thất tín. Nhưng chúng ta không thể để em bị nhìn thấy ở nơi công cộng gần Lag Cruime được; người của Randall có thể ở quanh đó, và anh sẽ không ngạc nhiên nếu hắn dùng vũ lực bắt em đi. Còn cuộc gặp với Horrocks, anh không biết chuyện gì có thể xảy ra. Không được đâu! Có một khoảnh rừng

nhỏ gần khúc quanh của con đường - nó khá rậm rạp và gần một con suối. Em sẽ ở đó cho đến khi anh trở lại.”

“Không,” tôi bướng bỉnh nói. “Em sẽ đi với anh.” Lòng kiêu hãnh khiến tôi không muốn nói với anh rằng tôi sợ phải rời xa anh. Nhưng tôi sẵn sàng nói với anh rằng tôi lo sợ *cho* anh.

“Chính miệng anh nói anh không biết cuộc gặp với Horrocks có vấn đề gì không,” tôi cãi. “Em không muốn đợi ở đây cả ngày, tự hỏi chuyện gì đang xảy ra với anh. Cho em đi cùng anh đi,” tôi năn nỉ. “Em hứa sẽ không lộ diện trong suốt cuộc gặp. Em không muốn ở đây một mình, lo lắng cả ngày.”

Anh thở dài vẻ sốt ruột, nhưng không tranh cãi thêm nữa. Khi chúng tôi tới khoảnh rừng nhỏ, anh cúi xuống cầm lấy dây cương con ngựa của tôi, buộc tôi bước ra khỏi đường cái và đi vào trong bãi cỏ. Anh xuống ngựa, cột cả hai bộ dây cương vào một bụi cây rồi chui vào trong rặng cây, chẳng màng đến những lời phản đối om sòm của tôi. Tôi bướng bỉnh không chịu xuống ngựa. Anh không thể *bắt* tôi ở lại.

Cuối cùng, anh đi dọc theo con đường. Những người khác đã đi từ trước, nhưng vì nhớ đến sự kiện vừa mới xảy ra ở trang đất hoang nên Jamie sẽ không chịu rời đi cho đến khi đã kiểm tra kỹ lưỡng khoảnh rừng nhỏ, xem xét cẩn thận các rặng cây và dùng một cái que quất vun vút vào đám cỏ cao. Sau đó, anh quay trở lại, cởi dây buộc lũ ngựa và nhảy lên yên con ngựa của mình.

“Ở đây an toàn,” anh nói. “Em hãy dắt con ngựa chui sâu vào trong bụi cây để ẩn nấp. Anh sẽ quay lại ngay khi xong việc. Không biết là bao lâu, nhưng chắc chắn là vào lúc hoàng hôn.”

“Không! Em sẽ đi với anh.” Tôi không thể chịu nổi ý nghĩ bị giam chân trong một khu rừng, không biết chuyện gì đang xảy ra. Tôi thà chủ động lao đầu vào nguy hiểm còn hơn là bị bỏ lại hàng mấy tiếng đồng hồ, lo lắng, chờ đợi và băn khoăn. Và chỉ có một mình.

Jamie kiềm chế sự nóng ruột. Anh vươn tay nắm lấy vai tôi.

“Chẳng phải em đã hứa là sẽ nghe lời anh sao?” Anh hỏi, khẽ lắc đầu.

“Đúng thế nhưng...” Tôi đang định nói rằng đó chỉ là vì tôi buộc phải làm thế, nhưng anh đã xoay đầu con ngựa của tôi về phía bụi cây.

“Tình hình rất nguy hiểm, anh sẽ không để em đến đó, Claire. Anh sẽ rất bận rộn, nếu có chuyện gì xảy ra, anh không thể vừa đánh nhau vừa bảo vệ em cùng một lúc.” Nhìn thấy ánh mắt chông đối của tôi, anh thò tay vào cái túi đeo trên yên ngựa và bắt đầu lục lọi.

“Anh tìm gì vậy?”

“Dây thừng. Nếu em không nghe lời anh, anh sẽ trói em vào một gốc cây cho đến khi anh quay lại.”

“Anh sẽ không làm thế!”

“Có, anh sẽ làm!” Rõ ràng anh có ý định như vậy thật. Tôi miễn cưỡng nhượng bộ, ghì cương ngựa lại. Jamie cúi xuống hôn nhanh lên má tôi, quay người định rời đi.

“Cẩn thận nhé, Sassenach. Em có con dao chưa? Tốt. Anh sẽ về sớm nhất có thể. Ồ, còn một điều này nữa.”

“Điều gì?” Tôi hờn dỗi nói.

“Nếu em rời khỏi khoảnh rừng đó trước khi anh về, anh sẽ dùng đai đeo kiếm quất vào mông em đấy. Chắc là em sẽ không thích phải đi bộ đến tận Bargrennan đâu nhỉ! Nhớ đấy,” anh nói, khẽ véo má tôi, “anh không dọa suông đâu.” Đúng là anh không đe dọa suông. Tôi chậm rãi cười ngựa về phía lùm cây, ngoảnh lại nhìn anh phóng đi, rập mình trên yên ngựa, đuôi áo choàng len bay phấp phới.

Dưới rặng cây thật mát mẻ; con ngựa và tôi đều thở phào nhẹ nhõm khi chúng tôi bước vào bóng râm. Thời tiết ở Scotland hiếm khi nóng nực như thế này, vầng dương tỏa sáng chói chang, bầu trời như một miếng vải muslin trắng bệch và sương mù ban sớm bị tan đi vào lúc tám giờ. Khoảnh rừng nhỏ ríu rít tiếng chim ca; một đàn sẻ ngô đang tìm kiếm thức ăn trong

lùm sồi phía bên trái, và tôi còn có thể nghe thấy tiếng của một con chim họa mi đỏ ở quanh quần đầu đây.

Tôi cũng khá thích nghiên cứu về lũ chim. Nếu tôi bị bỏ lại ở đây cho đến khi gã chông dần độn, cứng đầu, hách dịch, độc đoán của tôi hoàn tất công việc liều lĩnh gây nguy hiểm cho cái cổ ngu ngốc của mình, tôi sẽ tận dụng thời gian để ngắm nhìn những gì mình có thể trông thấy.

Tôi nhảy xuống ngựa, thả nó đi gặm cỏ ở bìa rừng, biết rằng nó sẽ không đi đâu xa. Bãi cỏ dừng lại đột ngột cách rặng cây vài mét vì bị đám thạch nam xâm lấn.

Khoảnh rừng này là một trảng đất bao gồm những loại cây có quả hình nón và những cây sồi non, rất thích hợp để quan sát lũ chim. Tôi từng đi xuyên qua khoảnh rừng, vẫn thầm bực tức với Jamie, nhưng dần trở nên bình tĩnh hơn khi nghe thấy tiếng kêu *tsee* đặc trưng của một con chim đớp ruồi và tiếng lách chách khàn khàn của con chim hét.

Trảng đất kết thúc khá đột ngột ở mép một vách đá nhỏ. Tôi đi xuyên qua những thân cây non và tiếng chim bị át đi bởi tiếng nước chảy. Tới một bờ suối nhỏ, tôi ngồi xuống, dùng đưa chân trên mặt nước, tận hưởng ánh mặt trời ấm áp.

Một con quạ bay lướt qua trên đầu, theo sát phía sau là một cặp chim đỏ đuôi. Thân hình đen sì đồ sộ của nó bay ngoằn ngoèo qua không trung, cố gắng tránh “những chiếc máy bay ném bom kiểu bố nhào” nhỏ tí xíu đang truy đuổi. Tôi mỉm cười, quan sát cặp chim bố mẹ nhỏ bé thịnh nộ rượt đuổi con quạ, và tự hỏi liệu những lúc bình thường, lũ quạ có thực sự bay theo đường thẳng không. Con quạ kia, nếu cứ bay thẳng, sẽ hướng tới...

Tôi khựng lại.

Mãi tranh cãi với Jamie, tới giờ phút này tôi mới nhận ra cơ hội mà mình cố gắng tìm kiếm trong vô vọng suốt hai tháng qua cuối cùng đã đến. Tôi chỉ có một mình. Và tôi biết mình đang ở đâu.

Nhìn qua bên kia con suối, ánh mặt trời chói chang chiếu rọi qua rừng tần bì đỏ làm tôi lóa mắt. Vậy thì đó là hướng đông. Tim tôi bắt đầu đập nhanh hơn. Nếu kia là hướng đông, vậy thì Lag Cruime ở ngay đằng sau tôi. Lag Cruime cách pháo đài William bốn dặm về phía bắc. Và pháo đài William cách đồi Craig na Dun không quá ba dặm về hướng tây.

Vậy là, lần đầu tiên kể từ khi gặp Murtagh, tôi gần như biết chính xác mình đang ở đâu - tôi đang ở cách ngọn đồi quái quỷ kia và những vòng tròn đá đáng nguyên rủa của nó không quá bảy dặm. Bảy dặm - có lẽ vậy - so với nhà tôi. So với Frank.

Tôi dợm quay trở lại khoảnh rừng nhỏ, nhưng rồi lại đổi ý. Tôi không dám đi bằng đường cái. Nơi này gần pháo đài William và mấy ngôi làng nhỏ xung quanh nó, vì vậy có quá nhiều nguy cơ gặp phải ai đó. Tôi cũng không thể cưỡi ngựa đi dọc theo dòng suối dốc này. Thực ra, ngay cả đi bộ cũng khó khăn; có vài chỗ, các vách đá hai bên bờ gần như thẳng đứng, trong lòng suối không có chỗ nào để đặt chân ngoài những móm đá rải rác nhô lên khỏi mặt nước chảy xiết.

Nhưng nó là con đường thẳng nhất dẫn tới nơi tôi muốn. Tôi không dám chọn một lộ trình quá vòng vèo, bởi vì tôi có thể dễ dàng lạc đường trong bụi cây dại hoặc bị Jamie và Dougal tóm được trên đường họ trở về.

Lòng tôi đột nhiên rối bời khi nghĩ về Jamie. Chúa ơi, sao tôi có thể rời bỏ anh mà không để lại một lời giải thích hay xin lỗi? Sao tôi có thể biến mất không chút dấu vết, sau những gì anh đã làm cho tôi?

Cuối cùng, tôi quyết định bỏ lại con ngựa. Ít nhất anh sẽ nghĩ tôi không tự ý rời bỏ anh; anh có thể cho rằng tôi bị thú hoang tấn công - tôi chạm vào con dao trong túi - hoặc bị bọn ngoài vòng pháp luật bắt cóc. Rồi khi không lần được dấu vết của tôi, anh sẽ quên tôi và tái hôn. Có lẽ là với cô nàng Laoghaire trẻ trung, xinh xắn ở Leoch.

Kỳ cục làm sao, ý nghĩ Jamie ngủ chung giường với Laoghaire cũng khiến tôi khó chịu như ý nghĩ rời bỏ anh vậy. Tôi thầm nguyên rủa sự ngốc nghếch của chính mình, nhưng không thể ngừng tưởng tượng ra khuôn mặt

tròn trĩnh khả ái của cô ta đỏ bừng lên vì nổi khao khát cháy bỏng, và đôi tay to lớn của Jamie luồn vào mái tóc màu ánh trăng đó...

Tôi ngừng nghiêng răng và quyết tâm lau nước mắt trên má. Tôi không có thời gian hay sức lực cho những hồi tưởng vô nghĩa. Tôi phải đi, ngay bây giờ, trong khi có thể. Đây ắt hẳn là cơ hội tốt nhất mà tôi có. Tôi hy vọng Jamie sẽ quên tôi. Dù biết rằng mình sẽ không bao giờ quên được anh, nhưng bây giờ, tôi phải xua anh ra khỏi tâm trí, nếu không tôi sẽ không thể tập trung vào công việc khó khăn trước mắt.

Tôi rón rén đi xuống bờ dốc dẫn tới mép nước. Tiếng suối róc rách nhấn chìm tiếng chim hót trong khoảng rừng bên trên. Bờ suối lầy bùn và lổn nhổn đá nhưng vẫn có thể đi lại được. Xa hơn nữa, tôi thấy rằng mình sẽ phải bước hẳn xuống nước, và liệu lĩnh bước từ hòn đá này sang hòn đá khác, giữ thăng bằng bên trên dòng nước xiết, cho đến khi bờ suối mở rộng để tôi lại có thể leo lên bờ.

Tôi khó nhọc đi dọc theo con suối, nhắm tính xem mình có bao nhiêu thời gian. Jamie chỉ nói rằng họ sẽ về trước hoàng hôn. Nơi đây chỉ cách Lag Cruime ba, bốn dặm, nhưng tôi không biết tình trạng đường sá như thế nào, hay công việc với Horrocks sẽ diễn ra bao lâu nếu hẳn tới điểm hẹn. Hẳn sẽ có mặt ở đó, tôi tự lý luận. Hugh Munro đã nói vậy, và dù con người lập dị ấy có kỳ quặc thế nào, Jamie rõ ràng coi ông ta là một nguồn thông tin đáng tin cậy.

Tôi trượt chân khỏi tảng đá đầu tiên trong lòng suối, ngã nhào xuống làn nước lạnh giá sâu đến đầu gối khiến các lớp váy ướt sũng. Tôi quay lại bờ suối, vén váy lên cao nhất có thể và cởi cả giày lẫn tất. Tôi bỏ cả hai thứ vào chiếc túi được tạo thành từ chiếc váy xắn lên của mình và lại bước lên tảng đá.

Tôi nhận thấy nếu bấu chặt các đầu ngón chân, tôi có thể bước từ tảng đá này sang tảng đá khác mà không bị trượt ngã. Nhưng những lớp váy lũng nhũng khiến tôi khó có thể nhìn thấy chỗ đặt chân tiếp theo, và tôi bị

rơi xuống nước không chỉ một lần. Chân tôi tê cứng khiến việc bấu các ngón chân trở nên khó khăn hơn.

May thay, bờ suối lại mở rộng, và tôi mừng rỡ bước lên lớp bùn ấm áp, dính nhớt trên bờ. Thế rồi tôi cứ luân phiên bì bõm trong bùn rồi lại nhảy qua những tảng đá trên dòng suối lạnh căm, chẳng còn thời gian đâu mà nghĩ nhiều đến Jamie.

Sau một lúc, tôi đã tạo ra một nhịp di chuyển trong vô thức. Bước, bấu chặt, ngừng lại, nhìn quanh, định vị bước tiếp theo. Bước, bấu chặt, ngừng lại, vân vân. Không biết vì quá tự tin hay mệt mỏi mà cuối cùng tôi cũng sơ ý bước hụt. Chân tôi trượt trên mép đá trơn nhẵn. Tôi khua khoắng loạn xạ, cố gắng nhảy trở lại tảng đá trước đó, nhưng đã bị mất thăng bằng, cả người ngã nhào xuống nước.

Và tiếp tục chìm xuống. Mặc dù con suối nhìn chung chỉ sâu chừng nửa mét, nhưng cách một quãng lại có những cái hố sâu do nền đá bị dòng nước xiết khoét trũng. Hòn đá mà tôi bị trượt chân nằm bên cạnh một cái hố như thế, vì vậy khi bị rơi xuống nước, tôi chìm xuống như một hòn đá.

Bị làn nước lạnh giá bất ngờ lùa vào mũi và miệng, tôi sững sốt đến nỗi không thể thét lên nổi. Những bong bóng màu bạc thoát ra từ cái áo chần, sủi lên qua mặt tôi. Lớp vải cotton ướt sũng, và sự bủa vây của làn nước lạnh giá làm tôi ghệt thở.

Tôi vùng vẫy gần như ngay lập tức để ngoi lên mặt nước, nhưng sức nặng của bộ y phục cứ kéo tôi xuống. Tôi cố gắng quýt giật đứt các dây áo chần, nhưng không hy vọng cởi hết được mọi thứ trước khi chết chìm. Tôi thầm nguyện rửa các thợ may, thời trang cho phụ nữ và những chiếc váy dài ngớ ngẩn trong lúc điên cuồng quấy đạp đôi chân để hất những nếp váy vướng víu.

Nước trong như pha lê. Những ngón tay tôi sượt qua mặt đá, sượt qua những dải bèo và tảo mềm mại tối sẫm. Trơn như rong lá liễu, Jamie đã miêu tả như thế về...

Ý nghĩ ấy kéo tôi ra khỏi nỗi hoảng loạn. Tôi chợt nhận ra mình không nên tự làm mình kiệt sức bằng cách cố gắng vùng vẫy để ngoi lên mặt nước. Cái hố không thể sâu quá hai, ba mét; điều tôi cần làm là để mặc mình chìm xuống đáy, lấy đà khi có điểm tựa và phóng lên. Nếu may mắn, tôi sẽ ngoi lên được trong một thoáng để thở, và cho dù bị chìm xuống lần nữa, tôi vẫn có thể tiếp tục bật lên cho đến khi bám được vào một tảng đá.

Tôi chìm xuống rất chậm. Vì tôi không còn vùng vẫy nên những lớp váy cũng nổi lên bồng bềnh xung quanh mặt tôi. Tôi gạt chúng ra vì phải giữ cho tầm nhìn quang đãng. Buồng phổi tôi căng cứng như muốn nổ tung và mắt sa sầm lại lúc bàn chân tôi chạm tới đáy hố nhãn nhụi. Tôi hơi co gối lại, gạt những lớp váy xuống rồi lấy hết sức bình sinh bật người lên.

Cách này quả là hiệu quả. Mặt tôi ngoi lên khỏi mặt nước, và tôi có đủ thời gian để hít những ngậm không khí quý giá trước khi mặt nước khép lại trên đầu tôi. Nhưng chỉ cần như thế là đủ. Tôi biết mình có thể làm lại lần nữa. Tôi ép hai cánh tay sát bên sườn để tạo cho mình hình dáng thuôn thuôn, giúp cho việc chìm xuống nhanh hơn. Một lần nữa, Beauchamp, tôi nghĩ. Co gối, lấy đà, nhảy!

Tôi phóng lên, hai tay vươn cao trên đầu. Trong lần ngoi lên trước, tôi đã nhìn thấy một ánh đỏ; đó hẳn là một cây thanh lương trà. Có lẽ tôi sẽ tóm được một nhánh cây.

Khi đầu tôi ngoi lên khỏi mặt nước, bàn tay đang vươn cao của tôi liền bị thứ gì đó tóm lấy. Một thứ cứng cáp, ấm áp và rắn chắc. Một bàn tay khác.

Ho sù sụ và thở phì phì, bàn tay còn lại của tôi quáng quàng mò mẫm. Quá mừng rỡ vì được giải cứu, tôi chẳng thấy tiếc nuối gì về nỗ lực bỏ trốn bị gián đoạn. Ít nhất cho đến khi tôi gạt mớ tóc ướt ra khỏi mắt, ngược lên và nhìn thấy khuôn mặt xứ Lancashire đầy lo lắng của Hạ sĩ trẻ tuổi Hawkins.

21

Une Mauvais Quart d'heure^[84]

Sau một lần nữa

Tôi nhón lấy sợi rong lá liễu vẫn còn ẩm ướt dính trên tay áo và đặt nó vào giữa mảnh giấy thấm. Thế rồi, nhìn thấy lọ mực ở ngay trong tầm tay, tôi nhắc cọng rong lên, nhúng vào lọ mực và vẽ những hình ngộ nghĩnh lên tờ giấy thấm dày dặn. Tôi thích thú thốt ra một từ khiếm nhã khi hoàn thành kiệt tác của mình, cẩn thận rải cát và thấm mực trước khi dựng tờ giấy lên.

Tôi bước lùi lại để ngắm nghía thành quả, rồi nhìn quanh để tìm xem có trò tiêu khiển nào khác giúp tôi quên đi việc Đại úy Randall sắp đến không.

Văn phòng của gã Đại úy này quả là không tệ, tôi nghĩ khi nhìn các bức tranh treo trên tường, những món đồ bằng bạc trang trí trên bàn giấy và tấm thảm dày dặn dưới sàn. Tôi bước trở lại tấm thảm để nhỏ nước lên đó. Chuyển đi đến pháo đài William đã hong khô lớp váy ngoài của tôi, nhưng những lớp váy lót vẫn còn ướt sũng.

Tôi mở một cái tủ nhỏ đằng sau bàn và phát hiện ra bộ tóc giả dự phòng của Đại úy đang nằm gọn gàng trên một trong hai cái giá bằng sắt rèn, với một bộ gương lược có mặt sau ốp bạc được sắp xếp ngăn nắp ở trước mặt nó. Tôi mang cái giá treo tóc giả tới bàn, nhẹ nhàng rắc nốt chỗ cát còn lại trong lọ lên nó trước khi trả nó về chỗ cũ.

Tôi đang ngồi ở sau bàn, lược cầm tay, soi bóng mình trong gương thì Đại úy bước vào. Hắn liếc nhìn vẻ ngoài lôi thôi lếch thếch của tôi cùng cái tủ bị lục lọi và tờ giấy thấm bị vẽ hươu vẽ vượn.

Không hề chớp mắt, hắn kéo một cái ghế và ngồi xuống đối diện với tôi, chân nọ gác lên đầu gối chân kia. Bàn tay quý tộc đẹp đẽ hồ hững cầm một cái roi quất ngựa. Phần ngọn được thắt bím của nó có màu đỏ và đen, chằm chằm đung đưa qua lại trên mặt thảm. Tôi nhìn chăm chăm vào nó.

“Ý tưởng ấy hấp dẫn đấy,” hắn nói khi thấy đôi mắt tôi dõi theo nhịp chuyển động của ngọn roi. “Nhưng tôi có thể nghĩ ra một thứ gì đó hay hơn, khi nào tôi bình tĩnh lại.”

“Tôi dám chắc ông có thể,” tôi nói, gạt một lọn tóc dày ra khỏi mắt. “Nhưng ông không được phép đánh phụ nữ bằng roi, đúng không?”

“Chỉ trong một số hoàn cảnh thôi,” hắn lịch sự nói. “Mà trường hợp của cô thì không - hay đúng ra là chưa - cần thiết. Việc đó có khá đông người chứng kiến. Tôi nghĩ chúng ta nên làm quen với nhau một cách riêng tư trước đã.” Hắn vươn tay tới chiếc tủ búp phê ở đằng sau để lấy một cái bình cổ thon.

Chúng tôi lặng lẽ nhấm nháp rượu vang đỏ, nhìn nhau qua ly rượu.

“Tôi quên chưa chúc mừng cuộc hôn nhân của cô,” hắn đột nhiên nói. “Thứ lỗi cho tôi nhé!”

“Đừng bận tâm,” tôi duyên dáng nói. “Tôi chắc chắn gia đình chồng tôi sẽ rất biết ơn vì ông đã tỏ lòng hiếu khách với tôi.”

“Ồ, tôi khá nghi ngờ điều đó,” hắn nói, nở nụ cười cuốn hút. “Tôi không nghĩ mình sẽ nói với họ là cô đang ở đây.”

“Điều gì khiến ông nghĩ rằng họ không biết?” Tôi hỏi, bắt đầu cảm thấy khá đói, bất chấp cái quyết tâm ban đầu là phải tỏ ra trơ tráo. Tôi liếc nhanh ra cửa sổ, nhưng nó nằm ở mặt sau của tòa nhà. Từ đây không thể nhìn thấy mặt trời, nhưng ánh nắng thì vàng ruộm; có lẽ đang là giữa buổi chiều? Mất bao lâu Jamie mới phát hiện ra con ngựa bị tôi bỏ lại? Và bao lâu nữa anh mới lần theo dấu vết của tôi tới chỗ con suối - rồi lập tức mất dấu? Việc biến mất không chút dấu vết cũng có những bất lợi. Thực tế, trừ phi Randall quyết định nhắc cho Dougal biết nơi tôi đang ở, những người Scot sẽ chẳng đời nào biết được tôi đã đi đâu.

“Nếu họ biết,” Đại úy nói, nhượng một bên lông mày có hình dáng thanh thoát, “có lẽ giờ này họ đã tới chỗ tôi rồi. Nghĩ đến những cái tên mà Dougal MacKenzie ném vào mặt tôi trong lần gặp trước, tôi cho rằng ông ta sẽ khó lòng coi tôi là kẻ tháp tùng thích hợp cho một người phụ nữ là bà con với ông ta. Và dường như thị tộc MacKenzie nghĩ rằng cô có giá trị đến nỗi họ thà để cô làm người của họ còn hơn là nhìn thấy cô rơi vào tay tôi. Tôi khó có thể tưởng tượng họ sẽ để mặc cô héo hon chờ đợi trong cảnh giam cầm ở đây.”

Hắn sẫm soi tôi với vẻ không hài lòng, thu vào mắt mọi chi tiết của bộ đồ sũng nước, mái tóc rối bù, và ngoại hình lôi thôi lếch thếch của tôi.

“Tôi không biết tại sao họ lại muốn có cô,” hắn nói. “Hay là, nếu cô quá giá trị với họ, thế quái nào họ lại để cô lang thang một mình ở vùng đồng quê này. Ngay cả lũ người mọi rợ cũng để ý tới những người phụ nữ của mình kĩ hơn thế.” Một tia sáng chợt lóe lên trong mắt hắn. “Lẽ nào cô quyết định tách khỏi họ?” Hắn ngả người ra sau, thích thú với suy đoán mới này.

“Đêm tân hôn khó khăn hơn cô mong đợi chăng?” Hắn hỏi. “Phải thừa nhận rằng tôi hơi phẫn nộ khi nghe nói cô thích lên giường với một tên man di lông lá để nửa người trần hơn là bàn bạc thêm với tôi. Điều đó đòi hỏi sự cống hiến hết mình với nhiệm vụ, và tôi phải chúc mừng ông chủ của cô về khả năng truyền được ngọn lửa nhiệt huyết ấy. Nhưng,” hắn ngả người xa hơn, đặt ly rượu vang đỏ trên đầu gối, “tôi e là mình vẫn phải hỏi cho kỳ được tên ông chủ của cô. Nếu cô thực sự cố tình tách khỏi thị tộc MacKenzie, giả thiết khả dĩ nhất chính là cô là một gián điệp của Pháp. Nhưng cô làm việc cho ai?”

Hắn nhìn tôi chăm chú, như một con rắn hy vọng thoi miên được một con chim. Tuy nhiên, cái bụng rỗng của tôi đã được rượu vang đỏ lấp đầy phần nào, và tôi chăm chăm nhìn lại hắn.

“Ồ,” tôi nói, vô cùng lịch sự, “ông đang nói chuyện với tôi đấy à? Tôi nghĩ ông cứ nói một mình là được rồi. Xin hãy tiếp tục.”

Cái miệng duyên dáng hơi mím lại, nếp nhăn sâu hoắm ở khóe miệng càng trở nên rõ ràng hơn, nhưng hắn không nói gì. Hắn đặt cái ly sang một bên, đứng dậy gỡ mái tóc giả, rồi đi tới cái tủ búp phê, đặt mái tóc giả lên cái giá còn trống. Tôi thấy hắn sững lại trong một thoáng khi nhìn thấy những hạt cát tối sẫm tô điểm trên mái tóc giả còn lại, nhưng vẻ mặt hắn không thay đổi mấy.

Mái tóc sẫm màu của hắn dày dặn và bóng loáng, quen thuộc đến mức khó chịu, dù nó dài đến vai và được cột lại bằng một sợi ruy băng lụa màu xanh dương. Hắn cởi sợi ruy băng, nhắc chiếc lược trên bàn lên và chải mái tóc bị bẹp do đội tóc giả, rồi cẩn thận buộc lại sợi ruy băng. Tôi giơ cái gương lên giúp hắn để hắn có thể đánh giá kết quả cuối cùng. Hắn giật lấy nó từ tay tôi và đặt trả về chỗ cũ, đóng sầm cánh cửa tủ lại.

Tôi không biết sự trì hoãn này là để làm tôi căng thẳng - trong trường hợp đó, nó đang có hiệu quả - hay chỉ vì hắn không thể quyết định phải làm gì tiếp theo.

Sự căng thẳng được giảm bớt phần nào khi một người phục vụ bê vào một khay đồ trà. Randall lẳng lặng rót trà và đưa cho tôi một tách. Chúng tôi nhấm nháp thưởng trà thêm một lúc nữa.

“Đừng nói với tôi,” cuối cùng, tôi nói. “Để tôi đoán nhé! Đây là một hình thức bức cung mà ông mới sáng tạo ra - tra tấn bằng quang của tôi. Ông liên tục tiếp tế đồ uống cho tôi cho đến khi tôi hứa sẽ nói với ông bất cứ điều gì để đổi lấy năm phút được ngồi trên một cái bô.”

Hắn kinh ngạc đến mức thực sự bật cười. Nụ cười làm khuôn mặt hắn biến đổi đáng kể, và tôi dễ dàng hiểu ra tại sao ở đáy ngăn kéo bên tay trái của bàn hắn lại có quá nhiều chiếc phong bì thơm phức với nét chữ của phụ nữ. Hắn không cố nín cười. Khi cười dứt, hắn lại nhìn tôi chăm chăm, miệng vẫn còn tùm tùm.

“Cho dù cô là ai, ít nhất cô cũng thú vị đấy,” hắn nhận xét, kéo một cái dây chuông treo cạnh cửa. Khi người hầu lại xuất hiện, hắn sai anh ta đưa tôi tới nhà vệ sinh.

“Nhưng hãy cẩn thận, đừng để lạc mất cô ta trên đường đi, Thompson,” hắn nói thêm, mở cửa cho tôi với một cái cúi đầu nhạo báng.

Tôi yếu ớt dựa vào cánh cửa nhà vệ sinh. Thoát khỏi hắn quả là nhẹ nhõm, nhưng chỉ là một sự nhẹ nhõm trong thoáng chốc. Từ những câu chuyện được nghe và kinh nghiệm bản thân, tôi đã có nhiều cơ hội để đánh giá về nhân cách thực của Randall. Tuy nhiên, vẫn có những nét đáng nguyền rủa của Frank phảng phất hiện lên ở vẻ ngoài tàn nhẫn, bóng bẩy ấy. Thật sai lầm khi chọc cho hắn cười!

Tôi ngồi xuống, chẳng màng đến mùi hôi thối vì còn mãi tập trung vào vấn đề trước mắt. Bỏ trốn có vẻ là một việc bất khả thi. Chưa nói đến Thompson đầy cảnh giác, văn phòng của Randall còn nằm ở gần trung tâm của pháo đài. Mà cái pháo đài này không khác gì một trại giam bằng đá - các bức tường của nó phải cao đến hơn ba mét và những cánh cổng đôi được canh gác vô cùng cẩn mật.

Tôi tính giả ốm và nán lại nơi ẩn náu này, nhưng lại gạt ý nghĩ đó đi - không chỉ vì mùi hôi thối khó chịu. Thực tế là, dù có trì hoãn thì cũng chẳng ích gì. Chẳng ai biết tôi đang ở đâu, và Randall cũng không có ý định nói cho ai biết. Tôi là của hắn, chừng nào hắn còn muốn tiêu khiển với tôi. Một lần nữa, tôi hối hận vì đã làm hắn cười. Một kẻ tàn bạo mà lại có khiếu hài hước thì thật là nguy hiểm.

Cuống cuồng tìm kiếm một chi tiết gì đó hữu ích mà tôi biết về gã Đại úy, trong đầu tôi chợt nảy ra một cái tên. Vì từng nghe một cách nửa vời và lơ đãng, tôi hy vọng mình nhớ đúng. Đó là một quân bài nhỏ bé đến đáng thương, nhưng là quân bài duy nhất mà tôi có. Tôi hít sâu một hơi rồi vội vàng thở ra, bước ra khỏi “thánh địa” của mình.

Trở lại văn phòng, tôi cho thêm đường vào tách trà và khuấy kỹ. Tiếp đến là kem. Sau khi kéo dài hết mức nghi thức này, tôi buộc lòng phải nhìn vào Randall. Hắn đang ngồi ngả người trong tư thế ưa thích và nhìn tôi qua chiếc tách được giơ lên lưng chừng.

“Thế nào?” Tôi nói. “Ông không cần lo sẽ làm hỏng sự ngon miệng của tôi, vì tôi đâu có thấy ngon miệng. Ông định làm gì tôi?”

Hắn cười và cẩn thận nhấp tách trà nóng hồi trước khi trả lời.

“Chẳng gì cả.”

“Thật ư?” Tôi nhướn mày ngạc nhiên. “Óc sáng tạo của ông bị trục trặc rồi sao?”

“Tôi không nghĩ vậy,” hắn nói, vẫn nhã nhặn như thường lệ. Nhưng đôi mắt hắn sẫm soi tôi một lần nữa, chẳng nhã nhặn chút nào.

“Không,” hắn nói, ánh mắt nấn ná trên mép áo chèn của tôi, chiếc khăn được giặt ở đó khiến phần phía trên của bầu ngực lộ rõ, “mặc dù rất muốn dạy cho cô một bài học tối cần thiết về cách cư xử, tôi e rằng mình buộc phải hoãn lại niềm vinh hạnh đó vô thời hạn. Tôi sẽ gửi cô đến Edinburgh cùng với các báo cáo sắp tới, và tôi không muốn cô bị sây sát gì, bởi vì các cấp trên sẽ nghĩ rằng tôi bất cẩn.”

“Edinburgh?” Tôi không thể che giấu nỗi kinh ngạc.

“Phải. Tôi cho là cô đã nghe nói về Tolbooth?”

Đúng là tôi đã nghe. Đó là một trong những nhà tù nguy hiểm và khét tiếng nhất thời đại, nổi tiếng vì sự bẩn thỉu, tội ác, bệnh tật và tối tăm. Nhiều tù nhân bị giam giữ ở đó đã chết trước cả khi được đưa ra xét xử. Tôi nuốt khan, nén lại thứ mật đắng đã dâng lên ở cuống họng, trộn lẫn với vị trà ngọt.

Randall nhấp trà, vẻ hài lòng.

“Hắn là cô cảm thấy ấm cúng khi ở đó. Suy cho cùng, cô có vẻ thích một môi trường dơ dáy, ấm thấp mà.” Hắn ném ánh mắt chê trách vào gấu váy lót ướt nhẹp đang thông xuống dưới lớp váy ngoài của tôi. “Sau khi đã ở lâu đài Leoch, hắn là cô sẽ cảm thấy nơi đó giống như ở nhà.”

Tôi không nghĩ đồ ăn thức uống ở Tolbooth ngon lành như ở bàn ăn của Colum. Và ngoài những vấn đề tiện nghi nói chung, tôi không thể -

KHÔNG THỂ - cho phép hấn đưa tôi tới Edinburgh. Một khi đã bị giam cầm ở Tolbooth, tôi sẽ không bao giờ trở lại vòng tròn đá được nữa.

Thời điểm giữa bài của tôi đã đến. Hoặc là bây giờ, hoặc là chẳng bao giờ còn cơ hội nữa, tôi nâng tách của mình lên.

“Cứ làm như ông muốn,” tôi điềm tĩnh nói. “Ông nghĩ Công tước Sandringham sẽ nói gì về chuyện đó?”

Hấn đánh đổ trà nóng lên đùi và bật ra tiếng kêu khiến tôi cười thầm.

“*Chậc,*” tôi nói, vẻ khiển trách.

Hấn ngồi phịch xuống, trừng mắt. Tách trà đổ nghiêng, chất lỏng màu nâu thẫm vào tấm thảm màu xanh nhạt, nhưng hấn không với tay lên dây chuông. Một thứ cơ nhỏ ở bên cạnh cần cổ hấn khẽ giật giật.

Tôi đã tìm thấy một đồng khăn tay hồ cứng cùng với một hộp thuốc lá hít tráng men trong cái ngăn kéo ở tầng trên, phía bên trái của bàn giấy. Tôi rút ra một chiếc và đưa cho hấn.

“Tôi hy vọng nó không bị ố,” tôi ngọt ngào nói.

“Không,” hấn nói, lờ cái khăn đi, nhìn tôi chăm chú. “Không, không thể nào.”

“Tại sao lại không thể chứ?” Tôi hỏi, vờ tỏ vẻ thản nhiên, tự hỏi *cái gì* là không thể?

“Tôi phải nghe nói chứ! Và nếu cô đang làm việc cho Sandringham, vì lẽ gì mà cô lại hành động một cách kỳ quặc như vậy?”

“Có lẽ Công tước đang thử lòng trung thành của ông,” tôi gợi ý, chuẩn bị tinh thần nhảy bật dậy nếu cần thiết. Hai bàn tay hấn siết lại hai bên sườn, và ngọn roi quất ngựa bị vứt xuống ban nãy giờ đang nằm trên bàn, ngay trong tầm với.

Hấn cười khẩy trước lời gợi ý đó.

“Cô đang thử sự cả tin của tôi thì đúng hơn. Hoặc là sức chịu đựng của tôi. Xin nói cho cô biết, cả hai thứ đó đều cực kỳ thấp.” Đôi mắt hấn

nheo lại suy đoán, và tôi dợm bỏ chạy.

Hắn lao tới, tôi lập tức nhảy vọt sang một bên. Tóm được ấm trà, tôi liền ném thẳng vào người hắn. Hắn né được, khiến cái ấm đập vào cánh cửa đánh “choang” một tiếng. Người lính cần vụ đang trực ở bên ngoài sừng sốt thò đầu vào.

Gã Đại úy thở hồng hộc, ra hiệu cho anh ta vào phòng với vẻ nóng ruột.

“Giữ lấy cô ta,” hắn cộc cằn ra lệnh, đi về phía bàn giấy. Tôi bắt đầu thở sâu, vừa mong trấn tĩnh mình vừa chuẩn bị tinh thần cho việc bị đánh.

Nhưng thay vì đâm tôi, hắn chỉ kéo cái ngăn kéo ở tầng dưới bên tay phải mà tôi chưa kịp lục lọi, lôi ra một sợi dây thừng mảnh và dài.

“Loại người gì mà lại cắt dây thừng trong ngăn kéo bàn làm việc vậy?” Tôi phẫn nộ hỏi.

“Một người chu đáo,” hắn lẩm bẩm, trói quặt hai tay tôi ra đằng sau.

“Đi đi,” hắn nóng nảy hất đầu về phía cửa, nói với người lính cần vụ. “Và đừng có vào đây, cho dù cậu nghe thấy gì.”

Câu nói này nghe thật đáng ngại, và linh tính của tôi được xác thực khi hắn lại thò tay vào ngăn kéo.

Ở con dao luôn toát lên thứ gì đó khiến người ta nhụt chí. Những người đàn ông gan dạ trong cuộc đấu tay đôi sẽ chùn lại trước một lưỡi dao. Tôi cứ thế lùi lại cho đến khi hai bàn tay bị trói va vào bức tường vôi trắng. Mũi dao nhọn sáng loáng găm ghiếc hạ thấp xuống và ấn vào giữa ngực tôi.

“Bây giờ,” hắn vui vẻ nói, “cô sẽ nói cho tôi nghe mọi điều cô biết về Công tước Sandringham.” Lưỡi dao ấn mạnh hơn một chút, tạo nên một vết lõm trên lớp váy của tôi. “Nói bao lâu cũng được, cưng ạ. Dầu sao tôi cũng không vội gì.” Một tiếng *phục* nhỏ vang lên khi mũi dao đâm xuyên qua lớp vải. Tôi cảm nhận được đầu mũi dao lạnh băng ngay bên trên tim tôi.

Randall chậm rãi rê con dao theo một đường bán nguyệt xuống dưới một bên bầu ngực. Lớp vải thô bung ra và rơi xuống cùng với một mảnh váy lót trắng, khiến ngực tôi lộ ra. Randall có vẻ nín thở nãy giờ; lúc này hẳn mới thở ra chậm chậm, hai mắt gắn chặt vào mắt tôi.

Tôi nhích người tránh né hẳn, nhưng chẳng có mấy không gian để di chuyển. Cuối cùng, tôi ép người vào bàn giấy, hai tay bị trói siết chặt mép bàn. Nếu hẳn tới đủ gần, tôi có thể đu người về phía sau và đá văng con dao khỏi tay hẳn. Tôi không nghĩ hẳn định giết tôi; chắc chắn là không, cho đến khi hẳn tìm hiểu được tôi biết gì về mối quan hệ của hẳn với Công tước. Không hiểu sao kết luận đó chẳng an ủi được tôi là bao.

Hẳn mỉm cười, nụ cười ấy giống nụ cười của Frank đến mức khó chịu, nụ cười duyên dáng từng cuốn hút các sinh viên và làm tan chảy trái tim người hiệu trưởng sắt đá nhất. Có lẽ trong những hoàn cảnh khác, tôi sẽ thấy người đàn ông này quyến rũ, nhưng tại thời điểm này thì... không.

Hẳn xông tới, thọc đầu gối vào giữa hai đùi tôi và đẩy vai tôi. Tôi ngã ngửa lên bàn và hét to khi cả người đè mạnh lên hai cổ tay bị trói. Hẳn ấn mình vào giữa hai chân tôi, một tay quờ quạo tốc váy tôi lên trong lúc tay kia siết chặt bầu ngực trần của tôi, vừa vò vừa cấu. Tôi quấy đạp loạn xạ nhưng những lớp váy làm tôi vướng víu. Hẳn tóm lấy bàn chân tôi, lướt tay đẩy ngược những lớp váy ẩm ướt tới tận trên eo, rồi thò tay xuống quần hẳn.

Bóng dáng của tên đào ngũ Harry lại hiển hiện, tôi phẫn nộ nghĩ. Chúa ơi, quân đội Anh đang trở thành cái gì vậy? Những truyền thống vẻ vang đã biến đi đâu rồi!

Có gào hét giữa một đơn vị đồn trú của Anh thì cũng chẳng ích gì, nhưng tôi vẫn hít căng lồng ngực và thử hét lên, giống như một lời phản đối lấy lệ. Tôi đã lường trước một cái tát hay một cú lắc để bắt tôi im miệng, nhưng không ngờ hẳn lại có vẻ thích thú.

“*Cứ hét đi cưng,*” hẳn lăm bằm, cời cúc quần. “*Cô càng hét thì tôi càng thích.*”

Tôi nhìn thẳng vào mắt hắn và quát: “Biến đi!” với sự rõ ràng hoàn hảo và sự vụng về khủng khiếp.

Một lọn tóc sẫm xòa xuống trán hắn. Hắn giống người chặt sáu đời của hắn đến nỗi tôi có một thôi thúc khủng khiếp là mở hai chân ra và đáp ứng hắn. Nhưng khi hắn vò siết ngực tôi một cách hoang dại, thôi thúc đó lập tức biến mất.

Tôi cảm phẫn, chán ghét, xấu hổ và ghê tởm, nhưng kỳ lạ thay, lại không quá hoảng sợ. Tôi cảm thấy thứ gì đó nặng nề và mềm oặt cọ vào chân tôi và đột nhiên hiểu ra vì sao. Hắn sẽ không có hứng *trừ phi* tôi hét lên.

“Ồ, như thế, phải không?” Tôi nói và lập tức nhận được một cú tát trời giáng. Tôi mím chặt môi, ngoảnh đầu đi, sợ rằng mình sẽ thốt ra một câu nói đại dột. Tôi hiểu rằng dù có bị cưỡng hiếp hay không, tôi đang ở trong tình trạng khá nguy hiểm bởi tính khí thất thường của hắn. Dời mắt khỏi Randall, tôi bỗng bắt gặp một cái bóng ngoài cửa sổ.

“Vui lòng,” một giọng nói lạnh lùng điềm tĩnh vang lên, “bỏ tay ra khỏi vợ tao.” Randall sững người lại, bàn tay vẫn đặt trên ngực tôi. Jamie đang khom người ở khung cửa sổ, một khẩu súng lớn có báng bằng đồng chống trên cẳng tay.

Randall đứng im trong một giây, như thể không tin vào tai mình. Khi hắn chậm chậm quay đầu về phía cửa sổ, bàn tay phải của hắn, bị che khỏi tầm mắt Jamie, rời khỏi ngực tôi, len lén mò tới chỗ con dao mà hắn đã đặt trên bàn cạnh đầu tôi.

“*Mày* nói gì?” Hắn ngờ vực nói. Khi bàn tay hắn đã tóm được con dao, hắn mới nhìn thấy người vừa lên tiếng. Hắn lại dừng lại trong một thoáng, nhìn chăm chăm, rồi bật cười.

“Chúa phù hộ chúng ta, ra là con mèo rừng Scot! Tôi tưởng tôi đã giải quyết xong với cậu rồi chứ! Rốt cuộc cái lưng đã lành rồi nhỉ? Và cậu nói đây là vợ *cậu*? Con nhỏ này cũng khá ngon đấy, giống hết chị *cậu*.”

Vẫn bị che khuất bởi thân hình đã xoay lại của hắn, bàn tay cầm dao của Randall lật lại; lưỡi dao chĩa vào cổ họng tôi. Qua vai hắn, tôi nhìn thấy Jamie khom người trên cửa sổ như một con mèo sấp nhảy xuống. Nòng súng không di chuyển, biểu cảm cũng không thay đổi. Mạnh mỗi duy nhất tiết lộ cảm xúc của anh là màu rắng chiều đang lan dần trên cổ; cổ áo anh không cài cúc và vết sẹo nhỏ trên cổ rục lên màu đỏ thẫm.

Gần như hờ hững, Randall chậm rãi gạt con dao gần như sát vào cổ họng tôi. Hắn xoay nửa người về phía Jamie.

“Có lẽ cậu nên ném khẩu súng đó lại đây - trừ phi cậu sợ cuộc sống hôn nhân. Đương nhiên, nếu cậu thích là một người góa vợ...” Ánh mắt họ khóa chặt nhau như cái ôm của tình nhân, không ai cử động trong suốt một phút. Cuối cùng, cơ thể Jamie cũng thả lỏng. Anh thở dài cam chịu và ném khẩu súng vào trong phòng. Nó rơi xuống sàn đánh keng một tiếng và trượt tới gần chân Randall.

Randall nhanh như chớp cúi xuống nhặt khẩu súng lên. Ngay khi con dao rời khỏi cổ họng, tôi cố gắng ngồi dậy, nhưng hắn đã đặt tay lên ngực tôi, đẩy tôi nằm xuống. Một tay hắn giữ tôi, tay kia chĩa súng vào Jamie. Con dao bị ném xuống sàn ngay gần chân tôi. Giá như những ngón chân tôi có thể cầm nắm.... Tôi vẫn có con dao găm trong túi, nhưng lại không thể với tới, như thể nó đang ở trên sao Hỏa.

Nụ cười trên mặt Randall chưa hề tắt từ lúc Jamie xuất hiện. Bây giờ nó còn nở rộng hơn, phô ra những chiếc răng nanh nhọn hoắt.

“Chà, như thế tốt hơn rồi đấy.” Bàn tay đang ép trên ngực tôi nhấc lên để thò xuống những cái vạt cài cúc ở quần hắn. “Cậu tới đúng lúc tôi đang bận, chàng trai thân mến. Thứ lỗi cho tôi nếu tôi tiếp tục cái việc tôi đang làm trước khi tiếp cậu nhé!”

Màu đỏ đã lan lên khắp mặt Jamie, nhưng anh vẫn đứng bất động, khẩu súng trong tay Randall chĩa vào bụng anh. Khi Randall kết thúc những động tác của hắn, Jamie lao mình tới họng súng há hoác. Tôi cố

gắng hét lên để ngăn anh lại, nhưng miệng tôi khô khốc vì sợ hãi. Những khớp ngón tay Randall trắng bệch khi hấn siết cò.

Cò súng kêu tách một tiếng, báo hiệu buồng đạn trống rỗng, và năm đấm của Jamie lùa thẳng vào bụng Randall. Một tiếng rắc khê vang lên khi một năm đấm khác của anh đấm vỡ mũi gã Đại úy, khiến một tia máu bắn vào váy tôi. Đôi mắt trợn ngược, Randall lập tức ngã xuống sàn.

Jamie vòng ra đằng sau nâng tôi dậy, cửa sợi dây thừng trói tay tôi.

“Anh lên vào đây với một khẩu súng *rỗng* ư?” Tôi kích động thốt lên.

“Nếu nó có đạn, anh đã bắn hấn ngay từ đầu rồi, không phải sao?” Jamie rít lên.

Có tiếng bước chân chạy dọc hành lang tới văn phòng. Sợi dây thừng bung ra và Jamie kéo tôi tới cửa sổ. Cửa sổ cách mặt đất chừng hai mét rưỡi, nhưng những bước chân đã rất gần rồi. Chúng tôi cùng nhảy xuống.

Tôi tiếp đất với một sự chấn động khiến xương cốt tê rần và lặn lông lốc trong mớ váy xống lộn xộn. Jamie kéo tôi đứng dậy và ấn tôi vào tường. Có tiếng bước chân băng qua góc tòa nhà; sáu tên lính xuất hiện, nhưng không nhìn về phía chúng tôi.

Ngay khi chúng đi qua, Jamie cầm tay tôi và ra hiệu về hướng ngược lại. Chúng tôi men theo tòa nhà, dừng khựng lại ở một góc tường. Cách chỗ chúng tôi chừng sáu mét có một cái thang dẫn lên bờ tường bao bên ngoài pháo đài. Anh hất đầu về phía đó; nó chính là mục tiêu của chúng tôi.

Anh ghé sát tai tôi, thì thầm: “Khi em nghe thấy tiếng nổ, hãy chạy ngay đến cái thang kia. Anh sẽ chạy sau em.”

Tôi gật đầu tỏ vẻ đã hiểu. Tim tôi đập thành thịch như tiếng búa nện; liếc nhìn xuống, tôi thấy một bên ngực mình vẫn để lộ, nhưng vào lúc này tôi chẳng thể làm được gì để giải quyết vấn đề đó. Tôi nhấc váy lên, sẵn sàng chạy.

Một âm thanh chói chúa vang lên từ phía bên kia của tòa nhà, nghe như tiếng súng cối. Jamie ấn tôi một cái và tôi lao vút đi như tên bắn. Tôi

nhảy tới cái thang, tóm lấy nó và lồm cồm bò lên; tôi cảm thấy lớp gỗ giật nảy và rung chuyển khi Jamie trèo lên sau tôi.

Từ trên đỉnh thang ngoảnh lại, tôi nhìn thấy toàn cảnh pháo đài. Khói đen cuồn cuộn bốc lên từ một tòa nhà nhỏ gần bức tường đằng sau, và đám binh lính đang đổ xô về phía đó.

Jamie đã ở bên cạnh tôi tự lúc nào. “Lối này!” Anh lom khom chạy dọc theo bờ tường và tôi bám theo sau. Chúng tôi dừng lại gần cột cờ sát tường. Lá cờ hiệu phấp phới bên trên chúng tôi, dây kéo cờ nhịp nhàng đập vào cây cột. Jamie nhòm qua bên kia tường, tìm kiếm thứ gì đó.

Tôi nhìn lại trại lính. Đám binh lính đang tùm tùm ở tòa nhà nhỏ, chạy qua chạy lại và hò hét. Chếch về một bên, tôi nhìn thấy một cái bục gỗ nhỏ cao khoảng trên dưới một mét, có những bậc thang dẫn lên. Ở giữa bục là một cây cột gỗ nặng nề, phía trên có một thanh ngang treo lủng lẳng những sợi dây trói.

Đột nhiên Jamie huýt một tiếng sáo; nhìn xuống phía bên kia bức tường, tôi thấy Rupert đang cưỡi trên lưng ngựa, dẫn theo con ngựa của Jamie. Ông ta ngẩng lên trước tiếng huýt sáo và thúc lỗ ngựa lại gần.

Jamie cắt dây kéo cờ. Lá cờ có hai màu xanh, đỏ rũ xuống, rơi cạnh chân tôi. Thoăn thoắt buộc một đầu sợi dây quanh cột, Jamie ném đầu còn lại xuống phía ngoài của bức tường.

“Lại đây!” Anh nói. “Tóm chặt sợi dây bằng cả hai tay, chống chân vào tường! Đi nào!” Tôi làm theo lời anh; sợi dây thừng mỏng manh trơn trượt và bóng rớt trong tay tôi. Tôi nhảy xuống cạnh lỗ ngựa và vội leo lên một con. Giây lát sau, Jamie nhảy lên ngòi đằng sau tôi, và chúng tôi phi nước đại lên đường.

Chúng tôi giảm tốc độ khi đã cách trại lính khoảng một, hai dặm và chắc chắn rằng mình đã cắt đuôi được bất cứ kẻ nào đuổi theo. Sau một cuộc hội ý ngắn, Dougal quyết định chạy về phía biên giới lãnh địa của thị tộc Mackintosh, vì đó là nơi an toàn gần nhất.

“Đến tối chúng ta sẽ tới được Doonesbury và nơi đó có vẻ an toàn. Ngày mai tin tức về chúng ta sẽ lan truyền, nhưng lúc đó chúng ta đã băng qua biên giới.” Giờ đang là giữa buổi chiều; chúng tôi đi với tốc độ đều đều, con ngựa của chúng tôi phải chở gánh nặng gấp đôi nên hơi ì ạch đằng sau những con khác. Còn con ngựa của tôi, tôi cho rằng nó vẫn đang vui vẻ gặm cỏ trong khoảnh rừng nhỏ, chờ đợi ai đó may mắn tìm thấy nó và dẫn nó về nhà.

...

“Làm thế nào mà anh tìm được em vậy?” Tôi hỏi. Tôi bắt đầu run rẩy nên khoanh tay lại để trấn tĩnh. Váy áo của tôi đã khô hẳn, nhưng tôi cảm thấy lạnh lẽo đến tận xương tủy.

“Anh đã suy nghĩ lại về việc để em ở một mình nên phái một người quay lại với em. Anh ta không thấy em rời đi, nhưng thấy quân Anh băng qua khúc suối cạn, và em đi cùng họ.” Giọng Jamie lạnh lùng. Cũng chẳng trách anh được. Răng tôi bắt đầu va vào nhau lách cách.

“Em ng-ngạc nhiên vì anh không nghĩ em là gián điệp của quân Anh và b-bỏ mặc em.”

“Dougal muốn vậy, nhưng người thấy em đi với đám lính nói rằng em đang chống cự. Ít nhất anh phải đi tìm em xem sao.” Anh liếc nhìn tôi, vẻ mặt không đổi.

“Em may mắn đấy, Sassenach, vì anh đã nhìn thấy cảnh tượng trong căn phòng đó. Ít nhất thì Dougal cũng phải công nhận rằng em không phải đồng bọn của quân Anh.”

“D-Dougal hở? Còn anh thì sao? *A-anh* nghĩ gì?” Tôi hỏi.

Anh không trả lời, chỉ khịt mũi một tiếng. Cuối cùng, anh cũng tỏ vẻ thương hại mà cởi cái áo choàng len ra, khoác lên vai tôi, nhưng anh không ôm tôi hay chạm vào tôi hơn mức cần thiết. Anh cưỡi ngựa trong sự im lặng đầy căng thẳng, giật dây cương với vẻ cáu kỉnh chẳng hề giống với sự dịu dàng thường thấy.

Bản thân cũng đang khó chịu và bối rối, tôi không có tâm trạng để chịu đựng những dẫn dắt.

“Thế nào? Có chuyện gì vậy?” Tôi nóng nảy hỏi. “Trời ơi, đừng có hờn giận như vậy nữa!” Tôi gất lên và cảm thấy người anh cứng lại. Anh đột nhiên quay đầu ngựa sang bên và dừng lại ở vệ đường. Trước khi tôi kịp hiểu chuyện gì xảy ra, anh đã xuống ngựa và kéo cả tôi xuống. Tôi vụng về đặt chân xuống đất, lão đảo giữ thăng bằng.

Dougal và những người khác cũng dừng lại. Jamie ra hiệu cho họ đi tiếp, và Dougal vẫy tay tỏ vẻ hiểu ý. “Đừng lâu quá đấy!” Ông ta gọi với rồi tiếp tục lên đường.

Jamie đợi cho đến khi họ đã ra khỏi tầm nghe mới kéo tôi lại đứng đối diện với anh. Anh giận dữ đến mức như sắp bùng nổ. Cơn thịnh nộ của tôi cũng dâng lên; anh có quyền gì mà đối xử với tôi như thế này?

“Giận hờn ư!” Anh nói. “Là giận hờn sao? Anh đang kiếm chế hết sức để không lắc người em cho đến khi rằng em kêu lách cách, vậy mà em còn nói anh đừng có giận hờn ư!”

“Có chuyện quái gì xảy ra với anh vậy?” Tôi giận dữ hỏi, cố gắng giăng ra khỏi tay anh, nhưng những ngón tay anh bám sâu vào bắp tay tôi như răng của một cái bẫy.

“Có chuyện gì xảy ra với anh ư? Anh sẽ nói cho em hay, vì em muốn biết mà!” Anh rít lên qua hàm răng nghiến chặt. “Anh mệt mỏi với việc phải chứng minh đi chứng minh lại rằng em không phải là gián điệp của quân Anh. Anh mệt mỏi với việc phải canh chừng em từng giây từng phút, vì sợ em sẽ làm điều gì đó ngu ngốc. Và anh đã quá mệt mỏi với việc bị buộc phải nhìn kẻ khác cưỡng hiếp em! Anh không thích thế chút nào!”

“Vậy anh nghĩ em thích ư?” Tôi hét lên. “Anh đang cố chứng tỏ đó là lỗi của em à?”

Nghe thấy câu này, anh khẽ lắc tôi.

“Đó là lỗi của em chứ còn gì nữa! Nếu sáng nay em ở yên chỗ anh yêu cầu, chuyện này sẽ không bao giờ xảy ra! Nhưng không, em không chịu nghe lời anh, anh chỉ là chồng của em thôi, tại sao em phải bận tâm đến lời *anh* nói chứ? Em cứ quyết ý làm theo những gì mình muốn, rồi sau đó anh thấy em nằm ngửa, váy tốc lên, và kẻ cặn bã tồi tệ nhất trong vùng nằm giữa hai chân em, định hãm hiếp em trước mắt anh!” Giọng địa phương của anh vốn nhẹ nhàng nhưng giờ đang dần nặng hơn theo từng giây, dấu hiệu cho thấy anh đang tức giận.

Lúc này, mũi chúng tôi gần như chạm vào nhau, và chúng tôi như đang hét vào mặt nhau. Mặt Jamie đỏ bừng vì phẫn nộ, còn tôi cũng cảm thấy máu dồn lên mặt.

“Đó là lỗi của anh vì đã bỏ mặc em và lúc nào cũng nghi ngờ em! Em đã nói thật cho anh biết em là ai! Và em đã nói với anh rằng việc em đi với anh chẳng có gì nguy hiểm cả, nhưng anh có nghe *em* không? Không! Em chỉ là một người phụ nữ, tại sao anh phải để ý đến lời em nói chứ? Phụ nữ chỉ cần làm theo những gì được bảo, tuân theo các mệnh lệnh và ngồi ngoan ngoãn với hai bàn tay xếp lại, đợi *đàn ông* trở về để bảo họ phải làm gì!”

Anh không tìm được, lại lắc lắc người tôi.

“Nếu em làm vậy, chúng ta sẽ không phải bỏ chạy với một trăm tên Áo đỏ đuổi theo! Chúa ơi, anh không biết nên bóp cổ em hay đẩy em xuống đất và nện cho em bất tỉnh, nhưng Jesus ơi, anh muốn làm *gì đó* để dạy cho em một bài học.”

Nghe đến đây, tôi lấy hết sức đá vào hạ bộ anh. Anh né tránh và chèn đầu gối vào giữa hai chân tôi, ngăn chặn một cách có hiệu quả bất cứ hành động nào tương tự.

“Nếu em làm thế lần nữa, anh sẽ tát em cho đến khi tai em ù đi đấy,” anh gầm gừ.

“Anh là một kẻ cục súc và là một thằng ngốc,” tôi hỗn hển nói, cố gắng thoát khỏi cú siết vai của anh. “Anh nghĩ em cố tình để cho quân Anh

bắt ư?”

“Anh nghĩ em cố tình làm thế để trả thù anh vì chuyện xảy ra ở trảng đất lần trước.”

Miệng tôi há hốc.

“Ở trảng đất? Với mấy tên lính Anh đào ngũ?”

“Ừ! Em nghĩ đáng lẽ anh phải bảo vệ được em, và em đúng đấy! Nhưng anh không thể làm được; em đã phải tự cứu mình, vì vậy bây giờ em bắt anh trả giá cho việc đó bằng cách cố tình đẩy bản thân em, cũng chính là vợ anh, vào tay một gã đã làm anh đổ máu!”

“*Vợ anh! Vợ anh!* Anh chẳng quan tâm quái gì tới em cả! Em chỉ là tài sản của anh thôi; anh đi tìm em bởi vì anh nghĩ em thuộc về anh, và anh không thể chịu đựng việc ai đó lấy đi thứ gì của anh!”

“Em là của anh,” anh gầm lên, những ngón tay cắm sâu vào vai tôi như đinh đóng giày. “Và em là vợ anh, dù em có thích hay không!”

“Em không thích! Em không thích chút nào! Nhưng điều đó cũng chẳng quan trọng, đúng không? Chỉ cần em làm ấm cái giường của anh là được, anh không quan tâm em nghĩ gì hay em cảm thấy thế nào! Đối với anh, một người vợ chỉ có ý nghĩa như thế thôi - vợ chỉ là thứ để anh cắm cái ấy của anh vào khi anh có nhu cầu!”

Mặt anh trắng bệch và anh bắt đầu lắc tôi thực sự. Đầu tôi gật gật dữ dội và răng tôi va vào nhau lách cách, khiến tôi cắn vào lưỡi đau điếng.

“Buông em ra!” Tôi hét lên. “Anh buông em ra” - tôi cố tình dùng lối nói của gã đào ngũ Harry để làm tổn thương anh - “đồ con hoang động cởn!”

Anh thả tôi ra và lùi lại một bước, hai mắt sáng rực lên.

“Đồ chồn cái thô tục! Cô không được ăn nói với tôi kiểu đó!”

“Tôi sẽ nói bất cứ kiểu nào tôi muốn! Anh không thể bảo tôi phải làm gì!”

“Có vẻ như tôi không thể thật! Cô luôn làm theo ý cô, chẳng cần biết mình sẽ làm tổn thương ai, đúng không? Đồ ích kỷ, cứng đầu...”

“Chỉ cái lòng kiêu hãnh chết tiệt của anh bị tổn thương thôi!” Tôi hét lên. “Tôi đã cứu cả hai chúng ta khỏi mấy gã đào ngũ đó, và anh không thể chịu nổi điều đó, đúng không? Anh chỉ đứng yên một chỗ! Nếu tôi không có một con dao, bây giờ chúng ta đều chết cả rồi!”

Trước khi nói ra những lời đó, tôi đã không biết mình giận anh vì không thể bảo vệ tôi. Nếu là lúc bình thường, trong đầu tôi sẽ không bao giờ nảy ra ý nghĩ ấy. Tôi sẽ nói đó không phải là lỗi của anh, may mà tôi có con dao. Nhưng bây giờ, tôi nhận ra rằng dù có công bằng, lý trí hay không, tôi đã phần nào cảm thấy anh đã không hoàn thành trách nhiệm bảo vệ tôi. Có lẽ vì *chính anh* cũng cảm thấy rõ ràng như vậy.

Anh đứng trừng mắt nhìn tôi, thở hỗn hển vì kích động. Khi anh lại cất tiếng, giọng anh trầm thấp và đứt quãng vì giận dữ.

“Em đã nhìn thấy cái cột ở sân pháo đài chứ?”

Tôi lập tức gật đầu.

“Anh đã bị trói vào cái cột đó như một con vật và bị quất roi đến chảy máu! Anh sẽ mang những vết sẹo từ trận đòn ấy cho đến chết. Nếu chiều nay anh không gặp may, ít nhất điều đó sẽ lại xảy ra với anh. Có thể chúng sẽ quất roi rồi treo cổ anh.” Anh nuốt khan và tiếp tục.

“Anh biết rõ như thế, nhưng vẫn xông thẳng vào pháo đài để tìm em mà không chần chừ một giây, ngay cả khi anh nghĩ rằng có thể Dougal đã đúng! Em có biết anh kiếm được súng từ đâu không?” Tôi lẳng lặng lắc đầu, cơn giận bắt đầu tiêu tan. “Anh đã giết một tên lính canh gần bức tường. Hắn đã bắn anh; đó là lý do súng không còn đạn. Hắn bắn trượt và anh đã giết hắn bằng con dao găm của mình; anh đã đâm dao vào xương chạc của hắn khi nghe tiếng em hét lên. Anh sẽ giết cả một tá lính để tới chỗ em, Claire.” Giọng anh khàn đặc.

“Khi em hét lên, anh chạy tới chỗ em ngay, chỉ với khẩu súng rỗng và hai bàn tay.” Giọng Jamie đã bình tĩnh hơn, nhưng đôi mắt vẫn đầy đau đớn

và thịnh nộ. Tôi im lặng. Nếu không bị hoảng loạn vì cuộc chạm trán với Randall, tôi sẽ không tán thành sự liều lĩnh của anh chút nào.

Anh đột ngột ngoảnh đi, hai vai thông xuống.

“Em đúng,” anh khẽ nói. “Ừ, em đúng.” Giọng nói phần nộ của anh đột nhiên được thay thế bằng một giọng điệu mà tôi chưa bao giờ nghe thấy, ngay cả khi cơ thể anh đau đớn đến tột độ.

“Lòng tự trọng của anh bị tổn thương. Và lòng tự trọng là tất cả những gì mà anh còn có.” Anh chống tay lên cây thông xù xì bên cạnh, gục đầu vào đó, vẻ kiệt sức. Giọng anh nhỏ đến nỗi tôi hầu như không nghe thấy gì.

“Em đang cào xé ruột gan anh, Claire.”

Tâm can tôi cũng đang bị giày vò. Tôi ngập ngừng tiến tới sau lưng anh. Anh không cử động, ngay cả khi tôi luồn hai tay quanh eo anh, áp má vào tấm lưng cong. Áo anh ẩm ướt vì mồ hôi, và anh đang run rẩy.

“Em xin lỗi,” tôi chỉ đơn giản nói. “Hãy tha lỗi cho em.” Bây giờ anh mới quay lại, ôm chặt tôi. Tôi cảm thấy cơn run rẩy của anh dịu đi từng chút một.

“Em đã được tha thứ,” cuối cùng, anh thì thầm trên tóc tôi. Rồi anh buông tôi ra, nhìn tôi nghiêm nghị.

“Anh cũng xin lỗi,” anh nói. “Anh xin lỗi vì những gì anh nói; anh đau đớn quá, nên có hơi quá lời. Em cũng sẽ tha thứ cho anh chứ?” Sau câu nói cuối cùng của anh, tôi chẳng còn thấy anh có gì đáng giận nữa, nhưng tôi vẫn gật đầu và siết chặt tay anh.

“Anh đã được tha thứ.”

Trong sự im lặng dễ chịu hơn ban nãy, chúng tôi lại lên ngựa. Con đường trải dài tít tắp, và xa xa phía trước, tôi có thể nhìn thấy đám bụi nhỏ bốc lên từ vó ngựa của Dougal và những người khác.

Jamie lại ngồi sau tôi; ôm tôi bằng một tay khi chúng tôi cưỡi ngựa, và tôi cảm thấy an toàn hơn. Nhưng vẫn còn có chút cảm giác tổn thương và căng thẳng mơ hồ; sự rạn nứt giữa chúng tôi vẫn chưa được hàn gắn hoàn

toàn. Chúng tôi đã tha thứ cho nhau, nhưng những lời nói ban nãy vẫn còn treo lơ lửng trong ký ức, chưa thể quên lãng.

Sự trừng phạt

Chúng tôi tới Doonesbury khi trời đã tối mịt. May thay đó là một trạm dừng khá lớn và có một quán trọ. Dougal thoáng nhắm mắt vì đau lòng khi trả tiền trọ; sẽ phải tốn thêm một số bạc kha khá để đổi lấy sự im lặng của ông chủ quán về sự xuất hiện của chúng tôi.

Số bạc ấy cũng đảm bảo cho chúng tôi có một bữa ăn thịnh soạn với thật nhiều bia. Dù đồ ăn thức uống ngon lành nhưng bữa tối vẫn diễn ra trong không khí căng thẳng, hầu hết mọi người đều im lặng. Ngồi đó trong chiếc váy rách rưới được che bớt phần nào bởi cái áo sơ mi của Jamie, tôi cảm thấy vô cùng hổ thẹn. Trừ Jamie, cánh đàn ông cư xử như thể tôi hoàn toàn vô hình, ngay cả Jamie cũng chẳng làm gì hơn ngoài việc thi thoảng đẩy bánh mì và thịt về phía tôi. Tôi thực sự nhẹ nhõm khi cuối cùng chúng tôi cũng lên phòng, dù căn phòng nhỏ bé và hết sức chật chội.

Tôi thả phịch người xuống giường và thở dài, chẳng thèm đếm xỉa đến tình trạng của đồng ga trải giường.

“Em mệt bã rồi. Hôm nay quả là một ngày dài.”

“Ừ, đúng vậy.” Jamie cười cúc ở cổ áo, cổ tay áo và tháo thắt lưng đeo kiếm, nhưng không cười thêm gì nữa. Anh rút bao kiếm ra và gập đôi cái thắt lưng bằng da, trầm ngâm vung vẩy nó.

“Lên giường đi, Jamie. Anh còn chờ gì nữa?”

Anh tới đứng bên giường, nhẹ nhàng vung vẩy cái thắt lưng.

“Chà, anh e là tối nay chúng ta vẫn còn phải giải quyết một vấn đề nữa trước khi đi ngủ.”

Tôi đột nhiên cảm thấy e sợ.

“Vấn đề gì vậy?”

Anh không trả lời ngay. Cố tình không ngồi xuống cạnh tôi trên giường, anh kéo một cái ghế đầu và ngồi đối diện với tôi.

“Claire, em có nhận ra rằng,” anh khẽ nói, “chiều nay tất cả chúng ta suýt nữa đã bị giết chết không?”

Tôi nhìn xuống tấm chăn, đỏ mặt vì xấu hổ. “Có, em biết. Là lỗi của em. Em xin lỗi.”

“Ừ, vậy là em có nhận ra,” anh nói. “Em có biết rằng nếu một người trong chúng ta phạm phải một lỗi như vậy, đẩy những người còn lại vào nguy hiểm, anh ta có thể sẽ bị cắt tai hoặc quất roi hoặc thậm chí là bị giết ngay lập tức không?”

Mặt tôi tái nhợt trước thông tin này.

“Không, em không biết.”

“Chà, anh biết rằng em không rõ lẽ lỗi của bọn anh, và đó là một lý do để bào chữa. Tuy nhiên, anh đã bảo em náu mình. Nếu em làm vậy, chuyện này sẽ không bao giờ xảy ra. Bây giờ, quân Anh đang tìm kiếm chúng ta khắp nơi; chúng ta sẽ phải ẩn núp lúc ban ngày và di chuyển vào ban đêm.”

Anh ngừng lại. “Còn về Đại úy Randall... ầy, lại còn chuyện đó nữa.”

“Ý anh là, hẳn sẽ đặc biệt tìm kiếm anh, vì bây giờ hẳn đã biết anh ở đây?”

Anh lơ đãng gật đầu, nhìn về phía ngọn lửa trong lò sưởi.

“Ừ. Hẳn... với hẳn, đó là chuyện cá nhân, em biết chứ?”

“Em rất xin lỗi, Jamie,” tôi nói.

Jamie phẩy tay gạt đi.

“Ờ, nếu chỉ có anh bị tổn thương vì việc em gây ra, anh sẽ không nhắc đến chuyện này nữa. Nhưng,” anh liếc tôi với ánh mắt sắc lẹm, “anh đau đớn tưởng chết khi chứng kiến tên súc sinh đó đặt tay lên người em.” Anh

lại nhìn về phía ngọn lửa, vẻ mặt căng thẳng, như thể đang nhớ đến những sự kiện của buổi chiều.

Tôi định nói với anh về những... khó khăn của Randall, nhưng e là điều đó sẽ gây hại nhiều hơn lợi. Tôi tha thiết muốn ôm lấy Jamie và năn nỉ anh tha thứ cho tôi, nhưng lại không dám chạm vào anh. Sau một lúc lâu im lặng, anh thở dài và đứng dậy, khẽ đập cái dây lưng vào đùi.

“Chà,” anh nói. “Tốt nhất là làm cho xong chuyện này đi. Em đã gây rắc rối khá lớn vì làm trái lệnh anh, do đó anh sẽ trừng phạt em, Claire. Em còn nhớ những gì anh nói với em lúc anh chuẩn bị rời đi sáng nay chứ?” Tôi nhớ rất rõ, và vội vàng trèo lên giường để nép lưng vào tường.

“Ý anh là gì?”

“Em biết rõ ý anh là gì,” anh cứng rắn nói. “Hãy quỳ xuống bên cạnh giường và nhắc váy lên.”

“Em sẽ không làm thế đâu!” Tôi bám chặt vào cọc giường bằng cả hai tay và nép mình sâu hơn vào trong góc.

Jamie nheo mắt nhìn tôi trong một thoáng, cân nhắc xem nên làm gì tiếp theo. Tôi chợt nhận ra rằng chẳng thứ gì có thể ngăn anh làm điều anh muốn với tôi; anh nặng hơn tôi cả ba chục cân. Nhưng cuối cùng, anh quyết định nói chuyện thay vì hành động, và cẩn thận đặt cái thắt lưng da sang một bên trước khi bò qua đồng chăn ga trên giường để đến ngồi cạnh tôi.

“Nào, Claire...” anh mở lời.

“Em đã nói là em xin lỗi rồi mà!” Tôi bật thốt. “Và em thực sự hối hận. Em sẽ không bao giờ làm một việc như thế nữa!”

“Chà, đó chính là vấn đề,” anh chậm rãi nói. “Em có thể tái phạm. Bởi vì em không hiểu được tính nghiêm trọng của mọi việc. Anh nghĩ em đến từ một nơi có cuộc sống yên bình hơn. Ở nơi ấy, việc bất tuân lệnh hoặc tự làm theo ý mình không hề mang tính sống còn. Cùng lắm, em chỉ có thể khiến cho ai đó khó chịu hoặc thấy phiền toái, nhưng không hại chết họ.”

Những ngón tay anh gấp nếp chiếc váy kẻ ô màu nâu nhạt khi anh sắp xếp các ý nghĩ trong đầu.

“Nhưng ở những nơi và những thời điểm như thế này, có một sự thật phũ phàng rằng một hành động nhỏ cũng có thể gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng - đặc biệt là đối với một người đàn ông như anh.” Anh vỗ vỗ vai tôi khi thấy tôi sắp khóc.

“Anh biết em sẽ không bao giờ cố tình gây nguy hiểm cho anh hay bất cứ ai. Nhưng em có thể dễ dàng làm thế một cách vô tình, giống như hôm nay, bởi vì em không thực sự tin anh khi anh nói với em rằng một việc gì đó là nguy hiểm. Em quen tự quyết theo ý mình và anh biết rằng,” anh liếc xéo tôi, “em không quen nghe theo mệnh lệnh của một người đàn ông. Nhưng em phải tập làm vậy, vì tất cả chúng ta.”

“Được thôi,” tôi chậm rãi nói. “Em hiểu. Đương nhiên là anh nói đúng. Được thôi; em sẽ làm theo những mệnh lệnh của anh, ngay cả khi em không đồng ý với chúng.”

“Tốt.” Anh đứng lên, nhắc cái thắt lưng. “Giờ thì xuống giường đi, và chúng ta sẽ làm cho xong chuyện này.”

Miệng tôi há hốc trong nỗi phẫn nộ. “Cái gì cơ? Em đã nói là em sẽ làm theo những mệnh lệnh của anh mà!”

Anh thở dài bực tức, rồi lại ngồi xuống ghế, nhìn tôi chăm chăm.

“Nghe này. Em nói là em hiểu anh, và anh tin điều đó. Nhưng hiểu là một chuyện, còn biết lại là một chuyện khác.”

Tôi miễn cưỡng gật đầu.

“Được rồi. Bây giờ, anh sẽ phải trừng phạt em vì hai lý do: thứ nhất, đó là để dạy cho em *biết*.” Anh đột nhiên mỉm cười. “Từ chính kinh nghiệm của mình, anh có thể nói với em rằng một trận đòn đau sẽ khiến em hiểu rõ hơn tính nghiêm trọng của mọi việc.”

Tôi bám chặt cái cọc giường hơn.

“Lý do thứ hai,” anh tiếp tục, “là vì những người khác. Tối nay, em đã nhận thấy thái độ của họ thế nào rồi chứ?” Đúng vậy, không khí ở bữa tối căng thẳng đến nỗi tôi cảm thấy vui mừng khi thoát khỏi căn phòng đó.

“Có một thứ được gọi là công lý, Claire. Em có lỗi với tất cả bọn họ, và em sẽ phải chịu trừng phạt.” Anh hít sâu một hơi. “Anh là chồng em; bổn phận của anh là lo liệu việc đó, và anh đang định làm thế.”

Tôi cực lực phản đối. Cho dù trong hoàn cảnh này, phải thừa nhận rằng công lý đang nghiêng về phía anh, nhưng lòng tự trọng của tôi bị tổn thương sâu sắc trước ý nghĩ bị đánh bởi bất cứ ai và vì bất cứ lý do gì.

Tôi cảm thấy bị phản bội khi người đàn ông mà tôi coi là bạn, là người bảo vệ và là người tình lại có ý định làm một việc như thế với tôi. Và bản năng tự bảo vệ trong tôi thậm sợ hãi khi nghĩ đến việc chịu sự trừng phạt của một người có thể cầm thanh kiếm nặng gần bảy cân như thể nó là một cây chổi đuổi ruồi.

“Em sẽ không cho phép anh đánh em,” tôi kiên quyết nói, vẫn bám chặt cọc giường.

“Ồ, em không cho phép ư?” Anh nhướn đôi lông mày hung đỏ. “Chà, nghe này, anh nghĩ em không có quyền lên tiếng trong chuyện này. Em là vợ anh, dù em có thích hay không. Nếu anh muốn bẻ gãy tay em, hay không cho em ăn gì ngoài bánh mì và nước, hay nhốt em trong phòng nhiều ngày trời - đừng nghĩ anh sẽ không bao giờ có ý định ấy - anh có thể làm thế, huống hồ là quất roi vào mông em.”

“Em sẽ gào lên đấy!”

“Có thể. Nếu em không gào trước thì cũng gào trong lúc bị đánh thôi. Anh nghĩ là ở trang trại kế bên cũng sẽ nghe thấy tiếng la hét của em; em có hai lá phổi rất khỏe.” Anh cười nhả nhở trông thật đáng ghét và leo lên giường tới chỗ tôi.

Anh loay hoay mãi mới cạy được những ngón tay tôi và lôi tôi tới mép giường. Tôi đá vào ống chân anh, nhưng vì không đi giày nên tôi chẳng thể

làm anh đau đớn. Anh khẽ càu nhàu, ấn tôi nằm úp mặt xuống giường rồi vịn tay tôi ra sau để giữ tôi ở yên đó.

“Anh nghiêm túc đấy, Claire! Bây giờ, nếu em nằm im chịu trận, chúng ta sẽ giải quyết xong chuyện này với một tá roi.”

“Nếu em không chịu thì sao?” Tôi run rẩy hỏi.

Anh nhắc cái thắt lưng da lên và quất vào chân mình với một tiếng chát góm ghiếc.

“Vậy thì anh sẽ chẹn đầu gối lên lưng em và đánh em cho đến khi cánh tay anh mỏi rã rời, và anh cảnh báo em, em sẽ kiệt sức trước khi anh thấm mệt đấy.”

Tôi nhảy khỏi giường và xoay người đối mặt với anh, hai nắm đấm siết chặt.

“Đồ man rợ! Đồ... đồ bạo dâm!” Tôi phẫn nộ rít lên. “Anh làm chuyện này vì niềm khoái lạc của chính anh! Em sẽ không bao giờ tha thứ cho anh!”

Jamie ngừng lại, xoắn cái dây lưng, rồi nói với giọng đều đều: “Anh không biết bạo dâm là cái gì. Và nếu anh tha thứ cho em vì chuyện chiều nay, anh nghĩ em cũng sẽ tha thứ cho anh ngay khi em có thể ngồi trở lại.”

“Còn về niềm khoái lạc của anh...” Môi anh nhếch lên. “Anh đã nói là anh sẽ phải trừng phạt em. Anh *không* nói là anh không thích việc này.”

Anh ngoắc ngón tay với tôi.

“Lại đây.”

...

Sáng hôm sau, tôi không muốn rời khỏi căn phòng vốn là nơi ẩn náu của mình mà cứ nghịch vợ vẫn, hết buộc lại tháo những sợi ruy băng rồi lại chải tóc. Tôi đã không nói chuyện với Jamie từ đêm qua, nhưng khi nhận thấy sự chần chừ của tôi, anh liền giục tôi đi ăn sáng với anh.

“Em đừng sợ gặp những người khác, Claire. Họ có thể sẽ bõn cợt em một chút, nhưng không đến nỗi nào đâu. Ngẩng đầu lên xem nào!” Anh day nhẹ cằm tôi và tôi cắn một phát mạnh nhưng không sâu vào tay anh.

“Ồi!” Anh giật tay lại. “Cẩn thận đấy; em không biết những ngón tay anh đã để ở đâu đâu.” Anh cười khùng khục rồi rời khỏi tôi, đi ăn sáng.

Hắn là anh đang có tâm trạng tốt, tôi cay đắng nghĩ. Nếu thứ mà anh muốn vào đêm qua là sự trả đũa thì anh đã làm được rồi.

Đó là một đêm vô cùng khó chịu. Tôi chỉ miễn cưỡng phục tùng cho đến khi ngọn roi da đầu tiên quất vào da thịt bỏng rát. Ngay sau đó là một cuộc giằng co ngắn nhưng dữ dội, để lại cho Jamie cái mũi đầm đìa máu, ba vết xước đáng yêu trên một bên má và một vết cắn sâu hoắm ở cổ tay. Đương nhiên, tôi cũng bị vùi mặt vào đồng chắn nhựa với một cái đầu gối chẹn trên lưng, nếm một trận đòn thừa sống thiếu chết.

Hóa ra cái anh chàng Jamie xấu xa chết tiệt ấy đã đúng. Cánh đàn ông chào hỏi khá dè dặt nhưng thân thiện; vẻ thù địch và coi thường của tôi qua đã biến mất.

Khi tôi đang đứng ở chỗ tủ búp phê để cho trứng vào đĩa, Dougal tiến tới choàng tay qua vai tôi như một người cha. Râu ông ta nhột nhật cọ vào tai tôi khi ông ta nói với tôi bằng giọng ồm ồm về bí mật.

“Ta hy vọng đêm qua Jamie đã không quá thô bạo với cô. Nghe như cô đang bị giết vậy.”

Tôi đỏ dừ mặt và quay đi để ông ta không nhìn thấy. Sau những lời lẽ đáng ghét của Jamie, tôi đã quyết tâm mím chặt môi trong suốt cuộc trừng phạt. Tuy nhiên, khi vào cuộc, tôi cam đoan ngay cả con nhân sư cũng không thể nín lặng nếu phải chịu ngọn roi của Jamie Fraser.

Dougal quay sang gọi Jamie lúc ấy đang ngồi ở bàn ăn bánh mì và pho mát. “Này, Jamie, không cần phải đánh cô ấy gần chết như vậy đâu. Một lời nhắc nhở nhẹ nhàng là đủ rồi mà.” Ông ta vỗ mạnh vào hông tôi để minh họa, khiến tôi nhăn nhó vì đau. Tôi trừng mắt với ông ta.

“Một cái mông bị phồng giộp không phải là thương tổn vĩnh viễn,” Murtagh vừa nhồm nhoàm nhai bánh mì vừa nói.

“Thực vậy,” Ned nói, nhe răng cười. “Tới đây ngồi đi, cô gái.”

“Tôi sẽ đứng, cảm ơn ông,” tôi kiêu hãnh nói, khiến tất cả bọn họ rú lên cười. Jamie tránh nhìn vào mắt tôi khi anh mài miết cắt một mẫu pho mát.

Thêm một vài lời trêu chọc vui vẻ nữa, và mỗi người đàn ông đều lấy cố vồ vào mông tôi với vẻ thông cảm giả tạo. Nhưng nhìn chung, tôi có thể chịu đựng được điều đó, và bắt đầu miễn cưỡng nghĩ rằng có thể Jamie đã đúng, dù tôi vẫn muốn bóp cổ anh.

Vì không thể ngồi được nên tôi tự làm mình bận rộn suốt buổi sáng với những việc vặt vãnh như viền váy và khâu khuy bên cửa sổ, với cái cố là cần ánh sáng để nhìn cho rõ. Sau bữa trưa mà tôi phải đứng để ăn, chúng tôi về phòng mình nghỉ ngơi. Dougal đã quyết định chờ đến tối hẵn mới lên đường đi Bargrennan, điểm dừng chân tiếp theo trên hành trình của chúng tôi. Jamie theo tôi về phòng, nhưng tôi đóng sầm cánh cửa trước mặt anh. Cứ để cho anh ngủ ngoài sà lắn nữa.

Đêm qua, anh đã khá tế nhị khi lẳng lặng đeo lại thắt lưng và rời khỏi phòng ngay sau khi hoàn thành xong việc trừng phạt. Một tiếng sau, khi tôi đã tắt đèn và lên giường, anh mới quay lại, nhưng đủ khôn ngoan để không cố trèo lên nằm cùng tôi. Sau khi nhòm vào bóng tối chỗ tôi đang nằm im không động đậy, anh thở dài thườn thượt, quần cái áo choàng len quanh người và nằm ngủ trên sà lắn nhà, ngay gần cửa.

Quá giận dữ, tức tối và khó chịu đến không ngủ nổi, tôi đã nằm thao thức gần như cả đêm, hết nghĩ đến những điều Jamie nói rồi lại muốn trở dậy và đá vào vị trí nhạy cảm của anh.

Nếu suy nghĩ một cách khách quan, dù tôi chẳng có tâm trạng đâu mà làm vậy, tôi có thể thừa nhận rằng anh đã đúng khi nói tôi không hiểu rõ tính nghiêm trọng của mọi việc. Nhưng anh đã sai khi nói rằng đó là vì ở

chỗ tôi cuộc sống có vẻ yên bình hơn - cho dù là nơi nào chẳng nữa. Thực tế, là ngược lại mới đúng.

Với tôi, thời đại này về nhiều mặt vẫn có chút hoang đường; nó giống như một vở kịch hoặc một hoạt cảnh lịch sử. So sánh với những cảnh tượng của cuộc chiến tranh cơ giới hóa quy mô lớn ở chỗ tôi, những trận đánh nhỏ lẻ mà tôi đã thấy ở đây - với một vài người đàn ông trang bị kiếm và súng hỏa mai - có vẻ thú vị hơn là đáng sợ.

Quy mô của mọi thứ chính là vấn đề đối với tôi. Bị giết bằng súng hỏa mai hay súng cối thì đều chết như nhau cả. Chỉ có điều súng cối thì giết hàng tá người một lúc, trong khi kẻ bắn súng hỏa mai lại có thể nhìn thấy đôi mắt của người mà anh ta giết, khiến tôi có cảm giác đó là giết người chứ không phải chiến tranh. Bao nhiêu người thì làm nên một cuộc chiến tranh? Có lẽ cần nhiều đến mức họ không phải thực sự nhìn thấy nhau? Tuy nhiên, đối với Dougal, Jamie, Rupert và Ned, đây rõ ràng là chiến tranh - hay ít nhất cũng là vấn đề hệ trọng. Ngay cả Murtagh mặt chuột nhỏ bé cũng có lý do để dùng đến bạo lực.

Những lý do đó là gì? Một vị vua này thay cho một vị vua khác? Nhà Hanover và nhà Stuart? Đối với tôi, đó chỉ là những cái tên trên một tấm biển đồ treo trên tường phòng học. Họ có là gì khi so với một con quỷ không thể tưởng tượng nổi như Đức quốc xã của Hitler? Có lẽ chỉ những người sống dưới các triều vua ấy mới cảm nhận được sự khác biệt, dù những sự khác biệt ấy có vẻ quá tầm thường đối với tôi. Tuy nhiên, từ khi nào mà cái quyền được sống theo ý mình muốn lại bị coi là tầm thường vậy? Liệu một cuộc chiến để lựa chọn số phận của chính mình có kém quan trọng hơn sự cần thiết phải ngăn chặn một con quỷ lớn? Tôi giận dữ trở mình, rón rén xoa cái hông đau. Tôi quắc mắt nhìn Jamie đang cuộn tròn như một quả bóng bên cạnh cửa. Anh thở đều đều nhưng nhẹ nhàng; có lẽ anh cũng không ngủ được. Tôi hy vọng là vậy.

Ban đầu, tôi đã có xu hướng coi toàn bộ rủi ro này như một vở kịch mê lô; những chuyện như vậy không xảy ra trong cuộc đời thực. Tôi đã có

quá nhiều cú sốc từ lúc bước qua tảng đá bị nứt, nhưng đến chiều nay tôi mới gặp cú sốc tồi tệ nhất.

Jack Randall rất giống mà cũng rất khác Frank. Sự đụng chạm của hắn trên ngực tôi đã đột nhiên tạo ra mối liên kết giữa cuộc đời cũ và cuộc đời này của tôi, nhập hai cái thực tại bị chia tách làm một với một cú đập nghe như tiếng sấm nổ. Còn có Jamie nữa: khuôn mặt anh cứng đờ vì sợ hãi nơi khung cửa sổ phòng Randall, méo mó vì thịnh nộ lúc ở ven đường, căng cứng vì đau đớn trước những lời xúc phạm của tôi.

Jamie. Jamie là thật, đúng vậy, thật hơn bất cứ thứ gì, kể cả Frank và cuộc đời tôi năm 1945. Jamie, người tình dịu dàng và kẻ đê tiện bội bạc.

Có lẽ đó là một phần của vấn đề. Jamie chiếm trọn tâm trí khiến tôi chẳng còn để ý đến những gì xung quanh anh. Nhưng tôi không thể phớt lờ chúng thêm nữa. Sự liều lĩnh của tôi vào chiều nay đã suýt giết chết anh, và ý nghĩ mất anh khiến lòng dạ tôi quặn thắt. Tôi chột ngời bật dậy, định bụng tới đánh thức anh để bảo anh lên giường với tôi, nhưng khi trọng lượng cơ thể dồn xuống cái kết quả do tay anh tạo ra, tôi lập tức đổi ý và giận dữ lật sấp người lại.

Cả đêm bị giằng xé giữa những cơn thịnh nộ và lý luận đã khiến tôi kiệt sức. Tôi ngủ suốt buổi chiều và lơ đãng đi xuống ăn một bữa tối nhẹ nhàng khi Rupert đánh thức tôi dậy ngay trước khi trời tối.

Dougal đã kiếm cho tôi một con ngựa khác và hắn là đang tiếc đứt ruột vì chi phí phải bỏ ra. Đó là một con vật khỏe khoắn dù vóc dáng không được đẹp, với ánh mắt hiền lành và cái bờm ngắn lờm chờm; tôi lập tức đặt tên cho nó là Thistle^[85].

Tôi đã không lường đến cái kết quả là mình sẽ phải cưỡi ngựa suốt một chặng đường dài khi mông vẫn còn ê ẩm sau trận đòn đau. Tôi nghi ngại nhìn cái yên cứng ngắc của Thistle, đột nhiên nhận ra mình đang vướng vào rắc rối gì. Bỗng nhiên một cái áo choàng dày dặn được vắt ngang qua yên ngựa và từ phía đối diện, con mắt màu đen trông như mắt chuột của Murtagh nháy với tôi một cái vẻ đồng lõa. Tôi quyết định rằng ít

nhất mình sẽ chịu đựng trong sự im lặng đầy kiêu hãnh, và cắn chặt răng nhảy lên yên ngựa.

Dường như cánh đàn ông đã ngằm thông đồng với nhau; họ thường xuyên thay phiên nhau dừng lại để giải quyết nhu cầu, cho phép tôi xuống ngựa trong vài phút và lén xoa cái móng đau. Thi thoảng, một người sẽ gợi ý dừng lại để uống nước, và như thế thì tôi cũng phải dừng lại, bởi vì những chai nước được buộc trên người Thistle.

Chúng tôi cứ đi như vậy đã được vài tiếng, nhưng cơn đau càng lúc càng tồi tệ hơn, khiến tôi không ngừng nhúc nhích trên yên ngựa. Cuối cùng, tôi quyết định quẳng hết sự chịu đựng đầy kiêu hãnh của mình đi. Tôi cần phải xuống ngựa một lúc.

“Họ!” Tôi hô lên với Thistle và nhảy xuống, vờ kiểm tra cái chân trái dang trước của nó khi những con ngựa khác dừng lại quanh chúng tôi.

“Nó bị mắc một hòn đá vào móng,” tôi nói dối. “Tôi đã lấy hòn đá ra, nhưng tốt hơn hết là tôi nên dẫn nó đi bộ một lúc; tôi không muốn nó bị què.”

“Ừ, không thể để nó bị què được,” Dougal nói. “Được rồi, vậy cô hãy đi bộ một lát, nhưng phải có ai đó ở lại với cô. Con đường này khá yên bình, nhưng ta không thể để cô đi bộ một mình.”

Jamie lập tức xuống ngựa.

“Cháu sẽ đi với cô ấy,” anh khẽ nói.

“Tốt Đừng lần nữa lâu quá nhé; chúng ta phải có mặt ở Bargrennan trước bình minh. Ta sẽ đợi ở chỗ biển hiệu của quán Lợn Lò Đỏ; chủ quán là một người bạn.” Rồi ông ta vẫy tay, tập hợp những người khác lại và tiếp tục lên đường, bỏ lại chúng tôi trong đám bụi mù.

•••

Vài tiếng đồng hồ bị cái yên ngựa hành hạ càng khiến tâm trạng tôi tồi tệ hơn. Cứ để mặc anh đi bộ với tôi. Tôi thà chết còn hơn là nói chuyện với

anh, một gã cục súc bạo dâm.

Trông anh không có vẻ vũ phu lắm dưới ánh sáng của vầng trăng bán nguyệt đang nhô cao, nhưng tôi cố tỏ ra cứng rắn và tập tễnh bước đi, tránh nhìn vào anh.

Ban đầu, những bắp thịt bị hành hạ của tôi phản đối bài tập không quen thuộc này, nhưng sau khoảng nửa tiếng, tôi bắt đầu đi lại dễ dàng hơn.

“Đến mai em sẽ cảm thấy khá hơn,” Jamie bắt chợt lên tiếng. “Mặc dù vậy, phải đến ngày kia em mới ngời thoải mái được.”

“Sao anh lại tưởng tận như vậy?” Tôi nổi cáu. “Anh hay đánh người lắm à?”

“Ồ, không,” anh nói, chẳng hề phiền lòng bởi thái độ của tôi. “Đây là lần đầu tiên anh làm vậy. Nhưng anh bị đánh nhiều lần rồi.”

“Anh á?” Tôi há hốc miệng nhìn anh. Không thể tin nổi là có ai đó từng quất roi da vào khối cơ bắp đồ sộ sừng sững này.

Anh phì cười trước vẻ mặt của tôi. “Hồi anh nhỏ hơn bây giờ, Sassenach ạ. Trong khoảng thời gian từ tám đến mười ba tuổi, anh đã bị đánh vào mông nhiều đến nỗi không đếm xuể. Việc đó chỉ chấm dứt khi anh bắt đầu cao hơn cha anh và ông không tiện vắt anh lên hàng rào nữa.”

“Cha anh đánh anh?”

“Ừ, chủ yếu là vậy. Đương nhiên là cả thầy giáo và thi thoảng là Dougal hoặc một trong những ông cậu, ông chú hay ông bác khác, tùy vào nơi anh ở và việc anh đã làm.”

Tôi trở nên hứng thú, bất chấp quyết tâm lờ anh đi.

“Anh đã làm những gì vậy?”

Anh lại cười, tiếng cười khẽ khàng nhưng dễ lây lan trong màn đêm tĩnh lặng.

“Chà, anh không thể nhớ hết. Nhưng nhìn chung là anh đáng bị đòn. Ít nhất thì anh không nghĩ cha anh có lần nào đánh oan anh.” Anh sải bước

mà không nói gì trong một phút vì còn mãi suy nghĩ.

“Ừm. Xem nào, có một lần là vì ném đá vào lũ gà con, và một lần là vì cưỡi bò và khiến chúng kích động đến nỗi không thể tiết ra sữa, rồi còn chuyện ăn hết mút phết trên những cái bánh rồi bỏ bánh lại. A, lại còn làm lũ ngựa xông chuồng vì không gài chốt cổng, và làm cháy mái chuồng chim bồ câu - đó là một tai nạn, anh không cố tình làm thế - rồi thì làm mất sách vở - việc đó thì anh cố ý - và...” Anh ngừng lại, nhún vai, trong khi tôi không thể nín cười.

“Toàn là những chuyện thông thường. Nhưng lý do phổ biến nhất vẫn là anh hay nói những điều không nên nói.”

Anh phì cười trước một ký ức nào đó. “Có lần, anh đã chọc cho chị Jenny cáu điên lên và ném một cái bình vào anh, khiến cho nó vỡ tan. Khi cha anh vào nhà và hỏi ai đã gây ra việc này, chị ấy sợ đến nỗi không nói được gì và chỉ vào anh, đôi mắt mở to đầy đe dọa - chị ấy cũng có đôi mắt xanh giống anh nhưng đẹp hơn với hàng mi đen dày.” Jamie lại nhún vai. “Dù sao đi nữa, anh đã nói với cha anh rằng chính anh là thủ phạm.”

“Anh thật cao thượng,” tôi chế giễu. “Chị anh hẳn biết ơn lắm.”

“Ừ, chắc thế. Chỉ có điều cha anh đã đứng ngoài cửa, chứng kiến từ đầu đến cuối. Vì thế chị ấy bị đánh vì tội không giữ được bình tĩnh và làm vỡ cái bình, còn anh thì bị đánh gấp đôi; một là vì trêu chị ấy, hai là vì nói dối.”

“Thật bất công!” Tôi phẫn nộ nói.

“Cha anh không phải lúc nào cũng hiền lành nhưng thường rất công bằng,” Jamie điềm đạm giải thích. “Ông nói rằng sự thật là sự thật, và con người nên chịu trách nhiệm cho những hành động của mình. Đó là một điều đúng đắn.” Anh liếc nhìn tôi.

“Nhưng ông cũng nói anh thật tốt bụng khi nhận lỗi thay chị mình, vì vậy dù ông phải phạt anh song anh có thể chọn lựa giữa việc bị đánh hoặc đi ngủ mà không ăn tối.” Anh cười rầu rĩ, lắc lắc đầu. “Cha anh hiểu anh quá rõ. Anh đã chấp nhận bị đánh mà không thắc mắc gì.”

“Anh đúng là đồ ham ăn, Jamie,” tôi nói.

“Ừ,” anh đồng ý, không hề tỏ vẻ tức giận. “Anh luôn như vậy. Cả mùa nữa, đồ háu ăn,” anh nói với con ngựa của mình. “Chờ đến lúc nghỉ đã nhé!” Anh giật dây cương, kéo cái mũi dòm dỏ của nó ra khỏi những bụi cỏ quấy rũ dọc đường.

“Ày, cha anh thật công bằng,” anh tiếp tục, “và để ý đến cảm xúc của anh, dù lúc ấy anh chắc chắn không hiểu được. Ông sẽ không để anh phải đợi lâu; nếu anh làm gì sai, anh bị trừng trị ngay lập tức - hoặc ngay khi ông phát hiện ra. Ông luôn giải thích cho anh biết mình sắp bị đòn vì điều gì, và anh có thể phản bác nếu muốn.”

Ồ, ra là vậy! Anh đang mưu tính làm tôi nguôi giận. Tôi không nghĩ anh có thể thuyết phục được tôi từ bỏ cái quyết tâm mổ bụng anh ngay khi có cơ hội, nhưng vẫn hoan nghênh sự cố gắng của anh.

“Anh có bao giờ phản bác thành công không?” Tôi hỏi.

“Không. Thường thì tội lỗi của anh quá rõ ràng, và anh buộc phải thừa nhận. Nhưng đôi khi anh được giảm nhẹ hình phạt một chút.” Anh xoa xoa mũi.

“Có lần, anh nói với ông rằng anh nghĩ việc dạy con cái bằng đòn roi là phương pháp vô cùng kém văn minh. Ông liền đáp anh có lý như cái cột bên cạnh anh vậy. Ông nói kính trọng người lớn là một trong những nền tảng của cách cư xử văn minh, và chừng nào còn chưa học được điều đó thì anh nên quen với việc nhìn xuống ngón chân mình trong lúc bị một người lớn man rợ đánh vào mông.”

Lần này thì tôi cười theo anh. Con đường vắng vẻ và tĩnh lặng, mang lại cảm giác thật bình yên. Sự tĩnh lặng kiểu này khó mà có được trong thời đại của tôi - một thời đại đông đúc hơn, khi con người phải chịu sự ảnh hưởng của các loại máy móc, do đó chỉ riêng một người cũng có thể tạo ra tiếng ồn như một đám đông. Ở đây, chỉ có tiếng lá cây xào xạc, thi thoảng là tiếng lách chích của một con chim ăn đêm, và tiếng vó ngựa lộp cộp khe khẽ.

Bây giờ, khi những bắp thịt căng cứng bắt đầu dần ra, tôi đã bước đi dễ dàng hơn một chút. Cơ giận của tôi cũng bắt đầu dịu đi khi lắng nghe những câu chuyện hài hước và tự trào của Jamie.

“Đương nhiên, anh không thích bị đánh chút nào, nhưng nếu được lựa chọn, anh thà bị cha anh đánh còn hơn là bị thầy giáo đánh. Bọn anh thường bị thầy vọt roi da vào lòng bàn tay. Cha anh nói nếu ông đánh vào tay anh, anh sẽ không thể làm được việc gì, trong khi nếu ông đánh vào hông, ít nhất anh sẽ không thể ngồi lười một chỗ.”

“Thường thì mỗi năm bọn anh lại có một giáo viên khác; họ không ở lại lâu - họ thường trở thành nông dân hoặc chuyển đến những vùng trù phú hơn. Các giáo viên được trả lương quá bèo bọt, họ luôn gầy trơ xương và đói ngấu. Có lần, bọn anh có một ông thầy béo phì, và anh không bao giờ tin nổi ông ấy là thầy giáo thực sự; trông ông ấy giống một linh mục cải trang hơn.” Tôi nghĩ tới Cha Bain béo lùn và mỉm cười đồng tình.

“Có một người làm anh nhớ mãi không quên, bởi vì ông ta thường bắt bọn anh đứng chìa tay ra ở trước lớp, quở mắng tràng giang đại hải về tội lỗi của bọn anh trước khi đánh, rồi lại quở mắng thêm một hồi nữa giữa các cú vọt. Mỗi lần như vậy, anh chỉ mong ông ta ngừng lại nhai và đánh tiếp cho xong đi trước khi anh mất hết can đảm và òa khóc.”

“Em nghĩ mục đích của ông ta là làm cho anh khóc đấy,” tôi nói, có chút thương cảm.

“Ừ,” anh thản nhiên đáp. “Nhưng phải mất một thời gian anh mới nhận ra điều đó. Và như thường lệ, khi nhận ra, anh không thể giữ kín miệng.” Anh thở dài.

“Chuyện gì đã xảy ra?” Tôi gần như quên bằng cơn giận của mình.

“Chà, một hôm, ông ta gọi anh lên. Anh thường bị phạt vì không chịu viết bằng tay phải mà cứ viết bằng tay trái. Ông ta đã đánh anh ba cái - mất gần năm phút - và mắng anh là một thằng lỏi ngu ngốc, lười biếng, cứng đầu trước khi tiếp tục đánh. Tay anh đau rát như phải bỏng bởi vì đó là lần thứ hai anh bị phạt trong ngày hôm đó, và anh thấy sợ hãi bởi vì anh biết

mình sẽ bị một trận đòn khủng khiếp khi về nhà. Đó là quy tắc rồi: nếu anh bị đánh ở trường, anh sẽ bị một trận đòn nữa ngay khi về tới nhà, vì cha anh nghĩ việc học là quan trọng. Dù gì đi nữa, anh đã mất bình tĩnh.” Bàn tay trái của anh vô thức co lại, nắm chặt dây cương, như thể đang bảo vệ lòng bàn tay nhạy cảm.

Anh ngừng lại, nhìn tôi. “Anh hiếm khi mất bình tĩnh, Sassenach, và mỗi lần như thế, anh thường hối hận.” Tôi nghĩ câu nói đó gần giống như một lời xin lỗi đối với tôi vậy.

“Lúc đó anh có hối hận không?”

“Chà, anh đã siết chặt nắm đấm, trừng mắt nhìn ông ta - ông ta là một gã chừng hai mươi tuổi cao ráo, gầy nhăng, dù đối với anh thì trông ông ta khá già - và nói: “Em không sợ thầy, thầy không thể làm cho em khóc, bất kể thầy đánh em mạnh thế nào!”“ Anh hít sâu một hơi và chậm chậm thở ra. “Anh cho là anh hơi sai lầm khi nói với ông ta điều đó trong khi ông ta vẫn đang cầm ngọn roi da.”

“Để em đoán nhé,” tôi nói. “Ông ta đã cố chứng minh là anh sai?”

“Ồ, đúng vậy, ông ta đã cố làm điều đó.” Jamie gật đầu, mái đầu anh tối sẫm trên nền trời đầy mây. Giọng anh ảm chứa vẻ thỏa mãn khi nói đến từ “cố”.

“Vậy là ông ta không thành công?”

Cái đầu bồm xồm lắc qua lắc lại. “Ít nhất ông ta không thể làm cho anh khóc. Nhưng chắc chắn ông ta đã làm cho anh hối hận vì cái tội không giữ im lặng.”

Anh ngừng lại trong một thoáng, quay mặt về phía tôi. Đám mây che phủ bầu trời thoáng tách ra và ánh sáng chiếu vào quai hàm và gò má anh, khiến anh như được mạ vàng giống một trong những tổng lãnh thiên thần của Donatello^[86].

“Khi Dougal miêu tả tính cách của anh cho em nghe, trước lúc chúng ta cưới nhau, ông ấy có nhắc đến việc thi thoảng anh hơi ương ngạnh

không?” Đôi mắt xé rách lên một tia sáng, trông giống Lucifer^[87] hơn là Michael^[88].

Tôi cười. “Nói thế còn nhẹ nhàng đấy. Em nhớ ông ấy nói tất cả người nhà Fraser đều cứng đầu như đá, và anh là người bướng nhất. Thực ra thì,” tôi nói, hơi giễu cợt, “chính em đã nhận ra điều đó.”

Anh mỉm cười khi dẫn con ngựa của mình đi vòng quanh một vũng nước sâu trên đường và nắm dây cương hàm con ngựa của tôi để dắt nó đi theo.

“Ừmmm, Dougal nói không sai,” anh nói sau khi đã vượt qua chướng ngại vật. “Anh cứng đầu là do di truyền. Cha anh cũng vậy. Cha con anh thi thoảng lại vướng vào những cuộc tranh luận âm ỉ và không thể thoát ra được nếu không dùng đến bạo lực, thường thì anh sẽ bị vắt người qua hàng rào.”

Anh đột nhiên chìa tay ra nắm lấy dây cương con ngựa của tôi khi con vật chồm lên và thở phì phì. “Nào! Suyt! *Stad, mo dhu*^[89]!” Con ngựa của anh, ít sợ hãi hơn, chỉ lúc lắc đầu về căng thẳng.

“Chuyện gì vậy?” Tôi chẳng nhìn thấy gì cả, dù vẫn có những dải ánh trăng vắt ngang trên con đường và cánh đồng. Phía trước có một lùm thông, và lũ ngựa có vẻ không muốn lại gần nó.

“Anh không biết. Cứ ở yên đây và giữ yên lặng! Leo lên con ngựa của em đi và nắm lấy dây cương con ngựa của anh. Nếu nghe thấy tiếng anh gọi, hãy thả nó ra và chạy hết tốc lực.” Giọng Jamie trầm thấp và bình thản, trấn tĩnh cả tôi và lũ ngựa. Sau khi lẩm bẩm một tiếng “*Sguir*^[90]!” với con ngựa và vỗ vào cổ nó để giục nó lại gần tôi hơn, anh tiến vào bãi thạch nam, tay đặt trên con dao.

Tôi căng mắt và dỏng tai lên để xem thứ gì khiến lũ ngựa hoảng hốt đến vậy; chúng cứ bồn chồn giậm chân, vẩy tai và quấy đuôi. Những đám mây đã tan ra và bị cuốn đi theo làn gió đêm, chỉ còn lại những vệt rải rác bay ngang qua vầng trăng bán nguyệt rực rỡ. Dù có ánh trăng, tôi vẫn

chẳng thể nhìn thấy gì trên con đường phía trước hoặc trong lùm cây đầy đe dọa kia.

Giờ có vẻ đã rất muộn và con đường này chẳng phải là nơi kiếm chác béo bở cho lũ cướp đường (vốn dĩ hiếm hoi dù ở bất cứ đâu trên cao nguyên); có quá ít người qua lại để bỏ công chúng mai phục.

Lùm thông tối om nhưng không tĩnh lặng. Những thân cây kẻo cà kẻo kẹt, hàng triệu chiếc lá kim xào xạc trong gió. Chúng đã rất già và trông thật kỳ quái trong bóng tối ảm đạm. Một nơi ở thích hợp cho những hồn ma và linh hồn quỷ dữ trong những câu chuyện của Rupert.

Chỉ có mình mới sợ chỗ nào có nhiều cây, tôi giận dữ nghĩ. Nhưng mà Jamie đâu rồi nhỉ?

Một bàn tay chột nắm lấy đùi tôi khiến tôi kêu ré lên như một con dơi bị hoảng loạn; đó là hậu quả tự nhiên của việc cố gắng la hét khi trái tim như đang nhảy ra khỏi lồng ngực. Nổi điên lên vì nỗi sợ hãi vô lý ấy, tôi vung tay đấm anh và đá vào ngực anh.

“Đừng có chơi ú òa với em như thế!”

“Suyt,” anh nói, “đi với anh nào!” Anh thô lỗ kéo tôi xuống ngựa và vội vàng cột lũ ngựa lại. Chúng hí lên vẻ khó chịu đằng sau chúng tôi khi anh dẫn tôi đi vào lùm cỏ cao.

“Chuyện gì vậy?” Tôi rít lên, loạng choạng bước qua các rễ cây và những hòn đá.

“Im nào! Đừng nói gì! Hãy nhìn xuống và để ý chân anh. Bước vào chỗ anh bước, và dừng lại khi anh chạm vào em.”

Chúng tôi âm thầm và chậm rãi len lỏi tới rìa của lùm thông. Dưới bóng cây tối om, chỉ có những vụn ánh sáng lấm chấm trên thảm lá kim. Ngay cả Jamie cũng không thể bước đi một cách lặng lẽ trên đó, nhưng tiếng sột soạt của đám lá khô giòn dưới chân đã bị chìm trong tiếng xào xạc của đám lá xanh trên đầu.

Giữa thảm lá có một khối đá hoa cương trời lên. Jamie đẩy tôi tới trước mặt anh, hướng dẫn tôi trèo lên khối đá dốc. Ở trên đỉnh có đủ chỗ cho chúng tôi nằm sấp bên nhau. Jamie kề miệng sát tai tôi, thì thầm: “Trước mặt khoảng chín mét, phía bên phải. Ở khoảng đất trống. Nhìn thấy chúng không?”

Khi đã nhìn thấy chúng, tôi cũng có thể nghe thấy tiếng chúng. Đó là một đàn sói khoảng tám hoặc mười con. Chúng không hú. Trong bóng tối, con vật bị giết chỉ là một khối tròn tối thẫm, cái chân gầy như que củi nhô lên, rung giật dưới tác động của những hàm răng đang cắn xé. Thi thoảng có tiếng gầm gừ khe khẽ và tiếng ăng ăng khi một con thú con bị gạt ra khỏi miếng ăn của một con trưởng thành, xen lẫn những tiếng nhai nuốt thỏa mãn cùng tiếng xương gãy răng rắc.

Khi mắt tôi đã quen hơn với cảnh tượng dưới ánh trăng rải rác, tôi có thể nhìn ra vài thân hình lông lá bồm xồm nằm duỗi dài bên dưới rặng cây, no nề và yên bình. Đây đó ánh lên những mảng lông màu xám, khi những con vẫn quanh quẩn ở chỗ cái xác sục sạo tìm những mẩu thịt bị những con ăn lúc trước bỏ sót.

Một cái đầu to lớn có đôi mắt màu vàng bất chợt nhô lên giữa một khoảng sáng, hai tai vểnh lên. Con sói nửa như rên rĩ nửa như gầm gừ, rồi một sự tĩnh lặng đột nhiên bao trùm rặng cây bên dưới.

Đôi mắt màu vàng nghệ như gắn chặt vào mắt tôi. Tư thế của con vật không có vẻ sợ hãi hay tò mò mà chỉ có sự thận trọng. Jamie đặt tay lên lưng tôi, cảnh báo tôi không được cử động, dù tôi không hề muốn bỏ chạy. Tôi nghĩ mình có thể đối mặt với con sói hàng tiếng đồng hồ, nhưng nó - không hiểu sao tôi tin chắc đó là một con sói cái - chỉ vẫy tai một lần, như thể quyết định lờ tôi đi, và lại cúi xuống bữa ăn của nó.

Chúng tôi quan sát bầy sói trong vài phút, khung cảnh thật yên bình dưới ánh trăng thưa. Cuối cùng, Jamie chạm vào cánh tay tôi, ra hiệu rằng đã đến lúc phải đi.

Anh dìu tôi băng qua rặng cây để trở về đường cái. Đây là lần đầu tiên tôi cho phép anh chạm vào mình kể từ khi anh cứu tôi khỏi pháo đài William, vẫn còn bị hình ảnh của đàn sói mê hoặc, chúng tôi không nói gì nhiều, nhưng bắt đầu cảm thấy thoải mái với nhau.

Trong lúc vừa đi vừa ngẫm nghĩ về những câu chuyện anh kể, tôi không thể không ngưỡng mộ việc anh đã làm. Không cần một lời giải thích hay xin lỗi trực tiếp, anh đã gửi cho tôi thông điệp mà anh muốn. Đó là: Anh đã cho em biết thế nào là lẽ phải, như anh từng được dạy. Và anh cũng đã khoan dung với em trong chừng mực có thể. Mặc dù anh không thể miễn cho em khỏi sự đau đớn và nỗi xấu hổ, nhưng anh đã tặng em món quà từ những nỗi đau đớn và xấu hổ của anh, giúp em dễ dàng chịu đựng hơn.

“Anh có khó chịu lắm không?” Tôi đột ngột nói. “Ý em là, đối với việc bị đánh ấy. Anh có dễ dàng quên nó đi không?”

Anh khẽ siết tay tôi trước khi buông ra.

“Anh hầu như quên ngay khi trận đòn kết thúc. Ngoại trừ lần cuối cùng; phải mất một thời gian.”

“Tại sao?”

“À. Thứ nhất, anh đã mười sáu tuổi, và nghĩ rằng... mình là người đàn ông trưởng thành. Thứ hai, trận đòn đó khiến anh đau đến chết đi được.”

“Anh không cần phải kể cho em nghe nếu anh không muốn,” tôi nói, cảm nhận được sự do dự của anh. “Nó là một câu chuyện đau lòng à?”

“Không đau bằng việc bị đánh,” anh cười nói. “Anh không ngại kể cho em nghe đâu. Chẳng qua nó là một câu chuyện dài, thế thôi.”

“Quãng đường tới Bargrennan khá dài mà.”

“Đúng vậy. Được rồi. Em có nhớ anh đã nói với em là anh ở lâu đài Leoch một năm hồi anh mười sáu tuổi không? Đó là một thỏa thuận giữa Colum và cha anh - để anh thân thiết hơn với thị tộc của mẹ anh. Anh ở với Dougal hai năm rồi đến lâu đài một năm để học các lễ thói, tiếng Latin và những thứ tương tự.”

“Ồ. Em đã thắc mắc sao anh lại tới đó.”

“Ừ, lý do là thế đấy. Anh khá to lớn hay ít ra là cao ráo so với tuổi của mình; ngay từ hồi đó anh đã là một kiếm sĩ giỏi và cười ngửa khá hơn hầu hết mọi người.”

“Khiêm tốn nữa,” tôi nói.

“Không khiêm tốn lắm. Kiêu ngạo như quý, thậm chí miệng lưỡi còn lém lỉnh hơn hẳn bây giờ.”

“Khó mà tin nổi,” tôi nói, cảm thấy thú vị.

“Thật đấy, Sassenach. Anh nhận thấy những câu nói của mình có thể làm cho mọi người cười, vì vậy anh cợt nhả thường xuyên hơn, chẳng để ý mấy đến việc mình nói gì hay nói với ai. Thi thoảng anh hơi ác miệng với những người khác, không phải cố ý đâu, chỉ là anh không thể kiềm chế nếu nghĩ ra thứ gì đó hay ho để nói.”

Anh ngược nhìn bầu trời để ước lượng thời gian. Trời trở nên tối đen hơn khi mặt trăng đã lặn. Tôi nhận ra chòm sao Thợ Săn lơ lửng gần chân trời, và được an ủi một cách lạ lùng bởi cảnh tượng thân quen ấy.

“Thế là, một hôm, anh đã đi quá trớn. Lúc ấy, anh đang đi trên hành lang cùng hai chàng trai khác thì nhìn thấy bà FitzGibbons ở đầu kia. Bà ấy đang khệ nệ bê một cái giỏ to gần bằng bà ấy, cả người lắc lư theo mỗi bước đi. Em biết trông bà ấy thế nào rồi đấy; hồi đó bà ấy cũng không nhỏ hơn bây giờ nhiều lắm.” Anh xoa xoa mũi, vẻ ngại ngùng.

“Chà, anh đã thốt ra vài câu nhận xét khiếm nhã về ngoại hình của bà ấy. Hài hước nhưng bất lịch sự. Chúng làm mấy người bạn đồng hành của anh vô cùng thích thú. Anh không nhận ra là bà ấy cũng có thể nghe thấy lời anh.”

Tôi nhớ đến bà quản gia đồ sộ của lâu đài Leoch. Mặc dù lúc nào tôi cũng thấy bà vui vẻ, nhưng bà không phải là mẫu người dễ yên cho kẻ dám xúc phạm mình.

“Bà ấy đã làm gì?”

“Lúc đó thì bà ấy chẳng làm gì cả. Anh không biết là bà ấy đã nghe thấy, cho đến khi bà ấy đứng dậy trong buổi tụ họp ở đại sảnh vào ngày hôm sau và mách Colum.”

“Ôi trời.” Tôi biết Colum tôn trọng bà Fitz thế nào, ông ta chắc chắn sẽ không nương tay với những kẻ bất kính với bà ấy. “Chuyện gì đã xảy ra?”

“Giống như chuyện xảy ra với Laoghaire - hoặc gần như vậy.” Anh cười khùng khục.

“Nhưng anh đã rất can đảm. Anh đứng dậy và nói mình chọn bị đâm. Anh đã cố tỏ ra điềm tĩnh và trưởng thành, dù tim đập thình thịch như những nhát búa của thợ rèn, và cảm thấy hơi nôn nao khi nhìn vào hai bàn tay của Angus; trông chúng cứ như những tảng đá vậy, mà là những tảng đá lớn nữa kìa. Có vài tiếng cười cất lên trong đám người tụ tập ở đại sảnh; hồi ấy anh chưa cao như bây giờ, và nặng chưa bằng một nửa. Cú đâm của Angus có thể làm bật tung đầu anh chứ chẳng chơi.”

“Cả Colum và Dougal đều cau mày với anh, dù anh nghĩ họ thực sự hơi vui mừng vì anh đã có dũng khí đề nghị hình phạt đó. Rồi Colum nói là không được, nếu anh cư xử như một đứa trẻ thì anh sẽ bị trừng phạt như một đứa trẻ. Ông ấy gật đầu một cái, và trước khi anh kịp nhúc nhích, Angus đã vắt người anh qua đầu gối ông ta, tốc váy anh lên và quất anh bằng roi da trước mặt cả đại sảnh.”

“Ôi, Jamie!”

“Ừmmmm. Hẳn là em đã biết Angus rất chuyên nghiệp? Ông ta quất anh mười lăm cái, và tới hôm nay anh vẫn có thể nói với em một cách chính xác mỗi ngọn roi hạ xuống chỗ nào.” Anh rùng mình khi hồi tưởng lại. “Anh đã phải mang những vết roi đó trong một tuần.”

Anh vươn tay bẻ gãy một chùm lá thông từ cái cây gần nhất, rồi xòe chúng ra như một cái quạt. Mùi nhựa thông đột nhiên trở nên rõ ràng hơn.

“Chà, anh cũng không được phép lạng lẽ rời đi để chăm sóc các vết thương. Khi Angus đánh anh xong, Dougal tóm lấy gáy anh và dẫn anh tới

đầu kia của đại sảnh. Sau đó, anh bị bắt bò lê bằng đầu gối trên mặt đá để quay trở lại. Anh đã phải quỳ trước chỗ ngồi của Colum và cầu xin bà Fitz tha thứ, rồi xin lỗi Colum và tất cả mọi người trong đại sảnh vì sự lỗ mãng của mình, và cuối cùng, anh phải cảm ơn Angus vì đã đánh anh. Anh gần như tắc nghẹn không nói nên lời, nhưng ông ta rất rộng lượng, chìa tay đỡ anh dậy. Thế rồi anh bị ấn xuống một cái ghế đầu cạnh Colum và buộc phải ngồi đó cho đến khi buổi tụ họp ở đại sảnh kết thúc.”

Anh so vai. “Đó là thời khắc tồi tệ nhất trong đời anh. Mặt anh đỏ như lửa, mông anh cũng vậy, đầu gối thì trầy xước và anh không thể nhìn đi đâu ngoài hai bàn chân mình, song điều khủng khiếp nhất là anh buồn tiêu muốn chết. Anh có cảm giác bụng dưới căng ra như sắp vỡ tung và nghĩ mình sắp tiêu ra tại chỗ đến nơi trước con mắt của tất cả mọi người, nhưng may là anh chỉ suýt bị như vậy thôi. Mồ hôi toát ra ướt nhẹ áo anh.”

Tôi nén cười. “Anh không nói với Colum về tình trạng của mình sao?” Tôi hỏi.

“Ông ấy biết thừa; tất cả những người khác trong đại sảnh cũng vậy, khi thấy anh bồn chồn vắn vẹo trên cái ghế đầu đó. Người ta còn cá cược liệu anh có nhịn được hay không.” Anh nhún vai.

“Colum sẽ cho anh đi nếu anh xin ông ấy. Nhưng anh lại bướng bỉnh cố nhịn.” Anh cười toe, có vẻ hơi ngượng ngùng, hàm răng trắng lóa nổi bật trên khuôn mặt tối sẫm. “Anh nghĩ anh thà chết còn hơn là xin ông ấy, và đúng là anh đã suýt chết thật. Cuối cùng, khi Colum nói anh có thể đi, anh chỉ kịp chạy ra khỏi cánh cửa gần nhất rồi vội vàng vòng ra sau bức tường và tuôn trào như suối. Anh đã nghĩ mình sẽ không bao giờ ngừng lại được.

“Vậy đây,” anh xòe hai bàn tay, thả năm lá thông xuống, “giờ thì em biết điều tệ hại nhất từng xảy ra với anh rồi đấy.”

Tôi không thể nhịn được cười và phải ngồi xuống vệ đường. Jamie kiên nhẫn đợi trong một phút rồi cúi xuống, chống tay lên đầu gối.

“Em cười cái gì vậy?” Anh hỏi. “Chuyện này chẳng buồn cười chút nào.” Nhưng chính anh cũng đang tùm tùm.

Tôi lắc đầu, vẫn cười rữ rượi. “Không, nó không buồn cười. Đó là một câu chuyện khủng khiếp. Chỉ là... em tưởng tượng ra hình ảnh anh đang ngồi đó, bưng bình cần răng chịu đựng, khói bốc ra từ hai lỗ tai.”

Jamie bật cười. “Ừ. Tuổi mười sáu đúng là dở dở ương ương nhỉ?”

“Vậy ra anh giúp cô nàng Laoghaire đó vì anh cảm thấy thương hại cô ta,” tôi nói, khi đã dứt cơn cười. “Anh đã biết hình phạt đó là như thế nào.”

Anh tỏ vẻ kinh ngạc. “Ừ, anh đã nói vậy mà. Bị đâm vào mắt ở tuổi hai mươi ba sẽ dễ chịu đựng hơn nhiều so với bị quất roi vào mông ở nơi công cộng khi mới mười sáu tuổi. Lòng kiêu hãnh bị tổn thương là điều đau đớn hơn bất cứ thứ gì, mà ở tuổi đó nó rất dễ bị tổn thương.”

“Lạ nhỉ! Em chưa bao giờ thấy ai cười lúc chờ bị đâm vào miệng.”

“Sau đó thì đâu thể cười được nữa.”

“Ừm.” Tôi gật đầu đồng tình. “Em cứ nghĩ...” Tôi nói rồi ngừng lại, bối rối.

“Em đã nghĩ gì vậy? Ồ, ý em là về anh và Laoghaire,” anh phỏng đoán. “Em, Alec và tất cả những người khác đều nghĩ vậy, bao gồm cả Laoghaire. Cho dù cô ấy có xấu xí cỡ nào thì anh vẫn sẽ làm như vậy thôi.” Anh huých vào mạng sườn tôi. “Mặc dù anh không ngờ là em lại tin rằng giữa anh và Laoghaire có chuyện gì đó.”

“Chà, em đã nhìn thấy hai người ở bên nhau chỗ hốc tường,” tôi bào chữa, “và chắc hẳn có ai đó đã dạy anh cách hôn.”

Jamie di di chân, ngại ngùng cúi đầu. “Chà, Sassenach, anh cũng giống như hầu hết cánh đàn ông thôi. Đôi khi anh cũng cố nhưng không phải lúc nào cũng làm được. Em biết Thánh Paul đã nói rằng thà kết hôn còn hơn để lửa lòng rục cháy chứ? Chà, lúc đó anh đang cháy rừng rục rồi.”

Tôi lại cười, cảm thấy vô tư lự như một cô gái mười sáu tuổi. “Vậy là anh đã cưới em,” tôi trêu chọc, “để tránh phạm phải tội lỗi?”

“Ừ. Đó là mặt tốt của hôn nhân; nó tạo ra một bí tích từ những việc mà nếu ở trong hoàn cảnh khác, em sẽ phải xưng tội.”

Tôi lại ôm bụng cười.

“Ôi, Jamie, em yêu anh!”

Lần này, đến lượt anh bật cười. Anh cúi gập người rồi ngồi xuống vệ đường, cười sặc sụa. Sau đó, anh từ từ nằm ngửa ra bãi cỏ dài, hơi thở khò khè, nghèn nghẹt.

“Anh bị làm sao vậy?” Tôi hỏi, trừng mắt nhìn anh. Mãi lâu sau, anh mới ngồi dậy, lau đôi mắt giàn giụa nước. Anh lắc đầu, thở hỗn hển.

“Murtagh nói về phụ nữ đúng quá! Sassenach, vì em, anh đã mạo hiểm tính mạng, phạm tội trộm cắp, đốt phá, hành hung và giết người. Để đáp lại, em chửi rủa, xúc phạm danh dự, đá vào hạ bộ và cào mặt anh. Sau đó, anh đánh em một trận thừa sống thiếu chết và kể với em tất cả những việc đáng xấu hổ nhất từng xảy ra với anh, thế rồi em nói em yêu anh.” Anh gục đầu xuống đầu gối và lại cười thêm một chập. Cuối cùng, anh đứng dậy và chìa tay ra với tôi, tay còn lại lau mắt.

“Em chẳng khôn ngoan lắm, Sassenach ạ, nhưng anh vẫn thích em. Đi nào!”

...

Trời khuya dần - hay sáng dần, tùy theo cách nhìn nhận của mỗi người. Đã đến lúc phải cưỡi ngựa nếu chúng tôi muốn tới Bargrennan vào lúc bình minh. Lúc này, tôi đã ngồi được trên yên ngựa, dù ảnh hưởng của trận đòn vẫn còn rõ rệt.

Chúng tôi im lặng cưỡi ngựa mất một lúc. Được thanh thoi suy nghĩ, lần đầu tiên tôi ngấm xem chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi tìm được đường tới

vòng tròn đá. Sau khi bị buộc phải kết hôn và dựa dẫm vào Jamie, không ngờ tôi đã thực sự yêu mến anh.

Có lẽ quan trọng hơn cả là tình cảm anh dành cho tôi. Ban đầu gắn bó với nhau vì hoàn cảnh đưa đẩy, sau đó là vì tình bạn, và cuối cùng là niềm đam mê thể xác sâu sắc đến đáng kinh ngạc, vậy nhưng anh chưa bao giờ thổ lộ một lời về tình cảm của mình đối với tôi. Tuy nhiên...

Anh đã mạo hiểm tính mạng vì tôi. Có thể anh làm vậy vì lời thề hôn nhân; anh đã nói sẽ bảo vệ tôi tới giọt máu cuối cùng, và tôi tin anh nói thật.

Tôi càng cảm động hơn bởi những sự kiện trong hai mươi tư giờ qua, khi anh đột nhiên thú nhận với tôi những cảm xúc và chuyện đời tư của anh, kể cả những chuyện đáng xấu hổ. Nếu tình cảm anh dành cho tôi đúng như những gì tôi nghĩ, anh sẽ cảm thấy thế nào nếu tôi đột ngột biến mất? Nỗi đau đớn thể xác còn sót lại đã tiêu tan khi tôi trầm ngâm trong mớ suy nghĩ rối bời này.

Chúng tôi chỉ còn cách Bargrennan ba dặm thì Jamie bất chợt phá vỡ sự im lặng.

“Anh chưa kể với em cha anh mất như thế nào,” anh nói.

“Dougal nói ông ấy bị tai biến... ý em là bị đột quỵ,” tôi kinh ngạc nói. Tôi cho rằng Jamie đã nhớ về cha mình sau cuộc trò chuyện ban nãy của chúng tôi, nhưng tôi không thể hình dung được thứ gì dẫn dắt anh tới chủ đề đặc biệt này.

“Đúng vậy. Nhưng chuyện đó... ông ấy...” Anh ngừng lời để lựa chọn từ ngữ, rồi nhún vai, vứt bỏ sự thận trọng. Anh hít một hơi thật sâu và thở hắt ra. “Em nên biết về chuyện đó. Nó liên quan đến... nhiều thứ.” Con đường ở đây đủ rộng để dễ dàng cưỡi ngựa sổng đôi, miễn là chúng tôi để ý tới những hòn đá lô nhô trên mặt đất; cái cơ mà tôi nói với Dougal lúc nãy không phải là được bịa ra một cách tùy tiện.

“Chuyện xảy ra ở pháo đài,” Jamie nói, đi vòng qua một khoảnh đất gồ ghề, “chỗ chúng ta ở hôm qua. Randall và người của hắn đã dẫn anh từ

Lallybroch đến đó để tra tấn. Sau trận quét roi đầu tiên hai ngày, Randall sai hai tên lính dẫn anh từ xà lim đến văn phòng của hắn - chính là nơi anh đã tìm thấy em; đó là lý do anh biết phải tới đâu để tìm em.”

“Bọn anh gặp cha anh ở ngoài sân. Ông đã tìm hiểu được chúng bắt anh đi đâu nên lặn lội tới để xem liệu ông có cách nào cứu được anh không - hay ít nhất cũng tận mắt thấy rằng anh vẫn ổn.”

Jamie thúc nhẹ gót chân vào mạng sườn con ngựa của mình, khê chặc lưỡi giục nó đi tiếp. Chưa có dấu hiệu gì của ánh sáng ban ngày nhưng màn đêm đã đổi sắc. Chắc chỉ còn chưa đầy một tiếng nữa là tới bình minh.

“Trước khi nhìn thấy ông, anh không nhận ra mình cảm thấy cô đơn hay sợ hãi đến thế nào. Đám lính không cho cha con anh được ở riêng bên nhau, nhưng chí ít chúng cũng để cho anh chào ông.” Anh nuốt khan và kể tiếp.

“Anh đã xin lỗi ông về chuyện của Jenny và toàn bộ mớ rắc rối đáng tiếc này, nhưng ông bảo anh im lặng và ôm anh thật chặt. Ông hỏi anh có đau lắm không - ông có biết về vụ quét roi - và anh nói anh sẽ ổn thôi. Tới lúc đó thì đám lính nói anh phải đi, vì vậy ông siết chặt hai cánh tay anh và dặn anh nhớ cầu nguyện. Ông nói ông sẽ luôn ở bên anh, bất kể chuyện gì xảy ra, anh phải ngẩng cao đầu và cố gắng đừng lo lắng. Rồi ông hôn lên má anh và đám lính dẫn anh đi. Đó là lần cuối cùng anh nhìn thấy ông.”

Giọng anh trầm tĩnh nhưng hơi khàn. Cổ họng tôi như bị thít chặt, và tôi sẽ chạm vào anh nếu có thể, tuy nhiên con đường đã hẹp lại khi đi qua một thung lũng nhỏ và tôi buộc phải tụt lại đằng sau anh trong một thoáng. Lúc tôi trở lại sóng đôi bên anh, anh đã trấn tĩnh lại.

“Thế là,” anh nói, hít sâu một hơi, “anh vào gặp Đại úy Randall. Hắn đuổi đám lính ra ngoài để trong phòng chỉ còn lại mình anh và hắn, và đề nghị anh ngồi xuống một cái ghế đầu. Hắn nói cha anh đã xin bảo lãnh cho anh, nhưng vì tội của anh nghiêm trọng nên anh không thể được thả nếu không có lệnh thả bằng văn bản do Công tước Argyll ký, bởi bọn anh đang

ở trong lãnh thổ của ông ta. Anh cho là sau đó cha anh đã lên đường tới gặp Argyll.”

“Randall nói tiếp rằng trong thời gian chờ đợi, anh vẫn còn phải đối mặt với trận đòn roi thứ hai.” Anh ngừng lại một phút, như thể không chắc chắn nên kể tiếp thế nào.

“Hắn... có thái độ rất kỳ lạ. Rất thân mật, nhưng ẩn chứa một điều gì đó mà anh không hiểu. Hắn cứ nhìn anh, như thể mong đợi anh làm gì đó, nhưng anh chỉ ngồi im.

Hắn xin lỗi anh và nói rằng hắn rất tiếc vì mối quan hệ giữa anh với hắn đã trở nên quá khó khăn, và hắn ước gì hoàn cảnh đối khác, vân vân.” Jamie lắc đầu. “Anh không hiểu nổi hắn đang nói về cái gì; hai ngày trước, hắn đã cố hết sức đánh anh đến chết. Nhưng cuối cùng, hắn đã nói thẳng vào vấn đề.”

“Hắn muốn gì?” Tôi hỏi. Jamie liếc nhìn tôi, rồi lại nhìn đi chỗ khác. Bóng tối che giấu những đường nét trên gương mặt anh, nhưng tôi nghĩ anh có vẻ bối rối.

“Anh,” anh thẳng thừng nói.

Tôi giật nảy mình khiến con ngựa hất đầu và hí lên vẻ trách cứ. Jamie lại nhún vai.

“Hắn đã nói rất rõ ràng. Nếu anh... ờ, để hắn tùy ý sử dụng cơ thể anh, hắn sẽ hủy trận đòn thứ hai. Nếu anh không đồng ý - vậy thì anh sẽ phải ước gì mình chưa bao giờ được sinh ra.”

Tôi cảm thấy buồn nôn.

“Lúc đó anh đã ước như vậy,” anh nói, có chút hài hước. “Anh có cảm giác mình đã nuốt thủy tinh vỡ vào bụng, và nếu anh không ngồi sẵn thì đầu gối anh đã va vào nhau rồi.”

“Nhưng anh...” Giọng tôi khàn khàn. Tôi hắng giọng và hỏi lại. “Nhưng anh đã làm gì?”

Anh thở dài. “Chà, anh sẽ không nói dối em, Sassenach. Anh đã dẫn đo cân nhắc về lời đề nghị đó. Những cú roi đầu tiên trên lưng vẫn còn đau rát đến nỗi anh hầu như không thể mặc nổi áo, và anh cảm thấy hoa mắt chóng mặt mỗi lần đứng dậy. Ý nghĩ phải chịu đựng trận đòn đó lần nữa - bị trói và bất lực chờ đợi ngọn roi tiếp theo...” Anh vô thức rùng mình.

“Tuy chưa từng trải qua,” anh mĩa mai nói, “nhưng anh nghĩ bị xâm hại từ đằng sau ít ra cũng bớt đau đớn hơn. Đôi khi có người chết vì đòn roi, Sassenach ạ, và từ vẻ mặt hằn, anh nghĩ hẳn có ý định đánh chết anh nếu anh lựa chọn nhận hình phạt đó.” Anh lại thở dài.

“Nhưng... anh vẫn còn cảm nhận được nụ hôn của cha anh trên má, và nhớ đến những lời ông nói, vì vậy... anh không thể đồng ý với hẳn, thế thôi. Anh đã không nghĩ đến việc cha anh sẽ cảm thấy thế nào nếu anh chết.” Anh cười khi, như thể thấy có gì đó đáng cười. “Và rồi anh nghĩ gã này đã cưỡng hiếp chị gái anh - anh thà chết còn hơn để hẳn lạm dụng cả anh nữa.”

Tôi chẳng thấy câu nói này buồn cười chút nào. Tôi lại được thấy Jack Randall trong một thứ ánh sáng mới mẻ và đáng ghê tởm. Jamie xoa xoa gáy rồi thả tay xuống núm yên ngựa.

“Vậy là anh đã dồn tất cả chút can đảm ít ỏi còn sót lại để từ chối hẳn. Anh nói “không” thật to và dùng hết sức hét vào mặt hẳn bất cứ tên gọi bẩn thỉu nào mà anh có thể nghĩ ra.”

Anh nhăn mặt. “Anh sợ mình sẽ đổi ý nếu suy nghĩ lại; vì vậy anh muốn đảm bảo mình không còn cơ hội để quay đầu nữa. Dù anh cho là,” anh trầm ngâm nói thêm, “chẳng có bất cứ cách nào đủ khéo léo để từ chối một lời đề nghị như thế.”

“Đúng vậy,” tôi đồng ý. “Em nghĩ dù anh nói gì chẳng nữa, hẳn cũng sẽ không hài lòng.”

“Hẳn chẳng vui vẻ gì. Hẳn vả vào miệng anh để ngăn anh chửi rửa. Lúc ấy, anh vẫn còn hơi yếu nên lập tức ngã xuống, và hẳn đứng nhìn anh chằm chằm. Anh cảm thấy mình không nên cố gắng đứng dậy, vì vậy anh

cứ nằm yên đó cho đến khi hăn gọi quân lính đến đưa anh về xà lim.” Anh lắc đầu. “Về mặt hăn chẳng thay đổi chút nào; hăn chỉ nói khi anh rời đi: “Gặp lại cậu vào thứ Sáu”, như thể anh và hăn hẹn gặp để bàn chuyện công việc hay thứ gì đó tương tự.”

Bọn lính không đưa Jamie về xà lim nơi anh bị nhốt chung với ba tù nhân khác mà tống anh vào một căn phòng riêng nhỏ xíu để đợi cuộc trừng phạt vào hôm thứ Sáu. Ở đó chẳng có trò giải trí gì ngoài chuyển viếng thăm hằng ngày của bác sĩ quân đồn trú để băng bó lưng anh.

“Ông ta không hăn là bác sĩ,” Jamie nói, “nhưng ông ta khá tử tế. Ngày thứ hai, ông ta mang mỡ ngỗng với than củi đến và đưa cho anh cuốn *Kinh Thánh* nhỏ của một tù nhân đã chết. Ông ta nói ông ta biết anh là người theo đạo Cơ Đốc, dù ông ta không rõ lời của Chúa có giúp an ủi được anh chút nào hay không nhưng ít nhất anh có thể so sánh những vấn đề của mình với những vấn đề của Job^[91].” Anh cười.

“Lạ thay, nó đã giúp tinh thần anh thoải mái hơn chút. Chúa của chúng ta cũng từng phải chịu đựng những ngọn roi, và anh có thể tự an ủi rằng ít nhất anh sẽ không bị lôi ra ngoài và đóng đinh câu rút. Tuy nhiên,” anh cẩn trọng nói, “Chúa của chúng ta không buộc phải nghe những lời đề nghị khiếm nhã từ Pontius Pilate^[92].”

Jamie vẫn giữ cuốn *Kinh Thánh* nhỏ. Anh lục tìm trong cái túi đeo bên yên ngựa và đưa nó cho tôi xem. Nó là một cuốn sách bìa da cũ nát, dài khoảng mười ba centimet, giấy mỏng đến nỗi chữ in ở mặt trước có thể được nhìn thấy rõ ở mặt sau. Trên trang gác có đề *ALEXANDER WILLIAM RODERICK MACGREGOR, 1733*. Màu mực đã nhạt và nhòe đi, bìa sách quần queo như thể cuốn sách đã bị ướt hơn một lần.

Tôi tò mò giở cuốn sách. Dù nó nhỏ xíu nhưng hăn là anh phải vất vả lắm mới có thể giữ được nó bên mình trong những chuyến đi và những cuộc phiêu lưu suốt bốn năm qua.

“Em chưa bao giờ thấy anh đọc nó.” Tôi trả cuốn sách lại cho anh.

“Đó không phải là lý do anh giữ nó,” anh nói, dùng ngón cái vuốt ve mép bìa tờ rồi cất nó đi. Anh vỗ vỗ cái túi đeo bên yên ngựa với vẻ lơ đãng. “Alex MacGregor còn một món nợ chưa đòi được, anh định làm điều đó giúp cậu ta khi có dịp.”

“Dù sao đi nữa,” anh trở lại câu chuyện của mình, “cuối cùng, thứ Sáu đã tới, và anh không biết liệu mình vui mừng hay hối tiếc. Anh có cảm giác việc chờ đợi và sự sợ hãi còn khủng khiếp hơn cả nỗi đau đớn. Nhưng khi trận đòn bắt đầu...” Anh nửa như nhún vai. “Em đã nhìn thấy các dấu vết và biết trận đòn đó như thế nào rồi đấy.”

“Dougal đã kể với em. Ông ấy nói ông ấy có mặt ở đó.”

Jamie gật đầu. “Ừ, ông ấy đã ở đó. Cả cha anh nữa, dù bây giờ anh không hề biết. Anh không có tâm trí để ý đến bất cứ thứ gì ngoài những vấn đề của chính mình.”

“Ồ,” tôi chậm rãi nói, “và cha anh...”

“Ừm. Chuyện xảy ra khi đó. Sau này, vài người nói với anh rằng họ nghĩ anh đã chết khi trận đòn mới diễn ra được nửa chừng. Hẳn là cha anh cũng nghĩ như vậy.” Anh ngập ngừng, giọng anh khàn đặc khi anh nói tiếp. “Dougal kể rằng, khi anh gục xuống, cha anh đã kêu lên một tiếng và đưa tay ôm đầu. Rồi ông ngã quỵ và không còn đứng dậy nữa.”

Lũ chim đang bay nhảy trong bãi thạch nam, líu lo gọi bầy từ những tán lá vẫn còn tối thẫm. Jamie đang cúi đầu, khuôn mặt vẫn không thể nhìn rõ.

“Lúc đó, anh không biết là ông đã chết,” anh khẽ nói. “Mãi đến một tháng sau - khi họ nghĩ anh đã đủ mạnh mẽ để chịu đựng - họ mới nói với anh. Vì vậy, anh đã không đích thân chôn cất ông như một người con trai nên làm. Và anh cũng chưa bao giờ nhìn thấy mộ ông -bởi vì anh sợ về nhà.”

“Jamie,” tôi nói, “ôi, Jamie, anh yêu.”

Sau một hồi im lặng tưởng chừng dài đằng đẵng, tôi nói: “Nhưng anh *không thể* đổ lỗi cho mình về cái chết của ông. Jamie, anh đâu thể làm gì được, cũng đâu thể làm khác đi.”

“Không thể ư?” Anh nói. “Không, có lẽ là không; dù anh tự hỏi liệu chuyện ấy có xảy ra nếu anh lựa chọn cách còn lại? Nhưng biết được điều đó cũng chẳng giúp gì nhiều cho cảm giác của anh - anh có cảm giác mình đã tự tay gây ra cái chết của ông.”

“Jamie...” tôi nói rồi ngừng lại, cảm thấy bất lực. Anh lặng lẽ cười ngượng một đoạn, sau đó vươn thẳng người và so vai.

“Anh chưa kể chuyện này với bất kỳ ai,” anh đột nhiên nói. “Nhưng anh nghĩ rằng em nên biết - ý anh là về Randall. Em có quyền biết mỗi khúc mắc giữa anh và hắn.”

Mỗi khúc mắc giữa anh và hắn. Sinh mạng của một người đàn ông tốt, danh dự của một cô gái, và thứ dục vọng hèn hạ chỉ được thỏa mãn bằng máu cùng nỗi sợ hãi. Lòng dạ tôi quặn thắt khi nghĩ đến việc hiện giờ còn có thêm một thứ nữa. Chính là tôi. Lần đầu tiên, tôi nhận ra Jamie đã cảm thấy thế nào khi khom người ở cửa sổ phòng Randall với khẩu súng rỗng trong tay. Và tôi bắt đầu tha thứ cho anh về những gì anh đã làm với tôi.

Như thế đọc được những suy nghĩ ấy, anh nói mà không nhìn sang tôi: “Em có biết... ý anh là, em có hiểu, tại sao anh cần phải đánh em không?”

Tôi chần chừ một thoáng trước khi trả lời. Tôi hiểu, nhưng thế vẫn chưa đủ.

“Em hiểu,” tôi nói. “Và em tha thứ cho anh chuyện đó. Điều mà em không thể tha thứ,” tôi nói, giọng vô thức khẽ cao lên, “là anh lại thích thú!”

Anh cúi người về đằng trước, tóm chặt nắm yên ngựa và cười một lúc lâu. Khi đã dứt cơn cười, anh mới quay sang tôi. Bầu trời đã sáng hơn trước nhiều, vì thế tôi có thể nhìn thấy khuôn mặt anh: một môi, căng thẳng nhưng vui vẻ. Những vết xước trên má anh đen thui trong ánh sáng lờ mờ.

“Thích thú ư! Sassenach,” anh nói, hớn hển, “em không biết anh thích thú thế nào đâu. Em đã quá... Chúa ơi, lúc ấy trông em thật đáng yêu. Anh đã rất giận dữ, và em chống trả hết sức quyết liệt. Anh không muốn làm em đau, nhưng vẫn muốn dạy cho em một bài học... Jesus ơi,” anh nói, ngừng lời và quệt mũi. “Phải. Phải, anh đã thích thú.”

“Tuy nhiên,” anh nói, “em nên khen anh một chút vì đã luyện được sự kiềm chế.”

Tôi lại trở nên cáu kỉnh. Má tôi đỏ bừng trước không khí mát mẻ lúc bình minh.

“Kiềm chế ư? Em có cảm giác anh đang luyện tập cánh tay trái lành lặn của anh thì đúng hơn. Anh đã gần như khiến em phải nằm liệt giường đấy, gã Scot hung hăng khốn kiếp!”

“Nếu anh muốn em phải nằm liệt giường, Sassenach, em đã không dậy nổi rồi,” anh nói với giọng chế giễu. “Ý anh là sau đó ấy. Anh đã ngủ trên sàn, nếu em còn nhớ.”

Tôi lườm anh, hừ mũi. “Ồ, vậy ra đó là kiềm chế đấy à?”

“Chà, anh nghĩ là giao cấu với em trong tình trạng đó thì không ổn lắm, cho dù anh ham muốn thế nào. Và lúc đó anh thực sự ham muốn khủng khiếp,” anh nói thêm, rồi lại bật cười. “Quả là một áp lực ghê gớm đối với bản năng tự nhiên của anh.”

“Giao cấu với em?” Tôi nói, như không tin nổi vào tai mình khi nghe thấy cụm từ này.

“Trong hoàn cảnh ấy thì khó mà gọi là “làm tình” được, em có nghĩ thế không?”

“Anh có thể gọi hành động đó là gì cũng được,” giọng tôi vang lên đều đều, “may là anh đã không cố làm, nếu không thì bây giờ anh đã thiếu một vài bộ phận quý giá rồi.”

“Anh cũng nghĩ thế.”

“Và nếu anh nghĩ mình xứng đáng được khen ngợi vì sự kiềm chế cao quý để khỏi phạm phải hành vi cường hiếp sau khi tấn công...” Tôi tức nghẹn họng.

Chúng tôi đi tiếp nửa dặm nữa trong im lặng. Rồi anh thốt ra một tiếng thở dài. “Anh nghĩ mình không nên khơi mào cuộc trò chuyện này. Anh chỉ đang cố gắng hỏi em liệu em có cho phép anh tiếp tục ngủ chung giường với em khi chúng ta tới Bargrennan không.” Anh ngại ngừng ngừng lại. “Nằm trên sàn hơi lạnh.”

Tôi đi tiếp đúng năm phút nữa rồi mới trả lời. Khi đã quyết định mình sẽ nói gì, tôi ghì cương, quay ngựa chặn ngang đường để ép Jamie cũng dừng lại. Bargrennan đang ở trong tầm mắt, các mái nhà đã hiện rõ trong ánh bình minh.

Tôi thúc ngựa tới đứng sừng đôi với con ngựa của Jamie, do đó tôi chỉ cách anh không quá ba mươi centimet. Tôi nhìn thẳng vào mắt anh trong một phút trước khi cất tiếng.

“Ngài sẽ ban cho em vinh hạnh được nằm chung giường với ngài chứ, đức phu quân của em?” Tôi lịch sự hỏi.

Anh nghi ngờ cân nhắc trong một thoáng rồi trịnh trọng gật đầu. “Ta đồng ý. Cảm ơn em.” Anh giơ dây cương định giục ngựa đi thì tôi ngăn lại.

“Còn một điều nữa, thưa ngài,” tôi nói, vẫn lễ phép.

“Ừ?”

Tôi rút phắt bàn tay ra khỏi cái túi kín đáo ở váy tôi, và ánh bình minh lấp lánh trên lưỡi dao găm đang ấn vào ngực anh.

“Nếu,” tôi gằn giọng nói, “anh ra tay với em lần nữa, James Fraser, em sẽ móc tim anh ra rán để ăn sáng đấy!”

Sự im lặng lại bao trùm, chỉ còn nghe thấy tiếng lữ ngựa đổi chân và tiếng yên cương kêu loảng xoảng. Rồi anh giơ tay ra, lòng bàn tay ngựa lên.

“Đưa nó cho anh.”

Khi tôi còn chần chừ, anh nói với vẻ mặt kiên nhẫn. “Anh sẽ không làm gì em đâu. Đưa nó cho anh!”

Anh cầm lưỡi dao, dựng đứng nó lên để văng mặt trời đang mọc hắt ánh sáng vào viên đá mặt trăng ở chuôi, khiến nó ánh lên. Cầm con dao như một cây thập tự, anh ngâm nga gì đó bằng tiếng Gaelic. Tôi nhận ra đó là câu nói trong nghi lễ tuyên thệ ở đại sảnh của Colum, nhưng anh nói bằng tiếng Anh để cho tôi hiểu được.

“Anh thề trên cây thánh giá của Chúa Jesus, và trên lưỡi dao thiêng liêng mà anh đang cầm, rằng anh trao cho em lòng trung thành của anh. Nếu anh giơ tay đánh em dù để chống trả hay trong cơn giận dữ, lưỡi dao thiêng liêng này sẽ xuyên thủng trái tim anh.” Anh hôn vào chỗ nối giữa cán và lưỡi dao rồi trả nó lại cho tôi.

“Anh không đe dọa sông, Sassenach,” anh nói, nhướn một bên lông mày, “và anh cũng không thề hã. Nào, chúng ta có thể đi ngủ chứ?”

23

Trở về Loech

Dougal đang bước qua bước lại về sốt ruột trước quán Lợn Lòi Đỏ để đợi chúng tôi.

“Cô đã làm được, đúng không?” Ông ta hỏi, nhìn tôi với vẻ tán đồng khi tôi xuống ngựa mà không cần trợ giúp, chỉ hơi loạng choạng một chút. “Quả là một cô gái dũng cảm - đi mười dặm đường mà không nhăn nhó lấy một cái. Về giường của cô đi; cô xứng đáng với điều đó. Jamie và ta sẽ dẫn lũ ngựa vào chuồng.” Ông ta vỗ vỗ mông tôi rất nhẹ nhàng để xua tôi đi. Tôi mừng rỡ làm theo lời đề nghị của ông ta và thiếp ngủ gần như trước cả khi đầu chạm xuống gối.

Tôi không trở mình khi Jamie bò lên nằm cạnh tôi, nhưng choàng tỉnh vào buổi xế chiều, tin rằng mình đã quên mất một điều gì đó quan trọng.

“Horrocks!” Tôi chột thốt lên, ngồi bật dậy.

“Hả?” Jamie giật mình tỉnh dậy từ giấc ngủ say, nhảy vọt xuống giường, cúi người nhặt con dao găm mà anh đã bỏ lại trên đồng quần áo chất đống ở cái ghế đầu dưới sàn. “Cái gì vậy?” Anh hỏi, nhìn loạn quanh phòng. “Chuyện gì thế?”

Tôi nén cười trước hình ảnh anh trần truồng khom người trên sàn, mái tóc đỏ dựng đứng như những cái lông ngỗng.

“Trông anh như một con nhím đang xù lông vậy,” tôi nói.

Anh lườm tôi và đứng thẳng người, ném trả con dao lên cái ghế đầu.

“Em không thể đợi đến lúc anh thức dậy rồi mới nói với anh điều đó sao?” Anh hỏi. “Em nghĩ nếu em hét lên “Con nhím^[93]” bên tai anh và đánh thức anh từ giấc ngủ say thì sẽ tạo ấn tượng hơn à?”

“Không phải là “Con nhím”,” tôi giải thích. “Mà là Horrocks. Em chợt nhớ ra mình quên hỏi anh về hắn ta. Anh có gặp hắn ta không?”

Anh ngồi xuống giường, vùi đầu vào hai bàn tay và xoa mặt dữ dội như để cho máu lưu thông.

“Ồ, có,” anh nói qua những ngón tay đang xoa bóp. “Anh có gặp hắn.”

Qua giọng nói của anh, tôi có thể nhận ra thông tin mà kẻ đào ngũ đó mang lại chẳng tốt lành gì.

“Hắn không nói với anh điều gì ư?” Tôi hỏi với vẻ cảm thông. Luôn có khả năng như vậy, dù Jamie sẵn sàng bỏ ra không chỉ tiền bạc của anh, một chút tiền của Dougal và Colum, mà thậm chí cả cái nhẫn của cha anh nếu cần.

Jamie nằm ngửa ra bên cạnh tôi, nhìn chăm chăm lên trần.

“Không,” anh nói. “Hắn có nói với anh. Với một cái giá hợp lý.”

Tôi nghiêng người, chống một bên khuỷu tay để nhìn vào mặt anh.

“Chà, thế nào?” Tôi hỏi. “Ai đã bắn viên thương sĩ?”

Anh nhìn tôi và mỉm cười, hơi dữ tợn.

“Randall,” anh nói và nhắm mắt lại.

“Randall ư?” Tôi ngây ngô nói. “Nhưng tại sao?”

“Anh không biết,” anh nói, đôi mắt vẫn nhắm chặt. “Anh có thể đoán, nhưng điều đó không quan trọng lắm. Cũng chẳng có căn cứ gì để chứng minh.”

Tôi buộc phải đồng ý với anh điều này. Tôi nằm phịch xuống giường và nhìn chăm chăm lên những thanh xà bằng gỗ sồi màu đen của cái trần thấp.

“Vậy tiếp theo anh sẽ làm gì?” Tôi hỏi. “Tới Pháp? Hoặc có lẽ” - một ý nghĩ tươi sáng nảy ra trong đầu tôi - “tới Mĩ? Anh có thể sống một cách thoải mái ở Tân Thế Giới.”

“Băng qua đại dương ư?” Anh thoáng rùng mình. “Không. Không, anh không thể làm thế.”

“Chà, vậy thì làm gì đây?” Tôi hỏi, quay sang nhìn anh. Anh mở một mắt, lờm tôi.

“Ban đầu anh cứ nghĩ mình sẽ được ngủ thêm một tiếng nữa,” anh nói, “nhưng rõ ràng là không thể.” Anh ngồi dậy với vẻ cam chịu, dựa lưng vào tường. Lúc này tôi quá mệt nên đã không lột ga trải giường ra trước khi nằm, và bây giờ bỗng thấy một đốm đen đáng ngờ trên cái chăn gần đầu gối anh. Tôi thận trọng nhìn chăm chăm vào nó trong lúc anh nói.

“Em nói đúng,” anh đồng ý, “chúng ta có thể sang Pháp.”

Tôi giật mình vì thoáng quên mất rằng dù anh quyết định điều gì thì cũng liên quan đến tôi.

“Nhưng tới đó anh chẳng biết làm gì,” anh nói, lơ đãng gãi đầu. “Trừ việc đi lính, mà cuộc sống như thế không phù hợp với em. Hoặc tới Rome, gia nhập triều đình của Vua James. Điều này thì khả thi hơn; anh có vài người chú bác và anh em họ đăng nội ở đó, họ sẽ giúp anh. Anh không thích chính trị, càng không thích các ông hoàng, nhưng đó là một khả năng. Tuy nhiên, anh muốn cố gắng lấy lại sự trong sạch cho mình ở Scotland trước đã. Nếu làm được, tệ nhất thì anh có thể trở thành một chủ trại nhỏ trên lãnh địa của thị tộc Fraser; nếu may mắn, anh có thể trở lại Lallybroch.” Khuôn mặt anh u ám, và tôi biết anh đang nghĩ đến chị gái. “Nếu chỉ có một mình anh,” anh khẽ nói, “anh sẽ không về đây đâu, nhưng bây giờ anh không chỉ có một mình nữa.”

Anh nhìn tôi, mỉm cười, giơ tay nhẹ nhàng vuốt tóc tôi. “Đôi khi anh quên mất là bây giờ anh còn có em, Sassenach,” anh nói.

Tôi cảm thấy vô cùng khó chịu. Thậm chí, tôi cảm thấy mình giống như một kẻ phản bội. Anh đang lập những kế hoạch sẽ ảnh hưởng đến cả cuộc đời mình, tính toán đến sự thoải mái và an toàn của tôi, trong khi tôi lại cố hết sức để rời bỏ anh, có lúc còn kéo anh vào vòng nguy hiểm. Tuy tôi không cố tình nhưng sự thật vẫn là sự thật. Ngay cả bây giờ, tôi đang

ngĩ mình nên cố gắng thuyết phục anh đừng đi sang Pháp, vì như thế tôi sẽ phải rời xa mục tiêu của mình: vòng tròn đá.

“Nhưng có cách nào để ở lại Scotland không?” Tôi hỏi mà không nhìn anh. Hình như đốm đen trên cái chăn đã di chuyển, nhưng tôi không chắc chắn. Tôi gắn chặt mắt vào nó, nhìn chăm chú.

Bàn tay Jamie lần xuống vuốt ve cổ tôi.

“Có,” anh trầm ngâm nói. “Có thể có. Đó là lý do Dougal đợi anh; ông ấy có vài tin tức.”

“Thật ư? Tin gì vậy?” Tôi ngoảnh nhìn anh; động tác ấy khiến tai tôi nằm trong tầm với của những ngón tay anh, và anh bắt đầu khẽ mơn man quanh tai tôi, khiến tôi muốn rướn cổ và kêu grừ grừ như một con mèo. Nhưng tôi kìm nén thôi thúc đó để xem anh định làm gì.

“Người đưa tin của Colum,” anh nói, “đã tình cờ gặp Dougal trên đường đi. Dougal phải trở về Leoch ngay và để Ned Gowan xử lý nốt việc thu tô. Dougal rủ chúng ta về cùng ông ấy.”

“Trở về Leoch?” Đó không phải là nước Pháp, nhưng cũng không tốt hơn là bao. “Tại sao?”

“Sắp có một vị khách đến thăm, một nhà quý tộc người Anh đã giao du với Colum từ trước. Ông ta là một người có quyền lực, và chúng ta có thể thuyết phục ông ta giúp đỡ anh. Anh chưa bị xét xử hoặc bị kết tội giết người. Ông ta có thể bác bỏ vụ đó, hoặc thu xếp để anh được tha bổng.” Anh cười vẻ giễu cợt. “Hơi nực cười khi được tha một tội mà anh không phạm phải, nhưng thà như thế còn tốt hơn là bị treo cổ.”

“Vâng, đúng vậy.” Đốm đen *đang* di chuyển. Tôi nheo mắt, cố tập trung vào nó. “Nhà quý tộc người Anh đó là ai thế?”

“Công tước Sandringham.”

Tôi bật thẳng người dậy và hét lên.

“Có chuyện gì vậy, Sassenach?” Jamie giật mình hỏi.

Tôi run rẩy chỉ vào đốm đen, nó đang bò lên chân anh một cách chậm chạp nhưng đầy kiên quyết.

“Cái gì thế?” Tôi nói.

Anh liếc nhìn nó và hờ hững búng nó đi.

“Ồ, cái đó hả? Nó chỉ là một con rệp thôi, Sassenach. Chẳng có gì phải...”

Anh ngừng lời khi tôi đột ngột bỏ chạy. Vừa nghe thấy từ “rệp”, tôi đã lao bản ra khỏi chăn và đứng nép mình vào tường, tránh xa hết mức có thể khỏi cái giường mà tôi coi là một cái ổ lúc nhúc bọ rệp.

Jamie nhìn tôi vẻ thích thú.

“Trông em giống một con nhím xù lông chưa kìa?” Anh nói, nghiêng đầu sẫm soi tôi. “Ừm,” anh vuốt tóc mình. “Ít nhất thì tóc em cũng xù. Lúc nào thức dậy trông em cũng như vậy.” Anh lăn người về phía tôi, giơ tay ra.

“Lại đây nào, bông tai^[94] bé nhỏ của anh. Chúng ta sẽ không rời đi trước lúc hoàng hôn. Nếu chúng ta không định ngủ...”

Cuối cùng, chúng tôi cũng được ngủ thêm một chút, yên bình quấn chặt nhau dưới sàn, trên một cái giường cứng nhưng không có bọ rệp được tạo thành từ cái áo choàng của tôi và cái váy của Jamie.

...

Thật may là chúng tôi đã tranh thủ ngủ khi có cơ hội. Vì nóng lòng muốn về tới lâu đài Leoch trước khi Công tước Sandringham đến, Dougal phi ngựa hết tốc lực và đặt ra một lịch trình khiến người ta kiệt sức. Dù đường xấu nhưng vì không phải mang theo những cỗ xe nên chúng tôi đi nhanh hơn nhiều. Vậy mà Dougal vẫn cứ thúc giục, chỉ cho chúng tôi dừng lại để nghỉ ngơi trong thoáng chốc.

Lúc cưỡi ngựa qua những cánh cổng của lâu đài Leoch, chúng tôi xốc xếch gần giống như lần đầu tiên tới đây, và chắc chắn cũng mệt mỏi y như vậy.

Tôi trườn xuống ngựa khi đã vào đến sân trong, và phải bám vào bàn đạp để khỏi ngã. Jamie đỡ lấy khuỷu tay tôi, và khi nhận ra tôi không đứng nổi, anh bế thốc tôi lên, đi qua cánh cửa tò vò, để mặc những người giữ ngựa lo liệu cho lũ ngựa.

“Em có đói không, Sassenach?” Anh ngừng lại trong hành lang, hỏi tôi. Khu bếp nằm ở một hướng, cầu thang tới buồng ngủ lại nằm ở một hướng khác. Tôi rên rỉ, cố gắng giương mắt lên. Tôi đang đói, nhưng cũng biết rằng mình sẽ gục mặt xuống món xúp nếu cố ăn gì đó trước khi ngủ.

Có tiếng sột soạt và tôi mệt mỏi mở mắt, nhìn thấy thân hình đồ sộ của bà FitzGibbons bất ngờ xuất hiện ở bên cạnh.

“Chao ôi, chuyện gì xảy ra với cô bé tội nghiệp này thế?” Bà hỏi Jamie. “Cô ấy bị tai nạn gì đó à?”

“Không, chỉ là cô ấy đã lấy cháu,” anh nói, “nhưng nếu bác muốn gọi đó là một “tai nạn” thì cũng được.” Anh dịch sang một bên để len qua đám người đang dần đông lên, gồm những cô hầu bếp, người giữ ngựa, đầu bếp, thợ làm vườn, kỵ binh và các cư dân khác trong lâu đài, tất cả bọn họ đều tò mò kéo đến chứng kiến cảnh tượng này vì những câu hỏi lớn tiếng của bà Fitz.

Sau khi quyết định, Jamie hối hả rảo bước về phía bên phải, hướng tới cầu thang, vừa đi vừa trả lời hàng tràng câu hỏi đến từ mọi phía. Còn tôi chẳng biết làm gì hơn ngoài việc gật đầu với những lời chào mừng khắp xung quanh, dù hầu hết các khuôn mặt đều có vẻ vừa thân thiện vừa hiếu kỳ.

Khi chúng tôi rẽ ở một khúc ngoặt trên hành lang, tôi trông thấy một khuôn mặt có vẻ thân thiện hơn nhiều so với những người còn lại. Đó là cô nàng Laoghaire. Khuôn mặt cô ta bừng sáng và rạng rỡ khi nghe thấy giọng nói của Jamie, nhưng đôi mắt cô ta chột mở to và khuôn miệng vốn chúm chím như nụ hồng há hốc trông đến là khó coi khi cô ta nhìn thấy thứ mà anh đang ôm trên tay.

Tuy nhiên, cô ta chưa kịp hỏi han gì thì sự huyền ảo và om sòm quanh chúng tôi đột ngột ngừng lại. Jamie cũng dừng bước. Ngẩng đầu lên, tôi thấy khuôn mặt sừng sốt của Colum đang ở ngang tầm với mặt tôi.

“Cái...” Ông ta bắt đầu nói.

“Họ đã kết hôn,” bà Fitz rạng rỡ giải thích. “Thật là tuyệt vời! Ngài có thể chúc phúc cho họ, thưa ngài, trong lúc tôi sửa soạn một căn phòng.” Bà quay đi, bước về phía cầu thang, chừa lại một khoảng trống đáng kể trong đám đông, qua đó tôi có thể nhìn thấy khuôn mặt trắng bệch như bột nhào của cô nàng Laoghaire.

Colum và Jamie đang nói chuyện cùng nhau, những câu hỏi và những lời giải thích va vào nhau chan chát giữa không trung. Tôi bắt đầu tỉnh táo, dù chưa hoàn toàn.

“Chà,” Colum nói, không hấn tán đồng, “nếu cháu đã kết hôn thì cũng tốt thôi. Ta sẽ phải nói chuyện với Dougal và Ned Gowan - có những vấn đề liên quan đến luật pháp cần phải lo liệu. Theo những điều khoản trong hôn ước của mẹ cháu, cháu có một vài quyền lợi khi lấy vợ.

Tôi cảm thấy Jamie hơi thẳng người lên.

“Vì cậu đã đề cập đến chuyện đó,” anh nói với vẻ hồ hững, “cháu tin nó là thật. Và một trong những quyền lợi của cháu là được hưởng một phần tiền tô hàng quý của thị tộc MacKenzie. Cậu Dougal đã mang về những gì cậu ấy thu được, cậu bảo cậu ấy để riêng cho cháu một phần khi cậu ấy tính toán nhé? Bây giờ, mong cậu thứ lỗi, thưa cậu, vợ cháu đang mệt.” Và sau khi xốc tôi lên một tư thế chắc chắn hơn, anh quay người về phía cầu thang.

...

Tôi loạng choạng băng ngang căn phòng, chân vẫn còn run run, và sung sướng thả mình xuống cái giường lớn có màn treo dành riêng cho cặp vợ chồng mới cưới. Nó thật mềm mại, quyến rũ và sạch sẽ - nhờ sự cẩn trọng của bà Fitz. Tôi băn khoăn không biết liệu có nên cố gắng trở dậy để rửa mặt trước khi chịu khuất phục trước cơn buồn ngủ hay không.

Tôi vừa mới quyết định sẽ chỉ dậy để đi vệ sinh chứ không làm gì hơn nữa thì thấy Jamie đang đi về phía cửa. Anh không chỉ rửa mặt và tay mà còn chải tóc nữa.

“Anh không định ngủ à?” Tôi gọi. Cho dù không bị đau hông như tôi nhưng ít nhất anh cũng phải mệt bằng tôi chứ!

“Lát nữa, Sassenach. Anh phải làm việc này trước đã.” Anh đi ra ngoài, để lại tôi nhìn chăm chăm vào cánh cửa gỗ sồi với cảm giác vô cùng khó chịu. Tôi đang nhớ lại vẻ mặt hờ hững của Laoghaire khi cô ta mới nghe thấy giọng Jamie, và vẻ ngạc nhiên xen lẫn giận dữ khi cô ta nhìn thấy tôi được nâng niu trong vòng tay anh. Tôi nhớ lại sự căng thẳng thoáng qua của anh khi trông thấy cô ta, và ước ao rằng mình có thể nhìn thấy khuôn mặt anh lúc đó. Giờ này anh không nghỉ ngơi mà lại rửa ráy và chải chuốt, chắc là đi tìm cô ta để thông báo về cuộc hôn nhân của mình. Nếu lúc đó tôi nhìn thấy mặt anh, ít ra tôi cũng lờ mờ đoán được anh sẽ nói gì với cô ta.

Những sự kiện của cả tháng qua đã chiếm hết tâm trí tôi, khiến tôi quên hẳn cô ta và việc cô ta có ý nghĩa thế nào đối với Jamie hoặc ngược lại. Dầu vậy, tôi đã nghĩ về cô ta khi cuộc hôn nhân bất ngờ của chúng tôi lần đầu được nhắc đến, và khi đó Jamie chẳng tỏ dấu hiệu gì cho thấy cô ta là một sự trở ngại ở phía anh.

Tuy nhiên, nếu cha cô ta không cho phép cô ta lấy một kẻ ngoài vòng pháp luật, và nếu Jamie cần một người vợ để được hưởng một phần tiền tô của thị tộc Mackenzie... Chà, trong trường hợp đó thì lấy người nào làm vợ cũng như nhau cả thôi, và chắc chắn anh sẽ lấy những gì mình có thể nhận được. Tôi nghĩ bây giờ tôi đã hiểu Jamie đủ rõ để thấy rằng tính thực tế đã ăn sâu vào máu anh - như là lẽ đương nhiên đối với một người đàn ông đã phải chạy trốn suốt mấy năm qua. Tôi nghĩ những quyết định của anh sẽ không bị lung lay bởi tình cảm hay sự thu hút của đôi gò má thắm như cánh hồng và mái tóc óng như vàng lỏng. Nhưng điều đó không có nghĩa là tình cảm và sự thu hút ấy không tồn tại.

Suy cho cùng, tôi đã từng chứng kiến cảnh tượng trong hốc tường hôm ấy, khi Jamie ôm cô gái trên đui và hôn cô ta nồng cháy. *(Anh đã từng ôm đàn bà trong tay, giọng anh vang vọng trong đầu tôi, việc đó thực sự rất thú vị, khiến tim anh đập thình thịch và hơi thở trở nên gấp gáp...)* Hai bàn tay tôi bỗng siết chặt, nổi gân xanh gân vàng. Đến lúc thả tay ra và chùi tay vào váy, tôi mới nhận ra chúng bẩn thế nào. Chúng bám đầy bụi đất sau hai ngày cầm cương ngựa mà không được rửa ráy.

Tôi đứng dậy, đi tới chậu rửa, quên băng sự mệt mỏi của mình. Tôi hơi ngạc nhiên khi nhận thấy mình ghét cay ghét đắng cái ký ức về việc Jamie hôn Laoghaire. Tôi bỗng nghĩ tới những gì anh đã nói về chuyện đó - *thà kết hôn còn hơn để lửa lòng rực cháy, lúc đó anh đang cháy rừng rực rồi.* Lòng tôi cũng đang rạo rực, cả người đỏ bừng khi nhớ đến nụ hôn của Jamie trên môi tôi. Thực sự rạo rực.

Tôi vã nước lên mặt, thổi phì phì, cố gắng xua tan cảm giác ấy. Tôi kiên quyết tự nhắc nhở mình rằng tôi không có quyền gì đối với tình cảm của Jamie. Tôi lấy anh vì hoàn cảnh bắt buộc. Và anh lấy tôi vì những lý do riêng, một trong số đó là mong muốn thay đổi tình trạng “còn tân”.

Một lý do rõ rệt khác là anh cần một người vợ để thu về phần lợi tức của mình, nhưng anh không thể thuyết phục được cô gái người Scot nào lấy anh. Dù lý do đầu tiên cũng chẳng có gì đáng tự hào nhưng so với lý do này thì nó vẫn có vẻ ít mất mặt hơn.

Bây giờ đã khá tỉnh táo, tôi chậm rãi thay bộ đồ đi đường lấm lem sang một cái váy lót mới tinh mà lúc này những người hầu của bà Fitz đã mang đến cùng với chậu rửa và bình nước. Làm thế nào mà bà xoay xở sắp xếp được phòng ở cho một cặp đôi mới cưới chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi từ lúc Jamie đột ngột thông báo với Colum đến lúc chúng tôi leo lên cầu thang? Đó vẫn còn là một trong những bí ẩn của các thời đại. Bà Fitz ắt hẳn sẽ làm rất tốt vai trò của mình khi quản lý khách sạn Waldorf-Astoria hay London Ritz.

Những suy tưởng ấy khiến tôi đột nhiên cảm thấy cô đơn hơn nhiều so với những ngày qua. *Mình đang làm gì ở đây?* Tôi tự hỏi lần thứ một nghìn. Phiêu bạt và trơ trọi giữa những thứ hoang dã ở nơi chôn kỳ lạ này, cách xa nhà cửa, chồng, bạn bè và tất cả những gì quen thuộc? Tôi đã bắt đầu cảm thấy an toàn và thậm chí còn có những giây phút hạnh phúc với Jamie trong mấy tuần qua. Nhưng giờ đây, tôi nhận ra hạnh phúc dường như chỉ là một ảo ảnh, cho dù sự an toàn vẫn còn đó.

Tôi chắc chắn anh sẽ làm tròn những gì mà anh cho là trách nhiệm của mình và tiếp tục bảo vệ tôi khỏi bất cứ mối nguy hại nào đe dọa. Nhưng khi trở về đây từ tháng ngày biệt lập như trong mơ giữa trập trùng đồi núi hoang vu, những con đường bụi bặm, những quán trọ bẩn thỉu và những đồng cỏ khô thơm ngát, hẳn là anh cảm nhận được sức hấp dẫn của những mối liên hệ cũ, giống như tôi bây giờ. Chúng tôi đã rất gần gũi với nhau trong một tháng hôn nhân vừa qua, nhưng tôi cảm thấy sự gần gũi ấy đã rạn nứt bởi sự căng thẳng của mấy ngày mới rồi, và nghĩ nó có thể tan vỡ hoàn toàn vào lúc này, khi chúng tôi đã trở lại cuộc sống thực tại ở lâu đài Leoch.

Tôi tựa đầu vào khung cửa sổ, nhìn ra sân. Alec McMahon và hai chàng trai giữ ngựa đang ở đầu đằng kia, chăm sóc cho mấy con ngựa mà chúng tôi đã cưỡi. Suốt hai ngày qua, đến bây giờ chúng mới được ăn uống đầy đủ, vì thế chúng tỏ vẻ thỏa mãn khi được những bàn tay hăng hái chải lớp lông bóng mượt hai bên sườn và lau chùi bụi bẩn khỏi khuỷu chân sau với khuỷu trên móng bằng những búi rơm. Một cậu bé phụ việc dẫn con Thistle mập mạp của tôi đi, nó vui vẻ theo sau cậu ta tới chỗ nghỉ ngơi xứng đáng của mình trong chuồng ngựa.

Cùng đi với nó là những hy vọng bỏ trốn và trở về nhà của tôi. Ôi, Frank! Tôi nhắm mắt, một giọt lệ lăn xuống cánh mũi. Sau đó, tôi mở to mắt nhìn ra sân, chớp chớp rồi lại nhắm chặt, cố gắng đến điên cuồng nhớ lại những đường nét của Frank. Trong một thoáng, khi nhắm mắt lại, tôi không chỉ thấy người chồng thân thương của mình mà còn cả tổ tiên của anh - Jack Randall - nữa, đôi môi mọng của hắn nhếch lên một nụ cười nhạo báng. Thầm hốt hoảng vì hình ảnh đó, trong đầu tôi lập tức hiện ra

khuôn mặt đầy sợ hãi và giận dữ của Jamie giống như lúc tôi thấy anh ở cửa sổ văn phòng riêng của Randall. Dù đã cố gắng hết sức, tôi vẫn không thể khơi lên hình ảnh mà tôi nhớ về Frank.

Đột nhiên thấy lạnh người vì kinh hoàng, tôi bèn vòng tay ôm lấy mình. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi trốn thoát thành công và tìm được đường tới vòng tròn đá? Và chuyện gì sẽ xảy ra sau đó? Tôi hy vọng Jamie sẽ sớm tìm thấy sự an ủi - với Laoghaire, có lẽ vậy. Trước đây, tôi đã lo lắng về phản ứng của anh khi phát hiện tôi biến mất. Nhưng ngoài khoảnh khắc hối hận thoáng qua bên bờ suối ngày hôm đó, tôi chưa từng tự hỏi mình sẽ cảm thấy thế nào khi rời xa anh.

Tôi vẫn mơ hết buộc rồi lại cởi sợi ruy băng ở cổ váy lót. Nếu tôi có ý định rời đi, sẽ chẳng tốt đẹp gì cho cả tôi lẫn Jamie khi thắt chặt sự gắn bó giữa hai chúng tôi. Tôi không nên để cho anh yêu tôi.

Đây là trong trường hợp anh nảy sinh tình cảm yêu đương với tôi, tôi nghĩ, lại nhớ đến Laoghaire và cuộc đối thoại của Jamie với Colum. Nếu anh lấy tôi với một cái đầu lạnh, như có vẻ thế vậy thì có lẽ những cảm xúc của anh không đáng lo ngại bằng những cảm xúc của tôi.

Giữa sự mệt mỏi, đói khát, thất vọng và ngờ vực, tôi đã tự khiến mình rơi vào tình trạng sầu não đến nỗi không thể ngủ cũng không thể ngồi yên. Thay vào đó, tôi rầu rĩ đi thò thẩn quanh phòng, hết cầm lên rồi lại đặt xuống các món đồ vật.

Cơn gió lùa qua cánh cửa mở làm chao đảo chiếc lược mà tôi vừa dựng lên, thông báo Jamie đã trở về. Mặt anh hơi đỏ và trông anh có vẻ phấn khích đến kỳ lạ.

“Ồ, em còn thức cơ à,” anh nói, tỏ rõ vẻ ngạc nhiên và bối rối.

“Vâng,” tôi xãng giọng. “Anh hy vọng em đang ngủ để anh có thể quay lại với cô ta chứ gì?”

Lông mày anh nhíu lại trong một thoáng, rồi nhướn lên dò hỏi. “Cô ta? Ý em là Laoghaire hả?”

Nghe thấy tên cô ta được thốt ra một cách thản nhiên bằng chất giọng vùng cao du dương đó - “L’heer” - tôi đột nhiên nổi giận.

“Ồ, vậy là anh đã ở với cô ta!” Tôi gắt gỏng.

Jamie có vẻ bối rối, thận trọng và hơi bức tức. “Ừ,” anh nói. “Anh gặp cô ấy ở cầu thang lúc anh ra ngoài. Em có ổn không, Sassenach? Trông em hơi khó chịu.” Anh nhìn tôi với ánh mắt dò xét. Tôi nhấc cái gương lên, thấy rằng tóc tôi đang xù lên bờm xờm quanh đầu và dưới mắt có những quầng thâm. Tôi đặt cái gương xuống đánh cạch một tiếng.

“Không, em hoàn toàn bình thường,” tôi nói, cố gắng kiềm chế. “Còn Laoghaire thế nào?” Tôi hỏi, vờ hờ hững.

“Ồ, khá tươi tắn,” anh nói, dựa người vào cửa, khoanh tay trước ngực, nhìn tôi với vẻ suy đoán. “Cô ấy hơi ngạc nhiên khi nghe tin chúng ta đã cưới nhau.”

“Tươi tắn,” tôi nói, hít sâu một hơi, rồi ngẩng lên và thấy anh đang nhe răng cười.

“Không phải là em đang lo lắng về cô ta đấy chứ, Sassenach?” Anh tinh ý hỏi. “Cô ta chẳng là gì đối với em - hay với anh,” anh nói thêm.

“Ồ, không ư? Cô ta sẽ không - hoặc không thể - kết hôn với anh. Anh phải lấy ai đó, vì vậy anh đã cưới em khi có cơ hội. Em không trách anh vì điều đó” - không hẳn là tôi không trách - “nhưng em...”

Anh bước hai bước ngang qua căn phòng và cầm lấy tay tôi, ngắt ngang lời tôi. Anh đặt một ngón tay bên dưới cằm tôi và ép tôi ngẩng lên.

“Claire,” anh điềm tĩnh nói, “khi nào đến lúc, anh sẽ nói với em lý do tại sao anh lại cưới em. Anh đã đề nghị em thành thật với anh, và anh cũng sẽ như vậy với em. Cô gái ấy không có quyền đòi hỏi điều gì ở anh ngoài trừ sự lịch thiệp.” Anh siết nhẹ cằm tôi. “Và anh tôn trọng cái quyền duy nhất đó của cô ấy.” Anh buông cằm tôi ra và khẽ gãi nhẹ nó. “Em có nghe anh không, Sassenach?”

“Ồ, em có nghe!” Tôi giật ra, phần nộ xoa xoa cằm. “Và em chắc chắn anh sẽ rất lịch sự với cô ta. Nhưng lần sau nhớ kéo rèm che cái hốc tường lại - em không muốn nhìn thấy cảnh tượng ấy.”

Đôi lông mày màu đồng nhướng lên, và khuôn mặt anh hơi ửng đỏ.

“Em đang ám chỉ rằng anh đã lừa dối em đây à?” Anh nói, vẻ không tin. “Chúng ta mới về lâu đài chưa đầy một giờ, anh còn đang đầy mồ hôi và lấm lem bụi đất sau hai ngày ngồi trên yên ngựa, mệt đến nỗi đầu gối bủn rủn, vậy mà em nghĩ anh có hơi sức đi quyến rũ một cô gái mười sáu tuổi ư?” Anh lắc đầu, kinh ngạc. “Không biết là em có ý khen ngợi bản lĩnh đàn ông hay xúc phạm tư cách đạo đức của anh, Sassenach, nhưng cả hai điều đó anh đều không thích. Murtagh nói phụ nữ thật vô lý, nhưng Chúa ơi!” Anh cào cào tóc, khiến chúng xù lên rối bù.

“Em không nói là em nghĩ anh đang quyến rũ cô ta.” Tôi nói, cố gắng giữ giọng điềm tĩnh. “Ý em là...” Tôi chợt nhớ ra rằng Frank đã xử lý vấn đề này khéo léo hơn tôi nhiều, tuy nhiên lúc đó tôi vẫn rất giận dữ. Có vẻ như chẳng có cách nào để ám chỉ một khả năng như thế với người bạn đời của mình.

“Ý em chỉ đơn giản là... em nhận ra anh lấy em vì một vài lý do - và đó là chuyện riêng của anh,” tôi vội nói thêm, “em chẳng có quyền gì đối với anh cả. Anh hoàn toàn tự do làm những gì mình muốn. Nếu anh... nếu ở đâu đó có một đối tượng hấp dẫn anh... ý em là... em sẽ không cản trở,” tôi kết thúc một cách rời rạc. Máu dồn lên má tôi nóng bừng và tôi cảm thấy tai mình như đang bốc cháy.

Khi nhìn lên, tôi thấy rằng đôi tai của Jamie cũng đang đỏ gay, cổ và mặt anh cũng vậy. Ngay cả đôi mắt vẫn tia máu vì thiếu ngủ cũng có vẻ sáng rực.

“Không có quyền với anh ư!” Anh thốt lên. “Vậy em nghĩ lời thề hôn nhân là cái gì vậy? Chỉ là những lời nói suông trong nhà thờ thôi à?” Anh động nắm đấm xuống mặt tủ com một khiến cho cái bình gốm đặt trên đó

lung lay. “Không có quyền,” anh lẩm bầm, như thể đang nói với chính mình. “Tự do làm những gì mình muốn. Và em sẽ không cản trở?”

Anh cúi xuống cởi giày, nhắc chúng lên và vận hết sức ném từng chiếc vào tường. Tôi nhắm mắt khi mỗi chiếc va huých vào mặt tường đá rồi nảy xuống sàn. Anh giật phăng chiếc áo choàng len trên người, ném bừa ra đằng sau. Rồi anh tiến về phía tôi, trừng mắt.

“Vậy ra em không có quyền gì với anh ư, Sassenach? Em sẽ để mặc anh tự do thỏa mãn niềm khoái lạc của mình ở bất cứ nơi nào anh thích, đúng không? Đúng không?” Anh hỏi.

“Ờ, đúng,” tôi nói, vô thức lùi lại một bước. “Ý em là thế đấy!” Anh tóm lấy hai cánh tay tôi, lòng bàn tay chai sần nóng đến mức khiến tôi phải rụt người lại.

“Chà, dù em không có quyền gì với anh, Sassenach,” anh nói, “nhưng anh lại có quyền với em! Lại đây!” Anh ôm trọn mặt tôi và đặt môi lên môi tôi. Nụ hôn vừa không dễ chịu vừa chẳng dịu dàng. Tôi vùng vẫy, cố gắng giăng ra.

Anh cúi xuống, bế thốc tôi lên, chẳng màng đến sự quấy đạp của tôi. Tôi đã không nhận ra anh khỏe ghê gớm đến thế!

“Thả em ra!” Tôi nói. “Anh nghĩ anh đang làm cái gì thế?”

“Ờ, anh tưởng điều đó đã quá rõ ràng rồi, Sassenach,” anh nghiêng răng nói, cúi đầu xuống, ánh mắt xoáy sâu vào tôi như một thanh sắt nóng. “Nhưng nếu em muốn anh trả lời,” anh nói tiếp, “anh định đưa em lên giường. Ngay bây giờ. Và giữ em ở đó cho đến khi em biết được anh có quyền gì với em.” Rồi anh lại cố ý hôn tôi một cách ngẫu nhiên, chặn đứng lời phản đối của tôi.

“Em không muốn ngủ với anh!” Tôi nói khi anh rời miệng ra.

“Anh không định ngủ, Sassenach,” anh điềm tĩnh đáp. “Chưa phải lúc.” Anh đã tới giường và cẩn thận đặt tôi xuống chiếc chăn có hoa văn hình hoa hồng.

“Anh thừa biết ý em là gì!” Tôi lăn tròn, định xuống giường từ phía bên kia, nhưng bàn tay rắn chắc của anh đã siết chặt vai tôi, xoay người tôi lại đối diện với anh. “Em cũng không muốn làm tình với anh!”

Đôi mắt xanh sáng rực nhìn sát vào tôi, và cổ họng tôi khản đặc.

“Anh đâu có hỏi em muốn hay không muốn, Sassenach,” anh trả lời, giọng nói khê đến mức nguy hiểm. “Em là vợ anh, anh đã nói với em điều này quá nhiều lần rồi. Dẫu em không muốn cưới anh nhưng em đã chấp nhận. Nếu lúc bấy giờ em không để ý thì để anh nhắc lại cho em rõ, trong lời thề của em có cả từ “tuân lệnh”. Em là vợ anh, anh sẽ ngủ với em bất cứ lúc nào anh muốn, quỷ tha ma bắt em đi!” Giọng anh cao vút lên, nghe như đang quát tháo.

Tôi bò dậy, hai năm đấm cuộn lại hai bên, quát trả anh. Nỗi phiền não bị kiềm chế trong suốt một giờ đồng hồ vừa rồi đã lên đến đỉnh điểm, tôi bèn trút thẳng lên người anh.

“Em *thà* chết còn hơn là thỏa mãn *anh*, đồ con lợn hà hiếp kẻ yếu! Anh nghĩ anh có thể ra lệnh cho em lên giường với anh sao? Coi em như một con điếm khi anh muốn? Chà, không được đâu, đồ con hoang khốn kiếp! Nếu làm vậy thì anh không khác gì gã Đại úy Randall quý báu của anh đâu!”

Anh trừng mắt với tôi trong một thoáng rồi đột ngột đứng sang một bên. “Vậy thì đi đi,” anh nói, hất đầu về phía cửa. “Nếu em nghĩ anh như thế thì đi đi! Anh sẽ không cản em đâu.”

Tôi ngật ngừng trong giây lát, quan sát anh. Răng anh nghiến chặt vì giận dữ, trông anh cứ như tượng thần mặt trời ở Rhodes^[95] vậy. Mặc dù anh đang phẫn nộ như lúc ở ven đường gần Doonesbury nhưng lần này, cơn giận của anh được kiềm chế mạnh mẽ. Tuy nhiên, những lời anh nói là thực lòng. Nếu tôi bỏ đi, anh sẽ không ngăn cản tôi.

Tôi hếch cằm lên, cũng nghiến chặt răng. “Không,” tôi nói. “Không. Em không đi đâu hết. Và em không sợ anh.”

Ánh mắt anh dán chặt vào cổ họng tôi, nơi mạch của tôi đang đập thình thịch.

“Ừ, anh biết,” anh nói, nhìn tôi chăm chăm, khuôn mặt dần dịu đi, vẻ miễn cưỡng mặc nhận. Rồi anh rón rén ngồi xuống giường, giữ một khoảng cách đáng kể với tôi, còn tôi thì thận trọng ngồi dịch về đằng sau. Anh thở sâu vài lần trước khi nói, khuôn mặt đã gần như trở về với màu đồng vốn có.

“Anh cũng không đi, Sassenach,” anh khàn khàn nói. “Hôm trước, em gọi anh là kẻ bạo dân. Vậy bạo dân có nghĩa là gì?”

Tôi nín cười. “Đó, ờ, đó là một kẻ... ờ, có được khoái cảm từ việc làm người khác đau đớn.” Mặt tôi đỏ bừng, nhưng khóe miệng khẽ nhếch lên.

Jamie thoáng hừ mũi. “Chà, em cũng không tâng bốc anh nhiều lắm,” anh nói, “nhưng anh không thể trách những lời chỉ trích của em.” Anh hít sâu một hơi và ngả người ra sau, xòe hai bàn tay ra. Rồi anh đặt tay lên đầu gối, nhìn thẳng vào tôi.

“Vậy hôm nay có chuyện gì nào? Tại sao em lại cư xử thế này? Vì cô gái đó sao? Anh đã nói với em sự thật rồi. Nhưng vấn đề không phải là bằng chứng. Vấn đề là liệu em có tin anh hay không. Em có tin anh không?”

“Có, em tin anh,” tôi miễn cưỡng thừa nhận. “Nhưng vấn đề không phải thế. Ít nhất cũng không hoàn toàn,” tôi nói thêm, cố gắng thành thật. “Vấn đề là... em nghĩ vấn đề là em đã phát hiện ra anh lấy em vì khoản tiền mà anh sẽ nhận được.” Tôi nhìn xuống, di ngón tay theo mẫu hoa văn trên cái chăn. “Em biết em không có quyền oán trách - em cũng lấy anh vì những lý do cá nhân, nhưng” - tôi cắn môi và nuốt khan để giọng nói trở nên điềm tĩnh - “nhưng em cũng có chút tự trọng, anh biết đấy.”

Tôi liếc trộm anh, và thấy anh đang nhìn tôi chăm chăm với vẻ mặt chết lặng.

“Tiền ư?” Anh thờ dãn nói.

“Vâng, tiền!” Tôi bực tức khi thấy anh giả vờ ngớ ngẩn. “Lúc chúng ta vừa về đây, anh đã nóng lòng thông báo luôn với Colum rằng anh đã kết hôn và đòi lấy phần của mình trong khoản tiền tô của thị tộc MacKenzie!”

Anh chăm chăm nhìn tôi thêm một lúc nữa, miệng từ từ há ra như thể định nói gì đó. Nhưng cuối cùng, anh chỉ chăm chăm lắc đầu rồi ngửa đầu ra sau và cười phá lên. Rồi anh vùi mặt vào hai bàn tay, vẫn cười điên loạn. Tôi phần nộ nằm phịch xuống gối. Có gì đáng buồn cười ư?

Vẫn lắc đầu và cười khùng khục từng cơn, anh đứng dậy, đặt tay vào khóa thắt lưng. Tôi vô thức rụt lại khi anh làm vậy, và anh đã nhìn thấy.

Mặt vẫn còn đỏ lựng vì trận cười vừa rồi, anh nhìn tôi vẻ bực bội. “Không,” anh lạnh nhạt nói, “anh không định đánh em. Anh đã thề sẽ không làm thế nữa - dù anh không nghĩ là mình sẽ hối hận vì lời thề đó sớm như vậy.” Anh đặt chiếc thắt lưng sang một bên, mò mẫm lục lọi cái túi da đeo trên đó.

“Phần tiền anh được hưởng là khoảng hai mươi bảng một quý, Sassenach,” anh nói, thọc sâu qua những món đồ linh tinh đựng trong lớp da lừng. “Và đó là đồng bảng của Scotland chứ không phải đồng bảng Anh. Chắc mua được nửa con bò.”

“Thế... thế thôi ư?” Tôi ngây ngô nói. “Nhưng...”

“Thế thôi,” anh khẳng định. “Đó là tất cả những gì anh sẽ nhận được từ thị tộc MacKenzie. Em hẳn đã thấy Dougal là người hà tiện, và Colum còn chặt chẽ với tiền bạc gấp đôi ông ấy. Anh nghĩ hai mươi bảng một quý chẳng đáng để chui đầu vào một cuộc hôn nhân,” anh nhìn tôi, mĩa mai nói thêm.

“Đáng lẽ anh không đòi lấy số tiền ấy ngay đâu,” anh giải thích, lôi ra một gói giấy nhỏ, “nhưng anh muốn mua một thứ. Anh ra ngoài là để làm việc đó, còn việc gặp Laoghaire chỉ là tình cờ thôi.”

“Thứ gì khiến anh nóng lòng muốn mua vậy?” Tôi nghi ngờ hỏi.

Anh thở dài, chần chừ trong một thoáng rồi nhẹ nhàng ném cái gói nhỏ vào lòng tôi.

“Một chiếc nhẫn cưới, Sassenach,” anh nói. “Anh mua nó ở chỗ Ewen, thợ chế tạo vũ khí; ông ấy làm những thứ này trong lúc rảnh rỗi.

“Ồ,” tôi nhỏ nhẹ nói.

“Mở ra đi,” một lát sau, anh nói. “Nó là của em đấy.”

Hình dáng của cái gói nhỏ nhòa đi bên dưới những ngón tay tôi. Tôi chớp chớp mắt và khịt mũi, nhưng vẫn không mở nó. “Em xin lỗi,” tôi nói.

“Chà, em phải xin lỗi là đúng, Sassenach,” anh nói, nhưng giọng anh không còn bức tức nữa. Anh lấy lại cái gói và xé lớp giấy bọc, để lộ một cái nhẫn rộng bằng bạc có hoa văn bên chéo kiểu cao nguyên, giữa mỗi mắt xích được chạm một bông kế nhỏ bé, thanh mảnh.

Tôi xúc động đến nỗi mắt lại nhòe đi.

Một cái khăn được dúi vào tay tôi, và tôi gắng hết sức để ngăn dòng lệ. “Nó thật... đẹp,” tôi nói, hăng giọng và chấm chấm khăn tay vào mắt.

“Em sẽ đeo nó chứ, Claire?” Giọng anh giờ thật dịu dàng, và cách anh gọi tên tôi - anh chủ yếu chỉ gọi tên tôi trong những dịp trang trọng hoặc âu yếm - gần như khiến tôi lại òa khóc.

“Em không nhất thiết phải đeo nó,” anh nói, nghiêm túc nhìn tôi qua lòng bàn tay đang khum lại. “Hôn ước giữa chúng ta đã được hoàn thành - một cách hợp pháp. Em được bảo vệ an toàn khỏi bất cứ thứ gì, ngoại trừ một cái lệnh bắt giữ, và chừng nào em còn ở Leoch thì ngay cả thứ đó cũng chẳng thể làm gì được em. Nếu em muốn, chúng ta có thể sống mỗi người một nơi. Em chẳng cần phải dính dáng gì thêm với anh, nếu em thực lòng muốn lựa chọn như vậy.” Anh ngồi bất động, chờ đợi, giờ cái nhẫn nhỏ xíu lên gần chỗ trái tim.

Vậy là anh đang cho tôi lựa chọn. Hoàn cảnh đưa đẩy anh gắn kết với tôi, nhưng anh sẽ không ràng buộc tôi thêm nữa nếu tôi cự tuyệt anh.

Đương nhiên, vẫn còn có một sự lựa chọn khác: nhận chiếc nhẫn và coi như anh chưa từng nói những lời trên.

Vâng dương đang lặn. Những tia nắng cuối cùng chiếu rọi qua cái bình thủy tinh màu xanh ở trên bàn, hắt lên tường một vệt sáng màu da trời rực rỡ. Tôi cảm thấy mình mong manh như thủy tinh, chỉ cần chạm vào một cái là sẽ vỡ tan thành từng mảnh vụn lấp lánh. Bây giờ, cho dù tôi có muốn làm lơ những cảm xúc của Jamie hoặc của tôi thì cũng đã quá muộn rồi.

Tôi không thể nói gì, chỉ run rẩy giơ bàn tay phải về phía anh. Chiếc nhẫn sáng chói, lạnh lạnh luồn vào ngón tay tôi và yên vị ở đó - vừa khít. Jamie cầm tay tôi trong một thoáng, nhìn nó rồi đột nhiên áp lên miệng. Anh ngẩng đầu lên, và trong giây lát, tôi nhìn thấy vẻ khao khát mãnh liệt trên mặt anh trước khi anh kéo tôi lên đùi mình.

Anh ôm chặt tôi, không nói gì, mạch ở cổ anh đập dồn dập hết như mạch của tôi vậy. Hai bàn tay anh lướt lên đôi vai trần của tôi, hơi đẩy người tôi ra để tôi có thể ngẩng lên nhìn vào mặt anh. Bàn tay anh to lớn và rất ấm áp, và tôi cảm thấy hơi choáng váng.

“Anh muốn em, Claire,” anh nói, giọng nghèn nghẹn, rồi ngừng lại trong một thoáng, như thể không chắc phải nói gì tiếp. “Anh muốn em đến nỗi không thờ nổi. Em sẽ...” Anh nuốt khan rồi hắng giọng. Em sẽ đón nhận anh chứ?”

Đến lúc này tôi mới cất nổi giọng. Giọng tôi the thé và run run, nhưng vẫn thốt được thành lời.

“Vâng,” tôi nói. “Vâng, em sẽ đón nhận anh.”

“Anh nghĩ...” anh nói rồi lại ngừng lại. Anh mò mẫm cởi cái móc ở váy mình, rồi lại ngẩng lên nhìn tôi, hai bàn tay siết chặt hai bên sườn. Anh lắp bắp nói, tay run rẩy vì cố gắng kiềm chế một thứ gì đó vô cùng mạnh mẽ. “Anh sẽ không... anh sẽ không thể... Claire, anh sẽ không thể dịu dàng.”

Tôi chưa kịp gạt đầu một cái để tỏ ra là mình đã hiểu hoặc đồng ý trước khi anh ấn tôi xuống giường.

Anh không dừng lại để cời thêm thứ gì trên người. Tôi có thể ngửi thấy mùi bụi đường trên áo sơ mi và vị của mặt trời cùng mồ hôi trên da anh. Anh dang rộng hai cánh tay tôi, giữ chặt cổ tay tôi. Một bàn tay quẹt vào tường, và tôi cảm thấy chiếc nhẫn cưới kin kít cọ vào mặt đá. Mỗi bàn tay đeo một chiếc nhẫn, một bạc, một vàng. Món đồ kim loại mỏng manh ấy đột nhiên nặng trĩu như sự ràng buộc của cuộc hôn nhân, như thể chúng là những chiếc gông cùm nhỏ xíu, trói chặt tôi vào giường, khiến tôi mãi mãi phải nằm ở tư thế dang rộng đôi tay giữa hai cái cọc, chịu cảnh giam cầm như Prometheus^[96] bị xích vào tảng đá, và thứ tình yêu bị xé đôi chính là loài chim kèn kèn rìa xé trái tim tôi.

Anh dùng đầu gối dang rộng đùi tôi và đi sâu vào trong tôi với một cú thúc khiến tôi hỗn hển. Anh thốt ra một âm thanh nghe như tiếng rên rỉ và siết tôi chặt hơn.

“Em là của anh, *mo duinne*,” anh khẽ nói. “Chỉ của riêng anh mà thôi, bây giờ và mãi mãi. Em là của anh, dù em có muốn hay không.”

•••

Tôi từ từ tỉnh dậy, nằm gối đầu trên ngực Jamie, hai cơ thể mướt mồ hôi vẫn quấn chặt lấy nhau. Anh đang nhắm mắt, thở nặng nề. Tôi có thể nghe tiếng trái tim anh bên dưới tai tôi đập với nhịp điệu chậm rãi nhưng mạnh mẽ.

Cảm nhận được tôi đã tỉnh, anh kéo tôi lại gần, như để duy trì thêm một lúc nữa sự hòa quyện này. Tôi cuộn người lại, choàng tay quanh người anh.

Anh mở mắt và thở dài, cái miệng rộng khẽ nhếch lên khi ánh mắt anh bắt gặp ánh mắt tôi. Tôi nướng mày vẻ dò hỏi.

“Ồ, Sassenach,” anh trả lời, hơi rầu rĩ. “Anh là chồng *em*... và em là của anh. Dường như anh không thể có được tâm hồn em nếu anh không

đánh mất tâm hồn mình.” Anh lật tôi nằm nghiêng người và quấn lấy tôi. Làn gió đêm lùa vào từ cửa sổ khiến căn phòng hơi lạnh lạnh, anh bèn kéo một cái chăn trùm lên cả hai chúng tôi. Anh tinh ý thật đấy, tôi mơ màng nghĩ. Frank chưa bao giờ để ý đến điều đó. Tôi thiếp ngủ trong vòng tay anh, với hơi thở ấm áp của anh phủ bên tai tôi.

...

Sáng hôm sau, khi tôi tỉnh dậy, mọi bắp thịt đều đau nhức rã rời. Tôi lê bước tới chỗ cái xô rồi tới chỗ chậu rửa mặt. Bên trong tôi có cảm giác mềm nhũn như bơ vậy, cứ như đã bị một vật thể nào đó khuấy lên. Nghĩ lại thì điều đó cũng rất gần với sự thật. Vật thể ấy đang lù lù trước mặt khi tôi trở lại giường, lúc này trông nó khá vô hại. Khi tôi ngồi xuống bên cạnh, chủ nhân của nó tỉnh dậy và nhìn tôi với vẻ tự mãn.

“Có vẻ là một hành trình khó nhọc nhỉ, Sassenach,” anh nói, nhẹ nhàng chạm vào một vết thâm tím ở mặt đùi trong của tôi. “Bị đau vì cưỡi ngựa đúng không?”

Tôi nheo mắt và lằn ngón tay theo một vết cắn sâu trên vai anh.

“Trông anh cũng hơi tả tơi, chàng trai của em.”

“Chà,” anh nói bằng giọng Scot nặng nề, “nếu em lên giường với một con chồn cái, em phải lường trước là mình sẽ tả tơi một chút.” Anh vươn tay tóm lấy gáy tôi, kéo tôi xuống. “Lại đây với anh, chồn cái. Căn anh thêm chút nữa đi!”

“Ồ, không,” tôi nói, rụt lại. “Em không thể; em đang đau lắm.”

James Fraser không phải là người dễ dàng chấp nhận một lời từ chối.

“Anh sẽ rất dịu dàng,” anh dỗ ngọt, kiên quyết kéo tôi xuống dưới tấm chăn. Và đúng là anh rất dịu dàng, theo cái cách mà chỉ những người đàn ông to lớn mới có thể làm được. Anh nâng niu tôi như một quả trứng chim cú, ve vãn tôi bằng vẻ nhẵn nại nhún nhường mà tôi nhận ra là sự bù đắp - và một sự kiên trì nhẹ nhàng mà tôi biết là phần tiếp theo của bài học đã

được bắt đầu quá tàn bạo vào đêm qua. Anh dịu dàng, nhưng sẽ không kiềm chế.

Anh run rẩy trong vòng tay tôi khi kết thúc, gồng mình lên để cố gắng không cử động, không làm đau tôi bằng những cú thúc mạnh, để mặc khoảnh khắc này vắt kiệt sức lực của anh.

Sau đó, vẫn đang hòa vào nhau, anh lần theo những vết thâm tím mờ mờ mà những ngón tay anh đã để lại trên vai tôi lúc ở bên đường vào hai hôm trước.

“Anh xin lỗi vì những dấu vết này, *mo duinne*,” anh nói, khẽ hôn lên từng cái. “Lúc ấy anh cáu quá, nhưng đó không phải là lý do chính đáng. Thật đáng hổ thẹn khi làm đau một người phụ nữ, dù có tức giận hay không. Anh sẽ không bao giờ làm thế nữa.”

Tôi cười, hơi giễu cợt. “Anh đang xin lỗi vì *những dấu vết này* ư? Còn những chỗ khác thì sao? Từ đầu đến chân em thâm tím hết cả!”

“Ồ?” Anh rụt lại để chăm chú nhìn tôi một lượt. “Chà, anh đã xin lỗi vì những dấu vết này rồi,” anh chạm vào vai tôi, “*còn chỗ này*,” anh nhẹ nhàng vỗ vào mông tôi, “thì em đáng phải nhận, anh sẽ không xin lỗi bởi vì anh không thấy có lỗi.”

“Còn chỗ này,” anh nói, mơn man đùi tôi, “anh cũng sẽ không xin lỗi. Em đã trả đũa anh đầy đủ rồi.” Anh xoa xoa vai, nhăn nhó. “Em làm anh chảy máu ở ít nhất hai chỗ, Sassenach, và lưng anh đau chết đi được.”

“Chà, lên giường với một con chồn cái...” Tôi nói, nhe răng cười. “Anh sẽ không nhận được lời xin lỗi nào đâu.”

Anh cười đáp lại và kéo tôi nằm lên người anh.

“Anh đâu có nói là mình muốn một lời xin lỗi chứ, đúng không nào? Nếu anh nhớ không lầm, anh đã nói là: “Cẩn anh nữa đi!””

HẾT TẬP I VÒNG TRÒN ĐÁ THIÊN

^[1] Bản phát hành ở Anh đã đổi thành năm 1946.

^[2] Jacobite: người ủng hộ Vua James II của Anh.

^[3] Bonnie Prince Charlie, tức Charles Edward Stuart (1720 - 1788): còn được gọi là Kẻ Đòi vị Trẻ tuổi, là người mang hai dòng máu Scotland và Ba Lan, được nuôi dạy ở Rome. Ông đã tới Scotland chỉ huy cuộc nổi dậy năm 1745 và bị đánh bại trong trận Culloden.

^[4] Ngôn ngữ gốc Celt bản địa tại Scotland, được nói bởi người Gael cổ.

^[5] Chỉ lục địa châu Âu.

^[6] Cục tình báo mật, là cơ quan có nhiệm vụ cung cấp cho chính phủ Anh những thông tin tình báo nước ngoài.

^[7] Loài cây có hoa chùm nhỏ, màu trắng ở châu Âu và Bắc Mỹ, thường được xem là cỏ dại.

^[8] Tín đồ thuộc một tôn giáo cổ đại ở Anh, Ireland và xứ Gaul trước khi dân chúng các vùng này theo đạo Cơ Đốc. Họ thờ phụng các thế lực siêu nhiên, thường tiến hành các nghi lễ hiến tế trên các ngọn đồi hoặc trong các khu rừng.

^[9] Trích trong *Sách Joshua*, cuốn sách thứ sáu trong *Kinh thánh Do Thái* của người Do Thái và *Cựu Ước* của Kitô giáo. Cuốn sách viết về nhà tiên tri đầu tiên của Israel, người kế vị Moses. *Sách Joshua* còn ghi chép về lịch sử của Israel từ sau cái chết của Moses. Đây là lời Joshua nguyện rủa những ai đứng lên tái thiết thành Jericho.

^[10] Lễ hội của người Celt cổ vào ngày mùng Một tháng Năm.

^[11] Người tiền sử ở Trung Âu từ năm 2000 đến năm 1000 trước Công nguyên.

^[12] Người thuộc một dân tộc ở miền Bắc nước Anh cổ đại, kiên cường chống chọi với người La Mã và đến thế kỷ thứ IX thì chung sức với người Scot lập nên một vương quốc mà sau này chính là Scotland.

^[13] Cỏ ba lá là biểu tượng của ngày Thánh Patrick (17-3), tưởng niệm vị thánh bảo hộ của Ireland. Vào ngày này, mọi người thường mặc đồ màu xanh lá cây và gắn cỏ ba lá lên trang phục trên người.

^[14] Tên các nhân vật trong các truyện dân gian của Scotland.

^[15] Người ở miền cao nguyên Scotland.

^[16] Người thuộc các dân tộc ở Scandinavia thường hay cướp bóc trên biển và xâm chiếm nhiều vùng thuộc miền Tây Bắc châu Âu từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XI.

^[17] Các hòn đá có chứa những hình chạm khắc bí ẩn được cho là ngôn ngữ viết của người Pict.

^[18] Từ được dùng để biểu lộ sự ngạc nhiên hay phẫn nộ.

^[19] Nghĩa đen: Chúa làm lóa mắt tôi.

^[20] Từ để biểu lộ sự ngạc nhiên hay bàng hoàng.

^[21] Dụng cụ đựng rượu.

^[22] Nguyên văn: *I stayed stiff as Lot's wife* (Tạm dịch: Tôi đứng cứng đờ như vợ của Lot). Vợ của Lot là một nhân vật được nhắc đến trong *Kinh Thánh*, sách *Sáng thế ký* chương 19, bà đã bị biến thành một cây cột muối vì đã ngoảnh nhìn lại thành Sodom sau khi chạy thoát thân dù đã được cảnh dặn là không được làm thế.

^[23] Câu nói trích trong vở kịch *Người lái buôn thành Venice* của William Shakespear.

^[24] Địa danh ở Salisbury, miền Nam nước Anh, bao gồm hai vòng tròn đồng tâm được tạo nên từ những cột đá, được dựng lên khoảng năm 2800 - 1500 trước Công nguyên, được coi là trung tâm tôn giáo và dùng làm đài quan trắc thiên văn.

^[25] Người ở khu Đông London.

^[26] Thuật ngữ trong kiến trúc chỉ rầm đỡ của cửa sổ hay cửa ra vào.

^[27] Tức eo biển Manche, nằm giữa miền Tây nước Pháp và miền Nam nước Anh, nối Bắc Hải với Đại Tây Dương.

^[28] Cửa có thể mở ra từ cả hai phía và tự động đóng lại khi buông ra.

^[29] Theo truyền thuyết, khi phát hiện ra Donald Donn ăn trộm gia súc của mình, Lãnh chúa Grant đã thề rằng: “Nếu Donald Donn không bị treo cổ thì quý sứ sẽ đến bắt ta đi.”

^[30] Kiểu hát đổi giọng trầm sang giọng kim, luyến láy liên tục, tạo nên những âm thanh trầm bổng bất ngờ trong một thời gian ngắn.

^[31] Chỉ Hoàng tử Charles Stuart.

^[32] Phần ở yên ngựa có hình vòng cung nhô lên ở phía trước.

^[33] Chỉ quân Anh.

^[34] Từ *nurse* trong tiếng Anh vừa có nghĩa là “y tá”, vừa có nghĩa là “vú nuôi”.

^[35] Từ *alcohol* trong tiếng Anh vừa có nghĩa là “cồn” vừa có nghĩa là “rượu”.

^[36] Chỉ lính Anh.

^[37] Túi đeo mỗi bên ở sau yên ngựa.

^[38] Chỉ cây roi.

^[39] Thứ nĩa có ba mũi rộng, trong đó có một mũi có cạnh sắc và lõm xuống như một cái thìa.

^[40] Phấn đen đánh mí mắt của phụ nữ Ả Rập.

^[41] Người thuê đất rồi cho thuê lại.

^[42] Tiếng Gaelic, có nghĩa là: Đừng bỏ gì vào trong túi.

^[43] Tiếng Gaelic: có nghĩa là nấm.

^[44] Một món ăn đơn giản của người Scot được làm từ yến mạch và nước hoặc sữa.

^[45] Trong tiếng Gaelic, Mhor có nghĩa là “To lớn”.

^[46] Trích trong vở kịch *Hamlet* của William Shakespeare.

^[47] Nghĩa là xác ướp Ai Cập.

^[48] Vua Ai Cập cổ.

^[49] Rượu vang vùng sông Rhine.

^[50] Trích trong bài về *Old King Cole* dành cho trẻ con nước Anh.

^[51] Tiếng Celt ở xứ Wales.

^[52] Nguyên văn: *Filly*, vừa có nghĩa là ngựa cái non, vừa có nghĩa là cô gái trẻ.

^[53] Tên một loại nấm.

^[54] Nguyên văn: *Square*, vừa có nghĩa là quảng trường, vừa có nghĩa là hình vuông.

^[55] Charles Dickens (1812 -1870): nhà văn nổi tiếng người Anh, tác giả của những cuốn tiểu thuyết tuyệt vời như *Oliver Twist*, *Bài ca mừng Giáng sinh*, v.v...

^[56] Nguyên văn: *locksmen*, có nghĩa đen là người coi cửa cổng, người giữ chìa khóa cổng.

^[57] Chứng viêm, tây ở cạnh móng tay, móng chân.

^[58] Một loài thực vật thấp, có hoa, có mùi hôi, mọc ở vùng đầm lầy.

^[59] Nghĩa đen là: ngọn núi cao. Đây là tiếng hô khi xung trận của thị tộc McKenzie hoặc khi các tộc viên muốn nâng cao tinh thần và khí thế.

^[60] Món đặc sản nổi tiếng của Scotland.

^[61] Ghế dài bằng gỗ dành cho hai hoặc nhiều người ngồi, có lưng dựa cao và tay vịn, chỗ ngồi thường là mặt trên cái tủ.

^[62] Tiếng Gaelic, nghĩa là: nhà Stuart muôn năm.

^[63] Tên một con dao găm của Scotland, thường được giắt ở cạp tất.

^[64] Điệu nhảy dùng bàn chân gỗ nhịp cầu kỳ. Ý Claire là vì Jamie không còn phải phô bày vết sẹo nữa nên Dougal sẽ phải nhảy điệu clacket để thu hút các khán giả.

^[65] Một loại hormone được cơ thể sản xuất ra khi người ta căng thẳng, sợ hãi, tức giận hay thích thú.

^[66] Một dụng cụ trong xây dựng dùng để kiểm tra xem tường có thẳng đứng hay không.

^[67] Tiếng Pháp, có nghĩa là: Cô có biết nói tiếng Pháp không?

^[68] Tiếng Pháp, có nghĩa là: Rất giỏi, rất tốt.

^[69] Chỉ người ở khu đông London.

^[70] Hạt ở cực tây nam nước Anh, ba mặt giáp biển.

^[71] Phép chuẩn là phép của giáo quyền chuẩn chức để được thành hôn với nhau.

^[72] Loại ngọc trai có hình dáng không giống với bình thường, chủ yếu lấy từ loại trai nước ngọt.

^[73] Tên một nhân vật trong tác phẩm của Geoffrey Chaucer.

^[74] Cô gái Nhật được huấn luyện để mua vui cho đàn ông bằng cách trò chuyện, khiêu vũ hoặc ca hát.

^[75] Một cái bực giống như bực thang để trèo qua hàng rào hoặc tường.

^[76] Nghĩa đen là: Chú gà trống phương Bắc.

^[77] Người thuộc tỉnh Anjou, nước Pháp.

^[78] Tiếng Pháp, nghĩa là: Em nói rất tốt.

^[79] Một cái hộp đồ chơi, bên trong có hình nộm được gắn lò xo, khi mở hộp ra thì hình nộm bật lên.

^[80] Eocene: Khi loài động vật có vú đầu tiên xuất hiện cách đây khoảng 55 đến 38 triệu năm.

^[81] Gaius Valerius Catullus (84 - 54 tr.CN): một nhà thơ La Mã cổ đại thế kỷ I trước Công nguyên, người nổi tiếng nhất trong số các nhà thơ mới.

^[82] Trích từ bài thơ *Ad Lesbiam (Gửi Lesbia)* của Catullus.

^[83] Loại bánh quy giòn, hình bán nguyệt, bên trong nhét một tờ giấy nhỏ in một thông điệp tốt lành.

^[84] Một thành ngữ trong tiếng Pháp, ý nói một giai đoạn thoáng qua không vui vẻ gì.

^[85] Có nghĩa là cây kế.

^[86] Donatello (1386 - 1466): nghệ sĩ, nhà điêu khắc nổi tiếng người Ý.

^[87] Quỷ đầu đàn chống lại Chúa và cám dỗ con người.

^[88] Một vị tổng lãnh thiên thần lãnh đạo đội quân của Thiên Chúa chống lại đội quân của Lucifer.

^[89] Tiếng Gaelic: Yên nào, con ngựa đen của ta.

^[90] Tiếng Gaelic: Yên nào!

^[91] Một nhân vật trong *Kinh Thánh*.

^[92] Pontius Pilate: tổng trấn thứ năm của tỉnh La Mã Judaea từ năm 26 đến năm 36 sau Công Nguyên, dưới thời Hoàng đế Tiberius, nổi tiếng về phiên tòa xử Chúa Jesus.

^[93] Nguyên văn: *Hedgehog*, nghe giống như Horrocks.

^[94] Một loài thực vật có hoa.

^[95] Tượng thần mặt trời ở Rhodes từng là một trong bảy kỳ quan của thế giới, do nhà điêu khắc Hy Lạp Cahrles xứ Lindos dựng lên trong khoảng thời gian từ năm 292 tr.Cn đến 280 tr.Cn.

^[96] Nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, ông đã đánh cắp ngọn lửa của Thần Zeus và mang xuống cho loài người nên bị trừng phạt bằng cách bị xích vào một tảng đá để cho một con chim đại bàng hằng ngày đến rỉa lá gan của ông.

Table of Contents

1. [Start](#)
2. [PHẦN MỘT INVERNESS, NĂM 1945](#)
 1. [1 Một sự khởi đầu mới](#)
 2. [2 Những cột đá](#)
 3. [3 Người đàn ông trong rừng](#)
 4. [4 Đi tới lâu đài](#)
 5. [5 Lãnh chúa MacKenzie](#)
3. [PHẦN HAI LÂU ĐÀI LEOCH](#)
 1. [6 Đại sảnh của Colum](#)
 2. [7 Căn phòng của Davie Bealon](#)
 3. [8 Một cuộc giải trí buổi tối](#)
 4. [9 Lễ tụ hội](#)
 5. [10 Lễ tuyên thệ](#)
4. [PHẦN BA TRÊN ĐƯỜNG](#)
 1. [11 Trò chuyện với một luật sư](#)
 2. [12 Người chỉ huy quân đồn trú](#)
 3. [13 Một cuộc hôn nhân được công bố](#)
 4. [14 Lễ cưới](#)
 5. [15 Những tâm sự trong phòng tân hôn](#)
 6. [16 Một ngày tươi đẹp](#)
 7. [17 Gặp một người hành khất](#)
 8. [18 Cuộc đột kích trên gò đá](#)
 9. [19 Thủy mã](#)
 10. [20 Những tràng đất hoang vắng](#)
 11. [21 Une Mauvais Quart d'heure Sau một lần nữa](#)
 12. [22 Sự trừng phạt](#)

13. [23 Trở về Loech](#)

Table of Contents

Start

PHẦN MỘT INVERNESS, NĂM 1945

1 Một sự khởi đầu mới

2 Những cột đá

3 Người đàn ông trong rừng

4 Đi tới lâu đài

5 Lãnh chúa MacKenzie

PHẦN HAI LÂU ĐÀI LEOCH

6 Đại sảnh của Colum

7 Căn phòng của Davie Bealon

8 Một cuộc giải trí buổi tối

9 Lễ tạ hội

10 Lễ tuyên thệ

PHẦN BA TRÊN ĐƯỜNG

11 Trò chuyện với một luật sư

12 Người chỉ huy quân đồn trú

13 Một cuộc hôn nhân được công bố

14 Lễ cưới

15 Những tâm sự trong phòng tân hôn

16 Một ngày tươi đẹp

17 Gặp một người hành khất

18 Cuộc đột kích trên gò đá

19 Thủy mã

20 Những trảng đất hoang vắng

21 Une Mauvais Quart d'heure Sau một lần nữa

22 Sự trừng phạt

23 Trở về Leoch